

PHẠM - VĂN - SƠN

VIỆT-SỬ TÂNBIÊN

TỪ TÂY-SƠN MẠT-ĐIỆP ĐẾN NGUYỄN-SƠ



TỦ SÁCH SỬ - HỌC VIỆT - NAM



PHẠM - VĂN - SƠN

VIỆT-SỬ TÂN BIÊN

(Từ Tây-Sơn mặt đập đến Nguyễn-Sơ)

QUYỀN IV

SAIGON 1961

Tác-giả giữ bản quyền.

Những phần chính yếu

- 1.— QUỐC VĂN ĐỜI TÂY-SƠN
- 2.— ĐẠO THIÊN CHÚA QUA VIỆT-NAM
- 3.— CUỘC VẬN ĐỘNG CỦA GIÁM MỤC
BÁ - ĐA - LỘC
- 4.— CUỘC CHIẾN TRANH CUỐI CÙNG
GIỮA TÂY-SƠN VÀ NGUYỄN-ÁNH
- 5.— NHÀ NGUYỄN (1802 - 1945)

LỜI NÓI ĐẦU

VIỆT SỬ TÂN BIÊN, quyển 4 tiếp tục trình bày cùng bạn đọc những sự việc xảy ra từ cuối đời Tây-Sơn qua đời Nguyễn-sơ là một giai-đoạn lịch sử vô cùng quan-trọng từ cuối thế-kỷ XVIII qua thượng-bán thế-kỷ XIX.

Chúng tôi nói như vậy là vì lúc này về phía Tây-phương đang có những thay đổi lớn lao : (và những sự thay đổi của Tây-phương thuở đó có nhiều ảnh hưởng đến Á-châu) nền kỹ nghệ ở đây bột phát làm cho nhiều nước như Anh, Mỹ, Pháp, Bào-đào-nha, Hòa-lan v.v... trở nên vô cùng thịnh đạt và do đó họ phải ào-ạt xuất dương đi kiếm thị-trường và nguyên liệu. Lại cũng do vấn đề sản-xuất quá thặng-dư, một vấn đề khác tự nhiên được đặt ra tai hại cho các dân tộc chậm tiến là vấn đề các cường quốc Tây-phương ganh nhau chiếm đất rồi chiếm cả người lẫn của ở nhiều lục-địa lạc-hậu để xây dựng đế quốc.

Song song với phong trào kinh tế, thương mại, nền chính trị của Tây-phương qua các cuộc cách mạng dân sinh, dân quyền của nước Pháp (1789-1793) v.v... cũng biến chuyển mạnh trong khi ở bên này bán-cầu, các vua chúa còn đang triền miên với giấc ngủ ngàn đời bên trong các tháp ngà, yên trí thời hoàng kim của mình vô tận. Đạo Thiên-chúa lúc này cũng trở nên lớn mạnh và đã vượt biển băng ngàn từ Âu qua Á sang Viễn-đông. Tôn giáo này xét ra tuy sinh sau đẻ muộn vẫn là một luồng tư tưởng triết học khả kính, khả úy sang tranh đấu với chúng ta trên lĩnh vực đạo đức, luân lý và tinh thần,

Ảnh-hưởng của Tây-phương dầu muốn dầu không đã xảy ra trên xứ sở của chúng ta cũng như ở các lân quốc rõ rệt như ban ngày, phô bày lẽ khôn sống mong chết, mạnh được yếu thua.

Sau này ở các nước đa vàng, riêng Tiêm-la và Nhật-bản, cấp linh-đạo khôn ngoan sáng suốt đã ý thức được kịp thời cái Bạch-họa nên đã chế-ngự được cuộc xâm lấn của Đế-quốc tư bản Tây-phương. Còn các quốc gia khác trong đó có ta, vì quan liêu trí-thức ươn hèn, mù quáng nên mặc dầu lửa cháy tới mặt mà vẫn còn u mê, ngơ ngẩn chỉ biết mài nanh rửa vuốt giành nhau cái quyền lợi trước mắt mà quên hẳn cái đại họa sau lưng cho mình và cho con cháu. Về tinh thần, họ thiếu sót cả cái tư cách mã-thượng của ông cha thuở trước (Mười hai sứ quân trong thế-kỷ thứ XI) nghĩa là giành nhau nhưng không rước giặc vào nhà. Và cũng nên nói rằng đời Nguyễn-sơ đã phải chịu trách nhiệm với lịch sử và dân tộc đã không định ra kế-hoạch phú quốc cường binh trước cào trào thực-dân đế-quốc.

Trở lại với vụ xung đột của hai nhà Tân Nguyễn và Cựu Nguyễn ta thấy cuộc xung đột đẫm máu này kéo dài trên 20 năm tàn dân hại vật không sao kể xiết. Người viết lịch-sử đến giai đoạn này có nhiệm vụ trình bày tỉ-mỉ mọi sự việc xảy ra ngoài năm châu bốn bể đến tình-hình nội-tại trên xứ sở đề định ra trách nhiệm của đẳng cấp phong kiến và trí thức Việt-nam cận đại. Chúng ta không khỏi chau mày nghiêng rằng khi nghĩ rằng vào hậu-bán thế-kỷ XVIII tuy dân ta lụn bại vì chế độ hai nhà Chúa Trịnh-Nguyễn sau ngót 200 năm nội chiến, vậy mà với Quang-Trung Nguyễn-Huệ, Việt-nam chúng ta đã có một cuộc quật khởi và phục hưng rõ rệt trên mọi lĩnh vực... Tiếc rằng Quang-Trung đã quá vắn số. Như thế dân ta đâu có kém mà chỉ có người linh đạo hèn kém, u-mê nên sau này vào mùa thu năm Đinh-vị (1847) đại bác Tây-phương

tha hồ hoành-hành tại cửa Đà Nẵng đã tiên báo tàn cuộc của phong-kiến Việt-nam và sự cáo - chung của nền độc lập Việt-nam nữa.

Cũng nhân đây, chúng tôi nghĩ rằng : Các nhà làm chính trị nên hiểu dân ta có nhiều khả-năng tinh-thần và vật-chất, đời nào cũng có nhiều anh hùng hào kiệt, liệt nữ anh thư, người dân của chúng ta lúc nào cũng thừa sức xây dựng tranh đấu, nếu biết điều khiển thì sự nghiệp của cá-nhân cũng như của quốc dân thành-tựu đâu có khó. Lịch sử của chúng ta đã nhiều lần chứng minh như vậy, không phải nói dài. Trái lại, những manh tâm vụ lợi cá nhân, gia đình, bè đảng từng làm cho nhân dân chúng ta tai hại chẳng ít.

Ngày nay, hơn bao giờ hết, với một nền văn minh khoa học quá tiến bộ, trò khôn sống mong chết phát xuất khắp mọi nơi hàng ngày trên thế giới, đọc lại những trang lịch sử cận đại đã đủ giết mình, hướng hồ nhìn vào cá thực tế trước mắt lại càng thêm kinh-khủng. Chúng tôi muốn kết-luận rằng sự vụ lợi riêng tây là nguy hiểm, một đại đoàn kết quốc gia là cần, sự xây dựng dân chủ dân quyền là vấn đề căn bản. Ai làm chính trị mà nghịch với trào lưu dân chủ, lạm dụng xương máu và tài-sản của nhân dân sẽ bị tiêu-diệt.

Với vài ý mọn này, tác giả muốn thông cảm cùng quốc dân nỗi đau khổ của toàn quốc hôm qua để cùng gây dựng một ý chí sáng suốt hầu tránh những chính sách sai lầm, gian dối có thể đưa dân ta đến chỗ nguy vong ngày mai.

Lịch sử chẳng những là bài học để yêu nước, hơn thế lịch sử còn là những kinh nghiệm hết sức quý báu và là bộ đũa soi đường cho việc kiến quốc cũng cứu quốc nữa.

PHẠM-VĂN-SƠN

Viết tại Saigon, mùa Xuân năm Tân-Sửu (1961)

Phần thứ Nhất

CHƯƠNG I

QUỐC VẠN ĐỜI TÂY-SƠN

Trong *Việt sử tân biên* quyển 3, chúng tôi đã đề-cập đến sự-nghiệp của nhà Tây-Sơn nói chung, của Quang-Trung Nguyễn-Huệ nói riêng là thống-nhất đất nước, diệt xâm-lãng và mở mang nền bình-trị về phương-diện kinh-tế, thương mại, chính-trị, văn-hóa, quân-sự như các tiền-triều.

Vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ, trước vấn-đề ngoại-địch không những đã xử dụng được triệt-đề cái hùng uy của dân-tộc, đề thành công như Lý thường-Kiệt, Hưng-đạo-Vương Trần quốc-Tuấn, Bình-định-Vương Lê-Lợi là đuổi giặc ra khỏi xứ sở, Ngài lại còn muốn vượt hẳn các vị tiền bối trên đây là thâu-hồi lại cả những đất đai xưa kia mất về tay Hoa-tộc.

Như chúng tôi đã nói, các đị-tộc của Hán là Mông-cổ, là Mãn-châu còn xâm chiếm được Trung-quốc thì sao người Việt lại không dám, nhất là đề rửa cái hận ngàn xưa của tổ-tiên. Và khi dân tộc ta dưới cờ của một nhà quân-sự lỗi lạc phi-thường như Nguyễn-Huệ biết đâu chẳng thành Ai đảm bảo chỉ Thành-cát-tư-Hãn và Thanh Thái-tổ mới đủ sức làm công cuộc phi-thường này ?

Gây được những sự - nghiệp vĩ - đại về chính - trị, quân-sự thì lẽ nào về văn-học, nhà vua lại chịu đeo-dặng cái nạn học nhờ viết mượn, do đó ta có thể tin rằng nhà vua đã rất thiết tha độc-lập-hóa cả quốc văn mà nhà Hậu-Lê đã có công mở đường vạch lối sẵn từ đời Hồng-Đức. Tiếc rằng nhà vua

chết yểu, nếu không quốc vẫn cũng như nhiều sự việc khác còn được khuếch-trương lớn lao chưa biết đến bậc nào !

Xét ra, nước độc-lập thì nền quốc học cũng phải độc-lập, ý-thức này đã có từ Hồ-quý-Ly đến Nguyễn-Huệ, rồi ý-chí độc-lập đó đã được biểu lộ trên các việc khoa-cử, học-hành, cả ở trong các chiếu, chế, biểu, sắc, dụ, thi phú. Hán văn lúc này chỉ là những hình bóng đang phai mờ dần về quốc-văn hay chữ Nôm đóng giữ dần vai trò quan trọng của nó. Tỉ dụ: Mỗi khoa thi, các sĩ-lữ vào được đến đệ-tam trường là kỳ thứ ba đều phải làm thơ, phú bằng quốc-âm. Năm Thái-Đức thứ 11 (1788) bài chiếu gửi cho La-Sơn phu-tử Nguyễn-Thiếp được viết bằng chữ Nôm như sau :

« Chiếu truyền La-Sơn phu-tử Nguyễn-Thiếp khâm tri :

« Ngày trước ủy cho Phu-tử về Nghệ-An tướng địa làm đó cho kịp kỳ này hồi ngự. Sao về tới đó chưa thấy dựng việc gì ? Nền hãy giá hồi Phú-xuân kinh. hưu tức sĩ lỗi.

« Vậy chiếu ban hạ, phu-tử lão nghị dũ trấn-thủ Thận cộng sự, kinh chi, doanh chi, tướng địa tu đó tại Phù-thạch hành cung sảo (1) hậu cận sơn. Kỳ chính địa phỏng tại dân-cư chi gian hay là đầu cát-địa khả độ, duy phu-tử đạo nhân giám định, lão lão tốc hành.

« Ủy cho trấn-thủ Thận lão lập cung điện, kỳ tam nguyệt hội hoàn thành, đặc tiện giá ngự. Duy phu-tử vật dĩ nhân (2) hối thị.

« khâm tai ! Đặc chiếu.

« Thái-Đức thập nhất niên, lục nguyệt, sơ nhất nhật ».

Vì nguyên văn của bài chiếu này có lẫn nhiều chữ Hán, chúng tôi xin dịch nghĩa cho rõ thêm :

« Chiếu truyền cho thầy La-Sơn Nguyễn-Thiếp biết ngày trước đã ủy cho thầy về Nghệ-An coi đất để làm kinh đó cho kịp ngày ta về. Nay ta đã tới đó mà việc vẫn chưa xong. Ta nay phải trở về kinh Phú-Xuân để ngự và cho quân lính nghỉ ngơi.

« Chiếu này ban xuống Thầy kịp cùng Trấn-thủ Thận lo liệu ngay việc xây cất. Xem chỗ đất để dựng kinh đó, cấm chỗ chính

(1) Sảo (còn đọc là xảo) 巧

(2) Nhân 人

địa phỏng vào khoảng đẩu gian ở sau phía hành cung Phù-Thạch, gần về mạn núi. Hoặc có chỗ đẩu nào khác thì lùỵ con mắt đạo pháp của Thầy miễn sao cho sớm xong, rồi giao cho trấn thủ Thận sớm lập cung điện, nội ba tháng phải hoàn thành để tạ về ngự. Thầy chớ coi thường việc ấy. Nay đặc chiếu ! »

Ngày mồng một, tháng sáu, năm Thái-Đức mười một (1788)

Ngày 29 tháng 7 năm Nhâm-tý (1792) vua Quang-Trung qua đời, văn tế đọc trước linh sàng của ngài cũng bằng quốc văn và tác giả không ai khác là Ngọc-Hàn Công-chúa tức Vũ Hoàng-hậu (xin coi bài ở các trang sau),

Năm Giáp-dần (1795), nhân vua Cảnh-Thịnh còn ít tuổi, nhà Tây-Sơn đi dần đến thế biến, các đại thần tướng lĩnh giành nhau ảnh hưởng nên có việc Trần quang Diệu đang vây quân Nguyễn-Ánh ở Diên-Khánh được tin Vũ-văn-Dũng lộng hành ở triều đình, giết cha con Thá-sur Bùi-Đắc-Tuyên, trầm hà Ngô-văn-Sở liền rút về đóng ở phía Nam sông Hương tính chuyện gây sự với Văn-Dũng.

CHÚ THÍCH : Về vấn đề lập kinh đô nói trên theo Hoa-Bảng trong Quang-Trung Nguyễn-Huệ, anh hùng dân tộc, trang 281, sau khi nhận được tờ chiếu trên đây, Nguyễn-Thiếp thì xem đẩu, Trấn thủ Thận đốc binh-sĩ các đạo đánh đẩu ong, kiểm thợ thuyền chẳng bao lâu dựng được dưới chân núi Kỳ-lân ở Nghệ-an một tòa hành đồ sộ gồm Long-lâu ba tầng, điện Thái-hóa có hai hành-lang để làm lễ triều hạ. Thành mới này được mệnh danh là Phượng-hoàng Trung-đô hoặc Trung-kinh Phượng-hoàng thành.

Về việc lấy Nghệ-an làm nơi đóng đô mới, vua Quang-Trung có cho Ngô thời-Nhậm viết thư cho Phúc-khang-An nói rằng : Đời Lý, đời Trần, kinh đô của Đại-Việt đóng ở Thăng-Long, nhưng bây giờ vương-khí ở đấy đã tiêu tan hết. Lại đất đai của nước Nam bây giờ mở rộng về phía Nam, Kinh đô đóng tại Nghệ-an mới vừa đúng trung độ. Từ nay công văn đi lại, đường xá xa hơn Thăng-Long gấp bội, mong Thanh triều lượng thứ...

Vua Cảnh-Thịnh phải nhờ Phan Huy-Ích làm bài Dụ để giảng hòa hai tướng lĩnh đã toan trở nên quân-phiệt này.

Mùa Đông năm Kỷ-mùi (1799), bà Ngọc-Hàn mất, quốc-văn cũng được dùng trong dịp này : bài thứ nhất đọc trong tuần tế do vua Cảnh-Thịnh. Bài thứ hai do các Công chúa, các con gái vua Quang-Trung đứng tế. Bài thứ ba do bà Từ-cung Nguyễn Thị-Huyền, mẹ đẻ của Vũ Hoàng-hậu. Bài thứ tư do các anh em thân thuộc của Vũ Hoàng-hậu ai-điều. Bài thứ năm do các bà con họ ngoại bên Phù-Ninh (Bắc-Ninh) của Vũ Hoàng-hậu chia buồn. Năm bài văn-tế này đều do họ Phan soạn giúp cho cả. Cũng dưới triều Cảnh-Thịnh, quốc-văn còn được dùng vào quân sự có tính cách trang nghiêm như lời nhật lệnh, chừng cờ ấy thấy rõ ở bài « *Diệu quân quân thứ quốc âm hiền văn* » niêm-yết ở Qui-Nhơn đề võ-về các tầng lớp quân dân chính năm Canh-Thàn (1800) sau khi lấy được thành này ở tay quân Cựu-Nguyễn do Võ Tánh và Ngô Tùng-Châu nắm giữ.

Về phần dân chúng cũng ra truyền tụng nhiều chuyện thời-sự bằng văn nôm, tả nỗi thảm đạm của những người vợ lính phải tiễn chồng trên hòn Cù-Mông là một cái đèo thuộc dãy núi chạy ven bờ biển Qui-nhơn, người ta có câu :

« *Tiếng ai than khóc nữ non*

« *Là vợ chủ lính trèo hòn Cù-Mông..* »

nó không bóng-bầy, lâm-ly, văn-hoa như những câu trong « *Chinh-phụ ngâm* » qua bản dịch của Đoàn thị-Điềm vì chỉ là những câu văn kỹ thuật. Cũng như việc gả Ngọc-Hàn Công chúa cho Nguyễn-Iuê, Nguyễn Thị-Thấu, quân sư của ông hoàng Lê Duy-Chức từng phen đối lập bằng sắt máu với họ Trịnh và cũng chẳng ra gì Tây-Sơn đã cho là việc ép loạn gượng thúy rồi đưa ra những câu châm biếm như sau :

« *Ngựa thồ (1) thay mối xích thừng*

« *Ông tơ bà nguyệt dẫu giăng chẳng ra !*

« *Một ngày một vắng quê nhà,*

« *Sáng tình-tình nhớ, tối là-là không...* »

Nhưng vào thời Tây-Sơn cũng như vào đời nay, người ta chú ý đặc biệt đến bài *Ai-tư văn* của Ngọc-Hàn Công-chúa vợ vua Quang-Trung. Nhưng tác giả « *Quốc-văn đời Tây-Sơn* » có

(1) Hò.

ý ngò bài này là của một danh nho nào khác tuy chưa dám đoán quyết. Xem lời tự sự thì phải là của Ngọc-Hân, bởi cái tâm-trạng lâm-ly, bi-thiết ấy cũng khó ở một người nào. Và về phương-diện văn học bài *Ai-tu-văn* này là đại-biểu cho khuynh-hướng trữ tình, bên khuynh hướng tả chân và trào phúng của Hồ-xuân-Hương, khuynh-hướng phê bình với bài *Trương Lưu hầu phú* của Nguyễn hữu-Chỉnh, khuynh hướng mô tả với bài *Tây-Hồ phú* của Nguyễn-huy-Lượng và gồm nhiều thể-tài như : Văn vãn, Văn biến ngẫu (đối nhau), Văn xuôi.

Văn vãn có lục-bát, lục bát gián-thất, thơ tứ tuyệt và thơ bát cú.

Lục bát là một thể văn vãn trên sáu, dưới tám.

« *Lục bát gián thất* » hoặc « *Song thất lục bát* » là thể văn vãn mỗi tiết gồm bốn câu : hai câu bảy chữ rồi hai câu sáu và tám chữ. Thể này rất phát đạt ở đời Tây-Sơn.

Nay thử so sánh những câu :

« ... *Trải vách quế gió vàng hiu hắt,
Mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng!*
*Cán chi những khách tiêu phòng,
Mà xui phận bạc nằm trong má đào ?... »*

của *Cung oán ngâm khúc* với những câu :

« ... *Gió hiu hắt, phòng tiêu lạnh lẽo
Trước thềm lan, hoa héo ron ron!*
Cầu tiền khói lửa đỉnh non

Xe rồng thăm thẳm, bóng loan rầu rầu... »

của *Ai-tu-văn*, ta thấy rõ hai áng-văn chương này đều xuất hiện vào thời Tây-Sơn cũng như *Chinh-phụ ngâm*, văn thể đã rất điêu luyện và hẳn đã rất được truyền tụng, được chính giới thi-nhân thử thời cũng rất tán thưởng tuy rằng việc phổ biến văn chương bấy giờ chưa có tờ - chức rộng rãi như ngày nay.

Nhưng riêng về văn xuôi, ta thấy còn thấp kém và gàn như mới bắt đầu nếu so với văn vãn vì văn vãn được luyện tập từ lần đời. Bài « *Chiếu truyền La-Sơn phu-tử* » và « *Dụ nghị súy quốc âm chiếu văn* » vừa gồm chữ nôm vừa gồm chữ nho nghe chưa êm tai và coi chưa được sáng sủa lắm, nhưng nó đã là cái mốc đánh dấu cho ta biết rằng người Việt đã có

xu-hướng đưa văn xuôi vào địa-vị quan trọng để tiến đến một nền quốc học độc lập.

Nên chú ý một điều là khoảng thế-kỷ XVI, XVII và tiền bán thế-kỷ XVIII quốc-văn của ta còn gấn bó chặt chẽ với Hán-văn vì tuy làm thơ nôm mà ta còn phải mượn đề, mượn tứ, mượn chữ và cả cảnh sắc thơ văn Trung-quốc. Nhưng đến triều Tây-Son, quốc-văn đã phát đạt trông thấy, tuy là tiệm-tiến và mỗi ngày một đượm thêm màu sắc dân-tộc. Đặc-biệt hơn nữa, nó đi sâu rộng vào đám binh-dân, ly khai với Hán-văn, thanh thoát nhẹ nhàng, vượt hẳn các lối khuôn sáo nhàm thường là lối văn phong-kiến, ngự dụng, để phát huy những tinh hoa của nòi giống Việt-nam, điều này ta phải ca-ngợi giới cầm quyền đời bấy giờ đã biết khơi nguồn xẽ mạch.

Đề tiện theo dõi tiến bộ của Quốc-văn từ đời Cảnh-Hưng đến đời Tây-Son ở nước ta, xin nhắc các bạn một số tác-phẩm mà các bạn yêu mến văn-chương nước nhà đã từng nhớ, tỉ-dụ : bài « *Ngọa-long-cương* » của Đào-Duy-Từ, bài « *Sãi-vãi* » của Nguyễn-Cư-Trinh làm dưới đời Vũ-Vương (1750) là một bài về theo lối đối thoại ở Nam-Hà.

Ở Bắc hà (tương-đối Quốc-văn tiến hơn) ngoài dịch-phẩm « *Chinh-phụ ngâm* » của Hồng-Hà nữ-sĩ Đoàn thị-Điềm, có bài « *Giai-cảnh hưng tình phú* », « *Ngã-ba Hạc phú* » của Nguyễn Bá-Lân, có « *Cung-oán ngâm-khúc* » của Ôn-Như-Hầu Nguyễn Gia-Thiều (1741-1798), có « *Hoa tiên truyện* » của Nguyễn Huy-Tự (1743-1790) có *Hồ Xuân-Hương thi tập*. Các tác-phẩm này đã đi từ khu vực khiên-hững dần sang khu vực lễ-nghi và quân-quốc trọng-sự, nhất là từ đời Cảnh-Hưng năm 16 (1755). Hồi đó các quan bên Phủ Liêu đã hay có thơ trong các dịp vui mừng, tỉ-dụ mừng vợ cả của Trịnh được Kim sách phong làm Chánh-phủ, mừng mưa sau nắng hạn năm Kỷ-sửu (1769), ngoài các bài ngâm vịnh của các chúa Trịnh-Cần, Trịnh-Sâm đã được ghi chép trong Văn-học-sử nước nhà. Nhưng quốc-văn được đặc dụng vào việc chánh-trị, lễ-nghi nhiều hơn cả vẫn là vào thời Tây-Son sau này.

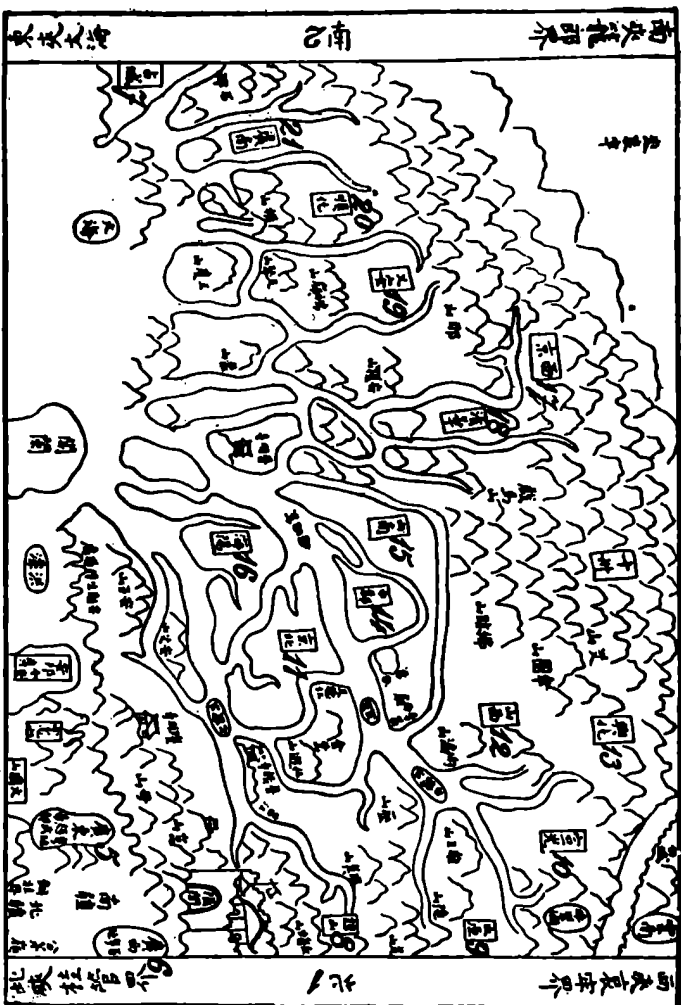
Tóm lại, nếu ta xét lịch-trình tiến-triển của quốc âm, ta thấy dưới đời Tây-Son quốc-âm đã thành một cây lớn và cây lớn đó từ tục-ngữ ca-dao, nó nảy chồi đâm rễ từ đời Trần (do Hàn-Thuyên và Nguyễn Sĩ-Cổ. Xin coi lại vấn đề này ở Việt-sử



CL.
Bức

Bức hình này biểu-thị đời sống nông nghiệp từ nhiên thế-hệ của giòng giống Việt-Nam đến nay vẫn chưa thay đổi trước trào lưu tiến hóa của Nhân-loại. Khóm tre xanh mành-mai mà vô cùng bền vững tượng-trưng cho tinh thần đoàn kết và bất khuất đã giúp dân tộc ta đẩy lui được bao nhiêu cuộc xâm lăng của cường lân, ngoại địch trải qua nhiều thế-kỷ.

(Bản khắc này do Văn-hóa Nguyệt-san cho mượn)



53

Đồ s. - Kìng Quế loan đê (A190)

(Bản khắc này do Văn-hóa
Nguyễn-san cho mượn).



NGUYỄN - QUANG - HIỀN
tức giả-vương NGUYỄN - HUỆ
sang triều-kinh vua Càn-Long
tại Bắc.kinh.

光緒二十五年三月二十五日

江蘇省署華界四政督渡臺

牙氏舊

光緒二十五年三月二十五日謹

Đây là chữ ký của Nguyễn-Nhạc
Trung-ương hoàng-dế của nhà
Tà-v-Son

Tán-Biên quyển 2 trong chương nói về văn-hóa (trang 138-143), khởi sắc với đời Lê rồi đến Tây-Sơn cây quốc-âm được chăm vun bón sỏi nên đã tiến vượt mức và cứ cái đà đó đến Nguyễn-triều sau này quốc-âm trở nên phát đạt đặc biệt cho tới ngày nay.

Tác giả *Quốc văn đời Tây-Sơn* trong *Sơn-Tùng Hoàng Thúc-Trâm* trang 24, đại-khái phê bình rằng : đến đời Tây-Sơn cây Quốc văn của chúng ta đã gặp tiết xuân ấm, mưa hòa trở nên mơn-mởn này cảnh xanh ngon, thật là rất đúng vậy.

Ngày nay ta cũng nên cực lực ca ngợi cái tinh thần quốc gia vô cùng sáng suốt của Quang-Trung hoàng-đế; nếu ta nghĩ rằng học chữ của người, viết chữ của người, theo tư tưởng của người thì dầu có độc lập về chính trị nhưng vẫn là nô-lệ về tinh thần.

Xưa cũng như nay, những kẻ chiến thắng chúng ta bao giờ cũng gian ngoan trước vấn đề này : một mặt họ tiêu-diệt văn-hóa cổ-hữu của chúng ta (chuyện thời Đông-Hán và Minh thuộc chẳng hạn) bằng cách thâu hết sách vở của các danh nho chúng ta, một mặt họ nhập cảng văn hóa của họ để thao túng tinh thần dân tộc chúng ta qua các việc học hành, ăn mặc, thờ, cúng v.v... Rồi lũ Việt-gian là những tay sai của họ bao giờ cũng là những kẻ đi trước đề thi-hành chánh-sách ngu-dân này.

Thủ-đoạn nguy-hiềm và sâu sắc kể trên đã có những kết quả tai hại thế nào ta đã biết. Nhiều kẻ nho học sau khi nhai mãi cái món « *Chi, Hồ, Giã, Dã* » hể mở miệng ra là ca tụng nhà Hán, nhà Đường, hể nhìn, hể nghĩ đến cái gì cũng chỉ cho Trung-quốc là hay, là đẹp còn đối với những gì mình có họ đều chê là xấu là dở, là hèn rồi suốt đời mắc phải cái bệnh vô cùng nguy hiểm là cái bệnh tự-ti mặc cảm và khi người dân bị trị có nhiều tự-ti mặc-cảm thì cuộc độ-hộ tinh thần đã thành công. Tinh-thần đã mất là mất hết, còn đâu là chí quật cường và hưng khởi nữa !

Vừa đây với thời Tây thuộc trên 80 năm, ta đã chẳng thấy bao nhiêu kẻ mất gốc. mất rễ ở nước ta vì cái học nô dịch của ngoại bang đó sao ?

Nói cho phải, văn-hóa của dân tộc nào mà chẳng có ít nhiều tinh-túy, nhất là của các dân tộc lớn hơn, già hơn, tiến hơn dân tộc ta. Nhưng đã mấy kẻ học nhờ viết mưòn thâu lượm được những cái tinh túy của người nhất là khi người ngoài đã chủ trương chỉ nhập cảng vào xứ mình cái cặn bã văn-hóa của họ mà thôi ! Tự-trung cũng có một số nhỏ giữ vẹn được tinh thần dân tộc, phẩm cách quốc-gia, nhưng con số này có được là bao ?

Vua Quang-Trung thấu đáo được điều nguy hại kinh-khủng này tuy rằng ngài ít học, nhưng phải là con người tinh-khôn sáng suốt lắm mới khám phá được thủ-đoạn quý-quyệt này của bọn thực dân da vàng, cũng như da trắng trên lịch-sử của chúng ta. Quả vậy, mấy ông nghè, ông bầy năm xe kinh sử, mười năm đèn sách, đã tìm ra được cái manh-tâm ngu dân này chưa ? Học để tìm ra những điều thực-tế lợi hại thế mới là học, thế mới là làm được điều hữu ích cho dân cho đời, chứ một vài văn thơ, năm ba câu phú đã nên cơm cháo gì cho nhân quần xã hội. Chẳng trách mấy thế-kỷ sau này dân ta suy nhược, nước ta bại-vong vì đám nho-giả u-mê, thiển-cận đó ! (1)

Một khía cạnh khác ta tìm thấy ở cuộc cách - mạng văn-hóa của vua Quang-Trung là văn-tự có phổ thông, có đại-chúng thì bánh xe tiến - hóa của dân-tộc mới đi nhanh và đi xa được. Sự tiến bộ của một quốc-gia phải là sự tiến-bộ của toàn thể, một nhóm tri thức văn hay chữ tốt mà chánh-kiến lầm lạc, sở-học viển-vông đã đem lại những kết quả bi-đát thế nào cứ đem tình trạng xã-hội Việt-nam từ thế-kỷ XVI trở về đây ra mà xem xét, đối chiếu sẽ thấy rõ.

Sau đây xin đan cử một số thi văn hình-thức khác nhau để các bạn nhận xét về tình-trạng quốc-âm dưới đời Tây-Son.

(1) Nguyễn-Huệ lần chót ra Bắc-hà đẹp yên giấc Thanh, đem hoàng-thân Duy-Cần lên làm Giám-quốc. Các quan ra lạy chào và được tự giới-thiệu. Huệ hỏi đùa mấy vị đại-khoa : « Tiến-sĩ có làm được chánh-tổng không ? » Đây là một lời có nhiều ý-nghĩa mỉa-mai đối với đám nho thần đời Lê-mạt.

Về thơ tứ tuyệt :

I.— VỊNH BÁNH TRÔI

*Thân em vừa trắng, lại vừa tròn,
Bảy nổi ba chìm với nước non.
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn.
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

II.— VỊNH ỐC NHỒI

*Bác mẹ sinh ra phận ốc nhồi,
Đêm ngày lăn lộn dám cổ hò.
Quán ử có thương thì bóc yếm,
Xin đừng mán mò lỗ tròn tôi.*

(Hồ Xuân-Hương)

Về thơ bát cú :

LẠP TRUNG HỒI SƠN HỌA
TRẦN QUAN TIỀN VẬN (1)

*Non nước xum vầy trước chiếu thơ,
Giục người sang cũ về xuân giờ.
Giùng dằng dậm liễu dừng chân ngựa,
Bát ngát doanh châu lét (?) ngọn cờ.
Hương lửa siết bao niềm kinh mến,
Bèo mây dễ mấy chốn nương nhờ !
Tiễn diên vang dội nhờ vàng ngọc,
Tắc bóng am tây lũng thần thờ !*

(Phan Huy-Ích)

VỊNH CÀI GIẾNG

*Ngõ ngay thăm thăm tới nhà ông,
Giếng tốt thanh thoi, giếng lạ lòng !
Cầu trắng phau-phau đôi ván ghép,
Nước trong leo-lẻo một giòng thông.
Cỏ gà lùn-phún leo quanh mép,
Cá diếc le-te lách giữa dòng.
Giếng ấy thanh tân ai đã biết,
Đố ai dám thả nạ giòng giòng ?*

(Hồ Xuân-Hương)

(1) Giữa tháng chạp về núi họa văn bài của trần quan đưa tiền.

Về lối biến ngẫu (thề văn câu bốn chữ, câu sáu chữ đặt xen nhau mà hai vế phải cân đối, trừ phú và văn tế phải có vần, còn chỉ cần đối nhau. Loại này rất thịnh dưới đời Tây-Sơn, tuy còn mượn nhiều điển-tích Hán-văn nhưng các điển-tích này đã dịch ra tiếng Việt nhiều rồi).

« ... Nhớ thuở viết vàng ra cõi Bắc, khúc hoàng sớm ừng duyên lành,

« Lối phen trượng gấm giải lâu Nam, mũi phượng thêm lồng vẻ thuy... »

Phan Huy-Ích —

(Trích trong cựu Hoàng tông điện tế Vũ Hoàng-hậu)

Về câu đối. (cũng thuộc thề văn biến ngẫu, có lối câu đối thơ, có lối câu đối phú).

« Khéo khen ai: đẽo đá chênh vênh, tra hom ngược để đơm người để bá.

« Trách con tạo : lừa cơ tem hẻm, rút nút xuôi cho lọt khách cổ kim.

(Hồ Xuân-Hương -- Đề đền Cửa đỏ)

Về văn xuôi « ... Tướng nay đương buổi tông thành thất thủ, kinh dịch tại tiền, dẫu quân thần đồng tâm mưu lược còn e bất cập, bỗng lại gây nên nội loạn, thì nữa quốc sự làm sao ! »

Phan Huy-Ích —

(Dụ nhị súp quốc-âm chiếu văn)

Về thề phê bình. (Dưới đây là đoạn cuối bài Trương-lưu-hầu phú, tác giả phê bình về nhân vật lịch-sử Trung-hoa).

« ... Ngẫm từ trên như Trọng-Liên, Phạm-Lãi nào hơn, so về dưới như Lý-Tĩnh, Khổng-Minh chưa đáng.

« Ngồi để sự mà danh cao sĩ, ngoại vật lá còn trong bụng, ngàn thu, chữ thắm chứa phai vàng Nền nho-giả mà giả danh thần, chẳng liên nhưng cũng khác phạm, muốn kiếp sử xanh còn để sáng.

« Nay đọc Danh thần truyện, xem Thượng hữu thiên, trách ai thượng hữu cô-nhân, sao chẳng nguyện hi Tử-phong, mà lại nguyện hi Chư cát Lượng?... »

Nhân đây, chúng tôi xin chép ra bài Văn tế vua Quang-Trung và bài Ai-lu văn của Ngọc-Hàn Công-chúa, vì bài này đã được liệt

vào loại danh văn, và đề xét sự tiến bộ của Quốc-văn dưới đời Tây-Sơn, ta không thể bỏ qua được.

VĂN-TẾ VUA QUANG-TRUNG

« Than rằng :

*Chín tầng ngọc sáng Trung-tinh, ngoài muốn dặm cùng
trông về thủy.*

*Một phút mây che vầng Thái-Bạch, trong sáu cung thoát
đã nhạt hơi hương (1).*

Tơ đứt, tắc lòng ly biệt,

Châu sa, giọt lệ cương thường,

*Nhớ phen bến Nhị thuận buồn, hội bá-viết chín châu
lừng lầy,*

Vừa buổi cầu Ngán sáu dịp, đoàn y-la dôi nước rõ ràng,

Hôn cầu đã nền nghĩa cả,

Quan-san bao quân dặm trường.

*Nhớ lượng trên cũng muốn tôn Chu, tình thân hiếu đã ngăn
chia dòi nước ;*

*Song thế cả trót đã về Hán, hội hốn-đồng chi cách trở
một phương,*

Lòng dẫu xót thấy cơn các-chính.

Thán lại nhờ gặp hội hưng-vương.

*Thành Xuân theo ngọn long-kỳ, đạo lễ-trị gần nghe
tiếng ngọc.*

*Cung Hữu rạng màu dịch-phất, tình ái-ân muốn dệt nhà
vàng,*

Danh phận ấy cây vùn trồng mọi vẻ.

Nền nếp xưa nhờ che chở trăm đường,

*Ơn sâu nhuần gọi cỏ cây, chốn lừng tầm chẳng phạm chồi
du tử.*

(1) Xem bài văn-tế ấy đủ thấy Bà Ngọc-Hân rất giỏi về lối văn biến ngẫu.

Tuy lời lẽ nghe ra thâm sâu, đau đớn nhưng vì là văn-lễ, có tính cách long trọng quá nên không thâm trầm bằng bài *At-tư oán* trong ấy bà đã kể hết nỗi đau thương của con người quả phụ trong chốn thâm cung, sống lẻ loi với một mối sầu triền miên, khôn giải.

*Lộc nặng thơm tho hương khói, nơi miếu-đường nào khuyết
Lễ trung thường.*

*Mọi nỗi mọi nhờ trọn vẹn,
Một điều một được vẻ vang.*

*Phép hằng gìn « học thực tức thoa » buổi khuê rạng
khôn nội-tắc.*

*Điền sớm ứng « chung tư lân chí » phải lam thêm diện
thiên hoàng.*

*Mấy chút chưa đền đức cả,
Gót dầu đều trọn ơn sang.*

*Cung Vị-trong bóng đuốc bình bình, lòng cần mẫn vừa
khi đóng dĩa.*

*Miền cực-lạc xe mây vùn vụt, duyên hảo-cầu sao bỗng
dở dang.*

*Ôi ! gió lạnh buổi đào, rơi cầm nẩy sắt ;
Sương pha cung đỏ, hoen phấn mờ gương !*

*Tiệc vầy vui nhớ hầy rành rành, dịp ca-múa bỗng khuấy
chừng Thần-ngự,*

*Buổi châu chực tướng còn phảng-phất, chuông diêm hồi sao
vẳng chốn Cảnh-dương ?*

*Vấn vít mấy ! Bảy năm kết phát,
Đau đón thay ! Trăm nỗi đoạn trường.*

*Hang núi cũng phàn nàn đôi chốn,
Cỏ hoa đều sùi sụt mấy hàng.*

*Liều trăm theo mong tới chốn châu-du, da tóc trăm thân
nào có liếc ;*

*Ôm cưỡng bảo lưỡng ngập ngừng di-thề, sửa mắng đòi
chút lại thêm thương.*

*Tiết thay ! Ngày thôi thắm thoát,
Bóng khuất vội vàng,*

*Thuyền ngư-lạ đã ngang ghềnh Thái-thủy
Bánh long-xa thẳng trở chốn Tiên-hương.*

*Nẻo hoàng-tuyền xa cách mấy trùng, ngao ngàn thêm dưng
cơ biệt duệ ;*

*Chén hoàng-thủy kinh dâng một lễ, xét soi xin thấu cõi
dương gian ! »*

AI-TU-VĂN

Trong cung khuyết âm thầm lạnh lẽo, một bóng một hình
cùng với hai con thơ dại, Ngọc-Hàn Công-chúa đã than :

*Gió hiu hắt phồng tiêu lạnh lẽo,
Trước thềm lan hoa héo ron ron.
Cầu Tiên khói tỏa đỉnh non,
Xe rồng thăm thẳm, bóng loan rầu rầu.
Nỗi lai lịch dễ hầu than thở,
Trách nhân-duyên mờ lẽ có sao.
Sầu sâu, thăm thẳm siết bao,
Sầu đầy giọt bề, thăm cao ngắt trời.*

Bà lại nhớ mới ngày nào Vua Quang-Trung ra Bắc
rời về với mối lương duyên giai ngẫu, tình ái-ân đượm về
mặn nồng :

*Từ cò thắm trở với côi Bắc,
Nghĩa tôn phù vằng vặc bóng dương.
Rút dây vằng mệnh Phụ-hoàng,
Thuyền lan chèo quế thuận dàng vu-quí.
Trăm ngàn dặm quân chi non nước,
Hữ nghị gia mừng được phải duyên.
Sang yêu muốn đội ơn trên,
Rõ ràng vẻ thúy, nổi chen tiếng cầm.
Lượng che chở, vụng làm nào kè,
Phận đình-ninh cần kể mọi lời.
Dù rằng non nước biến dời
Nguồn tình đất chẳng chút với dẫu là.*

Vui vầy duyên mới, Bà đã dâng tất cả lòng yêu kính cho
chồng đề đền đáp ơn sâu của người anh hùng dân-tộc đối với
giòng họ nhà Lê. Bà chỉ mong cuộc nhân-duyên ấy sẽ đượm
nồng mãi mãi, trăm năm sum họp vui vầy :

*Lóng dùm bọc thương hoa đoái cội.
Khấp tôn thân cùng đội ơn sang,
Miếu-dường còn dấu chường thương,
Tùng thu còn rậm mấy hàng xanh xanh.
Nhờ hồng phúc, đôi cành hờn quế.*

*Được hơi sương đầy rẫy cùng tươi.
Non Nam lần chúc tuổi trời,
Dâng câu Thiên-bảo, bày lời Hoa-phong.*

Không ngờ trong lúc lửa hương đang đun, ăn ái đang nồng thì Vua Quang-Trung nhuộm bệnh :

*Những ao ước chấp trùng tuổi hạc
Nguyên trăm năm ngộ được vầy vui.
Nào hay sống cận, hề vùi,
Lòng trời giáo-giở, vận người biệt ly !
Từ nắng hạ, mưa thu trái tiết,
Xót mình rồng mệt mỗi chẳng yên.
Siết bao kinh sợ lo phiền,
Miếu thần dã đảo, thuốc tiễn lại cầu.
Khấp mọi chốn đầu đầu tìm rước,
Phương pháp nào đòi được cùng chăng ?*

Bà đã hết sức chạy chữa thuốc thang, kêu cầu khắp chốn mà Vua Quang-Trung cũng không thoát khỏi Tử-thần.

Rồi từ khi cung điện vắng bóng nhà Vua, bà trách Hóa-công đã bày ra cảnh bình tan gương vỡ đề cho chút phận bèo mây phải lênh đênh giữa ngàn trùng bề thăm, không biết nương tựa vào đâu :

*Ngán thay mây tảo bất bằng,
Bóng mây thoát đã ngắt chĩnh xe loan.
Cuộc tụ án, bi quan kịp bấy,
Kề sum vầy đã mấy năm nay.
Lênh đênh chút phận bèo mây,
Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu ?
Trần trọc suốt đêm hầu ngày ối,
Biết cậy ai dập nổi bi thương ?
Trống mong luống những mơ màng,
Mơ hồ bằng mộng bàng hoàng như say.*

Bà lại nhớ, nhớ những lúc ấm lạnh có nhau, tháng ngày gần gũi mà nay mọi sự đã trở nên một trường xuân-mộng.

*Khi trận gió hoa bay thấp thoáng,
Ngõ hương trời bằng lãng còn đâu.
Vội vàng sửa áo lên chầu,
Thương ôi quạnh quẽ, trước lầu nhện giăng !*

*Khi bóng trăng là in lấp lánh
Ngỡ làn vàng nhớ cảnh ngự chơi
Vội vàng dạo bước tới nơi
Thương ôi! vắng vẻ, giữa trời sương sa.*

Bà lại tưởng đến mọi cử-chỉ của người yêu... nhưng từ này thì giữa đường đứt gánh, hoa tàn đang độ xuân thì, Bà ngậm ngùi cảnh âm dương đôi ngã, chỉ còn mong gặp nhau ở kiếp lai sinh.

*Tưởng phong thề sỏi sa dòi đoạn
Mặt rồng sao cách gián lâu nay ?
Có ai chốn ấy về đây,
Nguồn cơn xin ngỏ cho hay được đành.
Nẻo u minh khéo chia đôi ngã,
Nghĩ dòi phen nòng nã dòi phen.
Kiếp này chưa trọn chữ duyên,
Ước xin kiếp khác vẹn nguyên lửa hương.*

Những kỷ-niệm êm đềm xưa, nay thành ảo mộng. Bà oán hận Tạo-hóa bất công đối với một người đã xả thân vì giống nòi, Tổ-quốc mà không được hưởng thêm tuổi thọ sau bao năm khổ cực gian lao. Bà tiếc không thể đem thân mình đề đổi cái chết cho chồng:

*Nghe trước có dấng vương Thang, Võ,
Công nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao
Mà nay áo vải, cờ đào,
Giúp dân dựng nước xiết bao công trình.
Nghe rành rành trước Vua Nghiêu, Thuấn,
Công đức dày ngời vẫn càng lâu.
Mà nay lượng cả ơn sâu,
Móc mưa rưới khắp chín châu được nhuần.
Công đường ấy mà nhân đường ấy,
Cõi thọ sao hèn bấy, hóa-công !
Rộng cho chuộc được tuổi rồng,
Đổi thân đất hẩm bỏ lòng tôi người.*

Vũ trụ mệnh mông, cảnh tiên xa thẳm, biết tìm đâu cho thấy dung nhan. Bà chỉ muốn chết theo nhà Vua cho trọn lời nguyện... nhưng nhìn hai trẻ thơ ngây bà đành trở lại với thực-tại nào-nùng :

Buồn thay nhẽ sương rơi, gió lọt,
 Cảnh diu hiu, thành thối châu sa ;
 Tưởng lời di-chúc thiết tha,
 Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê !
 Buồn thay nhẽ xuân về, hoa ở !
 Mối sầu này ai gỡ cho xong-
 Quyết liễu, mong vẹn chữ lòng,
 Trên lương nào ngại, giữa giòng nào e ?
 Còn trướng nước, thương vì đôi trẻ,
 Chữ tình thâm chưa thoát được đi,
 Vậy nên nấn-ná đôi khi,
 Iình tuy còn ở, phách thì đã theo...
 Theo buổi trước ngự dèo Bồng-đảo,
 Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân,
 Theo xa thôi lại theo gần,
 Theo phen diện quế, theo lần nguồn hoa...
 Đương theo bổng tiếng gà sức lĩnh,
 Đau đớn thay, ấy cảnh chiêm bao !
 Mơ màng thêm nỗi khát khao,
 Ngọc kinh chốn ấy ngày nào lới nơi ?
 Tưởng thôi lại bồi hồi trong dạ,
 Nguyễn Đồng sinh sao đã kịp phai ?
 Xưa sao sớm hỏi, khuya vờ,
 Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ.
 Giờ sao bổng thờ-ơ lặng lẽ ?
 Tình có đơn ai kể xết đâu ?
 Xưa sao gang tấc gần châu,
 Trước sân phong nguyệt, trên lầu sinh ca...
 Giờ sao bổng cách xa đôi cỗi,
 Tin hàn huyền khôn hỏi thăm lênh !
 Nửa cung gẩy phím cầm lạnh,
 Nỗi con côi cút, nỗi mình bơ vơ !
 Nghĩ nông nỗi ngần ngợ đôi lúc...
 Tiếng từ qui thêm giục lòng thương,
 Nào người thay, cảnh tiêu lương !
 Dạ thường quanh quất, mắt thường ngóng trông...
 Trông mái đóng : lá buồm xuôi ngược,
 Thấy mệnh mỏng những nước cùng mây,
 Đông rồi thì lại trông tây,

*Thấy non chắt-ngắt, thấy cây rườm rà,
Trông nam thấy nhạn sa lác-đắc,
Trông bắc thời ngàn bạc màu sương,
Khắp trông trời đất bốn phương,
Cõi tiên khơi thăm, biết đường nào đi ?*

Bà mong sao được một phép màu nhiệm nào đặng có thể gặp người yêu đề tỏ lòng trung trinh, thỏa niềm mong nhớ, và đề dâng lên những kỷ niệm ngày xưa :

*Cậy ai có phép gì lời đó,
Dâng vật thưng, xin ngỏ lòng trung.
Này gương là của hàn-cung,
Ơn trên xưa đã soi chung đôi ngày
Duyên hảo hợp xót rày nên lẻ ;
Bụng ai hoài vội ghê vì dẫu.
Xin đưa gương ấy về châu,
Ngỗ soi cho tỏ gót đầu trông ơn.
Trông linh sáng nhơn nhơn còn dẫu
Nôi sinh cơ có thấu cho không.*

Bà đau đớn nhớ cảnh hai con đang còn măng sữa, nào đã biết gì, nhưng cũng khăn rơm, áo thụng, chưa biết khóc than, chỉ biết u ơ hòa cùng tiếng khóc thầm thiết của mẹ :

*Cung xanh đang tuổi ấu sung,
Di mưu sao nỡ quên lòng đoái thương
Gót lán chỉ mấy hàng lẫm chẫm.
Đầu mũ mao, mình tằm áo gai.
U-ơ ra trước hương đài
Trông quang cảnh ấy chưa cay đường nào !*

Các phi-tân trong tam-cung lục-viện cũng ở trong cảnh đau thương, đào phai, liễu ủ, gầy mòn như xác ve sầu, trong triều-đình, ngoài lê-thứ, ai ai cũng xót thương cho đáng anh hùng mệnh bạc.

*Trong sáu viện, ổ đào, ủ liễu,
Xác ve gầy, lông lẻo xiêm nghề
Long đông xa cách hương quê,
Mong theo, lăm lỏi, mong về, tử duyên.
Dưới bệ ngọc, hàng uyển vô vô,
Cút chân tay, thương khó xiết chi !*

*Hang sâu nghe tiếng thương bi,
Kể sơ còn thế, huống gì người thân...!*

Nặng tình chồng vợ và còn nặng nghĩa mẹ con, Bà đành gượng sống muốn nguôi bớt nỗi sầu nhưng .. nhìn trăng, «trăng mờ thêm tủi» xem «hoa buồn càng thẹn với hoa».

*Cảnh ly biệt nhiều phần bát ngát,
Mạch sầu tuôn ai lát cho vơi.
Càng trông, càng một xa vời.
Tắc lòng thăm thiết, chín trời biết chẳng?
Buồn trông trăng, trăng mờ thêm tủi,
Gương Hằng - Nga đã bụi màu trong
Nhìn gương càng thẹn tấm lòng,
Thiên duyên lạnh lẽo đêm đông biên hà.
Buồn xem hoa, hoa buồn thêm thẹn,
Cành hải-đường đã quện gió sương.
Trống chim càng dễ đoạn trường,
Uyên-ương chiếc bóng, phượng-hoàng lẻ dối.
Cảnh nào cũng buồn người cảnh ấy,
Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu?
Phút giây bãi bề nương dẫu,
Cuộc đời là thế, biết hầu nài sao?
Chữ tình nghĩa trời cao đất rộng,
Nỗi đoạn trường còn sống còn đau!
Mấy lời làm sự trước sau,
Đôi vàng nhật nguyệt trên đầu chứng cho.*

Ngoài những tiến-bộ kể trên của Quốc-văn dưới đời Tây-Son nhất là tinh cách phổ-biến của nó cho tới đời Nguyễn-sơ thiết tưởng ta cũng nên lưu ý đến một vài đặc điểm dưới đây trên quan-niệm văn chương là phản-ảnh của thời-đại : với thời Lý, văn chương Việt-nam có vẻ thuần phác hùng mạnh vì chịu ảnh-hưởng khá sâu đậm của Phật-Lão lại được kích-thích bởi nền độc lập của quốc-gia mỗi ngày một khai triển vững vàng. Dưới đời Trần, văn-chương của ta nhuộm thêm màu sắc của Nho-giáo cho tới thịnh-thời của nhà Hậu-Lê. Nhưng qua đời Thịnh-Lê, xã-hội Việt-nam xuống dốc do những biến-cố chính-trị liên-miên xảy ra kể từ Nam Bắc-triều đến Trịnh-Nguyễn phân tranh. Từ thế-kỷ XVI đến cuối thế-kỷ XVIII tinh-

thần của nhân-dân ta luôn luôn bị giao-động. Người dân đau khổ về chiến tranh, cha xa con, vợ lìa chồng, làng xóm tan hoang rồi nạn đói rét, nạn giặc cướp, nạn tham-những đã thành một tình-trạng thường-trục, ấy là không kể bao nhiêu tai trời ách nước nữa (1). Về phía thượng-tầng xã-hội, các ngài vàng, nghiệp chúa, địa - vị của đẳng - cấp quan-liêu, địa chủ càng bấp bênh bao nhiêu càng sinh ra nhiều sự ăn chơi, trụy lạc và những lạm bấy nhiêu. Tất nhiên bao giờ nạn-nhân cũng vẫn là đám dân đen cùng khổ. Trong giai-đoạn lịch-sử này, văn chương Việt-nam rõ rệt không thể nào không chịu ảnh-hưởng của hết thảy mọi trạng-thái lộn-xộn bi-đát đã xảy ra khác hẳn văn-chương của mấy triều-đại trước. Vì thế Nguyễn bỉnh - Khiêm, Nguyễn-Thiếp (La-Sơn phu tử) là những nho - giả nặng mối ưu thời mẫn thế đã phải tuôn ra những lời thơ yếm thế, mai-mĩa thế tình về mặt luân-lý đạo-đức ; Nguyễn hữu - Chính lẫn-lộn giữa chính giới đời Lê hiền-Tông, Trịnh-Sâm cũng lên tiếng tố cáo những tâm thuật lưu manh xảo trá của đám người làm chính-trị đương thời. Đặng trăn - Côn, Đoàn thị - Điền với Chính-phụ ngâm đã thét lên mối hờn giận đối với chiến-tranh, do các cuộc tranh vương đồ bá đã thành nguồn gốc cho bao nhiêu cảnh chia uyên rẽ thủy, tang-tóc sinh ly. Với *Cung oán ngâm khúc*, Nguyễn gia - Thiệu trình bày những bất-công, ích-kỷ của thời phong-kiến đối với giới phụ-nữ bất-hạnh có cái nhan sắc kiều-diễm lọt vào con mắt của các vua chúa. Hòa với ý trên, *Kim-vân-Kiều* của Nguyễn-Du là một bản án nặng nề đối với chế-độ cũ trên mọi phương-diện. Còn với Hồ xuân-Hương, ta cũng thấy nhiều tư-tưởng cách mạng và lãng-mạn của người phụ nữ muốn đập tan nếp sống cô-hủ quá trói buộc, khắc khổ. Tóm lại qua các thi-văn từ Lê-mạt tới Tây-Sơn và Nguyễn sơ sau này, quốc gia

(1) ... nạn cơ cện xảy ra khắp nơi. Giá gạo ở kinh-kỳ cao vọt, người nghèo khó không kiếm được việc làm, phải bán vợ dợ con. Bốn trấn đường ngoài, dân chết đói như rạ. Nòng dân nổi loạn khắp nơi : các vụ Nguyễn-Tuyên Nguyễn Cừ, Hoàng công-Chất, Nguyễn hữu-Cầu v.v... Mùa thu... Sơn-Tây, Sơn-Nam vỡ đê, Thanh-hóa cũng bị lụt, hàng vạn nóc nhà trôi theo làn nước bạc. Năm 1737, các lộ Sơn-Tây, Thanh-hóa phải đặt đồn làm hỏa hiệu trên núi cao bắt dân canh gác ngày đêm hầu báo động cho nhau mỗi khi giặc cướp tràn tới.

Việt-nam phân-hóa thì trong tâm-trạng của mọi thành-phần dân tộc cũng có nhiều cuộc biến đổi, xáo trộn. Điều này làm ta nhớ đến tình-trạng của nước Pháp, Trung-Quốc và của nhiều quốc-gia khác mỗi khi trật-tự xã-hội nghiêng ngửa, mỗi bất-bình của nhân-dân nảy nở ra nhiều thì tự nhiên các tầng lớp nhân-dân phải cự quây tranh-đấu để mong tiến ra khỏi chỗ bế-tắc. Sự kiện kể trên thường được kết-cấu bằng những cuộc cách-mạng hoặc ít nhất nó phát sinh ra nhiều trào-lưu tư-tưởng mới lạ qua các thi-ca văn-phẩm — dưới những hình thức khác nhau, ôn-hòa hay quá-khích, cao cả hay đòi-trục. Rồi muốn sao hậu-quả vẫn là cuộc đảo lộn ngai vàng như do một định-luật bất hủ ; và tránh sao được khi chế-độ phong-kiến thường tự nó đã nuôi bèn trong bản-thể của nó cái gì là bất công, phi lý và phản tiến-bộ, thì sớm hay muộn xã-hội đòi-trục đó phải tan rã hoặc lâm vào những cuộc khủng-hoảng trầm-trọng nhất...

Nguyễn - Du với « *Truyện Kiều* » phát cao ngọn cờ chủ-nghĩa nhân văn, cực-lực và gián-tiếp lên án chế-độ thối nát của đời phong-kiến nó vùi dập tài năng và hạnh-phúc của con người. Nhưng « *Truyện Kiều* » của nhà văn núi Hồng sông Lam cũng như *Chinh phụ ngâm*, *Tần cung oán* của hai nhân tài xứ Bắc đã không có nổi hiệu-lực như *Vạn-pháp tính lý* (De l'esprit des lois của Montesquieu, *Xã-ước-luận* (Contrat social) của J.J. Rousseau là những tác phẩm chính-trị đã ương mầm, gieo giống cho những cuộc cách mạng dân sinh, dân quyền của Pháp kể từ 1789 nhưng ngày nay ta có thể nghĩ rằng nếu các áng danh văn kể trên được phổ biến rộng rãi như ở Pháp, biết-dầu nó sẽ chẳng gây nổi những phản-ứng cần thiết cho một cuộc cách-mạng. Không làm hơn được như ý muốn, các văn gia của chúng ta đã phải cầu cứu đến thuyết thiên mệnh, định mệnh hay bám vào cái triết lý siêu hình của Phật-giáo làm nguồn an ủi hoặc mong giải thoát nỗi khổ cực của con người.

« Muốn nhờ Đức Phật từ bi,

« Giải oan cứu khổ cùng về Tây phương.

(Chiêu hồn của Nguyễn-Du)

thật là đáng tủi. Nhưng rồi ba thế kỷ nội tranh, khi tiến khi ngừng, bao nhiêu nước mắt và xương máu của nhân dân đổ ra rút cục vẫn đủ tạo thành một cuộc Cách-mạng, tức là cuộc khởi

nghĩa của nhà Tây-Sơn vào hậu-bán thế-kỷ XVIII (1771) nếu chúng ta nhìn vào nguyên-nhân và kết-quả. Tiếc rằng sự can-thiệp của Tây-phương vào chính-tình Việt-nam quá mau lẹ, người lãnh đạo của dân tộc Việt-nam đang có nhiều triển-vọng là Quang-trung Nguyễn-Huệ lại mất quá sớm nên mọi việc đều đình lại, rồi Vãn-chương Việt-nam lại thêm một phen nữa thay hình đổi dạng với sự tiếp xúc với người da trắng sau này.

Chấn-chỉnh Phật-giáo Trong vài việc khác vua Quang-và kiểm-tra dân-số. Trung cũng tỏ ra không kém những ý-chí cương-cường và tài tổ-chức cùng mở-mang rất đáng nên tán thưởng.

1) Đối với các tôn-giáo của dân ta, triều Quang-Trung cũng biết tôn sùng Nho, Phật, Lão và bách-thần. Ngay đối với đạo Gia-Tô là một tôn giáo du nhập vào nước ta sau hết, nhà Tây-Sơn cũng không cay nghiệt như các chúa Trịnh, Nguyễn qua nhiều thời-đại trước.

Về vấn-đề này chúng tôi không khỏi ngạc-nhiên trước những tài-liệu của L. M. Phan phát - Huồn đã chỉ trích gắt-gao nhà Tây-Sơn. Theo tác-giả *Việt-Nam Giáo-sử* trang 173-179 Tây-Sơn cũng giết đạo, cấm đạo chẳng kém gì các vua chúa Nam, Bắc-hà? Trái lại về phần chúng tôi tôi chỉ thấy người ngoại-quốc nếu không ca ngợi thì cũng không hề có sự phản nản nhà Tây-Sơn một chút nào khi bàn về việc giảng lời Phúc-âm ở Việt-Nam :

Ngày 18 tháng 7 năm 1793, giáo-sĩ Le Roy gửi thư cho Blandin nói :— « Từ khi nhà Tây-Sơn ra cầm-quyền, tôn-giáo được tiến-bộ ». Lời nói này nhắc rằng trước triều Tây-Sơn, Lịch-sử Công-giáo Việt-nam đã nhuộm bao nhiêu máu và nước mắt chỉ do chỗ vua chúa Trịnh, Nguyễn e ngại người ngoại quốc lạm dụng Công-giáo để mưu đồ việc chính-trị và về phía các giáo-sĩ vì muốn thu lượm được mau lẹ nhiều linh-hồn cho Thiên-Chúa không

CHÚ THÍCH : Xin nhắc rằng lúc này danh nho khoa giáp thuộc khu ảnh-hưởng của Tây-Sơn có thiếu gì mà những tay giỏi Hán-văn như Phan luy-ích, Ngô thời - Nhậm, Trần văn-Kỳ cũng đang có mặt ở triều-đình Quang-Trung. Quốc-văn được trọng dụng như vậy rõ-rệt là do thành-ý của triều Quang-Trung.

phải là không phạm vào nhiều điều lầm lạc bất lợi cho chính-quyền bản-địa.

Ngoài ra thời nào cũng có một số người lạm dụng tôn giáo. Đời Lý nhiều kẻ « trốn việc quan đi ở Chùa » nên các nhà cầm quyền thử thời đã ra lệnh hoàn tục một số tăng ni như nhốp — đời Trần, Hồ Quý Ly cũng đã mở khoa thi đề sát hạch những kẻ tu-hành, lấy người thực sự có trí thức và đạo hạnh, đến vua Quang-Trung, ngài cũng chấn chỉnh Phật-giáo, sa thải nhiều kẻ dựa dẫm cửa Phật để kiếm ăn và lẫn tránh bốn phận công-dân.

Một ý-kiến khác không kém phần đặc biệt là ngài cho bỏ bớt những chùa nhỏ, bắt các làng góp công góp của làm chung ở mỗi phủ, huyện những ngôi chùa lớn cho có thể-thống hơn.

2) Tháng 6 năm Quang Trung thứ ba (1790) do chương-trình Bắc-phật (đánh Thanh) nhà vua lo việc mở mang quân sự, chuẩn bị chiến tranh. Về ý nguyên này ngài từng ngổ vơi các thân-thần của ngài từ trước việc đánh Tôn sĩ Nghị năm Kỷ-dậu (1789).

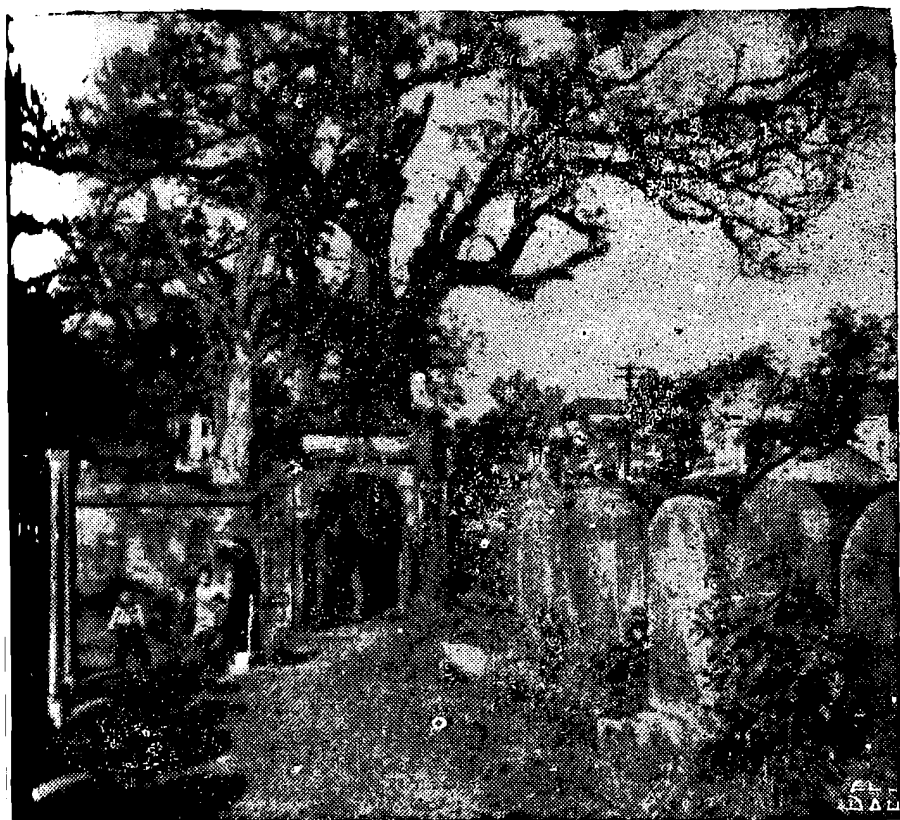
Việc đầu tiên là phải kiểm tra dân-số, tức là làm lại sổ đinh, nhất là dân số từ miền sông Gianh trở ra Bắc-hà có nhiều việc ầu lậu.

Đinh tráng vơi ngài có 4 hạng :

- 1.— Hạng vị cập cách : từ 2 đến 17 tuổi
- 2.— Tráng hạng : từ 18 đến 53 tuổi
- 3.— Lão hạng : từ 50 đến 60 tuổi
- 4.— Lão nhiều hạng : từ 61 tuổi trở lên.

Mỗi người trong bốn hạng dân trong nước kể trên đều được phát cho một cái thẻ gọi là « *Tin Bài* » trong in 4 chữ lớn « *Thiên Hạ Đại Tin* ». Trên mặt thẻ ở chỗ hời vảo có đề tên, tuổi, quê quán và in dấu ngón tay của người có thẻ.

Thẻ này có tính cách tùy thân, ai gian lậu sẽ bị phạt xung làm phòng-quân hay đi khải hoang ở các vùng rừng núi. Tổng-trưởng và Xã-trưởng phải liên - đới chịu trách-nhiệm về các vụ gian dối.



Văn-miếu thờ KHÔNG-TỬ

nơi ghi dấu nền văn-hóa cũ của Đông-phương và đang tàn tạ trước trào-lưu tư-tưởng mới tại Bắc-Việt.

PHỤ LỤC

CHÚNG tôi ghi chép ra đây một số tài-liệu bằng chữ Nho có bản dịch ra tiếng Nôm để minh-chứng những việc xảy ra là có thực, hoặc để độc giả dùng trong việc biên soạn các sách văn học.

Trong thế-hệ chúng ta, nhiều việc chính-biến thường xảy ra, các sử-liệu này đến nay còn được coi là hiếm hoi và quý giá, vậy cho in vào đây xét ra không vô ích. Mong các bạn thông cảm.

« *Kỷ-mùi đông, nghĩ Ngự-điện Vũ Hoàng-hậu, tang quốc âm văn* » (mùa đông năm Kỷ-mùi (1799) nghĩ ở nhà vua bài văn quốc-âm để tế điện Vũ Hoàng-hậu) :

« Than ôi !

« Nguyệt in phách-quẻ, mai trường-thu (1) vừa giải về lâu lâu. — Sương ủ hồn hoa ; miền thượng - uyên (2) chợt phai mùi thoảng-thoảng (3).

« Nẻo chân-du (4) quanh-quẻ biết đâu tìm ! — Niềm vĩnh-mộ (5) bàng-khuảng hằng trạnh tường !

(1) Tên một cung, chỗ ở của Hoàng-hậu. Sau dùng để chỉ Hoàng-hậu : nói lập cung trường-thu cũng như nói lập Hoàng-hậu.

(2) Vườn hoa nhà Vua.

(3) Hai vế này ý nói : bà Ngọc-Hân được lập làm Hoàng-hậu mới ít lâu, đang rực rỡ như vàng trắng vàng-vặc, thì dóa thiên - hương bỗng tàn tạ (tức là bà chết), làm cho vườn ngự mất thơm !

(4) Chỗ đến chơi thật, chỉ chỗ người chết đến ở.

(5) Tăm lòng trứu mến lâu dài mãi mãi.

« Giọt ngân phôi (1) cầu nên (2) về quí, duyên hảo-cầu (3) thêm giúp mối tu tề (4). — Khúc Thư-châu (5) thỗi (?) sánh tiếng hòa, khuôn nội-tắc (6) đã gây nên nhân nhượng (7)

« Rành rành bút đỏ (8) đưa thơm, — Chối chối sách vàng (9) tỏ rạng.

« Hồ Đĩnh (10) ngậm-ngùi cung nọ (11) sắp rắp (?) chìm châu nát ngọc đã từng nguyên.

Cung khôn (12) bận-bịu gối nao (13) ếp vì (?) vun quế quên lan nên hấy gượng (14).

-
- (1) Giọt nước ở sông nhà trời. Ý nói bà Ngọc - Hân là dòng giống nhà vua họ Lê.
- (2) Cũng như «gây nên».
- (3) Chữ trong thơ QUAN-THƯ ở kinh THI : cái duyên thực - nữ sánh đôi với quân-tử thật là đẹp đẽ.
- (4) Tu - thân và tề-gia. Ý nói Vũ Hoàng - hậu giúp Vũ Hoàng-đế trong việc nội trị.
- (5) Khúc hát « Chim quan-thư ở bãi-sông » tức là thơ QUAN-THƯ ở đầu thiên QUỐC-PHONG trong khi THI tả nỗi vui-hòa mà có riêng biệt.
- (6) Khuôn mực người dân bà theo đúng lễ nghi và đức-hạnh như đã nói trong thiên NỘI TẮC ở kinh LỄ.
- (7) Một người có nhân làm cho cả nước đầy lòng nhân, một người biết nhường làm cả nước có lòng nhường.
- (8) Do chữ «đồng quân» là «bút quân đỏ». Người xưa cầm bút quân đỏ chép những chuyện phụ-nữ đáng đề khuyên răn.
- (9) Do chữ «kim sách» là sách phong các vị hậu, phi xưa.
- (10) Do chữ «đỉnh hồ». Trong sử ký PHONG THIÊN THƯ có chép: Vua Hoàng-đế đức xong cái vạc (đỉnh) ở dưới núi Kinh-sơn thì cười rồng lên tiên. Người sau gọi chỗ đó là Đĩnh hồ. Đời nhân dùng đề chỉ cái chết của vua chúa.
- (11) Do chữ «di cung». Vua chết rồi chỉ có cái cung để lại, khiến cho mọi người thấy cung mà ngậm-ngùi. Ý nói vua Quang-Trung đã mất.
- (12) Quê Khôn tượng-tượng về dân bà. «Cung Khôn» tức là Hoàng - hậu. Đây chỉ Vũ hoàng-hậu.
- (13) Vương-viù có mấy con nhỏ dưới gối.
- (14) Hai vế này ý nói : khi vua Quang-Trung mất đi, Vũ hoàng-hậu khôn xiết buồn-ngùi đau đớn, những toan tự tử (chìm châu là trầm mình ; nát ngọc là hủy-hoại thân-thể) để theo chồng, nhưng ngại vì dưới gối bà hấy còn hai mụn con thơ, nên phải gượng-gạo sống để chăm-nom nuôi-nấng con (vua quế, quên lòn) vậy.

« Tự xưng linh (1) hay gìn giữ hiếu tư (2), Vâng từ-dức (3) cũng thỏa vui vinh dương (4).

« Nội tiên-chí (5) vậy dốc bề tri kính (6), dấu sân huyền đòi chốn xum vầy (7).

« Cầm mẫu-nghi (8) mà thay buổi thừa hoan (9), vẽ áo vi xưa kia mừng-tượng (10).

« Mong tửe tiên trùng trập thêm cao (11), — Hiềm máy tạo so le khôn lường (12).

« Sương nắng bấy chầy ngăn trường thủy, bắn khoả cơn bữa ngọc, lò đan (13). — Gió mây xây phút lối xe loan, khơi điển nẻo non Bồng, vườn Lãng (14).

(1) Từ tuổi thơ-ấu.

(2) Giữ lòng hiếu-thảo, nhớ nghĩ đến cha đã mất.

(3) Được thừa thuận cái đức hiền-từ, ý nói được xum-vầy dưới gối Vũ Hoàng-hậu. Bà Ngọc-Hân tuy lấy lễ vua Quang-Trung nhưng khi ngài lên ngôi thì bà được lập làm Bắc-cung Hoàng-hậu ngang hàng với chính-cung Hoàng-hậu Phạm-Thị, người Qui-nhon, mẹ đẻ vua Cảnh-Thịnh. Bấy giờ vua Cảnh-Thịnh coi bà vào hàng « mẹ » nên bài văn tế này mới nói là « từ đức », vì theo lễ bà là thứ-mẫu.

(4) Lấy cái quý-hiền của người làm vua mà phụng-dưỡng, gọi là « vinh-dưỡng ».

(5) Nói theo ý-chí của người trước, tức Vũ Hoàng-đế.

(6) Làm cho đến nơi tấm lòng hiếu kính.

(7) Do chữ kinh THI nói trong cỏ huyền (ta gọi cây hoa liên), nơi bắc-đường là chỗ mẹ ở, nên ta thường dùng « nhà huyền » hay « sân huyền » để chỉ mẹ. Ý nói nhiều con mừng được xum-vầy với Vũ Hoàng-hậu,

(8) Cầm phục cái khuôn phép của mẹ.

(9) Lần lượt đổi thay với các em mà châu hầu mẹ, để làm mẹ vui.

(10) « Áo vi » là áo tế của Hoàng-hậu. Ý nói phảng phất tưởng nhớ đến dung nghi Vũ Hoàng-hậu.

(11) Mong Vũ Hoàng-hậu được thêm tuổi thọ.

(12) Hiềm vì cái cơ mẫu tạo hóa xoay vần không lường trước được.

(13) « Sương nắng » là chỗ đàn bà ở. « Bữa ngọc » là bữa cơm. « Lò đan » chỗ thêu thùa. Ý nói vì sương nắng trái tiết bà nhuộm bệnh, ăn kém thụt uổng không chuyên, làm cho vua Cảnh-Thịnh bắn khoả lo buồn...

(14) Phút chốc bà bỏ trần gian, tiêu dao ở non Bồng, vườn Lãng là chỗ cảnh tiên. Ý nói bà mất.

« Lẽ theo tình, tròn cuộc mấy cam (1). — Đức so thọ, lệch cân chưa đáng (2).

« Dầu ngự đoái di thề sữa mặng vài chút, lòng quyền linh (3) đành có vẻ vang thêm (4).

« Dầu ngự cảm cố khư (5) hương khói đòi chiêm (?), lệ âu tuất (6) vốn còn nhuần gội xuống (7).

« Ấy tắc vương hằng chăm một tin-thành (8). — Ất mảy chút cũng thấu lên tình sáng (9).

« Ôi !

« Bóng quạnh nước mây, thoi đưa ngày tháng !

« Chồi tiêu lan (10) dường rã rợi bên thềm (11) ! — Dầu cừ

- (1) « Lẽ là nhân tình người mà đặt ra tiết văn ». Nay làm lẽ tể là do chút tình thương nhớ. Có làm được thế thì đạo con mới trọn và lòng con mới yên.
- (2) « Người có đức thì tất được thọ ». Bây giờ thứ bậc đồng cân : Vú Hoàng-hậu là người có đức, thế mà kém thọ : thật không bằng, không xứng đáng !
- (3) Quyền uyển là yêu thương.
- (4) Ý nói : mặc dầu Vú Hoàng-hậu được đức tiên-đế (tức vua Quang-Trung) đoái thương yêu mến, sinh được vài mụn con hãy còn mặng sữa thơ ngây, làm cho bà càng vẻ vang bề thế...
- (5) Cái thành cũ. Chỉ nhà Lê đã mất.
- (6) Triều Tây-Sơn ban ơn cấp lộc cho những người trong họ Lê được cử ra đề giữ tế-tự và coi lăng-tăm nhà Lê. Việc này được đặt thành một điều lệ, và lệ ấy đến đời Cảnh-Thịch vẫn noi theo.
- (7) Ý nói : mặc dầu nhờ Vú Hoàng-đế, nhà Lê còn được tỏ đèn sáng hương ở nơi thành cũ, vẫn được nhuần-thấm trong ơn chu tuất một cách dồi-dào,
- (8) Tắc vương, do chữ «phương thôn», nghĩa là tắm lòng. Ý nói : nhưng lòng con bao giờ cũng vẫn một mực tin kính thành-thực đối với mẹ,
- (9) Chắc lòng này thế nào cũng thấu tới tình-linh anh-sáng của mẹ.
- (10) Chữ trong sách TUẦN-TỬ chỉ người được dân yêu như tiêu lan thơm tho.
- (11) Ý nói : Vú Hoàng - hậu như chồi tiêu-lan được dân ưa chuộng, nay đã tàn tạ ở trước thềm rồi !

vũ bổng lạnh-lùng dưới trường (1) :

« Nguyễn cũ hân nay lộn-vẹn (2), bên đân lăng quanh-quất mạch liên châu (4) ; — Khí thiêng gin (?) để đặc dài, trong Thanh miếu ngạt-ngào mùi quán sường (5).

« Rày nhân :

« Cách bánh liễu dư (6), — Bày hàng thề-trượng (7).

« Nhìn khâm-vệ (8) tránh ngưng mỗi vẻ, đường u-hiền xa lìa (8) ! — Dâng điện-diên (9) gọi giải mấy nhời, mối luân-thường sáng tỏ (10).

« Hỡi ôi ! Cầm thay ! »

-
- (1) Ngọc cụ, ngọc vũ, đồ đeo làm trang-sức của đàn bà xưa. Ý nói Vũ Hoàng-hậu mất, làm cho trong cung vắng-về lạnh-lùng, tưởng nhớ đến dấu tích của bà lúc còn sống.
 - (2) Bà mất đi, cái ước-nguyên « đồng sinh đồng tử » với Vũ Hoàng - để chắc nay được trọn vẹn rồi.
 - (3) Cây mọc hai gốc liền nhau. Ý nói lăng bà ở bên lăng Vũ hoàng-đế, mạch đất cảm thông, mọc cây liền gốc.
 - (4) Khí thiêng của bà còn mãi lâu dài. Mùi rượu « sường » dùng để cúng tế bà ở nhà thanh miếu đời đời thơm nức. Ý nói tinh-thần bất diệt và hương hòa nghìn thu.
 - (5) Nay nhân : xa cách chiếc xe chờ linh cửu...
 - (6) ... và bày đồ nghi-trượng đưa đám...
 - (7) « Khâm » là cỗ xe trang sức bằng da ; « vệ » là đồ nghi-trượng hộ-vệ.
 - (8) Cũng như nói « am, dương cách trở ».
 - (9) Dâng tiệc rượu để làm lễ điện-tế.
 - (10) Làm bôn phận đối với mẹ cho « đạo thường » được tỏ rõ.

« Nhật hiệu Qui-nhơn phủ : Quan, Quân, Dân thứ đẳng tri :

« Tướng vàng quyền chế ngoại (1) dẹp lửa binh mà trợ (giúp) lấy dân lành. — Người sẵn tính giáng trung (2), cỡi lưới ngược lại noi về đường thuận.

« Mấy lời căn kẽ, — Đòi chốn sum-vầy.

« Quý phủ ta : cội gốc nền vương. — Rệu phen nhà nước.

« Miền thang mộc (3) vốn đúc non gậy (?) bề, mở-mang bờ cõi bởi từ đây (4). — Hội phong vân (6) từng diu phượng vịn rồng, ghi tạc thẻ quyền (6) đánh dỗi đề.

« Dấu cờ nghĩa đã sáng công đức vận (7), — Buồi xe nhung thêm dong sức cần vương.

« Mấy phen gió bụi nhọc con dòng (8), giúp oai võ cũng đều nhờ đất cũ, — Ba huyện đá vàng bền tạc dạ, cầm cừ thù chi đề đội trời chung.

« Tiệc ca phong (9) chầm nhận vừa yên, — Vời tỉnh-hải tằm kinh lại động (10).

(1) Ông tướng vâng mệnh vua cầm binh-quyền ở ngoài biên cương.

(2) Người ta sinh ra được Trời phú-bẩm cho tấm lòng biết giữ đạo thường.

(3) Do chữ « *thang mộc ếp* » mà ra. Nguyên xưa theo chế-độ phong kiến, thi-nữ tử cho chư hầu ếp thang mộc (nghĩa đen : tấm gậy) khiến chư hầu lấy lợi thu được trong ếp ấy dùng vào việc tắm gội để tiện trai giới mà giữ lấy sự thanh sạch cho mình. Sau dùng rộng ra, « *thang mộc* » là chỗ đất phát tích của đế vương.

(4) Chỉ về vua Thái-Đức và vua Quang-Trung ban đầu đều dấy lên từ thành Qui-nhơn.

(5) Hội gió mây gặp gỡ. Do chữ trong kinh Dịch : « vân tòng lòng, phong tòng hồ » (mây gặp rồng, gió gặp hồ). Ý nói tạo-phùng đẹp hội, chính là dịp tốt để tài trai bay nhảy.

(6) Do chữ « *danh thủy gián bạch* » mà ra. Nghĩa là tên được ghi vào thẻ tre, mặt lụa (vì xưa chưa có giấy viết) đề tiếng thơn về sau.

(7) Công tôn-phò giúp đỡ nhà vua.

(8) Cái giáo lưới nhơn.

(9) Do điển vua Hán-Cao khi qua ếp Bái (hay là Bái huyện thuộc Giang-Tà bên Tàu), đặt tiệc, gó nhịp, hát bài Đại phong. Ý nói Tây-Sơn vừa mới mừng cuộc thành công ở Qui-nhơn là chỗ quê nhà.

(10) Cá kinh là tượng trưng về biến loạn giặc giá.

« Đoàn ngoại vũ lung - lẳng quen thói, nương thế dèo, đường Bến đá chia ngăn (1), — Kẻ khôn-ư (2) dáo-dở nên lòng, phụ ơn nước, chốn thành vàng phút bỏ (3) !

« Nơi trọng-địa xảy nên gai góc, — Lũ lương - gia (4) lây phải lằm than !

« Kẻ thì sa vào thế hiểm tòng (5), trót lỗ bước dễ biết đâu tránh thoát ? — Kẻ thì quá nghe lời khu dụ (6), dẫu cãm-lờn nào có kịp nản than (7).

« Giận vì địch thế hãi buông tuồng (8), — Xót đến dân tình càng áy náy !

« Trong một cõi, nổi hoành - ly là thế, đầu tên trước đạn, nghĩ cỏ cây âu đã đổi màu xưa, — Trên chín lần, niềm trắc ẩn dường bao, sớm áo, đêm cơm (9), mong đệm chiếu lại cùng êm nếp cũ (10).

« Chước điển khải ngửa vàng tiếng ngọc (11),—Việc đồng nhưng xa chỉ ngọn đào (12).

(1) Vì bảy giờ thành Qui-nhơn thất thủ, có quân Cựu-Nguyễn đóng án ngữ, nên đường lối từ dèo Bến đá đến Qui-nhơn không liên lạc với nhau được.

(2) Kẻ giữ đất đai cửa ngõ một nước.

(3) Chỉ việc Bảo đem thành Qui-nhơn xuống hàng Cựu-Nguyễn.

(4) Vì bắt ép mà phải gượng theo.

(5) Lời khuai giục, dụ-dỗ.

(6) Phàn nàn, than thở.

(7) Chỉ bên Cựu-Nguyễn vẫn còn tung hoành.

(8) Nồng nổi sa mào vào lòng đau khổ.

(9) Do chữ « *tiểu y, cẩu thực* » mà ra. Ý nói gặp lúc quốc gia đa sự, nhà vua (chín lần : cửu trùng) bao xiết thương xót nhân dân. Nhà vua vì bận rột quá, sớm đã phải thay áo, đêm mới được ăn cơm.

(10) Mong nhân dân được đặt yên trên đệm chiếu (do chữ « *nhằm tịch* ») êm ấm như thuở trước.

(11) Trên vâng lời vua phán dạy, lo tính mưu chước đẹp giặc.

(12) Coi giữ việc binh, thàng trở ngọn cờ đào,

« Bản tước nay (1) : chịu mang đèn phong (2). — Buồng oai dinh liễu (3).

« Thế phân đạo gấu giò (?) hùn thét, suối rừng pha (?) đồn lũy đã tan tành, — Cảnh sơ xuân (4) hoa rước oanh chào, đất nước thấy quan quân hơn hờ.

« Sứy mạc vốn quyết bài tất thắng (5). — Tông thành âu hện buổi phục thù.

« Ngẫm chúng tình (6) đà quải-cách bấy lâu, sự biến ấy hoặc có người nghi cụ (7) ; — Vây tướng lĩnh phải đình-ninh đòi nhẽ, thân-cổ ta cho biết nảo tông, vi (8).

« Nghiệm cơ giời đành thu góp về nhân, — Vâng ngôi thánh lấy chỗ che làm lượng.

« Bao nhiêu kẻ trót theo đảng dữ, như đã thích mê hồi thiện (9), thì đều noi chức-nghệp cũ cho yên. — Hoặc mấy người riêng lăm (?) chí cao, mà hay nỗ lực lập công, ắt lại chịu ân thưởng nay càng hậu.

« Dầu trước có hà-tỳ (10), nào xá trách. — Ai sớm hay hối ngộ (11) thấy đều dung.

(1) Chỉ Trần-quang-Diệu.

(2) Do điền : trong cung nhà Hán trồng nhiều cây phong : nên về sau, người ta dùng chữ « *đền phong* » để chỉ triều đình.

(3) Do điền : Chu-á-Phu đời Hán làm tướng đóng quân doanh ở Tế-liễu. Nhân thế đời sau dùng « *tướng liễu* » hay « *dinh liễu* » để chỉ chỗ quân doanh.

(4) Quân Diệu tiến vào Qui-nhơn, bấy giờ nhằm buổi đầu xuân.

(5) Ông tướng ở nơi màn trướng (ngày xưa, khi hành binh, viên chủ sứy cùng các tướng tham mưu thường vây màn đề bàn bạc quân sự, nên gọi là « *sứy mạc* »).

(6) Cũng như nói « Lòng người, lòng dân ».

(7) Ngờ, sợ.

(8) Ta cho kẻ thân tình, người có cụ biết rằng có hai đường đây : theo đảng nào, tránh đảng nào thì chọn đi.

(9) Bỏ điều mê-mạn, quay về đường thiện.

(10) Dầu vết không lành.

(11) Biết tính-ngộ ăn-năn lỗi trước.

« Hội thanh-ninh (1) đành trên dưới đều vui, — Người Bái quận (2)... (thiếu một chữ) móc mưa hiệp sai (3).

« Phương tị tựu vi kíp chầy chưa tỏ (4), -- Thừa Côn-cương ngọc đá khôn chia (5).

« Nghĩa cả mà nhàm, — Lòng ngay xá giữ.

« Nay hiền » (6).

CÔNG CHÚA CHƯ NHA ĐIỆN VĂN

(*Đọc trong dịp tang Vũ Hoàng-hậu năm Kỷ-mùi 1799*).

Than ôi ! đóa thượng-uyên hây hây đua nở (7), giọt sương ngưng mà hiu hắt màu hoa (8) ! Vầng thái-âm (9) vầng vật sáng lòe, hơi vụ ngất dễ mịt mờ bóng quế (10) !

« Nhẽ đời thay máy Tạo khôn dò, — Con tan hợp đoạn tình xiết kể !

Nẻo thuở doanh Hoàng phổ vẽ, trau vàng chuốt ngọc vẹn

(1) Vạn hội thái-bình.

(2) Bái-quận nguyên là nơi quê-hương của Hán-Cao-tử. Sau dùng rộng ra là nơi rau rón của một đế-vương. Người « Bái-quận ». Đây chỉ người Qui-Nhơn, chỗ quê quán Tây-Sơn.

(3) Rấy ơn huệ khắp cả mọi người.

(4) Nếu không sớm muộn biết chọn lấy đường tránh dữ theo lành thì...

(5) ... Khi người ta nổi giận, thẳng tay trừng-trị, bấy giờ các người sẽ như tình-cảnh núi Côn-sơn bị thiếu : không cứ ngọc hay đá, thấy đều cháy rụi hết.

(6) Phiên-âm theo bản chữ nôm trong DỤ-ÂM VĂN-TẬP, quyền 5, tờ 13a-14b và có so sánh với bản sao-lục, trong QUANG-TRUNG, tập hai, của H.B.H.T.T., trang 284-292.

(7) Đóa hoa trong vườn ngự dạng mơn mớn đua tươi.

(8) Mà nay vì sương lạnh đọng lại, làm cho sắc hoa héo bất điều tàn.

(9) Mặt trăng tượng trưng về hậu phi

(10) Thuyết cũ cho rằng trong mặt trăng có cây quế, nên xưa ta dùng « bóng quế » để chỉ về trăng. Câu này có ý nói vầng trăng sáng bóng có mây mù che khuất làm cho mờ đi, vì với cảnh Vũ Hoàng-hậu đang đẹp đẽ, bóng cái chết làm cho tan tác đau buồn.

mười phân (1). Trái phen bốn Vị đưa duyên (2), phím sắt soang cầm vầy một thề (3).

Trên tuyền-đỉnh diu dặt thối hòa (4), — Trong quế dịch đầm hâm hơi thuy (5).

Bóng cù-mộc sênh-sang tán đẹp, phận dựa leo đều vui chốn nương nhờ (6); — Đóa phượng lan đua ruồi màu tươi, tình vun quén cũng có phần xan-xẻ (7).

Hương nồng phấn đượm những nâng-niu, — Ngọc thuyết hoa chào cùng hủ-hỉ (8).

Bông đào nở (?) mừng duyên nghi thất (9), buổi qui ninh vâng đôi nhẽ dặn dò (10); — Giá ngọc trong khuyển nét sạ bình, lượt kiều dưỡng được mọi bề cận kề (11).

So đấng trên, âu sánh chữ cù-lao (12); — Gìn sách trước, đã sáng gương tề-mỵ (13).

- (1) « Doành Hoàng » là sông Ngân-hoàng, tức sông Thiên-hà. Nghĩa bóng nói bà Ngọc-Hân là con gái vua Lê, ra từ dòng dõi nhà Trời. Nhờ từ thuở bé, tắm thân vàng ngọc ấy được trau chuốt hoàn toàn.
- (2) Sau khi kết duyên với đức lệnh Nguyễn-Huệ, bà Ngọc-Hân được bà con nhà Lê tiễn đưa đến tận bến Vị-hoàng ở trấn Sơn-nam (nay là Nam-dịnh) để bà về nhà chồng ở Nam-hà.
- (3) Trong khi sánh duyên với vua Quang-Trung, thì đạo vợ chồng vui vầy như tiếng đàn cầm, đàn sắt, rất là hòa nhịp.
- (4) « Tuyền đỉnh » chỉ nơi cung đình nhà vua trang hoàng bằng thứ ngọc tuyền tốt đẹp. Ý nói cung thất có cái lẽ thối hòa vui.
- (5) « Quế dịch » cũng như quế cung, là cái cung thất đẹp đẽ. Ý nói trong cung đầm ấm những hơi tốt lành.
- (6) Trong kinh THI có thơ Cù-mộc, trong nói bà Hậu-phi có hiền đức ví như cây cù-mộc rờm rả, tốt tươi che chở cho những cây sần dầy, là thứ cây leo, nương tựa ở đấy.
- (7) « Phượng lan » chỉ các con cháu, Ý nói nhờ bà Ngọc-Hân chăm nom săn sóc con cháu như những cây lan thơm đều được chia xẻ ơn trạch.
- (8) Ý hai câu này nói: Các con cháu đều được bà nâng niu như hương hoa. Trong nhà ấm cúng những câu nói tiếng cười vui vẻ.
- (9) Lấy điển trong thơ « Đào yêu » ở kinh THI nói người con gái được cập thời mà thành gia thất.
- (10) Những con gái đã ở riêng, khi về nhà thăm cha mẹ, đều được nhờ bà dạy dỗ cho.
- (11) Còn con gái nào hãy còn bé, đợi kén chồng thì cũng được bà nâng niu cần thận.
- (12) Chín chữ cù lao của cha sinh mẹ dưỡng, so sánh với trời là bề trên, thật là cao cả to tát.
- (13) Khi cha mẹ song toàn, con cái thật được vui vẻ như trong sách xưa đã chép.

« Những ước thêm dao thể hạc, xôn xao tiệc thọ, ngấu dâng thơm (1) ; — Bao giờ kịp ruồi xe loan, man mác cung xuân hoa chịu tẻ (2). »

« Âm dương chia hai ngã lưỡng phiên (3) ! — Chung thủy cần một niềm dăm trẽ (4). »

« Dầu gót ngọc vui miền tịnh độ, nữ nào quên hai chồi lan quế còn thơ (5), dầu xiêm nghê vắng cảnh thanh-đô, nữ nào lãng một bóng tang du hầu xế (6). »

« Tinh biệt-ly hằng mọi nỗi băn-khoăn, kiếp sinh-hóa hẳn các điều vện vẽ (7). »

« Trên đội chín lần tri kính, chốn đình vi sẵn sóc chẳng người tinh (8). — Trước dâng sáu chữ truy-tôn (9), việc khâm-vệ sửa sang càng xứng lễ (10). »

« Rày nhân :

« Hầu cách linh dư (11). — Kính bày diên lễ (12). »

(1) Những mong bà được sống lâu như tuổi hạc để con cháu làm tiệc mừng thọ ngọt ngào trong hương sen (ngấu) thơm.

(2) Ai ngờ bà vội mất ngay, làm cho con cháu đang tuổi xuân xanh, phải buồn tẻ như hoa ú héo !

(3) Từ nay âm-dương cách biệt, các con rất buồn phiền.

(4) Nhưng một dạ kính cần, trước sao sau vậy, các con không dăm trẽ nài.

(5) Dầu bà vui vẻ đi về cảnh Phật, nhưng quên sao được hai chút con nhỏ hấy còn thơ ngây.

(6) Dầu bà vắng bóng ở thành đô là chỗ cung khuyết vua ở, nhưng bà quên sao được đức Phù-ninh Từ cung là mẹ đang lúc tuổi già như mặt trời xế bóng trên ngọn cây dâu.

(7) « Vện vẽ » cũng như trọn vện.

(8) Nhờ trên có đức vua Cảnh-Thịnh hết lòng hiếu kính, quuyến luyến chốn đình-vi là chỗ cha mẹ ở mà sẵn sóc đến nơi đến chốn.

(9) Vua Cảnh-Thịnh làm lễ truy-tôn bà tháng mười một, năm Kỷ-mùi (1799) đã đặt sáu chữ làm miếu-hiệu là « Như ý trang thận trinh-nhất ».

(10) Nay bày đồ xe tang và nghi-vệ để làm việc chôn cất, lại càng xứng hợp với lễ lắm.

(11) Nay sắp sửa xa cách linh-cữu.

(12) Kính bày lễ tế diện.

« Trông đóa bạch vân (1) thăm thăm, linh nghĩa xưa là
dứt vì đâu ? — Dâng tuần hoàng thủy vui vui (2), nghi vấn ấy
thấu soi chẳng nhẽ ?

« Hỡi ôi ! Cảm thay ! »

(Phiên âm theo bản chữ nôm
trong DỤ-ÂM VĂN-TẬP
chưa in ra quốc ngữ bao giờ)

—

(1) Đóa mây trắng.

(2) Dâng lễ cúng tế đạm bạc bằng chút nước vúng ao. Ý nói lễ bạc mà lòng
thành kính có thể cảm cách đến vong linh,

CHƯƠNG II

NHỮNG TỬ NHỤC CỦA MỘT ÔNG VUA VONG QUỐC

Như trên đã nói, sáng sớm hôm mùng 5 tháng giêng năm Ất-Dậu, khi nhìn về phía Tây-Bắc thành Thăng-Long thấy khói lửa ngất trời lại được nghe quân kỵ-mà đi do thám chạy về báo tin đại bại, Tôn Sĩ-Nghị hốt hoảng bỏ chạy qua sông Nhị-hà để rút về Trung-quốc.

Đạo quân Vân, Qui (Vân-Nam và Qui-châu) có nhiệm-vụ đến tăng cường cho đại-quân của họ Tôn thấy Sĩ-Nghị mất hút cũng tìm đường tháo lui.

Vua Chiêu-Thống cũng vội vã chạy theo Tôn Sĩ-Nghị có Đê-lĩnh Nguyễn Viêt-Triệu tùy-tùng, còn bọn Lê-Quỳnh và Hoàng-đệ Duy-Chỉ trở về hoàng-cung đón Thái-hậu, Hoàng-phi và cung-tần.

Tối hôm mùng sáu, đạo ngự mới chạy đến cửa Nam-quan sau khi bị đói khát luôn hai ngày, ai nấy đều mệt lả.

Tại đây vua Chiêu-Thống gặp Tôn-sĩ-Nghị. Họ Tôn thì bẽn lẽn, vua Lê thì ủ-dột.

Tôn vẫn bàn với vua Lê xin Thanh-đình cho tiếp viện và mời vua Lê vào đóng ở Nam-Ninh vì Nam-quan gần đất Việt e quân Tây-Son đến truy kích.

Vua Lê đành theo, rồi vào tạm trú ở Quế-Lâm (tỉnh-trị Quảng-Tây), lòng tràn đầy uất hận.

Đề độc giả hiền nông nổi gian lao, đau khổ của vua tôi nhà Lê lúc bôn-đào, xin trích ra đây vài câu trong bài « Bắc

Sở Tự Tình Phú » của Lê Quỳnh kể tông vong của vua Chiêu-Thống đến phút cuối cùng :

*Đem sức muối mà loan vác núi,
Lấy thân hồ muốn mượn oai hùm !
Tồn cô, phục sở những ai ai, dở dang thân thể !
Tù (1) Hán, tù Yên là thể thể : khe khát nổi đời !
.....
Ấn dất kháo gì run dưới rãnh,
Bớt mình cũng tựa bướm vào đèn.
Năm ngời bao quân thân tàn : ồ chó, chuồng gà thừa
sạch-sẽ !
Sống chết mặc dầu số mạng : con ong, cái kiến xoay
vân !*

Lúc này, được tin Tôn-Sĩ-Nghị thua lớn, Thanh-dinh đã cử Phúc-Khang-An làm « Đê-dốc cứu lĩnh binh-mã » sang đánh phục thù cho họ Tôn

Trong giai-đoạn này, các cựu thần nhà Lê cũng lần sang Quảng-Tây dần dần, kể do đường Đồng-trụ, kể do đường Long-môn Trấn Nam-quan và Cao-Băng : Đinh Nhạ-Hành, Đinh Lệnh-Dần, Trần Huy - Lâm, Phan Khải - Đức, Bế - Nguyên - Cung, Bế-Nguyên-Doãn, Lê-Đĩnh, Hoàng-thúc Lê Duy-Án v. v. . . .

Nhưng rồi triều Thanh do ý-kiến của bọn Phúc-Khang-An đề bạt lên, thấy việc ngừng chiến đề giao hảo với Tây-Sơn có lợi hơn liền cương-quyết bỏ rơi vua tôi nhà Lê,

Khang-An đã sắp đặt mọi việc như sau :

1) Viết thư cho Ngô Thời-Nhậm bảo nên đem vàng bạc lo lót cho Hòa-Khôn là Các-thần người Mãn vốn được vua Kiền-Long rất tin cần đề nêu ra việc bãi binh và phong vương cho Quang-Trung (Việc này được vua Quang-Trung hưởng ứng nhiệt liệt và vua Thanh chấp thuận tức khắc).

2) Bảo Ngô Thời-Nhậm nhân danh vua Quang-Trung thảo tờ biếu tạ tội và xin chờ lệnh đề dâng cống phẩm theo thường lệ. (Việc này được bên Tây-Sơn nhất nhất tuân hành).

3) Cho ngựa trạm gấp rút mang ngay giấy tờ của vua Quang-Trung đi Yên-Kinh. (Được vua Quang-Trung xin bãi chiến

(1) 佐

và cầu phong, vua Thanh liền cho ngay sứ bộ An-Nam là Vũ Huy-Tấn, Ngô Vi-Quý qua ải chờ đợi, rồi cử sứ-giả sang phong cho Quang-Trung làm An-Nam Quốc-vương. Sau đó, vua Kiền-Long đòi Quang-Trung thân sang châu, sự-thể thế nào các bạn đọc những chương (trên đã rõ).

4) Đối với bọn vua Chiêu-Thống, Khang-An tìm cách lừa gạt dần : Lúc đầu Khang-An hạ lệnh bãi hết binh mã các tỉnh, bày tiệc linh đình khiến vua Lê ngạc nhiên phải hỏi về việc Nam-chinh.

Khang-An nói : hãy chờ mùa thu mát mẻ rồi sẽ tính đến việc xuất binh.

Khi vua Lê uống rượu say rồi, Khang-An bảo :

« — Kỳ hẹn dấy quân chẳng còn bao lâu nhà vua và tả-hữu se đi trước dẫn đường. Nhưng đề cho giặc không phân biệt được nên gọt tóc và đổi y - phục cho đúng như người Trung-quốc. Khi được việc rồi sẽ lại theo nếp sống cũ, việc hành-quân phải tri-trí là thế, nhà vua đừng ngần ngại . . . »

Vua Chiêu-Thống và các bề tôi nghe theo. Khang-An mừng lắm, liền cấp-phát cho một số tiền bạc hậu-hĩ.

Được như lời, Khang-An viết tờ mật biểu lên vua Kiền-Long nói : *An-nam quốc-vương Lê-Duy Kỳ không còn ý xin cứu viện và đã gọt tóc và ăn-mặc theo người Trung-quốc... »*

Mưu-kế của Khang-An và Hòa-Khôn như vậy đã thành-công. Xét ra bọn họ hợp nhau thi-hành kế giảng-hòa là điều có lợi cho đôi bên, khỏi còn sự chém giết; vả chăng Khang-An cũng như Tôn sĩ-Nghị chỉ là kẻ văn-nhược (xuất thân là ẩm sinh) nhưng cùng là người Mãn nên được nhiều cảm-tình của vua Thanh, nay được lĩnh chức *thể-đốc Cửu tỉnh binh-mã* sang phục-thù cho Sĩ-Nghị nếu làm nên việc sẽ khó dấu nổi sự bất-lực và sẽ mất địa-vị thì lo việc hòa hiếu giữa An-Nam và nhà Thanh cho khỏi điều trách-nhiệm vẫn là tốt hơn mà lại được dịp kiếm được ít vàng bạc của Tây-Sơn bỏ túi.

Ít lâu sau, bọn Lê-Quýnh xong công-tác về nước chiền-dụ các thổ-hào chuẩn-bị việc khôi-phục trở qua Quế-Lâm.

Khang - An cho mời Quỳnh cùng các văn - nhân võ-tướng trong bọn đến đề đòi gọt tóc và thay y-phục như những đồng-chi đang có mặt ở đất Trung-quốc.

Quỳnh phản-nộ liền và đã nói được một lời rất khẳng-khái :

— Chẳng bàn gì đến việc xuất binh mà chỉ đòi gọt tóc thay đổi y-phục là làm sao ? Chặt đầu ta thì được chớ cắt tóc ta thì không xong !

Sự khẳng-khái này đưa lại một kết-quả dĩ-nhiên bi-thảm : Quỳnh bị đem đi an-trí ở Sơn-Đông (*Hoàng-Lê nhất thống chi* chép: Quỳnh bị đi an-trí ở Quảng-Tây),

Rồi vua Chiêu-Thống được lệnh vua Thanh đòi lên Yên-Kinh trong khi triều Thanh đón rước tưng-bưng giả-vương nước Việt.

Nhà vua lên đường vào mùa Xuân năm Canh-Tuất, tháng tám mới tới nơi.

Tình cờ, vua Kiêu - Long đi tuần đến Sơn - Đông nghe tin Quỳnh có mặt ở đây, nhà vua đòi Quỳnh đến Thái-an hành-cung dự dõ :

— Chủ người đã xin ở lại Trung-quốc, lũ người giốc lòng theo, sự trung-nghĩa thật đáng thương và cũng đáng khen. Theo lời tâu của Quân cơ đại-nhân (Hòa - Tân) thì tiền các người không thể là « được như Bao-Tự mà thoát thì khó sống nổi với Nguyễn-Huệ... Bây giờ các người nên gọt tóc, thay y-phục ở lại Trung-quốc là hay hơn cả...

Bọn Quỳnh cùng tâu :

— Bọn tiều-lhăn từ xa muôn dặm theo Chúa đến đây hãy xin được giữ quốc-tục ra mắt Hoàng-đế sau sẽ xin phụng chỉ.

Vua Thanh khen ngợi rồi cho cả bọn về Yên-Kinh.

Tại đây bọn người Việt lưu-vong phải chia làm hai nhóm : Vua Lê, Thái-lậu và Nguyên-tử trợ ở cửa Tây-dịnh, cạnh nhà *Quốc-tử giám*, ngoài cửa có bảng đề chữ « *Tây An-Nam doanh* ». Các quan thì ở cửa Đông-trực, cạnh nhà *Dương-phổ*, có bảng đề là « *Đông An-Nam doanh* ».

Vua Thanh cung cấp lương thực và cho đi lại tự do.

Sau được tin vua Thanh sắp đi nghỉ mát ở Nhiệt-hà, bọn vua Lê làm biểu xin quân nhờ Đô-thống đội cờ Nhượng-hoàng là Kim-Giản chuyển lên vua Thanh để vào yết-kiến. Biểu văn này đã bị bọn Kim-Giản, Hòa-Thân, Phúc Khang-An tự tiện sửa chữa để che dấu vua Thanh.

Vua Thanh không cho gặp mặt truyền thông-sĩ báo rằng : « Hoàng-đế có chỉ khen ngợi ». Lúc này vua nhà Lê và các quan đều quỳ ở phía Tả-đường rồi được lệnh trở ra về.

Một lúc sau, Kim-Giản mang chỉ của vua Thanh ra phong cho vua Lê chức Tả-lĩnh được thế-tập và ban cho mũ áo tam-phàm. Tiếp đó chỉ đòi vua Lê tới tận sân điện để nhận thêm 400 lạng bạc và các đồ vật (quần áo, giày mũ v.v...) còn các bề tôi thì được mỗi người 500 đồng tiền và các lệ ngạch khác chuẩn theo người trong « bát cớ » ?

Qua tháng tám, Kim-Giản được lệnh vua Thanh đến thăm nom vua Chiêu-Thống và lấy Phan Khải-Đức làm Khiêu-ky-hiệu, Đinh Nhạ-Hành, Phạm Đình-Thiện làm Lĩnh-Thôi. Các người khác được ban mỗi người ba khẩu-phần lương, ba lạng bạc và một thạch gạo mỗi tháng.

Đến giờ phút này, thầy trò vua Chiêu-Thống mới thấy vỡ mộng sau khi suy-xét từ việc gọt tóc, đổi áo đến việc ban tiền bạc, chức-tước của triều Thanh. Rồi ông vua cuối cùng đòi Lê-mạt đã làm mấy thiên đường-luật nói lên những nỗi tâm-sự chua chát của mình như sau :

Cố hương thiều đệ tin âm diêu,
Nhất phú mao khâu bách cảm chiêu,
Sương tuyết na kham phi cổ quốc,
Phong ba thủy dữ cộng kim triều.
Bất tu đối khắp tăng trừ trường,
Thả phú đẳng lâu úy tịch liêu.
Tảo thực phiêu vân đa bất trắc,
Khả tương tung tích hồn ngư tiều.

Dịch : « Tìn nhà bản bất cách trời mây,
« Một khúc gò Mao mấy đắng cay.
« Sốt nổi tuyết sương nơi đất lạ.
« Ai cùng sống gió cuộc ngày nay ?
« Chi trò « đối khóc » càng thêm tủi,
« Nay phú « lên lầu » hầy tạm khuây.

« *Mây trở, khôn lường đời lật lọng,*
« *Thôn chài, xóm củi, liệng qua ngày.*

Nhất soang tâm-sự hữu thù tri,
Uất-khi không hoài úy đầu, ky.
Thân thế thán như triều đảng dạng,
Hành tàng tiểu tự liễu ly phi.
Khuyến quân thả tửu Tân-đình lệ,
Đãi ngã hoàn ngân trung-lộ thi.
Thử khứ hảo bằng tam xích kiếm,
Khẳng giao tha thị độc tiên thi.

Dịch : « *Một tấm lòng son ngổ với ai ?*
« *Khi căm như muốn phá mây trời,*
« *Gập ghềnh thân tựa trào xô dập.*
« *Lạng chạ đời như liễu tả tơi,*
« *Giọt lệ Tân-đình người vẩy thử,*
« *Câu thơ Trung-lộ lở ngấm chơi.*
« *Chuyến này chỉ cạy guơm ba thước.*
« *Hà trận dòn thấy chịu kém người ? (1)*

Một cố-găng cuối cùng !

Mùa Đông năm ấy, vua Chiêu-Thống cùng các quan Phạm Như-Tùng, Hoàng Ích-Hiền, Nguyễn quốc - Đổng, Nguyễn đình - Cầm, Lê - Hàn, Lê văn-Trương, Lê quý-Thích, Lê - Thúc uống máu ăn thề thảo biểu xin quân phen chót, nói rằng nếu không được Thanh triều giúp sức thì xin cho giữ đất cũ là hai trấn Hưng-Hóa và Tuyên-Quang để thờ tổ-tiên, hoặc cho lên về Gia-Định hợp sức với chúa Nguyễn tính cách khôi-phục, nhưng bằng có sự bất-trắc sau này thì cũng đành liều mà thôi.

Lần này người ta cũng vẫn phải nhờ đến Kim-Giản nhưng Giản từ chối. Vua tôi nhà Lê phục xuống đất khóc lóc âm-ĩ, không chịu ra về.

Kim-Giản phải mời vào, pha trà đãi đọa rồi vỗ-về rằng :

(1) Không có biệt tài về nghệ dịch thơ chữ Hán, những bài trên này đều dịch lược đề cung một sử-liệu cho các độc-giả. Nếu có câu nào không lột được hết ý-nghĩa của nguyên văn xin các ngài vui lòng tha-thứ và sửa giúp cho (Phan trần-Chức, tác giả *Bánh xe khứ quốc* hay là *cúp đời trôi nổi của vua Lê Chiêu-Thống*).

— Nhà vua cứ bình - tâm, tôi sẽ thương - lượng việc này cho.

Sau đó một tháng vua Lê được lệnh về Khâm-châu để chờ tới mùa Xuân nhà Thanh sẽ ra quân. Đến giải-đoạn này vua tôi nhà Lê thấy rõ tình ý của Thanh triều nếu không tin-tưởng lắm.

Tháng ba năm Tân-Hợi, người Thanh đưa vua tôi vua Chiêu-Thống mỗi người đi ở riêng một nơi để khỏi có sự kêu ca lời thối.

Sau đó, Hòa-Khôn lại cho người báo tin :

— Hiện đã có chỉ cho Quốc-vương về Tuyên-Quang. Quốc-Vương hãy cùng các bề tôi chỉnh-đốn mũ áo vào triều tạ ơn.

Các quan Lê lần này tin thật, lục-tục theo Khoa-Lan là phái-viên của Hòa-Khôn vào ấn-phòng. Tới đây họ đóng cửa lại rồi dùng xe trâu đưa cả bọn đi an-trí ngoài ba trăm dặm, mỗi người một phương : Hoàng ích Hiền đi Y-Lê ; Lê-Hàn đi Phụng-Thiên ; Như-Tùng đi Hắc-Long-Giang ; Quốc-Đổng đi Cát-Lâm ; bọn Viêt-Triệu và Lê văn-Trương đi Nhiệt-hà và Trương gia-Khẩu. Riêng Trần-Thiện được ở lại hầu hạ vua Chiêu-Thống.

Vua Lê nghe tin biến này đến tìm Khoa-Lan định can-thiệp cho bề tôi thì y đã vào châu vua Thanh ở vườn Viên-Minh.

Vua Lê không chịu chờ vì nóng ruột nên cứ dong ngựa đi thẳng vào vườn liền bị lính canh ngăn trở. Người dắt ngựa cho nhà vua là Nguyễn văn-Quyên thấy vậy phần uất quá la hét ầm lên.

Lính canh sợ việc lộn-xộn đến tâu vua Thanh liền giật lấy ngựa, vực vua Lê lên xe đưa ngay về Thận-hình-ty giam lại.

Văn-Quyên chửi :

— Đàn chó Ngò dám làm nhục vua ta à !

Vừa chửi, Văn-Quyên vừa cạy gạch ở sân ném bừa. Bọn lính Thanh ủa vào đánh Văn-Quyên gần chết rồi cũng đem nhốt lại gần một tháng mới cho về. Sau đó, Quyên bị bệnh ma mất.

Trong lúc vua Lê bị giam, Hòa-Khôn lại sai người đến ép Thái-hậu làm tờ biểu nói rằng Quốc-vương xin ở lại Trung-quốc và tội xông vào cửa khuyết làm huyền nào là do mấy kẻ bề tôi ngu muội.

Biểu đương thảo, Nguyễn Trọng-Đắc bước vào trông thấy giằng lấy xé đi.

Người Thanh giận lắm, lại bắt Trọng-Đắc về Tây-doaanh, từ đó không cho người của hai ty gặp nhau nữa và việc xin quàn không còn ai nhắc nhở nữa.

Mùa Hè năm Nhâm-Tý, Nguyên-tử lên đậu rồi mất (1).

Vua Lê càng đau khổ, càng tuyệt-vọng thêm, ruột gan mỗi ngày nẫu như tương rồi nằm bệnh không dậy được. Năm sau, tình trạng sức khỏe thêm trầm trọng, trước khi chết dặn Lê Duy-Vượng là con nuôi tận tâm hầu hạ người đến phút cuối cùng rằng :

-- Ta gặp lúc vận nhà đen tối, không giữ được nước phải bỏ ra đi. Đến đây lại bị nhà Thanh lường gạt dành mang hận theo cái chết, âu cũng là lòng trời. Sau này, các người có trở lại nước nhà, cố mang nắm xương tàn của ta về theo để chôn ở cạnh lăng liệt thánh — nên nhắc cho mọi người ý ta như vậy...

Rồi vua Lê tắt nghỉ. Hôm ấy là ngày 16 năm Quý-Sửu, tức là năm 58 hiệu Càn-Long vừa lúc mới 28 tuổi.

Qua Lịch-sử, ta thấy mẹ con vua Lê Chiêu-Thống là những người xấu số nhất, (2) và việc vọng ngoại của nhà vua cùng các triều-thần đáng là một kinh-nghiệm quý giá cho người đời sau.

Ngày nay người ta thường đem chuyện « *Công rắn cắn gà nhà* » ra đề sỉ-vả vua Lê Chiêu-Thống. Thiết nghĩ như vậy có phần quá đáng, thật ra ông vua niên-thiếu này chỉ biết nghe

(1) Bọn vua Lê chạy sang Tàu ở tại An-Nam Tây-doaanh được 4 năm thì Nguyên-tử chết, năm sau thì nhà vua qua đời. Đến năm thứ tư hiệu Gia-Khánh nhà Thanh, Thái-hậu cũng lo nghĩ quá mà mất.

(2) Mẹ vua Chiêu-Thống là Tiên-dung quận-chúa, trường-nữ của chúa Trịnh-Doaanh gả cho Thái-tử Duy-Vĩ là con vua Lê Hiến-tông (1740-1786). Vì Duy-Vĩ thông-minh, tài giỏi lại có đạo-dức, Trịnh-Sâm có ý

đám triều-thần bắt tài mà tiêu-tan sự-nghiệp. Thời-cuộc quá nghiêm-trọng, nhiều biến-cố xảy ra quá dồn-dập, gay-go, nhà vua lại quá non nớt, vậy chỉ nên qui trách-nhiệm vào giới người lĩnh-đạo chính-quyền thuở đó mà thôi. Dầu sao, sau này Phan Tây-hồ tiên-sinh nói : *Vọng ngoại chí ngu* vẫn không phải là vô lý vậy.

ghen. Sau đó, lại có chuyện xích-mích trong gia-dình nhân-dịp một bữa tiệc theo lễ vua tối, mẹ Trịnh-Sâm không cho ngồi ngang với Thái-tử. Sâm càng thêm giận, đứng dậy bẻ dũa thề cùng Thái-tử một mất một còn.

Năm 1767, Sâm lên nối ngôi chúa, sai bọn hoạn quan cáo gian cho Thái-tử tư-thông với nàng hầu trong phủ rồi bắt Thái-tử thắt cổ chết ở trong ngục.

Vợ Thái-tử cùng các con liềm đó cũng bị giam, sáu năm sau gia-dình này mới được kiều-binh giải-phóng vào dịp có cuộc đảo-chính Trịnh-Cán đề lập Trịnh-Khai lên ngôi Chúa (Nhâm-Dần 1782).

Vua Chiêu-Thống cũng như cha thất-thế ngy từ thưở thiếu thời, giữa tuổi thơ-ấu đã bị cảnh ngục tù đầy-dọa thê-thảm.

Được ra nhìn ánh-sáng mặt trời vài bốn năm đến năm Bính-Ngo (1786) thì Duy-Kỳ được lên ngôi thay ông (vua Hiền-Tông) lấy hiệu là Chiêu-Thống hưởng phú-quý chẳng bao lâu thì bị quốc-biến phải chạy qua Tàu để chịu bao nhiêu sự nhục-nhã rồi mang hận xuống tuyền-đài nơi đất khách. Đáng thương thay !

CHƯƠNG III

NGỌC-HÂN CÔNG-CHÚA, MỘT VAI TRÒ CHÍNH-TRỊ, MỘT NGHI-VẤN LỊCH-SỬ

Với những trang trên đây bàn về quốc-văn đời Tây-sơn, chúng tôi đã có dịp giới-thiệu bài *văn-tế vua Quang-Trung* và bài *Ai-tư-văn* của Ngọc-Hân Công-chúa (1) đầu chẳng nhiều về lượng nhưng về phẩm vẫn đáng kể là một sự-nghiệp văn-học đặc sắc dưới đời Tây-sơn. Nhưng nói đến Ngọc Hân về văn-học mà không nói đến vai trò chính-trị của Bà vào năm 1786 tức là năm vua Quang-Trung ra Bắc-bà diệt Trịnh cũng là một sự thiếu sót đáng trách. Đối với chúng ta ngày nay sử-học cần phải được hiểu biết sâu rộng, do đó với « *Việt-sử tân biên, quyển IV* » chúng tôi thấy cần đề-cập đến vai trò chính-trị của bà cho được đầy-đủ hơn.

A.— Ta hãy thử bàn về vai trò chính-trị của Ngọc-Hân Công-chúa. Thực ra Ngọc-Hân lấy Nguyễn-Huệ là do mưu của Nguyễn hữu-Chỉnh, khi Chỉnh thấy Nguyễn-Huệ nổi xung về cái trước « *Phù chính-đức Vũ-uy Quốc-công* » mà triều-đình của vua Lê Hiền-tông đã gán cho kẻ vừa quét sạch đám phong-kiến mục

(1) Ngọc-Hân Công-chúa là con gái thứ 21 của vua Lê Hiền-Tông (1740-1786). Mẹ là Nguyễn thị-Huyền người xã Phù-ninh, tổng Hà-dương, phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh (Bắc-Việt) kết duyên với vua Quang-Trung vào năm Bính-ngọ (1786), hồi 16 tuổi có biệt tài về văn-chương, thi phú. Bà trở nên góa phụ sau 7 năm hương lửa với người anh-hùng đất Qui-phơn, sinh được hai con,

nát ở Bắc-hà. Đây là một hành-động hết sức vụng dại và quá thiếu sót về tâm-lý khiến Huệ đã phải để mặt nói ra với Chính :

« Ta đem mấy vạn lính ra đây, chỉ đánh một trận đẹp được cả thiên-hạ. Một lấc đất, một tên dân của nước Nam bảy giờ đều là của ta hết. Ta muốn xưng đế xưng vương gì mà không được? Sở-dĩ ta nhường ngôi đó là bởi ta có hậu với nhà Lê, chứ chức Nguyên-súy với Quốc-công thì có hơn gì? Hay là nước Nam muốn lấy tiếng hảo đó để lung-lạc ta?... »

Nhận thấy Huệ có thái-độ bất-mãn đó, Chính là người nhanh trí khôn liềm kiếm ngay lời nói khéo cho người con giận của Huệ :

« Xin ông đừng vội giận, vừa đây Hoàng-thượng đã bảo riêng với tôi rằng nhà vua kiếm bạc không có gì đáng tặng ông, cái tước nhỏ mọn này cũng không làm cho ông sang thêm nhưng tục nước (1) vốn thích lễ-nghi nên đặt ra chỉ là để tỏ lòng thành mà thôi. Trong thám iâm, nhà vua muốn giằng buộc tình thân giữa hai họ và hai nước đời đời cứ làm thông-gia với nhau, nhưng chưa biết ý ông thế nào mà nói... »

Rồi Chính giới-thiệu lần lượt năm sáu công-chúa con gái vua Hiền-Tông trong đó Ngọc-Hân là người có tài sắc nhất bảy giờ mới 16 tuổi. Từ nhỏ, Ngọc-Hân tỏ ra rất thông-minh và được học-hành nhiều, do đó mà bài Ai-lu-văn cùng bài văn-tế khóc chồng của bà đã được công-nhận một áng văn trác tuyệt sau này.

Cuộc hôn-nhân này đã được thành-tự. Nó là một cuộc hôn-nhân chính-trị hay là một kế-hoạch chính-trị đã cứu-vãn tình-thế của nhà Lê thuở ấy mong-manh hơn sợi tơ trước gió. Thật vậy, nếu Chính quả có ác-ý với nhà Lê thì chỉ là một lời nói khích của Chính lúc này như lửa cháy đổ dầu thêm cũng đủ làm cho ngai vàng của vua Lê tan ngay ra tro bụi. Tiếc rằng sau đó vua Chiêu-Thống quá non-nớt, triều-đình tuy lắm mặt khoa mục to-tát vậy mà cứ đi từ cái vụng dại này qua vụng dại khác để rồi như khiêu-khích Bắc-bình vương đem quân ra tận diệt chính quyền Bắc-hà.

(1) Vào thời Lê-mạt và Trịnh-Nguyễn phân tranh trên giấy tờ cũng như trên ngôn-ngữ, Nam, Bắc đã coi nhau hằn hai nước.

Cái đại thứ nhất : vua Lê Hiền-tông vài hôm sau ngày đại biến ở Bắc-hà, (*Tây-Sơn chiếm Thăng-Long, Trịnh-Khải bại vong...*) thở hơi cuối cùng Triều-đình và hoàng-gia lập Hoàng-tôn là Lê-duy-Kỳ lên ngôi, nhưng theo lời vua Hiền-tông dặn-dò trước khi mất là phải bầm bạch với Nguyễn-Huệ. Nhưng khi nêu tên hoàng-tôn thì Huệ không chịu. Việc này xét ra là do ý-kiến của Ngọc-Hân bởi khi Huệ hỏi thăm từng người trong con cháu nhà vua, nàng có ý thiên về anh là Sùng-nhượng-công hơn là về cháu (vua Chiêu-Thống là con thái-tử Lê duy-Vỹ, anh cả Ngọc-Hân). Nàng đã phê-bình rằng Lê duy-Kỳ tính tình tầm thường...

Rồi vì cái lặc đầu của Nguyễn-Huệ mọi người đều hoảng-hốt không biết xoay trở ra sao. Hoàng-thân Vương quận-công đã qui trách-nhiệm cho Ngọc-Hân nói rằng :

— Tự tôn không làm được vua, thiên-hạ sẽ loạn, nhà Lê sẽ mất, lỗi đó sẽ ở công-chúa. Như vậy từ nay sẽ xóa tên công-chúa trong sổ họ... »

Người đàn bà này vẫn giàu tình - cảm, nghe thấy thế sợ mang tiếng với hoàng-tộc vội nài chồng thay đổi ý-kiến do đó Duy-Kỳ mới đăng-quang xong lấy hiệu là Chiêu-Thống. (*Duy-Kỳ còn được gọi là Duy-Khiêm nữa*).

Cái vụng thứ hai : Được tin vua Hiền-Tông mất, Huệ bấy giờ đã cho mình có bổn-phận của người con rể nên sấm sửa đề vào cung lo liệu việc tổng táng nhưng đợi mãi không thấy hoàng-tôn sang mời. Sự thực Hoàng-tôn sợ làm phiền Huệ nên khi nhập liệm rồi mới cho sứ-giả sang bẩm. Huệ cho rằng mình bị coi như người ngoài, giận lắm sai người vào triều đòi hoãn việc đăng-cực đề lập người khác. Người của Huệ đến nơi thì nghi-lễ đã hoàn tất. Huệ càng tức thêm, gọi công-chúa ra trách và cho quân-sĩ sửa-soạn ra về.

Ngọc-Hân lần này phải bỏ nước mắt đề tưới vào cơn lửa giận của Huệ sau ngẫm cho người báo tin cho Duy-Kỳ sang tạ lỗi, nhờ vậy thêm một lần nữa triều Lê qua cơn sóng gió, do nụ cười hay giọt lệ của giai-nhân.

Tóm lại bại việc này bề ngoài dường không quan-trọng mà thật ra lại quan-trọng vì ai mà không nhận ra rằng nếu Ngọc-Hân không can-thiệp thì Bắc-hạ đã rơi vào tay Tây-Sơn ngay từ

bấy giờ, chờ chẳng phải đợi phen sau nữa. Ngoài ra nếu triều-đình Bắc-hà khôn-ngoaan khéo-léo đã khai-thác được Ngọc-Hân rồi mượn sức Tây-Sơn củng-cố ngai vàng cho ông vua ít tuổi, dầu còn cái nạn tranh-chấp giữa Trịnh-Bồng (Trịnh-Phùng) và Trịnh-Lệ sau này. Và như vậy sẽ không có cả việc vua Chiêu-Thống mời Nguyễn hữu-Chỉnh ra dẹp nội chiến ở xứ Bắc. Cũng như sẽ không có cả việc cử Trần công-Sán vào đòi lại xứ Nghệ đã chọc giận Huệ quá nhiều. Về phương-diện khác, nhờ mưu của Chỉnh, Ngọc-Hân là con người tài-sắc đã đem gả được cho Nguyễn-Huệ tức là đã dựng được bức tường thành trên con đường Bắc-tiến của Tây-Sơn, mà không biết lợi-dụng được cái kế mỹ-nhân tới cùng thì quả cái tài của mấy ông trí-thức đời bấy giờ mới, đáng buồn làm sao ! Ấy là không kể khi quân Tây-Sơn như gió lốc cuốn ra Bắc-hà lần thứ ba đánh bại cả vua tôi nhà Lê, Chiêu-Thống chạy khắp mọi nơi với một số nhỏ thủ-túc đã bị nhiều ông mũ cao áo dài lánh mặt, bỏ rơi hết sức trắng trợn, trách gì mấy kẻ vô lại sờ lưng nắn túi để bóc lột ông vua vong bại...

B.— Về chung-cuộc của bà sau khi nhà Tây-sơn cáo-chung, sử sách cận-đại cũng thiếu sự minh-bạch do đó đã có những giả thuyết dưới đây :

1) Sau khi nhà Tây-sơn thất bại, Ngọc-Hân gặp Nguyễn-Ánh và do nhan sắc kiều-diễm, bà đã thành một bà phi của Thế-tổ nhà Nguyễn.

2) Sau khi Phú-xuân thất thủ, bà cùng hai con chạy vào Quảng-Nam sau bị phát-giác và xử tam-ban triều-điền (1).

3) Sau khi vua Quang-Trung qua đời, bà và hai con đã bị bí-mật thủ-tiêu vì sự tranh chấp ngôi vị.

Giả thuyết thứ nhất đã do ông Việt-Thường đưa ra trong bài « *Les caprices du génie du mariage ou l'extraordinaire des tinées de la Princesse Ngọc-Hân* » (Những sự oái-oăm của Nguyệt-lão hay là số kiếp ly-ký của Ngọc-Hân Công-chúa).

(1) Tam-ban triều-điền là hình phạt đặc-biệt áp-dụng cho những yếu-nhân chiến-trị buộc phải tự ý chọn một trong ba thứ : Thắt cò, uống thuốc độc hay tự đâm cò mà chết. Thứ hình phạt này của người Tàu lập ra.

Bài này được đăng trong « *Bulletin des Amis du Vieux Huế* » (Đô-thành hiều cổ) số 4 phát hành 1941.

Giả thuyết thứ hai thuộc ông Ngô tất-Tố trong cuốn « *Thi văn bình chú* » và thuộc ông Phan trần-Chúc trong cuốn « *Triều Tây-son* ».

Giả thuyết thứ ba do ông Thái văn-Kiểm đưa ra trong buổi thuyết trình tại trường Đại-học quân-sự Sài-gòn ngày 31-3-1961.

Mặc dầu chúng ta có một số sử-liệu trong tay, cái chết của Ngọc-Hân đến nay vẫn là một nghi-vấn trên lịch-sử. Người ta đã đưa ra quá nhiều giả thuyết khiến ta phải buồn mà nghĩ rằng một việc mờ-mịt, thân thế và sự-nghiệp của một nhân-vật khá quan-trọng về văn-học cũng như về chính-trị như Ngọc-Hân mà bị các nhà chép sử sao nhãng đến như vậy thì cái quan-niệm viết sử của triều Nguyễn thật là đáng trách vô cùng. Đến nay, hậu sinh chúng ta phá đám sương mù về vụ Ngọc-Hân không phải là điều dễ.

Căn-cứ vào 5 bài diếu-văn của Phan huy-Ích trong *Dục-Am thi-lập* và nhiều sử sách khác. Ngọc-Hân mất vào năm Kỷ-Mùi (1799) sau khi vua Quang-Trung tạ thế được 7 năm (Nhâm-tí tức 1792). Tác-giả *Quốc-văn đời Tây-son*, Hoa-Bằng Hoàng thúc-Trâm đã cương-quyết bác cái thuyết Ngọc-Hân lấy Gia-Long và cũng bác luôn cả thuyết Ngọc-Hân cùng hai con đi lánh nạn ở Quảng-nam sau bị bắt và bị giết. Theo ông ngày 11 (Trung-đông) năm Kỷ-Mùi (1799) triều đình nhà Tây-son làm lễ truy tôn bà là Như ý trang thận, trinh nhất hoàng hậu. Bằng có là 5 bài diếu-văn do danh nho Phan huy-Ích đã thảo, một cho vua Cảnh-Thịnh (Nguyễn quang Toản) một cho các Công-chúa con vua Quang-Trung, một cho bà Nguyễn-thị-Huyền thân mẫu bà Ngọc-Hân, một cho các tông thất nhà Lê và một cho các bà con bên ngoại trong lễ tế bà Ngọc-Hân.

Bảo rằng Ngọc-Hân đã chết một cách bí-mật do một sự tranh chấp ngại vàng giữa bà Hoàng-hậu Phạm-Thị là vợ trước của vua Quang-Trung và bà Ngọc-Hân là vợ sau cũng có con trai xấp-sỉ tuổi Cảnh-thịnh rồi người ta giả-tạo ra 5 bài diếu-văn trên đây để che mắt thế gian cũng không ờn.

Chúng ta thấy rằng thuyết này không vững vì nhà vua mất năm 1792 là giai-đoạn triều Tây-Sơn đang thịnh đạt từ trong ra ngoài. Cho tới 1795 là lúc có sự lục-đục giữa các đại thần của Phú-Xuân, chính-sử cũng như dã-sử là cửa miệng thế gian chưa hề phát giác một âm mưu chính trị nào về phần bà vợ miền Nam của Quang-Trung với Quốc-phó Bùi Đắc-Tuyên là anh cùng mẹ khác cha đề sát phạt phe bà Ngọc-Hân gồm có bà và một số đại thần hay tướng lĩnh. Nếu có, sử thần đời Nguyễn sau này hẳn đã ghi chép rất kỹ càng đề bêu xấu nhà Tây-Sơn trong khi nắm xương tàn của anh em Nhạc, Huệ còn bị đào bới sỉ nhục, và bề khác cũng không hề thấy ai nói bà Ngọc-Hân lập phe đảng để đưa con ra làm vua rồi bị hạ sát một cách bí-mật. Lại xin nhắc rằng Cảnh-thịnh lên ngôi ngay sau khi Quang-Trung mất và Ngọc-Hân thì qua đời vào 7 năm sau. Nếu có cuộc đảo chính hụt thì phải còn nhiều nhân vật khác chết theo chứ! Ngoài ra nếu Ngọc-Hân có tham vọng cho con làm vua thì ngay khi vua Quang-Trung hấp-hối bà đã có sự vận-động rồi, hoặc nếu cần thì làm ngay cuộc đảo-chính lúc đó. Và mọi việc phải xảy ra vào năm 1797 mới phải. Nay bà chết vào 1799 là bảy năm sau, địa-vị của Cảnh-Thịnh đã vững vàng thì khó tin rằng có vụ tranh chấp nào của bà đề rồi bà bị phe đối-lập hạ sát. Riêng vào 1795, sử chỉ ghi có sự lục-đục của các đại-thần của nhà Tây-sơn mà thôi. Nhưng sự lũng-cung này đã được sớm chấm dứt nên không có hậu quả gì quá lớn như sử-thần của Gia-long sau này đã ghi chép. Sử thần trước Nguyễn-triều (1) còn không bỏ quên vụ Lê-Hoàn tư thông với Dương-hậu để cướp ngôi nhà Đinh, Trần thủ-Độ phế Chiêu-hoàng đem vợ Trần Liễu ép gả cho vua Trần Thái-tông để củng-cố địa-vị cho dòng họ Trần thì một âm mưu giành ngôi giữa hai bà hoàng-nậu đời Tây-Sơn người ta đâu có bỏ qua. Như vậy, theo ý chúng tôi không có cái chết bí-mật nào về phần Ngọc-Hân và cũng không có sự giả tạo đến 5 bài điệu yển đề che đậy sự kiện ám muội trên đây (2). Còn có người thắc-mắc về chỗ hai con bà một trai một gái của bà Ngọc-Hân. Sử không nói đến việc này tuy từ Gia-Long lên ngôi đến đời Minh-Mạng vẫn có sự truy tầm con cháu nhà Tây-Sơn để tận diệt. Ta có thể nghĩ rằng hai con bà đã bị chết

(1) Dùng văn-chương hay giả-mạo giấy tờ chỉ là cái trề xảo trá hay xảy ở đời nay mà thôi.

(2) Việt-sử cương-mục, Thực-lục, Liệt truyện...

trong vụ Phú-Xuân thất thủ hoặc đã được một kẻ tôi trung nào của vua Quang-Trung dấu thoát được chăng ?

Đến đây chúng muốn kết luận rằng thuyết của Hoa-Bằng có thể đúng và như thế thì theo thuyết của Việt-Thường nói người đàn bà đẹp mà Gia-Long gặp ở Phú-Xuân là ai ? Ông Bửu Kế trong Bách-Khoa số 101 ngày 15-6-1961 sau khi tra cứu các pho Ngọc-diệp của nhà Nguyễn đã trả lời người đó là Lê-thị-Bình con út của vua Lê-Hiến Tông tức là em bà Ngọc-Hân. Bà này sinh với Gia-Long hai con là Quảng-Oai và Thường Tín quận-công, duy ông Bửu-Kế không phát biểu chi-tiết để ta có thể hiểu sao lại có cuộc hôn nhân giữa bà Lê-thị-Bình với vua Gia-Long vào năm 1801, giữa lúc chiến dịch Phú-Xuân đang rất gay go. Xét ra ông Bửu-Kế và Việt-Thường đã gặp nhau ở một điểm : vua Gia-Long có lấy một bà Công Chúa họ Lê và sinh ra hai con, chỉ khác ở chỗ Việt-Thường lầm người đàn bà đó ra Ngọc-Hân mà thôi. Nay ta hãy hỏi : Lê-thị-Bình cũng một vị Công Chúa con vua Lê-hiến-Tông sao lại có mặt ở cung-diện Phú-Xuân khi đoàn quân của Gia-long đột nhập được vào kinh - đô Phú - xuân. Qua lời tường thuật ở Việt - Thường, bà Lê-thị-Bình ở trong cung Phú-Xuân bấy giờ với địa vị một bà chúa, một bà hoàng chớ không phải là một người thường. Như vậy ta phải nghĩ rằng bà Lê-thị-Bình là vợ của Nguyễn-quang-Toản và không kịp chạy theo chồng mới có lý, Ngay các ấn tín và sắc phong của nhà Thanh mà vua tôi nhà Tây-Sơn còn bỏ lại bởi Phú-Xuân bị đánh bất ngờ nên sức chống trả kém hẳn đi vì lúc này toàn lực của Tây-Sơn đã trao hết cho các tướng Dũng, Diệu đi vây hãm thành Qui-Nhơn.

Tóm lại, chiếu theo các sự kiện kể trên bài của ông Việt-Thường chỉ sai một điểm là lầm bà Ngọc-Hân ra bà Ngọc-Bình. Ông Bửu-Kế nhận rằng vua Gia-long lấy bà Lê-thị Ngọc-Bình sinh ra hai con cũng đã rọi thêm được một vài tia ánh-sáng. Lại theo hai ca-dao của thời nhân đời bấy giờ :

Số dẫu có số lạ lùng

Con vua mà lấy hai chồng làm vua

thì có thể đúng vào trường-hợp của bà Ngọc-Bình, con gái vua Hiến-tông trước lấy Cảnh-Thịnh sau lấy Gia-Long. Và bà Ngọc-Bình chỉ có thể gặp vua Gia-Long ở Phú-Xuân mà thôi bởi không thấy sử-liệu nào nói Gia-long ra Bắc-hà rồi lấy một Công-chúa họ Lê nhất là trước đó 10 năm vua Chiêu-Thống chạy qua Tàu, hoàng-

gia thất tán đi hết thì làm thế nào mà có được sự tao phùng giữa Gia-Long và một nàng Công-chúa của họ Lê tại xứ Bắc ?

Hơn thế nữa sử chép Nguyễn-Ánh đánh úp kinh-đô Phú-xuân. Thủy-sư đột nhập cửa Tư-dung tháng 5 năm Tân-Dậu (11-6-1801) và thu phục được đô-thành sau ba ngày chiến-đấu ráo-riết và ác-liệt. Vậy rõ rệt người đàn ông lực-lượng tiến vào cung dưới ánh đèn mờ nhạt, uy-nghi lâm liệt ấy đúng là vua Gia-Long như ông Việt-Thường đã viết. Đối chiếu hoàn cảnh, trường-hợp và thời-gian mà bà Lê thị-Bình cùng vua Gia-Long gặp gỡ ta thấy ăn khớp với nhau hết sức. Nếu không, vào năm 1801, vua Gia Long đang dốc toàn lực đánh Phú-xuân và 1802 mới có mặt ở Thăng-long đâu có thể có một cuộc tình duyên bình thường được. Tóm lại, chúng tôi cũng đề-kết rằng bà Lê thị-Bình là con gái út của vua Lê Hiền-Tông nhưng là vợ của vua Cảnh-Thịnh (tức là bố lấy chị, con lấy em), như vậy mới hợp với câu :

« Con vua mà lấy hai chồng làm vua ».

ông Việt-Thường nêu ra tất có sự thật và có cả sự thật là lời can-gián của Lê văn-Duyệt khi vua Gia-Long lấy bà Lê thị-Bình như sau : *« Chúng ta tuy thắng nhưng kẻ thù chưa đã bại hẳn. Chúng tôi không thể nào đề bề - hạ bị một người đàn bà mê-hoặc-đến nỗi công-trình đeo đuổi trong bao năm, nay giờ đây phải bỏ dỡ. Xin bề hạ tha tội cho chúng tôi, mặc dầu người đàn bà ấy đẹp thế nào nhưng vẫn là vợ của kẻ thù nghịch... »* Ở đây ta thấy thêm nữa là yếu-tố thời-gian tỏ rõ là Gia-Long gặp bà Lê thị-Bình tại Phú-Xuân đúng vào năm 1801 và lúc này Cảnh-Thịnh vừa chạy ra Bắc đề tình mưu khôi-phục...

Chúng tôi, sau khi đối chiếu và tổng-hợp các sử-liệu nhìn thấy rằng bài của ông Việt-Thường và các điều-văn của Phau buy-ích là những bằng-cớ rất đáng chú-ý để kết-luận như trên, tuy rằng chúng tôi vẫn chỉ đưa ra một giả-thuyết do không kiếm ra được tài liệu nào chính-xác hơn nữa.

Nếu giả-thuyết này được coi là có thể đúng thì vua Gia-Long cùng Quang-Trung quả là anh em đồng hao. Mong các bạn đọc góp thêm ý-kiến nếu có, may ra nghi-vấn về bà Ngọc-Hàn được thêm chút ánh-sáng nào nữa chăng ?

CHƯƠNG IV

THÁI-ĐỘ SĨ-PHU ĐỜI LÊ-MẠT

Nhà Hậu Lê, như ta đã thấy toàn thịnh từ đời vua Thái-tổ đến vua Hiến-tông (1428-1504), vua thì thông-minh, bề tôi thì lỗi lạc nên đã đưa nước nhà đến chỗ hùng-mạnh, lừng-lẫy khắp vùng Đông-Nam-Á khiến các lân quốc phải kính nể, khiếp oai.

Nước được vẻ-vang, dân được sun.-sướng, tất-nhiên không ai cãi là không do tài lịnh-đạo của các nhà cầm-quyền tức là của đẳng-cấp nho-sĩ thử-thời.

Các vua nhà Trần cũng như các vua đầu của nhà Hậu-Lê, đánh Đông dẹp Bắc bao giờ cũng tiến trước ba quân để làm gương mẫu về mặt chiến đấu và hy-sinh. Nội trị ngoại-giao vua quan đều tỏ ra một lòng một dạ, ai nấy đem hết khả-năng đặc-biệt của mình ra để phục-vụ quốc-gia, dân-tộc, rồi trên phương-diện nào cũng có sự thành-công rực-rỡ.

Nhưng từ đời Lê Uy-Mục (1505 - 1509), cơ - nghiệp nhà Lê mỗi ngày một suy dần vì vua không còn ra vua nữa. Liên tiếp mấy đời vua sau như Tương-Dực, Chiêu-tông, Cung-Hoàng, do vua không tài, không đức, nước sinh loạn, đó là lẽ tất nhiên.

Lịch-sử chính-trị nước nào cũng thường trải những biến-cổ này như là một điều không thể tránh được. Trong triều-đình bấy giờ, văn-thần võ-tướng đều chia thành phe đảng, gây thế lực riêng để giành nhau quyền-lợi, địa-vị. Họ lấy danh-nghĩa của nhà vua ra để có cơ gây chiến.

Giới nho-giả đời Lê-mạt đã có những cử-chỉ gì đáng cho ta suy nghĩ ?

Thời Mạc đăng-Dung đảo-chính, một bọn đã chạy qua Tàu van lạy nhà Minh đem quân *diều-phạt* (!). Bọn này rõ-rệt là bất

tài, thời bình chỉ biết khua môi múa mép vỗ ngực cho mình là văn hay chữ tốt, tâm-địa trung, trinh, hiếu, nghĩa ; thời loạn chống không nổi kẻ mạnh hay nhất gan không dám chiến đấu, họ liền bỏ nước đi nài-nỉ người ngoài đem quân về dày xéo xức sỏ, cứu nạn nước bằng cách cầu viện một kẻ thù truyền kiếp của dân-tộc như vậy có là *Trí* chăng? Hoặc có kẻ rút về ở ẩn nơi vườn ruộng, thái-độ tiêu-cực này có thể chấp-thuận được hay không?

Thời Lê trung-hưng, vua yếu, chúa mạnh thì nấy ông nho giả chạy theo nhà Chúa, ngụy-biến rằng phục-vụ Chúa tức là phục-vụ Vua. Hôm qua, hôm kia, họ chủ Mạc đặng-Dung giết vua cướp ngôi là *bất trung*, hôm nay họ Trịnh cũng giết vua cướp quyền họ không dám hé môi, rồi triều-đình vua Lê thành cái bãi tha-ma, quan lớn quan nhỏ chạy hết sang phủ Liêu vì ở đây là chỗ phát cơm, phát áo, phát cò, phát quạt. Bỏ dòng chính-thống, thờ kẻ quyền thần, thế là trung chăng? ! (1) Đuổi theo cái mồi phú quý mà nhà chúa quẳng ra, có đủ mặt ông Cống, ông Nghè, Thám-hoa, Bảng-nhơn. Đạo Không, Mạnh dạy họ chữ Trung như vậy chăng?

Quan-niệm làm Vua làm Tói theo tinh-thần Nho-giáo được

- (1) Bản về chữ Trung của đám nho thần đời Lê mạt. Hoàng-Lê nhất thống chí có chép một chuyện khá lý-thú :

Khi Nguyễn-Nhạc nghe tin Huệ thành công ở Bắc-Hà vội lật dật ra Thăng-Long có ý lôi kéo em về dề Huệ khỏi cày công to sinh kiêu ngạo và nắm được nhiều ảnh hưởng. Nhạc đi qua sông Thăng-Long, tỉnh Nghệ-an gặp một người dân quê đem ít đồ bèo xin đến hầu ; người ấy nói :

— Chúng tôi thấy quan lớn đi qua địa đầu này, gọi là một chút lòng thành có đồ hải vật vào dâng quan lớn.

Văn-Nhạc tính thực thả xuống nó thực bụng mới bảo rằng :

— Ta không phải là quan lớn nào chỉ là họ ngoại vua Nam-hà quen gọi là Biền-Nhạc đây ! Dân có hậu tình, lại mang cho ta quý vật, cảm ơn lắm lắm.

Nói xong tất tưởi lại đi. Sức lại thấy vài mươi người cỡi trâu đóng khố, mỗi người vác cái đòn ống kêu to lên rằng :

— Lạy quan lớn ! Chúng tôi là khách buôn gặp phải anh Trương-Tiến đòi tiền mua đường, cướp hết cả của chúng tôi, xin quan lớn cứu cho.

Hoàng Lê-Châu (1) đại-diện phái Lý-học Trung-hoa về cận-đại giảng-giải như sau :

« *Ồ-giả lấy Thiên-hạ làm chủ, Vua làm khách* ; Vua mà phải kinh-doanh suốt đời là chỉ vì thiên-hạ vậy. Đời nay lấy vua làm chủ, thiên-hạ làm khách ; trong thiên-hạ mà không có chỗ nào được yên ổn, là vì vua vậy. . . » (Nguyên-nhân). Ông cho cái hại vì có vua, là tại bọn tiểu-nho không hiểu rõ cái đạo Vua tôi, gây thành cái vạ lớn cho muôn dân. Giả sử người làm vua mà hiểu rõ cái chức phận ông Vua đời Đường Ngu, người nọ nhường cho người kia thì hiểu bọn Hứa-Do, Vụ-Quang không phải là dứt tình với nhân-thế. Người làm Vua mà không biết rõ cái chức phận ông Vua, thì người ở thành-thị hay thôn-quê ai cũng muốn được. Cái đạo mà Hứa-Do và Vụ-Quang mở ra cho đời sau không ai hiểu, thật lấy làm tiếc vậy.

Đạo làm Vua đã không ai hiểu, đạo làm tôi cũng không ai rõ, Hoàng Lê - Châu nói rằng : « Có nhân-quản, rồi lấy sự

Văn-Nhạc hỏi : Chúng nó đâu ?

Bọn kia bầm : Chúng nó cướp của chạy vào trong núi cách đây không xa.

Văn-Nhạc cho quân đi với bọn ấy. Vừa qua chỗ hẻm bọn này liền rút gươm ở trong đòn ống ra reo lên rằng ;

— Chúng này có biết chúng ta là đồ đảng của Trương-Tiến không ? Họ liền rút gươm chém giết bọn lính Tây-Sơn được quá nửa.

Nguyên Trương Tiến là người xứ Nghệ có bụng hào hiệp mà vô nghệ lại giỏi không chăm việc làm ăn, chỉ ưa dong chơi. Người gọi là quân vô loại. Khi Tây-Sơn ra xâm ngoài Bắc, dân xứ Nghệ tàn hại lắm. Tiến căm giận, thừa cơ dùng mẹo thường giết được quân Tây-Sơn luôn. Có khi Tiến giả làm lái thuyền chở đồ ngang cho quân Tây-Sơn xuống nhiều rồi ra đến giữa dòng ngắt dục thuyền, quân Tây-Sơn chết đuối khá nhiều. Lại có khi Tiến bày chuyện dâm ma nhử quân Tây-Sơn đến mời ăn, đợi lúc rượu say trối lại mà chém. Ngoài ra Tiến còn thi hành nhiều mưu kế khác khiến quân Tây-Sơn rất sợ...

Từ bấy giờ Văn-Nhạc không dám ghé vào nhà dân nữa.

Dịch giả «*Hoàng Lê nhất thống chí*» phê rằng : « Trương Tiến là một còu đồ mà còn biết yêu nước cũng là trung thần nhà Lê... » Riêng chúng tôi nghĩ đa-số các nho-thần đời Lê mặt có lẽ chẳng hơn Trương-Tiến trước văn đề trung quân ái quốc.

- (1) Hoàng Lê-Chân tức Tông-Hí, tự là Thái-xung (1609-1695) là một nhà triết-học và phê-bình uyên-thâm do. Thanh-sơ. Ông là người thấu-triệt cái học của Vương Dương-Minh và Lưu Trấp-Sơn, và công phát-minh Lục Vương-học, một học-phái rất tiến-bộ đối với quan-niệm cách-mạng dân-chủ ngày nay của chúng ta.



BẢN ĐỒ ẤN-ĐỘ CHỊ-NA

圖縣二府壹 城龍昇都中



Lô 7. - Trung Do (Hàng Long thành)
nhất phủ như huyện đồ (1490)

(Bản khắc này do Văn-hóa
Nguyệt-san cho mượn)

trông ở chỗ vô hình, sự nghe ở chỗ vô thanh mà thờ Vua, có phải là đạo làm tôi không? Rằng: Không! Bỏ thân mình mà thờ Vua, có thể gọi là đạo làm tôi không? Rằng: Không! Trông ở chỗ vô hình, nghe ở chỗ vô thanh, giống như thờ cha; bỏ thân mình là cái cực-tắc của sự vô tư; thế mà còn chưa đủ để dương được; thì đạo làm tôi thế nào mới phải? Rằng: vì thiên-hạ rộng lớn, không phải một người có thể trị nổi, bèn chia ra cho những người giỏi cùng trị, cho nên ta ra làm quan vì thiên-hạ, chứ không phải vì Vua; vì muôn dân chứ không phải vì một họ. Ta lấy thiên-hạ và muôn dân làm cái khởi-kiến. Hễ trái cái đạo, thì Vua dù có lấy cái hình cái thanh mà cưỡng ta, ta cũng không dám theo, huống chi cái vô hình vô thanh sao? Đã trái cái đạo, thì đem mình đứng ở chỗ triều-đường, ta cũng không chịu, huống chi là chịu giết bỏ cái thân mình hay sao? Trái lại, lấy một người, một họ của ông Vua làm cái khởi-kiến, thì ông vua có cái thị-dục vô hình vô thanh, ta theo mà trông đó, nghe đó, ấy là cái tâm của bọn hoạn-quan và cung-thiếp vậy. Ông vua vì phần riêng mình mà chết, mà mất, ta theo mà chết đó, mất đó, ấy là việc của kẻ riêng tây vậy. Đó là sự biệ-n-biệt việc làm tôi hay không làm tôi vậy. Kẻ làm tôi ở đời không hiểu cái nghĩa ấy, cho là vì Vua, vì tôi mà đặt ra đạo làm Vua làm tôi. Vua chia thiên-hạ cho ta để trị, Vua trao nhân-dân cho ta để chăn-nuôi, coi thiên-hạ nhân-dân là cái vật riêng trong túi của Vua. Cho nên việc bốn phương nhiễu-loạn, dân-sinh tiều-tụy, đủ làm nguy cho vua ta, ta không thể không giở cái thuật trị dân, chăn nuôi dân. Nếu không quan-hệ đến sự cộn-mất của xã-lắc, thì bốn phương nhiễu-loạn, dân-sinh tiều-tụy, tuy có người làm tôi thành-thực, song cho việc ấy là nhỏ mọn. Kẻ làm tôi ở đời có thế nào? Vì sự trị loạn của thiên-hạ, không ở sự hưng-vong của một họ, mà ở sự lo, sự vui của muôn dân. Bởi thế cho nên vua Kiệt, vua Trụ mất bèn lấy làm trị, nhà Tần, nhà Nguyên dấy lên, bèn lấy làm loạn; nhà Tần, nhà Tống, nhà Tề, nhà Lương, dấy hay mất không dự gì đến việc trị loạn. Kẻ làm tôi mà khinh khi sự làm-than của dân, thì dẫu hay giúp vua mà dấy, theo vua mà mất, đối với cái đạo làm tôi vẫn chưa từng không trái vậy... »

Quả vậy, nếu nho-sĩ nước ta ngay thẳng, có tài ba và theo đúng cái đạo của người quân-tử, họ đã chống lại kẻ quyền thần, lập lại trật-tự, giúp vua giúp nước có hiệu-lực, khôi-phục

kỷ-cương, giữ vững rường-mối trong khi quốc-gia rối-ren, nghiêng ngả.

Bảo rằng khi nhà Chúa đang mạnh, khó mà đánh đồ đã khó nghe, còn đến đời chúa Sầm, chúa Khải thì uy tín nhà Chúa đã suy giảm nhiều, họ lại cũng đồ đồn theo nổi, đáng lẽ phải thừa cơ-hội chấn-chỉnh lại nhân-sự và quốc-sự. Đến một việc đối phó với bọn kêu binh từ đời Lê Gia-tông, năm Dương-Đức thứ hai (1673) đến cuối đời Cảnh-Hung (1783) là hơn một thế-kỷ, họ cũng vẫn tỏ ra bất lực khiến bao nhiêu vụ kêu rông, bạo ngược liên tiếp xảy ra. (Quần Tam phủ làm loạn, giết Bồi-tụng Nguyễn quốc-Hòe, đốt phá nhà Quốc lão Phạm công-Trứ, Tham-tụng Bùi huy-Bích, Nguyễn quý-Cảnh, đảo-chính Trịnh-Cán lập Trịnh-Tông, thâm đoạt các lợi tức thuế má, chống lại mọi việc kháng-chiến của triều-đình, khiến ngai-vàng nghiệp chúa một phần lớn rơi rụng vì chúng trước cơn gió lốc Tây-Son).

Riêng về đám kêu-binh vô học mà vua chúa đã đại đột cương-chiêu, cái học năm xe kinh sử, mười năm đèn sách của các vị nho thần còn giải-quyết không nổi, trách gì đến khi Tây-Son Bắc tiến các ngai đầu não của triều-đình cũng không đưa ra nổi một kế-hoạch gì để cứu quốc.

Nguyễn-Huệ vào Thăng-Long trước sau hai lần, họ như gà phải cáo, chạy xiêu bạt bốn phương trời, bỏ cả vua, bỏ cả chúa. Rồi trong khi xác chúa Khải còn bị « giặc » phơi ngoài cửa Tuyên-Võ, giặc gọi về, họ cũng lại lục tục về theo, cúi đầu xin dự vào tân chính.

Nguyễn-Huệ trở lại Phú-xuân, thuyền Tây-Son chưa rời khỏi bến, quan lớn, quan bé lại hăng-hải vỗ ngực chửi giặc, kẻ bào chữa thái-độ của mình, kẻ khoe mẽ trung-quân, ái-quốc và có nhiều dâm-lược.

Trịnh-Bồng, Trịnh-Lệ lại lập đảng cướp quyền vua như cũ. Đáng lẽ, nếu họ trung với nhà Lê thì nhân dịp này họ họp nhau vào đề phù vua cho vua mạnh và đề tái-lập sự-nghiệp thống-nhất, trái lại họ vẫn chỉ a-dua với Chúa, khiến ta có thể kết-luận rằng bọn quan-liêu tri-thức phản nhà Lê từ đầu thế-kỷ XVI và chính họ đã làm hỏng đại-cục nước nhà thuở ấy ; vì họ mà Bắc-hà vừa đau khổ về cuộc binh-đao với Tây-Son lại bị luôn cuộc nội-tranh do nơi họ Trịnh không kém phần đau khổ.

Bảo Cống-Chính phản quốc, rước người « nước ngoài » (Tây-Son) vào xâm-xé Bắc-hà, nhưng xét cho phải, chính họ đã trắng trợn phản vua và hại nước trước Chính. Thật đáng tiếc sau khi Tây-Son diệt xong Trịnh rồi ra về, nếu họ biết đoàn-kết để khôi-phục Lê triều, khéo xử với Nam-hà, giữ vững nội-trị thì dầu đến nỗi Tây-Son lại trở ra Thăng-Long phen nữa gây chuyện khói lửa và làm gì còn có việc Chiêu-Thống cầu cứu nhà Thanh để sau này mang tiếng cho dòng họ Lê cũng có cuộc chiến-tranh nữa với binh đội Tôn-sĩ-Nghị dầu có thắng nhưng vẫn chịu khá nhiều tổn hại.

Tóm lại hơn một trăm năm, giới quan-liêu tri-thức đời Lê mạt chỉ có mặt đầu bầu dấy, không hề tỏ có một chút tài năng định-quốc an-bang, không có nhân-phẩm, đạo-đức của kẻ sĩ. Luôn luôn họ tỏ ra hèn nhát, vụ-lợi, buôn dân bán nước với kẻ trong cũng như với người ngoài, chủ nào cũng thờ, vua nào cũng lạy. Nếu bảo rằng dấy là vận nước thì ra vận nước suy mới nảy mầm ra giống điểm chính-trị hay ngược lại chính giống điểm chính-trị này đã làm cho nước suy, dân nhục ?

Tại sao có những con người hèn kém như vậy ?

Chúng ta hãy xét căn-bản và đạo-đức của họ !

Nho-học, cho tới ngày nay, không phải là một thứ học thiên-cận, điều này ai cũng phải nhận như vậy. Học đến chỗ cao siêu thì nho học đưa người ta đến chỗ hi-thánh, bi-hiền, tất nhiên không phải vì cũng có thể đạt tới cái tột độ của nho-học ; còn học ở mức dưới thì con người có thể biết đường tu thân, xử thế để đủ bổn phận với gia-đình, với xã-hội và góp phần nhiệm-vụ xây-dựng cái thế hòa vui với nhân-loại. Đã gọi là nho-sĩ nếu không thể hi-thánh, bi-hiền thì ít nhất cũng phải tiến được đến cái điểm dưới đây mà Nho-giáo gọi là *Hình-nhi hạ học*.

Nho giáo trên phương-diện thực-hành đã thấy nảy ra hai loại người : một là *quân-tử-nho* tức là hạng người đã thấm-nhuần nho học đến chỗ trở nên những phần-tử ưu-tú trên cả hai phương-diện học-thức và đạo-đức xứng-đáng là những vị lãnh-đạo nhân-quần xã-hội, làm khuôn vàng thước ngọc cho đời ; một loại khác tiếc thay lại là *tiểu-nhân-nho* tức là bọn tuy có ăn, có học, rồi cũng giữ địa-vị cao sang, nhưng kém tinh thần đạo-đức, không giác-ngộ được đến chỗ hoàn-thiện nên

ngày thường chỉ là bọn thư-lại, túi cơm giá áo, thời loạn là lũ đầu-cơ trục-lợi, lưu-manh, nước mất mặc nước, dân chết mặc dân, miễn sao riêng mình được vinh-thê, ấm tử.

Tinh-thần nho-học và đạo-lý thánh hiền đã không ăn sâu bén rộng vào lòng dạ họ lại thêm chương-trình khoa-cử của vua chúa hoặc vô tình, hoặc hữu-ý càng đưa họ đi xa trên những sai lầm vô cùng tai, hại rút cục đã tạo nên một bọn nô-dịch cho chính-quyền. Chúng tôi muốn nói đến cái học từ-chương, phù-phẩm đã phát-sinh từ đời Hán, đời Đường mà các học-giả Trung-Hoa về cận-đại cũng hết sức than phiền là phản tiến-bộ.

Tuy được học tư-tưởng thánh-hiền nhưng người học trò chỉ được nghe giảng theo lý-luận một chiều, phần suy-xét, phân-tích để đi sâu vào mọi khía-cạnh gần như bị hạn-chế hoặc không được đề-cập tới e đụng chạm đến quyền-lợi và uy-tín của chế-độ hoàng-gia, phong-kiến. Rồi phần thi-phú được kể là hết sức quan-trọng nên ảnh-hưởng rất nhiều cho sự thành-đạt của đám nho sinh; trách gì sau này ra gánh vác việc đời những khi gia-vong quốc-biến, đám nho sinh do những tệ lậu của khoa-cử trên đây chẳng lúng-túng như cho tay vào bị.

Đào duy-Anh, tác-giả *Việt-Nam văn-hóa sử-cương* viết :
«... Nhưng phần nhiều các nhà nho có tiếng ở đời ấy (Lê, Nguyễn) chỉ là những người giỏi từ chương, khéo dùng lời văn bóng bẩy mà lập lại những tư tưởng của Chu, Trình chứ không biết sáng-tác được điều gì cả. Có tiếng về lý-học như Nguyễn bỉnh-Khiêm mà không có sở-kiến gì đặc-sắc về học-thuật...»

Luận về sĩ-phong đời Lê, Quế-đường (Lê quý-Đôn) đại-khái nói rằng : *«Đời Hồng-Đức mở rộng khoa mục thì kẻ sĩ xô về hư ỷ ; đời Đoan-Khánh trở đi thì sĩ-lập suy-bại quá lắm».*

Trần trọng-Kim, tác-giả *Việt-Nam sử-lược* bàn về cái học cận-lại ở nước ta như sau (2) :

«Nguyên sự học ngày xưa có cái mục-dịch chân-chính là học cho hiểu đạo-lý, biết phải trái, và luyện-lập tâm-lành cho thành người có tiết-lhao và có phẩm-cách cao-quý, dễ gặp

(1) Trang 238.

(2) Trang 404 — 405.

thời thì ra giúp nước, giúp dân, nếu không thì làm người ngay chính trong xã-hội. Sau dần dần vì sự sinh-hoạt ở đời, sự học thành ra cái học chuyên-môn về mặt cử-nghiệp, nghĩa là học chỉ cốt lấy đồ để ra làm quan. Người đi học đã đồ đạt rồi, tự tin mình là tài giỏi, chỉ vụ lấy cái hoa-mỹ bề ngoài để lòa người chứ không thiết gì đến sự thực học. Tựu-trung cũng có người muốn thi đồ để lấy chút danh-phận rồi về nhà học thêm hay dạy học. Nhưng đại-đa-số chỉ mong đồ để đi làm quan, vì làm quan là có cái địa-vị tôn quý, ngoài ra không có gì hơn nữa.

« Chương-trình sự học cử nghiệp có những gì ? Bao nhiêu công-phu của người đi học chủ vào sự học cho nhớ những sách Tứ-thư, Ngũ-kinh cùng những lời thề-chủ của tiên nho trong những sách ấy và học thêm mấy bộ sử nước Tàu. Còn sự luyện-lập hàng ngày, thì cốt lập cho thông thạo những lễ-lối ở chỗ khoa trường là : Kinh nghĩa, tứ lục, thi-phủ, văn sách. Ấy là dùng hư văn mà xét tài thực-dụng, đem sự hoa-mỹ làm mực thước đo tài kinh-luân. Bởi vậy, ai hay kinh nghĩa đã nghĩ mình hơn người, ai tài thi-phủ đã tưởng mình giỏi nghề trị nước. Việc đời thì lổm-tổm mù-mịt mà lại tự-phụ và kiêu-căng, cho thiên-hạ như rơm rác, coi mình như thần-thánh.

« Sự học của mình đã hư-hỏng như thế, nhiều hủ-tục lại ăn sâu vào trí-não, thành ra một thứ cổ tật không sao chữa được. May nhờ cái tinh-thần học cũ, người đi học, kiến-thức tuy không có gì mấy, nhưng thường có khi-liết, biết liêm-sỉ, và lại nhờ cái thanh-nghị của bọn sĩ-phu ràng-buộc, ngăn ngừa sự hành-động bất-chính. Song chỉ có thế mà thôi, vẫn không đủ để sinh-tồn trong cái thời-đại quyền-lợi cạnh-tranh, quyền-mưu quỷ-quyệt, tri-thuật gian-trá. Cho nên trong khi người tiến thì ta thoái, người thịnh thì ta suy.

« Đại-khái cái trình-độ của bọn sĩ-phu ở nước ta lúc bấy giờ là thế, cho nên nước nguy đến nơi mà hồn người vẫn mê-muội ở chỗ mơ-màng mộng-mị. Bọn sĩ-phu là người có học, làm tại làm mắt cho mọi người mà còn kém cõi như thế, thì bảo dân-gian khôn-ngaoan làm sao được ? »

Tóm lại, từ thế-kỷ XVI trở về gần đây, vai trò tri-thức trên sân khấu chính-trị Việt-nam không mấy tốt đẹp. Rất ít người tỏ được có tài đức, thời bình có mưu thuật làm nước

giàu dân mạnh, thời loạn có tài phù nguy cứu khổ. Trái lại bọn nho-sĩ thử thời nhiều kẻ đã thành lưu-manh chính-trị, quen còng lưng cúi đầu, thay thay đổi chủ như cơm bữa; kẻ thì thấy vận nước ngửa nghiêng chỉ biết lấy cái chết để tỏ lòng trung với vua một cách tiêu-cực; kẻ thì chỉ biết giữ tiết-thảo cho mình một cách cố-chấp mà không biết quyền-biến để giải-tỏa cho chánh-quyền của mình những việc nguy nan (trường-hợp Trần công-Sán). Tai hại hơn nữa bao nhiêu ông mũ cao áo dài trước quốc biển còn xui vua chạy sang Tàu cầu viện để đến nỗi mang bao nhiêu cái nhục cho dân-tộc nữa. Nếu Quang-Trung Nguyễn-Huệ không có hùng-tài, đảm-lược thì nước Việt-Nam chẳng khỏi làm tội tở ngoại-quốc phen nữa cuối thế-kỷ XVIII vì cái ngu tối của bọn người này.

Con người ta dui mài đèn sách để tự mình xây dựng cho mình một cái sở-học cứu dân cứu đời chờ học như đa số kẻ sĩ đời Lê-mạt ở nước ta như vậy chỉ là đeo đuổi một cái học khoa cử nông cạn, nô-dịch không ích lợi gì cho dân-sinh, cái tâm chẳng đủ giữ vững, con mắt chẳng đủ nhìn tỏ những biến-chuyển của thời-cuộc thì loại kẻ sĩ này thực ra chỉ là một đám thư lại, giá áo túi cơm không đáng bước chân vào hàng lãnh-đạo của bất cứ một xứ-sở nào.

Hoàng Lê-Châu và nhiều học-giả Trung-quốc vào loại có tinh-thần cấp-tiến và cách-mạng đã lên tiếng than phiền cái học mất nước của Hoa-tộc cận-đại bằng câu :

« *Cử-nghiệp thịnh nhi thánh học vong* ». Nay xin đòi lại đề phê-bình cái học cử-nghiệp vô cùng tai hại ở nước ta mấy thế-kỷ nay là : « *Cử-nghiệp thịnh nhi quốc-gia vong* » để lưu-ý quốc-dân liệu mà thay đổi phương-pháp cùng quan-niệm cho kẻ đọc sách cầm bút đời nay vậy.

Còn bàn về sĩ-phong, đạo-đức của đẳng-cấp nho-giả từ đời Lê-mạt trở về đây, nhân khảo đến cái chết của bà vợ thứ ông Ngô cảnh-Hoàn trầm mình trên sông Thúy-Ái (1), Hà sách-Huân huấn đạo An-Nhân đã có hai câu dưới đây :

« *Thương thay nước cũ hai trăm lẻ,*
« *Giữ vững cương thường một phụ nhân.*

- (1) Ông Ngô cảnh-Hoàn là một tướng coi đội quân tiên-phong về đời Cảnh-Hưng (1786) đã cương quyết chống nhau với Tây-sơn trên sông Thúy-Ái. Lúc này quân Trịnh đã thua chạy, riêng ông cầm cự đến cùng rồi bị chết trận. Vợ là bà Phan thị-Thuần sau này làm chay cho ông rồi từ tiết cúng trên dòng Thúy-Ái khiến tiếng thơm còn lưu lại đến ngày nay.

CHƯƠNG V

CON NGƯỜI NGUYỄN - HUỆ

Xét thân thế và sự-nghiệp của một người nhất là người đó là một vĩ-nhân, hào-kiệt, thói thường phải tìm kiếm nơi xuất xứ của người đó.

Xuất xứ vừa là giòng họ để xét quý, tiện thế nào, xuất xứ còn là nơi quê-hương bản quán nữa, là những yếu-tố đã cấu-tạo nên những con người lịch-sử.

Ở Việt-Nam cũng như Trung-quốc, vấn-đề đẳng-cấp không bất di bất dịch và rõ rệt. Tại đây, người ta chỉ được tập ấm nếu là con quan đến ba đời mà thôi, sau lại trở về dân chúng vì vậy quý tộc không phải là một giai-cấp trường tồn vĩnh viễn. Trái lại kẻ bình dân nếu có học hành xuất-sắc, hôm nay là anh đồ kiết xác, mai đồ đạt đã thành ông lớn vổng lọng nghênh-ngang. Hoặc một thường dân có một công lao đặc-biệt bất ưng nào cũng có thể từ địa-vị kẻ áo ngắn bước lên địa-vị cao sang, không như ở Ấn-Độ hay ở nhiều quốc gia Âu-châu, kẻ tiện-dân hay nông-nô thì đời đời, kiếp kiếp vẫn sống trong chỗ tối tăm như trâu ngựa.

Theo *Lê-kỷ* là cuốn dã-sử, buổi đầu anh em nhà Tây-Son có nặt trong hàng ngũ dưới triều chúa Nguyễn Định-Vương sau rút về nơi dân dã vì bất mãn với chế-độ tham tàn của Trương phúc-Loan.

Theo cuốn « *Contribution à l'histoire de la nation Vietnamienne* » của J. Chesneaux thì anh em Nhạc, Huệ thuộc một gia đình buôn bán (bán cau) ở Bình-Định.

Theo « *Đại-Nam chính biên liệt truyện* » thì khoảng niên hiệu Tkhinh-Đức (2653 - 1657) đời Lê, sau một trận Trịnh-Nguyễn

giao-tranh, chung số phận với đám dân chiến-bại, tổ bốn đời của Nguyễn-Huệ bị chúa Nguyễn bắt đi an-sáp tại ấp Tây-Sơn-Nhất, huyện Qui-Ninh, lĩnh Qui-Nhơn để khai-khẩn đất hoang (Tây-Sơn-Nhất sau được đổi là An-Tây rồi lại đổi phen nữa thành thôn An-Khê, thuộc huyện Bình-Khê, tỉnh Bình-Định ngày nay).

Thuở nhỏ, anh em Huệ được thụ-nghiệp Giáo Hiến vốn là môn khách của Trương văn -Hạnh ngoại-hữu dưới triều Định-Vương (1765 - 17778). Hiến sợ và lây khi Hạnh bị Phúc-Loan giết nên lánh mình vào dạy học ở ấp Yên-Thái.

Có con mắt tinh đời, Hiến biết Huệ sau này sẽ có một sự-nghiệp phi-thường trong thời-loạn do Huệ thông-minh, can-đảm, mắt sáng và nhanh như chớp, tiếng nói sang-sảng như chuông đồng. Rồi Hiến thường nhắc câu sấm : « *Tây khởi nghĩa, Bắc thu công* », các anh là người Tây-Sơn biết đầu lời sấm lại chẳng ứng vào các anh... »

Như trên ta thấy, Nguyễn - Huệ là con người sinh giữa thời tam phân ngũ-liệt, mọi giai tầng xã - hội Việt - Nam đang bị một cuộc xáo-trộn kinh-khủng suốt ngót ba thế-kỷ.

Nguyễn-Huệ đã sống giữa đám dân-chúng nghèo nàn, trôi giạt vì chiến-tranh, đau khổ về thời-cuộc và tới đời Nguyễn-Huệ, nếu ta nhớ đến chính-sự của Nam-hà trong tay họ Trương ta không quên cái thảm-cảnh cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc của đám binh-dân đã là nạn-nhân thương-trực của tấn trò quan tham lại những về phía ông Tả-ngoại họ Trương có vàng phôi đầy sàn sau một vụ lút.

Rồi thời-thế đó đã tạo nên nhiều bất-mãn cho một số thảo-dã anh - hùng, hữu - danh hay vô - danh, tới khi sức chịu đựng của nhân-dân đã đến mức chót thì nó bùng lên như làn sóng đại-dương do một trận cuồng phong khuấy loạn.

Hoàn-cảnh chính trị còn tạo nên nhiều trạng-thái tâm-lý đặc biệt nữa : thời loạn thì nhân tâm trở nên phức tạp hơn bao giờ hết, vì đó những lãnh-tụ trong giai-đoạn lịch-sử này cũng trở nên những người lăm cơ-mưu biến-trá, có khi độc ác, bất nhân. Điều này ít khi tránh được, nếu chúng ta từng nghiên cứu các hành động của một số danh nhân thời chiến sẽ thấy.

Nguyễn-Huệ quả đã là con người được tạo nên do hai sự kiện lịch-sử đề đủ tài lĩnh-đạo thời-thế, xoay chuyển núi sông trong những trường-hợp gay go và đen tối nhất của đất nước.

Thời loạn, thực-tế cho hay phải giải-quyết mọi vấn-đề trọng-đại bằng vũ-lực. Sát máu có hiệu-lực hơn là những lời kêu gào của nhân nghĩa, đạo đức, do đó mà anh em Nhạc, Huệ đã từ bỏ bút nghiên mà theo nghiệp đao cung.

Ngay từ buổi đầu, anh em Nhạc đã tỏ ra có sức mạnh, nhất là có nhiều cơ-mưu, quyền biến. Trong ba anh em, Huệ tỏ ra xuất-sắc hơn cả và có bản-lĩnh phi-thường vượt hẳn những nhân vật đồng thời.

Đi sát với nhân dân, bảo vệ nhân dân, phò trợ cơm xẻ áo cho nhân dân, diệt lưu-manh, hạ cường quyền, một thuở anh em Huệ đã tự cho mình và được cả nhân dân coi là những kẻ *thể thiện hành đạo*, được dân chúng khắp nơi coi như những cứu tinh của đám người thiếu cơm thiếu áo.

Lòng người nô nức theo như nước chảy từ An-khê xuống Qui-nhơn, ra Nam-ngãi (Quảng-nam, Quảng-ngãi). Không cho rằng trường hoạt-động của mình chỉ đến bờ sông Nhật-lệ là hết, Huệ thả dài giây cương cho ngựa ruổi thẳng ra tới Bắc-hà.

Đây là một chuyến đi đề hiều tình dân việc nước. Nam-hà đối với Huệ là một vật trong túi áo, thò tay lấy là được nhưng Bắc-Hà tuy nhà Lê và họ chúa đi dần vào chỗ cùng mạt, yếu hèn, Huệ thêm muốn nhưng vẫn tỏ ra không dám quá ư khinh-xuất.

Tại đây từ đời Trung, Triệu đến Lý, Trần, Lê đã có bao nhiêu anh - hùng diệt xâm - lăng, bao nhiêu nữ kiệt tỏ tài can quốc và cùng bao nhiêu nhân-vật xuất-chúng về nhiều phương-diện khác luôn luôn được nẩy nở từ thế-hệ này qua thế-hệ khác đâu có thể coi thường như đám người cùng khổ mà chúa Nguyễn đã chiêu-mộ vào hai miền Thuận, Quảng. Huệ bàn với Chính : Lấy chính nghĩa thân phục nhân-lâm, cuộc chiến-tranh tâm-lý mở đường cho cuộc tranh-đấu bằng binh-dội do đó Huệ đã tung ra cái chiêu-bài « *phù Lê diệt Trịnh* » quả là đúng vào chỗ yếu của Bắc-hà, từ đám sĩ-phu đến quân-chúng đang quá

ngán cái chế-độ uơu hèn của vua chúa và đang khao-khát một cuộc sống mới để được sống yên vui, no đủ hơn. . .

Các nhà chép sử trước đây cho rằng cuộc Bắc tiến của Huệ được ủng-hộ và Tây-Sơn đem binh ra với danh nghĩa « *Phù Lê* » bởi nhân-dân còn cảm tình nhiều đối với sự nghiệp cứu quốc của vua Thái-Tổ. Điều này có đúng nhưng trên quan-điểm sử-học, bảo dân-chúng bấy giờ chào đón luồng gió mới, nó thay đổi cái không-khí ngạt thở của Bắc hà do chế-độ thối-nát của nhà chúa gây nên và do lòng còn luyến tiếc dòng họ Lê, thật ra chỉ có lý một phần nào mà thôi.

Quả vậy, từ Cung-Hoàng, Uy-Mục, dân đã thất-vọng với dòng họ Lê quá rồi, lại liên tiếp hai thế-kỷ nữa bao nhiêu ông vua bù-nhìn, bất lực, bất tài nối tiếp nhau với tình-trạng bi-đát như ta đã thấy thì sự-nghiệp của vua Thái-tổ rực-rỡ hiển hách đến đâu cũng đã vì thế mà lu mờ đi rồi.

Dân bấy giờ chỉ biết có liên-hệ với nhà Chúa và nhà Chúa với chế-độ chính-trị, xã-hội quá ư bại-hoại, thêm vào việc cứ năm mười năm lại đây dân-chúng vào lò lửa chiến-tranh đã thành một ám ảnh vô cùng kinh-khủng cho dân chúng thì khi quân Tây-Sơn ra Bắc-hà quân-đội của nhà chúa ở trong tình-trạng thoái-bại, như thế thì Bắc-hà rõ-rệt đã tạo đầy đủ điều-kiện chiến-thắng cho Nguyễn-Huệ rồi. Vậy nói rằng dân ủng-hộ Nguyễn-Huệ vì cái chiêu-bài « *Phù Lê* » chưa đúng hẳn nhưng nói rằng Huệ được cảm-tình vì lẽ « *Diệt Trịnh* » thì sát sự thực hơn và không tài chút nào.

Tuy vậy Huệ vẫn dè dặt, xem việc nghiên-cứu thời-cuộc Bắc-hà giữa Huệ và Cảnh đủ thấy trước khi binh đội của Tây-Sơn Bắc tiến vẫn thấy cần phải dùng chiêu bài « *Phù Lê* » để tránh tiếng Nam-hà xâm lăng Bắc-hà và đem binh đội qua sông Linh - Giang cho ngọt, cho sĩ-dân miền Bắc đừng phản ứng, lại có thể có cảm-tình là đảng khác. Tóm lại Huệ khai thác được đến cái mức tối đa, cái điểm « *ghét Trịnh* » của mọi tầng lớp nhân dân miền Bắc hầu nhờ đó mà khi bước chân vào đất Bắc quân-đội của Tây-Sơn hầu như tiến vào cõi không người rồi sự nghiệp của họ Trịnh sụp đổ tan tành như chiếc thuyền mục gặp cơn gió dữ chẳng là điều đáng lạ.

Ngoài ra Huệ vào Thăng-Long, rồi Huệ trở về Phú-Xuân với Nhạc đem theo cả kho tàng quý báu của vua Lê chúa

Trịnh. Tại đây ta rõ trong thâm tâm của Huệ và các văn thần võ tướng không có chuyện vô tư, nghĩa là Huệ có lòng hào-hiệp đối với nhà Lê trước khi ra Bắc lại đến cả từ buổi hồi hương Huệ đã thành quý tử của Bắc-hà và là chú rể của vua Chiêu-Thống.

Óc của Huệ là muốn làm Bá-vương một cõi sơn-hà rộng lớn, tâm-sự của bọn bày tôi cũng muốn thống-nhất Nam-Bắc cho quan thêm cao, bổng thêm hậu kia mà ! Thời loạn cò đến tay ai người ấy phát, đó là một sự thực trong tâm thuật của con người ta từ muôn thuở, nếu cần phải tri-hoãn thì chỉ tri-hoãn ít lâu mà thôi.

Huệ còn dè dặt bởi một lý-do nữa không kém phần quan-trọng là tình ngay chuyện Bắc-hà không khỏi bị nghi ngờ nơi vua anh nhất là sự nghi ngờ ấy đã có sẵn từ ít lâu nay rồi. Xem việc Nhạc lật đật đem binh ra Thăng-Long đề gặp Huệ rõ rệt là đề ngăn cản mục-dịch làm bá chủ Bắc-hà của ông em.

Mấy việc trên đây tỏ rằng Huệ tuy là võ tướng nhưng thâm-trầm, thận-trọng, biết nén lòng ham muốn, biết kiêng dè dư-luận.

Huệ còn đức tính khác nữa là tiến-thoái rất nhanh, nếu cần thì hết sức cương-quyết. Tỉ-dụ sau chuyến Bắc tiến, Nhạc, Huệ giận nhau Huệ mang quân vào vây Qui-Nhơn của Trung-ương hoàng-đế. Nhạc đứng trên mặt thành khóc : « Chú Thơm, Chú định làm việc uôi da xáo thịt chẳng ? »

Huệ như bưng tỉnh trước tiếng gọi thiêng-liêng của tình huynh-đệ liền lui quân ngay, một phần cũng e-dè quân dân đàm tiếu nữa.

Việc triệu mời La-sơn phu-tử (Nguyễn.Thiệp) ba phen rất là trân trọng (....) tuy bị từ chối mà Huệ vẫn tỏ ra kiên nhẫn. Có thể trong thâm tâm con người đang có uy-quyền sấm sét ấy chưa từng bị ai nghịch ý không khỏi có sự hờn giận, vậy mà Huệ chịu nhịn nhục với ông đồ nho gần như gàn dở thì thật đáng phục vô cùng.

Nhưng đến diệt kẻ thù hay những tay bị nghi ngờ sẽ nguy hiểm cho Huệ như Nguyễn-hữu-Chính, Vũ-văn-Nhậm, Trần-công-Sán, Nguyễn-đăng-Trường v.v... Huệ không biết dứt

dè chút nào, nếu phải dùng đến sắt máu hay độc kế. Nhất là với Chính và Nhậm, Huệ cho là lợi hại có thể làm lung-lay chế độ và uy-quyền của mình, dầu phải làm việc bất nhân Huệ cũng chẳng ngại Huệ coi đây là một vấn-đề nguyên-tắc và đã thi-hành nguyên-tắc một cách ráo-riết hơn ai hết.

Đặc biệt hơn nữa ở con người Nguyễn-Huệ là con người dám làm những việc kinh-thiên động-địa nếu ta nhớ rằng Huệ đã có những chương-trình và kế-hoạch xâm lũng Trung-quốc, điều mà trước Huệ chưa một vị hào-kiệt Việt - Nam nào mơ tưởng đến, từ khi lập quốc trải qua 40 thế-kỷ.

Tiếc thay, Huệ quá ngắn số nên sử sách của hai dân - tộc Việt - Hoa lỡ mất cơ hội ghi chép những chuyện phi - thường giữa con cháu Hoàng - đế và Hồng - lạc . . .

Vào thế-kỷ XIX là ngoài 50 năm sau, do phong-trào Thực-dân của người Tây phương nhiều nước da vàng Á-châu đã thua sức mạnh của cơ-giới mà lần lượt mất nước với Anh-cát-Lợi, Mỹ, Pháp, Hòa - Lan, Tây - ban - Nha, Bồ - đào - Nha V, v . . . chiều theo sự - kiện trên đây sử-gia Đào duy-Anh (1) trong khi bàn về cái chết của vua Quang - Trung có viết :

« Chúng ta thấy rằng Quang-Trung vẫn kiến-thiết quốc-gia trên nền tảng kinh-lễ nông-nghiệp mà cái tầng lớp thống-trị người vẫn dựa vào giai-cấp sĩ-phu. Với những điều-kiện ấy thì dù nhà Tây-Sơn có thắng được họ Nguyễn, cái hiểm-tượng bị Tây-phương xâm phạm vẫn cứ còn nguyên. Cho nên có thể nói rằng xét về đại-cuộc, xét chung cuộc tiến-hóa của dân-tộc Việt-Nam thì cái chết thình lình của Nguyễn-Huệ không có ảnh hưởng quan-trong lắm ».

Chúng tôi nghĩ khác họ Đào : Nếu Quang - Trung Nguyễn-Huệ không sớm mất, cục - diện hai nước Trung - quốc và Đại-Việt đã có thể thay đổi chưa biết đến thế nào. Dị - tộc như Mông, Mãn vào thống-trị lục-địa của người Hán, biết đâu chẳng có lượt của dân Nam ta ? Rồi với những chính sách phú quốc, cường binh rất thực-tế do nhiều sáng-kiến đặc biệt mà ta đã

(1) Đào duy-Anh phê bình Nguyễn-Huệ trong *Việt-Nam lịch sử giáo-trình* là một tác-phẩm xuất-bản trong thời kháng Pháp vừa đây.

thấy ban hành dưới đời Quang-Trung, với cuộc chiến thắng đã từng có đối với Tây-phương tại viện-trợ chúa Nguyễn (đổi tên của Manuel), ai dám nói rằng sự hiện-diện của Nguyễn-Huệ chưa dễ lợi gích cho đại-cuộc trước những mưu toan của những người bên kia đại-dương ?

Cũng tiếp vào giai-đoạn lịch-sử này, Minh-trị Thiên-hoàng đã sớm thức thời biến cải một nước Nhật cũng sinh sống trên nền tảng nông-nghiệp, cũng do đẳng cấp sĩ-phu lãnh đạo ra một cường-quốc, Nguyễn-Huệ nếu còn chẳng những sẽ giữ vững được tinh-thế nước Nam còn có thể làm mưa nắng ở toàn cõi Á-Đông là dường khác Nhật tránh được cái Bạch-họa. nước Việt-nam dưới đời Quang-Trung với một vị lãnh-đạo anh-minh lỗi-lạc, với một dân-tộc nhiều năng-lực đặc-biệt, tinh-thần quốc-gia dũng-mãnh há thua kém thiên hạ ?

Bình-luận về sự-nghiệp của vua Quang-Trung tác giả *Việt-nam tiến-hóa-sử* Lương đức-Thiệp trong trang 89-93 đưa ra vài ý-kiến khác như sau : « Xã-hội Việt-nam thời ấy cũng tương-tự xã-hội Pháp về thời Nã-phá-Luân (đầu thế-kỷ XIX). Cuộc Cách-mạng tư-sản dân quyền 1789 đẩy ra sân khấu chính-trị Pháp một bên là khối tư-sản vừa lật đổ xong bọn Phong-kiến nhưng chưa nắm vững chính-quyền trong tay — một bên là thợ thuyền và nông dân cũng nổi dậy tính đổi thay thời thế. Hai khối giành nhau nhưng chưa bên nào thắng bại Nã-phá-Luân đã nhảy ra đóng vai trò trọng-tài khi nghiêng bên này, khi ngã về bên kia để xây dựng uy-quyền riêng cho mình, nhưng tinh-thế chông-chèn này không kéo dài mãi được, do đó Nã-phá-Luân phải đem quân dũng mạnh đi qua khắp Âu-châu tính gỡ nước cờ đang lâm vào thế bí. Rồi Nã-phá-Luân bại trận, đế chế của ông bị đổ, nước Pháp lụn bại theo... »

Lương đức-Thiệp cho rằng việc làm của nhà Tây-Sơn nói chung, của Quang-Trung, Nguyễn-Huệ nói riêng cũng có tinh-cách « *Bô-nô-pác-tit* » như trên, nghĩa là nhà vua được nông-dân ủng-hộ nhưng sau khi thành đế-nghiệp không thực-hiện được các cuộc cải-thiện cần-thiết cho nông-dân nên sau này nhà Tây-Sơn bị bỏ rơi mà bại-vong. Lại nữa, bọn nho-sĩ bị cuộc cách-mạng văn-tự hất ra ngoài lề sân-khấu cảm thấy

lâm-nguy nên cũng trở nên phản đông (1), vậy mà vua Quang-Trung còn tính xua quân vào Trung-Quốc ! Dân-chúng đã chán ghét chiến-tranh quá rồi càng thất-vọng hơn nữa. . .

Trước luận-diệu của họ Đào cũng như họ Lương bị ám-ảnh quá nặng-nề về tư-tưởng giai-cấp và quyền-lợi cho rằng hậu-bán thế-kỷ XVIII nhân-dân Việt-Nam đã ý thức đấu-tranh quyền-lợi (như hai ông Đào, Lương ngày nay) chúng tôi cho rằng hai nhà phê-bình của chúng ta đã đi quá xa sự thực. Và sự thực là thế nào ? Nó không ty-kỳ ghê-gớm như cái óc tưởng-tượng quá phong-phú của hai ông và trái hẳn lại, trước sau nhà Tây-Son vẫn không hề mất cảm-linh của dân chúng. Tây-Son đẹp được phong-kiến họ Trịnh là trừ được cái ung-nhọt cho xã-hội Việt-Nam giữa một giai-đoạn hết sức trầm-trọng được dân-chúng hoan-ngênh rõ-ràng như ta đã thấy. Đó là công-nghiệp thứ nhất. Công-nghiệp thứ hai là đuổi được giặc Bắc ra khỏi bờ-cối đang khi chúng ngênh-ngang hà hiếp lê-thừ Bắc-Hà càng vuốt-ve cái tiuh-thần quốc-gia cố-hữu của mọi người dân Việt đến nỗi một nhà nho nặng đầu óc tôn quân với họ Lê như La-Son, Nguyễn-Thiếp cũng phải kinh-phục mà thay đổi lập-trường. Liên theo cuộc « *bại Thanh* » này nếu Quang-Trung tiến bình qua Lưỡng-Quảng đề trả cái thù mất đất của ông cha xưa, người Việt nào mà chẳng sẵn-sàng hưởng-ứng ? Tóm lại nói rằng Tây-Son bị nông-dân bỏ rơi, nho-sĩ chống lại mà tiêu ma sự-nghiệp chỉ là một luận-diệu mơ-hồ, lãng-mạn, vu-khoát (2). Nhà Tây-Son đồ cũng như nhà Hậu-Nguyễn nửa thế-kỷ sau mất nước với Tây-phương chỉ là vì văn-minh nông-nghiệp của Á-đông quá ư lạc-hậu, yếu hèn mà văn-minh khoa-học cùng cơ-giới của Tây-phương lại quá mạnh mà thôi.

-
- (1) Từ đời Lê-mạt trở đi, giới trí-thức hầu hết đều có hứng-thú làm thơ nôm, cổ-kính như cụ trạng Nguyễn bính-Khiêm cũng có nỗi năn nỉ bày bài vậy việc độc-lập-hóa văn-tự của vua Quang-Trung chính là điều rất phù-hợp với sở-vọng của trí-thức đương-thời, chống lại phong-trào cao-hàn văn-học này có chăng chỉ là một thiểu-số thiên-cận mà dới nào ta cũng thấy có.
- (2) Xin coi lời bình-luận của người ngoại-quốc về Gia-Long trong đó có sự so sánh Gia-Long với nhà Tây-Son một cách công-bằng và vô tư hơn ở chương dưới.

CHƯƠNG VI

NGUYỄN-THIỆP, MỘT NHO-GIẢ HỮU DANH ĐỜI TÂY-SƠN

ĐẦU đời Lê-mạt, cụ Trang Nguyễn bình-Khiêm được quốc-dân rất tôn sùng, tới đời Tây-sơn một nhà nho khác là Nguyễn-Thiệp cũng được nổi danh.

Để hiểu tình-trạng của đời Lê-mạt qua Nguyễn-Sơ dưới một vài khía cạnh và để biết thêm thái-độ của phái Nho giả cuối thế-kỷ XVIII đối với thời cuộc ta hãy xét thân thế sự-nghiệp của vị lão nho vùng núi Hồng sông Lam này bấy lâu được tôn vào bậc phụ-tử.

Ông có tên húy là Minh, tự là Quang-Thiệp (1), sinh năm Quý-mão (1723) đời Lê Bảo-Thái thứ IV tại Mật-Thôn thuộc xã Mật-ao, tổng Lai-Thạch, huyện La-Sơn, xứ Nghệ-an (tỉnh Hà-tĩnh), Gia-đình ông thuộc loại cự-tộc ở địa-phương này. Thủy-tổ của ông là một võ-tướng tước phong Lưu Quận-công vì có công đánh dẹp Chiêm-thành dưới đời Lê Thánh-tông, Nhân dịp qua Mật-thôn ông lấy một nàng hầu ở đây mà sinh ra thêm một ngành họ Nguyễn. Từ đấy họ Nguyễn xuất khởi và trở nên phát-đạt, con cháu đỗ đạt khoa nhiều kể từ đời Lê chống Mạc khi còn đóng đô ở Thanh-Hóa.

Chú Ông là Nguyễn-Hành đậu Tiến-sĩ khoa Quý-sửu (1733) đã đỡ đầu cho Ông khi còn nhỏ tuổi, còn thân-phụ Ông chỉ là một người thường mà thôi. Mẹ của Ông là con gái họ Nguyễn-

(1) Trần trọng-Kim trong *Việt-Nam sử-lược* đã chép lầm tên Thiệp ra Thiệp.

huy ở xã Trường-lưu cũng thuộc một dòng họ văn-học nổi tiếng đương thì. Ông là con trai thứ ba trong số 4 trai 3 gái. Anh em đều học giỏi, nhờ mẹ trông nom dìu-dắt.

Theo Hoàng xuân-Hãn, tác-giả cuốn *La-sơn Phu-tử*, Ông đã học chú là cụ Nghè Nguyễn-Hành. Ông theo cụ bảy giờ được đổi ra Bắc làm Hiến-sát-sứ ở Thái-Nguyên. Cụ Hành bắt ngờ qua đời rồi Ông cũng đột nhiên sinh ra bệnh cuồng-dĩ (bệnh điên) được ông họ Nguyễn ở xã Do-nhân đem về nuôi sau mới có người nhà đem về bản quán điều-trị. Có thể nghĩ rằng Ông đã quá thương chú mà bị bệnh. Nhưng chẳng bao lâu Ông khỏi rồi đi thi Hương, đậu hương-giải vào năm sau, Quý-hợi (1743) giữa năm 21 tuổi. Nhưng nếu tiếp tục việc học thì ông lại trở về với bệnh cũ. Từ đấy, bệnh hoạn đã ảnh hưởng luôn luôn đến tinh-thần của ông và để khỏi đau yếu, ông bỏ cái học cử nghiệp, hàng ngày chỉ chuyên đọc sách *Tinh-lý*, *Tứ-thư*, *Ngũ-kinh* đại toàn và đi du-ngoạn khắp miền Hồng-Lam. Sau này ông ưa sống ẩn dật, xa lợi-danh gió bụi. Theo Hoàng xuân-Hãn, còn một yếu-tố nữa không kém phần quan-trọng là thời đó dòng chính-thống (họ Lê) mất hết uy quyền, việc họ Trịnh chuyên chính cũng là một căn-nguyên quan-trọng cho chủ-trương ẩn-dật của ông cũng như của một số sĩ-phu trong nước đời bấy giờ. Hơn nữa ông Cống này đã vì thế sinh ra yếm-thế nên chỉ vui cùng cỏ hoa trăng gió.

Nhưng năm Mậu-thìn (1748), ông có ra Bắc dự Hội khoa và đậu tam trường. Bấy giờ ông 26 tuổi và đã lấy vợ 4 năm trước, Ông tuy có đậu nhưng không trúng cách bèn trở về Nam rồi chẳng bao lâu bỏ quê quán mà đi. Năm 34 tuổi vì nhà nghèo đông con lại có mẹ già, ông phải ra làm Huấn-đạo tại phủ Anh-Sơn tỉnh Nghệ-An. Sáu năm sau (1762), Ông được bổ tri huyện Thanh-Chương do hậu ý của Nguyễn-Nghiêm (1) bấy giờ là Hiệp-trấn ở Nghệ-An và cũng là thầy học của ông sau cụ Nguyễn-Hành. (trong năm 1744) tức là năm Ông 22 tuổi).

Con đường hoạn-lộ không hợp với tâm-sự của ông nên vào năm 46 tuổi Ông từ quan về ở ẩn ở núi Thiên-Nhận là một gầy núi giữa hai huyện Thanh-Chương và Hương-Sơn của

(1) Nguyễn-Nghiêm người Xã Tiên-Điền là thân-sinh của Nguyễn-Du và là bạn học của cụ Nguyễn-Hành.

lĩnh nà (Nghệ-An). Trên núi này có thành Lục-Niên là một thành cũ do Lê-Lợi đắp lên để chống giặc Minh xưa kia. Vì Ông làm trại ở ẩn tại đây nên sau này người đời đặt tên cho ông là Lục-niên tiên-sinh. Thực ra thì vừa làm Huấn-đạo được một năm ở Anh-Đô (Nghệ-An) ông đã đến cất trại ở đây.

Do ông sinh trưởng ở vùng Hoan-Châu là một địa-phương sản-xuất nhiều nhân tài : hết thầy đều xuất-chính riêng ông bỏ cử-nghiệp nên được tiếng là kẻ học cao, đạo rộng. Những ngày ở ẩn ông đi ngao-du sơn-thủy từ Nam ra Bắc và đây cũng là dịp ông được thông-thả liên-lạc với các danh-nho trong nước, càng được thêm nhiều cảm-tình của nhân-sĩ bốn phương.

Năm 1780, chúa Trịnh-Sâm mến tiếng ông mời ra để bàn việc. Lúc này chúa Trịnh nghĩ ý muốn cướp ngôi nhà Lê, ông can ngăn. Sau cuộc hội kiến với Trịnh-Sâm ông lại ra về tuy rằng chúa muốn giữ ông lại để đại-dụng. Ông lại trở về núi Thiên-Nhận bấy giờ tuổi đã 60 vừa lúc này quốc-vận rối bời, dân tình khốn-đốn (Trịnh-Sâm sau đó mất đi, kiều-binh đảo-chính bỏ Trịnh-Cán, giết Huy quận - Công Hoàng đình - Bảo và Chiêm-Vũ rồi lập Trịnh-Khai là con trưởng của chúa, như ta đã biết.

Năm Cảnh-Hung thứ III (1786) nhà Tây-Sơn ra đời. Nguyễn-Huệ thân hết được vùng Thuận, Quảng, cùng Nguyễn hữu-Chỉnh rong ruổi thẳng ra Bắc hà diệt được chúa Khải và tôn lập vua Chiêu-Thống. Nhưng được ít lâu, sau triều Lê lại bị nạn tranh chấp giữa Trịnh-Bồng và Trịnh-Lệ, cuối cùng là vụ chuyển quyền của Nguyễn hữu-Chỉnh, Nguyễn-Huệ lại trở ra Bắc-hà phen nữa với ý định chiếm hẳn vùng núi Nùng sông Nhị. Bấy giờ là tháng 12, Nguyễn-Huệ cử hai quan binh Bộ và hộ Bộ đem một bức thư, năm nén vàng và hai tấm lụa đến sơn trại mời ông với những lời trân trọng dưới đây :

« An-nam Đại-nguyên-sứ, kính gửi cho La-sơn Phu-tử mở xem :

« Đã lâu nay, nghe tiếng Phu-tử, đức tuổi đều cao, kinh luân sẵn có. Chính tôi muốn tới nhà gặp mặt để thỏa lòng tìm kiếm khó nhọc. Nhưng vì kẻ sinh phương này, người lánh cõi

Bắc ; chẳng phải như Sấn-dã, Nam-dương gần gũi, có thể nghe tiếng sấm mùa xuân mà đánh thức Ngọa-long (1).

« Vậy đặc sai một hai đình-thần đem vật mọn đến (vàng năm nén, lụa màu hai tấm), gọi là để tỏ lòng thành thô sơ. May chi, Phu-tử không lấy thế làm lạ, bỏ cái nhũ thú lảng lảng, nghĩ tới lòng loi chán thành đau đầu, mà bỏ cấy, quăng cây, cày đáng lấy sự nghiệp Y, Khương (2).

« Không những riêng nước tôi may mắn, mà mười hai Thừa-tuyên ở Bắc (3) cũng rất được may. Chớ làm tôi thất-vọng, mong Phu-tử lượng cho.

Nay kính thư

« Thái-dức, năm thứ IV, tháng 12, ngày 18 (4)

Mặc dầu được Huệ tôn lên bậc Y-Doãn, Chu-công và có hậu lễ, ông vẫn từ chối trước sau tới ba lần. Ông viện-lễ mình bệnh-hoạn bất-tài và già yếu ; ngoài ra ông nói đã được về hưu để trông-nom hương-hỏa cho tổ-tiên nay lại ra làm quan thì sao cho phải đạo. Thực ra ông cũng như nhiều nho-già đời bấy giờ chỉ coi con cháu nhà Lê mới là dòng vua chính-thống của nước Việt-nam và Tây-Sơn muốn sao cũng chỉ là những tù-trưởng ở chốn biên-thùy nổi lên để làm những việc tiếm-loạn.

Với bức thư thứ ba gửi cho ông, Chính - Bình - vương Nguyễn-Huệ biết rằng chỉ có thể nhận-mạnh về cái đại-ngừa

- (1) Sấn-dã : tên huyện ở Hà-nam, Nam-dương cũng liền phía Bắc Tân-dã, là nơi Không-minh ẩn ở Ngọa-long-cương. Ngọa-long đây chỉ Không-minh. Huệ muốn nói không được gần gũi như ông Lưu-bị tới chỗ ẩn của ông Không-minh mà mới ra.
- (2) Y-Doãn đây ở núi Hữu-sơn, sau ra giúp vua Thang. Khương là Thái-công câu ở sông Vị-xuyên, ra giúp Chu-văn vương.
- (3) Thừa-Tuyên là các tỉnh đời Lê (từ Hồng-Đức). Mười hai Thừa-tuyên đời Lê là : Thanh-hóa, Nghệ-an, Thuận-hóa, Thiên-trường, Lạng-sơn, Nam-sách, Quốc-oi, Bắc-giang, An-bang, Hưng-hóa, Tuyên-quang, Thái-nguyên. Thực ra còn có Trung-dô ở Thăng-long nữa mới đủ cả nước ta đời Lê. Nhưng bấy giờ Thuận-hóa đã về Tây-sơn. Có lẽ mười hai thừa-tuyên đây là trừ Thuận-hóa và kể cả Trung-dô chẳng. Phương-dinh địa-dư (2/2a) kể Trung-dô là một đạo như các đạo thừa-tuyên khác. Đời Trịnh, tên đất đời khác, và gọi bằng xứ.
- (4) Ngày tháng đây, theo Tây-sơn, về sau lúc lên ngôi, Quang-Trung dùng lịch gần như lịch nhà Thanh và lịch này khác lịch Đại-thống đời Lê. Không biết lúc chưa lên ngôi, Nguyễn-Huệ dùng lịch nào.

thiên-hạ ông có chịu chăng. Huệ đã viết những lời tha-thiết như sau :

« . . . Mong Phu-tử nghĩ đến thiên-hạ với sinh dân, vụt dạy đi ra để cho quả-đức có thấy mà thờ, cho đời này có người mà thờ. Như thế mới ngô-hầu khôi-phục ý trời sinh ra kẻ giỏi.

« Nay kính thư.

« . . . Lòng cầu hiền, quả-đức há dám sinh bụng đầu siêng mau lắng dân.

« Nay riêng sai quan thượng-hạ bộ Hình Thuyền-quang hầu Hồ Công-Thuyền kính-cần mang thư lại đón. Mong Phu-tử soi xét đến tâm lòng thành, vụt dạy mà đôi bụng ; lấy lòng vì Nghiêu-Thuấn quân dân ra mà dạy bảo, giúp đỡ. Quả-đức xin im nghe lời dạy bảo, khiến cho quả-đức thỏa lòng ao ước tìm thầy, và đời này được nhờ khuôn phép của kẻ tiên giáo. Thế thì may lắm lắm.

« Nay kính thư

« Thái-đức, năm thứ 10, tháng chín, ngày 13 (1787). »

Ba bức thư này đã gửi liên-tiếp từ tháng chạp năm Cảnh-hưng thứ IIII đến tháng 9 năm sau (do Hoàng xuân - Hãn dịch lý-luận thật là khéo - léo chặt-chẽ, khiêm - nhượng và tha-thiết (1).

Năm sau nữa là Cảnh-hưng thứ 49 (1788), chính tay Chính-bình-vương viết thư mời ông tới đại bản-doanh tạm đóng ở núi Nghĩa-Liệt gần bến Phù-Thạch để được gặp mặt. Lúc này Vương lên đường ra Thăng-Long lần thứ hai để thanh-toán Vũ văn-Nhậm mà Vương nghi-ngờ có dị-tâm như Chính vừa đây.

Hai bên gặp nhau. Huệ có ý trách ông rằng :

— Đã lâu nghe đại danh nên muốn cùng nhau gặp mặt. Tiên-sinh thoái-thác không lời ý cho quả-đức là thẳng giặc cỏ, không đủ làm kẻ anh-hùng trong thiên-hạ chăng ?

(1) Theo Hoàng-xuân-Hãn, có lẽ tác-giả của ba bức thư này là Trần-văn-Kỷ người huyện Hương-Trà, xứ Thuận-Hóa, đậu Giải nguyên bảy giờ có tiếng là hay chữ. Trần-văn-Kỷ lúc này giúp việc bên cạnh Chính-bình-vương như một bí-taùu trưởng.

Ông trả lời :

— Hơn hai trăm năm nay, quyền về tay họ Trịnh hung bạo. Vương mới đưa quân ra một lần mà dứt được, lập lại nhà Lê. Như thế ai nói là không phải anh hùng? Nếu nhân người nguy, lợi-dụng tai họa người, nếu trước vì nghĩa mà sau vì lợi thì chỉ là kẻ gian hùng mà thôi?

Cho tới bấy giờ, ông cũng chưa có ý giúp Vương nên trong cuộc hội-kiến ở Phù-Thạch, Chính-bình vương nhờ ông trông nom việc dựng đô ở Nghệ-an, mà đến khi Vương ở Bắc về ông vẫn chưa bắt tay vào việc khiến Vương phải viết thư ra trách tuy vẫn không nặng lời.

Ít tháng sau, Chính-bình vương đại thắng quân Thanh (5-1 Kỷ-dậu) ông mới bắt đầu ngả về phía Tây-sơn. Hẳn bấy giờ ông mới thấy cái triều-đình Bắc-hà quá hư hèn bất lực, bên trong quyền thần lằng bực, đẳng cấp quan-liêu tri-thức thì chỉ biết chạy theo kẻ mạnh, bên ngoài khi gặp quốc biến lại nổi vết xe đổ của bọn Trần thiêm-Bình, Bùi bá-Kỳ, rủ nhau lần sang Trung-quốc lạy lức vua Càn-Long suýt gây nên cái trò mất nước. Trái lại, anh em nhà Tây-sơn áo vải xuất thân, khác gì Tống Thái-tổ hay Minh Thái-tổ, hùng mạnh nổi dậy giữa thời loạn : đánh Xiêm dẹp Mên như trúc chẻ ngói tan, diệt Nguyễn đuổi Thanh như xua gà đuổi cáo. Từ đó, ông chuyển hướng và mấy lần nhận lời mời của Vương ra Thăng-long, sang Kinh-Bắc (xem đất Cồ-bi) về An-trường (cũng đề coi đất đề chuẩn-bị rời đô) và Phú-xuân đề luận bàn quốc sự. Hai công tác sau nữa là nhận làm chủ khảo cho một khoa thi của Tây-sơn ở Nghệ-an vào năm Quang-Trung thứ hai 1789 và lập Sùng-chính thư-viện, một cơ-quan có nhiệm-vụ như một học-bộ chuyên dịch sách Thi, Thư, dịch v. v... Cũng trong những dịp đi lại Phú-Xuân, ông tâu lên vua Quang-Trung nên học thêm đề gây lấy một quân-đức làm điều căn-bản trong việc trị dân, sửa nước. Theo ông, nhà vua phải mở giảng-đường cùng các nho-thần khảo kim luận cổ qua các sách

- (1) Bùi-bá-Kỳ, là bề tôi nhà Trần đã chạy qua Tàu yêu-cầu Minh-thành-Tổ đem quân qua nước Nam diệt nhà Hồ. Kỳ là một đồng-chí của Trần-thiêm-Bình như ta đã biết. Sau người Minh nghi-ngờ, khám nhà thấy có tập *Vạn-ngôn-thư* của Lê-cảnh-Tuân liền đem về giam ở Kim-Lăng. Con là Thái-Điền cũng bị người Minh bắt theo. Sau hai cha con đều bị bệnh và chết ở đất Tàu (theo *Cương-Mục quyền* 12 tờ 34 b — 35 b).

Đại-học, Luận-ngữ, Trung-dụng sau đến ngũ kinh chủ sử do đó sẽ có những sự hiểu biết rộng-rãi sáng-suốt về chính-trị và việc thiên-hạ sẽ chuyển vần như trở bàn tay vậy. Bàn về việc học ban bố cho dân nước, ông bày tỏ cái hại của từ chương khoa-cử mà người ta nô-nức theo đuổi từ trước đến giờ. Ông thẳng-thắn phê-bình cái học ấy chỉ là cái học ham danh vụ-lợi, nông-cạn thấp hèn, tạo nên những vua chúa tầm-thường, những bề tôi xu nịnh, khiến vì thế đã nảy ra bao nhiêu vụ quốc phá gia vong. Nay ông xin nhà vua cho thi-hành phép dạy nhất-định theo Chu-Tử, trước học Tiểu-học để có gốc, sau tuần-tự tiến đến Tứ-thư, Ngũ-kinh, Chu-sử v. v... (sớ tấu ngày 10 tháng 8 Quang-Trung năm thứ IV, 1791).

Mọi ý-kiến của ông được vua Quang-Trung sốt-sắng theo hết. Công-việc đang được tiến-hành thì ngày 29 tháng 7 nhà vua tạ thế. Hoạt-động của Sùng-chính thư-viện từ đó ngừng lại rồi ông lại trở về với cuộc đời ẩn-dật, trả hết bổng-lộc mà vua Quang-Trung đã ban cho từ mấy năm trước.

Năm Cảnh-Thịnh thứ VIII (1800), nhà Tây-Sơn sụp-đổ, đại thần tướng lĩnh chánh-kiến bất đồng. Vua Cảnh-Thịnh lại cho Trần-thủ Nghệ-An tới trại Bùi-Phong mời ông ra cũng rất là tha-thiết kính cần. Bấy giờ ông đã 78 tuổi, bất đắc dĩ ông lại phải lên đường vào Phú-Xuân. Còn lễ vật là 100 lạng vàng, 5 tấm đoạn huyền, 100 quan tiền, 100 học lúa, ông đều trả lại chỉ lấy có một tấm đoạn để may áo vào chầu mà thôi.

Vua hỏi một vài vấn-đề quốc sự, ông trả lời không làm được. Vua lại nói : « *Cụ có gì dạy không ?* ». Ông trả lời : « *Dạy ai theo ?* ».

Vua bảo : « *Tôi giao ấn kiếm, ai dám không theo ?* ».

Ông nói : « *Nếu nhà vua cũng không theo thì sao ?* ».

Tuy vậy ông có khuyên vua Cảnh-Thịnh dời đô ra Bắc-hà, cố-kết nhân-tâm và dự bị thi-hành phép tắc. Nhưng ngay khi đó thời cuộc biến chuyển quá mau lẹ, vua tôi nhà Tây-sơn chưa kịp làm việc gì cả thì chúa Ánh đánh chiếm được Phú-xuân. Vua Cảnh-Thịnh bỏ chạy ra Thăng-long, lúc này ông còn ở trong kinh-thành và có gặp Nguyễn-vương. Ông cũng được họ Nguyễn kính-trọng nhưng không được mời cộng-tác. Mười ngày sau ông được phép trở về núi và hai năm sau vào ngày 25 tháng chạp năm Quý-hợi (1804), ông không bị bệnh mà mất.

Bàn về thân thế, sự-nghiệp của ông Hạnh-Am (biệt-hiệu của ông) và sau khi nghiên - cứu cả *Hạnh - Am thi - cầu*, ta không khỏi liên - tưởng ít nhiều đến cụ Nguyễn bỉnh-Khiêm tức Bạch-Vân cư-sĩ. Nếu đem hai vị nho-giả này mà so sánh với nhau thì ta thấy vua tôi nhà Tây-sơn trong khi khốn khổn mời Nguyễn-Thiếp ra cộng-tác đã tặng chữ « *Phu-tử* » một cách quá đáng. Chữ đó thật ra chỉ đáng để gọi Không-Khâu, vị van thế sư-biêu của Á-châu mà thôi. Và tổng luận thì Nguyễn-Thiếp đã thua Trạng-Trình nhiều lắm về mọiphương-diện.

Cụ Nguyễn bỉnh Khiêm cũng sinh vào thời loạn, giữa lúc Lê tàn, Mạc khởi. Là người khoáng-đạc, cụ ra làm việc với tân triều xét rằng con cháu vua Lê Thái-tổ không còn mấy-may uy-tín gì nữa kể từ Trương-Dực và Uy-mục đế. Dầu muốn hay không thì giang sơn Việt-nam bấy giờ cũng đã thay trò đời chủ. Nếu cứ giữ thái-độ cố chấp và tiêu-cực như một số văn thần thuộc ấy là Nguyễn thái-Bạt, Hoàng ngạn-Trung, Vũ công-Duyệt, Đàm thận-Huy v.v... và rồi tân-triều không có nhân tài việc nước bẽ-bối, nạn ngoại xâm tái-diễn thì dân nước có khỏi chịu ảnh-hưởng tai hại chăng? Nếu *Quốc-gia hưng vong, thất phu hữu trách*, thì kẻ sĩ phu xuất-sử vào giai-đoạn nào? Bảo rằng dòng chính-thống mới có chính-nghĩa, mới nên thờ, các ông hôn-quân bạo-chúa đầu có tổ tiên là ăn nhân của dân-tộc, là anh-hùng cứu quốc xưa kia, có lẽ nào cứ vin được vào cái sự-nghiệp đã tàn mà độc quyền chính-nghĩa? Rồi bọn người mục nát bị đào thải, theo quan-điểm dân-chủ hay nhân-dân ngày nay những người mới xuất đầu lộ diện trên sân khấu chính-trị sao lại không có chính-nghĩa? Ở thế gian này chỉ nên có một dòng họ để làm vua chúa muôn đời chăng? Chính ở chỗ này Bạch-vân cư-sĩ đã có sự-nghiệp hơn hẳn La-sơn xử-sĩ. Và tuy các sử-thần, hai đời Lê, Nguyễn không nói gì đến công việc của triều Mạc nhưng ta cũng không hề thấy dấu gian hay sử sách nào nói nhà Mạc nổi nhà Lê bằng bạo-chính. Tóm lại, nếu nhà Mạc đã gây được một thịnh-thời từ 1527 đến 1592, Nguyễn-bỉnh-Khiêm ắt đã là một nhân-vật có công góp phần xây-dựng. Và tới ngày nay có ai chê Nguyễn-bỉnh-Khiêm đã cộng-tác với « *Ngụy-triều* »? Trái lại, ở một giai-đoạn lịch-sử nước loạn dân tàn mà kẻ thượng-lưu tri-thức trốn bốn-phận, rút vào rừng xanh núi đỏ có khác chi người quân-nhân đào ngũ trong khi tinh-thế trận địa đang lâm-nguy?

Cái thái-độ yếu hèn này xét ra đã phản cả tinh-thần của Nho-giáo và của các bậc thánh-hiền kim cổ. Tỉ - dụ vào thời Xuân - thu chiến - quốc, quân - thần hỗn-loạn, Khổng Phu-tử đã không ngại làm Tư-chức-lại là nhân viên giữ việc coi bò dùng vào việc cúng-tế rồi chu-du thiên-hạ luôn mười ba năm để khuyến-cáo các hôn-quân bạo-chúa mặc-dầu biết rằng bấy giờ các nhà cầm-quyền vẫn *mê sắc hơn mê đạo*. Bên kia trời Tây, chúa Gia-tổ xuất-thân ở chốn bản-hàn dưới đời Đế - quốc La-mã, uy-quyền như sấm sét, dám đem đạo thuyết của mình ra cạnh-tranh với nhiều tôn-giáo khác có uy-thế nhiều hơn đề rồi từ vì đạo nhưng đã lưu lại một hệ-thống triết-lý, tư-tưởng sáng ngời ngót hai ngàn năm trở về đây. Như vậy chủ-trương *nhập-thế* của Chúa là vô-lý chăng?

Giải-thích về tư-cách của con người Nho-sĩ, tác-giả Nho-giáo Trần trọng-Kim phát-biểu ý-kiến dưới đây : Nho là bởi chữ Nhân đứng bên chữ Nhu mà thành ra. Nhân là người, Nhu là cần dùng, tức là người bao cũng cần dùng để giúp nhân-uân, xã-hội biết đường mà ăn ở và hành-động cho hợp lẽ trời. Chữ Nhu lại có nghĩa là chờ đợi, tức là người học giỏi đợi người ta cần đến sẽ đem tài tri ra mà làm việc đời. Phàm những người học nho-thuật thường là những người chuyên về mặt thực-tế hơn mặt lý-tưởng... Có biết rõ cái ý-nghĩa ấy mới hiểu tại sao Khổng-tử phải chu du thiên hạ đề cầu xuất chính . Nhân đây xin nhắc một lời của Tử-Lộ : « Bất sĩ vô nghĩa... Quân-tử chi sĩ giả, hành kỳ nghĩa giả.. » tức là : « không ra làm quan là vô nghĩa, người quân-tử ra làm quan là làm việc nghĩa vậy ». Tóm lại, theo ý chúng tôi người ta sinh ra ở đời ai ai cũng phải góp phần trách-nhiệm với thiên hạ, ở bất cứ trường-hợp nào nhất là lúc thế tục suy vi. xã-hội nguy khốn đầu phải chịu những sự gian lao cùng cực.

« Thân nhục để cho thiên hạ sử dụng,

« Đạo cao chẳng đợi thế tình ưa. (1)

Riêng về phần La-sơn xử-sĩ, ông đã quá nặng lòng với nhà Lê do thiếu hẳn ý-thức thực-tế về thời-cuộc. Đáng lẽ theo đúng tinh-thần Nho-giáo, ông phải xông ra gánh vác việc đời, dẫu phải chen vai thích cánh cũng nên, nữa là ở đây ông được mời ra một cách vô cùng trân-trọng mà vẫn cứ chối từ thì quả là ông gàn dở hay lắm-cầm, đã làm lỡ phần vào đại-cuộc quốc-gia.

(1) Lời Nhưượng-Tổng.

Sau này thấy việc nước đã tỏ, ông mới cộng-tác với Tây-Sơn thì đã muộn. Phải chi Ông sớm đến với vua Quang-Trung, mang tài kinh-tế ra thi-triễn, lấy sự hiểu sâu thấy rộng mà kịp giúp tân-triều thì chưa dễ họ Nguyễn đã lật ngược được thế cờ thuở ấy. Các sĩ-phu đời bấy giờ thấy ông về với Phú-Xuân đã cười ông khá nhiều không phải là vô-lý vậy.

Đề kết-luận con, người Nho-giã đời xưa chỉ có hai việc : *Tiến vi quan, đạt vi sự*, vậy mà Ông Hạnh-Am đã làm lỡ hết. Làm thầy rồi làm quan, Ông thua hẳn Trình-Toàn Nguyễn bình-Khiêm không đào-tạo nổi nhân-tài cho đất nước đề ra cứu dân trị loạn. Cầm quyền cai-trị một địa-phương, Ông cũng không tỏ được gì xuất-sắc ngoài việc giải-quyết việc cơm áo cho mẹ già và đàn con nhỏ như chính ông đã tự-thuật. Tài địa-lý của Hạnh-Am cũng chẳng xuất-sắc gì, bằng có là tuy ông đã xem đất đặt mồ mả mà con cháu sau này vẫn nghèo xác-sơ đến nỗi không có nổi vài quan tiền đề chuộc đạo sắc-phong cho ông (1). Xét về tài, ông không đào tạo được học-tró nên thân danh, không lập được sự-nghiệp cho mình, cho con cháu mình, chẳng giúp được gì đáng kể cho Quang-Trung. Xét về đức, ông chỉ là một người khi-khái, không chạy theo danh-lợi như phần đông sĩ-phu thời ấy, nhưng đã ra quá phụ lòng thành của nhà Tây-sơn, thiếu ý-thức tranh-đấu cho đại-cuộc Quốc-gia, kém sự sáng suốt đề nhin xa trông rộng. Suốt một thời-gian nguy-quẫn của nước nhà Ông đã bỏ rơi trách-nhiệm sĩ-phu vì một quan-niệm tôn quân cồ-hủ. Đến khi cờ đến tay đề uốn nắn chính-sự, cảm-hóa thê-tình, Ông cũng trở nên lúng-túng, thiếu thực-tế nên sự-nghiệp của Ông đối với đời bấy giờ chỉ là dịch vài cuốn sách tiểu-học và thi-kinh ngày nay không còn vang bóng với thời-gian. Hoàng-xuân-Hãn, tác-giả *La-sơn phu-tử*, với Ông có liên-hệ miếu-duệ cổ đề-cao Ông mà không khỏi lúng-túng. Ngày nay, chúng ta nhắc đến Ông chỉ là đề nhắc lại một vấn-đề con đường xuất-sử và trách-nhiệm của kẻ sĩ-phu đối với đất nước phải thế nào, bởi hiện nay nếu chúng tôi không làm thì còn nhiều kẻ trong chúng ta vẫn lúng-túng trước sự rối-ren đen tối của thời-vụ. *Ôn cố tri-tân* đó là sự mong muốn của kẻ viết sách này.

(1) Hoàng xuân-Hãn trong « *La-sơn Phu-tử* »

PHỤ LỤC

LÍNH TAM-PHỦ ĐẢO-CHÍNH

BẤY giờ đang ngày 24 tháng 10 năm Nhâm - Dần (1782), Quận Huy đã nghe biết, nói khắp ở trong triều rằng :

-- Ngày mai sinh biến, tôi sắp chết, nhưng tôi chết cũng có năm ba người chết theo...

Bấy giờ có người khuyên Quận Huy mang chúa Cán trốn đi với quân ngoài để bắt đảng gian ; có người khuyên đem dũng-sĩ khi-giờ vào trong phủ để giữ mình.

Quận Huy rằng :

— Lâu nay tập-tục thường hay đồn sảng, vị tất đã có sự ấy ; phỏng có sự ấy tôi cũng cứu ra, chẳng trốn vào đâu được ; nếu sự kíp lắm thì ta là Phụ-chính đại-thần chỉ có cái chết mà thôi.

Đến tối vào nằm trong Phủ, đầy tớ hầu vẫn như thường, không dùng quân giữ-gìn gì. Ngày hôm sau, lễ điện (1) buổi sớm vừa xong, các quan lui ra, chợt nghe trống trong Phủ đường ba hồi chín tiếng. Các quan trông nhau sợ hãi, Quận Huy lập-tức sai người đóng cửa gác, bắt được Biện Bằng, muốn sai đem chém ngay.

Thùy-Trang nói rằng :

— Nó làm mưu ấy, hẳn không phải là một người. bây giờ chém nó sợ lữ gian nó lọt ra lưới phép, không bằng giao giam cung tra cho tiết gốc loạn đi.

Quận Huy nghe theo.

Lại nói các quân nghe được trống hiệu ai cũng nhảy

(1) Lễ cúng chúa Sấm, bấy giờ thi-bài còn quân trong phủ.

nhót, cầm binh trượng tranh nhau vào Phủ, thấy cửa gác đóng, tiếng reo rầm trời đất.

Quận Huy lập tức đòi Quận Châu (1) bảo rằng :

— Cậu chức giữ quân lính, đề cho nó vô phép như thế mà không cấm được, tôi tàu chúa lấy đầu cậu đi.

Quận Châu sợ hãi mà ra.

Quận Huy mời tàu chúa Cán rằng :

— Tôi chịu việc Chúa trước phó thác cho tôi bảo - hộ Chúa, bây giờ ba quân nó sinh biến, tôi xin đem quân ra đánh, được thì nhờ oai-linh Chúa, thua thì tôi xin chết theo Chúa trước. Vậy, tôi xin lĩnh thanh bảo-kiếm đề đi đánh.

Quan thị đưa gương ra. Quận Huy quý lĩnh lấy gương cười voi ra đánh Quận Châu đứng ở trong cửa gác, cách tường bảo các quân rằng :

— Quân phải có lễ phép, bây giờ quan Chúa còn quân trong phủ, không nên kinh-dộng, có muốn nói gì hãy về làm một tờ khải tôi xin đề-đặt lên.

Các quân hét to rằng :

— Cậu cũng làm phản với Quận Huy ư ? Cửa này không mở, cậu không giữ được đầu đầu !

Quận Châu hoảng sợ, đành cho mở ngay cửa. Các quân chen nhau mà vào. Bấy giờ, Quận Huy đã cười voi ra giữa sân cầm gương trở ra nói rằng :

— Ba quân bay không được rúc lác, phải đầu về đây, không thì tao chém đầu chúng bay !

Các quân vẫn sợ thanh-thế Quận Huy lại thấy cười voi dữ, đều ngồi xuống cả không dám nói gì. Một chốc, mọi người lại đứng cả dậy.

Quận Huy bảo rằng :

— Đưa nào đứng dậy thì chém !

Bấy giờ một nửa ngồi, một nửa đứng, những người đứng xông lên trước đầu voi, rồi những người ngồi cũng đứng dậy.

(1) Quận Châu tức Lê-Đình Châu.

Quận Huy thúc voi vào đánh, các quân tránh ngà voi, chạy chung quanh, người thì lấy gươm mà chém, người thì lấy gạch ném voi. Voi cuốn vùi, phục xuống gầm lên, không dám cuốn người. Quận Huy dương cung bắn ra, dây cung đứt. Bỏ đạn vào súng thì lửa tắt. Các quân mới lấy câu-liêm lôi quân-tượng xuống mà chém. Con voi đứng dậy, các quân đi quanh chân voi. Quận Huy phóng lao ra trúng phải mấy người, các quân đến càng đông, lại có một toán quân từ cửa Tuyên-Võ vào đứng sau voi. Voi chật đường không động được nữa, các quân mới lôi Quận Huy xuống đánh chết đi, mổ bụng lấy gan ăn, bỏ thây ngoài cửa Tuyên-Võ.

Em Quận Huy là Chiêm-Vũ nghe tiếng đến cứu. Mới đến cửa chùa Báo-thiên, các quân bắt lại, lấy gạch ở đường đánh chết vất xuống hồ Thủy-quân. Anh em Quận Huy chết rồi, các quân vui reo như sấm. Chúng liền qua nhà Tả-Xuyên đem Trịnh-Khải ra giữa phủ đường, đề lên trên vai. Các quân đứng chung quanh. Bấy giờ vôi-vàng chưa có sập ngổi, chúng đặt Khải lên trên mâm thờ cho tám người đội, lấy tay đỡ mâm nâng lên khỏi đầu, lúc cao lúc thấp như là rước tượng đất, rồi cùng vỗ tay reo mừng.

Quận Châu cầm cờ phất ở trên phủ - đường, đánh trống thu quân, hơn một trống canh mới yên.

NGÔ THỜI - CHÍ

(Hoàng-Lê nhất thống-chí)

Cát - Thành dịch

Phủ chúa Trịnh ở Thăng - long

Tôi liền sắm khăn áo ra lên vồng đề đi vào trong phủ. Bấy giờ người dịch-mục đi trước hết đường, vồng thì khiêng

Lời tác giả : Bài này thuộc tập du-ký của cụ Lãn-ông là một danh - y đời Lê-mạt được mời vào bốc thuốc cho Thế-tử Cán, con của Tĩnh-dô vương Trịnh-Sâm và bà Đặng thị Huệ, tục gọi là bà Chúa Chè rất được chúa sủng-ái. Mặc dầu được danh-y điều-trị, sau đó ít lâu Thế-tử Cán vẫn chết vì khi sinh ra đã đau ốm quặt quẹo liên-miên. Thế mới biết từ-thần cũng không từ vua chúa. (Les portes du Louvre n'en défendent pas les rois), dịch-giá của bài này là Đỗ-nam Nguyễn trọng-Thuật — Trích Nam-phong tạp-chí, trang 13, số 78.

chạy như ngựa lồng, tôi bị nó làm xốc-xáo một mẻ nhọc mệt đến khờ. Vào cửa hậu rồi theo người đưa đi qua hai lần cửa nữa, theo con đường bên tay tả mà đi. Tôi ngẩng đầu lên trông thì thấy tứ phương bát diện chỗ nào cũng có cây cối rườm-rà, chim kêu riu-rit, những đóa danh hoa đang đua nở, gió thoảng mùi hương. Qua những dãy hành lang, cầu-lơn khúc-chiết, bức nọ liền với bức kia, hai bên cân đối như một ; những tên gác cửa truyền bảo rộn-rã, người làm việc đi lại đông như mắc cửi. Linh thị-vệ canh giữ cửa cung, ai vào cũng phải có thẻ...

Đi độ vài trăm bước, qua mấy lần cửa ngăn mới đến cái điểm Hậu-mã quân túc-trực, điểm làm ở bên một cái hồ lớn, có những thứ cây lạ-lùng và những đá non bộ kỳ-quái, kiêu điểm thì cột với bao lơ lửng ra ngoắt vào rất là kỳ-xảo. Quan chánh-đường khi nào thoái-triều thì ra nghỉ-ngơi ở đấy để túc-trực. Thấy tôi đến, ông bảo quan truyền chỉ rằng : *Chiều hôm qua tôi đã tâu rồi, thánh-thượng ngự ban cho ông này vào chầu và xem mạch cho Đông-cung Thế-tử*. Nói rồi ông đi với quan truyền chỉ bảo tôi đi tùy hành và cho mấy tên tiều-hoàng-môn đi theo. Đến một cái cửa lớn, linh thị-vệ thấy tôi ăn mặc lạ con mắt thì giữ lại. Quan truyền chỉ nói : *Có thánh chỉ truyền triệu, họ mới cho đi*. Tôi qua dãy hành-lang mé tây thấy một cái nhà rất cao lớn rộng-rãi, hai bên bày hai cỗ ngự-kiệu, những đồ nghi-trượng thiếp vàng nuột cả ; gian giữa kê một cái sập ngự thiếp vàng, trên sập mắc một cái võng điều, đằng trước sập và hai bên tả hữu thời bày tinh những kỷ-án và đồ chơi mà nhân-gian ta chưa từng thấy bao giờ. Tôi chỉ liếc mắt trông qua rồi cúi đầu mà đi. Lại qua lần bích-môn nữa đến một cái gác vừa cao vừa rộng, trong gác ấy bao nhiêu giường cột từ trên đến dưới đều sơn son vẽ vàng cả. Tôi hỏi nhỏ quan truyền chỉ. Ông nói : *« Cái nhà đạo vừa mới đi qua là Đại-đường mà đây là Tử-các, nay đức Thế-tử đến ở đây để ngự trà. Cho nên gọi là phòng trà, vì kiêng gọi thuốc mà gọi là trà... »*

Việc cũ trong phủ chúa Trịnh

Trong năm Giáp-ngọ, Ất-mùi, (1774-1775) trong nước vô-sự, Thịnh-Vương (Trịnh Sâm) lưu ý về việc ngoạn-hoa, thường đi ngự chơi các ly-cung ở trên Tây-hồ ở núi Tử-trầm, núi Dục-thủy, việc công-tác khởi làm luôn mãi. Mỗi tháng ba bốn lần ngự chơi cung Thụy-liên trên bờ Tây-Hồ, binh lính dàn hầu

quanh vòng bốn mặt bờ hồ, các kẻ nội-thần thì đầu bịt khăn mặc áo đàn bà, dàn bày bách-hóa xung quanh bờ hồ để bán. Thuyền ngự đi đến đâu thì các các quan hồ-tụng đại-thần tùy ý ghé vào bờ mua bán các hóa-vật như các cửa hàng buôn trong chợ. Cũng có lúc cho bọn nhạc-công ngồi trên gác chuông chùa Trấn-Quốc hay là ngồi ở bóng cây bên đá nào đó, hòa vài khúc nhạc-âm.

Khi ấy, phàm bao nhiêu những loài trần-cầm, dị-thú, cồ-mộc, quái-thạch và chậu hoa cây cảnh ở chốn dân-gian đều sức thu lấy không thiếu một thứ gì... Trong phủ tùy chỗ diềm-xuyết bày vẽ ra hình núi non bộ trông như bốn bề đều non. Mỗi khi đêm thanh cảnh vắng, tiếng chim kêu vượn hót vang khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn-ào như mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn, kẻ thức-giã biết là cái triệu bất tường...

PHẠM ĐÌNH-HỒ
(Vũ-trung tùy-bút)
(Đông-Châu dịch)
Nam-Phong tạp-chí, số 121

Các vua chúa thời Nam - Bắc - triều và Trịnh - Nguyễn phân tranh

A- Các vua Lê, Chúa Nguyễn dưới thời nhà Mạc (:527-1667)	
Lê Trang-tông (con vua Lê Chiêu-tông) DUY-NINH (15533-1548)	<i>Nguyễn - Kim mất năm 1545.</i>
Lê Trung - tông (con vua Trang-tông) DUY-THUYỀN (1545-1556)	
Lê Anh - tông (cháu 5 đời của Lê-Trừ DUY-BANG anh cả vua Lê Thái-tổ) (1556-1573)	<i>Nguyễn - Hoàng (1558-1613).</i>
Lê Thế-tông (con thứ 5 của Anh-tông) DUY-ĐÀM (1573-1619)	
Lê Kinh-tông (con thứ 2 của Anh-tông). DUY-TÀN (1599-1619)	<i>Sãi - Vương (Hi - tông) (1613-1635).</i>
Lê Thần - tông (con trưởng của Kinh-tông) DUY-KỲ làm vua thời-kỳ thứ I (1619-1643)	<i>Công - thượng Vương hay Thần-tông con thứ hai của Sãi - vương (1638-1648).</i>
Lê Chân - tông (con trưởng của Thần-tông) DUY-HỰU (1643-1649)	<i>Hiền-Vương tức Thái- tông, con thứ hai của chúa Thượng. (1648-1687).</i>
Lê Thần - tông (trị vì lần thứ II) (1649-1662)	<i>Ngãi - Vương tức Anh- tông, con thứ hai của Hiền-Vương (1687-1691).</i>
B- Các vua Lê, Chúa Nguyễn dưới thời Trịnh-Nguyễn phân-tranh (1617-1774)	
Lê Huyền-tông (em vua Lê Chân-tông) DUY-VŨ (1662-1671)	<i>Ngãi-Vương (1687 - 91)</i>

Lê Gia-tông (con thứ hai vua Thần-tông DUY-HỘI (1671-1675)	Ngãi-Vương (1687-1691)
Lê Hi-tông (con thứ 4 vua Thần-tông) DUY-HỢP (1675-1705)	Minh-Vương hay Hiến-tông con cả của chúa Ngãi (1691-1725). Minh-Vương
Lê Dụ-tông (con vua Hi-tông) DUY-ĐƯƠNG (1705-1729)	
Lê Duy-Phượng (con vua Dụ-tông) (1729-1732)	Ninh-Vương hay Túc-tông, con cả Minh-Vương (1725-1738)
Lê Thuần-tông (con cả vua Dụ-tông) DUY-TƯỜNG (1732-1735)	
Lê Ý-tông (con thứ 11 vua Dụ-tông) DUY-THỊN (1735-1740)	Võ-Vương hay Thế-tông con cả của Ninh-Vương (1738-1765). (Võ-Vương)
Lê Hiến-tông (con cả vua Thuần-tông) DUY-ĐẠO (1740-1786)	
Lê Mẫn-Đế (con Thái-tử Duy-Vỹ bị Trịnh-Sâm giết) DUY-KỶ là cháu nội của vua Hiến-tông, bị Tây-Sơn đánh bại qua Trung-quốc rồi mất ở đấy. Duy-Kỷ lên ngôi năm 1786.	Huệ-Vương hay Duệ-tông, con thứ 16 của Võ-Vương. (1765-1778). Chương-Võ con thứ hai của Võ-Vương chết năm 1765.

Các chúa dòng họ Trịnh

từ thời Nam-Bắc triều đến cuối đời Lê - mạt	
TRỊNH - KIỀM (1539-1569)	Trịnh-Cối (con cả Trịnh-Kiểm). (1569-1570) Trịnh-Tùng (con thứ Trịnh-Kiểm). (1570 - 1623) Trịnh - Đổ, Trịnh - Đông.
TRỊNH - TÙNG	Trịnh-Tráng (con cả của Trịnh-Tùng). (1623 - 1657) Trịnh-Xuân.
TRỊNH - TRÁNG	Trịnh-Tạc (con Trịnh-Tráng). Trịnh - Kiêu, Trịnh - Thuộc, Trịnh - Lệ, Trịnh - Cầm, Trịnh - Toàn.
TRỊNH - TẠC	Trịnh-Căn (con Trịnh-Tạc).
TRỊNH - CĂN	
TRỊNH - CƯƠNG	cháu huyền-tôn của Trịnh - Căn, sinh ra Trịnh-Giang và Trịnh-Doanh.
TRỊNH - GIANG	con cả Trịnh - Cương, sinh ra Trịnh- Bồng (Phùng).
TRỊNH - DOANH	con thứ của Trịnh-Cương.
TRỊNH - SÂM	con Trịnh - Doanh, sinh ra Trịnh- Cán và Trịnh-Khải.
TRỊNH-KHẢI	bị dân bắt nộp cho Tây-Sơn đã tự móc ruột để được chết.
TRỊNH-BỒNG	làm Chúa được ít tháng thì bị Nguyễn hữu - Chỉnh dẹp tan, bỏ đi tu.

NGUYỄN - THỊ THÈ - PHỒ

1. Triệu-tò — Thái-tò Nguyễn-Kim

Ngọc - Bảo (vợ Trính - Kiềm)		Nguyễn-Uông		2. Thái - tổ Gia - dụ — Đoan Quận - công Nguyễn - Hoàng (Chúa - Tiên)			
Hà	Hào	Thanh	Diệu	Hải	3. Hi-tông Hiếu-văn — Thụy Quận-công Nguyễn Phúc-Nguyên (chúa Sài)	Hợp	Trạch Khê
Vệ	Tuyên			Tuần	Kỳ 4. Thảo-tông Hiếu-chiến — Nhân Quận-công Nguyễn Phúc-Lan (chúa Thượng) / Ánh Trung Tử Diệu		
				?		5. Thái-tông Hiếu-triết — Dũng Quận-công Nguyễn Phúc-Tân (chúa Hiên)	
				Diễn	6. Anh-tông Hiếu-Nghĩa — Hoàng Quận-công Nguyễn Phúc-Trần (chúa Nghĩa)		Hiệp
				7. Hiên-tông Hiếu-minh — Tệ Quốc-công Nguyễn Phúc-Chu (Quốc chúa)			Trình
				8. Túc-tông Hiếu-dinh — Đinh Quốc-công Nguyễn Phúc-Chư		Tứ	Điền Phong
				9. Thế-tông Hiếu-vô — Vô-vương Nguyễn-Phúc-Khoát		Nghiêm	
Nguyễn Phúc-Chương . Hưng-lô Nguyễn Phúc-Luân . Vãn				Chí	Hiệu	10. Duệ-tông Hiếu-dịch — Định - vương Nguyễn Phúc - Thuần	
Cáo	Bóng	Ách	Mảo	Điền	Dương (Tân chúa-vương)		



Giám - mục BẮ - ĐA - LỘC

TÂN . NGUYỄN (Tây-Son) THÊ . PHỒ

(1778-1802)

Hồ Phi - Phúc

Thái-Đức đế Nguyễn-Nhạc Nguyễn-Lữ 1. Thái-Tổ Vô-Hoàng đế Nguyễn-Huệ

Nguyễn-Bảo
(Tiền-Triều)

2. Cảnh-Thịnh đế Nguyễn Quang-Toản Quang-Thủy Quang-Thiện

Phần thứ Hai

CHƯƠNG I

ĐẠO THIÊN-CHÚA Ở VIỆT-NAM

« Giọt lệ của chúng - sinh trên ba nghìn thế - giới nếu đem gộp lại còn nhiều hơn là nước của các đại - dương . . . »
Phật Thích-Ca.

« Hãy thương người như thương mình vậy... »
Chúa Gia-Tô.

Thân-thể và triết-lý của chúa Gia - Tô

Thiên-chúa-giáo ngày nay là một tôn-giáo tràn-ngập khắp Thế-giới, có tới 400 triệu tín-đồ. Riêng ở Việt - nam, tôn-giáo này có gần hai triệu đạo-hữu và đã đi sâu vào đời-sống tinh-thần của dân-tộc ta từ bốn thế-kỷ nay trải qua bao nhiêu cuộc thăng-trầm bĩ-thái. Vậy tôn-giáo này phải có một địa-vị trong lịch-sử của nước ta mới hợp-lý. Và nhà viết lịch-sử trước những mối liên-hệ quan-trọng giữa tôn-giáo này với nếp-sống của dân-tộc không thể không có một sự kể-cứu tường-tận.

Thiên-chúa-giáo có một triết-lý thế nào, có từ bao giờ, đã gây được ảnh-hưởng gì ở trên thế-giới và ở nước ta ?

Ở thế-gian này hầu như có một định-luật bất-hủ : giai-đoạn nào nhân-loại bị đau khổ nhiều, trải nhiều cuộc tranh-chấp và rối-ren thì nhiều danh-nhân, hào-kiệt ra đời, đề lập lại trật-tự, uốn-nắn lại thế-tinh, phong-tục.

Trước Thiên-chúa ngót một ngàn năm bên này Ấn - độ - dương và Thái-bình-dương xã-hội Á-đông vừa cáo chung tình-

trạng bộ-lạc thì chế-độ phong-kiến ra đời. Riêng ở nước Tàu con cháu của Hoàng-đế (Hoàng-đế là một trong các ông vua đầu tiên của Hoa-tộc trong thời Tam-hoàng Ngũ-đế) chịu luôn 800 năm ly-loạn dưới đời Tây-Chu và Đông-Chu. Một lục-địa Trung-quốc tuy rộng lớn nhưng đã chia hàng ngàn tiểu-quốc và mỗi tiểu-quốc có một tiểu-bá-vương tuy thần-phục thiên-l tử nhà Chu nhưng chỉ được yên-ôn với nhau một thời ngắn-ngủi, sau đó lớn hiếp bé, đấm người phong-kiến này do quá nhiều tham-vọng lợi-danh đã lôi-cuốn đám lê-dân liên-miên và bao nhiêu cuộc tranh-giành đẫm máu. Nhà Tần ra đời trước Thiên-chúa ba thế-kỷ mới chấm dứt được cái nạn tam-phân ngũ-liệt, dựng nên một quốc-gia thống-nhất. Nhưng Vạn-lý Trường-thành của Thủy-hoàng đã là mồ chôn sống hàng triệu nhân-dân,

Bên kia Đại-tây-dương, Địa-trung-hải của dân-tộc Tây-âu Cận-đông, Trung-đông trước Thiên-chúa kỷ-nguyên cũng không sung-sướng gì. Thế-hệ này qua thế-hệ khác, các địa-phương này liên-tiếp sống trong thời khói lửa, sương phơi đầy núi, máu chảy đầy sông cũng do tham-vọng không bờ-bén của đám vua chúa. Các lĩnh-tụ chính-trị, ông nào cũng nêu cao chính-nghĩa : vì lợi-dân ích nước đề phát-động những cuộc chiến-tranh vô cùng khủng-khiếp, rút-cực thiệt-thòi vẫn là đám dân hèn. Từ Trụ, Kiệt đến Tùy Rạng-đế, Trần-hậu-Chủ, kinh-thành của các ông vua này là cả một trời hoa đất rượu xây dựng bằng biết bao nhiêu xương máu của nhân-dân thì bên kia trời Tây La-mã, vườn Babylones, các Kim-tự-tháp đề trở thành những kỳ-công về kiến-trúc, những đô-thành nhiều gác tía lầu son huy-hoàng tráng-lệ còn nhiều vang bóng đến ngày nay cũng đã làm tổn bao nhiêu sinh-mạng của đám người cùng.

Rồi Á châu đã sản-xuất ra Nho, Thích, Lão, là những hệ-thống triết-lý, đạo-đức, luân-lý khuyến-cáo loài người ăn ở có nghĩa có nhân thì Cận-đông, Trung-đông, Moïse, Mahomet và Gia-tô cũng xuất-hiện với những đạo thuyết sáng ngời tư-tưởng Bác-ái, Đại-đồng, Xã-hội, hy-vọng văn hời trật-tự, cứu vớt sinh-linh.

Chúa Gia-tô là người thế nào ?

Người sinh ra ở (Bethleem) tại một thôn nghèo vì thuộc một gia-đình lao-động vùng Nazareth của vương-quốc Do-thái. Ngài cùng cha mẹ phải lánh mình sang Ai-cập khi xảy ra vụ

làn-sát của phe phản-đối *thuyết Chúa cứu-thế sẽ ra đời*. Trong vụ này biết bao kẻ vô tội bị hàm-oan. Thuở niên-thiếu của Người rất là đen tối. Người không gần các đảng phái chính-trị và cũng không được học-hành. Vậy mà như nhiều vị tiên-tri trước thời của Người, Người được thiên bẩm nên thông minh lạ thường, Ông Jean Baptiste đã rửa tội cho người và chính ông đã khuyên nhủ người ta ăn-năn mọi điều tội-lỗi để được rỗi linh-hồn và bảo chúa Cứu-thế sẽ xuống thế gian chuộc tội cho thiên-hạ. Xin nhắc rằng trước thời chúa Gia-tô các dân-tộc sống quanh Địa-trung-hải, Cận-đông và Trung-đông có nhiều tín-nguỡng lộn-xộn, phức-tạp. Phần đông thuộc phái *đa thần*, riêng Do-thái ngược lại chủ-trương thuyết « *Độc thần* » mỗi ngày một mạnh. Vị thần tối-linh, tối-cao của họ là Jahvé như Ngọc-hoàng Thượng-đế hay Thái-thượng lão quân của Người theo đạo Lão, Zeus (Jupiter) của người Hy-lạp. Chúa Gia-tô đã tuyên-thệ trên núi rồi ấn-định giáo-thuyết của mình như sau : Những kẻ nghèo hèn, đau khổ, những kẻ lành hiền đạo-đức, những kẻ đói khát và bị áp-chế sẽ được sung-sướng vì nước Thiên-đàng thuộc về họ. Người chủ-trương linh-hồn bất-diệt và linh-hồn bất-diệt không phải do thờ cúng, kinh-kệ nhiều mà do sự khắc-thân xả-kỷ, mến chúa thương người. Giáo-thuyết của Người dựng lên không riêng cho dân Do-thái mà cho tất cả nhân-loại. Chúa không phân quốc-tịch, màu da và cả tôn-giáo nữa. Người nói loài-người bình-đẳng trước mặt chúa Trời và cũng có sự bình-đẳng giữa phái Nam và phái Nữ. Đạo ngài buộc người ta phải một vợ một chồng, chồng vợ phải trung-thành với nhau, hôn-phối là việc không được tiêu-hủy nhưng nếu vợ chồng phạm tội ngoại-tình thì mới có quyền lìa bỏ nhau. Đạo-lý của Người có không phải là chỉ khuyên sự phục-tòng lẽ phải, phép công-bằng mà còn đi xa hơn nữa là lấy ân trả oán và thương yêu cả kẻ thù nghịch của mình nữa. Tóm lại chính cương của đạo Thiên-chúa gồm hai phương trâm dưới đây :

Yêu thương nhau cho hết tình đồng-chúng, đồng-loại. Những gì mình chẳng ưa thì đừng reo vào kẻ khác... Và làm điều ác nghĩ rằng kìn-dáo khiêm-nhượng càng cao-thượng.

Chúa Gia-tô cũng như các linh-tụ tôn-giáo trước Người và sau Người xem thường vật-chất, hình-hai, ít quan tâm đến

hận lại ; giữa thời của người văn-minh đang tấn-phát nhưng đã thành cái gì ti tiện dưới mắt của người nên Người khuyên nhân-loại trở lại với tinh-thần trong sạch khoáng-đạt của thời nguyên thủy. Ngài thuyết minh rằng loài người không phải sinh ra để tương tranh rồi chém giết nhau một cách man rợ, mà phải sống có yên vui trong hòa-bình trật-tự. Ngài không khuyên người ta nghe lệnh của các nhà cầm quyền mà nhủ rằng phải vâng theo ý Chúa và Chúa luôn luôn ngự trong lòng mình. Trước sự tàn bạo, Ngài chủ-trương lấy lòng nhân mà đối phó. Trước những cuồng vọng, những ham muốn say sưa, người bảo nên sống thanh-khiết nhưng Người không quan-niệm rằng người ta phải sống khắc khổ, trái lại phải yêu đời. Người cũng nói rằng tôn-giáo không ở lý-thuyết, không ở hình-thức mà phải ở hành-động và không uy-quyền nào có thể vượt được lương-tâm... *Lương-tâm mới là vị thẩm-phán cao cả hơn hết.*

Nhưng thuở ấy ít người đã biết nghe giáo - lý của Chúa Gia-tô.

Các nhà bác học ngày nay nhận định rằng tư-tưởng của chúa Gia-tô đã như một chất nhựa thơm có một vẻ thanh quý vô tả, chất nhựa này rất là nhuần nhị và đã hướng dẫn đến một tình thương bằng một sự đơn giản thần thánh. Cái đặc-biệt trong đạo của chúa là càng đi sâu vào phần kết luận, càng thấy lòng bác-ái và sự khoan-dung có ý nghĩa vô cùng. Nó còn cô-biệt cả mọi tư-tưởng siêu-nhiên (thần bí) cho rằng mọi công thức và luật lệ chỉ là để che đậy cái trống rỗng của lòng người. Quả vậy, vì chúa đã chống với mọi phong-tục, lễ nghi, những cái bề ngoài do đó luật Do-thái đã xử Người vào tội chết.

Dẫu sao những cực hình Người đã phải chịu sau một đời hoàn-toàn hy-sinh cho hòa-bình và tình thương nhân-loại cũng đã đem lại cho Người một cuộc chiến thắng vĩnh-viễn. Từ bao nhiêu lâu, người ta đã nói đến một chúa Cứu-thế sẽ ra đời thì ngày nay, sự xuất đầu lộ diện và sự đau-khổ của Người với tấn thảm kịch trên núi Golgotha đã minh chứng rõ-rệt lời của các nhà tiên tri từ năm, bảy thế-kỷ trước.

Đi sâu vào triết-lý của đạo Thiên-chúa, các nhà bác học nhận thấy rằng đạo cũng như tư-tưởng của người Do-thái đã chịu ảnh-hưởng rất nhiều của nền luân-lý Ai-cập có từ ba

ngàn năm trước do các nhà đạo đức Ptah-Hetep, Ani và Aménopé xướng lên. Nhưng, các nhà tiên tri của Do-thái vẫn hướng-dẫn mối tin-ngưỡng của mình sang một lối mới. Nhà tiên tri Isaïe tám trăm năm trước Thiên-chúa đã phá bỏ cái khuôn khổ quốc-gia của tin-ngưỡng Do-thái và có ý nâng nó lên thành một tôn-giáo chung cho toàn-thê nhân-loại. Các nhà tiên tri Amos và Hosés quan-niệm rằng dân mình chịu nhiều cuộc nhục vinh bi-đát là do sự đòi-truy của các cấp lãnh-đạo. Jérémie thì cho rằng dân Do-thái phải đau khổ vì đã lỗi đạo với Jahvé. Sau này bị bao phen giang-hồ phiêu-bạt, dân Do-thái lại tiêm-nhiễm các tư-tưởng tôn-giáo của người Babylone và Ba-tur và của nhiều nước Trung-đông nêu ra nguyên-tắc *ương đạo thắng bá-đạo*, Tà-ngụy thua Chấn, Thiện, linh hồn bất-diệt người chết sẽ qua một thế-giới khác (Thiên-đường hay địa-ngục) sẽ có sự phán xét của quỷ thần đối với công tội của loài người, và loài người sẽ sống trở lại, sẽ có báo hiệu chúa Cứu-thế ra đời. Một trăm năm trước khi Thiên-chúa ra đời người Assyro-Babylonien chịu ảnh-hưởng của phái Mazdéisme của Ba-tur đã báo rằng chúa Cứu-thế sẽ ra đời, sinh ra mong xác thịt như người ta, và để chuộc tội cho nhân-loại. Sau khi chúa chết, chúa sẽ sống lại. Tại Jerusalem trừ phái tăng lữ, các nhà tiên tri đều tuyên truyền như vậy. Rồi các thánh kinh có viết chuyện này. Daniel nói rằng chúa sẽ đi trên mây mà xuống. Có nơi cho rằng ngày chúa hiện ra sẽ là ngày tận thế và sẽ có nước thiên đàng.

Đến khi chúa Gia-tô ra đời, nêu ra những lý-thuyết kể trên, lặn lội khắp nơi đại-chúng, gần gũi các người nghèo hèn, đau khổ, chữa bệnh cho những kẻ đau, an ủi những người chán chường, thất-vọng, cuối cùng Chúa hy-sinh cho lý-tưởng của mình trên cây thập-tự đúng như lời của các nhà tiên tri đã nói.

Thế là mọi tư-tưởng thần bí của Đông-phương, Ai-cập, Hy-lạp đều gặp nhau ở nơi ngã tư đường này là Palestine, nói cách khác nó biến Palestine thành một trung-tâm của mọi triết-lý và tin-ngưỡng của Đông-phương nói riêng, của quốc-tế nói chung.

Dưới triều các vua chúa La-mã : Pompée Salomon, Hérode, người Do-thái tuy bị mất quyền chính-trị nhưng vẫn được một độc-lập về tin-ngưỡng. Do đó, mà đạo Do-thái được

hiều đặc-quyền, đám quí tộc và tăng-lữ hợp thành một phe có tinh-thần bảo-thủ nhất định chống lại phe tri-thức và luật-gia là phe chủ-trương có sự bất diệt của linh hồn, người ta có hậu kiếp, vợ chồng phải thủy-chung v.v... như trên đã nói, và bởi phe này chịu tòng phục chế-độ chính-trị và xã-hội đối với chính-quyền La-mã nên họ được ưu đãi.

37 năm sau đạo bắt đầu có tiếng vang thì cũng là lúc đạo bắt đầu bị triệt hạ rất là khốc-liệt vì nhà cầm-quyền La-Mã đã dành cho vị đại tu-sĩ một địa-vị lớn ở Jérusalem mặc-dầu Thiên-chúa giáo đã thành một phe vẫn đi đôi với đạo Do-thái (Judaïsme). Tin-đồ Thiên-chúa giáo phải bỏ Jérusalem mà đi nhưng vẫn không rời sứ-mạng. Vị tông-đồ sốt-sắng nhất của Chúa bấy giờ là Ông Paul.

Tại Antioche được thành-lập một họ đạo rồi lần-lượt tại Tiều-á-Tê-á, tại đảo Chippre, tại Salonique cũng có hoạt-động của đạo Thiên-chúa. Sau đó đến kinh-thành Athenès là trung-tâm của nền triết-lý Hi-lạp cũng đón tiếp Ông Paul rất là long-trọng tuy chưa có sự gia-nhập. Tại Corinthe dân-chúng tuy chịu ảnh-hưởng của các điều thần-bí Ai-cập Đông-phương rất mạnh mà cũng nổi lên được một nhà thờ của đạo Thiên-chúa. Đạo này còn dành được nhiều uy-tín cả ở Ephèse là một địa-phương có tinh cách quốc-tế mà xưa kia dưới thời người Messchabés, triều vua Darius, đã có một chi phái của đạo Do-thái (phái chịu khổ hạnh) rất được quần-chúng tôn-sùng. Sau này đạo Thiên-chúa lan tràn ngày càng thêm rộng qua Phrygie, Mesopotamie và cả tới Sông Hằng (Ấn-độ) cảm hóa được cả một số vua chúa. Về phía Tây đạo cũng phát-triển cả khắp miền Địa trung-hải (miền Đông và Trung) mặc dầu tại Palestine vẫn có nhiều việc giết đạo xảy ra.

Năm 64 sau Thiên-chúa, sau một trận hỏa tai tàn phá thành La-mã dưới thời bạo-chúa Néron. Lần đầu tại đây có việc sát phạt đạo Thiên-chúa dữ-dội nhất. Trong dịp này hai vị tông-đồ Paul và Pierre bị hy-sinh. Tại đây một phong-trào bài-trừ Do-thái và tín-đồ Thiên-chúa giáo đã bùng-nổ. Người La-mã coi cả hai giới này đều là vô-thần và kẻ thù của nhân-loại. Hai năm sau tại Cesaré, một tỉnh thuộc Thổ-nhĩ-kỳ cũng có một cuộc tàn sát do do một nhóm quá-khích gây nên khiến người Do-thái và Hi-lạp đâm chém nhau, rồi nảy ra cuộc chống đối người La-

nữ khắp Palestine. Người La-mã và Hi-lạp bị giết vô kể. Cuộc tàn-sát này sau đó biến một cuộc chiến-tranh giành độc-lập. Chính-quyền La-mã phải mang lực-lượng quân-sự hùng-hậu đến đối phó. Người Do-thái ở Mésopotamie cũng đem binh tới giải vây Palestine. Lúc này trong thành đang có nội-chiến giữa phái dân-chúng Do-thái và phái qui-tộc Do-thái. Phe dưới này thiên về La-mã. Năm 70, Palestine bị La-mã chiếm lại. Dân ở đây bị chém giết cũng hết sức khủng-khiếp, nhiều người bị treo iên cây thập-tự, đẩy đi làm ở các hầm mỏ tại Ai-cập hoặc bị bán làm nô-lệ khắp Đế-quốc La-mã. Một thời đạo Thiên-chúa bị tê-liệt nhưng trong năm 70 các Ông Mathieu và Mac vắn soạn thánh kinh ra tiếng Hi-lạp. Ông Luc làm cuốn thánh kinh thứ ba và viết cả sách luận về các công-tác của *tông-đồ Thiên-chúa giáo*. Ông Flavins Josephé trong cuốn *Lịch-sử chiến-tranh Do-thái* và *Cổ thời Do-thái* đã mạnh dạn đưa ra nhiều ý-kiến để thanh-minh thái-độ của người Do-thái cho người Hi-lạp và phe diệt trừ Do-thái biết. Hai tác-phẩm này đã đem chủ-nghĩa « *Độc thần* » vào nền văn-chương thế-giới và mở đường cho đạo Thiên-chúa thâm nhập vào đầu óc người đời bấy giờ.

Các tông-đồ của chúa Gia-tô đã phổ-biến những gì về đạo này? Trong những thư-tịch gửi cho các họ đạo, Ông Paul đã xác-định phần huyền-bí của đạo như sau : *Chúa Gia-tô xuống thế-gian để cứu nhân-loại. Người tình-nguyện chịu cực hình và chết đi để chuộc tội của tổ-tông loài người do lầm lỗi của Adam. Sự hèn yếu của loài người đã được tuyên-cáo trước chúa Trời là đáng toàn năng.*

Vào năm 100 (sau Thiên-chúa) thánh kinh theo ông Jean đã được công-bố bằng tiếng Hi-lạp, nêu ra một luận thuyết cổ kính hơn nói rằng chúa Trời có ba ngôi : Ngôi thứ nhất là *Cha*, ngôi thứ hai là *Con* và ngôi thứ ba là *Thánh Thần*, tuy chia làm ba mà vẫn là nhất thể. Theo luận thuyết này Gia-tô là con của Chúa Trời nhưng sự xác-định kể trên không có lời bình giải nào về mặt triết-lý.

Rồi việc đạo về phần lý thuyết đi dần đến chỗ ổn-định việc tổ-chức cũng thành hệ-thống và có trật-tự từ đời ông Paul. Từ đó, mỗi khi các giáo-dân bất hòa đã có nh. ng hàng giáo phẩm xét xử? Các hàng giáo phẩm này không lưu-động như

các cán bộ khác và gồm có các chức sắc, cố-lão, phụ nữ và các góa phụ. (Tổ-chức này rập theo tổ-chức của người Do-thái có mục-đích tự-trị và tránh sự can-thiệp của chánh-quyền).

Trong khi Thiên-chúa giáo bành-trướng thì đạo đa thần cũng tiến lại gần. Luân-lý của phái Epicète và Marc-Aurèle khuyên người ta đừng cảm chịu đựng mọi điều đau-khổ. suy-vong ở đời chỉ khác luân-lý của đạo Thiên-chúa là không đề ra vấn-đề nhẫn-nhục khiêm-nhường mà thôi. Các tư-tưởng dân-chủ của phái này ý-thức theo cái quyền thiên nhiên của con người xét ra hoàn toàn phù-hợp với quan-niệm của Công-giáo là mọi người đều bình-đẳng trước mặt chúa Trời.

Như ta đã thấy, Đông-phương vốn có nhiều tin-tưởng vào cuộc sống bất tận ở trên Thiên đường, cho rằng có một đấng thiêng liêng vô hình và toàn năng đã gây dựng ra thế-gian và có thể cứu chuộc thế-gian, ý-niệm này đã chính-thức thành căn bản của việc tôn thờ thần mặt trời của Đế-quốc Ai-cập đã lâu.

Ngoài ra Ai-cập lại thờ cả thần Isis mệnh-danh là « *Đức Bà cứu giúp muôn thuở* » mẹ của thần hai-đồng Horus đã thắng Seth tượng trưng cho tội lỗi. Ai-cập lại còn tin cả điều thần bí quanh cái chết và sự tái sinh của thần Orisis và đã lập ra các việc thờ cúng. Tóm lại, đúng như Plutarque đã nói: *Chúng ta không thể nghi rằng các việc thần thánh và tín-ngưỡng có khác nhau, chỉ có các dân-lộc khác nhau mà thôi.*

Nay đối chiếu với Thiên-chúa giáo thì đạo Do-thái vì tính-cách tôn thờ độc thần « Jahvé » nên đã không phù-hợp vào với sự sùng-tin chung của nhiều dân-lộc đời bấy giờ nó bị lu mờ là lẽ tất nhiên. Còn Thiên-chúa giáo trái lại đã nhắc những điều tốt lành của chúa Cứu-thế, nhắc việc Chúa đã chết đi sống lại vì nhân-loại đã tương-ứng với tín-ngưỡng của nhân-loại, lại nữa, chúa là một nhân-vật xuất-thần nơi Đại-chúng, chết trên cây thập-tự như một kẻ nô-lệ vì lòng thương nhân-loại là điều rõ-rệt chứ không mơ hồ như những thần thánh huyền-bi viễn-vông khó tin thuở đó. Kinh thánh thì tràn đầy tình thương mến thiết-tha, không phân biệt kẻ sang hèn, nêu cả ý nghĩa của Hòa-bình mà các dân-tộc đời bấy giờ đang khao khát, thật là hoàn toàn phù-hợp với mọi nguyện vọng, mọi điều đã nêu trong truyền thống luân-lý của Ba-tư và Ai-cập, nhất là những kẻ nô-lệ, nghèo khổ đã được Thiên-chúa-giáo an-ủi rất

nhieu, trả lại cho họ những thứ họ đã mất với những chế-độ xã-hội bất công. Điều mà các nhà tiên tri Do-thái nói ra trước đó 800 năm là chúa Cứu-thế sẽ ra đời thì bấy giờ đã là sự hiển nhiên không ai chối cãi nổi. Tóm lại với những lời ngán-ngủi, đầy tình thương đồng loại, và lòng bác-ái, không có lý-thuyết tối tăm, cũ rích, hoang đường, không có thủ-fulc lễ-nghi rườm-rà, diệu-vợi, đạo Thiên-chúa đã đến với tất cả những kẻ đang khùng-hoảng tinh-thần, đem lại cho họ mọi nguồn hi-vọng sau một thế-kỷ đầy máu và nước mắt giữa khi chúa Gia-tô ra đời. Được diễn tả ra tiếng Hi-lạp việc truyền bá đạo càng được dễ-dàng trong Đại-chúng. Nhưng muốn chinh-phục thế-giới đạo Thiên-chúa phải đề-cao vấn-đề chỉ riêng sùng-thượng đức chúa Trời mà thôi, như vậy không khỏi sự xâm phạm đến uy-quyền thần thánh và độc đoan đã có tự ngàn xưa của các vua chúa, do đó mà các tín-đồ của đạo đã trở nên kẻ thù nghịch và bị coi là những quân phiến loạn. Rồi nhà cầm quyền đã ra nhiều chỉ-dụ riêng ấn-định rằng theo đạo Gia-tô là một trọng tội và cấm ngặt đạo này trong suốt một thời gian. Khi có các vua Antonius lên ngôi, đạo được dễ thở, tuy các chỉ-dụ về việc cấm đạo vẫn còn nhưng chỉ cấm việc truyền giảng công-khai mà thôi.

Dầu sao thì đạo Gia-tô vẫn tiến, có những vua chúa, giết hại đạo thì lại có những triều đình theo đạo toàn thể và ủng-hộ đạo từ Đông qua Tây. Dưới đời vua Constantin (thế-kỷ thứ III) đạo được trở nên một quốc-giáo tuy còn phải song hành với đạo cũ của người La-mã (Paganisme). Chính nhà vua là một tín-đồ nồng-nhiệt và đạo nhờ vậy được một uy thế đặc biệt. Như trước đây, ở Ai-cập bên cạnh chính-quyền của đế-quốc có một chính-quyền của tôn-giáo, chỉ khác là có giám-mục thì do dân chúng bầu lên và nhân-dân phải là tín-đồ trước khi được gọi là công-dân. Rồi trên thực-tế, các hội-đồng công-giáo ở các tỉnh lại có thế lực mạnh hơn các cơ-quan đại-diện của Nhà-nước.

Cho tới cuối thế-kỷ thứ ba (sau Thiên-chúa) các xứ Palestine, Macédoine, Ai-cập, Tiều-á-tế-Á, Dalmatie, Á-rập, Bắc-phi, Provence v.v... đã thuộc về đạo Thiên-chúa. Và kể từ thế-kỷ thứ IV đến thế-kỷ thứ X, mặc dầu Hồi-giáo cuồng-nhiệt tranh đấu dữ-dội, nhờ có các giới Công-giáo bản-địa dưới đời Giáo-hoàng Grégoire le Grand (540-604), nhiều vua chúa đã xức-dụng cả guom đạo để bảo-vệ đạo... Được đà này, các Thừa-sai

đã vượt biên-giới Âu-châu tiến dần qua Á-châu. Từ thế-kỷ XI đến thế-kỷ XIV các giáo-sĩ dòng Franciscain và Dominicain dẫn theo bước của Thập-tự quân nhưng chú ý vào những cuộc chinh-phục liach hơn là lo lập chiến công trên các miền từ xưa tới nay nằm trong ảnh-hưởng của Hồi-giáo và của các đạo đa thần. Cũng nhân cuộc phát-triển này khoa-học, địa-dư-học, nhân-chủng-học, ngôn-ngữ-học v.v... được nảy nở tốt đẹp do sự sưu-tầm và xây-dựng của các chiến-sĩ áo đen. Từ thế-kỷ XV đến thế-kỷ XVI Thiên-chúa giáo đã có mặt ở khắp Viễn-đông nhờ ở các nhà du hành và thương-gia Bồ-đào-Nha sau khi Christophe Colomb khám phá ra Tân thế-giới. Đây là một dịp để Đông, Tây tiếp xúc với nhau và trao đổi tinh-hoa của hai nền văn-hóa dị-biệt tưởng không bao giờ có sự gặp gỡ. Phải nhận rằng người Bồ và Tây-ban-Nha đã có công rất nhiều trong việc mở đường cho cuộc gặp gỡ đầu tiên này giữa những người khác giống trên thế-giới và xin nhắc rằng, nếu không có các giáo-sĩ là những người đã nghiên-cứu ra tiếng nói của các dân-tộc thì thật khó mà gây được niềm thông-cảm, một công trình đáng kể là vĩ-đại.

Sang Viễn-đông vào thượng-bán thế-kỷ XVI bấy giờ là các giáo - sĩ các dòng Dominicain, Franciscain, Trinitaire, Ermites de St. Augustin và Capucins.

Từ 1540 các giáo-sĩ dòng Tên (Jésuite) và nhiều chi-phái của đạo lần lượt có mặt ở các nước da vàng chịu rất nhiều gian-lao, khổ-cực vì những cuộc bài đạo của các triều-đình Á-đông đến cuối thế-kỷ XIX mới hết.

CHƯƠNG II

VIỆC GIẢNG - ĐẠO THIÊN - CHÚA TẠI ĐÔNG - NAM - Á

THEO *Lịch-sử đạo Thiên-chúa ở Việt-nam* do Giáo-sĩ L. Ca-diêrre duyệt-chính, Nguyễn văn-Tổ chú-giải, năm 166 (sau Tây-lịch) đã đánh dấu việc người Âu-châu tìm sang Á-châu để gây-dựng thị-trường và trao đổi hóa-vật với người da vàng như lụa, vải, hồ tiêu v.v... Trong thời ấy đã có những lái buôn La-mã đến triều-đình Trung-quốc sau khi qua nước ta (Hậu Hán-thư, thiên 88). Năm 226, nước Tàu đang bị loạn Tam-quốc có một thương-nhân La-mã đến Giao-Chỉ được viên Thái-Thủ ở đây cho người dẫn tới kinh-đô nước Ngô vì lúc này Giao-Chỉ thuộc quyền cai-trị của nhà Đông-Ngô.

Ở thế-kỷ thứ VII, dưới đời Đường, đất Tàu lại được một ít người theo đạo Gia-tô về phái Cảnh-giáo (Nestoriens) (1) thăm viếng do Olopen cầm đầu (1625 ở Tây-An phủ người ta khám phá ra một cái bia đá 1700 chữ (2), trên có hình Thánh-giá ghi chép sự-nghiệp truyền-giáo của ông này vào năm 635). Vua quan ở đây đã tiếp đãi họ tử-tế, công cuộc truyền-giáo tiến-triển và nhiều nhà thờ được dựng lên một thời kỳ rồi sau bị triệt bỏ.

Qua các sử-liệu, ta có cảm-tưởng việc truyền-giáo ở Á-Đông tới đó thì bị ngừng nhưng đến thế-kỷ XIII việc truyền-giáo lại

-
- (1) Phái Công-giáo này xuất-phát ở Babycone không thờ tác ảnh tượng. Họ phân-lách chúa Gia-tô là nhị thể (Hai con người khác nhau).
 - (2) Bia này dựng vào năm 782 nghĩa là gần 150 năm sau khi công-cuộc truyền-giáo của Olopen được mở đầu.

được dịp bột phát với các vua chúa Mông-Cồ ở Trung-quốc. Thuở ấy Mông-Cồ đang đem quân xâm-lăng Tây-phương dưới quyền chỉ huy của Thiết-Mộc Chân (Témoudjine) tức Thành Cát-tur-Hãn, kỵ-binh Mông-Cồ tràn qua Trung-á, Ba-Tur chém giết, cướp phá gây cuộc khủng-khiếp cho khắp các nước Tây-phương. Nguyên Thái-tổ (Thành Cát-tur-Hãn) mất, người con thứ ba là A-Loa-Đài (Ogotai) tiếp, hiệu là Nguyên Thái-Tổng theo đuổi chí cha sang chiếm nước Nga và Ba-lan, tiến vào biên-thùy nước Đức. Họ đi tới đâu là máu đổ xương rơi, xóm làng lửa đỏ, thành quách tan hoang. Giáo-hoàng Innocent IV và vua St Louis phải cho người sang Tàu điều-định với Nguyên-chủ. Theo L.M. Nguyễn-Hồng tác-giả cuốn *Lịch-sử truyền-giáo ở Việt-nam* xuất-bản năm 1939 sứ-đoàn gồm mấy Giáo-sĩ giòng Phan-xi-Cô và Đa-Minh, những người này đã trải một cuộc hành-trình hết sức gian-lao qua Ba-Tur, Tiệp-Khắc, Chaldeo, Ấn-Độ rồi mới đến Cambaluc gần Bắc-bình (1) là Kinh-đô mới của Mông-Cồ từ ngày họ thôn-tính được miền Bắc Trung-quốc. Một nửa các sứ-giả thừa-sai đã chết ở dọc đường (2). Đứng đầu phái-đoàn là Jean de Plan Carpin trong buổi yết-kiến ngày 12-7-1216. (Bấy giờ Nguyên Thái-tổng đã mất rồi) đã phàn-nàn với Nguyên Định-tông (Qui-do), rằng quân Mông-Cồ sát hại quá nhiều sinh-linh ở những vùng đánh chiếm. Trong dịp này Định-tông thỏa-thuận kết-giao với nước Pháp và đem quân giúp vua Louis mở cuộc nghĩa binh giành lại đất Thánh (Jérusalem).

Ba năm sau (1249) vua Louis sai cha giòng Đa-Minh André de Longjumeau sang Trung-quốc lập hiệp-ước Đồng-Minh với Định-Tông và tặng nhiều quí vật. Nhưng đến nơi thì Định-Tông đã qua đời, em con nhà chú là Mông-Khia lên thay tức là Hiến-Tông.

Ngừng hoạt-động về phía Tây-phương, Mông-cồ lúc này chuyên-chú đánh xuống miền Nam Trung-quốc đề tận diệt nhà Nam Tống. Hốt tất-Liệt (Koubilai) là em Hiến-Tông lãnh quyền Tổng chỉ-huy. Trong dịp này, Hốt tất-Liệt còn ra lệnh cho tướng

(1) Cambaluc là Cam-túc chăng ?

(2) Năm 1275, Marco Polo là con Nicoto cùng cha và chú do đường Cận-dong và Trung-Á cao-nguyên Pelmir sang Tàu được Nguyên-chủ trọng-dụng vào nhiều việc chính-trị, hành-chánh và thường được biệt-phái đi xa.

Ngột-Lương Hợp-Thai sai sứ xuống Việt-Nam dụ hàng vua Trần Thái-Tông. (Án coi Việt-sử Tàn Biên II).

Năm 1251, vua St Louis đáp thư của Mông-Kha (Monké) đã thuận đem binh đánh quân Sarasino do hai sứ-giả là Giáo sĩ dòng Phan-Xi-Cô, Guillaume de Rujsbreeck và Barthélémy de Crémone mang sang. Hai vị này còn nhiệm-vụ lôi cuốn vua Mông-Cồ và triều-thần theo đạo Thiên-chúa nhưng bị giáo-dân thuộc phái Nestoriano bắt làm tù-binh đưa về kinh-đô nhà Nguyên đem pha vu-cáo bậy-bạ. Các sứ-giả vì vậy đã thất-bại trong nhiệm-vụ truyền-giáo nhưng đã ngăn nổi làn sóng xâm-lăng của Mông-Cồ suốt tràn qua Âu-châu.

Năm 1261, hai thương-gia thành Venise là Nicolas và Matteo Polo tới Trung-quốc được Hốt Tất-Liệt tức Nguyên Thế-tổ tiếp rất ân-cần. Thế-tổ muốn thắt-chặt tình thân-thiện với Thế-giới Công-giáo nên cử một sứ-giả theo hai thương-gia này về Roma yêu-cầu Tòa-thánh cho các thừa sai sang giảng-đạo ở Trung-quốc. Nửa đường sứ-giả của Nguyên-chủ mất, Giao-Hoàng đáp lại thịnh-tinh của Nguyên-chúa cũng sai hai nhân-viên dòng Đa-Minh sang nhưng hai giáo-sĩ này bị lâm-bệnh giữa cuộc hành-trình lại trở về, chỉ có hai thương-gia họ Polo là tới nơi. Cùng chuyến đi này có thêm con của Nicolas là Marco Polo sau được triều Nguyên trao nhiều trọng-trách lâu năm như ta đã biết. (1)

Năm 1288, Giáo-hoàng Nicolas IV lại cho sứ-giả qua Triều-Nguyên được Thế-Tổ đối xử rất trọng-hậu. Sứ-giả là Giáo-Sĩ Jean de Moncorvin và phụ-tớ là Nicolas de Pistola. Sau khi Nicolas de Pistola chết vì bệnh. Jean de Montcorvin ở lại truyền-giáo, gây dựng được 6000 bôn-đạo, cất được hai nhà thờ, mở được một trường học cho hơn 150 trẻ em học-sinh Công-giáo. Nhưng năm đầu, giáo-sĩ cũng bị những người Cảnh giáo vu-cáo, rồi bọn này bị lộ chân-tướng và bị đem phát lưu.

Năm 1305, Giáo-hoàng Clémenté V lại bành-trướng thêm cương-vực của Giáo-hội tại đây, đặt giáo-sĩ Jean de Moncorvin làm Tồng-giám-mục các khu truyền-giáo ở Đông-Á. Rồi 7 Giáo-

(1) Đi nhiều nước lân-cận. Marco Polo có qua miền Bắc nước ta và ở nước Tàu luôn 17 năm.

sĩ khác, dòng Phanxico cũng được phong Giám-mục đề qua Trung-quốc phụ-tá cho Jean de Moncorvin.

Năm 1312, ba giáo-sĩ nữa sang thế cho 3 vị đã chết ở dọc đường trước đó. Trong giai-đoạn này, số giáo-dân Trung-quốc đã tiến lên tới số 10 000 theo lời Giáo-sĩ Odorico de Perdenone. Việc truyền-giáo của dòng Đa-Minh ở Ba-Tur, Tiệp-Khắc và Ấn-Độ bấy giờ cũng được khả-quan.

Nhưng từ năm 1368, nhà Nguyên mất, nhà Minh lên thay thì việc đạo bị cấm ngặt, các thừa sai cố-gắng đương-đầu với mọi sự khó khăn nhưng đến năm 1410 nền-tảng của Công-giáo ở Trung-quốc hầu không còn gì nữa, phải chờ đến thế-kỷ sau nữa, do sự chinh-phục và khám được « *Thế-giới mới* » của hai nước Bồ và Tây-Ban-Nha, công cuộc truyền-giáo ở Đông-Á mới được phục-hưng.

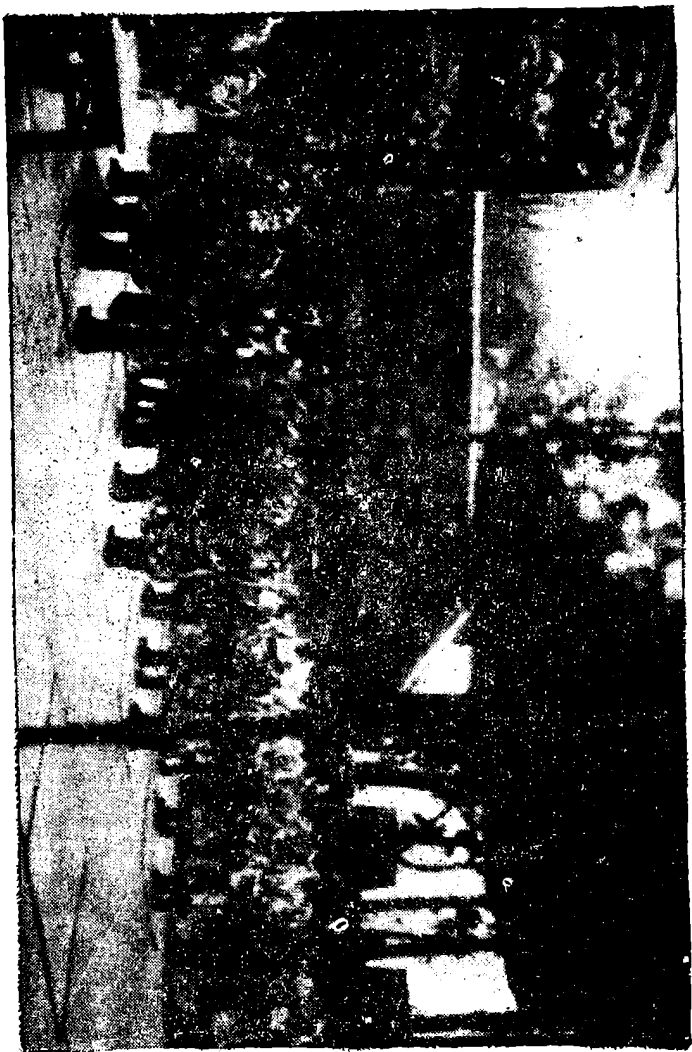
Năm 1492, Christophe Colombe cùng địa-bản chỉ-nam định vượt Đại-Tây dương đề qua Ấn-Độ rồi ngẫu-nhiên ông tìm ra Châu Mỹ.

Năm năm sau, Vasco de Gama một người Bồ-đào-Nha khác bằng đường thủy đã đi vòng qua Hảo-vọng giác (Cap de Bonne Espérance) ở Nam Phi-châu vào được Ấn-Độ. Đầu thế-kỷ XVI người Bồ-đào-Nha nữa là Magellan phiêu-lưu tới quần-đảo Phi-luật-Tân. Nhà thám-hiềm này đã đi vòng quanh thế-giới lần đầu tiên và tìm ra eo biển Magellan ở phía Nam Mỹ-châu (Sau ông ta bị thổ-dân Phi-luật-Tân giết chết).

Biết được đường đi lối về, từ đó người Bồ và Tây-ban-Nha và Hòa-Lan tranh nhau sang Á-Đông chiếm đất làm thuộc-địa và thị-trường vì các quốc-gia ở đây còn say sưa với nền văn-minh tối-cổ đang suy-tàn của họ.

Đối với những người kể trên, hạt tiêu và linh-hồn là mục-dịch, tức là họ vừa đi buôn các đồ gia-vị vừa truyền-bá đức tin của đạo Công-giáo.

(tiếp) Sau 17 năm ở đất Tàu 3 người họ Polo mới có dịp hồi-hương Năm 1291 Nguyên Thế-tổ sai họ dùng đường biển đưa một Công-chúa Mông-Cò sang Ba-Tur đề gả cho vua Mông-Cò ở xứ này là Arghoun vừa góa vợ. Marco Polo mang về Âu-châu chuyến này thư của Thế-tổ gửi cho Giáo-hoàng, các vua Anh, Pháp. Năm 1295, bọn Marco Polo mới về tới Venice (Ý-dại-Lợi).

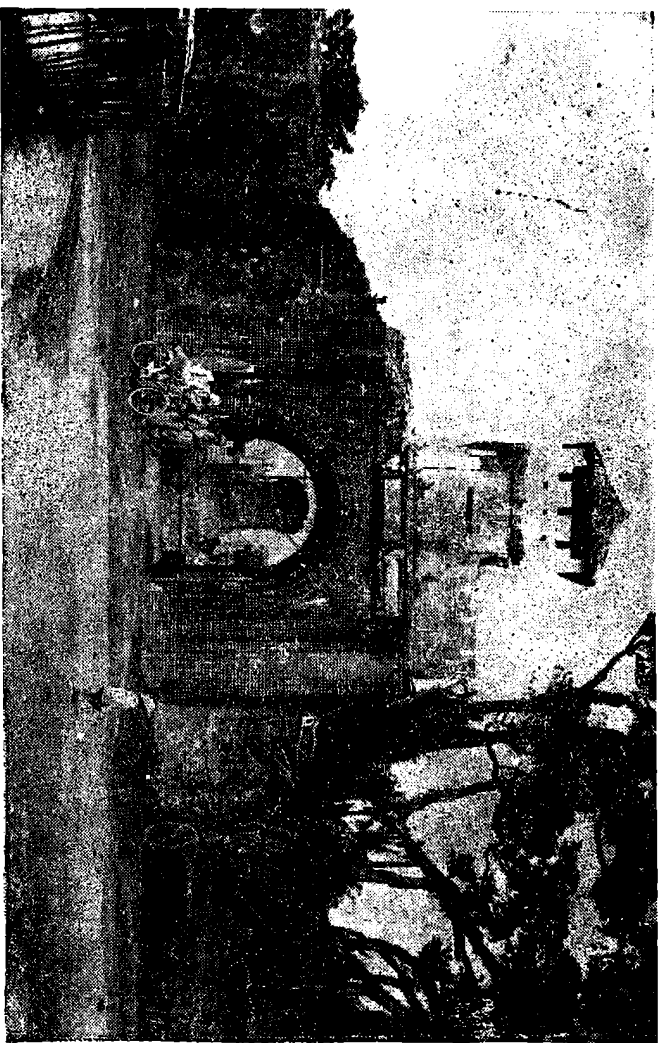


MỘT BUỔI ĐẠI TRIỀU

(Các quan vào triều rất sớm do ngọn đèn lồng dẫn đường. Mặt trời lên thì buổi chiều thường đã tan do đó tầm hình này chụp vào khoảng thời gian còn tranh tối tranh sáng nên không

AI NAM - QUAN



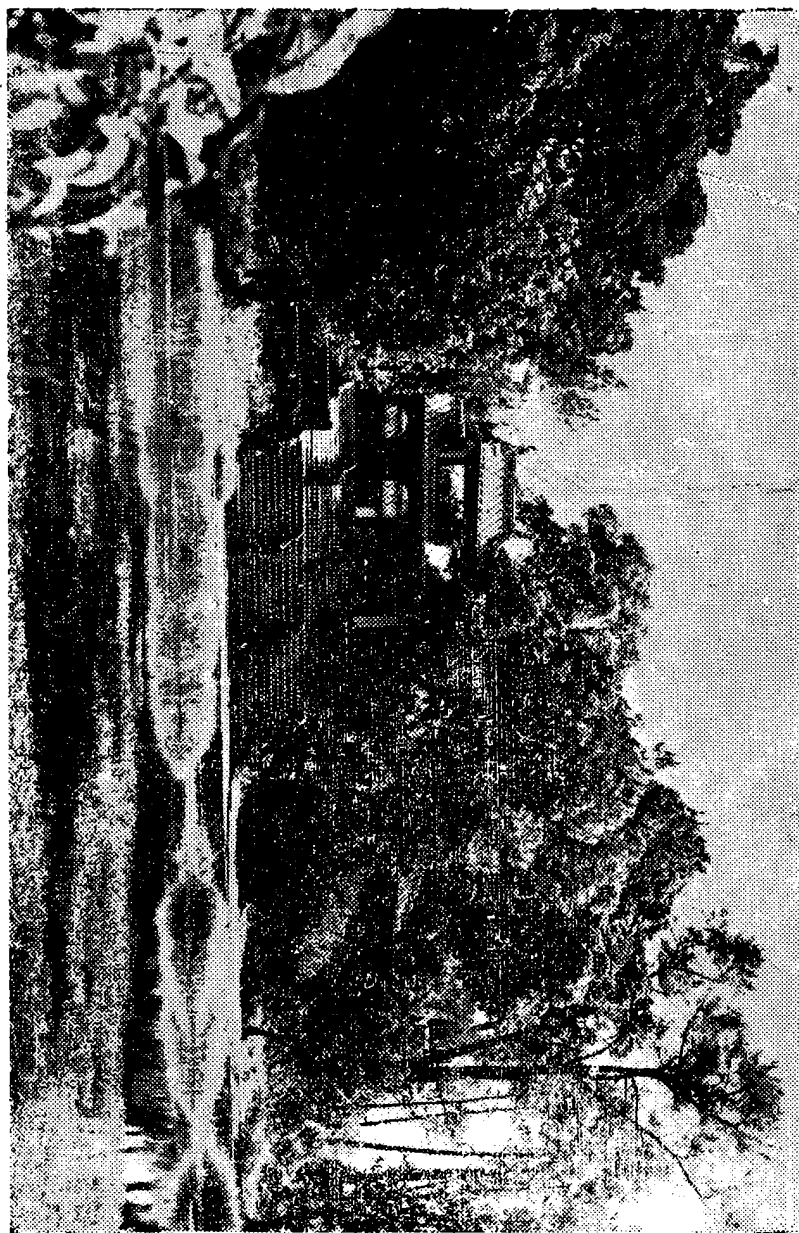


QUẢNG - BÌNH - QUAN

(Bến đò Nguyễn, thành này đổi ra Định-Bắc trường thành)

(Bản khắc này do Văn-hóa Nguyệt-san cho mượn)

LÄNG VON GRAFENBERG



Thuở ấy, người Bồ-đào-Nha có thể gọi là con cưng của Tòa-thánh Roma vì họ đã can-đảm chặn đứng cuộc xâm-lăng của các dân Hồi-giáo đang như vũ bão tràn qua Âu-châu và Bắc Phi-châu nhất là sau khi Mahomet, ông tổ Hồi-giáo từ trần. Các thành trì kiên-cố của Hồi-giáo như Goa, Colombo, Malacca rơi dần vào tay Bồ-đào-Nha, rồi từ Lisbonne, kinh-đô của Bồ đến Nagasaki, người Bồ đã đặt được sự liên-lạc giữa Tây-phương và Đông-phương.

Đã trị được quần ngịch cho Âu-châu cả về chính-trị lẫn tôn-giáo, lại khám phá ra ra Tân thế-giới và đường lối giao-thông với Đông-phương, Bồ-đào-Nha còn giữ cả sứ-mạng rao giảng kinh phúc-âm thì Giáo-hoàng Roma phải miễn chuộng họ nhiều là lẽ tất nhiên. Vì công-trạng kể trên, Giáo-hoàng Alexandre VI nhìn nhận tất cả đất đai mà Bồ-đào-Nha tìm thấy ở Phi-châu hay Á-châu, nghĩa là các quốc-gia trên con đường họ đã qua đều thuộc Bồ trên mọi phương-diện.

Năm 1455, Giáo-hoàng Martin V cấm ra vào những lãnh thổ mà Tòa thánh đã ban cho Bồ, nếu không có giấy phép của Hoàng-gia Bồ. Lệnh cấm này có ý bảo-vệ độc-quyền thương-mại cho dân Bồ, và ai vi-phạm sẽ lập tức bị dứt phép thông-công (1). Đến cả việc truyền-giáo trong các khu vực này cũng thuộc quyền Hoàng-đế Bồ-đào-Nha nữa (2). Bởi đặc-ân, đặc-quyền trên đây, sau này ta thấy các giáo-sĩ Pháp và Tây-ban-Nha bị nhiều sự khó khăn thế nào và cuộc ghen ghét là điều phải xảy ra giữa các quốc-gia Bồ, Hòa-lan, Tây-ban-Nha, Pháp v.v... rồi sự cạnh-tranh và ghen-ghét nhau này đã làm xáo trộn cuộc sống của Á-Đông cho tới gần đây (cuối thế-kỷ XIX).

- (1) Dứt phép thông-công là một hình phạt rất nặng của Công-giáo. Người bị phạt sẽ không được chịu các phép của đạo và như thế là bị đuổi ra khỏi đạo vĩnh-viễn.
- (2) Trong *Lịch-sử đạo Thiên-chúa ở Việt-nam* của Hồng-Lam, trang 34, có đoạn nói: Về giữa thế-kỷ XVII, Tòa thánh mới thân hỏi được quyền giảng đạo mà hai nước Portugal và Espagne đã độc chiếm trên hai thế-kỷ.

Ngày 6 tháng giêng năm 1622, Thánh-chỉ của Giáo-hoàng Grégoire XV lập *Propaganda Fidei* là cơ-quan trung-ương truyền-giáo. Tới năm 1659, các tổ-chức truyền giáo mới hoàn-thành. Tòa-thánh La-mã giành lại quyền giảng đạo là phải vì trước đây chính Tòa-thánh đã tự ý ban phát cho Bồ-đào-Nha cái quyền này, nếu không lấy lại Tòa-thánh sẽ không có uy-tín gì hết về mặt lãnh-đạo.

Năm 1563, niên hiệu Gia-Tĩnh đời Minh người Bồ đến lập nghiệp ở Áo-môn (Macao) là một làng nhỏ bé ở trên một eo biển thuộc vùng duyên-hải nước Tàu. Nhà cầm quyền ở đây cho phép họ cư-trú nhưng cấm không được xây nhà cửa hay thành-trị kiên-cố và cũng không được đem binh-đội tới.

Đề ngăn-ngừa Bồ tràn vào lục-địa, chính-phủ Tàu cho xây một bức thành dài ở bên trong. Ít lâu sau, việc buôn bán ở Áo-Môn trở nên thịnh-vượng, thuyền bè các nước ra vào tấp-nập, cư-dân lên tới hàng vạn trong đó có 900 người Bồ. Dĩ-nhiên người Bồ nắm giữ việc cai-trị ở đất này, bởi họ là những người sáng lập. Dần dà, Macao trở nên nơi xuất-phát mọi việc thương-mại và việc truyền-giáo, (ở nước ta, người Bồ có đặt thương-điểm tại Hải-phố tức là cửa Hội-An, thuộc tỉnh Quảng-nam) người Nhật và Hòa-lan cũng ra vào lập nghiệp một thời (như *Việt-Sử Tân Biên III* đã chép).

Năm Mậu-thìn (1568), người Tây-ban-Nha sang chiếm quần-đảo Phi-luật-Tân. Năm 1596, Hòa-lan thôn-tính Chà-Và (Java) sau đó đất Ấn-Độ cũng rơi dần vào tay Anh, Pháp và Bồ như nhiều lân-quốc Á-châu.

Giáo-hội Việt-Nam trước thế-kỷ XVI Về việc các Giáo-sĩ Âu-châu sang truyền-giáo ở Việt-Nam, sử ta chép rất sơ-sài. *Khâm-Định Việt-Sử* ghi một cách giản-dị như sau :

« Nguyên-hòa nguyên-niên đời vua Lê Trang-tông (1532-1533) có người Tây-phương (Đương-nhân) tên là I-nê-Khu, đi đường biển lên vào giảng đạo Gia-Tô ở làng Ninh-Cường, Quận-Anh thuộc huyện Nam-Chân (lúc Nam-Trực) và ở làng Trà-Lũ, huyện Giao-Thủy (thuộc Nam-Định, Thái-Bình, Ninh-Bình ngày nay...) »

Gần đây với *Việt-Nam sử-lược*, vấn-đề này cũng không được trình-bày đầy-đủ hơn (xin coi trang 341-343).

Và bàn về việc đạo Thiên-Chúa sang Việt-Nam, ta có thể nghĩ rằng từ đầu thế-kỷ XVI mới có nhiều điều đề nói tới, thoở đó mới thấy nhiều tàu buôn của Tây-phương qua lại đất Việt. Các giáo-sĩ nhờ các thương-gia mọi phương-tiện qua lại Á-Đông rồi việc thương-mại tiến mạnh thì việc truyền giáo cũng

được sấm-uất cùng nhíp. Trong công chuyện này, ta nhận thấy rằng người Bồ quả là những tên linh tiên-phong cho việc buôn bán cũng như cho việc truyền-bá tôn-giáo.

Đầu thế-kỷ XVII, việc truyền-giáo đã được tổ-chức đầy đủ và liên-tiếp ở nhiều nước Đông-Nam-Á và Áo-môn mới trở nên một trung-tâm cho các việc kể trên của người Bồ.

Có thuyết nói rằng việc truyền-giáo của Tây-phương đã có ngay từ thời-kỳ đầu của Giáo-hội Ki-tô do các môn-đệ của Tô-Ma. Lúc này Giao-Chỉ đang nội-thuộc Tàu, dưới quyền của Sĩ-Nhiếp, vị thái-thủ có nhiều công-ân với người Việt; chính Sĩ-Nhiếp đã làm nhà thờ trong đó có hình Gia-Tô, Thập-tự-giá v.v...

Theo L. M. Nguyễn-Hồng, thuyết này không có căn-cứ chắc-chắn về sử-liệu nên chỉ đáng coi là một ức-thuyết mà thôi tuy vậy L. M. Nguyễn-Hồng cũng không bác bỏ một cách quyết-liệt. Ông còn nói: Theo sử Tàu, năm 166 có một sứ-giả nói la do « An Toun » (Marcol Aurelio Antonio sai đến cũng có qua xứ Giao-Chỉ và năm 266 một lái buôn tên là Tsin Lonen cũng theo đường Giao-Chỉ lên Nam-Kinh... Vào cuối thế-kỷ X khoảng 980 một số Giáo-sĩ thuộc phái Cảnh-giáo cũng mượn đường xứ Bắc lên Trung-quốc. Lúc này vua Lê đại-Hành đã phá được quân nhà Tống và thắng Chiêm-Thành, bắt xứ này hàng năm phải triều-cống...

Những nhà chủ-trương thuyết trên còn dẫn chứng như sau: đời vua Lê Anh-tông (1557-1573), trong khi sửa một vài đền đài cổ, người ta tìm thấy một hình Thập-tự rất cũ trong một bức tường. Việc này trình lên Vua, nhà Vua ra lệnh phải trọng-dãi các Dương-nhân muốn vào truyền-giáo ở nước ta. Như vậy, thuyết này đầu phải là vô căn-cứ và theo chúng tôi, rất có thể việc giảng-đạo Thiên-chúa có đã lâu từ đầu kỷ-nguyên của chúng ta nhưng sau bị gián-đoạn rồi tiêu-diệt hẳn cho tới đầu thế-kỷ XVI Thiên-Chúa-giáo lại được tái-sinh.

CÔNG-GIÁO TỪ HẬU-LÊ QUA NAM-TRIỀU.— Ta hãy ghi năm 1498 mở đầu cho công-cuộc chinh-phục đất-đai của Tây-Phương nói chung, của Bồ-Đào-Nha, Tây-Ban-Nha và Hòa Lan nói riêng ở Á-Đông.

Quân Bồ dưới quyền chỉ-huy của tướng Alphonse Albuquerque chiếm Goa ngày 17-2-1510 và Malacca ngày 25-7-1511 rồi người Bồ đặt những trụ-sở thương-mại đầu tiên của họ ở Ấn-Độ và Đông-Ấn. Ba năm sau, người Bồ vào đất Trung-Hoa và 1521 họ có mặt ở Phi-Luật-Tân.

Năm 1524, hoàng-đế Bồ-Đào-Nha cử Duarte Coelho làm sứ giả qua mở cuộc giao-thương với Việt-Nam. Lúc này nhà Hậu-Lê đang suy-biến, trong nước giặc-giã nổi lên như ong. Ngay trong triều, vua quan cũng lục-đục. (Bên ngoài, giặc Trần-Cao nổi-loạn, bên trong Mạc Đăng-Dung giành chính-quyền lập ra nhà Mạc).

Sau Duarte Coelho, năm 1535, Antonio de Faria cũng đã vào cửa Hàn và đề ý đến cửa Hội An (Faifo). Từ 1540 người Bồ bắt đầu mở việc buôn-bán ở Nam-hà với các chúa Nguyễn và dân-chúng. Các Chúa đã lợi-dụng người Bồ trong việc cung-cấp các súng ống, đạn dược để đánh nhau với họ Trịnh ở miền Bắc. Nhà Mạc cũng có phen cử người sang Áo-môn yêu cầu người Bồ đặt cuộc giao-dịch thương-mại với mình.

DƯỚI TRIỀU LÊ ANH-TÔNG (1556-1573).— Việc thương-mại dưới đời Anh-tông giữa người Bồ và Việt-Nam mỗi ngày một tiến-triển. Nhà vua được thư của các Giáo-sĩ dòng Phan-Xi-Cô xin vào giảng-đạo kèm theo bức họa cuộc Phán-xét-chung làm quà. Bấy giờ dòng này mới đặt trụ sở ở quần đảo La Sonde. Vua Lê Anh-tông chấp thuận đề nghị nhưng sau đó dòng này lại không có thừa-sai gửi đến.

Chẳng bao lâu, vua Lê Anh-tông bị Trịnh-Tùng hạ sát, vua Lê Thế-tông lên ngôi còn ít tuổi được chỉ là bà chúa Chém nhiếp chính. Bà này vẫn tiếp tục việc giao thiệp với người Bồ về tôn giáo. Bà xin thừa-sai ở Áo-môn không được liền cho người sang cả Goa (Ấn-Độ) nhưng việc này vẫn do Áo-môn giải quyết. Việc bắt thành chung qui vẫn là do chỗ thiếu thừa-sai.

Nhưng tới năm 1583, Đại-chủng-viện ở Phi-Luật-Tân có nhiều nhân viên nên một đoàn thừa-sai do Giáo sĩ Diego Aropesa dẫn đầu đã đến hoạt động tại khu nhà Mạc (Bắc-triều) và tại khu nhà Lê (Nam triều). Việc truyền giáo cũng được bắt đầu do mấy thầy giảng đã được đào tạo ở Áo-môn.

Một việc đáng ghi trong giai-đoạn này : người Bồ và Tây-ban-Nha đố-ky nhau nên việc truyền-giáo cũng bị ảnh-hưởng không tốt. Tháng 6 năm 1580, cha Pedro de Alfaro người Tây-ban-Nha bị người Bồ ở Áo-Môn trục-xuất và năm 1583 tu-viện Phan-xico của người Tây-ban-Nha ở Áo-Môn phải trao hết mọi sự cho các giáo-sĩ Phanxico người Bồ để chấm dứt những sự xung-đột gây ra do những lái buôn Bồ ở đó, đồng thời các thừa-sai Tây-ban-Nha phải nhường hoạt-động cho các thừa-sai Bồ ở Việt-nam cũng như khắp nơi trên bán-đảo Hoa-Ấn nữa.

Năm 1588-1589, bà Chúa Chèm lại cho sứ-giả qua Áo-Môn lần nữa và phen này bà được toại nguyện. Hai Giáo-sĩ (Alfonso de Costa và Joan Golsalvez được cử đến Thanh-hóa và được tiếp đãi rất trọng-thề.

Vào cuối năm 1590, chuyến tàu của Giáo-sĩ Pedro Ordonez de Cevallos gặp bão giạt vào bờ biển thuộc khu nhà Lê Giáo-sĩ này được đưa về An-trường là Kinh-đô của vua Lê và được gặp được hai Giáo-sĩ trên đây.

Lúc này Trịnh-Tùng ngờ vua Lê Thế-tông có ản-ý trong sự biệt-đãi các Dương-nhân (1). Do đó mà vua Lê Thế-tông cùng bà Hoàng Thái-hậu, ít lâu sau không dám niềm nở với các Giáo-sĩ như trong buổi đầu. Nhà vua đã có phen ngỏ ý yêu-cầu Giáo-sĩ Pedro Ordonez de Cavallos kết bạn cùng bà Chúa Chèm sau này mang tên thanh là Maria, nhưng việc không thành. Tuy vậy, bà Maria cũng lập được một tu-viện vào ngày 26 tháng 6 năm 1591. Giáo-sĩ Ordonez de Cavallos đã dâng lễ đầu tiên ở đây. Số người tu-hành và rửa tội mỗi ngày một đông rồi một làng Gia-tô đã được lập lên ở bên kia sông Chu cho đến suốt « *Bạch* ».

Về việc truyền-giáo ở Trung-Việt dưới đời Trịnh-Nguyễn phân-tranh, *Lịch-sử Công-giáo ở Việt-nam* trang 157 nói : Trước thế-kỷ XVII các Giáo-sĩ Louis de Fonsera (Bồ-đào-Nha) và Grégoire de la Motte (Pháp) dòng Đa-Minh có đến Quảng-nam giảng

(1) Giáo-sĩ Pedro Ordonez de Cavallos là một kẻ tài - hoa kiêm cả văn võ, bị nghi có thể là một bàn tay đắc-lực giúp Lê trừ Trịnh và diệt Mạc ; không nói đến việc Giáo-sĩ đã là trung-gian để mua bán khí-giới với người Bồ và Tây-ban-Nha. Họ Trịnh e-ngại ông này là phải.

lời Phúc-âm, nhưng không có kết quả và bị chúa Nguyễn-Hoàng trục xuất. *Việt-nam Giáo-sử*, trang 32, nói : năm 1595 tại Trung-Việt các người Tây-ban-Nha đã gặp hai Giáo-sĩ dòng Augustin làm Tuyên-úy cho thủy-thủ Bồ đào-Nha thường đi lại các cửa biển Nam-bà. Giáo-sĩ Aduarte có đến thăm ông Tổng-trấn ở đây vào năm 1593 và được mời ở lại giảng đạo nhưng Giáo-sĩ Jimenez lúc này đang có mặt ở cửa Hàn. Nói vậy để biểu rằng việc truyền đạo Thiên-chúa ở Việt-nam ta trước thế-kỷ XVII chưa tiến được bước nào đáng kể nên có thể coi là gần như thất-bại.

VIỆC TRUYỀN-GIÁO Ở KHU NHÀ MẠC.— Nhà Mạc ra đời từ 1527 truyền đến Mạc phúc-Nguyên (1546 - 1561) là bốn đời vua vẫn chưa có thừa-sai đến giảng đạo. Mãi đến năm 1581 là đời vua Mạc mậu-Hợp (1562 - 1592) nhà vua mới nhận được thư của dòng Phanxico xin vào truyền giáo. Nhà vua rất hoan-ngênh và cũng như ở Nam-triều, người Bồ hay Tây-ban-Nha và Hòa-lan được coi là dân của những cường-quốc. Nếu nhà vua có các đạo-trưởng vào nước mình thì dễ liên-lạc với các nhà buôn của họ hơn, và việc liên-lạc này cũng có nhiều bảo-đảm thêm ; nhưng sau đó khá lâu, Giám-mục Carneirs ở Áo-môn mới thu xếp được với Giáo-sĩ Pablo de Jésu ở tu-viện Phi-luật-Tân để lấy một tu-sĩ đưa tới Bắc-triều. May thay, bấy giờ có một số tân giáo-sĩ vừa qua Viễn-Đông (sự thực thì số giáo-sĩ đào-tạo ở Âu-châu bấy giờ không đủ cung-cấp cho nhiều nơi nhất là những nơi xa như Viễn-Đông). Số tân giáo-sĩ ấy gồm có Bartolomé Ruiz, Pedro Ortir Francisco de Montilla và 4 thầy giảng do giáo-sĩ Diego de Orpesa dẫn đầu.

Ngày 1-5-1583, thuyền trực chỉ xứ Bắc và tới một cửa biển gần Quảng-yên ngày nay. Khi các Giáo-sĩ gặp dân chúng địa-phương, họ bỡ-ngờ liền đem giáo, mác ra đánh. Nhưng khi biết các ông hiền lành vô hại, họ bèn tiếp đón tử-tế sau các quan báo tin về triều thì các Giáo-sĩ được mời lên đề nhà vua gặp mặt. Tiếc thay, thuyền ra khơi thì lại bị bão đánh tạt vào một hòn đảo ở Hải-nam. Lại bị ngờ là gian-tế, các Giáo-sĩ bị bắt phen nữa, sau lái buôn ở Manilla và Áo-môn biết các ông, các ông mới được gỡ oan, rồi lại được trở về Áo-môn nhưng vẫn không bỏ ý nghĩ trở lại xứ Bắc. Ít lâu các Giáo-sĩ được lệnh của Bề trên lúc đó là Juan de Placencia gọi về Manila. Rồi đầu năm 1584, giáo-sĩ Bartolomé Ruiz cùng một Giáo-sĩ mới ở Tây-

ban-Nha theo sang tàu buôn của người Bồ qua Bắc. Lần này Giáo-sĩ được một người đàn bà Việt-nam làm thông-ngôn. Vua Mạc (Mậu-Hợp) tiếp đãi giáo-sĩ rất ân-cần và cho dựng nhà thờ để giảng đạo.

Công việc của giáo-sĩ đang tiến-triển tốt đẹp thì năm sau 1585, nước Bồ thuộc quyền vua Philippo II Tây-ban-Nha, người Bồ ở hải-ngoại chống lại biến-cố này để bảo-vệ quyền lợi thương-mại của họ ở Á-Đông. Họ trục xuất các giáo-sĩ Tây-ban-Nha, tịch-thu các tu-viện và đã ra lệnh cho thuyền-trưởng của một chiếc tàu Bồ vào buôn bán với vua Mạc. Năm 1586, họ bắt giải giáo-sĩ Bartolomé Ruiz về Áo môn. Hai Giáo-sĩ dòng Phanxico người Bồ đến thay.

VIỆC TRUYỀN - GIÁO Ở NAM - VIỆT. — Công việc truyền giáo ở đây được bắt đầu sớm hơn ngay từ năm 1550 với giáo-sĩ Gaspar de Santa Cruz, người đồng thời với giáo-sĩ Phaxico Xavie. Giáo - sĩ Gaspar de Santa Cruz là người Bồ đã lập nhiều thành-tích ở Malacca, đã tổ-chức Tu-viện Đa-Minh và là người đầu tiên đến giảng đạo ở miền Nam đất Việt cũng như ở Trung-quốc (1555). Năm 1550, Ông theo Tàu buôn Bồ vào Cần-Cao (Hà-Tiên) ra Bà-ri-a. Năm 1555, ông qua Quảng-Đông, bị trục-xuất về Malacca rồi già yếu chết ở đấy. Năm 1588, hai giáo-sĩ Jean Maldonat và Pedro de la Bastida người Tây-Ban-Nha cũng vào Cần-Cao (Hà-Tiên) truyền-giáo cho người Miên. Giáo - sĩ Pedro de la Bastida bị các nhà sư làm khó dễ và bị đâm chết còn giáo-sĩ Jean Maldonat bị thương trốn được qua Tiêm-La rồi cũng chết nốt.

Qua các trang sử trên, chúng ta nhận thấy rằng tuy việc truyền giáo đã khởi xuất từ cuối thế-kỷ XV nhưng tới cuối thế-kỷ XVI kết-quả chưa được khả-quan bao nhiêu bởi các giáo-sĩ đã thiếu một chương-trình hoạt-động, thiếu tổ-chức khéo-léo mềm-mởng, thiếu nhân-viên cộng-lực, thiếu cả sự hiểu biết về nhân-sự và địa-phương. Sau này, đến các giáo-sĩ dòng Tên (1) tích-cực

(1) Dòng Tên đây là Compagnie de Jésus gồm những vị thừa-sai học vấn rất uyên-thâm do Ignace de Loyola lập ra ở Tây-Ban-Nha năm 1540, theo quan-niệm muốn chống lại các bè phái phá đạo Thiên-Chúa bằng những ngụy-thuyết và muốn lôi cuốn người ta theo đạo của mình thì nhà truyền-giáo phải có một trình-độ văn-hóa khá cao. Rồi sau khi đã học ở Tây-Ban-Nha, Ignace đến học đại-học Ba-Lê đậu Bác-sĩ năm 1534. Dòng của

hoạt-động, nền móng của Thiên-chúa giáo mới bắt đầu được xây-dựng một cách vững chắc và có qui-củ.

Dầu sao ta cũng phải thán-phục sự hy-sinh và can-đảm của các giáo-sĩ trong việc truyền-bá tôn-giáo. Họ đã trải thiên-sơn vạn-thủy mà tới, không biết tiếng bản-xứ, ít thấu-đạo phong-tục và tâm-tình người Á-Đông, bị các địch-thủ là những tín-đồ các đạo khác phá-phách và có khi cả vua quan bản-địa hắt-hủi tàn-nhẫn (trường-hợp chính-quyền Cao-Mên đối với các giáo-sĩ Tây-phương), vậy mà họ cứ lặn xả vào các vùng đất đầy thù nghịch này để gieo hạt giống Tin-lành thì thật là kiên-nhẫn và anh-dũng đáng phục vậy.

Với những trang dưới đây chúng ta sẽ thấy các giáo-sĩ còn phải nỗ lực rất nhiều máu và nước mắt hơn nữa, nhưng các đau khổ này còn do sự cạnh-tranh về chính-trị và kinh-tế giữa các người Tây-phương với nhau. (2)

NHỮNG TRANG HUYẾT-SỬ CÔNG-GIÁO Ở VIỆT-NAM.—

Hoạt-động của các giáo-sĩ dòng Tên (1615 - 1659). Có thể nói rằng từ 1615, với các Giáo-sĩ dòng Tên, Thiên-chúa giáo mới tìm được mảnh đất phì-nhiều để gieo hạt giống. Và ta không thể quên rằng với ngày nay đạo này có một địa-vị khá-quan, một tương-lai nhiều hứa hẹn là công của các giáo-sĩ kể trên, dầu sau này họ đã gây ra nhiều cuộc xung-đột với các giáo-sĩ Pháp trong hội « Truyền-giáo ngoại-quốc » khiến có ảnh-hưởng không hay cho việc giảng-dạo ở xứ này.

Giáo-hội dòng Tên theo thuyết chiến-đấu hăng-hái, không trầm-mặc như các dòng khác, rất tôn-trọng kỷ-luật và chia ra nhiều hạng : tập sự, phó linh mục và linh-mục lành nghề. Tất cả đều ở dưới quyền một linh-mục chính.

Ignace lập được Giáo-hội công-nhận năm 1540. Khi Ignace mất, dòng đã có được trên 1.000 tu-sĩ, 100 tu-viện ở 14 tỉnh. Các giáo-sĩ dòng này đi đâu cũng giúp ích vào các việc mở-mang văn-hóa xã-hội. Họ đã đem được cả miền Nam nước Đức về với đạo Thiên-Chúa. Các giáo-sĩ dòng Tên đến trước ta vào lúc Trịnh, Nguyễn phân-tranh.

- (2) Đề tranh-thương với người Bồ và phá việc truyền-giáo của Giáo-hội Công-giáo, nhiều nhà buôn Hòa-Lan, nhiều mục-sư của Thệ phần-giáo đã dèm pha với các vua chúa các nước. Từ đó ở khắp nơi nổi lên phong-trào bài đạo, giết giáo-sĩ Tây-Ban-Nha và Bồ-Đào-Nha và giáo-dân vô cùng tàn-nhẫn, và vô-lý qua nhiều thế-hệ.

Dòng này ra đời ít lâu đã có thế lực rất lớn, nhất là dưới đời vua Louis XIV, nhưng năm 1759 bị trục xuất khỏi Bồ-đào-Nha, năm 1762, 1880 và 1901 bị hất khỏi nước Pháp. Năm 1773, ngay cả Giáo-hoàng Clément XIV cũng ra lệnh bãi-bỏ, trái lại đến năm 1814, với Giáo-Hoàng Pie VII dòng-Tên được lập lại. Tuy nhiên, ta không thể quên rằng các giáo-sĩ dòng Tên đều lựa trong những người có đạo cao, học rộng nên dễ lọt vào các nước vẩn-hiến như Việt-nam và Trung-quốc.

Ngày 18-1-1615, vào hồi gần Tết, chiếc tàu buôn của người Bồ-đào-Nha từ ngoài khơi lặn-lẽ tiến vào bến Cửa Hàn (Tourane) trong dịp có gió mùa. Trên tàu này có hai nhà truyền-giáo Francesco Buzomi và Diego Carvallo và ba thầy dòng trong đó có hai người Nhật là Joseph và Paul, một người Bồ là Antonia Diaz.

Buzomi là giáo-sĩ dòng Tên và là giáo-sĩ dòng Tên thứ nhất được cử đến nước ta. Từ 1615 đến 1639, Giáo-sĩ giữ địa-vị Bề-trên các xứ Đàng-trong dưới đời chúa Sãi là con chúa Tiên lúc còn đóng đô ở Trà-Bát gần tỉnh-lỵ Quảng-trị ngày nay.

Chúa Sãi tiếp giáo-sĩ rất tử-tế và việc đạo được triển-khai khá-quan, vì vậy tới 1615 có thêm giáo-sĩ Andrea Femandez người Bồ sang phụ-tá cho Buzomi. Đến năm 1617, lại có hai giáo-sĩ nữa là Francesco Barreto, người Bồ và Francesco di Pina người Ý cũng đến đất thuộc quyền Chúa Nguyễn.

Giữa khi mọi việc tiến-hành tốt đẹp thì xảy ra một việc không may đáng buồn cười : luôn mấy tháng mùa thu, Đàng trong bị hạn-hán, cầu đảo thế nào cũng không ra một giọt nước. Các nhà sư vốn ghét các giáo-sĩ phao đồn vì các giáo-sĩ đem đạo mời vào nước, trái với ý-chí của thần-thánh nên trời ra tay. Chúa Sãi phải vời Bozumi vào cho biết, tuy các lời đồn không xác đáng nhưng Chúa phải trọng dư-luận đành yêu-cầu các giáo-sĩ rời khỏi Nam-hà. Nhưng vì trái gió không đi được giáo-sĩ phải trở ra gần bờ biển được các giáo-dân dấu-diểm. Trong lúc này một chuyện khá ngộ-nghĩnh xảy ra : nghe tin việc truyền-giáo ở nước Nam đang bị gián-đoạn. Áo-môn phái giáo-sĩ Pedro Marquez người Bồ lại Nhật sang giúp các bạn đồng-nghệp. Giáo-sĩ Christoforo Borri cũng đi chuyển tàu này khi gần cập bến Đà-Nẵng thì hai người thủy-thủ đánh nhau.

Một người bị xô xuống nước. giáo-sĩ liền nhảy xuống cứu và trong lúc giận dữ, giáo-sĩ quên hẳn mình đang cải-trang là một kẻ hầu hạ trên tàu, la mắng tên thủy-thủ phạm lỗi rất đống-dạc. Tên này cúi đầu không dám cãi. Các người Việt đứng trên bờ biết ngay giáo-sĩ không phải là lao-công trên tàu mà là một thừa-sai. Đã lỡ thì đành, giáo-sĩ liền bước xuống bờ, lập bàn thờ giữa trời và đọc kinh làm lễ.

Lúc đó ở đây vẫn còn đại-hạn. Nhưng giáo-sĩ vừa làm lễ xong thì trời mưa xuống như đổ nước. Thế là cơn mưa rào đã giải-quyết được tình-trạng khó-khăn của đạo Thiên-Chúa tại phần đất này của nước Nam. Các giáo-sĩ liền đi từ Tourane đến Hải-Phố (Faifo) kiếm giáo-sĩ Pina. Giữa lúc này, giáo-sĩ Buzomi được quan trấn-thủ tỉnh Qui-Nhon (Poullocambi) đem về chữa bệnh. Sau việc ấy các giáo-sĩ được phép mở việc truyền-giáo, ở thị-trấn Nước mặn ở bờ biển phía bắc Qui-Nhon bấy giờ.

Công việc trôi chảy được hơn một năm thì quan trấn-thủ bỗng bị cảm và chết. Các giáo-sĩ lại mất người che chở, phải phân-tán mỗi người một nơi, chỉ còn giáo-sĩ Borri ở lại. Năm 1662 giáo-sĩ này từ giã đất Đàng trong về Âu-Châu.

Sau giáo-sĩ Borri, cho tới 1625 có tới 10 vị giáo-sĩ dòng-Tên đến Nam-hà. Họ phần nhiều là người Bồ-Đào-Nha, vài người quốc-tịch Ý và Nhật. Luôn trong 10 năm, họ đã gây-dựng được khá nhiều tín-hữu.

Vào năm 1626, việc truyền-giáo ở Nam-hà phát-triển khá quan, các bề trên dòng-Tên liền nghĩ đến việc bành-trướng việc đạo ra Bắc. Giáo-sĩ Giuliano Baldinotti được cử lên đường ngày 2-2-1626 với một thầy giảng người Nhật là Giulio Pianì đề nghiên-cứu vấn-đề. Chiếc tàu buôn của Bồ-Đào-Nha đưa hai người ra Bắc bị bão và lạc đường phải loanh-quanh mất 36 ngày mới tới bến. Chúa Trịnh-Tráng tiếp đón họ rất niềm-nở. Rồi giáo-sĩ Baldinotti về Nam đề bẩm-bạch với cấp trên mọi điều nhận-xét và đề-nghị chương-trình của mình, sau đó giáo-sĩ Alexandre de Rhodes được phái ra Bắc-hà đề đặt nền móng cho dòng. De Rhodes là một giáo-sĩ trẻ tuổi người Pháp có mặt ở miền Nau bấy giờ mới được 2 năm. Ông rất am-tường địa-phương và rất thông-minh, sinh-quan ở Avignon. Ông ra đời năm 1591 và vào dòng-Tên từ 19 tuổi, tình-nguyện

phục-vụ Chúa ở Á-châu. Năm 1619, ông qua Lisbonne để lĩnh sứ-mạng (1) rồi lần-lượt sang Goa, Salsêtc, Malacca rồi đến Macao vào 20-5-1623. Đang lẽ Alexandre de Rhodes được cử sang Nhật, nhưng ở đây có việc bài đạo (cuối năm 1624). Nhà dòng chính-tòa phải đưa ông về Nam-hà cùng một lúc với giáo-sĩ Matos người Bồ với 5 giáo-sĩ dòng Tên khác trong đó có một vị là người Nhật rất giỏi chữ Hán. Tới đất Việt-Nam sau 6 tháng, Alexandre de Rhodes đã thạo tiếng bản-xứ để giảng kinh vì thế nên khi cần mở rộng việc đạo ở miền Bắc, Ông được chỉ-định ngay vào công-tác kể trên. giáo-sĩ ra Bắc, ở đây được 3 năm (1627 - 1630) với giáo-sĩ Pêdro Marquez, dù được rất nhiều người theo đạo. Nhưng sau này vì nghe lời dèm-pha, chúa Trịnh - Tráng xuống lệnh đuổi Alexandre de Rhodes ra khỏi xứ. Ông cố trở lại miền Nam không được, lại phải trở về Macao, nương-náu ở đây luôn 6 năm vừa giảng đạo cho người Tàu, vừa dạy thần-học ở Chung-viện. Năm 1640 Ông được cất về Nam-hà chuyển nữa thay giáo-sĩ Busomi vừa qua đời. Lần này Ông lại gặp sự chẳng may vì chúa Thượng (Công-Thượng Vương) cũng đang rất ghét đạo nên người Bồ bảo Ông rời xứ ngay kể mọi việc kinh-doanh của họ sẽ bị tan-vỡ vì Chúa biết họ đã đem một giáo-sĩ đến Nam-hà. Về phần Alexandre de Rhodes, Ông cũng nhận thấy sự hiện-diện của Ông sẽ có hại cho giáo-dân nên Ông chịu ra đi. Nhưng sau đó hơn 4 năm Ông lại được nhiều dịp đi về chỉ khi nào bị chính-quyền Nam-hà đuổi mới chịu khăn gói lên đường. Sau vào ngày 3-7-1645 việc cấm đạo gắt-gao đến đỏ máu, giáo-sĩ mới ra đi hẳn. Lần sau rốt đây Ông về Âu-châu với sứ-mạng trình lên Giáo-hoàng một dự-định đặt và phát-triển mạnh ảnh-hưởng của Pháp ở Việt-Nam.

Giáo-sĩ từ-giã Macao ngày 10 - 12 - 1645 và tới La-mã vào 26-6-1649 sau ba năm trải nhiều cuộc phiêu-lưu gian-khổ trên đường về : Ông nương-náu một thời ở Malacca (của Bồ-đào-Nha) rồi bị người Hòa-lan cầm tù ở Batavia, đến Bantan thì được người Anh đổi đổi tử-tế rồi ông qua Ba-tur và theo

(1) Giáo-sĩ nào muốn đi truyền-giáo đều phải sang Lisbonne là kinh-đô của Bồ - Đào - Nha trước khi qua Á-châu ; Sau đó giáo-sĩ phải đến trình-diện ở Goa (Ấn-Độ) là nơi trung-tâm phát-triển kinh-tế và tôn-giáo của Bồ. Có khi Goa lại đưa các giáo-sĩ qua Macao để tùy giáo-hội Macao phân-phối đi các xứ.

đường Trung-đông mà đến La-mã. Tới Tòa-thánh, ông ở liền 3 năm để trình-bày với các Giáo-chủ và Giáo-hoàng dự-án thành lập ở Viễn-đông các tòa giám-mục Pháp và một hệ-thống công-giáo bản xứ. Hội truyền-giáo nhiều lần tán thành dự-án này và khi giáo-sĩ đệ đơn lên Giáo-hoàng Innocent X để bổ nhiệm một số giám-mục cho các giáo - đường Việt-nam thì ngày 2-8 và 26-9-1650, Giáo-hoàng ra lệnh nghiên-cứu vấn-đề, nhưng công việc của Tòa-thánh rất là chậm trễ nhất là phải thương lượng với hoàng-đế Bồ-đào-Nha. Đối với chính-quyền Bồ, việc này sẽ lợi cho Pháp ở Viễn-đông nhưng làm giảm quyền-lợi của nhà vua vì Tòa-thánh từ lâu đã công nhận mọi quyền phát-triển Thiên-chúa giáo và kinh-tế thương-mại cho Bồ. Xét ra lúc này, Bồ đã hết thời oanh-liệt, tài-chính cũng kiệt-quệ mà vẫn muốn giữ các quyền-lợi như xưa. Tuy sự thực là như vậy mà vẫn không ai dám nói thẳng ra tại La-mã, do đó mà ảnh-hưởng của Bồ vẫn còn mạnh đối với dự-án của A. de Rhodes. Hai năm sau, giáo-sĩ lại làm đơn nhắc Giáo-hoàng phen nữa một cách khẩn-cấp. Giáo-hoàng có ý phong ông làm giám-mục, nhưng ông không chịu nhận cái vinh-dự này. Ngày 11-9-1652, ông về Paris do ủy-nhiệm kiểm giáo-sĩ đem sang nước ta. Về đến Pháp, ông lại họp với các giáo-sĩ trẻ tuổi đã tán thành chí-hướng của ông, vận-động bà Hoàng-hậu và các vị tai to mặt lớn trong triều. Nhưng sự cố-gắng của ông vẫn không thu lượm được kết-quả như ý muốn. Sau ông được cử sang Ba-tư để lập một giáo-đường rồi chết ở đấy vào năm 1660.

Trong 17 năm ở Bắc-hà và Nam-hà, giáo-sĩ A. de Rhodes tìm hiểu ngôn-ngữ, phong-tục và lịch-sử của ta và tỏ ra rất thông suốt (1). Ông viết được nhiều sách về nước ta và xuất-bản ở Âu-châu trong thời-kỳ ông trở lại xứ sở. Xét ra chưa ai

(1) Nhân dịp xin nhắc rằng : « Vào năm 1621, hai giáo-sĩ François de Pina và Christoforo Borri có làm được một cuốn Kinh thánh bằng Nam-ngữ. Kinh này là một thứ tiếng Nôm không phải viết bằng tiếng Hán-Việt. Một số thông-ngôn dựa vào việc dựng ra tiếng này. Tiếng Nôm đây là thứ chữ La-mã của Âu-châu phiên-âm theo tiếng Việt nghĩa là người ta La-mã-hóa tiếng Việt để thành một thứ quốc-ngữ trước cả chữ quốc-ngữ của A. de Rhodes. Chúng tôi tiếc không được gặp cuốn sách này để có những ý-niệm rõ-rệt hơn. Giáo-sĩ A. de Rhodes đến Đàng trong (Faifo) vào tháng chạp năm 1624, chúng tôi nghĩ rằng có lẽ A. de Rhodes đã nhận thứ chữ Việt được La-mã-hóa này tu-chỉnh lại để lập ra chữ Quốc-ngữ có lẽ không sai.

viết được những tác-phẩm có giá-trị như của ông trước đây về nước Nam. Ngoài những sách viết về nước Nam, ông còn cho in tại La-mã sách kinh bằng tiếng Latin và tiếng Việt để cho người Việt dùng còn có một cuốn tự-điền Việt-Bồ-La cho các giáo-sĩ sử-dụng. Ngày nay, bàn về tiếng quốc-ngữ của chúng ta, không ai có thể quên ông là một trong số giáo-sĩ đã sáng-tạo ra tiếng này đáng kể là một công ơn vĩ-đại của đạo Thiên-chúa ở Việt-nam.

Trong những năm đầu của thế-kỷ XVIII, tình-trạng của *Hội truyền-giáo ngoại-quốc* cũng rất là bi-đát vì cái nạn thiếu cán-bộ và thiếu cả tiền bạc. Đôi khi chủng-viện trống-rỗng, giáo-sĩ chỉ có thừa một vài ông. Năm 1722, tại Tiêm-La chỉ có 4 vị, tại Trung-quốc có 3, ở Bắc-hà có 4, ở Nam-hà cũng chẳng nhiều hơn. Đã thế mà năm 1728 tòa Giám-mục ở Nam-hà lại thuộc về tay một vị tu-sĩ người Ý là thừa-sai của Hội truyền-bá đức-tin (*Propagande de foi*) tên là Alexandre de Alexandris. Ông này không khéo điều-khiển công việc nên nội-bộ của giáo-hội Thiên-chúa tại Việt-Nam luôn luôn lủng-cung. Ta nên nhớ rằng giáo-sĩ ở Việt-Nam lúc này thuộc nhiều quốc-tịch khác nhau vì thế luôn luôn có những sự đố-ky và bất-đồng rồi Tòa-thánh La-Mã nhận được khá nhiều đơn khiếu-nại. Ngoài ra lại có chuyện các giáo-sĩ Bồ-Đào-Nha không chịu thừa nhận quyền-hành của các giáo-sĩ thuộc Tòa-Thánh, họ lại xung-đột cả với nhau về vấn-đề khoan-dung cho giáo-dân được thờ cúng tổ-tiên và tiếp-tục một vài phong-tục cổ-truyền. Các giáo-sĩ dòng Tên và các giáo-sĩ dòng Franciscain thì tán thành vấn-đề kể trên, trái lại các giáo-sĩ Pháp cương-quyết phản-đối.

Trước sự tranh-chấp này, Giáo-hoàng Clément XII phải cử một giám-mục đi điều-tra và ổn-định tình-thế của giáo-hội ở bên Á-châu. Giám-mục đó là một người Pháp tên là De la Baume, được mọi người khen là khéo-léo và có đại-đức. Năm 1738, Giám-mục De la Baume cùng với ba giáo-sĩ sang Nam-hà nhưng phái-đoàn đến Macao trước hết vào 15-7-1748 ở lại đó khá lâu để nghiên-cứu mọi sự việc, ngày 1-5-1739 mới qua Nam-hà. Như ông như các giáo-sĩ dòng Tên đã nêu lên nhiều vấn-đề lỗi-thối lắm nhưng giám-mục rất kiên-trì và đã nhận-xét được vấn-đề dưới mọi khía-cạnh một cách sáng-suốt sau đó vào 2-7-1740 đã đưa ra những quyết-định dưới đây :

Các giáo-sĩ dòng Tên hoạt-động tại các tỉnh miền Bắc Thuận-Hóa (kinh-đô của chúa Nguyễn). Nửa phần về phía Nam (nửa tỉnh Quảng-nam, Quảng - Ngãi) thì giao cho Hội truyền-giáo ngoại-quốc, Qui-nhon, Phú-yên, Khánh-hòa một phần đất Đồng-nai và xứ Cao-mên chia cho dòng Franciscain (1). Như vậy giáo-sĩ Pháp tọa-lạc ở khoảng giữa các giáo sĩ dòng Tên và Franciscain. Rồi viên Khâm-mạng tòa-thánh xin La-Mã cử một giám-mục người Pháp để gìn-giữ các giáo-sĩ dòng Tên khỏi ra ngoài phạm-vi đã định — Xét ra dòng này như vậy cũng đã được lợi nhiều, và các giáo-sĩ dòng Franciscain xa các giáo-sĩ dòng Tên có thể sống yên vui với các giáo-sĩ Pháp. Ngoài ra ngoại trừ quyền-lợi chung của giáo-đường, giáo-sĩ dòng nào cũng được hưởng các quyền-lợi riêng. Việc này được Giáo-hoàng phê-chuẩn ngày 19-9-1741 và tap-chi của *Hội truyền-bá đức Tin* đã đăng tin này vào ngày 23-11 năm ấy. Rồi ngày 6-10-1741, giáo-sĩ Lefèbvre được thăng Giám-mục để tới cầm đầu các tỉnh thuộc *Hội truyền-giáo ngoại-quốc*.

Người ta nhận thấy rằng vào thế-kỷ XVII giáo-dân ở Bắc-hà bị chính quyền miền Bắc khủng-bố mạnh hơn chính quyền miền Nam. Qua thế-kỷ XVIII, tình-trạng bi-đát này cũng không đổi thay, trong các năm 1712, 1737, 1745, 1773 và các giáo-sĩ cũng bị cấm không được nhập-cảnh. Xin nhắc rằng năm 1723 và 1737, nhiều giáo-sĩ dòng Tên bị hành-quyết, năm 1745 và 1773 nhiều giáo-sĩ dòng Dominicain bị cầm tù và bị xử tử. Tại Nam-hà không-khí tương-đối dễ thở hơn vì việc truyền đạo được tự-do và công-khai (theo thư ngày 5-12-1750 viết tại Ma-cau của giáo-sĩ Chanseauime) mặc dầu năm 1724, Minh-vương đã có lần xuống lệnh trục-xuất các giáo-sĩ và cấm dân-chúng theo Thiên-chúa giáo. Tuy vậy, việc thi-hành lệnh này không gay gắt lắm. Tới Ninh-vương là chúa kế-vị Minh-vương thì giáo-dân lại được dong-dự như thường. Năm 1738, Võ-vương thay Ninh-vương còn tỏ ra có độ-lượng nhiều hơn cho tới 1750. Nhưng vào năm này đột-nhiên chúa Nguyễn hạ lệnh đuổi hết các giáo-sĩ trên khắp lãnh-thổ của mình: 28 giáo-sĩ bị lùng bắt và hạ ngục trong đó có giáo-sĩ Michel de Salamanque của dòng Franciscain (Tây-ban-Nha) chết ở trong tù ngày 14-7. Những vị khác bị đuổi xuống tàu về Ma-cau ngày 26-8. Riêng một giáo-sĩ dòng

(1) Phiên-âm là Phanxicô.

Tên là Koffler được lưu lại vì là ngự-y của Chúa, các nhà thờ bị tàn phá và giáo-dân bị tróc nã, giam cầm hay di khổ sai, nhưng không ai bị xử trảm hết (1).

Tổng-quát mà nói, mặc dầu miền Bắc cấm đạo dữ-dội hơn miền Nam, nhưng việc đạo lại phát-đạt hơn và có lẽ vì đạo Thiên-chúa phát-triển mạnh ở miền Bắc nên vua chúa mới thẳng tay nhiều bởi họ sợ đạo Thiên-chúa gieo mầm cách-mạng vào tinh-thần các thần-dân hoặc các nhà chức-trách đã thấy ảnh-hưởng của đạo này đã làm giảm bớt óc phục-túng chính-quyền đi một phần nào rồi. Còn một nguyên-nhân khác là có lẽ các giáo-sĩ cũng không khéo léo đối với các nhà đương-cuộc. Về phần nhà chúa ở Nam-hà hòa-hoãn với Công-giáo không ngoài nguyên-nhân nhà chúa đã được người Tây-phương giúp đỡ về nhiều phương-diện. Trái lại, người Bồ và Hòa chẳng làm gì tốt đẹp cho vua Lê chúa Trịnh hết. Trước vấn-đề này, người ta không quên vào thế-kỷ XVIII nhiều giáo-sĩ dòng Tên đã giữ nhiều trọng trách tại triều-đình của họ Nguyễn như là các bạn đồng sự của họ ở dưới triều Thanh tại Bắc-Bình. Năm 1686, Hiền-vương yêu sách Ma-caô phải gửi trả lại cho mình, giáo-sĩ Bartholomen de Costa. Cuối thế-kỷ XVII, Minh-vương dùng giáo-sĩ Antonio de Arnedo với danh-nghĩa một nhà toán-học; năm 1724, ngài có ba giáo-sĩ dòng Tên ở cạnh mình: giáo-sĩ Sanna, Pirès và De Lima là nhà toán-học và thiên-văn học. Võ-vương cũng dùng giáo-sĩ Neugebaner là nhà toán-học và thiên-văn học, giáo-sĩ Siebert làm ngự-y. Vị này chết ở Huế vào năm 1745, sau được thay thế bằng giáo-sĩ Slamenski (giáo-sĩ này chết yểu thì đến Jean Koffler thay). Koffler ở Nam-hà tới 1755 rồi về Bồ-đào-Nha.

Sau lệnh trục-xuất toàn-thê giáo-sĩ năm 1750, ngoài Koffler

- (1) Việc cấm đạo ở Đàng-trong bắt đầu từ Chúa Sãi. Tới Chúa Thượng, tình-trạng giao-hội bi-dát hơn nhiều. Trước năm 1639, sứ-bộ Bồ-đào-Nha đến điều-dinh dè vào truyền-giáo, nhưng bị từ chối, sau đó, Chúa hạ lệnh trục-xuất các giáo-sĩ, cho rằng đạo này là một thứ đạo dã-man bởi ngăn cấm cả việc thờ cúng tổ-tiên. Thế là công việc xây-dựng đạo trong 25 năm chỉ một phút là sụp đổ tan tành. Do đó, giáo-sĩ Antoine Ruben đang coi việc truyền-giáo ở Trung-quốc và Nhật-bản phải cử A. de Rhodes sang Nam-hà phen nữa. Giáo-sĩ A. de Rhodes rời Việt-nam ngày 3-7-1645 để về Âu-châu. Giáo-dân ở Nam-hà thuở đó có khoảng 15.000 người, giáo-sĩ có 10 vị. Hai ngôi nhà thờ đầu tiên dựng lên ở Cửa Hàn và ở Faifo (Hội-an) vào năm 1615.

Võ-vương còn dùng Xavier de Montério là một nhà hình-học và Jean de Loureiro làm ngự-y.

Năm 1714, dòng Tên bị giải tán, nhưng một số giáo-sĩ còn ở lại lễ-tể phục-vụ các Chúa miền Nam và miền Bắc đến 1788 mới ra đi hết. Trái lại, tình-trạng của *Hội truyền-giáo ngoại-quốc* được phát-đạt thêm về tài-chính cũng như nhân-sự do sự vắng mặt của dòng Tên. Tới ngày 20-5-1786, *Hội truyền-bá đức tin* quyết-định miền Bắc chia cho dòng Dominicain và *Hội truyền-giáo ngoại-quốc* — miền Nam *Hội truyền-giáo ngoại-quốc* được quản-lĩnh các quận phía Bắc Sài-gòn. Xét ra những quyết-định trên đây không đi tới đâu cả, vì khi quyết-định, giới thẩm-quyền của La-mã không rõ lúc này nước ta đang bị loạn-ly lung-tung từ Bắc vào Nam : Chúa Trịnh-Sâm đã diệt được Nguyễn ở bên này sông Gianh, anh em nhà Tây-sơn là một lực-lượng thứ ba vừa xuất hiện trên sân-khấu chính-trị Việt-nam và đang chọc trời khuấy nước, đánh bật chúa Huệ-vương nhà Cự-Nguyễn khắp miền Trung cùng hai con là các ông Hoàng Phúc-Dương và Phúc-Đông vào Hậu-giang (Long-xuyên). Sau đó, Huệ-vương và hai cháu đều ngã gục dưới lưỡi gươm của Nguyễn-Nhạc. Ngoài ra, khắp cõi Nam-Việt cũng rối ren vì giặc cướp người Việt, Mên, Tê-m-la, Mã-lai mạnh dạn cướp phá đấy, không còn ai là quan trị, quan nhậm nữa. Trong giai đoạn này, việc truyền-bá đạo Gia-tô ở Việt-nam gần như bị tê liệt hẳn. Nhiều giáo-sĩ dòng Tên lại tìm cách trở lại. Họ nương náu ở Cao-mên hoặc tự ý, hoặc có sự thỏa thuận của các giáo-sĩ dòng Franciscain. Chính-quyền địa-phương và dân bản xứ cũng không có cản trở họ.

Giám-mục Lefèbvre với một giáo-sĩ sau này thay ngài là Pignel vào năm 1760, bấy giờ trú ngụ ở Oudong là thủ-đô của vương-quốc Cao-mên tìm cách liên lạc với Nam-Việt qua nơi những người đánh cá ở Biển hồ. Năm 1765, Pignel lên chức đã có dịp cứu giúp các bạn đồng sự lúc này còn cơ-cực hơn vì Tiêm-la đang bị 1.1.1. xâm-lấn của Miên-diên. Họ phải lỏ xú này chạy tán lạc khắp nơi. Họ đa nghĩ đến việc đặt Tổng-chủng-viện ở Chantaboun một địa phận gần xứ Mên dưới sự điều-khiển của hai giáo-sĩ Kerhevé và Artaud. Nhưng rồi chỗ này cũng không yên-ôn lắm, họ lại kéo xuống Hà-tiên, được Mạc Thiên-tứ dung dưỡng. Họ Mạc bấy giờ đang là chúa-tể ở đây đã đề-nghị cho các giáo-sĩ ba nơi đề lập cơ-sở. Sau các giáo-sĩ chọn

vùng Hòn-đất ở sát bờ biển cách Hà-tiên 4 giờ bộ hành. Tại đây đã có một số giáo-sĩ dòng Franciscain. Các ông này nhìn các giáo-sĩ của *Hội truyền-giáo ngoại-quốc* bằng con mắt khó chịu, do đó họ đệ đơn khiếu-nại về La-mã đề xin trục-xuất những người mới này.

Cũng tại Hòn-đất, các giáo-sĩ đang ở Tiêm-la nhận được mọi sự giúp đỡ của giám-mục Pignel để lập một chủng-viện và Hòn-đất cũng cử hai giáo-sĩ tới tiếp tay cho các giáo-sĩ ở Tiêm-la. Một trong hai giáo-sĩ đó là Pigneau sau này được cất lên chức Bề-trên của nhà dòng. Pignel Joseph Georges Pigneau sinh ngày 2-11-1741 tại Béhaine (thuộc quận Aisne của nước Pháp) thuở thiếu thời là học-sinh trường trung-học Laon và sau này vào rèn-luyện ở Chủng-viện của *Hội truyền-giáo ngoại-quốc*. Ông rời nước Pháp vào năm 1765 để tới Hòn-đất điều-khiển cái Chủng-viện nghèo-nàn cất bằng tre và lá. Chủng-sinh ở đây có 40 tên vừa người Việt, Tiêm-la và Trung-hoa. Nhưng ông không ở đây được lâu. Năm 1768, một vị hoàng-thần Tiêm-la tị nạn chính-trị (do vụ Đảo-chính của Trịnh quốc-Anh) sang ăn-nấp ở Chủng-viện (Hà-tiên). Trịnh biết sự tình nên đòi Mạc Thiên-tứ (con Mạc-Cửu) nộp lại vị Hoàng-thần này. Tuy Mạc không ưa gì Trịnh quốc-Anh nhưng vẫn e sợ đành phải ra hạ lệnh bắt Hoàng-thần. Các giáo-sĩ dòng Franciscain liền tố-cáo các giáo-sĩ Pháp đã giải thoát Hoàng-thần về Cao-mên nên Mạc thiên-Tứ giận lắm cho hạ ngục liền Pigneau và một số giáo-sĩ Pháp. Việc giam cầm kéo dài tới ba tháng. Trở về Chủng-viện thì mọi sự vẫn tốt lành vì khi các giáo-sĩ bị giam các chủng-sinh vẫn gìn giữ được Chủng-viện một cách chu-đáo. Từ giai-đoạn này trở đi các giáo-sĩ Pháp không còn dám dự vào việc chính-trị nữa, chỉ lo bảo-vệ lấy Chủng-viện, nhưng dù vậy tình-thế của họ cũng vẫn rất khó-khẩn vì Hà-tiên không có ranh giới rõ-rệt với các lân-quốc nên dễ bị những kẻ đào ngũ, những tay vong-mạng, lưu-đãng, cả những tàn quân Xiêm, Việt, Mên, Tàu, Mã-lai hay tràn qua, do đó mà các giáo-sĩ khó giữ được thế trung-lập. Họ luôn luôn có sự áy náy, rồi năm 1769, một bọn cướp Tàu và Mên đã đến đốt phá Chủng-viện tan tành: Ba ngôi thánh-đường của Chủng-viện, nhà cửa của giáo-dân bị thiêu-hủy vài chủng-sinh bị giết. Pigneau cứu được 17 tên rồi thầy trò cùng bỏ trốn. Riêng giáo-sĩ Artaud lúc đó đang đau nặng lại gặp biến-cố này nên đã thở hơi tàn vào ngày 28-11.

Sau vụ cướp phá kinh-khủng kê trên, Pigneau chạy qua Malacca, rồi sang Pondichéry vào tháng 6-1770 và lại dựng tại Virampatnam (gần thành phố Pondichéry) một Tổng-chủng-viện thứ hai. Chẳng bao lâu, Pigneau được phong giám-mục và giữ chức phụ-tá cho giám-mục Pignel. Năm sau (24-2-1771), giám-mục Pignel qua đời thì Pigneau lên thay, từ đấy có tên là giám-mục Bá-đa-Lộc (*Evêque d'Adran*). Ngày 24-2-1774, Pigneau được thụ phong. Giám-mục ở đây luôn bốn năm, trải qua bao nhiêu cuộc thử thách gian-lao, nguy hiểm vì lúc này Công-ty Ấn-Độ của Pháp cũng như thế-lực của người Pháp vào lúc hết thời oanh-liệt. Nhưng cũng nhờ có thời gian này giám-mục hiểu rõ hơn bao giờ tinh-thế và nhân-sự ở các nước Á-châu, gây được nhiều cảm-tình, kết nạp được nhiều bè bạn. Tháng 7-1774, giám-mục đi Macao lo tổ-chức lại giáo-hội từ gốc đến ngọn cho Nam-hà. Ngài trở lại Hà-tiên với 4 giáo-sĩ Pháp, 3 linh - mục Việt, 8 chủng - sinh. Lần này, giám-mục được Mạc thiên-Tử tiếp đãi niềm-nở không thể tưởng-tượng được (không như trước vào năm 1768, Mạc đã tổng giam bắt đeo gông và cùm chân, theo lời thư giám-mục viết về cho cha mẹ ở bên Pháp). Ban đầu giám-mục nghi Mạc muốn theo đạo chẳng, nhưng sau mới biết Mạc với mình do một mục-dịch chính-trị, nhưng giám-mục vẫn không dám lần tránh hay từ chối, vì còn định lợi-dụng Mạc thiên-Tử đề mở-mang việc đạo ở Việt-nam. Quả vậy, Mạc đã cùng giám-mục thảo-luận về các biện-cố chính-trị ở Nam-hà. Như ta biết, Mạc là thần-tử trung-thành của chúa Nguyễn và Mạc lúc này rất cần giám - mục để lo khôi - phục cơ-đồ của họ Nguyễn về mấy năm sau...

Xét qua về quá-trình tiến - triển của đạo Thiên - chúa tại Việt-nam, ai cũng phải nhận là các giáo-sĩ đã hy-sinh rất nhiều cho việc truyền-bá đức Tin, đã xây-dựng các giáo-đường bằng xương máu, thật đáng phục vô cùng. Nhưng dầu muốn dầu không, một số giáo-sĩ đã bị lôi cuốn vào các phong-trào chính-trị. Và người xông trước nhất vào chánh-trường Việt-nam là Bá đa-Lộc. Điều này xét ra không thể tránh được khi một vài trường-hợp xảy ra đã quá đặc-biệt. Và nếu họ đã phải nhúng tay vào chính-trị không ngoài ý muốn dựa vào uy-quyền của vua quan bản xứ cho có đủ phương-tiện và điều-kiện vật-chất, tinh-thần hầu mở-mang đạo Công-giáo. Nói rằng họ liếp tay

cho những nhà Thực-dân, hay làm môi-nhân cho Đế-quốc thì cũng quá đáng. Nếu trước đây họ đã tìm cách gần gũi vua quan nước ta thì sự thực sau này một vài kẻ có mặt trong các quân-đội viễn-chinh cũng không ngoài tác-dụng kể trên, Tóm lại, với họ, bằng cách nào mở rộng được lĩnh-vực của Chúa đều tốt cả, có lẽ mấy người này không nghĩ rằng cứu vớt một số linh-hồn ra khỏi vòng tội lỗi mà lại cộng-tác trong công-cuộc nô-lệ-hóa một dân-tộc là làm điều nẫu-thuẩn không thể tha-thứ được. Như vậy, trên phương-diện chính-trị, nếu ta tổ-cáo họ nhiều khi bước ra ngoài cương-vực của tôn-giáo — cũng không oan uổng.



Bản về việc cấm đạo, giết đạo của vua chúa Việt-nam ta vào thế-kỷ XVII, XVIII, ta thấy có vài sự-kiện đáng chú ý như sau :

— Các giáo-sĩ quốc-tịch khác nhau vì sự cạnh tranh đã tổ-cáo, vu - hãm nhau là gián-diệp của phong-trào Thực-dân, Đế-quốc.

— Các vua chúa còn thấy họ đã thuộc một số người tiếp tế vũ-khí, đạn dược và làm chuyên viên quân sự, chính-trị cho địch quốc (Nam-hà với Bắc-hà bấy giờ đã coi nhau như hai nước địch).

— Các giáo-sĩ đã chống lại lệnh cấm đạo và trục-xuất của chính-quyền mặc dầu chính-quyền đã cảnh-cáo rồi sau này đã áp-dụng những biện-pháp sắt máu mà các giáo-sĩ vẫn lén - lút đồ bộ vào các bờ biển Việt-Nam để giảng-đạo. Như vậy bảo các vua quan Việt-Nam làm thịnh sao được, đó là chưa kể đến lòng tự-ái của những con người phong-kiến từ xưa đến nay không bao giờ chịu để ai lấn áp uy quyền và ảnh-hưởng của mình trước dân-chúng. Sau này về đời Nguyễn-sơ đạo Thiên-chúa được ngót ba chục năm tương-đối tự-do truyền-bá nhưng rồi lại bị một giai-đoạn bi-đắt hơn bao giờ hết cho tới khi Việt-Nam mất chủ quyền về nước Pháp mới hết bị đồ máu. Theo thứ-tự của sự việc, chúng tôi tạm ngừng bút ở đây.

Xét ra, Thiên-chúa-giáo là một tín-ngưỡng, trước khi thành một tôn-giáo có giá-trị và được nhân-loại tin-tưởng vào bậc

nhất như ngày nay, đã đổ máu nhiều nhất, đã cấm-tử và hy-sinh không đạo nào sánh kịp. Chúa Da-Tô đã nói rằng :

« Chúa trời cho Người xuống thế để chuộc tội cho loài người, Người đã mở một con đường máu để nêu-cao gương bác-ái thì các môn-đệ của Người cũng phải do con đường máu đó mà đi, hầu làm nhiệm-vụ cao cả mà Chúa đã trao cho. . . » âu cũng là một lẽ tất nhiên nếu các giáo-sĩ phải hy-sinh xương máu. Còn chúng ta, ít nhất cũng phải công nhận đạo Thiên-chúa với cái triết-lý cao cả của nó, với sự-nghiệp xây-dựng văn-minh và tình thương giữa nhân-loại phải cúi đầu cảm phục, dầu chúng ta có là tin-đồ của đạo này hay không. Còn nói về ảnh-hưởng của Thiên - chúa - giáo, ai cũng phải nhận là tốt đẹp vì đạo này đã gây được nhiều tinh-tinh lành mạnh, cao quý để dựng nên một xã-hội có nhiều thiên-lương và đạo hạnh. Người Công-giáo biết sợ tội, biết kính Trời, biết thương người rõ-rệt hơn các đồng bào thuộc các tín-ngưỡng khác. Từ ngót một thế-kỷ nay, Thiên-chúa-giáo được tự-do truyền-bá ở Việt-nam đã gây nổi gần hai triệu tin-đồ, như vậy sự phát-triển của đạo này đáng kể là mạnh-mẽ.

Cuộc bang-giao giữa Việt-nam và Vatican

Gần đây, người ta tìm ra tại Thư-viện Vatican (Thư-khố Barberini - Orient - 158) một tài-liệu về cuộc bang-giao giữa Việt-nam và Vatican hồi thế-kỷ XVIII. Đây là một quốc thư viết bằng chữ Nho, chạm nổi trên một lá bạc, bề dài 552 ly, bề ngang 266 ly do vua Việt-nam gửi cho Đức Giáo-hoàng ở Roma. Vì đã lâu đời, nên bức thư này dễ cuộn tròn trong một chiếc hộp sơn mà một phần đã bị không-khí ám đen, còn ba phần tư vẫn được sáng sủa và dễ đọc.

Bức thư này gồm 12 dòng, mỗi dòng có 12 chữ ; riêng hàng cuối cùng có 13 chữ, cộng được tất cả là 145 chữ. Ngoài ra còn 4 hàng chữ khác : hàng thứ nhất có một chữ ; hàng thứ hai 4 chữ ; hàng thứ ba có 5 chữ ; hàng chót có 7 chữ. Sau cùng có một hàng gồm 4 chữ to hơn các chữ khác. Thêm đoạn đầu có ba bốn hàng bị gãy nên chỉ dịch được như sau : « ... Chúng tôi đã nhận được vài quý vật để cống hiến và hai giáo-sĩ đến lo việc truyền-giáo. Nay ngài lại cử hai giáo-sĩ khác thông thạo thiên-văn và địa-lý đến bản-quốc để mở-mang thánh-giáo, nếu 10 điều

rắn tóm vào 3 mối. Chúng tôi rất lấy làm vui mừng và xin thăm tạ. « Về các lời giảng dạy, chúng tôi lấy làm quí hậu lắm và rất hoan-ngênh. Nay chúng tôi sẵn-sàng giúp đỡ hai giáo-sĩ, đã cho làm nhà riêng để các vị đó đến ở và các vị có thể đi quan-sát việc trời đất cùng cảnh đẹp thiên-nhiên. Mọi việc giao-huân đều thuận-liện, không phải nói thêm nữa. Nay xin kính biểu : Trăm hương hai cân. Vải trắng tám súc. Cát nhận một xâu nặng 10 cân (?) »

Nay phúc thư,

Trong phần còn lại không thấy có tên tác-giả bức thư này và cả tên người nhận cùng ngày tháng. Nhưng rất may nhờ có một mảnh giấy nhỏ có một ít hàng chữ bằng tiếng La-tinh ta mới rõ tác-giả là vua xứ Bắc-Kỳ và tặng-phẩm cùng của nhà vua gửi đến cho Giáo-Hoàng. Mấy hàng chữ ấy là : « *Est in hac capsula epistola Regis Tunkimen sivecum muneribus suis Sanctatatem missis, in quaquod de fide nostra au diverit, quam nolitiam de deruit illi duo patres societatis ut fateatur quamvis illos non nominet.* »

Nhưng vua xứ Bắc-Kỳ bấy giờ là ai ? Và thư ấy gửi cho Đức Giáo-Hoàng nào ? Từ trước đến giờ bức thư kê trên vẫn nằm trong thư-khố Barberini do hai đức Hồng-Y họ Barberini dựng lên. Sau khi Đức Giáo-Hoàng Urbano VIII (thuộc dòng họ Barberini) mất thì dòng họ này sa-sút : có lẽ từ bấy giờ trở đi, Thư-khố này không thu thập tài-liệu nữa. Hết đối-chiếu thời - gian thì Giáo - hoàng Urbano Roma cầm - quyền vào năm 1623 - 1644 và vua trị-vì ở Bắc - kỳ thuở đó là vua Lê Thần-tông (1619-1643) ; nhà Chúa bấy giờ là Trịnh-Tráng (1623-1657).

Chúng ta không quên rằng vua Thần-tông và chúa Trịnh-Tráng vào buổi đó đã có gửi thư mấy lần cho các nhà đương-cục Hòa-lan ở Batavia xin giúp mình đánh chúa Nguyễn ở Đàng-trong. Theo tiếng La-tinh, Rex có nghĩa là vua (tiếng Pháp là Roi) và người ngoại-quốc dùng chữ này để chỉ cả Vua lẫn Chúa Đàng-ngoài cũng như Đàng-trong. Vậy có thể nói rằng bức thư ấy là do Trịnh-Tráng gửi, nhất là theo tình-trạng đời bấy giờ tại Bắc-hà chúa Trịnh chủ-trương mọi việc, vua Lê chỉ là bù-nhìn mà thôi. Các giáo-sĩ hay người ngoại-quốc muốn làm việc

gi tại Bắc-hà chỉ có vào giao-dịch với phủ Liêu là đủ, kể từ thế-kỷ XVII. Đến cả việc trục-xuất các giáo-sĩ sau này cũng do lệnh của các chúa họ Trịnh.

Sau việc ngoại-giao trên đây đã có từ hơn 200 năm, tiếp đến là việc bài đạo liên-miên của các chính-quyền Việt-nam, Tòa thánh Vatican không còn liên-lạc gì nữa với nước ta cho tới 1950, vua Bảo đại đã vận-động đặt mối giao-hảo, Tòa-thánh cũng từ chối. Có lẽ Tòa-thánh đã nghĩ rằng vua Bảo-đại bấy giờ chưa thực sự nắm được chủ-quyền ở Việt-nam, nhưng gần đây nước Việt-nam đã độc-lập hẳn hoi nên đã được Vatican chính-thức nhìn nhận vào năm 1955.

小儀圖屏貢上俾二教士來究
 教今復選二教士精識天文地
 理之學詣本國闡明聖教嚴十
 戒總習在三并祈培植僑寓二
 教士等俾得通好貿易互市及
 貢非儀數端等因既得異物彩
 聯雲霞兼得教士學通天地不
 勝感荷及開嚴戒在三常常披
 翫第深艷慕其培植二教士已
 定旅次居住紆聯觀乾象察坤
 軸之佳音若通好互市乃順人
 情便用民之事莫待於言茲復

書計

沉香二斤

白細布捌疋

萬鴈一隻重十斤

本目刻具

Bức thư của « Vua xứ Bắc-kỳ » gửi cho Đức Giáo-hoàng ở Rôma.
 Khắc nổi trên một tấm bạc lá đã gảy mất một phần đầu.

CHƯƠNG III

CUỘC XÚC TIẾP GIỮA ÂU-CHÂU VÀ Á-CHÂU

Người Tây-phương qua Việt - nam Qua chương nói về đạo Thiên-chúa và công cuộc truyền-giáo ở Việt-nam, các bạn đã thấy không phải là tới thế-kỷ XVI người Tây-phương

mới biết đến bờ biển Việt-nam và các xứ Á-Châu cùng Viễn-Đông. Ngay từ Đệ-tam thế-kỷ Tây-phương đã gặp Đông-phương rồi. Nhưng hồi đó chỉ có một số ít người đặt gót chân lên đất đai của người da vàng, còn thật sự có một phong-trào xâm-nhập vào các vùng thuộc Ấn-độ-dương và Thái-bình-dương phải kể từ thế-kỷ XVI nghĩa là sau cuộc du-hành phiêu-lưu của Christophe Colomb, Magellan, Vasco de gama.

Các thương-gia, các nhà thám-hiềm, các nhà thực-dân đã là những kẻ mở lối và ít lâu sau có các giáo-sĩ đã nhờ từ phương-tiện chuyên-chở đến cả sự ăn ở của các lái buôn Bồ-đào-Nha, Tây-ban-Nha do mệnh-lệnh của các Hoàng-đế các xứ này mà qua Viễn-đông, sau nữa là người Hòa-Lan cũng nô-nức kéo nhau sang gây thành một phong-trào rồi cạnh-tranh thương-mại kịch liệt có khi lưu-huyết trên các thị-trường Ấn-độ, Mã-lai (Malacca), Java, Sumatra v. v...

Tóm lại có hai lớp người qua Đông-phương bấy giờ : lái buôn và giáo-sĩ, và về phía giáo-sĩ, đến trước nhất là các giáo dòng Tên, trụ-sở đặt tại Goa và Macao, và Malacca trong các năm 1515 - 1557 - 1584.

Rồi khi các giáo-sĩ dòng Tên vào truyền-giáo ở Nam-hà (1615) các thương-nhân Pháp đã có mở việc thương-mại với các thần-dân của chúa Nguyễn rồi trước nhất ở Hải-phố

(Faifao), một hải-cảng đẹp nhất thuở ấy, theo lời các giáo-sĩ Borri đã có mặt ở đây vào năm 1618, sau họ lập nghiệp ở cửa Hàn (Tourane) cũng là một hải-cảng rộng-rãi có hai con sông ăn ra biển.

Nhưng bấy giờ đã có người Tàu và Nhật đang làm ăn ở xứ này. Người Bồ đến nước ta vào đầu thế-kỷ XVII hay trước đó ít lâu mà thôi.

Hải-phố, nói cho đúng, là một cái chợ hơn là một thành-phố, người Việt không có nhiều ở chốn này bởi đa-số là dân Tàu và hệt. Chúa Nguyễn đã chỉ-định cho các nhà buôn ngoại quốc nơi này để họ làm ăn buôn bán và Hải-phố có thể coi như gồm hai khu-vực riêng biệt : một dành cho Tàu, một dành cho Nhật, diện-tích khá rộng lớn. Họ được phép đặt người của họ lên giữ việc cai-trị và sống theo tập-quán, phong-tục riêng biệt của họ. Đầu thế-kỷ XVII (1614) nước Nhật bài đạo (Già-tô) luôn mấy chục năm liền rất là kịch-liệt nhiều tín-đồ không chịu bỏ chúa đã lấy cớ đi buôn qua Việt-nam rồi họ đã đi thường không hồi hương nữa.

Người Việt bán ra ngoại-quốc bấy giờ có các thổ-sản sau đây : lụa mộc, gỗ quý, gỗ trầm, đường, quế, gạo, hồ tiêu v. v. . Hàng ngoại-quốc đưa vào là các đồ gốm, đồ xứ, giấy, chè, bạc nén, khi giới, diêm, tiêu, chỉ... Việc thương-mại ở-ạt từ tháng hai đến tháng chín sau đó người ngoại-quốc mua đủ chuyển hàng là về nước.

Người Việt không biết nghề hàng-hải nên chỉ buôn bán loanh-quanh từ bờ biển Bắc-việt đến bờ biển Tiêm-la mà thôi. Các vua chúa thì rất ưa thích có tàu buôn ngoại-quốc vào giao-dịch với nước mình, nên việc xuất-nhập của các thương-nhân ngoại-quốc được mọi sự dễ dàng. Hồi ấy có những thương-nhân từ Trung-quốc, Macao, Nhật-bản, Phi-luật-Tàn và Malacca, thường đem đến đây nhiều nguồn-lợi và tặng-phẩm rất quý giá. Số tiền thuế thương-chính cũng thu được khá nhiều, không những thuế đánh vào các hóa-vật, giá thuế còn tăng, giảm tùy nơi xuất-xứ của các thương-thuyền nữa.

Có điều đáng chú-ý là các thương-nhân ngoại quốc không lập hẳn các thương-điểm ở đây. Họ chỉ đặt một số mại-bản hay đại-diện để mua bán chuyển nào biết chuyển ấy mà thôi. Những người này giao-dịch thay họ, khi tàu đến đã có sẵn

hàng để xếp lên tàu và khi hàng vào bến đã có sẵn người đến lấy. Ngoài ra những người mại-bán còn là những thông-ngôn cho họ nữa.

Trong giai-đoạn này bọn nhà buôn Bồ-đào-Nha, Pháp-lan-Tây và Hòa-lan cạnh-tranh với nhau rất dữ-đội (dưới đời Võ-vương). Họ dèm-pha nhau, bày mưu để xin Chúa Võ-vương trục-xuất người Hòa-lan ra khỏi Nam-hà. Chính giáo-sĩ Borri cũng nhận rằng người Bồ ở Macao đã có lần gửi gấp một sứ-giả đến Nam-hà nói rằng: *« nếu chúa đề người Hòa-lan tới buôn bán ở xứ mình là rước giặc vào nhà, ở một vài địa-phương thuộc Ấn-độ, người Hòa-lan đã có nhiều hành-động rất tai hại. Họ rất là quỷ quái, gian-ngoan... »*

Ngoài ra Đại-úy Ferdinand de Costa cũng có nhờ các giáo-sĩ dòng Tên đến vận-động với Chúa như trên. Cuộc vận-động gặp nhiều sự khó-khăn nhưng sau cũng thành-công cho nên đã có lần Chúa ra lệnh cấm người Hòa-lan đến buôn bán. Tuy vậy vào năm 1633 một nhà buôn Hòa-Lan là Paulus Traudemus cũng có phen cử được đại-diện đến Hải-phố dâng chúa ít tặng-phẩm để cảm ơn Chúa đã cho cứu chiếc tàu bị nạn ngoài khơi (đảo Paracels) và trình-bày một vài dự-định thương-mại với người Nhật ở đây. Rồi đầu năm 1636 họ được phép dựng thương-diểm ở Quảng-nam. Thương thuyền của họ từ Nhật thường ghé vào cửa Hàn (Tourane) và được các quan Việt-nam cùng Chúa tiếp đón niềm-nở.

Lúc này Nam-Bắc có chiến tranh nhưng các nhà buôn vẫn đi lại cả hai miền không ngớt. Người Hòa-lan Harel Hart-singh được đặt cửa hàng ở Hưng-yên, đi lại xứ Kẻ chợ (Hà-nội) vào đầu năm 1637 và việc doanh-thương của họ đáng kể là phát-đạt. Vài năm sau, họ còn được phép lên làm ăn cả ở ngay Kẻ chợ. Nhưng năm 1663, thương-diểm của họ đóng cửa, hai năm sau, họ lại tiếp tục giao-thương cho tới 1700 có việc vua Lê Chúa Trịnh gửi tàu *Le Grol* chuyển một bức thư nhờ người Hòa-lan giúp đỡ để đánh nhau với chúa Nguyễn. Cơ-sở chính-trị của Hòa-lan bấy giờ là Batavia. Vì người Hòa-lan đi lại xứ Bắc luôn khiến chúa Nguyễn (Công - Thượng Vương) sinh nghi và có ý hờn giận mặc dầu người Hòa-lan rất khôn-ngoa, khéo léo luôn luôn gìn giữ không dự vào việc chính-trị để khỏi mất lòng cả Nam lẫn Bắc. Năm 1641, hai chiếc tàu của họ mắc cạn

ở Cù-lao Chàm. Chúa Thượng cho bắt người của hai chiếc tàu đem giam lại và việc buôn bán của Hòa-lan lúc này bị nhiều sự khó dễ. Năm đó, người Hòa-lan phải đóng cửa thương-điểm của họ ở Hải-phố, họ nhờ một người Nhật giải-quyết giúp các việc còn đang-dở.

Đầu năm 1642, một phái đoàn sứ-giã Bắc-hà đi công-cán ở Batavia trên chiếc tàu do Van Liesvelt điều-khiển có ghé vào Hải-phố. Chúa Thượng được tin này càng giận thêm nên nhất định cầm tù những người Hòa-lan đã bị bắt. Công-ty Hòa-lan liền phái 5 chiếc tàu chiến đến Nam-hà gồm có 152 thủy binh và 70 bộ binh để làm dữ. Van Liesvelt và một chục tên lính vừa đổ bộ xuống đất thì bị quân Nam-hà tấn-công luôn. Bọn này bị giết sạch. Thuyền-trưởng Van Linga bắt được 20 người Việt làm con tin ở dọc bờ biển thấy thế cũng cho chém luôn, nhưng không dám đổ bộ để trả thù cho các bạn đồng-đội. Chúa lại cho đem ra hành-quyết một người Hòa-lan trong đám bị bắt trước đây. Van Linga rút lui cho bắt thêm 107 người Việt dọc vùng duyên-hải rồi dong thuyền ra Bắc. Từ đấy, người Hòa-lan công-nhiên giúp Bắc-hà không úp mở như trước nữa.

Nhưng đến năm 1650, hai bên cùng thấy sự xung-đột là điều bất lợi. Chúa Hiền nối ngôi cha từ năm 1648, cho sứ-giã qua Batavia tỏ ý-chi giải-hòa. Ngày 9-12-1651, Hòa-lan cũng cử Verstege qua Nam-hà nói lại mối liên-lạc đã đứt đoạn, và trả những người Việt họ đã bắt đi trước đây. Việc thương-mại lại tiếp-lục. Một thương-điểm mới lại được thiết-lập. Từ nay, kẻ nào làm bậy sẽ do quan-tòa của mình xét xử, tàu bè bị đắm sẽ được cấp cứu, các hàng bị nước làm hư được đánh thuế phải chăng. Nhưng tới năm 1654, cuộc giao-thiệp của đôi bên lại trở nên lộn xộn rồi chấm dứt vĩnh-viễn.

Còn về phía người Bồ, từ khi Karel Hartsingh đến xứ Bắc (1637), họ không có đặt thương-điểm, tuy vẫn có tàu bè luôn luôn qua lại từ Macao đến Kẻ-chợ và Hưng-yên. Lý do là họ không thuộc ảnh hưởng của chúa phủ họ hay ảnh hưởng của các giáo sĩ. Họ trú ngụ ở nơi mà quan lại ta chỉ định bay trở ở nhà các người đại diện thương mại, các người thông-ngôn hay ở nhờ các giáo-sĩ dòng Tên đồng hương. Họ đã thành lập giao-đường ở đây vào năm 1627. Hàng của họ bán xong thì họ cất lùa mọt của người Nam đem bán qua Nhật. Trụ sở chính thức

của họ là Macao. Trước khi ra về họ đặt tiền đề có hàng vào năm tới và tiền của họ là những hòm bạc nén. (Thuở ấy ta giao dịch với các nước Tây-phương, bằng bạc nén hoặc trao đổi bằng hóa-vật). Xem tình-hình thì việc buôn bán của họ ở Bắc-hà không lợi lắm. Sau này, Mạc-phủ (Nhật) ra lệnh cấm đạo (bắt đầu từ 1639) họ mất thị trường tiêu thụ thì họ rút lui nhường xứ Bắc cho người Hòa-lan và Trung-quốc; nhưng với Nam-hà họ có nhiều liên lạc và kiếm chắc được nhiều hơn.

Vào thế-kỷ XVII, công-ty Anh ở Ấn-độ chưa tính đến việc thôn tính đất đai ở Á-châu. Họ chỉ lo đặt cơ sở thương mại ở những xứ nào mà người Hòa-lan chưa đòi dào thế lực để ngăn trở việc làm ăn của nhau mà thôi.

Năm 1613, Richard Cocks, chủ thương - điểm ở Hirado (Nhật) gửi đến Nam-hà (Hải-phố) một thuyền buồm. Nhân viên của ông ta là Valter Carwarden có trình bức thư của Anh-hoàng cùng ít tặng phẩm lên chúa Nguyễn và bán được cho chúa một số dạ của Anh làm ra. Công việc tưởng là tốt đẹp nhưng khi người trưởng phái đoàn thương mại này đồ bộ xuống để thanh toán tiền hàng với Chúa Nguyễn họ bị một số người Việt ủa ra giết cả bọn. Thế là tiền đầu bắt lợi.

Vài năm sau (1616) từ Hirado (Nhật) người Anh lại cho tàu đến Đài-loan, Bành-hồ và Bắc-hà nhưng việc thương mại của họ không đem lại nhiều kết quả tốt đẹp. Nguyên do, họ bị người Hòa-lan dèm pha rồi từ 1620 — 1625 họ bị trục xuất ra khỏi bán-đảo này, họ không còn cách gì khác hơn là đóng cửa các chi-diểm ở Đài-loan cũng như ở Nhật-bản.

Nhưng vào năm 1654, Hòa-lan thua trận ở Âu-châu, phải đặt chữ ký lên hòa-ước Westminster thì việc buôn bán của người Anh lại bắt đầu phấn phát ở Viễn-dông.

Năm 1672 họ lại có thương thuyền đi lại Bắc-hà, Đài-loan và Nhật. Thuyền trưởng Gyfford có đệ lên vua Lê Gia-tông và chúa Trịnh-Tạc bức thư giới thiệu của Anh-hoàng lời lẽ rất lịch sự, khẩn thiết cùng một số tặng phẩm quý giá. Lúc này vua Lê Chúa Trịnh đang mở một cuộc hành quân vào Nam (1673). Sau đó ông ta được được chấp thuận đến buôn bán ở xứ Bắc và được chỉ-định lập cơ sở ở Hiến-nam (phố Hiến, ly-sở tỉnh Hưng-yên)

Luôn bốn năm đầu, công-cuộc của ông ta không lợi là bao nhiêu do đã gặp nhiều sự khó dễ khiến có phen ông ta đã muốn bỏ ra đi. Đã thế ông ta còn bị người Hòa-lan gây sự, ngăn cản trên con đường hàng-hải qua Á - châu và trong các việc tiếp-tế thực-phẩm. (Như trên đã nói Anh và Hòa-lan đã học-hặc với nhau về quyền-lợi ở Á-châu rồi vào năm 1652 đôi bên đã đo gươm thử súng. Sau Hòa-lan thua trận bên Âu-châu phai ký hiệp-uớc Westminster, nhờ vậy mà người Anh đã được dễ thở trong một giai-đoạn, nhưng mười ba năm sau (1665) dưới đời Charles II (vua Anh) cuộc xung-đột lại tái-diễn từng hồi và mặc-dầu Anh-Hòa ký hiệp-uớc thứ hai là hiệp-uớc Brida, tàu Anh qua Đông-Ấn bấy giờ vẫn có nhiệm-vụ chiến-tranh và năm 1674 công-ty Anh đã bán tại Luân-đôn nhiều hàng-hóa đã tịch-thu được ở một số tàu Hòa-lan bại trận bị bắt. Năm 1677 người Hòa-lan xúi-dục người Chà-và đánh phá trụ-sở của Anh ở Bantan và giết chết người chỉ-huy ở đây. Xin nhớ rằng thương-điểm của Anh ở Bắc-hà thuộc về trụ-sở này. Tóm lại, tuy ngấm-ngấm nhưng sự thù - nghịch giữa hai quốc-gia này vẫn kịch-liệt. Khi người Anh đến lập nghiệp ở Kê-chợ năm (1683) thì Hòa-lan đã có mặt tại đây từ lâu. Họ cạnh-tranh với các thương-nhân ngoại-quốc, (Bồ-đào-Nha, Pháp, Trung-hoa) ở thủ-đô của nhà Lê có phần dễ-dàng hơn ở Hưng-yên.

Trong lúc này tại Anh-quốc ông Gyfford đã bị dèm-pha và bị thay-thế, một số người khác tới đã không tiến-bộ lại còn hề-hối hơn vì vậy mà cuộc thương-mại của Anh không phát-triển được tới mức mong-muốn. Nội-bộ đã lung-củng, bên ngoài người Hòa-lan, người Bồ kê cả giới Công-giáo hay không Công-giáo cũng bày đủ trò để phá họ. Thêm vào đó vua quan Việt-nam cũng không tỏ ra đứng-đắn và sòng-phẳng về tiền bạc trong việc mua bán. Điều cuối cùng này không riêng làm đau khổ cho người Anh mà thôi ở xứ Bắc. Sử sách nào cũng có ghi chép điều đó. (*Việt-sử tân-biên trang 197-198, đã có nói tới những sự than phiền của các nhà buôn Âu-châu về sự kiện trên đây*).

Tới năm 1697 thì Anh đóng cửa hàng, ba năm sau đến lượt Hòa-lan kiên-tâm hơn cũng phải cuốn gói, tuy vậy vào đầu thế-kỷ-sau (cho tới 1720) tàu buôn của họ vẫn thỉnh-thoảng đi lại xứ Bắc để giao-dịch từng chuyến một.

Bồ Kê-chợ, Anh đến làm ăn ở Nam-hà. Ngày 18-8-1695 tàu « *Delphin* » hạ neo ở cù-lao Chàm. Thuyền-trưởng Thomas-Bowyear đến trình chúa Nguyễn (Minh-vương) bức thư giới-thiệu do Nathaniel Higginson giám-đốc thương-mại của Anh ở bờ biển Coromandel (Ấn-độ) ở vịnh Bengale và Sumatra thay mặt Anh hoàng thảo ra. Trong thư này người Anh nhấn-mạnh rằng nơi nào người Anh đến buôn bán cũng giữ được sự đứng-dẫn, công bằng, hòa-bình và không có tham-vọng chiếm đất của các nước bạn. Họ còn nói rằng họ đến làm ăn không phải kiếm lợi riêng cho họ mà còn đem lại cả sự thịnh - đạt cho bản quốc. (!) Đối với người Anh bây giờ họ mới chỉ có ý làm một cuộc thí-nghiệm ở Nam-hà và Bowyear là người được cử đến để nghiên-cứu mọi khả-năng giao-dịch với xứ này. Chủ-nhiệm Higginson yêu cầu chúa Nguyễn cho một danh sách các thổ-sản, hóa-vật và giá cả. Nếu mọi điều-kiện được thuận-lợi và dễ-dàng, Anh sẽ đặt thương-điểm ở đây...

Ngày 20-8 Bowyear không thấy người Việt ra giao-dịch, ông ta phải đồ bộ. Ngày 22-8, chính viên quản-lý của ông ta phải đi tới Hải-phố để đệ-trình ủy-nhiệm thư lên các quan ta cùng các tặg phẩm. Các quan ta xuống khám tàu và chỉ-định nơi cho tàu đỗ. Ngày 4-10, Bowyear đi Huế để vào triều kiến Minh-vương. Lúc này chúa đi nghỉ, Bowyear phải chờ và lợi-dụng khoảng thời giờ trống rỗng này để dịch các đề-nghị ra tiếng Bồ, rồi tiếng Bồ dịch ra tiếng Việt. Ngày 2-11, ông ta gặp Minh-vương. Khi về trú-quán, Minh-vương cho đưa tới ông ta 10.000 đồng tiền, một con heo, hai bao gạo, hai vại cá mận và hai lu rượu.

Nhưng cũng như ở Bắc-hà, chúa Nguyễn và đám đình-thần cũng không có một chính-sách thương-mại và ngoại-giao đàng-hoàng, (tuy cũng có tặg phẩm gửi biếu vua Anh là gỗ Trầm hương, 300 tấm lụa và các thứ gỗ quý) cùng một bức thư lời lẽ đẹp-đẽ). Ngoài ra, bình như người Anh không thấy người Nam có đảm-bảo chắc chắn cho cuộc doanh-thương của mình nên sau đó họ không vào trao đổi hàng hóa với dân ta nữa.

Việc giao-thương giữa người Pháp với nước ta thế nào ?

Theo cuốn *Kỷ-ức-lục* và thư-tín về Bắc-kỳ (*Mémoires et lettres du Tonkin*) của F. Martin thì tuy người Pháp đã có qua-

lại nước ta ít nhiều trước khi họ đến lập-nghiệp ở bờ biển Coromandel (bờ biển Đông-Ấn thuộc vịnh Bengale), họ thấy người Hòa-lan và Anh-cát-lợi bị nhiều sự bực đãi của chính-quyền bản địa (Bắc-hà) nên một thời họ đã chùn lại. Vấn-đề Đông-dương, do đó đã bị chìm đi tới 1744. Trong lúc này (1723) thương-điểm của Pháp đặt tại Quảng-đông do La Brestèche trông nom chỉ chăm-chú vào các hoạt-động của công-ty Pháp ở Ấn-độ. Và chẳng lúc ấy các nhà buôn Âu-châu đang đổ xô cả vào nước Tàu là một thị-trường khá rộng lớn cho họ thả sức khai thác rồi. Tuy vậy vào giữa thế-kỷ XVIII, một thương-gia Pháp tên là Rothé đã từ Quảng-đông gửi đến triều-đình Huế một nhân-vật tên là Jacques O'Friell để nghiên-cứu tình-hình kinh-tế ở Nam-hà và xin phép mở cuộc thương-mại ở đây. Friell sau khi đến Nam-hà đã qua Pondichéry gặp Rothé và Dupleix là Toàn-quyền của Pháp ở nhượng-địa này (Rothé là người trang-bị vũ-khí cho các tàu buôn của Pháp hồi ấy). Friell có ý muốn lưu-ý Dupleix về những quyền-lợi tốt-đẹp có thể mở mang được ở nước ta. Tuy vậy, hoàn-cảnh của Pháp bấy giờ chưa thuận-lợi cho sự phát-triển kinh-tế qua nước Nam rồi tới năm 1750, xảy ra việc các giáo-sĩ Pháp bị trục-xuất khỏi xứ này. Nguyên do một nhà buôn Pháp là Pierre le Poivre đã bắt đi một người Việt trước đó là thống-ngôn của hãn ta. Hãn nghi rằng người Việt này đã âm mưu phá hoại cuộc giao thương của mình ở Nam-hà. Dupleix được tin này vội triệu giám mục Bennetat đang hoạt động ở Huế về Pondichéry rồi nhờ giám mục qua đảo Pháp-quốc (Ile de France) mang người Việt kia về Nam-hà kèm theo bức thư đệ lên triều đình Huế đề xin lỗi và xin tiếp tục việc giao thương. Bức thư ấy viết vào ngày 17-5-1753 đã thu lượm được nhiều kết-quả: Các giáo sĩ được trở lại và công ty Đông-Ấn của Pháp được phép đặt thương-điểm ở Cửa Hàn (Tourane). Nhưng việc buôn bán của Pháp lúc đó ở nước Nam xét ra chưa có gì to tát rồi bốn năm sau lại bị triệt hồi và cả giám mục Bénnectat cũng bị trục xuất lần nữa. Ngoài ra từ 1761 đến 1763 Pháp mất hãn địa vị ở Ấn-độ vì vua Lu-Y XV bỏ rơi nhượng-địa này. Pháp bị người Anh đánh đuổi nên sau hòa-ước Ba-lê ký vào năm 1763 Pháp phải nộp đất đai chiếm được ở Ấn-độ cho người Anh và từ đó Anh nắm hết nước Ấn để làm một thuộc-quốc sau này lại thôn-tinh cả Miến-điện. Hai thuộc-địa này đã làm cho Anh thành một đế-quốc vĩ-dại đặt dưới quyền của nữ-hoàng Victoria (sự kiện lịch-

sử này đã được ghi vào năm 1886). Xin nhắc rằng công-ty Pháp ở Ấn-độ được thiết-lập từ năm 1719 và là sự hợp nhất của công-ty Tây-phương của Law với cựu công-ty. Đông-ấn do Colbert là Tổng-trưởng tài-chính của Pháp-hoàng Lu-y XV. Công-ty này cũng như nhượng địa Pondichery đã do Dupleix và La Bourdonnais quản-trị và đã đồ máu nhiều lần với người Anh như trên đã nói. Có sách nói rằng công-ty này bị giải-tán vào năm 1770.

Việc giao dịch giữa các thương-diểm Pháp ở Ấn-độ với Đông-dương bị ngừng cho tới năm 1776 — Sử-gia C. B. Maybon nói rằng những mối liên-quan thương-mại của người Pháp ở Việt-nam đã được đặt ra kể từ ngày có vấn-đề truyền-bá đạo Thiên-chúa ở Á-châu. Điều này do tài-liệu của *Hội truyền-giáo ngoại-quốc* kể ra. Theo Hội này thương-cục đầu tiên của Pháp được sáng-lập ra là để chuyên-vận các nhà truyền giáo vì người Bồ-đào-Nha cũng như người Hòa-lan thuở bấy giờ rất đố-ky người Pháp trên mọi phương-diện. Nguyên-nhân rất rõ-rệt bởi Viễn-đông đang là một miếng mồi ngon; quốc-gia Tây-phương nào cũng muốn giành riêng cho mình. Như thế thì dầu muốn dầu không Pháp phải tự-lúc, phải lập nên ngành hàng-hải như các lân-quốc vì dùng đường bộ qua Viễn-đông thuở ấy thì gian-lao, vất-vả vô cùng. Việc này khởi vào ngày 15-4-1660 do Fernandei một nhà cung-cấp vũ-khí ở thành Rover đề ra (lập một hội buôn) với một số vốn là 20.000 *livres* để đóng tàu bè và 140.000 *livres* để mua hàng. Thủ-tướng và giáo-chủ Mazarin đã ủng-hộ nhiệt-liệt vụ này. (Dưới đời vua Lu-y XIV của Pháp). Tóm lại vì mục-dịch truyền-giáo nhiều hơn cả mà người Pháp đã lập các hội buôn, ngành hàng-hải qua Việt-nam bấy giờ. Rồi nhiều vị thừa-sai đã được tàu bè của Pháp đồ-bộ vào bờ biển nước Nam và nước Tàu. Những người bỏ tiền ra lập hội buôn chỉ yêu-cầu các vị giám-mục trông-nom sao cho khỏi sự phiền-thủ tiền bạc của hội và sổ sách có kể-lóan phân-minh mà thôi. Hội buôn mới này sau lại liên-kết với hai hội buôn khác cũng của Pháp ở Đông-dương và ở Madagascar đã ra đời từ năm 1642 để bành-trướng việc giảng-đạo. Hai bên ký hợp-đồng với nhau rồi người ta đóng thêm chiếc tàu St. Louis tại Hòa-lan. Người Hòa được biết dự-định của Pháp liền tính cách ngăn trở cuộc khởi-hành của tàu này. Tuy vậy sau sự lờ-thối này tàu vẫn ra khơi được (Texel) ngày 19-12-1660 thì bị bão đánh vỡ. Việc này cũng không làm nản lòng Giám-mục Pallu



THẾ - TỬ CẢNH

麻離根師船泊廣南沱漢茶山漢言有國書求

通請得瞻觀省臣以聞

帝問戶部侍郎陶穀富曰觀彼情辭恭順當納之否

對曰彼外國人情偽亦未可知臣以爲姑聽
米京而謂于商船公館派員款待以觀米意
內閣侍郎黃剛奏曰彼國巧譎萬端當拒絕
之若一客受邪遣後世慮古人閉玉關謝西
域禦戎謀爲得策

帝曰彼遠隔重洋四萬餘里今仰慕朝廷威德而來
奈何拒絕示人以不廣乎乃命陶穀富與吏部侍郎
察伯秀作爲前船屬員就處勞問既至船

長稱病不見我使通言來探彼亦令人答謝
卽日揚帆而去致富等以奏且言彼仁來仁
去殊無禮義

帝批示云來者弗拒去者弗追中施禮法何貴外夷

Trang 3 quyền 168 nhị kỷ của bộ ĐẠI NAM THẬT LỤC CHÍNH BIÊN có ghi những chi-tiết về phái đoàn EDMUND ROBERTS đến Việt-Nam.

(Bản khắc này do Văn-hóa Nguyệt-san cho mượn)

圖縣十二隋 四壺永北第



Lô 6. - Kinh Bắc thừa tuyên tứ phủ
nhị thập huyện đồ (1490)

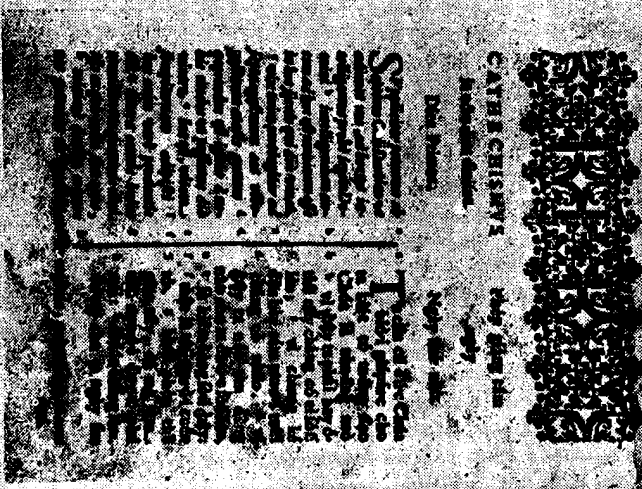
KINH - BẮC

(Bản khắc này do Văn-hóa
Nguyệt-san cho mượn)



14. Portrait du Père A. de Rhodés — 15. Première page du catéchisme latin-annamite.

Chân dung
Cố ALEXANDRE DE RHODES



Trang đầu quyển « CATHECHISMUS »,
sách giảng đạo của A. DE RHODES, ấn hành
tại La-Mã năm 1651 bằng La-Tinh và Việt-ngữ.
(Bản khắc này do Văn-hóa Nguyễn-san cho
mượn)

Sau chiếc tàu Pháp đầu tiên vượt sông Hồng-hà vào xứ Bắc nam (1669) đã đưa Giám-mục La Iotte Lambert hai vị thừa-sai De Bourgs và Bouchard. Lúc này về thương-mại không rõ người Pháp có lợi gì không, còn về việc truyền-giáo thì không tốt đẹp là bao nhiêu. Ở Bắc bấy giờ đang có việc cấm đạo tuy không bạo liệt nhiều như trước nhưng vẫn còn có những vụ bắt bớ giáo-sĩ một cách lê-tê. Tỉ-dụ Giám-mục Deyder tới đất Việt từ năm 1666 phải giảng-đạo một cách lén-lút, khi gặp giám-mục La Motte Lambert, người có khuyên cần phải khôn ngoan bởi khi tàu đổ bộ các quan ta bao giờ cũng xuống khám. Trên tàu bảo chỉ có một tu-sĩ đề làm tuyên-uy cho thủy-đoàn mà thôi. Sau người Hòa-lan tố-cáo, các quan ta lại xuống tàu xét lần nữa. Nhờ có một vị quan nội-giám theo đạo Công-giáo nói với chúa Trìuh-Tráng rằng đặt việc liên-lạc thương-mại với người Pháp là điều có lợi, tình-thế mới êm..

Bàn về việc đặt cơ-sở thương-mại và truyền-giáo ở Việt-nam thuở đó, người ta phải nhận rằng Giám-mục Pallu là người tích-cực và kiên-nhẫn hơn cả. Mặc dầu gặp nhiều trở lực ở quốc-nội (nước Pháp) cũng như ở nhiều địch-thủ của Pháp như Hòa-lan, Anh, Bồ-đào-Nha, Tây-ban-Nha, Giám-mục không bao giờ rời bỏ chí nguyện của mình.

Luôn luôn giám-mục tuyên-truyền rằng đặt cơ-sở thương-mại ở Viễn-dông sẽ có lợi cho thanh-thế của Hoàng-đế nước Pháp, cho quyền-lợi kinh-tế của xứ sở và sự truyền-bá đạo Thiên-chúa của Giáo-hội Pháp. Giám-mục đã viết thư cho Thượng-thư Colbert đề giải bày ý-kiến này đề Colbert vận-động với các nhà cầm-quyền Pháp bấy giờ, hoặc đề lập một thương-điểm ở Bắc-hà hoặc ít nhất cho giám-mục mở một cuộc kinh-lý vào xứ này. Hơn thế, giám-mục còn thụ xếp cả với một thương-gia Pháp là Hautmesnil người có hàm ơn với Giám-mục vào tháng giêng năm 1674 đề xin gia-nhập vào hoạt-động thương-mại của ông ta.

Ngày 20-8-1674 Giám-mục được loại-nguyên và khi lên đường, Giám-mục có sửa soạn một tặng-phẩm cho vua Lê Gia-tông, nhưng khi thuyền qua Nam-hải thì bị bão nên cả thủy-đoàn bị đánh bật vào bờ biển Phi-luật-Tân Giám-mục bị cầm tù ở đây 7 tháng và bị buộc phải về Tây-ban-Nha. Giáo-hội Pháp rất

uất-hận về hành động này của các nhà chức trách Phi. (1) Thế là Giám-mục lại thất bại phần nữa. Sau này Giám-mục được thả ra, Giám-mục lại vận động với Pháp hoàng và Giáo-hoàng để thực hiện chủ trương của mình. Lần này, Giám-mục lại được sự chấp thuận và được cấp tiền bạc để qua Á-châu.

Ngày 26-3-1681, Giám-mục lên đường. Trong lúc này nhiều tàu buôn Pháp đã qua bờ biển Malabar vào Tiêm-la và Pondichery và một tàu đi Bắc-hà tên là *Tonquin*. Tàu này cập bến Bantam ngày 28-5-1680 và đã gặp Giám-mục Deydier. Chủ tàu có dâng lên nhà vua và các vị hoàng thân nhiều tặng phẩm quý giá và bán nhiều hàng hạ giá hơn người Anh. Do việc này Pháp được lập sở buôn ở Hưng-yên. Tàu *Tonquin* trở về Bantam ngày 10-2-1681 mang theo một số tơ lụa và một số xạ-hương. Tàu đến Sarato giám-mục Pallu xin Baron cho một cái tàu khác để qua Bắc (Tàu *Président* trọng tải 300 tấn) nhưng các giám đốc cho rằng để tàu về Pondichery lấy hàng ở Coramandel và Bengale có lợi hơn. Người ta còn phê bình rằng các Thừa sai chỉ muốn lợi dụng họ cho việc truyền-giáo của mình mà không nghĩ rằng những chuyến đi như thế rất là tốn phí cho công-ty. Giám-mục trước thế chẳng được phải ở lại Tiêm-la. Trong dịp này 5 vị Thừa-sai được đi với giám-mục De Bourges qua Bắc dâng lên vua Lê Hy-tông và Trịnh-Tạc quốc thư và tặng phẩm của đức Giáo-hoàng bằng chiếc tàu St. Joseph là một chiếc tàu nhỏ có độ 10 thủy thủ.

Quốc thư của vua Louis XIV đệ lên có lời tán tụng nhà vua và chúa Trịnh đã thắng Nam-hà nhiều trận lớn và xin đặt Giám-mục Deydier cùng De Bourges bên cạnh nhà vua để lo việc giao hảo... Sau đó ban ngày chúa Trịnh-Tạc mất, Trịnh-Cần lên kế vị nhưng chưa dám công khai nhận sự truyền bá đạo Thiên-chúa trong giai đoạn này vì trước kia đã có sự ngăn cấm sự kiện kẻ trên. Nhưng Trịnh-Cần cũng có lời vỗ-về các Thừa sai và gửi bếu Louis XIV nhưng một số tấm lụa có kim tuyến thêu rồng rất đẹp. Ngoài ra tình-trạng của những giáo dân ở Bắc-hà trong dịp này cũng được một sự êm thấm tương đối.

(1) Xin nhắc rằng Phi-luật-Tân bấy giờ là thuộc-dịa của Tây-ban-Nha và Tây-ban-Nha cũng là cừu-dịch của Pháp.

Đề hiểu rõ cuộc cạnh tranh và sự kinh địch giữa Pháp và Anh thuở đó, xin nhắc lời thư viết ngày 27-12-1682 của Hodges (Willam) giám đốc của thương-điểm Anh ở Bắc như sau : « Bọn Pháp đã nhận được một chiếc tàu ở Tiêm-la ; họ tới đây (Bắc-hà) không do mục-đích thương-mại mà để dâng một bản sác bức thư nói trên được dịch rất đúng. Tặng phẩm đáng giá ít nhất 1200 livres sterling (người ta bõ còn hơn thế nữa) và các thứ đệ lên nhà vua ít ngày trước khi nhà vua chết (đối với các người ngoại quốc chúa Trịnh cũng được coi là vua) ; nhà vua đã nhận một cách lãnh đạm, và cái quà đáp lại của nhà vua Bắc-hà chỉ đáng giá khoảng 150 taels, ngoài ra lời thư của vua Bắc-hà cũng không đầm thắm lắm...

Tất nhiên trong việc này, người Anh có ngoa-ngôn. Dù sao thì Pháp cũng đã thành-công trong việc giao hảo với vua chúa Bắc-hà vì đã lập được thương-cục ở đây, điều này đã làm cho người Anh hết sức bất mãn. Tiếc rằng sau này, số hàng lấy về làm mẫu của Bắc-hà không tới được Pháp bằng tàu « *Soleil d'Orient* » và hai thương-gia Baron cùng Martin, tuy thấy việc buôn rất có lợi sau lại không đủ vốn để thực-hiện. Rồi đến năm 1682, người Hòa-lan chiếm được Bantam là một thị-trấn mà mọi nước Âu-châu tới tự-do tranh thương với họ. Anh, Pháp, Đan-mạch đều phải cuốn gói, mất cả hàng hóa và các đồ tiếp-tế. Tại đảo Java, Pháp có một cơ-sở duy nhất cũng bị tan, khiến-nại chẳng ăn thua vào đâu, do đó mà thương-cục của Pháp ở Bắc-hà cũng sụp đổ theo ..

Xem qua các việc kể trên, chúng ta thấy kể từ thế-kỷ XVII, các nước Âu-châu đua nhau qua Á-châu để khuếch-trương thương-mại, chinh-phục thị-trường ; họ tranh giành nhau các mối lợi rất là ráo-riết. Nhưng ngoài cuộc tranh giành về kinh-tế, thương-mại, họ còn tranh giành nhau cả trong việc đặt ảnh-hưởng tôn-giáo, mặc dầu họ cũng tuyên-truyền lời Phúc-âm như nhau. Các giáo-sĩ Pháp kể từ giám-mục Pallu, De Bourgs, Béryste v.v... đã tỏ ra là những tên lính cảm-tử trong sứ-mạng Thừa-sai. Sứ-mạng này đã buộc các giáo-sĩ nhiều phen phải khoác áo nhà buồn để tránh khỏi những trở ngại về phía các vua chúa ta (giáo-sĩ Hainques bỏ tiền mua gạo đi các tỉnh để phát chẩn trong khi dân ta bị nạn đói rồi nhân dịp này tới thăm các tín-hữu từ lâu mất liên-lạc. Giám-mục Béryste đến Bắc-hà với danh-nghĩa một nhân-viên của công-ty Ấn-độ và nhiều

giáo-sĩ khác ở Bắc - hà bấy giờ đều lấy hình-thức thương-nhân cả...)

Mặc dầu tới nay còn thiếu nhiều yếu-tố rõ-rệt, người ta vẫn có thể kết-luận rằng đại-diện cho thương-mại Pháp ở nước Nam bấy giờ hầu chỉ có các giáo-sĩ mà thôi, bởi cuộc phát-triển kinh-tế, thương-mại của Pháp thuở ấy còn quá yếu ớt so với liệt-cường.

Cũng nhân nói về việc buôn bán của người Âu-châu ở nước ta, ta còn phải kể họ đã làm những việc gì khác từ năm 1620-1674 ở Nam và ở Bắc-hà nữa.

Tại Nam - hà, con cháu chúa Nguyễn - Hoàng đã được người Bồ-đào-Nha giúp đỡ về phương-tiện kỹ-thuật chiến-tranh. Một người lai Bồ là Jean de la Croix tới Nam-hà trước các giáo-sĩ dòng Tên lập một xưởng đúc đại-bác tại một phố ở Huế đến nay còn được nhắc nhở bằng cái tên phường « *Thợ đúc* ». (Hồi 5 tháng 7 năm 1885 có vụ đánh thánh Mang-cá người ta còn thấy một số đại-bác có khắc tên Jean de la Croix).

Các chúa Trịnh cũng có ý vượt-ve cả người Bồ để họ tới giúp mình như họ đã giúp chúa Nguyễn hay giúp người Minh đánh nhau với người Mãn - thanh. Buổi đầu, người Bồ vào đất Bắc đã bị coi là gián-điệp (theo lời giáo - sĩ Baldinoti là người được người Bồ đem vào đất Bắc). Vua Lê bắt họ phải thề là đến với nhà vua có tình-cách thân-hữu chứ không do công-tác bí-mật của Nam-hà và yêu-cầu họ đừng trở lại địa-phương này nữa. Giáo-sĩ A. de Rhodes cũng kể lại rằng các nhà cầm quyền ở Bắc-hà mỗi khi thấy người Bồ tới thì vui vẻ lắm bởi chúa Trịnh-Tráng luôn luôn thỉnh-cầu người Bồ giúp mình trong cuộc tranh-chấp Nam - Bắc, nhưng sau Trịnh-Tráng thấy người Bồ không dám dút tình với chúa Nguyễn thì dần nhà chúa chán-nản trông thấy.

Về phía chúa Nguyễn cũng không khỏi có sự hoài - nghi đối với người Bồ do đó vào năm 1646 giáo-sĩ A. de Rhodes muốn đến với giáo-dân ở vùng Bố - chính mà ngại không dám đi. Giáo-sĩ biết rằng nếu mình vượt bức tường thành đề qua bên kia bờ Linh-giang không khỏi làm cho chúa Nguyễn hờn giận, thà cứ bất-động lại có lợi cho mình và cả cho các tín-hữu. Có lần giáo - sĩ được lệnh ra Bắc đã phải đi thẳng sang

Macao rồi mới lộn lại xứ Bắc sự chúa Trịnh biết mình đã từ Nam-hà ra thì nguy khốn. Không lợi-dụng được người Bồ, Trịnh-Tráng quay sang phía người Hòa-lan. Năm 1637, Hartsingh đến yết-kiến chúa (ngày 9-5). Chúa hỏi có phải công-ty Hòa-lan điều-định mua Cù-lao Chàm với chúa Nguyễn chăng? Hartsingh phải cực-lực cải-chính rằng tin này hẳn là của người Bồ tung ra để ly-gián Chúa với họ. Chúa còn hỏi người Hòa-lan đến nước Nam do mục-dịch thương-mại hay có tham-vọng đất đai. Khi bàn đến việc người Hòa có thể giúp Bắc đánh Nam không thì Hartsingh chỉ ậm-ừ, nói rằng việc này còn tùy nơi Hội-đồng Batavia bởi ông ta không có thăm-quyền gì về chính-trị hết.

Năm 1641 tàu Hòa-lan tên là Mecrman lại đến xứ Bắc, Trịnh-Tráng cho ngay một số thuyền con ra đón để đưa người Hòa-lan vào Kẻ-chợ. (Vì tàu lớn không vào được cửa sông Nhị-hà bấy giờ). Ngay hôm Hartsingh tới Kẻ-chợ ông ta được chúa Trịnh tiếp ngay nhưng vẫn không dám cam-kết gì về vấn-đề kể trên. Thực ra thì Hartsingh đã được chỉ-thị của Batavia là đừng hứa-hẹn gì với các nhà cầm-quyền miền Bắc bởi Hòa-lan đang có cuộc giao-thương với miền Nam. Chúa Trịnh đành chỉ nhờ ông ta mang về cho Hội-đồng Batavia hai bức thư : Một của vua Lê Thần-tông, một bức của thái-tử con Ngài. Nội-dung của hai bức thư vẫn là nhắc lại lời yêu cầu Hòa-lan giúp nhà vua đánh chúa Nguyễn trước đây. (*xin coi V. S. T. B. quyền 3 trang 133*).

Vài tháng sau một tàu lớn của Hòa-lan ghé vào xứ Bắc, chúa Trịnh-Tráng nhân dịp này gửi thư cho giám đốc thương-cục của Hòa-lan là Paulus Traudenius yêu cầu nhận vài tặng phẩm của chúa và ngỏ ý muốn gửi sứ thần Bắc-hà qua Batavia.

Năm sau tàu Hòa-lan mang một phái đoàn của chúa Trịnh đi Batavia có ghé qua Hải-phố (Faifoo) và đã đề sơ hở do đó mà chúa Nguyễn biết có người của Bắc-hà ở trên tàu. Trong dịp này chúa Nguyễn đang cầm tù một số người Hòa-lan như ta đã biết. Một người trong bọn này đã điều-định với thuyền trưởng Van Liesvelt đem nộp sứ-đoàn Bắc-hà để chuộc họ ra nhưng Van Liesvelt cực lực phản đối.

Bị kẹt giữa chúa Nguyễn bấy giờ là Công thượng-vương và Trịnh-Tráng, Van Liesvelt chỉ lấy lời nói khéo để xuê-xoa

câu chuyện cho qua. Ngày 26-4-1643 hai chiếc tàu «*Kievit* và «*Nathlegaels*» đến xứ Bắc vào lúc chúa Trịnh đang mở cuộc Nam chinh nhưng chúa đã được tin tàu đến liền gửi thư cho giám-đốc thương-cục Hòa-lan là Bronckhorst xin gửi ngay cho hai chiến hạm và thêm chiếc thứ ba nữa là Woeclende Boode lúc đó đang có mặt ở xứ Bắc, lại yêu cầu cho viên phó chủ nhiệm thương-cục tên là Isack Davits chỉ huy hạm đội tại sông Gianh Bronckhorst làm lơ do đó la thấy vua Lê Thần-tông ngày 19-8 năm ấy đã gửi thư qua Batavia đề lộ lòng bất mãn. Nhà vua nói rằng vì hạm đội của Hòa không tới trợ lực nên Ngài phải bỏ cuộc. Rồi cũng bởi chuyện này người Hòa-lan đã bị Nam-hà khinh-miệt, mà Bắc-hà thì tức giận. Một điều phiền phức thêm cho người Hòa-lan là bấy giờ 5 người trong bọn họ có nhúng tay vào vụ bán vũ-khí cho nhà Mạc ở Cao-bằng đang bị nhà Lê cầm tù khiến họ phải e-dè sự bất bình của nhà vua, bề khác người Hòa cũng có sự căm hờn đối với Nam-hà đã ngược đãi một số đồng bào của họ. Như vậy dù muốn hay chẳng họ vẫn phải ra tay. Cuối năm 1643 ba chiến thuyền lớn của họ dưới sự điều khiển của Pierre Baeck từ Sumatra đã tiến vào hải-phận của Nam-hà. Tức thì họ gặp ngày 60 chiếc chiến thuyền của chúa Nguyễn do thế tử Nguyễn Phúc-Tần (sau này là chúa Hiên) cầm đầu. Cuộc xô-xát bắt đầu. Chiếc tàu chỉ-huy của Hòa-lan là chiếc lớn nhất và nặng nề nhất liền bị chiếc thuyền có bơi chèo tiến sát lại đập tan được bánh lái, phá được cột buồm và bám chặt vào sườn. Viên thuyền trưởng Hòa chống đỡ không nổi, mà tháo chạy cũng không xong phải nổi lửa đốt kho thuốc súng cho tàu cháy và tự vẫn. Hai chiếc chiến hạm khác nhẹ nhàng hơn bỏ chạy được ra ngoài khơi. Theo giáo-sĩ A. de Rhodes một trong hai chiếc tàu này bị đuổi riết quá đã va phải mỏm đá ngoài khơi rồi vỡ, còn chiếc kia thoát khỏi. Vua Lê nghe tin Hòa-lan thất bại, giận lắm ra lệnh không cho chiếc tàu này vào bất cứ một cửa biển nào của Bắc-hà và cấm cả việc tiếp-tế.

Theo giáo-sĩ Vachet chiến-trường bấy giờ là Cửa Hàn một chiếc tàu của Hòa đến đây ngừng lại, hai chiếc khác chờ nước triều lên để vào một trong hai con sông, chỉ có 6 chiếc thuyền có tay chèo của Nam-hà ra ứng chiến mà thôi. Các chiến thuyền này đã chặn được 2 chiếc của Hòa còn chiếc thứ ba bỏ chạy được. Về phía chúa Nguyễn còn thêm phản-ứng nữa: Chúa

oho tịch thâu thương điểm của Hòa-lan tại Nam-hà, đốt sạch các hàng hóa và đem trên 30 chục nhân viên của thương điểm ra xử tử nhưng các quan cản ngăn nên số người Hòa-lan này được thoát chết, năm sau họ bị đuổi hết về Batavia và do thuyền buôn của người Trung-quốc.

Bản về nguyên nhân cuộc xung đột này, theo tờ trình của Bowyear thì chúa Nguyễn đã cho quan khám xét tàu Hòa-lan xem có người Bắc-hà ở đây không hoặc có người Nam-hà nào định ra khỏi xứ. Chủ tàu Hòa-lan không chịu vì thế mà hai bên đánh nhau. Theo nguồn tin khác thì thủy thủ Hòa-lan có sự bất hòa với một số người Việt ở Cù-lao Chàm rồi có bắt một ít người Việt đi. Việc này có thấy công nhận trong một tài liệu của Hòa-lan. Giáo-sĩ Vachet thì nói rằng trước đó có vụ người Hòa-lan giết một công nhân người Việt rồi chính quyền Việt thẳng tay trừng trị người Hòa-lan nên mới có vụ xung đột kể trên.

Có sử gia Pháp cũng cho rằng không thể tin rằng có việc người Âu-châu thương cho các chúa Trịnh hay Nguyễn mượn chiến hạm trong cuộc nội-chiến tuy rằng có việc người Bồ đào khi đã trợ lực cho thủy quân Nguyễn. Thực ra các chúa chỉ cần mua vũ-khí và đạn dược mà thôi (đại bác, thuốc súng và diêm-sinh). Tỉ-dụ năm 1678 vài nhà buôn Anh đã điều đình với chánh quyền của họ ở Bantam gửi thợ đúc dầy nghề cho Bắc-hà và phải nói rằng người Việt rất có tài trong kỹ nghệ này nên họ chẳng cần đòi hỏi gì hơn. Ngay đến việc mua vũ khí, nhà vua cũng tỏ ra khó tính. Hồi người Anh bán 6 khẩu đại bác, nhà vua đã không nhận 2 khẩu có dấu vết ở chỗ nối đầu ngọn súng. Sau hai khẩu này người Anh phải đem về bán cho ông tiều vương ở Bantam. Năm 1680 người ta thấy có vụ đòi đại bác lấy lượ. Năm 1689 hai chục khẩu đại bác đem đến bán ở Bắc-hà đã bị loại tới 13 khẩu.

Ở Nam-hà, chúa Nguyễn cũng rất thích trọng-pháo của Âu-châu do đó việc người lai Bồ là Jean de la Croix mở xưởng đúc ở Huế trước 1615. Năm 1695 Minh-vương yêu cầu Bowyear tiếp tế cho một số đại-bác đạn từ 7 đến 8 livres. Poivre có trông thấy quanh phủ chúa 12 khẩu đại-bác bằng đồng đỏ ngoài các thứ súng cỡ khác của Bồ-đào-Nha và Tây-ban-Nha. Một số do các nhà buôn làm quà cho chúa Nguyễn do công ty Jêsus bằng tiền của quỹ thành phố Macao.

Bây năm trước công-ty Pháp ở Ấn-độ do nơi giám-mục Metellopolis đem tới cho chúa 2 khẩu không kè những chiếc đã vớt được ở các tàu bị bão đánh tạt vào bờ hay ở các tàu bị hư hỏng đã cập bến Nam-hà mà Pierre le Poivre đã nói tới, nhất là các tàu thuộc đạo quân từ Phi-luật-tân gửi đến cứu vua Cao-mên vào cuối thế-kỷ XVI khi Mên bị Tiêm-la uy-hiếp.

Đề kết-luận về tình-hình thương-mại trên đất Việt, ta có thể nói rằng việc thương-mại của xứ ta đã do người Trung-quốc, Anh, Hòa và các nước Tây-phương điều-động. Hàng năm họ đi lại để mua sản-phẩm của ta và bán sản-phẩm của họ. Họ thường bán cho ta bạc, diêm-tiêu, dạ, vải sơn, đồ gia-vị. một số đại-bác nhưng súng tay được chuộng hơn. Nước ta lúc này nghèo, các nhà buôn ngoại-quốc thường phải chờ ba bốn tháng mới có hàng mà họ phải trả tiền trước mới có. Nhà vua mua các đại-bác và ít tẩm dạ nhưng các vua chúa không có một chánh-sách kinh-tế và không có tổ-chức đảng-hoàng về thương-mại nên đã không khai-thác được đầy đủ cuộc giao-thiệp với người ngoài để cứu-vãn tình-trạng nghèo nàn của nhân-dân. Có lẽ bấy giờ hai triều-đình Nam-Bắc chỉ để hết tâm-lực vào việc nội-chiến nhiều hơn cả. Lại nữa, bị ảnh-hưởng của cái học nặng về từ-chương cử-ngiệp, rồi quá thiên về thuyết Thiên-mệnh, Định-mệnh người Việt chúng ta thiếu sót hẳn, những ý thức thực-tế nên từ Vua, quan đến thứ dân không ai gây nổi một nền thực học là căn-bản của cái thuật phú-quốc cường-dân. Thật đáng tiếc lắm thay !

Phần thứ Ba

CHƯƠNG I

CUỘC CHIẾN ĐẤU CUỐI CÙNG GIỮA TÂY SƠN VÀ NGUYỄN

Chiến cuộc giữa Tây-Sơn và Nguyễn-Ánh

(Thời trung hưng của họ Nguyễn)

Bàn về cuộc quật khởi của Nguyễn-Ánh, người ta không thể quên kẻ đã đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc quật khởi này là Giám-mục Bù-đa-Lộc.

Sử sách của ta đã ít nói đến diêm họ Nguyễn và vị Giám-mục này gặp gỡ nhau trong những trường-hợp nào. Theo các sử-gia Pháp người ta có thể biết đại khái là hai người đã quen biết nhau khi Huệ-Vương và Nguyễn-Ánh bị Tây-Sơn đánh bật khỏi Sài-côn rồi chạy mấy phen ra đảo Phú-quốc do cuộc truy-kích của tướng Nguyễn-Lữ.

Bấy giờ Mạc Thiên-tử là lực-lượng duy nhất ở miền Nam của họ Nguyễn cũng đã lánh qua Cao-Mên. Từ đã hết lòng giúp họ Nguyễn từ năm 1776 để khôi phục lại cơ-đồ nên trước khi Ánh lên đường lưu vong, có thể đã gặp Giám-mục trên đất Mên.

Sử của ta nói tháng 7 (tức 29-7 — 27-8-1783) giữa lúc bọn đào Nguyễn-Ánh có cho người lời Chantaboun kiểm Giám-mục và Ánh đã từng gặp Giám-mục ở Mên cũng như ở Nam-Việt. Rồi Ánh yêu cầu Giám-mục qua Pháp cùng với con mình và một vài thân-thần để xin cứu-viện.

Có chỗ chép rằng ngay năm 1780 là lúc Ánh xưng Vương ở Gia-định, chính Giám-mục đã đề ra với chúa Nguyễn việc xin

Hoàng-đế nước Pháp viện-trợ. (Các thư của Giám-mục viết vào ngày 26-7-1776 và của giáo-sĩ Leclerc đề ngày 5-6-1776 tại Cần-cao nói rõ về tình trạng của Nguyễn-Ánh trong giai-đoạn lịch-sử này. Xin coi *Nouvelles lettres édifiantes*, chương VI trang 294). Theo chúng tôi, có thể trong cuộc gặp-gỡ giữa những ngày đen tối, cả hai đều bàn đến vấn đề ngoại-viện vì lúc này họ Nguyễn đang hoàn-toàn thất thế. Nếu Ánh bám víu vào triều-đình Tiêm-la thì cũng có thể Ánh nghĩ đến việc nhờ vả bất cứ một nước Tây-dương nào. Mà Giám-mục Bá-đa-Lộc nhiệt thành vào việc giúp đỡ Anh không ngoài thâm ý đào tạo một hoàng-đế có cảm tình để dễ phát triển Thiên-chúa giáo sau này.

Vậy nếu Giám-mục chưa quen Nguyễn-Ánh vào hồi Ánh đánh chiếm Sài-còn lần thứ nhất (1780) theo sử-sách của người Âu-châu thì cũng có thể Ánh đã tiếp-xúc với Giám-mục vào kỳ đánh chiếm thứ hai vì hồi tháng 9, 10 năm 1777 Ánh đã tị-nạn tại một khu rừng gần chủng viện (trường đào tạo các giáo sĩ và thầy giảng của Công-giáo) của Giám-mục, rồi Giám-mục đã từng giúp Ánh gao nước, lương-thực qua sự trung-gian của linh-mục Paul Nghi. Giám-mục còn tìm đường cho Ánh tẩu thoát ra cù-lao Poulo-Panjang nữa.

Về phần Mạc Thiên-tứ hồi đó cũng thấy đại-cục của họ Nguyễn không còn gì nên cũng lánh mình ra đảo Phú-quốc và quanh biên-giới Tiêm-la. Có lần Tây-Sơn cho người đến chiêu dụ nhưng Từ từ chối sau vua Tiêm-la là Phya Tak (Trịnh Quốc-Anh) mời, Từ mới qua Băng-cốc với một số thân nhân của Ánh là Tôn Thất-xuân (1) cùng với mấy người con trai. Tại đây Từ gặp sự không may là có vài cận thần của vua Tiêm ghen ghét, dèm pha. Vua Tiêm-la lại là người có người có tính đa nghi, rồi có kẻ đã sàm-tấu nhà vua rằng một chiếc tàu của Tiêm đi giao-thương ở Quảng-đông đã bị người của chúa Nguyễn ở Hà-tiên đánh cướp. Lúc này họ Nguyễn cho sứ-giả đến Băng-cốc. Sứ-đoàn bị tổng giam liền. Lại một tên Mên gây thêm sự hoang-mang bằng câu chuyện Mạc Thiên-Tứ và Tôn Thất-xuân mưu với Nguyễn-Ánh đánh chiếm thủ-đô Tiêm-la. Việc này xảy vào năm 1780. Mạc Tư-Duyên là con Mạc Thiên-tứ phản đối kịch liệt việc vu-khống này bị vua Tiêm-la đem giết liền với

(1) Xuân là con thứ 17 của Vũ-vương sinh ngày 1-12-1757.

hai người con khác cũng là con của Tứ cùng một số người Việt-đang có mặt ở triều-đình Tiêm-la bấy giờ. Tứ đau buồn vì biến cố này mà tự-vẫn.

Nhưng trong khi Tứ qua Tiêm-la đề mưu-cầu sự hậu-thuần cho họ Nguyễn thì binh-tướng của họ Nguyễn vừa đạt được một vài thắng lợi. Đại quân của Tây-sơn thuở ấy cần quét xong các lực-lượng của miền Nam liền trở về Qui-nhơn chỉ để lại một quân số ít quan trọng ở Gia-định. Nguyễn-Ánh liền hợp lực với Đỗ Thành-nhân vào tháng một đánh chiếm được Long-hồ rồi lấy được cả Sài-Gôn. Xin nhắc rằng Nhơn không bôn-đào với chúa mà đã ở lại chiêu binh luyện mã ở Bình-thuận chờ cơ hội.

Đầu năm sau (tháng Giêng từ 28-1 đến 26-2-1778) Nhơn cùng tướng lĩnh suy tôn Ánh lên chức Đại-nguyên-Soái, Nhiếp Quốc-chính như *Việt-sử tán biên quyển 3 trang 353* đã nói.

Năm Canh-ti (1780) Nguyễn Phước-ánh xưng vương rồi phong cho Đỗ Thành-nhơn chức Ngoại-hữu phụ chính, Thượng-tướng-công.

Ánh bấy giờ mới 16 tuổi.

Trong năm này thành Gia-định đã hoàn-toàn thuộc ảnh-hưởng của họ Nguyễn. Tướng Tây-Sơn là Tổng-đốc Chu Tự-khẩu Ủy, quan hộ-gia Phạm-Ngạn đem thủy quân vào đánh Trấn-biên và Rhiên-trấn cùng nhiều nơi thuộc duyên hải miền Nam đều bị thất bại do cuộc chiến-thắng của đám quân Đông-Sơn là quân bản-bộ của Đỗ Thành-nhơn.

Được đà, chúa Nguyễn một mặt cho Lê Văn-quân đem binh tiến ra đánh lấy Bình-thuận và Diên-khánh, một mặt cho Đỗ Thành-nhơn, Hồ Văn-Lân đi đánh Chân-lập, lập con Nặc-Tôn là Nặc-In lên làm vua. Tướng Hồ Văn-Lân được ở lại bảo-hộ xứ này. (V. S. T. B. quyển 3 trang 353 đã nói), và bên kia Vọng-các cuộc Đảo-chính đã chấm dứt triều-dại Trịnh Quốc-anh, Chakkri lên nối tiếp cho tới ngày nay và xưng là Phật-vương (1).

-
- (1) Vua Tiêm vào tháng Một năm 1780 vì sự nghi ngờ người Việt nên cho cất ba đạo quân : một do con lãnh đạo tiến vào Oudong, một do Binh bộ thượng-thư tiến vào Angkor và một do một đại tướng xâm lăng vào tỉnh Kom-pong Sway. Tại đây quân Tiêm thắng quân Mên và tiến vào Pnom-Penh Quân Việt do Hồ Văn-lân và Nguyễn Hữu-thụy qua chặn đánh quân Tiêm. Nhưng vào khoảng tháng 4-1781 các tướng Tiêm nghe tin

Một việc đáng tiếc xảy ra lúc này trong nội-bộ của miền Nam: Trong khi Đỗ Thành-nhơn lập nhiều công lớn như đánh bại quân Tây-Sơn ra khỏi Nam-việt, bình trị được thổ dân Mên tại Trà-vinh, chinh đồn các chiến thuyền, huấn-luyện thủy-quân khiến khi-thể quân Nguyễn bốc mạnh như gió thì chúa Nguyễn-Ánh đã nghe lời dèm pha đem giết đi vào ngày 24-4 — 22-5-1781. Và nghe lời dèm pha đề giết một đại-tướng, con người Nguyễn-Ánh hẳn là đa-nghi lắm, sau này thống nhất được giang-sơn Ánh còn giết nhiều kẻ huân-thần nữa thì đủ hiểu.

Rồi sử sách (*Gia-dịnh thông giám*) của triều Nguyễn đã cố bào chữa cho họ Nguyễn về cái chết này: họ bảo Đỗ Thành-nhân đã quá cậy công, đã có ý thông đồng với Tây-Sơn đề làm phản, không tuân theo nghi lễ của triều-đình, tự chuyên mọi việc v.v... Hình như kẻ hạ độc-thủ này là Tống Phúc-thiên người cùng một sinh-quán với chúa Nguyễn (Thanh-hóa). Chúa Nguyễn liền giả vờ bị đau cho vời họ Đỗ vào đề vũ-sĩ giết đi.

Sử của người Âu-châu cho rằng cái tội của họ Đỗ chỉ là do làm được nhiều công lớn, uy thế lừng lẫy hầu làm lu-mờ cả địa-vị ông chúa trẻ tuổi (lúc này Ánh mới 18 tuổi). Trước vụ này Giám-mục Bá-đa-Lộc đã hết lời can ngăn chúa Nguyễn mà không xong. Khi họ Đỗ đã chết, chúa Nguyễn còn tính đặt điều bội nhọ thanh danh của Đỗ đề che đậy sự tàn nhẫn của mình. Giám-mục nhắc lại những lời can ngăn khi trước lại bàn cả đến mối nguy là sự tàn nhẫn thứ hai này đối với vị đệ nhất công thần sẽ làm chán nản lòng tướng sĩ và chỉ có lợi cho đối phương. Cách duy nhất có thể dẹp được lòng công-phẫn của mọi người là chôn cất kẻ xấu số vào đàng hoàng, xứng đáng với địa-vị của họ Đỗ. Chúa Nguyễn nghe theo và sự

quốc biến ở Bang-cốc. Trịnh Quốc-anh là quốc-vương bị diên vì uống phải độc được của một số quan lại mưu phản rồi, cuộc cánh mạng xảy ra ngay tại hoàng-cung. Họ liền lui quân trở về tỉnh chuyện điều-giải tình-thế. Lúc này Trịnh Quốc-anh tiến vào một ngôi chùa rồi bị giết. Viên binh-bộ thượng-thư chiếm lấy chính quyền dưới danh hiệu Phi-nha Văn-Sân (Phro-Phuti-Chao-Luang) tự xưng đệ nhất quốc-vương. Viên vương cùng đi đánh Mên với ông ta được phong làm đệ nhị quốc-vương.

Mên vừa tránh được cái nạn Tiêm-la xâm lăng thì lại bị Tây-Sơn đến đánh chiếm sau khi Tây-Sơn đã đuổi được Nguyễn-quân ra khỏi nội địa. Xứ Mên bị Tây-Sơn đóng giữ. Tàn quốc-vương là Ang-Eng được đưa qua Bang-cốc lánh nạn.

khôn khéo này quả đã làm dịu được nhân tâm một phần nào. Tuy vậy quân Đông-sơn vẫn nổi lên chống chúa Nguyễn một thời kỳ và việc này không phải là không tai hại.

Lực-lượng của chúa Nguyễn bây giờ tổ chức lại đã có tới 30.900 binh-sĩ, 80 chiến thuyền và có hai chiếc tàu Pháp do người Pháp là Manuel (Man-hòa) điều-khiển. Tháng 3 năm 1872 đại quân Tây-Sơn do Nguyễn-Huệ điều-khiển lại kéo vào tấn công miền Nam và tuy quân Nguyễn chiến đấu hăng-hải cũng vẫn thất bại. Mạn-Hòa bị vây quá phải đốt tàu mà chết trên sông Saigon. Thêm một lần nữa quân Tây-Sơn kéo vào thủ-đô miền Nam sau 4 năm, kể từ ngày phải rời bỏ xứ này.

Nguyễn-Ánh đại bại phải chạy ra ngoài biên (đảo Phú-quốc) cùng một số thân quân, Giám-mục Bá-đa-Lộc thì chạy qua đất Mên với các chủng-sinh của mình (tài liệu này lấy ở bức thư mà Bá-đa-Lộc viết cho gia-đình ngày 21-7-1782), và một số con chiến. Cuộc chống trời của Nguyễn quân tuy còn rải rác ở một vài nơi nhưng được ít thua nhiều.

Vào khoảng tháng 6 năm ấy bọn quân nhân Tàu trong hàng ngũ Tây-Sơn tại Bình-thuận làm phản chạy theo Tôn thất-Dụ và đánh tan đạo tiền-phong của Tây-Sơn.

Nhạc giận lắm hạ lệnh giết luôn mọi Hoa-kiều trong quân đội cũng như ngoài nhân dân tại Gia-định. Hơn 10.000 xác người đã bị ném xuống sông Sài-gòn làm hôi thối cả nước khiến trong một tháng dân-chúng không ai dám dùng nước ở đây. (Sự-kiện này đã được ghi-chép trong một bức thư của tu-sĩ André Tôn vào năm 1784).

Huệ thân đôn-đốc một đội quân lớn đánh quân Nguyễn lúc này đang cố tập-hợp, tan ra như xác pháo. Nhờ có tướng tá hết lòng phù trợ, Nguyễn-Ánh thoát chết rồi cho người sang cầu viện Tiêm-la. Nhưng sứ-giả của Ánh bị người Mên ám-sát vì những cuộc chiến thắng oai-lùng của Tây-Sơn đã làm cho họ quá khiếp-nhược. Ánh thất vọng chỉ còn nước lần ra Phú-quốc.

Bọn Nhạc, Huệ cũng lui về Qui-nhơn còn để lại 3.000 binh sĩ dưới quyền một tướng cũ của quân-lực Đông-sơn mới về hàng. Tướng Nguyễn là Hồ Văn-lân còn cố ở lại cầm-cự với Tây-Sơn bằng những trận du-kích tẻ-tẻ. Châu Văn-Tiếp anh em rể của Lê Văn-Quân chiêu mộ được một số quân ở Bình-thuận

cùng với Tôn Thất-Mân, em chúa Nguyễn-Ánh đánh được quân Tây-Son rồi vào đóng tại Saigon. Ánh được tin này vội-vả trở về. Giám-mục Bá-đa-Lộc vào tháng 10 năm ấy (1782) cũng trở lại Nam-việt với các con chiên của mình. Nhưng chúa Nguyễn cũng như Giám-mục vẫn không dám tin chắc rằng địa-vị của mình được vững bền lâu dài vì thế-lực của Tây-Son còn quá mạnh. Giám-mục trở về Nam chuyển này thật ra chỉ có ý trấn-tĩnh đám con chiên của mình mà thôi và Giám-mục vẫn chuẩn-bị một cuộc rút lui cho rằng sớm chầy sẽ phải xảy ra. Quả vậy, sau này quân Tây-Son lại phản công, chúa Nguyễn-Ánh lại bị đánh bật khỏi Sài-Côn và bị truy-nã ráo-riết. Giám-mục đang cho đóng tàu thì có tin chúa Nguyễn lên lút gần nơi Giám-mục trú ngụ không quá nửa ngày đường. Ánh cho người dùng thuyền qua Manille xin người Tây-ban-Nha cứu viện và mua các thực phẩm. Hai tu-sĩ dòng Franciscain nghe tin này xin liên lạc với chúa Nguyễn đề mong được trở lại với tu-viện của họ. Giám-mục Bá-đa-Lộc tuy không ưa các giáo-sĩ Franciscain (1) nhưng cũng miễn cưỡng giúp họ một chiếc tàu để họ tới với chúa Nguyễn. Lúc này Ánh ở trong một tình-trạng bối rối vì luôn luôn có tin quân địch truy-kích. Nhưng rồi các tu-sĩ này bị Tây-Son bắt được, số phận của họ ra sao sau đó không ai được biết.

Về việc này Giám-mục Bá-đa-Lộc có ghi trong một bức thư gửi về nhà rằng : « Tôi được thấy người ta kể lại rằng hai giáo-sĩ Franciscain bị giải về Nam-việt rồi con chiên bốn đạo đã bỏ một số tiền lớn ra chuộc, về sau các giáo-sĩ đó bị buộc phải rời qua Cao-mên. Sử-gia C. B. Maybon nghi rằng chính chúa Nguyễn-Ánh đã nhờ các giáo-sĩ dòng Franciscain đi Manille (thủ-đô Phi-luật-Tàn. Hồi đó người Tây-ban-Nha đã đến chiếm và làm chủ quần đảo này rồi) đề yêu cầu người Tây-ban-Nha viện-trợ. Theo nguồn tin của người Việt thì hai giáo-sĩ này bị quân Tây-Son bắt được và đem giết đi.

(1) Các giáo-sĩ dòng Franciscain này vốn là người Tây-ban-Nha. Giám-mục Bá-đa-Lộc không ưa là vì hồi đó, giáo-sĩ Tây-ban-Nha, Pháp, Bồ-đào-Nha cũng như các thương-gia của các nước Âu-Châu bởi cạnh tranh trên phương-diện nhiệm-vụ hay nghề-nghiệp đã luôn luôn xung đột với nhau. Xét ra sự-kiện này xảy ra không ngoài lý-do chính-trị. Còn chúa Nguyễn lợi-dụng các giáo-sĩ Franciscain không ngoài cơ nhờ người Tây-ban-Nha điều-dinh với người Tây-ban-Nha cho dễ hơn.

Bốn năm ngày sau chúa Nguyễn lại bị truy-kích với một số tàn binh không quá sáu bảy trăm tên. Chúa Ánh gần như không còn hy-vọng nào hết. Tâm-trạng của Giám-mục cũng uể-oẻ không kém. Giám-mục liền dùng thuyền qua Tiêm-la và tới Chantaboun vào ngày 21-8-1783.

Khoảng tháng 7 (29-7 — 27-8) chúa Nguyễn mời Giám-mục đến họp mặt (1). Giám-mục tới, chúa Nguyễn đề luôn ra chuyện nhờ Giám-mục vận-động với Pháp-hoàng giúp quân-lực cho chúa để khôi-phục lại sự-nghiệp của ông cha. Giám-mục nhận lời và xin chúa đưa ra một cái gì để làm tin đối với Pháp-dinh. Chúa cho ngay thế-tử Cảnh (2) lúc đó mới lên bốn đi với Giám-mục và trao toàn quyền cho Giám-mục quyết-định với Pháp-dinh miễn sao được viện-trợ.

Nhưng trước khi nhờ Giám-mục Bá-đa-Lộc đi cầu-cứu nước Pháp, Nguyễn-vương cùng các triều thần đã tính nhờ vả vào các nước nào khác ?

Từ đầu tháng giêng năm 1784 đến tháng chạp năm ấy, Giám-mục và Nguyễn Phúc-Ánh hai lần họp mặt tại đảo Poulo Panjang. Thụ ngày 20 tháng 3 năm 1785 của Giám-mục ghi rằng hai người thường bàn đến vấn-đề viện-trợ nói trên và nếu chúa Nguyễn yêu cầu người Anh-cát-Lợi hay Hòa-Lan chắc-chắn họ sẽ giúp ngay. Mà đúng như vậy, sử gia Launay có thấy trong

(1) Đây là lời của sử ta, còn theo Giám-mục thì ngày 21-8-1783 Giám-mục tới Chantaboun nhưng Giám-mục đã được Ánh mời đến thương-nghị hồi tháng 7 ta (29-7 — 27-8) Giám-mục có đến gặp Ánh nhưng theo chính Giám-mục đã nói ra, cuộc gặp-gỡ này có vào mấy tháng sau chứ không sớm hơn như sử nhà Nguyễn đã chép.

Giám-mục và Ánh cùng đến cù-lao Panjang ngày 6-2-1784 và ở luôn với nhau 15 ngày, liền sau đó thì Giám-mục sang vịnh Tiêm-la nhưng gặp bảy tám chục chiến thuyền của Tây-Sơn đi truy-kích lại phải quay về đảo Poulo Panjang. Bấy giờ gió mùa qua rồi, phải đợi vụ gió mùa khác trở lại nên đành cả bọn tạm trú ở cù-lao Way cách đất liền độ 60 giờ (lũy-lộ). Hai người ở với nhau từ đầu tháng 3 đến đầu tháng 12 năm ấy rồi mới chia tay. Giám mục lên đường đi Poulo Panjang đề lần ra vịnh Tiêm-La.

(2) Sử cách của triều Nguyễn vẫn thường dùng chữ « Hoàng-tử » để chỉ con Nguyễn-Vương, thiết-tưởng nên dùng chữ thế-tử là phải hơn vì hoàng-tử là con vua, mà lúc họ Nguyễn chưa dám xưng mình là vua và còn giữ niên-hiệu Cảnh-Hung của nhà Lê.

văn khố của *Hội truyền-giáo ngoại-quốc* nhiều bức thư nói đến việc người Bồ-đào-Nha ở Macao, người Hòa-Lan ở Batavia, người Anh ở Ấn-độ đã có ý giúp kẻ bại trận. Trong văn khố của người Pháp cũng có những sử-liệu phù-hợp với sự chỉ-dẫn trên đây.

Giám-mục không bỏ lỡ cơ-hội nhắc chúa Nguyễn-Anh thêm một lần nữa xin cứu nước Pháp ngay từ đầu năm 1784 là lúc ngôi sao của Anh bị lu-mờ nhất. Sau đó chúa quyết-định hẳn. Launay bàn rằng cuộc vận động Giám-mục đề ra rất là hợp-lý, hợp cả quyền-lợi của Giáo-Hội cũng như quyền-lợi của nước Pháp.

Về phía các quan văn-võ của họ Nguyễn cũng tán đồng việc nhờ nước Pháp qua nơi trung-gian của Giám-mục Bá-da-Lộc. Hơn nữa Giám-mục được toàn-quyền ký-kết thỏa-hiệp với Pháp-đình, được đưa thế-tử Cảnh qua Pháp làm con tin, được giao quốc-ấn để chính-thức-hóa cuộc thương-thuyết. Hội-đồng còn cử hai võ quan cao-cấp đi tùy-tùng thế-tử và Giám-mục cũng đề tổ lòng thành-thực của chúa trong cuộc điều-đình. Giám-mục sẽ dâng lên Pháp-hoàng một quốc-thư mang niên-hiệu thứ 50 đời Cảnh-Hung ngày 22 tháng 10.

Quốc-thư của Nguyễn-Anh gửi cho Hoàng-đế nước Pháp bấy giờ như sau :

... « Mặc dầu bản-quốc cùng quý-quốc cách xa nhau vạn dặm, nhưng tôi chắc rằng Hoàng-đế sẽ vui lòng tin-tưởng ở lòng thành-thực của tôi nên tôi mới quyết-định, sau khi đã thảo-luận với Đức Giám-mục Bá-da-Lộc để đệ lời yêu-cầu lên Hoàng-đế. Tôi gửi Giám-mục con tôi để Hoàng-đế có thể tin ở Giám-mục và để Giám-mục có thể đến triều-kiến Hoàng-đế mà xin quân cứu-viện giúp tôi trở lại bản-quốc. Được rõ các đức-linh cao-cả của Hoàng-đế, tôi lấy làm hạnh-diện Hoàng-đế sẽ tiếp nhận con tôi và thương lấy cảnh ngộ của tôi. Tôi lại hy-vọng sẽ được vui mừng một ngày kia con tôi trở lại quê nhà với sự cứu giúp của quý-quốc.

Tôi nóng lòng chờ đợi cả buổi quy hồi của Giám-mục và sẽ ghi ơn đức Hoàng-đế mãi mãi. . . (Theo bản sao bức thư bằng chữ Hán do ông De Guignes nhân-viên của nhà vua ở Quảng-đông chứng-nhận, có lưu-trữ ở văn-khố bộ ngoại-giao Pháp.

Asie 21, page 11, fol. 66). Tác-giả bản dịch cũng là De Guignes. Thư đề vào ngày 22 tháng 10 năm thứ 50 đời Cảnh-Hung, đối chiếu vào Dương-lịch là 29 tháng 11 năm 1789.

Ngày 19 tháng 11 năm ấy Giám-mục lên đường với Thế-tử Cảnh và sứ-đoàn để đi Malacca, cuối tháng 2 năm 1785 thì đến thuộc địa của Pháp ở Ấn-độ. Ngay tại đây Giám-mục đã mở cuộc vận-động với nhà cầm quyền Pháp (các ông Contenceau des Algrains, toàn quyền Pháp ở Ấn, De Souillac thiếu-tá hải quân v.v... nhưng trong đám văn thần võ tướng Pháp ở hải ngoại không ai cho rằng việc xuất quân giúp chúa Nguyễn bấy giờ là hữu ích và hợp với quyền lợi của nước Pháp cả. Người ta còn cho là việc này khó khăn lắm, phải có lệnh nhà vua mới được, ngoài ra phải cho một chiếc tàu qua Nam-hà lấy tin tức cho thật xác thực. Nhưng Giám-mục kêu nài rằng nếu dùng đảng như vậy thì lỗ hết dịp tốt.

Cuộc vận-động viện trợ cho chúa Nguyễn

Các nhà cầm quyền Pháp tại Ấn-độ tuy không tán thành đề-nghị của Giám-mục nhưng cũng đệ việc này về Pháp-đình. Giám-mục cũng viết thư qua trình-bày sứ-mạng của mình cho Hầu-tước De Castries ngày 8-7-1785. Hầu-tước De Castries bấy giờ là vị Bộ-trưởng hải quân. Bá-tước De Solminihac de Lamothe được ủy nghiên-cứu việc này.

Trong hai tờ trình ngày 26 tháng giêng và 25 tháng hai 1786, Bá-tước cũng trình lên rằng nước Pháp cần có một căn-cứ ở Nam-hà và đặt ra câu hỏi liên-bộ đến các bờ biển Việt-nam và hải-cảng Tourane. Solminihac viết: « Cần một sĩ-quan đã từng am-hiếu xứ này cho biết cuộc xuất binh của chúng ta được những lợi-ích quan-trọng thế nào, những lợi-ích này ảnh-hưởng đến công cuộc thương-mãi của ta tại Ấn-độ và mọi sự có thể dàng chăng? » Nam-hà là một nước phong phú có nhiều quý vật, xứ này lại gần Phi-luật-Tân, nếu thành căn-cứ thương-mãi thì căn-cứ này sẽ phát đạt bậc nhất ở đây. Hải cảng Tourane sẽ được coi là một trung-tâm-diểm giữa Trung-quốc và Phi-luật-Tân cùng eo-biển Malacca. Về phương-diện quân-sự, Tourane do vị-trí của nó sẽ giúp ta ngăn-chặn ngành thương-mại quan trọng nhất của dịch-quốc. (Anh)

Một hy-sinh nhỏ sẽ đem lại những quyền lợi trên đây: vấn-đề chỉ là giúp ông vua dòng chính-thống trở lại ngai vàng bằng 800 lính Âu-châu chúng ta và 400 lính da đen (Cafres) một số vũ khí đặt dưới quyền một quân nhân sáng suốt, mưu-trí, và có tài giao-thiệp. Như vậy là đủ hoàn-thành một cuộc Cách-mạng...»

Thấy công chuyện cầu-viện tại Ấn-độ có bề trúc-trắc, Giám-mục tính qua Pháp. Lúc này De Contenceau hết tạm quyền ở nhượng-địa này rồi (Pondichéry) Charpentier de Cossigny đến. Tuy chẳng thúc đẩy thêm được phần nào cho sự việc, Charpentier de Cossigny cũng xin cho Giám-mục được một chỗ trên thương-thuyền « Malabar » đi qua Pháp, hành phi do ngân sách của nhà vua đài-thọ.

Viên toàn quyền viết cho Bộ-trưởng De Castries như sau : « Mặc dầu không đi hẳn vào quan-diêm của Giám-mục Bá-đa-Lộc, người đã tỏ ra là một nhà ái-quốc, tôi cũng không đồng tình với ông De Contenceau... » (1)

Tàu Malabar rời bến Ấn-độ tháng 7-1786 mang theo Giám-mục, Thế-tử Cảnh, quan Phó Vệ-úy Phạm Văn-Nhân, quan Cai-cơ Nguyễn Văn-Liêm và ba kẻ thuộc-hạ người Việt (2). Tàu tới đảo Pháp-quốc (Ile de France). Giám-mục gặp Toàn quyền De Souillac. Viên sĩ-quan này cũng thuộc số người trước đây đã chẳng tán thành việc cầu-viện của Giám-mục và y cũng viết về cho Bộ-trưởng Hải-quân De Castries rằng đã có gặp Giám-mục và nói xa-xôi ý mình không hoan-nguyên việc Giám-mục đang ra công vận-động nhưng cũng nói rằng y không dám gây trở ngại.

Về phần Cossigny, sau khi cho Bộ biết quyết-định về cuộc hành-trình của Giám-mục Bá-đa-Lộc nói : « Lúc nào Giám-mục tới, ta sẽ biết tầm ý-kiến của người sâu rộng thế nào và cái lợi-ích cho nước ta về cuộc xuất-binh đang mưu-tính này. Trong khi chờ đợi, chúng tôi đồng-ý với Ngài Entrecasteaux

(1) Qua lời thư này ta thấy có lẽ Giám-mục đã bàn khá nhiều đến cái lợi cho nước Pháp trong đề-nghị xin cứu giúp của Nguyễn-Ánh. Vậy nhà tu-hành rõ-rệt đã nhúng tay vào việc chính-trị, đó là vi-phạm luật-lệ của giáo-dường rồi còn chi ! »

(2) Thế-tử Cảnh bây giờ mới 4 tuổi.

1 chiếc hải thuyền «Hầu-tước De Castries» do ông De Richery chỉ-huy sẽ nhổ neo vào ngày 20 tháng này (tháng sáu) với lệnh đậu tại cù-lao Poulo-Panjang ở gần vịnh Tiêm-la. Giám-mục cả quyết rằng đến đây sẽ nhận được thư của vua Nam-hà (chỉ chúa Nguyễn-Ánh) hiện đang nương nhờ ở đất vua Tiêm.

Dưới đây là những chỉ-thị của De Richery đề ngày 20-6 1786 liên-hệ đến vấn-đề xuất quân cứu chúa Nguyễn: Tàu De Castries phải tiếp đón 34 người Việt đến Pondichéry; (1) với Giám-mục Bá-đa-Lộc. Đi với người của Giám-mục xem xét tình-trạng của vua Nam-hà... Đến Poulo Panjang đề lấy tin-tức chuyển thư tin của Giám-mục đến cho nhà vua hiện đang ẩn náu tại triều-đình Tiêm-la. Lên đường đi Nam-hà lần theo miền duyên-hải từ vĩ-tuyến 11 đến 18 dò hỏi xem vào khoảng nào có thể đổ bộ được, xét tình-tình, phong-tục dân bản-địa, cảm-tình của họ đối với ông vua đang lưu-vong, điều-tra cả các sản vật lợi cho việc buôn-bán của chúng ta và những nơi có thể dùng làm căn-cứ quân-sự và hành-chánh. (1) — Về bản-đồ các hải-cảng, các vịnh, các bãi biển — Cần đề ý kỹ đến Tourane, gây thiện-cảm với dân-chúng phòng khi hữu-sự, dung-hòa với thời-gian tàu đi vào những vụ gió mùa và thời-kỳ hẹn gặp các người liên-lạc của vua Nam-hà... »

Richery còn phải nghiên-cứu tình-thế để hành-động và đón Nguyễn-Ánh lên tàu, đưa chúa cùng gia-quyển về Pondichery hoặc nếu chúa muốn xúc-tiếp với các bề tôi và ở lại cù-lao Poulo-Panjang thì lo đề cho nhà vua vài người Âu-châu, quân-nhu và lương-thực miễn là đảo này có thể là một trú-xứ đủ chống nhau với đối-phương. Nhưng trước khi giàng buộc chính-phủ vào một số phận của ông vua thất-thế, phải tìm hiểu tình nết và tinh-thần của nhà vua, của đám bề tôi và xét có gì lợi về tương-lai khả-đĩ đền bù được cho nước Pháp. Nếu lợi chẳng có gì đáng kể, nhà vua lại nhu-nhược, tâm-thường, những kẻ phụ-tá lại bạc-nhược thì phải coi là việc không đáng làm...

Công chuyện tuy được sắp đặt như trên nhưng vẫn tri-trệ về thực-tế khiến linh-mục Paul Nghị và đồng-bọn chán-nản phải rời sang đảo Cồ-cốt (Kok-Kut) vì thiếu lương-thực.

(1) Về số người dự vào sứ-đoàn, mỗi tài-liệu nói mỗi khác.

Rồi ngày 21-2, tàu *Le Marquis de Castries* lại trở lại, Nghị xin Richery cho chúa Ánh lên tàu. Richery từ chối, đã thế lại còn không cho Nghị gặp chúa nữa, cưỡng-bách Nghị và một số người Việt kiếm tàu đi Pondichery.

Bọn Nghị đến Pondichery thì Giám-mục đã qua Pháp. Vì Richery nghiên-cứu việc Nam-hà chưa đầy-đủ, viên toàn-quyền Pháp ở An-độ lại phải cử y đi chuyển nữa vào ngày 24-7-1787. Richery định đem Paul Nghị đi theo, nhưng Nghị đã một phen bị khùng-bố nên cùng anh em bỏ trốn qua Madras, hai tháng sau mới trở gót về Pondichery. Nghị có đệ đơn kiện Richery với Bà tước De Conway vừa tới thay-thế Cossigny. Đơn này được chuyển qua Versailles vào ngày 12-10-1787. Richery bào-chữa rằng chưa mang Ánh đi được là vì chưa điều-tra rõ-rệt đợc về Ánh mà việc điều-tra này đòi hỏi mất 20 ngày thì lại làm chậm-trễ việc xem xét tình-hình Nam-hà. Tuy nhiên về thực-lực của chúa Nguyễn do Giám-mục cho biết, Cossigny và d'Entrecasteaux cũng đã biểu là chưa đến nỗi nào, cả tấm lòng trung-thành của trượng-tá đối với chúa. Các bạn hãy lưu ý đến thời-cuộc từ năm 1785 tức là từ khi chúa Nguyễn rời Nam-việt sang nương nhờ đất Tiêm. Chúa bỏ cù-lao Poulo-Panjang ngày 9-4 tới Bang-cốc vào tháng sau và có ghé qua đảo Cồ-cốt. Tùy từng có Tôn Thất-Huy và Hội (Huy là cháu gọi Vũ-Vương bằng ông, con Y-Công Dục là vương tử thứ năm đã chia phần gian-lao với chúa Nguyễn trong cuộc chống nhau với Tây-Sơn cho đến khi chết là năm 1792) cùng vài kẻ bề tôi và dăm chục binh-sĩ. Chúa tôi dùng 5 chiếc thuyền nhỏ mà tới.

Vì quân Tiêm đã đại bại hồi sang giúp chúa Nguyễn vua Tiêm giận lắm muốn nghiêm-trị hết bọn tướng-lĩnh, nhưng chúa Nguyễn can ngăn, cho rằng sự thất trận này là do lòng trời Còn chúa nương náu lúc đó ở Băng-cốc, chỉ có ý chờ đợi kết quả của cuộc vận-động đã sở cậy ở Giám-mục Bá-đa-Lộc. Chúa cho đem cả quyền thuộc từ Panjang qua; sau đó tướng Lê Văn-Quần cùng với vài trăm binh-sĩ lại sang liên-lạc với chúa, các tàn quân khác cũng tìm tới lần lần. Chúa ngầm cho người về Gia-định chiêu mộ thêm binh đội tại Long-xuyên. Ở đây vài tướng Nguyễn đang đánh những trận lẻ-tẻ với Tây-Sơn.

Qua 1786, chúa Nguyễn giúp vua Tiêm chống quân xâm-lăng Miến-diện. Đề đền ơn, vua Tiêm ngỏ ý giúp chúa trở lại, nghĩa là quân Tiêm lại theo chúa Nguyễn về Gia-định phen

nhà. Nguyễn Văn-Thành không hoan-nghehnh việc này, bày tỏ luôn các điều tai hại đã xảy ra (vì quân Tiêm trước đây sang giúp chúa đã cướp bóc, giết tróc lương dân quá nhiều, dân chúng hãy còn hờn oán...). Thành khuyên chúa chờ thời và chỉ nên xữ dụng thực-lực riêng của mình mà thôi...

Liên tiếp với việc Miến xâm lăng vào đất Tiêm, quân Mã-lai cũng tiến lên đánh phá, quấy đảo nhiều nơi trong nội-địa Tiêm. Vua Tiêm lại nhờ chúa. Lê Văn-Quân liền đem quân đi đánh dẹp và lại thắng trận.

Lúc này thời-cuộc Việt-nam đang biến-chuyển mạnh giữa nhà Tây-sơn và hai họ Lê — Trịnh ở Bắc-hà ; Nguyễn-Huệ đánh đuổi quân Trịnh ra khỏi Thuận-hóa rồi tiến ra Thăng-long như ta đã biết. Lúc này linh-mục Hồ Văn - nghị (tức Paul Nghị) đã đến Bắg-Cốc báo tin cho chúa việc Giám-mục qua Pháp.

Tuy chờ thời, chúa Ánh vẫn nghe ngóng tình-hình bên nhà. Vào tháng hai (19-3 — 18-4), một bộ hạ trung-kiên của chúa là Tổng Phức-Đạm (người Thừa-thiên giúp chúa đã lâu năm, chết vào năm 1794) sang báo tin vua Thái-đức (Nguyễn-Nhạc) cho rút quân Tây-sơn ở Gia-định về miền Trung, đó là cơ-hội có thể đánh chiếm được Nam-việt.

Sợ vua Tiêm ngăn cản, chúa cho rời bí-mật gia-quyển khỏi đất Tiêm còn mình rút sau vào ngày 13-8-1787 về Long-xuyên. Binh-lực của chúa lại lớn (1) dần nhưng chỉ ở các vùng xa mà thôi. Được tin quân Nguyễn hưng khởi, Đồng Định-vương Nguyễn-Lữ và tướng Phạm Văn-Tham có mặt tại đây (Gia-định) đang giữ một ưu-thế khá-mạnh. Chúa liền dùng mưu ly-gián. Nguyên chúa Ánh bắt được vợ chồng một tướng Tây-sơn, chúa liền cho viết một bức thư giả gửi cho Nguyễn Văn - Lữ đóng dấu, ký tên Nguyễn-Nhạc trong có lời mật bảo Lữ « phải coi chừng Phạm Văn-Tham và liệu cách khu trừ. » Vợ viên tướng Tây-sơn phải mang bức thư này đi và cố ý làm cho bị bắt đề bức thư này đến tay Phạm Văn-Tham Người đàn bà này đến Sài-côn. Quân lính khám xét rồi trình bức thư lên Tham. Thế là Tham mắc bẫy giận lắm cho kéo ngay cờ trắng lập tức về Tạng-phụ tìm Lữ để phân giải. Lữ thấy Tham đi với cờ trắng cho rằng thành Sài-côn đã mất và Tham đã hàng Nguyễn. Lữ liền bỏ chạy về Qui-nhon được ít lâu thì chết. Tham quay lại Sài - côn cố đánh và đẩy lui được quân

Nguyễn. Nhưng sau Nguyễn quân đốc toàn-lực vây đánh luôn 10 tháng do Tôn Thất-Hội, Tôn Thất-Huy, Lê Văn-Quân, Võ-Tĩnh, Lê Văn-duyet. Quân Nguyễn tiến từ Long-xuyên qua Sa-đéc và Vĩnh-long. Chúa Ánh thân-chinh đánh vào Cần-thơ lúc này đang có một tướng Mên của Tây-sơn trấn đóng. Đồng thời hai đạo quân khác của Nguyễn ngược sông Hậu-giang và chi-nhánh phía Nam sông Tiền-giang lần lượt chiếm giữ vùng Bassac rồi Trà-ôn, Trà-vinh, lập các đồn trại quét sạch quân Tây-Sơn ở khu nằm giữa Tiền-giang và Hậu-giang.

Trong khi chiến-cuộc đang diễn hành thì chúa Ánh lại được một đạo quân tiếp-viên do Võ-Tĩnh mang đến gồm khoảng 10 ngàn người toàn là những tay thiện-chiến bấy lâu rèn luyện ở Gò-công (Khổng-tước) đánh vào hậu-quân của Tây-Sơn lúc Tây-Sơn mở cuộc tấn công vào Nguyễn quân.

Quân Nguyễn liên-lạc được với quân của Võ-Tĩnh đánh vào sông Ba-lại. Ở đây Phạm Văn-Tham chống đỡ rất mãnh-liệt và chiến thuyền của Tham làm chủ mọi đường giao thông ở các nhánh sông phía Bắc. Quân Nguyễn cố-gắng lắm mới vượt được qua và tiến lên trong khi quân của Võ-Tĩnh đánh thốc vào sườn và hậu-tuyến của quân Tham. Cuối năm 1788 tình-thế của quân Nguyễn trở nên khả-quan. Chúa Ánh tính đóng ở Tam-Phụ để chỉ-huy cuộc tổng tấn công vào Sài-côn.

Thành này mãi tới tháng 7 mới thất-thủ. Tham tẩu thoát được xuống Cần-thơ, qua cửa Ba-lại, lên Vĩnh-long rồi lại xuống Bassac. Khoảng tháng giêng (26-1 — 24-2-1789) năm sau Tham mới bị bắt.

CHƯƠNG II

GIÁM-MỤC BÁ-ĐA-LỘC VÀ THẾ-TỬ CẢNH TRƯỚC PHÁP-ĐÌNH

(Từ tháng hai đến tháng chạp 1787)

Chung quanh vấn đề viện-trợ

Giám-mục Bá-đa-Lộc tới của biên Lorient đầu tháng giêng 1787 và đã viết thư cho Bộ-trưởng Hải-quân. Xin nhắc rằng Giám-mục đã luôn luôn gửi thư cho Bộ này từ hai năm trước đề nghị việc cứu-trợ chúa Nguyễn. Bộ-trưởng này trách Giám-mục đã mang Thế-tử Cảnh và sứ bộ qua Pháp trước khi được ý-kiến của nhà vua, nhưng việc đã lỡ thì cứ lên Paris vậy. Người ta báo cho Chủn-viện *Hội Truyền-giáo ngoại-quốc* lo chỗ ăn ở cho Cảnh.

Cuộc vận-động của Giám-mục bấy giờ đã làm náo động nhiều sa-lông chính-trị ở kinh-thành này hơn là ở các cơ-quan của chánh-quyền. Người ta đã tỏ ra cộ cảm-tinh, nói là thương hại thì phải hơn, đối với ông Hoàng nhỏ xiu đã sớm bị cai cảnh quốc phá gia vong. Rồi người ta mở tiệc tùng linh-đình đề đón tiếp Cảnh và làm cả thơ đề tỏ cảm-tinh. Xin nhắc rằng chính-giới Pháp thuở ấy có nhiều nhân-vật lãng-mạn gồm nhiều bà, nhiều cô và đủ mặt văn-sĩ.

Trong giai-đoạn này Giám-mục tấn công ráo-riết chánh-quyền Pháp, viết nhiều tờ trình về hiện-trạng nước Nam cho các chức quyền đang có ảnh hưởng lớn ở các cơ-quan. Một số đã tỏ ra có thiện-cảm với lời kêu gọi khẩn-thiết của Giám-mục như Loméuie de Brienne, Tổng Giám-mục thành Toulouse, Tu-sĩ De Vermond, Tổng Giám-mục Narbonne, Arthur Richard Dillon là những tay có thế-lực bấy giờ giữa triều-đình vua Lu-y XVI. Giám-mục được nhà vua cho vào bệ-kiến và được

gặp cả Montmorin, Bộ-trưởng ngoại-giao, De Castries, Bộ-trưởng bộ Hải-quân. Việc này đã diễn ra vào tháng 5-1787.

Giám-mục đã dùng những luận-điều thế nào để đạo-đạt tinh ý của mình? Theo các tài-liệu còn nằm tại văn khố của nước Pháp thì Giám-mục đã đưa ra nhiều ý-kiến không khác mấy nếu so với các văn-kiện gửi về Pháp-đình trước đây của Poirve, Saint Phalle, Protais, Leroux, De Rothé và Chevalier. Tóm lại hồ-sơ về dự án thiết-lập căn-cứ ở Nam-hà bây giờ rất là đầy đủ và các nhà thực-dân trước sau vẫn đồng tình coi nước Việt-nam là miếng mồi ngon, một cứ-điểm tốt đẹp cho chính-sách thuộc-địa về mọi phương-diện nhất là lúc này Pháp đã bị thua thiệt với Anh ở Ấn-độ. Tiếc rằng một biến-cố đã xảy ra rất tai hại cho cuộc vận-động của Giám-mục là những cuộc nội-chiến của các tiểu-bang Mỹ với chính-quốc đã làm cho chính-giới Pháp bấy giờ không lưu tâm đến việc Nam-hà nhiều lắm, (1) lại thêm các nhà đương-cực Pháp lúc này đang lúng-túng về tài-chính nên không muốn có việc chi-tiêu nào khác hết, nếu việc chi-tiêu không tỏ có ích lợi chắc-chắn. Ngoài ra Hòa-ước Vergennes ký ngày 10-11-1785 bị bất-thình-lình xóa bỏ, cuộc bang-giao giữa Pháp và Hòa-lan bị gián-đoạn.

Tuy-nhiên vì thất-bại ở Ấn-độ, Pháp thấy cần có một căn-cứ khác bởi không thể trông vào Hảo-vọng-giác và đảo Tích-lan (Ceylan) làm điểm-tựa hay nơi ẩn-nấp.

Căn-cứ này nếu là Nam-hà thì lợi hại thế nào?

Về vị-tri, Nam-hà xa khu-vực ảnh-hưởng của Anh cũng là điều tốt, nhưng phải cái tội cách đảo Pháp-quốc quá nhiều. Nếu có chiến-tranh thì việc giao-thông dễ bị cắt đứt và mất tiếp-tế cũng bị cô-lập. Người Anh đã đến chiếm đảo Poulo Penang có thể, khi lâm sự, sẽ đóng eo bèo Malacca không cho Pháp qua. Còn người Hòa-lan sẽ ngăn trở Pháp vượt eo bèo De la Sonde. Như thế thì Nam-hà bị trợ-trợ khó mà cầm-cự khi bị tấn-công.

(1) Contenceau và De la Souillac có nêu ra vài sự bất-đồng với Giám-mục Ba-da-Lộc nhưng đều bị Giám-mục đích-thân tới đả-phá kịch-liệt. Lý-luận của Giám-mục đã rọi nhiều ánh-sáng vào vấn-đề và cho tới bấy giờ vấn-đề can-thiệp vào nội-tình nước Nam chưa bao giờ được phân-tích, trình-bày rành-rọt như vậy.

Đây là dư-luận của phe phản-đối việc cứu - trợ Nam-hà, còn phái có cảm-tình thì cho rằng việc Nam-hà nhường một vài thương-cảng để Pháp hưởng độc-quyền thương-mại, sự quan-trọng của một căn-cứ sát nách nước Trung-hoa là những điều rất đáng nên lưu - ý và đề-nghị Pháp-đình nên bắt chước Anh đã lập căn - cứ ở Penang. Nếu bỏ cơ - hội này thì sẽ hối không kịp về sau... Còn chuyện giúp chúa Nguyễn là giúp chính - nghĩa, lý - luận ấy quá suông tỉnh không hợp với nguyên - tắc của một chính-sách thực-tiến khi đó. Bây giờ, chỉ cần biết việc xuất quân có tốn kém không, có lợi ích nhiều hay ít cho nước Pháp mà thôi...

Tất nhiên Giám-mục đã đoán chắc là thế nào cũng thành công dễ-dàng, Pháp sẽ thầu được nhiều quyền lợi, nhưng các lý lẽ của người đối với Pháp-hoàng Lu-y XVI và các Bộ-trưởng của ngài chỉ có vẻ đúng về bề ngoài, mặc dầu Giám-mục rất khéo-léo và kiên-nhẫn trong việc thuyết-phục. Tóm lại Pháp-đình bấy giờ ở vào một trạng thái không thuận-lợi lắm đối với đề-nghị của Giám-mục nhưng rồi người ta cũng đi tới chỗ giải-kết vấn-đề là ký với Giám-mục một bản thỏa-hiệp do nơi Bộ Thuộc-địa tại điện Versailles. Qua thỏa-hiệp này, chúng ta thấy rõ nước Pháp muốn những quyền lợi nào với những việc dự-liệu dưới đây (1).

1) Binh phí sẽ tốn tới 200.000 đồng (piastres) chứ không phải là 100.000 đồng như Giám-mục đã nói.

-
- (1) Ngoài vấn-đề quyền-lợi nước Pháp thuở ấy thêm muốn ở Việt-nam còn một điều nữa thúc dẩy Pháp-đình chấp-thuận đề-nghị của chúa Nguyễn đã được tiết-lộ trong tập « *Chính-trị của nước Pháp* » do Silvestre viết như sau :

« Sa Majesté a pris cette détermination (d'agréer les propositions de Nguyễn-Anh et de lui accorder des secours) moins pour se procurer cet établissement de commerce dans les eaux de la Sonde que pour empêcher d'autres puissances et notamment les Anglais de se mettre à notre place ; S'ils y étaient parvenus, ils auraient eu une position qui les aurait mis en mesure de prévenir les navigations vers la Chine et d'inquiéter les possessions espagnoles et hollandaises dans cette partie du monde. »

Tài-liệu này lấy ở văn-khố bộ ngoại-giao Pháp, thuật lại lời thư của De Montmorin gửi cho La Vanguyons, sứ-thần Pháp ở Tây-ban-Nha (Madrid) — Lúc này Pháp đang thân với Hòa-lan và Tây-ban-Nha và cả bộ ba này đều chống Anh đang phát-triển năng-lực đế-quốc ở Á-châu và Viễn-dông.

2) Phí tổn cho căn-cứ Nam-hà một khi thiết-lập xong ít nhất sẽ từ 5 đến 600.000 quan (frances). Lại còn phải bồi thường cho công-ty Đông-ấn của Pháp về chỗ buôn bán sản-phẩm giống nhau tại Nam-hà và Trung-quốc (chắc trước đây công-ty Đông-ấn đã được độc quyền thương-mại ở Viễn-đông.)

HIỆP-ƯỚC VERSAILLES

**Ký kết giữa De Montmorin đại-diện của Pháp-
hoàng Lu-y XVI với Giám-mục Bá-đa-Lộc,
đại-diện của Nguyễn-Ánh**

Khoản thứ nhất.— Hoàng-đế-rất-sùng-thượng-Thiên-chúa-giáo hứa và cam-doan cứu trợ cách hữu-hiệu Quốc-vương Nam-hà để cố-gắng trở về tái-chiếm và làm chủ đất đai cũ của mình.

Khoản thứ hai.— Về vấn-dề này, Hoàng-đế-rất-sùng-thượng-Thiên-chúa-giáo sẽ gửi tới bờ biển Nam-hà bốn chiến hạm và một đạo binh gồm 1.200 lục-quân, 200 pháo-binh và 250 binh-sĩ da đen. Các bộ đội này sẽ mang vũ-khi cần-thiết. (1)

Khoản thứ ba.— Trong khi chờ đợi sự cứu-trợ của Hoàng-đế nước Pháp đã sẵn lòng gửi đến, Quốc-vương Nam-hà nhận lời nhường cho Hoàng-đế và nước Pháp quyền sở-hữu tuyệt-đối và chủ-quyền về cái đảo đã thành thương-cảng chính của Nam-hà tên là cửa Hội-an, được người Pháp gọi là Touron. (2)

Quyền sở-hữu và chủ-quyền này sẽ không thề chuyển qua nơi nào khác khi Quân-đội Pháp đã tới chiếm đóng tại đảo ghi trên đây.

Khoản thứ tư.— Ngoài ra đôi bên (Hoàng-đế-rất-sùng-thượng-Thiên-chúa-giáo và Quốc-vương Nam-hà) đã thỏa-luận, cùng

(1) Các bộ - đội này sẽ lấy ở các đạo-quân đang đồn-trú tại đảo Pháp-quốc và đảo Bourbons. Pháo-binh gồm hai khẩu đại-bác lớn (Prèces de huit), 4 obusiers (đại-bác rót vào căn-cứ) và 2 mortiers (súng cối).

(2) Touron tức là Tourane (Đà-Nẵng) ngày nay.

nắm quyền sở-hữu hải-cảng nói trên và người có thể thiết-lập trên toàn-cõi Nam-hà các căn-cứ hàng-hải và thương-mại cũng như để trông coi, sửa chữa và đóng các chiến hạm của mình. Còn việc cảnh-bị ở cảng này sẽ có một thỏa-hiệp riêng thiết-lập tại chỗ.

Khoản thứ năm — *Hoàng-đế-rất-sùng-thượng-Thiên-chúa-giáo sẽ được cả quyền sở-hữu và chủ-quyền về đảo Côn-lôn (Poulo Condor).*

Khoản thứ sáu. — *Thần-dân của Hoàng-đế-rất-sùng-thượng-Thiên-chúa-giáo được riêng hưởng trọn vẹn quyền buôn-bán trên khắp lãnh-thổ của Quốc-ương Nam-hà, còn thần-dân của các nước Âu-châu khác thì không được hưởng-thụ chút gì về quyền-lợi này.*

Họ có quyền đi lại, lưu-trú tự-do, không gì được cản-trở và không phải nộp một thứ thuế nào, về bản-thân của họ chỉ cần họ có giấy thông-hành của vị Chỉ-huy hải-cảng Touron là đủ.

Họ có quyền nhập-cảng các sản-phẩm của Âu-châu hay của các nước khác trên Thế-giới trừ những sản-phẩm nào đã bị luật-pháp của các nhà cầm-quyền địa-phương cấm-đoán. Họ cũng có thể xuất-cảng các sản-phẩm của địa-phương và của các lân-quốc không có hạn-chế một thứ nào.

Họ không phải nộp thuế xuất nhập-cảng nào khác ngoài các thứ thuế mà người bản xứ phải nộp hiện thời và các thứ thuế này không được tăng hay đổi tên để tăng giá.

Lại thỏa-thuận thêm rằng nếu có tàu ngoại-quốc nào cập một bến ở Nam-hà, dù là tàu buôn hay tàu chiến đều phải có treo cờ Pháp, và có giấy thông-hành của chánh-phủ Pháp cấp cho mới được.

Khoản thứ bảy. — *Chánh-quyền Nam-hà phải triệt-đề bảo-vệ thần-dân của Hoàng-đế-rất-sùng-thượng-Thiên-chúa giáo về quyền tự-do, về sự an-ninh cho sinh-mạng cũng như cho tài-sản và nếu gặp sự khó-khăn phải có sự phản-xét mau lẹ và xác đáng nhất.*

Khoản thứ tám. — *Trong trường-hợp mà Hoàng-đế-rất-sùng-Thiên-chúa-giáo bị một cường-quốc nào tấn công hay đe dọa, liên-hệ đến Chính-quyền tại đảo Hôi-an và Côn-lôn và trong trường hợp phải chiến-tranh với một vài cường quốc*

hoặc Ấu hoặc Ấ, Quốc-Vương Nam-hà phải giúp binh-sĩ, thủy-quân, lương-thực, tàu bè : Việc cứu trợ này phải có đủ cứ ba tháng một lần nhưng không được xữ-dụng các địa-phận các Q.ần-đảo Mollusques, đảo de la Sonde và eo biển Malacca. Quốc-vương Nam-hà đãi-thọ các tồn-phi về việc cứu-trợ này.

Đề đáp lại sự cam-kết ghi trên đây. Hoàng-đế rất sùng-thượng đạo Thiên-chúa tự coi mình có bổn-phận giúp quốc-vương Nam-hà nếu xữ-sở của người bị giặc-giữ ; sự giúp đỡ này cần nhiều hay ít tùy theo tình-thế nhưng không thể vượt được những gì đã định trong khoản 2 ủa Hiệp-ước này.

Khoản thứ chín.— Hiệp ước này sẽ được duyệt-y do hai quốc-vương trong khoảng mộ. năm hay sớm hơn, nếu có thể.

Đề chứng-thực, chúng ôi đại-diện ngoại-giao của hai nước đã ký và đóng dấu vào hiệp-ước.

Làm tại Versailles ngày 21-11-1787

Bá-Tước De Montmorin

Giám-mục Bá-da-Lộc

Khoản riêng.— Đề phòng-ngừa trước những sự khó-khăn và ngộ-nhận đến liên-hệ các căn-cứ mà Hoàng-đế rất sùng-thượng Thiên-chúa-giáo được quyền thiết-lập trên lãnh-thổ nước Nam vì lợi-ích của hàng-hải và thương-mại, đã có sự thỏa-thuận của Quốc-vương Nam-hà rằng các căn-cứ đó sẽ hoàn-toàn thuộc quyền sở-hữu của Hoàng-đế nước Pháp và việc tư-pháp, việc cảnh-bị, việc tuần-phòng và chính-quyền trên mọi phương-diện đều sẽ do danh-nghĩa của Hoàng-đế.

Đề tránh những sự lạm-dụng có thể xảy ra ở các nơi có ghi trên đây cần phải thỏa-thuận ngay cùng các nhà cầm-quyền Pháp ở tại chỗ sẽ không dung-nạp một người dân Nam-hà nào bị tróc-nã về tội trọng và nếu kẻ nào dẫn đây ần núp sẽ bị dẫn độ ngay lập-tức theo lời yêu-cầu của Triều-dinh nước Nam.

CHÚ THÍCH : Trong hiệp-ước Versailles người Pháp luôn luôn dùng câu « Hoàng-đế rất sùng-thượng Thiên-chúa-giáo » rõ-ràng có ý ép buộc người Việt-nam sau này phải mở rộng cửa đón tiếp Thiên-chúa-giáo. Và nội-dung của hiệp-ước đã lộ ra một phần nào chủ-trương độc-quyền chính-trị và kinh-tế của Pháp ở nước ta.

Cũng thỏa-thuận cả về việc các người Pháp lần trốn trong nội-địa của chính-quyền nước Nam cũng được giải-quyết như trên sau khi các nhà chức-trách ở Hội-an hay Côn-lôn có lời yêu cầu.

Khoản riêng biệt này cũng được coi có giá-trị và đủ thể-thức như các khoản khác đã ghi rành-mạch trong hiệp-ước này.

Đề chứng-thực, chúng tôi đại-diện ngoại-giao của hai nước đã ký-lên và đóng dấu vào hiệp-ước này.

Làm tại Versailles ngày 28-11-1787

Bá-Tước Montmorin

Giám-mục Bá-đa-Lộc

Tuy đã quyết định như vậy, việc cứu-trợ Nam-hà phải trao cho Bá-tước De Conway đang giữ chức Toàn-quyền kiêm Tổng tư-lệnh quân đội Pháp ở Ấn-độ để xem xét lại trước khi thực-hiện. Thế là vai trò tối-hậu quyết-định lại ở tay vị tướng lĩnh này bởi văn-võ bá quan của vua Lu-y XVI cho rằng ngồi xa mà giải quyết việc này là làm một chuyện không ổn trên thực-tế, lại nguy hiểm là đang khác.

Rồi ngày 28.11.1787 năm đại-diện của Pháp-hoàng và họ Nguyễn hạ bút cho bản «*Hiệp ước liên minh lẫn công và phòng thủ*» ra đời với 10 điều khoản. Rồi Giám-mục Bá-đa-Lộc ngay hôm ký kết đó còn được mang chức Đặc Ủy-viên của Pháp-hoàng bên cạnh quốc vương Nam-hà, không ngoài mục-đích buộc Giám-mục nhất cử nhất động phải nhớ mình là người của nước Pháp.

Ngày 2.12.1787, De Conway nhận được chỉ-thị của Pháp hoàng về vụ này với lời lẽ khẩn-thiết rằng nhà vua trông cậy hoàn toàn ở De Conway sao cho công việc được xem xét một cách kỹ lưỡng, khôn ngoan, chu-đáo cho nhà vua được yên tâm. Nếu nên thì cứ việc xuất quân mà không lợi thì cứ việc bãi-bỏ hoặc trì-hoãn lại cũng được.

Có lẽ nên nhắc rằng De Conway khi đó mới đến Ấn-độ có vài tháng thì cũng chẳng am-hiểu tình-hình Nam-lià và Viễn-đông là bao nhiêu, nhưng bọn quần thần của vua Lu-y XVI đẩy việc này cho De Conway quyết định và đảm lĩnh chỉ là có ý tránh trách nhiệm nếu sau này có sự thất bại.

Người ta cũng không quên cho De Conway hay cuộc Cách mạng ở Hòa-lan vừa xảy ra đang làm xáo-xuyến chánh giới Pháp và nền tài chính của nước Pháp đang kiệt-quệ.(1).

Với những yếu-tố trên đây, ta rõ tinh-thần của De Conway ra sao hướng hồ sau này giữa De Conway và Giám-mục lại còn có chuyện chẳng lành thì Hiệp-ước Versailles thành chuyện nước lã ra sông là phải lắm. (2)

Ngày 27-12-1787 tàu Dryade và Méduse rời quân-cảng Lorient. Giám-mục Bá-đa-Lộc và Thế-tử Cảnh cùng các người tùy-tùng và vài giáo-sĩ có mặt ở đây.

Hai chiếc tàu này lại có chở cả một số tân binh pháo thủ và hợp với chiếc Astrée và Calypso thành một hạm đội do De Saint Riveul chỉ-huy. De Saint Riveul phục-vụ dưới quyền De Conway thuở bấy giờ.

Lúc này tại Việt-nam, Nguyễn-Huê đã nắm được toàn cõi Bắc-hà, sau đó bắt-hòa với Nguyễn-Nhạc. Ngay khi Giám-mục tới cảng Port-Louis, người đã nhận được thư của nhiều giáo-sĩ cho hay những việc kể trên và kết-luận rằng cơ-hội hiện thời rất thuận lợi cho chúa Nguyễn đề khôi phục cơ-đồ của ông cha, việc cứu-trợ chúa Nguyễn nhất định sẽ thành công.

-
- (1) Trong bức thư gửi cho De Conway, vua Pháp nói rằng bỏ ra một ngân khoản 200.000 đồng piastres để xuất quân và thiết lập căn-cứ lúc này là cả một sự hy-sinh, Pháp-hoàng còn dặn rằng phải tính nếu thất bại thì rút lui về đảo Pháp quốc mà thắng thì thiết lập ngay các cơ-cấu quân-sự hành chính và thương mại, nhưng chi tiêu phải rất cần thận đùng đề có sự lãng phí.
 - (2) Nhiều chi-tiết thuộc hiệp-ước đã được này Pháp hoàng giữ bí-mật không cho Giám-mục biết và chỉ có bọn De Conway, Entrecasteaux toàn quyền đảo Pháp-quốc và Bourbons hay đề tùy nghi. Như vậy ta đã thấy việc Nguyễn-Ánh cấu-kết với Pháp nguy-hiểm thế nào nếu thuở đó Pháp thực-hiện thỏa-hiệp này.

CHƯƠNG III

HIỆP-ƯỚC VERSAILLES YẾU VONG

Sự vụng về của Bá-đa-Lộc

Tàu Dryade đến đảo Pháp-quốc ngày 8 tháng 4-1788 sau 102 ngày vượt khơi rẽ sóng, nghỉ lại ở đây ít ngày rồi lại khởi hành vào ngày 26 tháng 4. Giám-mục hy-vọng rất nhiều vào De Conway, tưởng rằng viên tướng-lĩnh này cũng có nhiều thiện-cảm với người như D'Entrecasteaux toàn-quyền đảo Pháp-quốc vì không ngờ rằng đã có nhiều việc bèn ra tính vào bí-mật xảy ra chung-quanh đề-nghị của người. Lại thêm De Conway vốn là con người tầm-thuật chẳng tốt đẹp gì. Chính vua Lu-y XVI đã có lần nói cho Giám-mục biết :

— Giám-mục hãy tin rằng y có thể sẽ gây nhiều sự rắc-rối và trở-ngại cho cuộc xuất-quân mà Giám-mục kêu nài đấy. Ta cho y làm Toàn-quyền Ấn-độ chỉ do mục-đích đưa y đi xa để tránh những cuộc mưu-mô, vận-động làm rối chính-sự ở đây.

(1) Nhưng Giám-mục vẫn đặt một phần nào hy-vọng ở De Conway. Hồi còn ở Ba-lê, trước đó vài tháng Giám-mục đã gặp De Conway, khi ấy vừa được phong làm Tổng chỉ-huy quân-đội Pháp ở Ấn-độ (9-3-1787) và đang sắp sửa lên đường đi Pondichéry.

(1) De Conway là một người được Loménie de Brienne che chở và ở trong phe hoàng-hậu Marie Antoinette bấy giờ. Y có người anh cũng giữ chức Trung-tướng. Triều-đình của vua Lu-y XVI lúc này có lắm phe đảng vì thế chánh-sự rối-ren đề ra cuộc cách-mạng 1789 sau đó. Lời nói của Pháp-hoàng trên đây tỏ rằng Pháp-hoàng không làm chủ hoàn-toàn cái triều-đình của mình.

Giám-mục đã có dịp nói chuyện về việc cứu-trợ chúa Nguyễn và được De Conway nhiệt-liệt hưởng ứng, rồi tới Pondichéry sự-thế đảo lộn có lẽ vì những lời căn dặn của triều-đình vua Lu-y XVI như ta thấy một phần lớn ở trên đây lại thêm sự vụng-về của Giám-mục sau này nữa.

Ngày 18 tháng 5 tàu Dryade tới bến Pondichéry sau 20 ngày đường từ đảo Pháp-quốc đến bờ biển Ấn-độ.

Ngay sáng hôm sau, Giám-mục lên bờ và đến hội kiến với De Conway. Giám-mục đề-cập ngay tới việc được cấp tiền chi dụng cho mình và sứ-đoàn. De Conway tỏ ý hết sức ngần ngại, lấy cớ rằng không thấy triều đình ra lệnh và chỉ được biết mọi việc chi-tiêu phải hết sức dè sẻn vì thuộc-địa không có tiền bạc gì cả.

Giám-mục trả lời rằng: Nhà vua đã thỏa thuận và Bộ trưởng Montmorin cũng cho biết như vậy... Bấy giờ De Conway mới chịu truyền cho sĩ-quan quản lý Moracin lo liệu các nhu cầu của những người mới tới (Giám-mục và sứ-đoàn).

Việc thứ hai cũng có tính cách bất hòa là De Conway muốn cho tàu đi tìm chúa Nguyễn đến Pondichéry để bàn việc xuất quân. Giám-mục phản đối rằng tàu đi về mất thì giờ và làm chậm-trễ việc hành binh. Việc điều đình đã xong xuôi, Thế-tử Cảnh đã đủ tư cách đại-diện cho vua cha rồi còn phải rắc-rối gì nữa !...

De Conway đáp : Hiệp-ước được ký theo danh vị của vua Nam-hà (người Pháp bấy giờ gọi chúa Nguyễn là vua Nam-hà) chứ không phải nhân danh một đứa nhỏ sinh sau cuộc Cách-mạng bảy năm. Xét ra De Conway bấy giờ có ý muốn hiểu biết về tình-trạng chúa Nguyễn ra sao đã.

Giám-mục cãi : *Thì mình tôi làm Cách - mạng là đủ!* Xem các sự-kIỆN kể trên ta thấy viên Toàn quyền Ấn-độ và nhà tu hành đã không thông cảm nhau rồi.

Chưa hết !

Tại Pondichéry bấy giờ có một giai-nhân, bà De Vienne, vợ một sĩ quan tùy viên của tướng De Conway. Bà này lại là nhân-tình của De Conway và đang có thế-lực lớn trong đám người Pháp hải-ngoại tại Ấn-độ.

卷之五

多行無忌憚，建康諸葛亮。

遺囑繼承及贈與

漢魏四府精平先賜寺觀碑石門門東路

因推陳出新，遂以粵歌為人持神德博施。

以爲我國人民合力，有上除人康俱相

西醫公會聯合會

雍正七年

[illegible]

五月五日 日本銀行

漢書卷之九十四

老少相親乃為真正位長阿公願以自許也

經合相和使又力成之藥中竹崎一及

呂氏死後數日人亡八十海內無之則曰六

知縣所在道人壘之橫河區縣官符上趙州

品類之多，非筆墨所能盡述，茲擇其尤為重要者，略述其概。

凡此種種，皆足以證明我國社會主義運動之進步，實非他國所能及也。

陳一濤博士以學術研究為志，因與余同

解：(1) 由题知， $\frac{1}{2} \times 10 \times 10^3 \times 10^{-3} = 50$ (N)

牛百項下舖特文殿直誠 臨江府進賢縣

博學問一德爲之重九載太守治民如故

養生道

一、**生命之寶貴**。人生最寶貴者莫如生命。生命者，人之根本也。若生命一失，則一切皆空。故凡欲求幸福者，必先求生命之長久。此乃人生第一要義也。

古今圖書集成
卷一百一十五
一

THE

... 不待言而喻 ...

五、强人强民强会 学生自治会成立

浙江上海兩地，年國產蠶絲，

廣東通志卷之六

民權進步與中國土產與貿易

轉下令一使各屬下自抽酒千鐘及一

氏戶籍籍頭籍單乃并 使者與文選凡

Andrew Jackson, President of the United States of America,
To

Great and Good Friend,

This will be delivered to your Majesty by Colonel Robert
spectable Citizen of the United States, who has been appointed
Special Agent on the part of this Government to transact important business
with your Majesty. I pray your Majesty to protect him in the exercise of
the duties which are thus confided to him, and to treat him with kindness
and confidence, placing entire reliance on what he shall say to you in our
behalf, especially when he shall repeat the assurances of our perfect amity
and good will towards your Majesty.

I pray God to have you always, Great and Good
Friend, under His safe and holy keeping.

In Testimony whereof I have caused the Seal of
the United States to be hereunto affixed. Given under
my hand at the City of Washington the thirty-first
day of January A.D. 1802, and of the Independence of the
United States of America the fifty-sixth.

Andrew Jackson.

By the President,

Edw Livingston, Secretary of State.

Đây là bức thư ngoại-giao đầu tiên của Huê-kỳ đệ lên vua
Việt-nam dưới trào Minh-mạng

(Bản khắc này do Văn-hóa Nguyệt-san cho mượn)

Giám-mục tới nhượng-dịa này có đến thăm viếng xã giao hết thầy các vị phu - nhân ở địa - phương. Người ta nhắc Giám-mục đừng quên ra mắt bà De Vienne.

Không những Giám-mục không lại thăm bà De Vienne mà còn nổi nóng là đảng khác. Giám-mục phê bình cùng sỉ mạ tư cách tướng De Conway và người tình của ông ta bằng những danh-từ khiếm-nhã nhất. Dĩ-nhiên rằng có mạch, vách có tai, câu chuyện này có kể thuật lại tỉ-mỉ cho bà De Vienne nghe không sót một chi-tiết, bà liền tính chuyện trả thù luôn. Mà ta thử tưởng-tượng khi người đẹp đã nắm được một nhân-vật quyền thế cả xác lẫn hồn thì có gì là khó!

Trong một buổi tiếp tân có nhiều quan khách, bà De Vienne đã chỉ vào miếng băng đỏ (huy-chương) của tướng De Conway ra diễu cợt. Bà nói miếng băng của nhà vua tặng chỉ là để cho Trung-tướng vui lòng chứ không thể biểu-dương một cách xứng đáng giá trị của người chiến-sĩ. Ai lại đường đường một ông tướng như Bà-tước mà lại tùy thuộc «đạo quân của Giáo-hoàng» rồi bị đặt dưới quyền điều khiển của một Giám-mục thì còn ra thế-thống gì nữa...!

Hết việc nói khích để kích-thích lòng tự-ái của Conway bà ta còn đưa đẩy ông tướng khéo léo đến chỗ tri-hoãn hẳn việc xuất quân cứu chúa Nguyễn. Thế mới tuyệt diệu! Phải chăng khi người đẹp bất bình, thì biện khời phải nổi sóng mà trời đất cũng ngửa-nghiêng? Rồi Giám-mục viết thư về Pháp-đình phản-nân rằng, với De Conway việc xuất-quân khó mà thành-công vì trong công-chuyện này De Conway phải là con người mềm-mỏng có óc biết dung-hòa mới được.

De Conway cũng chê Giám-mục thiếu sự cẩn-trọng, ít chín-chắn và sự bất hòa giữa ông tướng với vị thầy tu này đã được các Pháp-kiều ngụ ở Pondichery biết hết; ngay cả bọn tay chân của Giám-mục cũng kể ra những điều lộn-xộn này vào năm 1792 — 1793 là lúc Giám-mục có mặt ở Nam-hà rồi.

Ngày 19 tháng 5, De Conway triệu hợp Saint Riveul và Moracin để thông-báo về việc mình được triều-đình giao-phó và những chi-liết bí-mật nữa. Hai hôm sau Moracin xuất-trình giấy tờ về tình-trạng ngân-kho và các lương-thực còn lại trong

kho. Rồi cả bọn đều quyết-định phải chờ tàu từ Pháp tới, ngoài ra còn phải xem tin-tức của Richery gửi về để biết chúa Anh lúc này ra sao đã. Richery đi Nam-hà từ 24-7-1787 chưa về.

Trước những lý-lẽ vững-chắc này, Giám-mục cũng không biết ăn nói thế nào nữa. Ngày 11 tháng 6 tức là ba tuần sau khi Giám-mục về đến Pondichery, người nhận được của De Conway bản sao bức thư của Richery viết ngày 9-4 tại Malacca trong nói thêm một lần nữa viên đại-úy. này không được gặp vua Nam-hà.

Lúc này tình-trạng của Nguyễn-Anh vẫn chưa có gì mới lạ hơn khi phái-đoàn lên đường qua Pháp và cũng chưa được một cường-quốc Tây-phương nào cứu-trợ, duy có một điều lợi lúc ấy là sự lực-đục của anh em nhà Tây-sơn. Đây là tin-tức do các giáo-sĩ cho Giám-mục hay. Như vậy chỉ có một điều trở ngại là sự chậm trễ của hai chiếc tàu hàng.

Nhưng, như ta đã thấy, De Conway có thái-độ chần-chờ do-dự mà Giám-mục lại nóng lòng sốt ruột nên sau đó Giám-mục viết thư cho De Conway đề thúc-đục, tất-nhiên hai bên đi dần đến chỗ *« hòn đất ném đi hòn chì ném lại »* vì lời khẩn-cầu hòa với lời khích-động kèm theo sự trách móc đã chạm mạnh vào lòng viên toàn quyền Pháp ở Ấn-Độ. Nay kiểm điểm lại thư từ, ta thấy họ đập nhau từng dòng từng chữ một và cả hai bên đều tuyên bố việc mình làm là ý chỉ của nhà vua và không thể làm gì ngoài phạm vi đó hết. Cuộc xô xát mãnh liệt nhất vào ngày 14 và 15 tháng 6 khiến ta có thể tưởng tượng họ có thể đấu gươm với nhau được sau khi họ đã trưng bày đầy đủ đòn phép khôn ngoan về miệng lưỡi cùng tin-tưởng ở thủ-đoạn và thế-lực của mình.

Thật ra chỉ cần tiết-lộ một câu về lời căn dặn bí-mật của triều-đình Pháp bấy giờ là đôi bên khỏi có chuyện gây lộn, nhưng việc đó chỉ các Bộ trưởng của nhà vua mới nói được (1), rồi các ông này chỉ biết nghe De Conway mà thôi, nhưng nói cho phải, triều đình ở xa mà chẳng nghe ông tướng ngoài

(1) Sau này các nhà phê bình Pháp như Faure, Louvet rất lưu ý đến sự lúng túng này. Faure bắt măn nói; Triều đình của vua Lu-y XVI. ngày 28-11-1787 đã ký một hiệp ước với chúa Nguyễn mà lại không có quyết tâm thi hành, thế là chơi cái trò bất nhân, bất tín giả dối.

biên thì nghe ai? (1) và chỉ tại những nhân-vật trong vụ này kẻ thì vụng, người thì hách lại thêm có người đàn bà bước vào nội-bộ nên việc xuất quân viện-trợ Nam-hà trở nên rắc-rối. Một thời Giám-mục Bá-đa-Lộc đã giấy tờ qua lại Pháp-đình đề tranh đấu với De Conway rất nhiều. Giám-mục viết cả cho Loménie de Brienne như trên đã nói là một nhân-vật quan-trọng nhất của triều-đình. Ngày 30-7 Giám-mục tố-cáo rằng những người thù-nghịch của vấn-đề xuất quân đã phóng đại các việc chi tiêu để khùng-bố triều-đình. Quả vậy, ngày 20 tháng 7 De Conway đã trình lên Montmonrin rằng chỉ có thể xuất quân vào năm sau (1789) và nhất thiết phải gửi vào tháng 6 bốn chiếc tàu hàng (chờ không phải là hai chiếc mà thôi) với số lương thực dùng cho cả một năm và gửi tiền ít nhất 1.500.000 quan chỉ để dùng vào việc xuất quân, tài chính của thuộc-địa hiện rất là bi-thảm, tháng sau chưa biết lấy gì mà tiêu.

-
- Louvet bảo rằng Faure nói thế là đổ hết lỗi cho triều đình không thi-hành hiệp-ước và giải tội cho De Conway đã phá việc xuất quân và nói như Faure chỉ là ném thêm một nắm bùn nhơ vào cái nền quân chủ cũ kỹ... Ý của Louvet rất đúng vì ta thấy triều đình của vua Lu-y XVI đã ký kết với đại diện của chúa Nguyễn cũng đã có ý thi hành hiệp-ước nhưng phân quyết định lại dành cho De Conway. Vì Giám-mục không khéo trong việc đối xử nên De Conway mới dựa vào chỗ do dự và ít hiểu vấn-đề của triều-đình mà phá bỏ. Sự thực chỉ có thế mà thôi.
- (1) Ngày 18-6-1788 De Conway chuyển hết các thư của Giám-mục và các thư hồi âm của mình về Pháp và chỉ ngỏ ý xa xôi rằng các giáo-sĩ chỉ nên làm công việc truyền bá lời Chúa chứ không nên xen vào chính-trị Giám-mục đã quá sốt sắng và đòi hỏi đủ thứ để phục-vụ quyền lợi của nhà vua, đã dành những ý-chỉ này có tốt đẹp đấy nhưng Giám-mục có thể đã làm lạc rồi làm cho Hoàng-đế và triều-đình lăm lặc theo. Rồi De Conway thảo-luận từng điều khoản của Hiệp-ước Versailles với một luận-diệu rất vô tư, sau đó y kết-luận khéo léo rằng theo sự nhận xét của y từ đảo Pháp-quốc và Bourbons nhiều dự định tư nhân có mục đích xây dựng quyền lợi riêng đều mang nhãn hiệu *of the crown, of the nation*. Nếu những người được xét việc không thỏa-mãn ý muốn của họ thì họ gửi hàng trăm giấy má về Âu-châu để than phiền và vu cáo. Về phần Giám-mục cũng có nhiều thư về cho ông Bộ-trưởng nói từ ngày Bá-tước De Conway đi Trinquemanby về, ông ở trong một trạng thái tinh thần và vật chất suy bại làm cho cả thuộc-địa buồn rầu. Tin xuất quân đi Nam-hà khiến ông bức dọc và từng biểu-lộ sự bức dọc ấy ra với Giám-mục. Ông không những không sửa soạn gì cho việc xuất quân lại còn tổng các tàu bè về hết Âu-Châu (Tàu Vénus, Le Nécessaire...) Giám-mục còn nói rằng cứ luận quân thế này thì « *bọn Bồ-Đào-Nha hay Anh sẽ đi trước...* » nên cho một người chỉ huy khác lãnh mệnh đến thay thế De Conway, tí-dụ D' Etrecastraux hay đại-tá tư-lệnh quân-đội ở đảo Bourbons, De Fresne đại-tá chỉ huy quân-đội Pháp-quốc v.v...

De Conway trình cả việc Giám-mục xin một chiếc tàu đi kiếm chúa Nguyễn và đưa về Pondichéry. Y nói: « Tôi theo đúng chỉ-thị và thưa Ngài, lời tin chắc ý ngài không phải là đưa ông vua đó về đây, mà nếu làm việc đó thì là một sự táo-bạo không tha thứ được vì chưa có sự chấp-thuận của Ngài và nhất định là nghịch với quyền lợi của Đức Vua».

Ngày hôm đó Montmorin (1) gửi gấp một điệp-văn tán-thành lập-trường của De Conway. Rồi trước khi có vụ gió mùa Đông-bắc, viên toàn-quyền Ấn-độ một mặt từ chối không cho Giám-mục rời Pondichery, một mặt cử thuyền-trưởng De Kersaint mang hai chiếc tàu (2) đi Nam-hà. Cũng nhân hai cái thuyền hàng tới Ấn-độ, y tấn-công thêm rằng: « Việc xuất-quân sẽ tốn-phí gấp sáu lần số dự-định và chưa thấy có một mảy-may triệu-chứng nào sẽ mang lại một lợi-ích thiết-thực gì cho quyền-lợi của Đức Vua ». Rồi y yêu-cầu ông Bộ-trưởng trả lời công-văn gửi ngày 18-6 của y trước khi có một hành-động nào.

Tàu Dryade và Pandour trước khi ra khơi được lệnh là không được mang chúa Nguyễn về, bất-kỳ lý-do nào và cũng không thể cho cả Giám-mục xuống.

Kersaint lên đường ngày 15-8-1788 ngừng tại Côn-đảo, Cavite, Macao, Tourane, Cham, Callao, Hà-tiên, Phú-quốc, Poulo-Yang, Côn-đảo, Malacca rồi đến 13-3-1789 trở về tới Pondichery (3). Cuộc du-hành bề ngoài lấy cớ là đi thăm dò tin-tức hai chiếc tàu De Castries và Calypso (4) nhưng bên trong xem-xét tình-hình Nam-hà.

(1) Montmorin giữ chức Intendant général bấy giờ là một chức-vụ ngang-hàng với chức Tổng-lý Nội-các. Xin nhắc Montmorin được coi là bạn thân của vua Lu-y XVI và là tay bảo-hoàng hạng nặng nên sau này bị Cách-mạng giết cả nhà vào năm 1794.

(2) Hai chiếc tàu này là Dryade và Pandour.

(3) Đây là những nơi tàu cập bến trên đường đi và về.

(4) Tàu Calypso do đại-ủy Kergarian điều-khiển đã bị hư-hỏng trong chuyến đi từ Pondichery qua Trung-quốc. Ngày 29-11-1787 tàu này đi Manille rồi bị mắc cạn khi gần cập bến. Khi Kersaint đi tìm tàu người ta chỉ biết tin-tức như vậy, còn về chiếc «Hầu-tước De Castries» thì không gặp chuyện gì khó khăn. De Conway cho kiến đề chấm-dứt công-tác của Richery mà thôi. Kersaint gặp Richery vào tháng 11-1788 tại Phi-luật-Tân và buộc Richery ngày 15-12 là cùng phải về tới Pondichery và không được ghé vào đâu hết, nhất là vào Malacca.

Theo cuộc điều-tra của Kersaint và Préville thêm vào ý kiến của D'Entrecasteaux việc quân cứu giúp chúa Nguyễn có thành-công cũng không mang lại cho nước Pháp lợi ích gì lớn lao. Riêng D'Entrecasteaux còn cho rằng những hứa hẹn của chúa Nguyễn đã chắc gì. Cho rằng chúa Nguyễn sẽ không bội-ước thì việc Pháp sẽ nắm độc-quyền thương mại ở Nam-hà cũng chẳng đáng kể vì Nam-hà có gì ngon lành! Hòa-lan và người Anh chẳng thêm đề ý thì đủ hiểu. Xin nhắc rằng hàng năm công-ty Anh có tới 30 chiếc thương-thuyền luôn luôn đi lại theo dọc bờ biển Malabar, Coromandel, Bengale và Nam-hà. Đã có khi họ đặt căn-cứ ở đảo Poulo Condore (1) rồi bỏ, người Hòa-lan từ đầu thế-kỷ đã dấn chân lên miền Nam rồi cũng ra đi. Đắt Hội-an (Tourane) bấy giờ không trông trọt gì cả và miền Nam thuở ấy bị giặc đã tàn phá nên không còn gì là lợi lộc nữa. Chính Giám-mục cũng phải công nhận như thế.

D'Entrecasteaux còn nêu ra điểm chiến-lược rất bất lợi là Nam-hà quá xa đảo Pháp-quốc, tin tức rất khó khăn, nếu có chiến-tranh thì căn-cứ này chỉ trông-cậy ở nơi mình mà thôi.

De Conway lại nhận thấy trước vấn-đề độc-quyền thương mại dành cho Pháp có chỗ rất không ổn và điều này rất đúng bởi các nhà buôn Trung-quốc không bị loại ra ngoài. Vậy độc-quyền này chỉ có áp-dụng đối với các nhà buôn Tây-phương thôi. Y nói: *« Người Trung-quốc qua Nam-hà chỉ mất có từ 4 đến 6 ngày đường, họ bán nhiều hàng cho Nam-hà và cũng mua được nhiều thứ ở đây. Việc thương-mại giữa họ và Nam-hà đã có từ lâu đời, như vậy một nước Âu-châu nào dám nói có thể đánh đổ được họ và thay đổi sở-thích của người Nam-hà để họ quen dùng đồ Tây-phương. Dân Trung-quốc là một thứ dân cần-kiệm, khéo-léo lại có nhiều thông-cảm với người Nam nữa... »*

Bàn về việc chiến-đấu với Tây-sơn, người Pháp nghĩ rằng, mặc dầu Préville nói họ là một lực-lượng đáng kể, Tây-sơn sẽ không sao ăn thua nổi với binh tướng Pháp trội hơn họ về vũ-khí, về kỹ-luật và huấn-luyện. Tuy vậy vẫn có điều đáng

(1) Đảo Poulo Condore bấy giờ có 200 cư-dân người Việt sống về nghề đánh cá. Họ rất nghèo khổ (Việt-sử tân biên quyển 3 đã nói về đảo này),

ngại là quân-đội đóng ở đây phải thiết-lập việc tiếp-tế lương-thực và quân-khí, các kho chứa đồ, các y-viện, việc chuyên-vận pháo-dội... vì không trông hòng một thứ gì ở một nước đã có nội-chiến từ nhiều năm, Giám-mục có hứa-hẹn về vấn-đề này nhưng một ông chúa đang ở trong hoàn-cảnh lưu-vong đâu đáng cho mình trông cậy.

Nay ta cứ xem những điều khó-khẩn trên đây, những nghi ngờ của nhóm người Pháp lúc bấy giờ, lại nữa nền tài-chính của nước Pháp đang kiệt-quệ, lợi-ích một cuộc bang-giao với Nam-hà thì rất lờ-mờ, quả một cuộc xung-đột giữa Giám-mục và De Conway cùng sự can-thiệp của bà De Vienne xét cho phải chưa hẳn là yếu-tố chính cho sự tan-vỡ sau này. Ở vào địa-vị De Conway ta cũng phải thận-trọng dè-dặt như vậy. (Theo con tính tỉ-mỉ của người Pháp thuở ấy, những việc chi-tiêu đầu-tiên cho việc xuất-quân đã tới một triệu đồng livres, chưa kể phí-khoản về lương-thực, quân-trang, vũ-khí. Ngay ở các nhượng-địa của Pháp bấy giờ, mỗi khi chậm tiền cho lính vay mượn, phải chạy ngược xuôi bằng chết với những điều-kiện hết sức nặng-nề khiến ta liên-tưởng đến tình-trạng của triều-đình Pháp, của nhân-dân Pháp ngay tại đất Pháp sau này đã để ra cuộc Cách-mạng 1789-1793 nó đưa nước này sang một khúc quanh lớn của lịch-sử).

Rồi điệp-văn ngày 15-3-1789 về tới Versailles thì quyết-định bãi bỏ hiệp-ước cứu trợ Nam-hà đã ra chào đời từ lâu tức là trước vụ gió mùa thuận-tiện cho việc xuất-quân. Pháp-đình đã ra lệnh cho Bá-tước De Conway đưa Thệ-tử Cảnh cùng đoàn tùy-tùng về nước và mời Giám-mục trở lại đất Pháp. Sau này Giám-mục tự-lực giúp chúa Nguyễn được thành-công, ông Faure viết về Giám-mục đã có câu tham-tiếc như sau: « Nếu chánh-phủ Pháp giúp ông Bá-đa-Lộc thuở ấy thì do ông nền bảo-hộ của nước Pháp đã xây-dựng được tại Việt-nam ngay từ cuối thế-kỷ XVIII khỏi phải dùng chiến-tranh sau này mới nên việc... »

CHƯƠNG IV

NGƯỜI ÂU-CHÂU ĐẾN GIÚP CHÚA NGUYỄN

Lý-lịch của các sĩ quan Âu-Châu

Theo bức thư ngày 22-11-1789 của Bộ-trưởng De la Luzerne gửi cho Giám-mục Bá-Đa-Lộc thì Pháp-đình bấy giờ đã biết chúa Nguyễn trở về Nam-hà rồi và đã chiếm được nhiều căn-cứ ở Nam-Việt nhưng coi việc cầu-viện là đã bỏ hẳn thì không còn bàn tính gì nữa.

Thư đến nơi Giám-mục đã rời khỏi Pondichéry về Nam-hà sau khi đã thất vọng hoàn toàn với De Conway.

Hồi còn ở Pháp (5-10-1787) đề thương-thuyết, Giám-mục được Pháp-đình cấp cho 30.000 livres và đã chi tiêu cho sứ-đoàn tới quá 40.000 thêm cả số tiền chúa Nguyễn đưa cho Giám-mục trước khi lên đường. Thống-chế De Castries lại đưa cho Giám-mục thêm 4.000 đồng tiền vàng (écus) để ứng vào việc chi tiêu của thế-tử Cảnh ở Ba-Lê, nhưng khi trở về Nam-hà thì túi tiền của Giám-mục không còn gì nữa. Rồi sau này Giám-mục tự-lực kiếm chác người và vũ khí đem về cho chúa Nguyễn đó là nhờ ở cuộc điều đình riêng với một số nhà buôn và hào-mục ở đảo Pháp-quốc khi công việc có vẻ ngừng trệ. May thay bọn này đã nhiệt-liệt ủng-hộ công việc của Giám-mục (1) tất-nhiên đề sau này nếu chúa Nguyễn thành công họ có chỗ đi lại làm ăn buôn bán. Lại có người nói rằng bấy giờ chúa Nguyễn cũng còn tiền bạc và uy-thế nên đã mua chịu được vũ-khí, tàu bè và thuê chuyên chở vũ-khí về Nam-hà cho mình chống nhau

(1) Charpentier de Cossigny và Louis Moseron sau này là nghị-sĩ tại Quốc-hội lập-hiến của Pháp: một đại-diện cho đảo Pháp-quốc, một thay mặt dân Pondichéry.

với Tây-Son. Qua các tài-liệu lịch-sử, ta có thấy Pháp mua tới 100.000 livres đường của người nước Nam. Như vậy ắt có sự đổi thô-sản lấy súng đạn chẳng ?

Dầu sao ta cũng thấy rõ-rệt là từ năm 1788 đã có việc tàu Dryade và tàu Pandour thả neo tại Côn-đảo cho linh-mục Paul Nghị và vài người Việt xuống, đồng thời trút xuống đây một ngàn khẩu súng cho họ Nguyễn.

De Guignes, con một nhà khảo-cứu trứ danh về các vấn-đề Á-đông có viết về Pháp-đỉnh rằng tàu bè và vũ-khí của Pháp bán cho vua Nam-hà đã làm cho quân Tây-Son phải hoảng-sợ, người Bồ-đào-Nha cũng có gửi đến cho chúa Nguyễn tám, chín chiếc tàu lớn nhỏ khác nhau với dự-định lập căn-cứ bán hàng-hóa và quân-nhu cho chúa. Hai tàu của Pháp từ đảo Pháp-quốc chở hàng và súng đạn đã nghỉ lại tại Nam-hà mấy bữa và đã chuyển giao các thứ kể trên cho chúa (Đây là tàu Garonne và tàu Robuste đã cập bến Saint-Jacques. Tàu Garonne đã bán cho bè tôi của chúa Nguyễn tại Siam hai khẩu đại-bác hồi họ sang kiểm những người Việt đang tị-nạn tại Vọng-các).

Từ cuối tháng 11-1788 chúa Nguyễn dần-dà đã có một số người Pháp giúp đỡ: Jean-Marie-Dayot thuyền trưởng của chiếc Saint-Esprit đi Phi-luật-Tân và Macao lo việc quân nhu, mua tàu của người Bồ-đào-Nha đem về vịnh Saint-Jacques. Năm 1790 Dayot qua Phi-luật-Tân lần nữa với hai chiếc tàu để mua diêm-sinh. Bảy binh-sĩ bắn trọng pháo của tàu Dryade đã đào ngũ đến tăng-cường nhân-sự cho tàu Saint-Esprit rồi tàu này ở lại giúp chúa Nguyễn.

Tàu Méduse dưới quyền điều-khiển của Rosily mang Giám-mục và Thử-lử Cảnh về Nam-hà (hồi tháng 6-1789) cũng giúp chúa về việc tuyển-mộ chuyên-viên.

Xét ra khi thấy hiệp-ước Versailles sắp vô kết-quả, Giám-mục đã lợi-dụng sự có mặt của mình những ngày còn châu-trực ở Ấn-độ để giao-thiệp với các tàu buôn Âu-châu luôn luôn qua lại Pondichéry để cổ-động lấy chuyên-viên các loại cùng lo-liệu việc mua bán các vũ-khí cho chúa.

Rồi cuối năm 1790 hình như người ta đã thấy khá nhiều tàu bè Âu-châu đậu ở bến Sài-gòn (Theo M. Lavoué có tới 14

hay 15 chiếc chiến hạm có mặt tại sông Saigon. Đây là vừa tàu Pháp và Bồ-đào-Nha). Nếu việc này đúng như lời dân-chúng đã nói thì Công-ty Ấn-độ của người Pháp đã viện-trợ cho chúa Nguyễn và Giám-mục Bá-đa-Lộc để chiêu-mộ được một số người Pháp đến giúp chúa dưới các chiến-hạm, ngoài ra cũng có một số người khác ham cảnh giang-hồ phiêu-lãng tìm tòi.

Faure nói rằng thủy-thủ ở nhiều tàu hay lai vãng trên các bờ biển Ấn-độ và Trung-hoa trong giai-đoạn này có tới 349 kẻ đào ngũ hoặc bị sa-thải đã gia-nhập quân đội của chúa Nguyễn trên bộ hay trên mặt nước. Riêng trong ngành bộ binh ít nhất có 40 người, đó là theo lời Giám-mục và Giám-mục đã thành-công hơn cả với ngành thủy quân trong việc lôi cuốn những kẻ tình-nguyên.

Xin kể ra đây một số nhân-vật như: Victor Olivier de Carpentras một người giúp chúa rất tận tâm và dấn-lực, đã bỏ xuống Côn-đảo (ngày nay gọi là tỉnh Côn-sơn) ngày 19-12-1788, khi tàu Dryade qua đây. Lúc ấy ông ta mới 20 tuổi. Ông này có tài tổ-chức và làm việc rất hăng, sau chết ở Malacca giữa lúc đang phục-vụ chúa.

Sau Victor Olivier de Carpentras có Jean-Baptiste-Guillon, de Vannes rời Pondichéry ngày 1-7-1789 đến Nam-hà. Tàu Pandour cũng mất hai nhân viên với chúa là Emmanuel Tardivet và Etienne Malespine cũng vào khoảng 1787-89.

Guillaume Guilloux de Vannes tới Nam-hà hồi nào không rõ lắm, chỉ biết rằng ông ta hồi hương vào tháng giêng 1792.

Théodore Le Brun bỏ tàu Méduse tại Macao ngày 13 tháng 1-1790 để đến Nam-hà.

Riêng tàu Méduse luôn trong 4 năm (1787-1791) hoặc bị đào ngũ hoặc phải sa thải, đã mất 126 người. Việc này làm ta nghĩ rằng lúc đó Giám-mục đã nỗ lực cô-động các chuyên viên cho chúa Nguyễn và không cần úp mở nữa.

Ngoài đám chí-nguyên-quân ngành thủy-lực lại có hai sĩ-quan ngạch hải-quân thuộc-địa là Jean Marie Dayot gốc gác ở Redon thuộc miền Bretagne và Magnon de Médine. Về Magnon de Médine thì người ta chỉ biết rằng ông ta là người của tàu Pandour trước đây. Jean Marie Dayot giúp chúa Nguyễn tới năm 1795. Thêm vào đó có Julien de l'Isle Sellé và Philippe

Vannier là ham-trưởng tàu « *Vua Nam-hà* » và « *Đồng-Nai* ». Julien de l'Isle Sellé giúp chúa ít lâu, còn Philippe Vannier phục-vụ chúa cho tới buổi thành-công và được phong chức. Chức-cơ là chức võ quan nhị-phẩm dưới triều Gia-long.

Charles-Stanilas Lefebvre, cháu Giám-mục cũng đến Nam-hà năm 1793 nhưng chỉ ở lại độ tám chín tháng.

De Forsans người xứ Bretagne giúp chúa tới năm 1811 thì chết.

Laurent Barisy tuy không có mục-dịch đến chiến đấu mà đến buôn bán ở Nam-hà nhưng cũng có dự vào việc tiếp-tế quân nhu và cộng-tác với Olivier để huấn-luyện những tân binh cho chúa một thời. Ông này chết năm 1802.

Baptiste Chaigneau sinh ở Lorient năm 1769 làm ở tàu Flavie sau này rời Nam-hà về Pháp năm 1825.

Desperles sĩ-quan giải-phẫu của tàu Pandour và Despiau Julima cùng Jibsons cũng được ghi trong danh sách các cộng-tác-viên của chúa về thủy quân vào hàng ham-trưởng đến Nam-hà khoảng 1793-1798.

Cứ coi danh sách trên đây riêng về sĩ-quan thủy quân, thuyền trưởng, ta có thể tin họ đã gây cho chúa Nguyễn được một lực lượng hải quân đáng kể lại thêm quân-nhu, vũ-khí tương - đối tối tân thì chúa Nguyễn được nhiều lợi-thế là phải. Công việc của một số người khác là huấn - luyện bộ-binh, lập các ngạch quân đội, đặt quân-kỷ, đúc súng đại-bác (khi đó thứ súng này gọi là thần công, lựu đạn, rèn luyện pháo binh, xây đắp thành trì...) Nhưng vai trò quan-trọng nhất vẫn là Giám-mục Bá-đa-Lộc. Người đã thân chỉ-huy nhiều trận đánh lớn, điều-khiển bọn Oliviern Dayot, Vannier, Chaigneau trong các mưu-lược, kế-hoạch. Giám-mục còn phiên-dịch cả các binh-thư của Pháp ra tiếng Việt để chúa Ánh hiểu biết được các chiến-pháp của người Âu-châu.

Trong suốt 10 năm Giám-mục sống ở Nam-hà, người đã đóng vai một Bộ-trưởng chiến tranh của Nguyễn-vương kiêm cả nhiệm vụ ngoại-giao nữa. Nguyễn-vương rất tin cậy ở người nên mọi việc đều có ý kiến của Giám-mục trước. Do vai trò này Giám-mục đã giữ cả việc từ-dịch với các toàn quyền Phi-luật-Tàn. Macao

Bengale và với đại-diện của Anh-hoàng và của vua Đan-mạch. Tóm lại, người là linh hồn của quân-lực và chính giới Nam-hà thuở đó để dựng lại một ông hoàng thất-thế, lao-đao.

Từ năm 1794 Giám-mục cùng đi với thế-tử Cảnh ra Nha-trang bị quân Tây-sơn hãm thành bắn vào tới 900 phát đại-bác. Năm 1797, Giám-mục cũng có mặt trong thủy-quân của Chúa từ Qui-nhơn ra Quảng-ngãi và chết ở Qui-nhơn ngày 9-10-1799 trong khi Nguyễn quân đang phong tỏa căn-cứ này (1).

Nguyễn-Ánh sửa- soạn chiến-tranh

Như ta đã biết từ tháng 9-1788 (2) chúa Nguyễn-Ánh đã cướp được Sài-còn (sau này được gọi là Sài-gòn khi người Pháp tới đã đọc trại ra vì không nhận rõ được chữ Cồn.) và đã tích-cực mở mang, xây-dựng, khai-khẩn về mọi mặt với mục-đích dùng Sài-còn và toàn thể miền Nam-việt làm bàn đạp để tiến ra miền Trung giành nhau sự-nghiệp với nhà Tây-Sơn.

Sự hiện-diện của một số quân-nhân và kỹ-thuật-gia và chuyên-viên Âu-Châu trong binh-đội của chúa Nguyễn bấy giờ đã gây nên một tiếng vang trong hàng ngũ đối-phương khiến năm 1792 Tây-Sơn đã phải đưa ra lời hiệu-triệu binh-tướng rằng : *«Đừng nên quá tin những lời ngoa-truyền của bọn Âu-châu. Họ có gì là tài giỏi đâu ! Bọn mặt xanh biếc như mặt rắn này chỉ nên coi như những xác chết trôi nổi ở các duyên-hải do biển Bắc thổi tới...»* (3)

Rồi năm 1783 nhà Tây-sơn đã không lưu ý nhiều về Nam-hà, hoặc cho rằng quét lực-lượng này lúc nào nên lúc ấy, hoặc Nhạc, Huệ là hai chúa tối cao chỉ lo rình nhau, nhưng nói cho phải, theo chúng tôi vua Quang-trung đã chỉ ngó về miền Bắc để thôn-tính giang sơn của nhà Lê và đối phó với quân Thanh đã đủ mất hết năm tháng ngày giờ rồi.

(1) Tác-giả cuốn xứ Đông-dương, ông Armand Meggée cho rằng Giám-mục Bá-đa-Lộc thuở đó đã đóng một vai trò bên cạnh chúa Nguyễn-Án như giáo chủ Richelieu bên vua Lu-y XIII.

(2) Xin coi Việt-sử tân biên quyển 3 trang 353.

(3) Giáo-sĩ La Bissachère đã dịch lời hiệu-triệu này vào ngày mồng 10 tháng 7 năm thứ 5 đời Quang-trung tức là vào ngày 27-8-1792 Boulllevaux và Louvet cũng thuật lại việc này theo ngày tháng trên đây. Bản dịch cũ nhất về tài liệu này còn được giữ trong văn khố Viễn-đông vụ trang 142.

Nam-việt bấy giờ thuộc khu-vực ảnh-hưởng của Trung-ương hoàng-đế thì lại càng là lý-do khiến vua Quang-trung không dụng chạp tới. Mà, như ta biết Nguyễn-Nhạc thuở đó đã già rồi, thiếu chí tiến-thủ, giàu óc cầu an hưởng lạc, lại nữa Nhạc lúc nào cũng nghi mao-quân ra khỏi miền Trung để diệt Nguyễn có thể Huệ sẽ tiến quân vào địa-hạt của mình thì nguy. Và nếu Nhạc đem quân ra chống nhau với Huệ ở miền Bắc không khỏi bị chúa Nguyễn tiến ra giành giật đất đai của mình. Do tâm-trạng này Nhạc cố thủ cho thế là kể vạ toàn hơn cả Còn Định-vương Nguyễn-Lữ lại là kẻ bất tài và chỉ lo việc đạo. (Sử-gia Pháp ông J. Chesneaux trong cuốn Contribution à l'histoire de la Nation Vietnamienne gọi Nguyễn-Lữ là giáo-chủ của đạo Phật thuở ấy. Quả Nguyễn-Lữ có ít hoạt-động hơn cả trong ba anh em nhà Tây-Sơn, vì Lữ đã mải mê việc đạo hơn danh lợi, lời của Chesneaux nói rất đúng). Nhờ hoàn cảnh thuận tiện này chúa Nguyễn-Ánh cùng các cộng-sự-viên đã có đủ thời giờ củng-cố và tăng cường miền Nam. Một sự-kiện tốt đẹp cho họ Nguyễn thêm nữa là Huệ, Nhạc lũng củng với nhau nên ai riêng phận nấy, vấn-đề chúa Nguyễn ở miền Nam đáng phải coi là một vấn-đề có ảnh-hưởng sinh tử cho toàn-cục đề anh em nhà Tây-sơn đồng tâm nhất trí giải-quyết đã bị bỏ quên hẳn? Nếu như họ vẫn đoàn-kết chặt-chẽ như thuở mới xuất đầu lộ diện trên sân khấu chính-trị Việt-nam thì họ quét chúa Nguyễn đầu có khó gì như họ đã từng làm trước năm 1788. Luôn một thời gian anh em Tây-sơn gằm ghè nhau cũng đủ cho con chim bằng đất Đồng-Nai mọc thêm lông cánh đề bay bổng với sự phụ tá của nhiều kẻ giang-hồ, hảo-hán từ Tây-phương lẫn tới đã tổ ra có nhiều khả-năng lợi hại.

Vào cuối năm 1787-88 Nguyễn-Ánh đánh ít trận lẻ tẻ đề bình định miền Nam bấy giờ có tướng của Tây-sơn là Phạm-văn Tham thống xuất. Chỉ riêng tại Saigon, chúa Nguyễn mới phải cố gắng đề đuổi tướng Tham ra khỏi nơi đây (1). Tham chạy xuống

(1) *Việt-nam sử lược* chép về Phạm-văn-Tham có nói: quân của Nguyễn-vương nổi lên vào tháng 7 năm Đinh-vị (1787), tiến về Long-Xuyên. Qua tháng 9 quân Nguyễn đánh Cần-Giờ, khí thế mạnh lắm. Đồng-dịch-Vương Nguyễn-Lữ lui về đóng ở Lạng-Phủ, thuộc Biên-Hòa, đề quan thái-phó Phạm-văn-Tham ở lại giữ thành Sai-Côn. Nguyễn-vương cho

vùng sông Bassac rồi phải ra hàng chúa vào tháng giêng âm-lịch năm ấy (25-1—24-2-1789) sau khi binh đội của y bị tan rã do kế ly-gián của chúa (chương trên đã nói).

Được rảnh tay với chiến-tranh lúc nào, chúa Nguyễn tích cực liền lo ngay việc thiết lập an-ninh và trật-tự ở các tỉnh đã chiếm lại được, đặt các cơ-quan hành-chánh tư-pháp quân-sự địa-phương, đặt hộp thư để nhận các đơn khiếu-nại, nghiêm trị cờ bạc, việc đồng-bóng, phù-thủy, khuyến khích canh nông, giúp trâu bò cho dân chúng các vùng bị tai hại vì chiến-sự, cấm ngặt tư nhân xuất cảng gạo thóc.

Đất Gia-định bấy giờ đã chia thành 4 doanh (Khu quân sự): Phiên-trần, Trấn-biên, Trấn-vĩnh và Trấn-định nhưng từ ngày có chiến-tranh đã trở nên hoang-tàn, nhân dân đói khổ không sao kể xiết. Chúa liền cử Trịnh-hoài-Đức, Lê-quang-Định, Ngô-tùng-Chu, Hoàng-minh-Khánh cả thảy là 12 người làm điều-luân quan đứng ra thúc đẩy việc trồng-trọt và cây cấy. Cả quân lẫn dân đều sát cánh nhau tăng-gia sản-xuất kể từ lính phủ binh đến những người cùng cớ.

Đến mùa gặt, mỗi nông dân phải nộp 100 cơ (mỗi cơ là 42 bát) nếu làm ruộng ở đồng bằng, còn dân ở miền cao-nguyên thì phải nộp ít hơn nghĩa là 70 cơ trở lên. Ai nộp đủ, như phủ binh thì được miễn một năm khỏi phải đi đánh giặc, dân đinh thì miễn sai dịch cũng được một năm.

Chúa còn cho mộ người các nơi đến làm ruộng. Những người này gọi là điền-tốt được quan cấp cho trâu bẻ, cây bừa nếu không có. Sau này đến vụ mùa họ có thể tinh theo giá thóc mà trả.

lâm một lá thư giả lấy lốt Nhạc bảo Lữ giết Tham, Tham được thư ấy sợ quá vội kéo quân có cờ trắng đi trước qua Lạng-Phủ kiểm Lữ để phân trần. Lữ tưởng Tham đã hàng Nguyễn vội bỏ thành chạy Qui-nhơn được ít lâu rồi mất. Tham lại trở về giữ thành Gia-Định đây lui được quân Nguyễn về Mỹ-Tho. Sau Võ-Tính là tướng Nguyễn giỏi của Nguyễn quân tiến đánh quân Tham ở Nước Xoáy, Tham lui về đóng ở Ba-Phước. Sang năm Kỷ-Dậu (1789) xét thế cô, Tham định rút quân về Qui-nhơn thì bị các tướng của Nguyễn-vương là Lê-văn-Cầu, Tôn-thất-Hội, Võ-Tính, Nguyễn-văn-Trương ở Hồ-Châu. Tham lại lui về Ba-Thắc sau giữ không nổi phải ra hàng, được ít lâu bị tội phải giết.

Về phần các quan văn võ cũng phải dự vào việc tăng gia sản xuất nói trên. Họ phải mộ người lập thành đội gọi là đồn-điền-đội. Mỗi năm phải nộp 6 học thóc. Dân mộ được 10 người trở lên được làm cai trại và trừ sưu dịch.

Biết lợi dụng ruộng đất phi-nhiều của miền Nam lại biết tổ-chức việc sản-xuất và khai thác năng lực của toàn dân-như vậy chúa Nguyễn đáng kể là người có nhiều ý-thức chính-trị và kinh-tế tuy bấy giờ còn ít tuổi.

Ngoài ra chúa còn có chánh sách thu lượm nhân tài bằng việc miễn sưu dịch, hẹn mở các khoa thi để thúc đẩy việc học hành trong xứ.

Chúa cho lập sổ thuế và miễn thuế cho những kẻ nghèo vì họ đã phải chịu các việc sai dịch. Người Hoa-kiều thì được ghi vào danh-bộ riêng, các thương-thuyền của người Trung-quốc ra vào cũng phải nộp một số thuế mới. Đồng thời chúa hiệu-triệu nhân dân đưa những trai tráng, thanh niên khỏe mạnh ra nhập ngũ và giải-thích cho biết họ tham gia quân-đội tức là tự bảo vệ lấy quyền lợi thiết thực của mình. Bề khác chúa ấn định sự trừng phạt gắt gao những kẻ chống đối chế-độ. Với những ai đã phục-vụ nhà Tây-son chúa hạ lệnh xung vào binh-đội nếu họ muốn hoặc cho ghi vào sổ ở các làng để được làm ăn như mọi nông dân khác. Còn những kẻ ngoan-cố thì bị xử tử hình, các kỳ-mục ở hương thôn cứ theo lệnh đây mà thi-hành.

Để chuẩn-bị chiến-tranh, chúa cho đóng các chiến-thuyền, xây dựng các đồn ải ở những nơi hiểm yếu, chúa lại mua của một số tàu của tây-phương, mọi nguyên-liệu cần thiết cho chiến-tranh như đồng, sắt, chì, thiếc, thuốc nổ, diêm-sinh và đúc một số đại-bác. Chúa liên-lạc cả với Macao để mua vũ-khí. Những chuyên-viên người Pháp thì lo huấn-luyện binh sĩ cho chúa. Công việc tiến hành đều đặn được luôn 6 tháng thì Giám-mục Bá-đa-Lộc về nước với Thế-tử Cảnh vào tháng 6 năm kỷ-dậu do tàu Méduse đã được Conway chỉ-định mang Giám-mục và thế-tử về Nam-hà. Tàu đi từ Pondichéry vào ngày 15-6-1783 dưới sự điều khiển của hạm-trưởng đại-úy hải-quân De Rosily, cùng đi theo ở tàu này có 4 vị giáo-sĩ (Boisserand, Pilon, Tarin và

Leblanc) vài kẻ tồi tệ và đầu bếp của Giám-mục (1). Trong dịp này, Giám-mục có mua được hai chiếc tàu cho chúa Nguyễn. Cả ba đều cập bến tại Malacca ngày 11-7 và hai hôm sau mới trở ra khơi, sau khi đã mua bán một số quân-như ở đây. Tin ở Macao đều cho Giám-mục hay phải gấp lên đường vì phải đề-phòng sự hoạt-động của một người Anh tên là Cox. (sự-kiện này cho biết người Anh và người Pháp thù ghét nhau vì quyền lợi trên đất Á-đông) (2). Sau một thời-gian ngắn-ngủi đỗ bến Poulo - Condore thì đoàn tàu do chiếc Méduse dẫn đường vào được Vũng tàu (mà người Pháp bấy giờ là bến St. Jacques) ngày 24-7-1789.

Nguyễn-Ánh cho Tôn-thất Hội và một số binh-sĩ, tướng tá ra đón chào tại bến sông Sài-côn (Cầu trù, nơi rẽ vào sông Sài-côn). Cuộc tái-ngộ sau 4 năm trường xa cách đã hết sức cảm-động.

-
- (1) Theo sử thần của nhà Nguyễn chép thì trên tàu vào chuyến này này có hai người Pháp là Chaigneau và Vonnier sau này mang tên Việt là Nguyễn văn-Thắng và Nguyễn-văn-Chấn. Sử Pháp (do C.B Maybon) chép rằng Chaigneau sau mới tới (1794) vậy ehi có thể tin rằng lúc đó có Vonnier đi theo Giám-mục mà thôi. Có lẽ trong dịp này Vonnier đã chỉ-huy một trong hai cái tàu Giám-mục đã mua cho chúa Nguyễn. Còn cái tàu khác có thể do Dayot điều khiển về cùng về Nam-hà.
- (2) Theo giả-thuyết của Faure, và giả-thuyết này có thể rất đúng vì căn-cứ vào thư của De Guignes (thư gửi cho Bộ Ngoại-giao ngày 1-12-1789) Cox bề ngoài là một người buôn đồng hồ ở Quảng-đông bấy giờ, trông coi súng ống trên một chiếc tàu nhỏ hai buồm đi từ Luân-đôn đầu năm 1789 đến Macao sau khi ghé Malacca vào hồi tháng 7 năm ấy. Người ta thấy y lấy mọi tin-tức về Nam-hà. De Guignes lại thấy người Hòa-lan và Cox còn kiếm cách về sông ngòi của Nam-hà, định phá bọn này nhưng không nổi. Y nói chỉ còn có cách mật báo cho Giám-mục Bá-da-Lộc hay mà thôi. Đây là một việc tỏ ra rằng không thiếu gì gián-điệp dưới mọi hình-thức đã đến Nam-hà để thực-biện những mưu-dò đen tối của thực-dân Tây-phương hồi đó.

CHƯƠNG V

NHÀ TÂY-SƠN ĐI ĐẾN CHỖ TIÊU-DIỆT (1794-1802)

**Nguyễn-Vương rời
Tiêm-la về Gia-định**

Từ khi Giám-mục Bá-đa-Lộc trở về và một số người Pháp đã tham gia quân lực của chúa Ánh, tình trạng Nam-hà khởi-sắc rõ rệt.

Binh-đội của Vương đã có đủ quân-nhu đạn dược, vũ khí thủy-quân, sĩ-quan, giải-phẫu-sư để trở nên một quân đội hùng mạnh và có nhiều triển vọng. Các sĩ quan Tây-phương rèn luyện binh sĩ cho Vương theo phương-pháp riêng của họ. Xưởng đóng tàu hoạt động suốt ngày đêm. Chúa cho xuất cảng đường gao, cau, nhờ vậy mua được diêm-sinh, sắt, súng trường, đại-bác với các nhà buôn ngoại-quốc ở Macao, Phi-luật-Tân, Malacca Madras. Thành Sài-côn được kiến thiết vững vàng trong hào ngoài lũy do Olivier de Puymanel đảm-trách. Dân chúng yên trí làm ăn đi lại. Về diêm này dân Hoa-kiều tham-gia nhiệt liệt. Thuế má thu vào công khổ được dễ dàng. Trái lại về phía Tây-sơn, các nhà cầm quyền chỉ lo củng-cố địa-vị để phòng sự tranh chấp nội-bộ và chẳng ngó ngàng gì đến miền Nam-Việt đáng lẽ họ phải đem quân công-phá họ Nguyễn để tránh hậu họa.

Cũng nên nhắc rằng những người Tây-phương theo chúa Nguyễn do lời kêu gọi của Bá-đa-Lộc đều là những quân nhân có mộng giang hồ, thích phiêu-lưu mạo-hiểm và cũng có chí đi xa để kiếm ăn lập nghiệp. Họ nghe Bá-đa-Lộc mà đến Nam-Việt đầu có phải chỉ để làm những tên lính đánh thuê chết mướn trong khi họ đang phục-vụ trong quân đội của Hoàng-gia Pháp. Xem bức thư của Olivier de Puymanel gửi cho giáo-sĩ Letondal quản-lý giáo-đường tại thủ-đô Manille (Phi-luật-Tân)

thi rõ y và nhiều bạn cũng có óc kinh-doanh to tát và muốn kiếm tiền dễ dàng họ phải dựa vào uy-quyền của vua quan bản-địa. Họ đâu có lý-tưởng gì khác nữa. Tất nhiên Giám-mục Bá-đa-Lộc đã luôn luôn lấy chuyện làm giàu và phục-vụ quyền-lợi của nước Pháp ra nhử họ cũng như với bao nhiêu thương-gia Pháp ở hải-ngoại mà Bá-đa-Lộc tìm gặp để vận-động sự viện-trợ cho chúa Ánh. Một thời bọn quân nhân này buôn bán phát đạt lắm từ Hong-kong qua Madras, Goa, Hải-nam, Manille, Malacca, với sự khuyến khích của Bá-đa-Lộc và sự nâng-đỡ của Nguyễn-Ánh. Và cũng nhiều khi chính chúa Ánh đã cử họ đi lo việc buôn bán với các nơi kể trên. Nhưng cũng vì làm ăn khá-giả và được ưu-đãi, họ bị một số cận-thần của Chúa có ý ghen-ghét nên đã có phen họ toan đứng dậy bỏ về nước cả.

Việc này đã làm cho Nguyễn-Ánh điên đầu một hồi giữa lúc Chúa đang lạc-quan về tình thế của mình. Bấy giờ Chúa cho rằng đã chuẩn-bị khá đầy-đủ đề ra ấn-công Qui-nhơn thì nội-bộ đột-nhiên lung-củng: với bọn quân nhân Pháp tình trạng đã xảy ra như trên — với binh-sĩ người Việt thì bởi sự trưng dụng quá nhiều vào chiến-tranh và vào việc xây thành đắp lũy họ phải bỏ phế đồng ruộng, gia-đình nên cũng định nổi loạn đề đảo ngũ. Bá-đa-Lộc vội thu xếp cho những kẻ đi lính quá lâu được luân phiên giải ngũ về quê và hợp với Chúa dẹp sự xích-mịch giữa đám bề tôi của Chúa với đám người Pháp, hứa bảo-đảm cho họ sự an-ninh và tặng nhiều phần thưởng. Trước công việc này, Bá-đa-Lộc coi sự thất bại của Chúa là sự thất bại của mình bởi trong ý của Giám-mục phải làm sao cho Nguyễn-Ánh thành-công thì việc truyền-giáo ở nước Nam sau này mới có nhiều triển-vọng. Nếu Tây-Sơn biết lợi dụng được sự lung-túng này của Ánh có lẽ họ đã thâu được nhiều thắng lợi. Tiếc thay!

Năm 1789, Dayot sau khi đi mua bán được nhiều quân-như súng đạn ở Ấn-độ, Malacca, Phi-luật-Tân, Tích-Lan đã trở về với ba chiếc tàu lớn và một trăm chiếc thuyền cập bến Sài-côn. Olivier de Puynamel đã thiết-lập xong mọi cơ-cấu bố-phòng lo xa nếu địch tấn-công vào nội-địa.

Năm 1791, miền Nam mở chiến-dịch Qui-nhơn xét đã đủ lòng cánh vẫy-vùng trên bộ, dưới nước. Quân số của Ánh

đã lên tới 60.000, đáng kể là con số lý-tưởng vì từ đời các tiên-chúa, quân-số Nam-hà chưa bao giờ lên tới mức đó (1).

Một lý-do ta thấy là miền Nam-Việt bấy giờ ruộng đất phì-nhiều gấp bội miền Trung nên chúa Nguyễn mới có thể gây dựng được một đạo binh tương đối khá đông-đảo như trên đã nói mà tài-nguyên không có gì ngoài các thổ sản trong nước đã đem ra bán hay đổi chác với ngoại-quốc.

Thiết tưởng cũng nên xét qua số tướng lĩnh của Nguyễn-Vương bấy giờ là những ai. Ta nên kể Võ-Tánh trước nhất.

Võ-Tánh vốn người Biên-Hòa, có anh là Võ-nhân trước kia là thuộc-tướng của Đỗ thành-Nhân. Họ Đỗ bị giết, Võ-Nhân hợp quân Đông-sơn lại chống nhau với Nguyễn-Vương được ít lâu thì bị bắt và bị giết.

Võ-Tánh mang tàn binh về Gia-Định, giữ Vườn-trầu (tại Hóc-Môn) sau rút về Gò-Công, tự xưng là Tổng-nhung. Quân-lực của Tánh lên đến hàng vạn, trải nhiều lần đụng độ với quân Tây-Sơn đã làm cho họ phải nề mặt. Danh tiếng Võ-Tánh một thời đã vang dội khắp miền Nam và Tánh được liệt vào *Gia-định tam hùng*. Võ-Tánh được kể là đệ nhất anh hùng và quân Tây-sơn thường kiêng gặp Tánh.

Nguyễn-Vương ở Tiêm-La về có sai Nguyễn-đức-Xuyên dụ Tánh. Tánh thuận theo khi Nguyễn-Vương đóng ở Nước-Xoáy. Tánh đem quân bản-bộ đuổi giúp Phạm-văn-Tham rồi đến tháng tư năm Mậu-thân (1788) Tánh đem các tướng Võ văn-Lương, Nguyễn văn-Hiếu, Mạc văn-Tô, Trần văn-Tín đến yết-kiến. Thấy Võ-Tánh là một hào-kiệt, khí phách cương-cường, Nguyễn-Vương trọng dụng ngay, phong làm Tiên-pho ng dinh Chưởng-cơ và gả em gái là Ngọc-Du Công - chúa. Còn bọn thủ-hạ của Võ-Tánh cũng được lĩnh chức Cai-cơ.

Ngoài Võ-Tánh bấy giờ là người mới, tương tá cũ của Nguyễn-vương có Lê văn-Câu (2). Nguyễn văn-Thành, Lê văn-Duyệt, Nguyễn văn-Nghĩa, Nguyễn văn-Nhàn, Nguyễn văn-Nhân,

(1) Quân số của Nam-hà trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh chỉ tới 40.000 mà thôi. Việc này đã ghi trong V.S.T.B. quyển 3.

(2) Sĩ của C.B. Maybon gọi là Lê văn-Quân.

Nguyễn văn-Giáo, Tôn-thất Hội, Nguyễn Văn-Trương.v.v... đáng kể là những phần tử trung kiên nhiều phen cùng chúa chia xẻ đắng cay, vinh nhục. Văn thần của Nguyễn-Vương có các ông Trịnh hoài-Đức, Ngô Tông-Chu, Lê quang-Định, Hoàng minh-Khánh.v.v.. có khả năng về việc hành-chánh và mở mang kinh tế nông nghiệp để gây nên cuộc binh trị tại miền Nam khi chúa Nguyễn trở về lấy Gia-định thành làm bàn đạp để tiến đánh nhà Tây-Son.

Sau khi sắp đặt được mọi qui-mô tại Gia-định và đã nghỉ-ngơi được khá đầy đủ hơn một năm, đến tháng tư năm Canh-tuất (1790) Nguyễn-vương tỉnh đến việc xuất quân, sai Lê Văn-Câu đem 5.000 quân thủy bộ ra đánh Bình-Thuận, Võ-Tánh và Nguyễn Văn-Thành nhận thế quân mình đang mạnh kéo luôn ra Diên-khánh (Nha-trang) Tại đây, Thành và Tánh không đồng quan diêm chiến-thuật chiến-lược với Cầu nên không chịu tuân lệnh xét rằng không đủ sức đi sâu vào đất địch. Nguyễn-vương phải rút hai người về Gia-định và lưu Lê Văn-Câu ở lại giữ Phan-Ri (1). Cầu đem quân ra Phan-Rang xây dựng ba đồn và chia quân chiếm đóng các yếu-diêm của miền này. Mùa hè năm đó, quân Tây - Sơn trở lại rất đông, phá được hai tiền đồn của Cầu. Cầu phải tháo lui. Nguyễn-Vương hạ lệnh Cầu cứ ở lại cầm cự và sẽ cho tiếp-viên, Vương sẽ thân dẫn thủy quân ra cấp-cứu, nhờ vậy Cầu được giải vây không phải là không vất-vả (2).

Tuy được thắng lợi ít nhiều, Nguyễn-Vương thấy lưu nhiều binh sĩ ở đây việc tiếp tế sẽ khó khăn và trong dịp gió mùa Đông-Bắc quân Tây-sơn kéo đến thì khó chống đỡ, ngoài ra

-
- (1) Theo *Việt-Nam sử-lược* thì chỉ Võ-Tánh bất đồng ý-kiến với Lê Văn Cầu mà thôi.
 - (2) Lê văn-Câu bại trận lấy làm thẹn, cáo ốm không ra chỉ huy nữa, về đến Gia-định thì bị lột chức. Cầu uống thuốc độc tự vận. Đây là trường hợp thứ hai, kẻ công thần của Nguyễn-Vương phải bất đắc kỳ-tử. Người ta nhớ trước đó đã có vụ Đỗ thành-Nhân. Trong lúc còn lao lung với nhau mà đã thế, trách gì sau này Nguyễn-Vương dẹp xong nhà Tây-sơn, ở yên ngôi chúa tể, một số công thần khác như Nguyễn văn-Thành, Lê-Chất, Đặng trần-Thường, Lê văn-Duyệt cũng theo số-phận Nhân, Câu nghĩa là không được sống trọn với Nguyễn-Vương để chia phú quý trái lại kẻ thì bị tù ngục, xử tử, kẻ thì đã thành nắm xương khô còn bị xiềng mỗ xích mả, Ngẫm việc trước, thấy việc sau là đó.

quân Nguyễn chưa đủ sức rải nhiều trên đất địch. Do quan điểm này, quân Nguyễn chỉ dựng hai đồn ở giáp giới khu vực của nhà Tây-Sơn mà thôi.

Cuối năm sau, vào tháng chạp (5-1—8-1-1791) quân Tây-Sơn lại đuổi được quân Nguyễn ra khỏi Bình-thuận một cách dễ dàng vì lực lượng của họ còn đang mạnh lắm.

Theo bức thư của Liot đề ngày 8-1-1891 mà giáo sĩ Cadière đã ghi chép thì việc Nguyễn-Vương rút quân ra khỏi Bình-thuận là thất sách. Giám-mục Bá đa-Lộc, tác giả bức thư này, phàn nàn Nguyễn-Vương có tính rút-rè vì quá thận trọng, mà ngay cả đám người Âu-châu lúc ấy giúp Nguyễn-Vương cũng nghĩ như vậy. Họ cho rằng nếu Nguyễn-Vương cương quyết hơn thì đã thành-công sớm hơn nhiều. Sự chần-chừ của Vương chỉ có hại.

Còn cuộc hành-quân đầu-tiên này xét ra là vô kết-quả; tuy vậy trong năm 1791, Nguyễn-Vương đã lợi-dụng được thời-gian tương-đối yên-ổn để sửa đổi lại chính-sự, nhân-sự, khuếch-trương các việc đồn-diền, giải-quyết nạn đói xảy ra vào mùa hè năm ấy bằng việc miễn thuế, lấy thóc công điền cấp cho dân nghèo, định giá thóc của nhà giàu buộc phải bán cho người khó, đặt thuế-lệ về sự làm ăn sinh-sống của những người Hoa-kiều và Minh-hương, đặt phép thi cử, cải-cách nền tư-pháp, bãi-trừ nạn cho vay lãi, định lễ nghi và tế bái trời đất, ban thưởng các chiến-sĩ bỏ mình ngoài trận mạc, xuân thu nhị kỳ hương khói tại Khổng-miếu hồng bảo-vệ lấy những lập-tục và truyền-thống các đời trước đã bị bỏ quên vì chiến-tranh.

Về quân-sự, Nguyễn-Vương cũng cho xét lại các vấn-đề : thuế-lệ tuyền-mộ tân-binh, định ngày tháng thao diễn binh-đội (vào tháng giêng và tháng 10) đóng tàu chiến, dựng y-viện cho quân-đội và cũng trong năm này Nguyễn-Vương mua thêm quân nhu vũ-khí hai kỳ của ngoại-quốc và thăng-thưởng binh tướng, phong tước cho các người Âu-châu.

Để tránh nạn đói hoặc mùa-màng thiếu hụt, Nguyễn-Vương còn cho người bi-mật ra miền Trung đặt về đề phò-biến trong dân-gian lòng tưởng nhớ họ Nguyễn và khích-dộng sự căm hờn Tây-sơn về các chuyện bất sâu, gọi linh. Tỉ-dụ câu :

*Lạy trời cho cả gió nồm,
Cho thuyền chúa Nguyễn rong buồm chạy ra.*

rất có thể là do thủ-đoạn của chúa tôi họ Nguyễn đặt ra để tuyên-truyền cho lực-lượng miền Nam hơn là do lòng hoài Nguyễn của nhân-dân khi mà họ chưa quên chế-độ hư-hèn của triều-đình Vũ-Vương và chế-độ Trương phúc-Loan vừa đây. Ngay tại Đồng-nai dăm ba năm trước đây còn xảy ra những vụ chống lại chúa Nguyễn không ngoài vấn-đề thuế khóa, bắt lính, bắt sâu khiến Chúa đã trở nên dè-dặt, do đó mà quân của Chúa không mấy khi phải đánh những trận quá rộng lớn như binh đội Tây-Sơn. Công-tác tuyên-truyền này còn có mục-dịch dụ-dỗ dân hai vùng Phú-yên và Bình-thuận kéo về khẩn-hoang đất-đai ở Đồng-nai. (1)

Thị-Nại bị tấn công lần thứ nhất

Cho tới 1792, lực lượng chúa Nguyễn đã được tích-cực xây-dựng về mọi mặt. Nhưng Nguyễn-Vương vẫn chưa dám tin có thể thắng được Tây-sơn và nên mở những cuộc tấn-công đại qui mô.

Trên đây đã nói lần đầu tiên Lê văn-Cầu ra quân rồi quân Nguyễn lại rút về chỉ đóng một hai đồn ở nơi giáp giới địa phận của Tây-sơn. Sự kiện này đã cho ta thấy chúa Nguyễn có một thái độ chờ thời và rụt-rè, thái độ này còn được biểu lộ trong một cuộc giao-dịch với Tiêm-la : Chúa nói với sứ thần của Tiêm rằng : rất có thể Nguyễn-Huệ đem quân vượt qua đường Lào và Cao-mên để đánh miền Nam; thủy quân của Huệ cũng sẽ lần theo hải-đạo đến Côn-lôn và hoạt-động tại Tiêm-la, Hà-tiên tôi chiếm đóng Long-xuyên Kiên-giang rồi hợp với bộ-binh ở Sài-côn... Câu chuyện này có ý nhắc Tiêm-la chuẩn-bị quân-lực để cứu-viện cho mình và Tiêm cứu Nam-Việt sẽ là tự cứu. Việc này không thấy sử sách của ta chép nhưng căn-cứ vào thư của Gi-o-si Le Labousse (*Tài liệu của Giáo-sĩ Cadière, trang 27* cho ta thấy có những câu dưới đây đáng làm cho ta tin ít nhiều là có sự xác thực : « Vào tháng hai 1792 trước, ngày chúng tôi phải rời bỏ các con chiến

(1) Vào tháng 4 (21-4 tới 20-5-1792), Nguyễn-Vương còn phải ra lệnh miễn các tạp-dịch cho những ai chăm lo việc cấy-cày và trừng-phạt những lý-dịch ở các làng nhiều con em sao nhãng việc canh-nông.

và để tránh kẻ địch (Tây-Sơn) họ kéo tới vài chục ngàn quân do đường Lào và đàng-hoàng tiến vào tới Cao-mên. Người Mên cũng linh theo họ, mà về phần Nguyễn-Huệ sẽ cùng hải-quân ập vào các cửa bể miền Nam để chặn đường rút lui của Chúa Nguyễn. Nếu dự-định này được thi-hành thì nhà vua và chúng tôi chỉ còn chờ chết. Nhưng nhờ ơn trên, việc này không thấy thi-hành nên chúng tôi thoát được cơn giống-lố nguy-hiểm vô cùng ấy, hoặc do Tây-Sơn e ngại các chiến-hạm của người Âu-châu đang đóng đầy ở cửa sông Sài-côn do việc buôn bán, hoặc vì hai đạo quân của vua Tiêm-la cho qua đã ngăn chúng lại tại Cao-mên.. »

Tại Qui-nhơn bấy giờ, Nguyễn-Nhạc cũng cho đóng nhiều chiến-thuyền ở cửa Thị-nại rõ ràng đề Nam-chinh.

Sự-kiện này càng tăng-cường lý-luận của phe chủ-trương mở cuộc tấn-công đề dục chúa Nguyễn cương-quyết hoạt-động. Cho tới bấy giờ, Chúa còn nghĩ rằng hãy nghe ngóng kỹ hơn nữa. Nhưng rồi chúa Nguyễn cũng phải nghe theo một phần nào phe chủ chiến, nghĩa là lợi dụng vụ gió mùa (gió thuận) kéo quân ra đánh nhau với Tây-sơn bằng hai đường thủy, bộ. Từ đó hàng năm quân Nam tiến ra như trên đã chiếm được vài cứ-diểm rất dễ-dàng, đóng đồn ải ở những nơi thuận lợi, rồi gặp mùa xấu tiết lại rút về Nam. Do đó dân chúng gọi là « Giặc mùa ». Hành-động này về phần miền Nam có ý tỏ cho Tây-sơn biết rằng mình không hèn, và cũng đề cho các tướng-sĩ của mình khỏi nản lòng.

Đầu năm Nhâm-tý (1792), vào tháng ba, khi gió mùa (gió nam) thổi mạnh, chúa Nguyễn tại khởi-hấn. Bình-thuận lúc này dĩ-nhiên là bãi chiến-trường liên-miền cho cả đôi bên và binh đội của Nguyễn-Vương bấy giờ có đủ người Việt, người Miên, người Tiêm và người Pháp, rất hăng hái và có kỷ-luật, nhưng đáng lưu ý một điều là Nguyễn-Vương hết sức hạn chế việc bắt lính, điều này trái hẳn với nhà Tây-sơn. Nguyễn-Vương e rằng bắt nhiều lính thì sẽ mất nhiều người làm ruộng khai hoang; chắc chắn ít nhất từ năm 1792—1799 số binh sĩ của Vương không lớn lắm, do đó việc chiến tranh cũng hạn chế, việc rải quân đi đóng các đồn ải xa cũng vậy. Nhưng Vương giữ lại các binh-sĩ chuyên-môn chiến trận vì họ đã thuần thục trong nghề thì có ít cũng như có

nhieu. So sánh với quân Tây-sơn, quân Nguyễn có nhiều phẩm hơn lượng, phần cấp chỉ-huy tinh-nhuệ, quân đội được tổ chức và rèn luyện theo đúng lề lối của Âu-châu. Bộ-đội của Vương lại có những pháo binh và những binh-sĩ bắn trái phá rất tài, trong khi quân Tây-Sơn chỉ có ít súng trường, gươm, giáo. Về súng tay của Tây-Sơn thì năm người mới có một khẩu và lại thường không được tập tành chu đáo ; về đại-bác tuy có số nhưng chỉ trang-bị ở các chiến thuyền mà thôi, còn bộ-binh một thì không được dùng. Thủy-quân của Nguyễn-Vương có Dayot, Vannier điều khiển nên cũng là một điểm rõ-rệt xuất sắc hơn quân-lực Tây-Sơn.

Trận thủy chiến ở cửa Thị-Nại giữa hai quân đã minh-chứng sự-trạng này.

Cuộc tấn công của Nguyễn-quân vào cửa Thị-Nại được diễn-hành như sau : tướng của Nguyễn có Nguyễn văn-Trương Nguyễn văn-Thành, Dayot, Vannier, De Redon, D'Auray, Olivier de Carpentras, được lĩnh một lực-lượng thủy-quân quan-trọng ra Qui-nhon để đánh bất-ihàn vào thủy-quân của Tây-Sơn. Tây-Sơn đã tập-trung ở đây hết thảy những chiến thuyền lớn của mình nên có thể nói rằng những tướng lãnh cừ - khôi nhất về thủy - quân của Nguyễn đều đã xuất trận. Nguyễn-Vương cũng lên đường vào tháng 7 với một hạm-đội nhỏ, có tàu Pháp đi hộ-vệ.

Theo C. B. Maybon, thủy-quân Nguyễn bắc tiến vào tháng sáu, khoảng 19-7 — 17-8-1792. Nguyễn văn-Thành làm tiền-phong. Thuyền được gió thổi mạnh đi mau lẹ. Đến Thị-nại, quân Nguyễn đổ bộ ào-ạt chiếm được các doanh trại của Tây-Sơn và đốt sạch. Chiến-thuyền của Nguyễn xông được hết vào trong quân-cảng. Binh tướng của Tây-Sơn bị đánh bất-thình-lĩnh bỏ chạy để lại vũ-khí và tàu bè rất nhiều. Sau vài giờ, thủy-quân Nguyễn được làm chủ chiến-trường nhưng Nguyễn-Vương thiếu kinh - nghiệm nên đã không biết hưởng - thụ triệt - đề những chiến-lợi-phẩm. Vương hạ lệnh đốt hết mọi thứ, chỉ để lại 5 chiếc chiến hạm vũ-trang đầy đủ và 20 chiếc thuyền có tay chèo cùng bốn năm chục tàu chiến khác cỡ nhỏ. Khi lửa cháy rực trời, Nguyễn-Vương mới thấy nhiều thuyền có tay chèo trên dát vàng đỏ chói rất đáng tiếc, muốn cứu nhưng đã muộn. Thần hỏa lại thiêu đốt cả ba kho đầy tiền bạc, quân-trang và gạo nước.

Phần về-vang trong cuộc chiến-thắng này phải dành nhiều cho Olivier. Ông này dẫn một chiếc chiến-hạm đi đầu, xông vào căn-cứ của địch ngót một giờ trước toàn-đội một cách rất ung-dung, hiên-ngang tiến thẳng đến chỗ quân Tây-Sơn. Chiến hạm của ông bị bắn như mưa rào, ông vẫn không nao-núng khiến Nguyễn-Vương và binh-sĩ phải ngạc-nhiên và thán-phục vô cùng. Họ liền-tưởng đến đám người Bồ-đào-Nha giúp các tiền-chúa trước đây nếu đem so-sánh còn thua xa viên tướng Pháp về can-đảm.

Barrow, kể lại rằng : « Nếu đêm hôm ấy, Nguyễn-Vương mạnh bạo hơn một chút cứ đánh thẳng vào thành Qui-nhơn, thành này bấy giờ cách căn-cứ hải-quân có bốn năm dặm, có lẽ đã bắt được chúa Tây-Sơn một cách dễ-dàng. Nguyễn-Nhạc đi sẵn vắng lúc cuộc thủy-chiến bùng ra, sau một ngày mới trở lại. Vị Hoàng-đế này như bị sét đánh ngang tai vì tất cả lực-lượng hải-quân của ông xây-dựng từ bao nhiêu năm một lúc đã tan ra tro bụi. Giờ đây, Hoàng-đế của chúng ta chỉ còn chín chiếc thuyền buồm nhỏ đủ để đi chơi mà thôi. Người phá được sự-nghiệp của Hoàng-đế lại là một ông hoàng nhỏ tuổi dào dạt phong-khổ xưa kia. . . »

Rồi cũng vào cuối năm 1792, một biến-cố vô cùng quan trọng đã xảy ra : Đó là việc vua Quang-Trung tận số giữa cái tuổi 40 đầy sinh-lực, đầy hứa hẹn và đang hiên-hách như sấm vang lửa dậy từ trong nước ra ngoài (1). Con lớn của Ngài mới trên 10 tuổi là Nguyễn Quang-Toàn lên thay ; lấy niên-hiệu là Cảnh-Thịnh. Bùi Đắc-Tuyên là cậu ruột được cử làm Thái-sư Phụ-chính. (2) Sau này vì một cự hiềm giữa anh em và con cháu nhà Tây-Sơn, sự tranh-dành ảnh-hưởng giữa các tướng lãnh, đại-thần, nhà Tây-Sơn đi dần đến chỗ tàn-bại rồi bị tiêu diệt hẳn.

- (1) Khi vua Quang-Trung hấp-hối, Ngài có dặn dò các các cận thần nên gấp rút rời bỏ về Nghệ-An, hẳn Ngài đã hiểu mọi ngày không xa quân-lực của chúa Nguyễn có thể tiến ra tới Thuận, Quảng.
- (2) Xin nhắc vua Quang-Trung có hai bà Hoàng-hậu : Người lấy trước thuộc họ Phạm, sinh ra Nguyễn Quang-Toàn, quê ở Qui-Nhơn, Bùi Đắc-Tuyên là anh bà này, không rõ là cùng mẹ khác cha hay là anh em thứ bá về bên ngoại. Còn Ngọc-Hân công chúa là vợ sau của ông được phong Hoàng-hậu.

Thị Nại bị tấn công lần thứ hai

Năm Quý-sử (1793) vào tháng tư (10-5-7-6) Nguyễn - vương đề Đông-Cung Cảnh (Thế tử-Cảnh được xách lập ngày 1-5. Vương đặt thầy giảng dạy và xem-xét mọi lời nói cử-chỉ của Đông-Cung đề sau này có đủ tư cách và phong-độ một vị đế-vương (1). Các quan phải hàng tháng làm tờ biểu đề trình lên Nguyễn-vương về việc này. Tại Gia-định Tôn-thất hội được lãnh lục-quân, Nguyễn văn-Trương và Võ Di-Nguy được chỉ-huy thủy-quân. Vương cũng có hạm-đội và có Phò-Mã Võ-Tánh đi theo. Về phía người Âu-châu có Dayot và Vannier điều-khiển một số thuyền-chiến lớn. Olivier và một số người Âu-châu trông coi pháo-đội.

Thủy-quân của Vương tiến đánh Bình-thuận. Vương ra tới Nha-trang vào đầu tháng năm (8-6-6-7-1793). Tại đây thấy quân Nguyễn mạnh, Tây-Sơn rút lui. Vương cho một số quân ở lại chiếm giữ căn-cứ này chờ Tôn Thất-Hội kéo tới, quân Nguyễn thừa thế đánh thốc lên nữa. Quân Tây-Sơn bỏ chạy hoặc ra hàng nên hai phủ Diên-Khánh và Bình-Khang đổi chủ rất mau lẹ. Vương chiếm được nơi nào lập ngay nền hành chánh, thiết quân-luật đề an-lòng dân (bình-sĩ tướng-tá nào phạm vào tài-sản và sinh-mạng của nhân dân đều bị xử tử) Vương cũng cho dân nộp thuế theo như Nhà Tây-Sơn (*không thâu nặng hơn*) đề có lương thực cho quân-đội (*chắc dân phải nộp bằng thóc gạo thực phẩm*).

Lúc này về mặt bộ, Tôn Thất-Hội cũng đánh được phủ Bình-thuận và được lệnh phối-hợp với thủy-quân đề đánh lên Phú-Yên và Qui-Nhơn Tại Phú-Yên, quân Nguyễn không bị sức cản trở nào đáng kể trong khi hạm-đội vào tới cửa Xuân-Đài rồi tiến thẳng lên kinh đô của Nguyễn-Nhạc (cửa Thị-Nại)

Xét ra từ lúc xuất binh đến lúc đánh vào căn - cứ của thủy-quân Tây-Sơn là Thị-Nại, quân Nguyễn chỉ mất có một tháng mà đã lấy được nửa phần giang - sơn của Nguyễn-Nhạc đủ rõ quân-lực của Trung-ương Hoàng-đế nhà Tây-Sơn bấy giờ yếu ớt quá rồi. Hoặc ta có thể nói rằng quân-lực của Tây-Sơn vẫn như cũ trái lại quân Nguyễn nhờ có sự

(1) Theo *Việt-nam sử-lược*, Thế-tử Cảnh được làm Đông-Cung, phong chức Nguyên-Sứ, lĩnh tả quân doanh vào tháng 3 năm Quý-Sửu.

cải-tổ do tay người Âu-châu đã tiến vượt bậc nên quân Tây-Sơn không theo kịp. Quan-niệm chiến lược, kế-hoạch hành quân phù hợp với nhau, vũ-khí chiến-thuyền lại tối tân và nhiều hơn, đó là không kể về tinh-thần quân Nguyễn trên dưới nhất trí. Về điểm này Tây-Sơn thiếu sót hẳn. Yếu-tố này tiếc thay là lại yếu tố căn-bản.

Nguyễn-vương phái Võ-Tánh công phá các tiền-đồn đang làm phen dậu cho Thị-Nại. Các tiền-đồn này phá xong, Thị-Nại mất. Nguyễn-Nhạc trước sự tấn-công mãnh-liệt của quân Nguyễn cử thái-tử Nguyễn-Bảo làm đại-tướng lĩnh những đạo quân tinh nhuệ nhất, có tượng binh yểm-trợ (1). Nhưng Bảo vẫn dương không nổi phải rút vào thành. Quân Nguyễn đuổi theo thì vấp vào một phòng tuyến khá mạnh-mẽ và khá dài của Tây-Sơn. Tuy vậy quân Nguyễn vẫn vượt được các trở-lực, nhờ ở sự chiến-đấu đầy hy-sinh của các tướng khác như Nguyễn Văn - thành, Tôn Thất - Hội và Lê Văn - Duyệt. Số chiến-lợi phẩm bắt được của Tây-Sơn ở trận này là 35 khẩu đại-bác, 30 chiến-thuyền, 3 cặp voi frạn, một kho gạo và một kho cá khô. Qui-nhơn lúc này lâm-nguy trông thấy mặc dầu bên ngoài còn một số đồn ải bao quanh và trong thành còn 10.000 binh-sĩ. Đáng lẽ cuộc hành-binh của Nguyễn quân phải mở hết tốc-độ cho xong thì có sự bất-đồng ý-kiến giữa Chúa và các cán-bộ quân-sự Âu-châu.

Bọn này chủ-trương dốc toàn-lực đánh thành nhân thế quân đang mạnh. Chúa cho rằng ngày nào quân Tây-Sơn cũng đến xin hàng thì sớm muộn Qui-nhơn cũng phải mở cửa ra đầu hết do đó mà suốt tháng 9, tình-thế đôi bên vẫn nhùng-nhằng rồi lại trở nên bất-lợi cho Nguyễn-Quân do hết mùa gió thuận.

Nhân Nguyễn-quân không đánh thành gắt-gao, Nhạc cho người về Phú-xuân xin viện quân của vua Cảnh-Thịnh. Việc này xảy ra vào tháng 8 năm ấy.

Nguyễn Quang - Toàn sai Thái-úy Phạm Công-hưng, quan hộ-giá Nguyễn Văn - Huân, quan Đại-Tư-Lệ Lê-Trung và quan

(1) Nguyễn-Vương mật sai Võ - Tánh hợp quân với Tôn Thất - Hội và Nguyễn Văn - thành đánh tập hậu. Quân của Bảo bị đánh hai mặt nên núng thế phải rút về Qui-nhơn. Quân Nguyễn thủy-bộ liên-lạc được với nhau, nhưng khi tiến đánh Qui-nhơn thì ngừng lại.

Đại-Tư-Mã Ngô Văn - sở đem 17.000 binh và 80 con voi đi vượt núi đèo vào cứu-cấp **Qui-nhơn**. Thủy-quân có quan **Đại-thống-lĩnh Đặng Văn** - chèo mang 30 chiến thuyền vượt hải - đảo tiến vào nhu vũ bão.

Thấy viện-binh của địch khá mạnh, **Nguyễn-Vương** sau ít cuộc xô-xát xét chống không nổi phải bí-mật rút về **Diên-khánh**, bỏ các đồn đã chiếm được. **Vương** rút khỏi **Thị-nại** để đi **Xuân-dài**, sắp đặt kế-hoạch mới cố giữ lấy **Phú-yên** vì có thể quân **Tây-Sơn** sẽ trở lại nơi này. **Vương** cho **Olivier** tu sửa thành **Diên-khánh** (*Khánh-hóa ngày nay*) làm hào, lũy, cất kho chứa binh-lương tính giữ địa-diểm này lâu dài. Xong việc **Vương** trở về **Gia-định**, và để **Nguyễn Văn** - thành ở lại giữ **Diên-khánh**, **Nguyễn Hoàng** - Đức giữ **Bình-thuận**. Nhưng đến tháng 11, theo lệnh của **Nguyễn-Vương**, **Đông** - **Cung** - **Cảnh** và **Giám-mục Bá-Đa-Lộc**, **Phạm Văn** - nhân, **Tổng Phúc** - khê lại ra tăng-cường cho **Diên-khánh**.

Nội-bộ Tây-Sơn chia rẽ

Trong khi cuộc giải-vây thành **Qui-Nhơn** có kết-quả là đây lui được quân **Nguyễn** ra khỏi địa-phương này. một việc rất không hay đã xảy ra trong nội-bộ của **Tây-Sơn**.

Đoàn quân **Phú-Xuân** tiến vào thành thì bị ngừng là vì cửa đóng kín như bưng. Các tướng lĩnh của **Nguyễn Quang-Toản** có ý bất bình tuyên-bố xin vào thành để bái kiến **Trung-ương Hoàng-đế** và chỉ trở về sau khi được bái-kiến Họ còn thanh-minh đến đây với tính-cách bạn chứ không phải là thù. Nhưng nếu họ bị coi là có manh-tâm thì họ sẽ cương quyết đối phó.

Cực chẳng đã, **Nhạc** phải cho mở cửa thành đón đoàn quân chiến-thắng, biết chống cũng chẳng nổi. **Nhạc** mời các thượng tướng vào, tuyên bố xin tự ý rời ngai vàng để sống như một kẻ dân-dã. **Bọn Phạm Công-Hưng** bề ngoài nói là không dám có thái-độ nào và mời **Nhạc** ngồi đề họ làm lễ triều bái nhưng trong khi này đại-quân của **Quang-Toản** đã ngêngh-ngang đóng vai chủ chiếm đóng nhiều cơ sở trong **Hoàng-thành** của **Nhạc**. Con người già yếu ấu uy thế chẳng còn, kho tàng bị vét

sạch không dám một lời kháng cự rồi chỉ còn uất lên rồi chết Nhạc qua đời vào tháng 9 năm ấy, tức là một hai tuần sau khi quân Nguyễn rút, và quân Phú-Xuân vào thành. Xin nhắc rằng quân Nguyễn Bắc tiến vào tháng 8, sự-việc này xảy ra vào tháng chín thì rõ rệt! Nhạc buồn nản về thái-độ của các tướng Phú-Xuân. Nhưng có nên qui tội này cho Quang-Toản như vài sử thần của triều Nguyễn chẳng? Lúc này Quang-Toản còn quá non nớt việc gì cũng do Thái-Sứ Bùi Đắc-Tuyên và bè đảng quyết định. Hành-động của bọn tướng-tá Phú-Xuân đối với Qui-Nhơn phải coi là một cuộc tranh chấp bắt nguồn từ lâu năm khởi đầu ở lòng tham và sự ghẻ lạnh giữa anh em nhà Tây-Sơn thì trácá gì những kẻ dưới chẳng lợi-dụng thời cơ để lấn áp kiếm lợi. Lại nữa, lực-lượng của Trung-ương Hoàng-đế yếu ớt quá, chẳng đủ đương đầu với miền Nam cũng có thể là nguyên-nhân thứ hai cho Phú-Xuân có một thái-độ bất thường và không đẹp. Có lẽ họ đã nghĩ rằng về vị-trí chiến-lược, Qui-Nhơn là công ngõ vào Phú-Xuân. nếu Qui-Nhơn lọt vào tay chúa Nguyễn thì về mặt bộ Phú-Xuân đã mất một phòng-tuyến ở địa-đầu, vậy chiếm lấy Qui-Nhơn cũng là đề bảo-vệ cho Huế còn hơn là đề Nguyễn quân đánh chiếm được, sẽ nguy-hiểm và bất lợi cho họ. Việc này không phải là không hữu lý.

Các nhà chép sử của nhà Nguyễn đã căn-cứ vào việc này mà nhục-mạ, mỉa-mai các lĩnh-tụ của triều Tây-Sơn, thiết-tưởng nên chỉ-trích họ vào sự-việc khác đúng hơn.

Sau khi Nguyễn-Nhạc qua đời, vua Cảnh-Thịnh liền phong cho Nguyễn-Bảo là con của Trung-ương Hoàng-đế tước Hiến-Công, cho ăn lộc một huyện gọi là Tiều-triều, rồi cử Lê-Trung và Nguyễn Văn - Huấn ở lại giữ thành Qui-nhơn.

Xin nhắc khi quân Nguyễn đánh ào-ạt vào cửa Thị-nại, vua Tây-Sơn sai Thái-tử Nguyễn-Bảo ra cầm-cự. Tuy không thắng lợi nhưng Bảo cũng tỏ ra là người có tài làm tướng, có dũng-cảm và rất được lòng binh-sĩ.

Quân Nguyễn rút xuôi, Nguyễn Văn-Hưng đem quân Phú-xuân với một lực-lượng 40.000 người đánh xuống Phú-yên. Bấy giờ là tháng 3 (31-3 — 23-4-1794) quân Nguyễn ở đây tháo lui vì không đương nổi. Nguyễn-Vương cho tiếp-tế lương-thực và

gửi viện quân ra Diên-khánh. Đông-Cung cảnh và Giám-mục Bá-Đa-Lộc đang giữ thành này.

Tháng giêng năm Ất-Mão (1795) Trần Quang -diệu mang 15.000 lục-quân và khoảng bốn năm đạo thủy-quân Phú-xuân ào-ạt đánh vào Diên-khánh. Tuy quân Nguyễn đẩy lui được cuộc tấn-công thứ nhất nhưng thành này vẫn rổ-rệt nằm trong thế nguy. Vì quân Phú-xuân đông gấp bội lại rất có tin-tưởng ở nơi mình nên họ gắng sức đánh thành. Nguyễn-Vương phải vội-vã đem chu-sư ra cứu khiến thủy-quân của Phú-xuân bỏ chạy về Qui-nhơn. Lục-quân của họ cũng vội rút về Phú-yên, thế là Diên-khánh được giải-tỏa. Quân Nguyễn thừa dịp đuổi theo bắt được 3.000 tù-binh, Trong trận này Oliver chỉ-huy pháo-binh.

Nguyễn-Vương đem thủy-quân ra tới Thị-nại. Trong khi này Đông-cung Cảnh cùng Giám-mục tiến đến Phú-yên uy-hiếp quân Phú-xuân cả hai mặt thủy, bộ, thắng được nhiều trận ở đây, cắt đứt được nhiều đạo quân địch, tịch-thâu được kho thóc gạo nhưng đạo-quân của Phú-xuân vẫn chưa bị nao-núng.

Thời tiết lúc này bất lợi cho quân Nguyễn, ngoài ra quân Nguyễn, thấy mỗi-một nên Nguyễn-Vương rút chu-sư về cửa Xuân-Đài và ra lệnh cho Đông-Cung Cảnh bỏ những căn-cứ đã chiếm được ở Phú-yên. Vương cũng trở về Diên-Khánh và cho sửa lại thành này trước đây ít tuần đã được Olivier xây-dựng theo kiểu Vauban với một số dân công bốn ngàn người làm suốt ngày đêm và mất một tháng. Hẳn là thành này đã bị quân Phú-Xuân phá-hủy vừa đây.

Ít bữa sau Nguyễn-Vương rút về Sài-côn, lưu Võ-Tánh ở lại coi thành Diên-Khánh.

Xét ra từ năm 1793 đến 1794 chiến sự đôi bên đã đi đều nhịp, có gió mùa Tây-Nam thì quân Nguyễn tiến ra, quân Phú-Xuân rút lui, Có gió mùa Đông-Bắc thì đến lượt quân Phú-Xuân trở vào, Nguyễn tháo lui, đôi bên cùng bị thiệt hại ít nhiều nhưng vào cuối năm 1794 quân Phú-Xuân tỏ ra hăng-hái và quyết-liệt hơn.

Tháng 10 năm ấy (24-10 — 22-11-1794) Phú-Xuân đem rất nhiều quân vào và chiếm được hoàn-toàn Phú-Yên trước đây

lọt vào tay Nguyễn-quân rồi tiến xuống phủ Bình-Khang và chặn được viện-binh binh của Nguyễn từ Bình-thuận kéo ra. Chẳng bao lâu Diên-Khánh cũng bị vây rất gắt. Phú-Xuân cho đắp lũy cao và đặt đại-bác bắn rất dữ vào thành.

Võ-Tánh phải cố lắm mới phá được một liên-lạc-viên ra ngoài báo tin cho Nguyễn-Vương tình-thế tuyệt-vọng của thành và nói rằng mình và toàn-thể quân-sĩ quyết chết chứ không hàng địch (việc này vào tháng chạp âm-lịch, tức ngày 23-11 — 21-12-1794).

Nguyễn-Vương trả lời Võ-Tánh cùng quân-dân trong thành rằng cố-thủ để chờ viện-binh, khi đó địch sẽ lâm vào thế nội công ngoại kích.

Không những lúc này quân Phú-xuân hãm thành Diên-khánh mà thôi còn tiến sâu xuống Bình-thuận. Sức cản trở của Nguyễn quân không có hiệu-quả.

Nguyễn-Vương hoảng sợ ra lệnh trừng phạt các tướng lãnh đã rút lui trong đó có cả Lê Văn-duyet, (1) Nguyễn Văn-Thành. Lễ sinh-nhật của Vương, việc mở khoa thi đầu tiên ở Gia-định cũng bị bãi-bỏ, nhưng Vương tích-cực thu gạo, muối để vào kho và cử Olivier qua Ấn-độ mua thêm đại-bác, đặt Đông-cung Cảnh trông nom Gia-định để Vương lo việc xuất-chinh. Tháng hai (19-2 — 20-3-1795) nhờ mùa gió thuận quân Nguyễn tiến ra — Tôn Thất-Hội được cử đánh Bình-thuận, một số thuyền quân gồm các thuyền nhỏ đã thắng được một đơn-vị Hải-quân Phú-Xuân : 7 chiếc thuyền địch bị bắt, một bị đắm, các thuyền khác bỏ chạy.

Tháng ba, Vương ra tới Nha-trang.

Lê văn-Duyệt và Nguyễn văn-Thành lúc này đã được ân xá được lệnh lập các đồn ải theo dọc bờ biển, nỗ sủng báo tin cho Võ-Tánh ở trong thành biết.

(1) Lê văn-Duyệt vào làm hoạn-quan cho chúa Nguyễn từ năm 1780, được coi cận-vệ-quân của chúa. Thời kỳ Nguyễn-Ánh bôn đảo qua Bang-Cốc năm 1785, Duyệt cũng đi theo, sau này Duyệt có mặt trong các chiến cuộc và dự cả vào việc cai-trị miền Nam. Năm 1801 trước khi chúa Ánh thành công và bình-dinh xong Trung Nam Bắc, Duyệt được chỉ-dịnh là Tổng trấn tại miền Nam (Gia-định) chết vào ngày 28-8 năm 1832, thọ 69 tuổi.

Mặc dầu viện-quân đã tới nhưng vài tháng sau mặt trận mới chuyển dịch, trong lúc này quân của Nguyễn trong thành Diên-Khánh đã bị mệt mỏi vì những cuộc tấn công, pháo-kích do quân Phú-Xuân ở những lũy cao đắp quanh thành đánh vào liên-miên.

Sự-kiện này tuy sử-liệu Pháp không nói rõ, nhưng qua các sử-liệu Việt thì ở đây cũng như ở nhiều chiến địa khác ta thấy Nguyễn-vương rất rẻ rặt, không muốn có những trận đánh đại quy-mô hay táo bạo để hà-tiên lực-lượng của mình chờ khi địch chán nản hay yếu mới phản-công.

Rồi đến tháng 8 quân Nguyễn mới đánh mạnh phá được nhiều đồn ải bên ngoài của Phú-xuân sau đó quân Phú-xuân phải rút về thiệt-hại khá lớn. Tỉnh ra thành Diên-khánh đã bị vây hãm chín tháng liền. Vào được thành, vương khen thưởng và ủy-lạo các tướng-sĩ nhiệt-liệt về cuộc cầm-cự được lâu dài này.

Trên đường về, quân Phú-xuân còn bị chặn đánh và phải luồn rừng núi mới thoát, bỏ lại nhiều xác chết, voi ngựa và vũ-khí.

Trong lúc này nội-bộ của Phú-xuân có xảy ra nhiều biến-cố quan-trọng : Các đại-thần, tướng lãnh khuynh-loát và hãm-hại nhau. Trước cuộc rút lui của quân Phú-xuân vài tháng, Thái-sư Bùi Đắc-Tuyên bị bắt bỏ ngục. Nguyên từ khi Vua Quang-Trung tạ-thế, Vua Cảnh-thịnh còn thơ ấu, Thái-sư Bùi Đắc-Tuyên nắm giữ hết quyền hành và tác họa, tác phúc quá đáng nên bị nhiều kẻ oán ghét.

Năm Ất-Mão (1795) Tuyên phái Ngô văn Sở ra Bắc-Hà thay Vũ văn Dũng về Phú-Xuân, đến trạm Hoàng-giang gặp quan trung Thư-Lệnh Trần văn Kỷ bị tội đẩy ra đó. Kỷ đang cấm Tuyên nên xui Dũng : « Thái-Sư ngồi trùm cả thần dân, cho ai sống thì được sống, bắt ai chết thì người ấy phải chết. con người ấy chuyên quyền, độc - đoán không khỏi thành cái nguy - cơ cho nhà-nước, ông nên tìm cách trừ đi cho sớm ! »

Dũng vốn kính-trọng Trần Văn-Kỷ xưa nay, lại thêm đang giữ chức lớn ở Bắc-Hà mà bị thay-thế, lòng Dũng

cũng bắt-mã nên khi tới Phú-Xuân liền mưu với Nguyễn Văn-Huấn và Phạm Công-Hung nửa đem quân ập vào phủ Thái-sư bắt luôn Bùi Đắc-Tuyên ; đồng thời Huấn vào Qui-nhơn bắt cả con Tuyên là Bùi Đắc-Trụ, lại cho người mang thư ra Bắc-hà truyền cho quan Tiết-chế Nguyễn Quang-Thù (em Nguyễn Quang-Toản) giải Ngô văn-Sở về Phú-Xuân (1)

Kết cục bọn Bùi Đắc-Tuyên bị chìm xuống sông chết hết với bản án mưu phản-ngịch. Vua Cảnh-Thịnh chỉ còn biết gạt nước mắt mà thôi. Trần Quang - Diệu đang vây thành Diên-khánh được tin này hoảng sợ nói với các tướng tá rằng : *« Lũ này các đại-thần giết hại nhau, Chúa-thượng lại quá mềm yếu, trong không yên thì đối-phó thế nào được với người ngoài !... »*

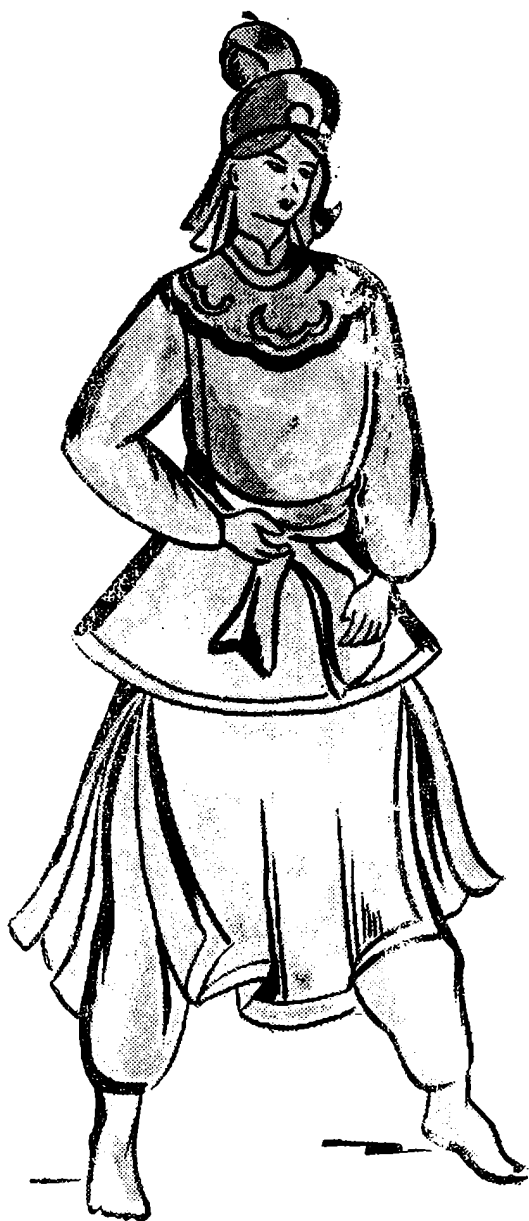
Rồi Diệu giải-vây mang quân về Phú-xuân (2). Căn-cứ vào tài-liệu này thì có thể rằng không phải Nguyễn-Vương đã giải-vây nổi cho thành Diên-khánh bấy giờ mà chính việc bắt-hòa kẻ trên trong nội-bộ của Tây-Sơn đã là nguyên-nhân thúc-dẩy Diệu bỏ Diên-khánh về nghe ngóng hay cứu-vãn tình-thế của Phú-xuân.

Diệu về tới Qui-nhơn thì Nguyễn văn-Huấn ra tạ tội. Diệu giận lắm đi thẳng vào kinh-thành, đóng quân ở An-cựu, bên này bờ sông Hương. Vũ văn - Dũng cùng e-ngại Diệu chống mình nên cùng Nội-hầu Từ mang quân bản-bộ giữ mé bắc sông, ý mệnh vua ra đối phó với Diệu. Vua Cảnh - Thịnh sợ hãi phải

(1) Về những sự lực-dục của anh em nhà Tây-Sơn xin kể thêm vài chi-tiết dưới đây :

Tháng tư 1788. Lữ bộ hân miền Nam rút về Qui-Nhơn rồi chẳng bao lâu bị bệnh mà chết. C.B. Maybon cho rằng : Lữ chết có lẽ bởi độc thủ của Triều-Đinh. Sau khi Phú-Xuân đã chiếm Qui-Nhơn làm Nhạc uất lên mà chết (1793), con Nhạc là Nguyễn-Bảo được phong làm Hiến-Công, coi giữ một huyện (huyện Phù-ly) gọi Tiều-triều. Mẹ Bảo khuyên Bảo thả chết còn hơn nhận tước này của triều-đinh Phú-Xuân. Đầu năm 1798, Bảo căm lắm đánh úp được Qui-Nhơn rồi xin đầu Nguyễn chẳng may cơ mưu bại lộ bị Phú-Xuân cho tướng vào bắt và chìm xuống sông. Lại có người gièm rằng trong vụ Tiều-triều (Nguyễn-Bảo) làm phản có quan Trấn-thủ Lê-Trung dự mưu. Họ Lê liền bị triệu Lê về Phú-Xuân rồi bị chém. Con rể Lê-Trung là Lê-Chất là một danh tướng của Tây-Sơn đang giữ chức Đại-dô-dốc thấy nội-bộ biến-loạn liền bỏ trốn sang bên Nguyễn cũng được trọng dụng vào hàng tướng-quân.

(2) Tài liệu của *Việt-Nam sử-lược*, trang 396.



MỘT VỆ-SĨ CỦA NHÀ VUA



THÀNH HUẾ DƯỚI ĐỜI NGUYỄN-SƠ

cho quan ra khuyên-giải cả hai bên và mời vào triều mở cuộc giảng-hòa. (1)

Rồi người ta sắp đặt lại các địa-vị trọng-yếu, lập ra tứ trụ đại-thần với các nhân-vật sau đây : Trần Quang-Điệu làm Thiếu-phó. Nguyễn văn-Huân làm Thiếu-bảo (2), Võ văn-Dũng làm Đại-tư-đồ, Nguyễn văn-Danh hay (Nguyễn văn-Từ) làm Đại-Tư-Mã. Một thời kỳ Trần Quang-Điệu bị dèm pha rồi mất hết binh quyền, chỉ còn tước vị ở trong triều mà thôi. Xét tình-hình chung, bấy giờ vua Tây-Sơn quá ít tuổi không đ.ều-khiển nổi việc nước, các quan lớn nhỏ chỉ biết tranh-giành ảnh hưởng với nhau, chỉ lo sao cho vợ con được yên ấm, tiền bạc được dồi-dào còn việc quốc-gia thì chèn-mảng. Việc quốc gia nói đây là việc đối phó quân Nguyễn đã mạnh về tổ-chức về quân-nhu, vũ-khí, lại hơn họ hẳn về chỗ tinh-thần nhất-trí là một yếu-tố lợi hại hơn cả. Tóm lại, lúc này tướng-lãnh đại-thần nhà Tây-Sơn chỉ lo tranh-chấp nội bộ mà quên ngoại-dịch nhờ vậy Chúa Nguyễn càng được vững tâm và thêm nhiều tin tưởng về tương-lai. Thực ra, cuộc thành-công của Chúa còn có thể sớm hơn nếu Chúa có ý-thức tranh-thủ thời-gian.

Nguyễn-Vương đánh Qui-Nhơn lần thứ ba

Năm 1796, chạy trời yên-lặng, miền Nam hoàn-bị thêm các kế-hoạch chiến đấu. Tây-Sơn, theo những điều kể trên, đã trở nên một bộ máy bị tê-liệt chờ ngày đào-thải.

Nhưng qua năm sau là năm Đinh-tị (1797), Chúa Nguyễn lại chuẩn-bị cuộc tấn công thành Qui-Nhơn. Tôn thất-Hội ở Diên Khánh được gọi về giữ Gia-Định. Lê văn-Duyệt ra thay. Đông-cung Cảnh cũng mang binh thuyền theo ra.

Giáo-Sĩ Le Labousse ngày 25 tháng tư 1797 viết rằng : *Chúa Nguyễn đã mang ra Qui-Nhơn một đạo binh lớn để đánh một trận quyết-liệt. Thủy-quân của Chúa gồm tới 600 chiến thuyền, hai chiến-hạm lớn do các tướng Pháp điều-khiển, 40 chiến-hạm bản xứ không kể các tàu nhỏ dùng vào các việc vận-tải linh-tinh rất nhiều. Quân-số thủy bộ có tới 40 000 người.*

(1) Xin coi bài dụ của Vua Cảnh - Thịnh giải-hòa các tướng lãnh, do Phan Huy-Ich thảo trong phần biên khảo về *Quốc-oãn đời Tây-Sơn*.

(2) Sau vụ Nguyễn-Bảo Tiều-triều mưu phản lại Phú-xuân, quan Thiếu-bảo Nguyễn văn-Huân cũng bị giết vì bị ngờ có liên-lạc với Nguyễn-Bảo như Lê-Trung.

Bề khác, Nguyễn văn-Thành và Võ-Tánh cũng tiến ra Phú Yên nhưng đại quân của Nguyễn-Vương ra đến Qui-Nhơn thì thấy cuộc bố phòng của Tây-Sơn ở đây rất chu đáo nên bỏ ra Quảng-Nam. Nhưng vài tháng sau quân Nguyễn lại phải rút lui về Gia-Định do thiếu-thốn quân-nhu. Nguyễn văn-Thành và Đặng Trần-Thường được cử ở lại giữ Diên-Khánh. Nhưng trong dịp quân Nguyễn còn ở Quảng-Nam, Olivier chế được ít hỏa-pháo đốt được nhiều kho binh-lương của Tây-Sơn trên bộ và làm họ khốn quẫn ở nhiều nơi khác khiến họ phải cầu cứu lực-lượng Qui-Nhơn. Chúa cho người khuyên Nguyễn-Bảo liên lạc với Chúa để cùng tấn-công Qui-Nhơn. Về vụ đánh thành Quảng Nam, A. Schreiner chú thích rằng lúc này Tây-Sơn dồn hết lực-lượng vào Qui-Nhơn nên Quảng-Nam không đủ phòng bị, bên Nguyễn dò biết nên đã phá được một số quân-nhu và chiến-thuyền của Phú-Xuân ở đây trước khi rút về Gia-Định. Các việc này đã xảy vào mùa hạ năm Đinh-tị (1797).

Theo sử Pháp trong cuốn *Les Institutions annamites*, của A. Schreiner, mấy việc xảy vào năm 1797 có ít nhiều chi-tiết khác nhau đáng chú ý mà chúng tôi không thấy ở sử ta là sau những chiến dịch liên tiếp vào những năm 1793-1794-1795, quân Nguyễn tấn-công Tây-Sơn vô hiệu-quả, Chúa Ánh trở về Sài-côn. Đầu năm Mậu-ngọ (1798) Tiều-triều cấm giặc vua Cảnh-Thịnh đánh úp được Qui-nhơn. Tiều-triều mời Chúa ra và xin gia-nhập hàng ngũ của Chúa bởi xét mình không đủ sức cầm cự lâu dài được với Phú-Xuân.

Chúa vội-vã ra ngay nhưng tới nơi thì Phú-Xuân đã chiếm lại được Qui-nhơn và hạ sát xong Nguyễn-Bảo. Thế là cuộc tấn-công lần thứ tư của Chúa cũng thất-bại như các kỳ trước.

C. B. Maybon đưa ra thêm vài chi-tiết nữa : Trong khi quân Nguyễn thắng lợi ở Quảng-Nam, Đông-cung Cảnh thi-hành đúng kế-hoạch thì quân Tây-Sơn có những phản-công lẻ - tẻ. Tại Bình - Thuận, dân Mường nổi lên chống Nguyễn nên quân Nguyễn bị cầm chân ở đây, việc tiếp-tế lương-thực bị Tây-Sơn và thời-tiết ngăn chặn. Trong tình thế này, Chúa Nguyễn đang ở Quảng-Nam thấy chỉ còn đủ lương cho 5 ngày đành hạ lệnh lui binh. Lúc này, Nguyễn văn-Thành được cử ra đánh Phú-yên đã nhờ chỗ quân Tây-

Sơn rút ra cứu viện Quảng-Nam mà thắng lợi, chiếm được Phú-yên. Chúa cũng cho Thành kéo quân về Nam nốt xét rằng không giữ nổi căn-cứ này lâu dài. Rồi Chúa nghỉ-ngơi ở Diên-Khánh luôn hai ngày; lúc đó là tháng 8, sau lại về Sài-côn. Đông-cung Cảnh và Giám-mục ở lại giữ Diên-Khánh như cũ. Tháng sau, Nguyễn-Bảo chiếm được Qui-nhơn cho người vào xin qui-phục Chúa, nhưng quân Nguyễn chưa kéo tới Qui-nhơn Bảo đã bị giết và thành Qui-nhơn lại trở về với Phú-Xuân. Quân Nguyễn đành chỉ có nước rút lui.

Nguyễn-Vương đánh Qui-Nhơn lần thứ tư

Tháng ba năm Kỷ-vị (1799) Chúa Nguyễn chinh-bị xong mọi vấn-đề binh-lương, quân-đội lại ra đánh Qui-nhơn thì Giám-mục và Đông-cung Cảnh theo Chúa xuất-chinh. Thế-tử Hi, con thứ hai của Chúa ở lại cai-trị miền Nam.

Hậu-quân Võ-Tánh, Hũu-quân Nguyễn Huỳnh-Đức đem quân lên bộ đóng ở Trúc-khê. Khâm-sai tiền-quân chưởng-cơ. Nguyễn Văn-Thành đem một đạo lục-quân gồm pháo-binh và tượng-binh ra đánh Phú-yên và có nhiệm-vụ tiến lên tiếp ứng cho Võ-Tánh. Đông-cung Cảnh mang tả-quân ra hỗ-trợ chúa và tiến thẳng đến Thị-nại. Tháng tư thủy-quân của Nguyễn vào cửa biển này, đến tháng sau thì Qui-nhơn bị vây rất nguy-ngập. Phú-xuân hoảng-hốt phải cử Trần Quang-Điều và Vũ văn - Dũng đem binh vào cứu. Đến Thạeh-tân, bọn Điều và Dũng bị quân của Nguyễn văn - Thành chặn lại.

Theo A. Schreiner, trong khi đánh thành Qui-nhơn lần thứ tư này còn có ba đạo binh khác của Nguyễn tiến ra do đường bộ ngoài đạo binh lớn đang vây thành này mà tổng-chỉ-huy là Giám-mục Bá - đa - Lộc. Đạo thứ nhất có sự tăng-cường của quân - đội Lào tiến đánh Thanh - hóa; đạo thứ nhì quét cả đồn ải men theo miền duyên-hải; đạo thứ ba dùng đường tắt xông vào Qui-nhơn. Đạo quân cuối này phải liên-lạc với quân đồ bộ rồi các vị-trí quan-trọng chống giữ Qui-nhơn bị quân-đội Lê văn - Duyệt và Võ-Tánh đánh được cả. Quân Phú-xuân (của Điều và Dũng) xuống cứu thì bị chặn lại.

Trong trận đánh Qui-Nhơn lần thứ tư này (1779), theo C.B. Maybon, Chúa Nguyễn sai sứ sang Tiêm-La yêu cầu vua Tiêm cử một đại-tướng đem liên-quân Tiêm-Mên-Lào sang giúp

qua thượng-đạo Nghệ-An xuống hợp sức với cánh quân của Chúa từ phía Nam ra đánh thúc lên. Nguyễn-Vương kể cho vua Tiêm biết rằng : « *Hiện nay quân Tây-Son rất yếu, tướng lãnh đại-thần đang xâu xé nhau. Cơ-hội thuận-lợi vô cùng và trời đang có ý diệt họ* ». Vua Tiêm-La nghe theo đề-nghị trên đây và cất quân sang. A. Schreiner nói là quân Lào tức là đạo quân của Tiêm-La chăng ? (1)

Việt-Nam sử lược, trang 397 nói rằng Chúa Nguyễn sau vụ đánh Qui-Nhon lần thứ hai năm Đinh-tị 1779 không có kết quả thì trong trận đánh thứ ba có cho sứ-giả từ Gia-Định sang Tiêm-La xin quốc-vương nước ấy đem quân đi đường Vạn-Tượng hoặc sang đánh Thuận-Hóa hoặc sang đánh Nghệ-An để chặn viện-quân Bắc-hà vào. Sứ-giả dùng vào việc này là tướng Nguyễn văn-Thụy. Chúa còn phái cả Bình-bộ Tham-tri Ngô nhân-Tĩnh sang sứ nhà Thanh để do thám mọi việc...

Một chuyện khá ngộ nghĩnh xảy ra trong trận đánh thành Qui-Nhon năm Kỷ-Mùi (1799) về phía Tây-Son được kể ra như sau.

Quân của Vũ văn-Dũng vào cứu Qui-Nhon không tiến được nữa phải ngừng lại tại Chung-xá. Đêm tối, có nai trong rừng chạy ra. Một tên lính trong thấy reo ầm lên « *Con nai ! Con nai !* »

Quân Tây-Son có lẽ lúc này đang tinh-thần bất-định nghe lầm ra là « *Quân Đông-Nai* » vội hoảng hốt bỏ chạy. Quân Nguyễn thấy hàng ngũ Tây-Son rối loạn liền thừa thế truy-kích ráo riết, quân Tây-Son thua to.

Quan Trấn-thủ thành Qui-Nhon là Lê văn-Thành không thấy viện binh tới, lương-thực trong thành lại cạn sạch đành phải mở cửa ra hàng. Quân Nguyễn vào chiếm đóng, chúa Nguyễn đổi tên thành là Bình-Định từ đấy.

Được tin mất Qui-Nhon, triều-đình Phú-Xuân lại cử đại binh vào Trà-Khúc (Quảng-Ngãi) tỉnh tái-chiếm địa-điểm này. Nhưng lúc ấy thời-tiết bất lợi, không có gió cho thủy-quân tiến nên quân Phú-Xuân rút về, Nguyễn văn-Giáp ở lại Trà-Khúc, Trần Quang-Đệ và Vũ văn-Dũng đóng giữ Quảng-Nam.

(1) Liên quân Tiêm-Miên-Lào đây không có nghĩa là quân của ba nước hợp làm một mà chỉ nên hiểu là đạo quân của vua Tiêm gồm cả thành phần Miên Lào mà thôi. Dầu sao đạo quân này qua được đất Lào thì cũng có thể coi là có sự hợp tác của Lào trong việc tiếp ứng cho chúa Nguyễn.

Về phía Nguyễn, sau khi chiếm được Qui-Nhơn, Nguyễn-Vương về Gia-định để Võ-Tánh và Ngô Tông-Chu ở lại trấn giữ thành này.

Trong hai năm 1798-1799 bên Gia-định có nhiều tin-buồn: Tôn-thất Hội mất. Hội là một tướng có nhiều giá-trị rất được quân-đội kính nể.

Ngày 9-10-1799, lười 10 giờ 30 sáng, Giám-mục Bá-đa-Lộc cũng tạ-thế, thọ được 57 tuổi, sau mười năm chiến đấu tận-tụy cho Chúa Nguyễn chỉ có mục-dịch âm-thầm là tạo nên một ông Hoàng-để có cảm-tình với Công giáo để có thể khuếch-trương đạo Công-giáo và ảnh-hưởng của nước Pháp trên bán-đảo này về tương-lai. Mong lớn chưa thành thì vị tu-sĩ quân-nhân này qua đời.

Nguyễn-Ánh rất đau buồn, mất Giám-mục là mất một vị cố-vấn quân sự, chính-trị rất có tài và một người bạn chí-thiết đã nhiều phen vào sinh ra tử với nhau. Chúa cho mang xác Giám-mục từ Diên-khánh về Gia-định, chôn cất hết sức trọng-thề gần nơi nhà cũ của Giám-mục là cuối đường Trương Minh-Giảng, giáp trường bay quân-sự Sài-gòn ngày nay Giám-mục được truy-phong *Thái-tử Thái-phó Bi-nhu Quận-công*.

(Xin nhắc Giám-mục và Đông-cung Cảnh được cử ra Nha-trang sau chiến-dịch Qui-nhơn vô hiệu-quả, từ tháng 12-1798 theo kế-hoạch chúa đã nghiên-cứu vào mùa đông tháng trước tại Sài-côn).

Đám tang của Bá-đa-Lộc Đám tang Bá-đa Lộc được cử hành rất là trọng thề. Theo lời giáo-sĩ Lefèbvre, xác của ông được ướp bằng các chất thuốc thơm và đặt vào một quan tài rất đẹp bằng gỗ quý rồi đưa về Sài-côn. Người ta quan vào một nơi trang trọng luôn hai tháng để lo liệu mọi nghi-lễ cần thiết cho việc quốc-táng. Các giáo-dân được dự rất đông. Các quan mặc lễ-phục chỉnh-tề, Chúa Ánh tỏ ra rất xúc-động và các quan theo sau, ai nấy đều có nét mặt trầm mặc. Các tục lệ về Thiên chúa giáo được thi hành triệt-đề. Các giáo-sĩ trong nước hôm ấy không thiếu một ai. Các bà Thái-hậu, Hoàng-hậu và cung-tần cũng đi ra tời mộ, đó là một điều lạ từ xưa tới nay chưa hề

có. Đạo cận-vệ-quân của Chúa có khoảng 12.000 người vũ-khí trang nghiêm được sử-dụng cho thêm phần uy-nghi, kế tiếp là đạo tượng-binh trên một trăm con dưới sự điều-khiển của Thế-tử Cảnh. Người ta cho kéo cả nhiều khẩu đại-bác theo sau. Đám táng đi từ một giờ đêm đến 9 giờ sáng mới tới huyệt. Tám chục người khiêng chiếc kiệu hết sức đẹp trong đó có quan tài của Giám-mục. Phỏng chừng số người đi đưa có tới năm vạn làm chật cả đường sá, không kể những người bên ngoài đi xem.

Cũng theo những người Thiên-chúa-giáo, chúa Ánh ném một ít đất xuống huyệt và Chúa đã trào nước mắt khóc người bạn chung lưng đấu cật với mình từ thuở ba-đào.

Mộ Giám-mục là một khu vườn nhỏ mà người đã có tại Sài-côn trước đây, nay gọi là Lăng Cha-cả tại xã Tân-sơn-hòa tỉnh Gia-định ngày nay. Chúa cho dựng một ngôi đền lớn lợp ngói, vách gỗ, cột lớn bằng gỗ quý. Kiến-trúc thì do một họa-sĩ Pháp dựng nên. Sau này Chúa cho 50 lính canh-phòng cẩn-mật, hiện giờ đền vẫn còn vững-vàng tốt đẹp.

Trong đền chúa có dựng một tấm bia đá rất lớn với những lời ghi chép sự-nghiệp của Bá-đà-Lộc như sau :

« Nhà thầy họ Bi-Nhu (1), tên là Bá-đà-Lộc (?), người nước Đại-tây-Dương (3). Lúc còn ít tuổi, nhà thầy chỉ chuyên-việc tu-hành. Thế mà bao nhiêu sách vở của những bậc thánh-hiền bên nước Trung-Hoa, nhà thầy đều thông hiểu hết. Đến năm đã ngoài 30 tuổi, nhà thầy mới sang nước ta. Khi ấy, nước ta đang loạn, nhà thầy đóng vai thượng-khách của nước nhà.

« Quả nhiên, nhà thầy đem học-thức đã thâm-luộm được bấy lâu nay ra áp-dụng hữu-hiệu cho thực-tế. Nhà thầy lại hết lòng với chúa những khi vận nước nghiêng-ngửa chia phối. Rồi nhà thầy lại được chúa giao-phó cho một việc nặng-nề là : ra nước ngoài để tìm quân cứu-viện (5). Trong thời-gian ấy, nay đây mai đó, không mấy lúc nhà thầy được nghỉ-ngơi. Hơn 20 năm trời đó, khi thì giữ chức tham-mưu trong quân-đội, lúc thì lại giúp việc hành-chính trong các trấn. Những mưu-mô, những cách-thức mà nhà thầy đã kiến-nghị hoặc thi-hành đều có thể làm gương-mẫu cho đời sau được. Cũng vì thế mà nước ta (1)

khi ấy đã dần dần có cơ trời dậy được. Được như thế một phần cũng là do công-lao của nhà thầy.

« Mùa thu năm Kỷ-Mùi (1800), nhà thầy theo chúa ra đánh phủ Qui-nhon. Nửa đường mắc bệnh rồi nhà thầy mất ở trong đồn, trên cửa bể Thị-nại (Nha-trang). Hôm ấy là ngày 11 tháng 9 (âm-lịch). Năm ấy nhà thầy đã 57 tuổi.

« Cũng vào đầu mùa đông năm đó, nhà thầy được truy-tặng chức Thái-tử Thái-phó, tước Quận-công và an-nghỉ ngàn năm tại nơi đây, ở phía Bắc ngoài thành Gia-định; nơi mà khi xưa thầy đã cất nhà giảng đạo tại đấy.

Bia này dựng giữa ngày tốt, về mùa thu năm Canh-Thân (1801) đề ghi nhớ công-trạng kể trên (4).

Lũ bày tôi :

Tác-giả : Đốc-học, tước Hoa-xuyên-hầu Nguyễn gia - Cát.

Người viết : Hữu tham-tri Bộ-binh, tước Tri-định-hầu
Lê tri - Chỉ.

(dịch-giả : Nhược-Ngu — Văn-Hóa Á-Châu số 2-1959)

CHÚ THÍCH : Người Phương-tây thường lấy tên thánh đặt nhũ-danh còn họ thì để sau tên ấy. Hai chữ Bi-Nhu ở đây là do chữ Pigneau phiên-âm ra vì nhũ-danh của ông Bá-da-Lộc là Pigneau de Béhaine. Bởi thế, tác-giả tưởng Bi-Nhu là họ của dương-sự.

(2) Bá-da-Lộc là họ của dương-sự do chữ d'Adran phiên-dịch ra (Évêque d'Adran).

(3) Có lẽ khi ấy tác-giả cũng không rõ dương-sự là người nước Pháp, vì khi ấy ta vẫn gọi người da trắng là người Tây-phương. Cũng như đã gọi đạo Thiên-chúa là « Hoa-Lan đạo » vì thấy người Hòa-Lan, Bồ-đào-Nha đã truyền-bá đạo này.

(4) Cũng nên nhắc qua rằng ngoài công ơn riêng của Bá-da-Lộc đối với cá-nhân Nguyễn-Ánh, Giám-mục cũng đã góp một phần đáng kể về việc hoàn-thiện tiếng quốc-ngữ của chúng ta mà những người sáng-tác đầu tiên là những giáo-sĩ Bồ-đào-Nha và Tây-ban-Nha đến nước ta vào khoảng cuối thế-kỷ XVI và đầu thế-kỷ sau.

Vào khoảng hạ-bán thế-kỷ XVII và đầu thế-kỷ XVIII, chữ quốc-ngữ nhiều phen thay đổi, riêng Giám-mục Bá-da-Lộc cũng đã góp phần chỉnh-dốn và thu-thập để dựng nên hai bộ tự-diện, nhưng việc chưa xong hẳn thì Giám-mục mất. Giáo-sĩ Taberd kế tiếp và soạn ra cuốn *Nam-Việt dương hịch tự-vựng* (Dictionarium anamitico-latinitum) xuất-bản vào năm 1838. Trong cuốn này cách viết chữ quốc-ngữ giống y như bây giờ. Mỗi tiếng Nam đều có chữ kèm chữ Nôm và cuốn sách này được làm gốc cho các tự-diện tiếng Nam sau này.

CHƯƠNG VI

CUỘC THẤT-BẠI CUỐI CÙNG CỦA TÂY-SƠN

Tây-Sơn phản-công tại Bình - định.

Tháng sau (tháng một năm Kỷ-mù) Trần Quang - Diệu và Vũ văn - Dũng quyết-định giành lại thành Qui-nhơn bằng hai lực lượng thủy bộ : Diệu điều-khiển bộ-binh. Dũng đánh mặt biển ; Quân-nhu vũ-khí của thành Bình-định còn đủ dùng cho một năm.

Quân-số của Phú-xuân không thấy sử-sách nói là bao nhiêu nhưng hình như khá lớn nên mới bao vây nổi thành Bình-định có hai bề thủy, bộ.

Căn-cứ vào một bức thư của Giáo-sĩ Le Labousse thì số quân của Võ-Tánh, tương giữ thành này, không nhiều, nhưng thủy-quân giữ mặt biển nếu có chẳng nữa cũng yếu lắm vì vài ngày sau khi chiếm được Bình-định một trận bão lớn đã đánh tan thủy-quân của đôi bên. Các chiến thuyền của Nguyễn bạt cả ra ngoài đảo Hoàng-sa (Paracel), Hải-nam và ra cả vịnh Bắc-Việt. Còn thủy-quân của Phú-xuân do bão táp thời sau lưng chỉ thiệt nhẹ mà thôi. Chúa Nguyễn vì vậy phải lui về Đàng-nai và để Võ-Tánh ở lại giữ Bình-định.

Buổi đầu, Phú-xuân nhử quân Nguyễn ra ngoài nhưng Võ-Tánh không chịu. Diệu bèn cho đắp nhiều lũy cao, cho xây cả hải đồn, có súng đại-bác ở phía đông và phía tây cửa Thị-nại để bắn rót vào thành và để phòng-ngự thủy-quân của Nguyễn ở ngoài tiếp cứu. Bấy giờ Phú-xuân có hai chiếc tàu lớn và 100 chiến thuyền nhỏ ở ngoài bến.

Phú-yên lúc này do sự phản-bội của một tướng Nguyễn lại trở về với Tây-Sơn. Những bộ đội trung-thành với chúa

Nguyễn rút cả về Diên-Khánh. Tây-Sơn liền mộ quân và sửa sang lại thành này rồi giao thành cho viên tướng đã qui-hàng.

Chúa Nguyễn được tin lấy làm e-ngại lắm cho chuyển hết cả lương-thực ở Bình-thuận về Sài-côn, tổ-chức 5 đạo tượng binh, kêu gọi 5.000 lính Tiêm-La và tăng cường các đội quân khác, đóng sáu chiếc tàu lớn và 100 chiến thuyền nhỏ.

Ở đây Le Labousse rất khen ngợi tài đóng tàu của người Việt theo kiểu Âu-châu : Bốn chiếc chiến-hạm làm xong không quá ba tháng có thể mang được 26 khẩu đại-bác, có chiếc mang tới 36 khẩu và trên ba trăm thủy-binh.

Năm Canh-thân (1800), cả Phú-xuân lẫn Gia-định đều tăng cường binh-lực. Như ta đã thấy, thành Bình-đinh bị quân Phú-xuân uy-hiếp rõ-rệt. Võ-Tánh chỉ cố thủ thì đủ hiểu. Ngoài cửa Thị-Nại Phú-xuân cũng bố-phòng cẩn thận.

Còn chúa Nguyễn cũng gắng gỏi hết sức. Đông-cung Cảnh ở lại Sài-côn, Thế-tử Hi cũng dự vào việc chỉ-huy quân đội trong chiến-dịch Bắc tiến Vannier (tên Việt là Nguyễn văn-Chấn) điều khiển tàu Phụng-phì (Le Phénix) Chaigneau (Nguyễn văn-Thắng) điều khiển tàu Long-Phi (Le Dragon) và Lê văn-Lãng (De Forsans) tàu Bằng-phì (L'aigle). Ba tướng này thuộc Trung quân.

Theo Giáo-sĩ Le Labousse quân của chúa Nguyễn có tới 8.000 người thiện-chiến ; thủy quân của Chúa thì vượt hẳn thủy quân của các nước Âu-châu đồn trú tại Ấn-Độ bấy giờ. Ngoài 1 chiến-hạm do ba sĩ-quan chỉ-huy và một do chính Chúa điều-khiển, Chúa còn 40 chiếc làm theo kiểu bản-xứ trong đó có 5 chiếc mang được mỗi chiếc 46 khẩu đại-bác 18 còn các chiếc khác mang được 20 và 26 khẩu. Các chiến thuyền chèo bằng tay có tới 100 chiếc lớn và 200 chiếc nhỏ để chiến đấu trên các mặt sông.

Le Labousse cho rằng lực lượng này mà do các sĩ-quan Âu-châu trông nom thì nói là vô-dịch và chính lực-lượng này đã giúp Chúa khôi phục được cơ-đồ của ông cha.

Tháng tư, Chúa ra tới Nha-trang (24-5—21-6-1800). Thế-tử Hi ở lại Diên-Khánh và Chúa cho đánh Phú-yên. Tại đây

Phú-xuân đã dựng tới 80 cái đồn kiên-cố. Nhưng bị phá hủy khá nhiều. Tướng Nguyễn văn - Thành cầm quân ở địa-phương này đã lập được nhiều thành-tích. Rồi Nguyễn lập được nhiều kho quân lương tại Xuân-dài để tiếp-tế cho bộ-đội của mình.

Xin chú-ý trong chiến-dịch này có liên-quân Mên, Lào tham-gia. Sử sách Việt-nam gần đây mới nhận như vậy.

Theo sử của C. B. Maybon, một lực-lượng Lào-quân khá quan-trọng xâm-nhập vào Nghệ-an, dưới sự lãnh-đạo của tướng Nguyễn văn - Thụy và Lưu phúc - Tường để đánh úp quân Tây-sơn. Được tin này, hai tỉnh Thanh-hóa và Hưng-hóa cũng nổi lên nhiều cuộc biến-động khiến quân Tây-sơn ở các vùng biên-giới bị cầm chân, nghĩa là không đi tiếp cứu những nơi đang bị Nguyễn quân tấn-công. Hơn thế nữa, Bắc-hà nào-động còn phải kêu quân Đàng — trong ra tiếp cứu, thế là thêm một sự phiền nhiễu cho Tây-sơn. Chúa Nguyễn trái lại còn được viện quân của Cao-miền có tới 20 cặp voi trận, Chúa trao cho Nguyễn văn - Thành sử-dụng. Miền Nam bấy giờ được mùa. Đồng-cung Cảnh sau vụ gặt cứ 10 xuất đình tuyền lấy 3 để sung vào quân-ngũ được thêm khoảng 10.000 người, đóng thêm 50 chiến thuyền.

Sử Pháp cho rằng chính-quyền miền Nam đã có những sự cố-gắng như trên thì Tây-sơn chống lại làm sao được. Xét kỹ, ta thấy lúc này dân tình khổ-cực vô cùng. Bên nào đến các vùng bị chiếm đi chiếm lại như Phú-yên, Bình-thuận cũng đòi dân phải nộp thuế theo lệ cũ mới tháng 10 dân đã phải lo trước thuế năm sau. Một cớ dói trông, người dân không còn biết kêu đau nữa.

Mặc dầu quân Nguyễn đã chinh-bị kỹ-càng và phong-túc như vậy chúa Nguyễn vẫn không thể giải vây cho thành Bình định. Quân thế của Võ-Tánh ở đây mỗi ngày một nguy. Viện quân bằng bộ binh không sao lại gần được, thủy-quân mấy phen tấn-công vào cửa Thị-nại đều vô hiệu.

Chaigneau viết cho Barisy rằng: « Trước đây chưa trông thấy địch (Tây-sơn) và thủy-quân, tôi có ý khinh thường, nhưng bây giờ mới biết là mình lầm. Thật vậy, quân của Tây-sơn đã là một phòng tuyến không sao vượt được. Bây giờ

thời-tiết lại xấu, binh-sĩ bịnh tật nhiều, lính Gia-định và Cao-mên phải trả về nguyên-quán, những quân-tướng về hàng trước đây là trở lại với chủ cũ, tình-thế thật nguy vô-cùng...»

Từ ngày có những cuộc hành-binh thường niên, ta thấy lần này là lần thứ nhất, chúa Nguyễn mới nhất định ở lại tiếp-tục cuộc chiến-đấu đáng lẽ quay về Sài-côn như một khi.

Hai tướng Nguyễn văn-Thành và Lê văn-Duyệt thúc quân tiến, tuy đến gần được thành mà vẫn không giải-tỏa nổi. Tình trạng này kéo dài luôn một năm khiến chúa Nguyễn vô cùng bức tức. Rồi một hôm, Chúa tính ra rằng biệן nay bao nhiêu lực-lượng của Tây-Sơn đều tập-trung ở quanh và trước thành Qui-Nhơn. Như vậy Phú-xuân không mạnh, nên đánh chiếm nơi này để gây ảnh-hưởng chính-trị và địch sẽ mất tinh-thần ; nhưng tiến ra Phú-xuân thì hãy phá thủy-quân của Tây-Sơn ở Thị-nại đã, kéo ra tới Phú-xuân quân Gia-định sẽ bị đánh cả hai mặt. thủy bộ ép lại thì nguy. Khi đã thắng tại Phú-xuân, Chúa quay lại cứu Qui-Nhơn có lẽ dễ-dàng hơn vì tinh-thần của địch bấy giờ sẽ nao-núng.

Kế hoạch của chúa Nguyễn lúc đó tương-đối đáng coi là táo-bạo vì trước đây mỗi lần chiến thuyền của Gia-định tiến vào thì bị đại-bác ở ba chiến-hạm lớn và ở hải-đồn của Tây-Sơn bắn ra tới tấp. Quân Gia-định lại phải rút và bị tổn thất nặng nề.

Ngày 15 tháng giêng năm Tân-dậu (1801), các chiến thuyền của Chúa đang thao diễn ngoài khơi, có các tướng Võ Di-Nguy, Nguyễn văn-Trương, Lê văn-Duyệt ; De Forsans, Vannier và Chaigneau ở quanh Chúa vào lúc chiều tà. Chúa bỗng nảy ra ý cho các chiến thuyền tiến gần cù-lao Hàn (Đảo hòn đất). Chúa ra lệnh cho Lê văn-Duyệt đem 1200 quân túc - vệ đổ bộ lên bãi-cát. Đoàn người này lặng lẽ tiến đến gần hải-đồn của Tây-Sơn mà không ai biết. Hồi 10 giờ rưỡi, Chúa đã đến vị-trí của địch còn cách độ 1/3 tầm súng đại-bác. Tiền đội Nguyễn bấy giờ có 62 chiến thuyền chở đại-bác được lệnh tấn công ba chiến-hạm lớn đầu tiên của Phú-xuân bằng cách phóng hỏa và cắt các giây buộc neo mục đích gây hoang-mang cho toàn đội.

Cuộc tấn công này lại được cái may là gió và nước triều bấy giờ đang nổi mạnh. Đúng 10 giờ 30, Nguyễn văn-Trương bắn phát đại-bác đầu tiên đề ra lệnh tấn công khắp mọi nơi.

Hai mươi sáu chiến-thuyền chèo phóng lửa đốt sạch mọi vật trên bãi cát. Đạo-binh 1.200 người của Nguyễn, lưới lê tuốt tràn nắp ở các hầm hố dưới cát, vừa đánh vừa bắn đại-bác lên bờ.

Quân Phú-xuân bị đánh bất thình-linh rối loạn chết hại khá nhiều.

Đồn Tây-Sơn ở Tam tòa-sơn tức là ở bên tay phải cánh quân tấn công chuyển một hỏa lực kinh-khủng xuống các thuyền chèo tay của Nguyễn-Vương khi đó vào đúng tầm súng. Võ Di-Nguy bị một phát đạn bay đầu liền làm cho bộ đội của Nguyễn hoảng hốt ngừng lại. Lê văn-Duyệt liền cho chém ngay viên tướng đã thiếu can-đảm rồi đốt thuyền để tiến tới chỗ có các chiến-hạm của Phú-xuân đang đậu gần núi về phía Đông cho đốt phá tới bờ và mau lẹ

Lúc ấy Lê văn-Trương cũng đã phá xong 3 chiếc chiến-hạm của Tây-Sơn đậu bên ngoài, tiến vào giữa hai cánh quân địch đang vận chuyển để tiếp cứu các chiến-hạm. Quân Tây-Sơn ở bên trong bờ-ngõ vì không ngờ quân Gia-định có thể lọt vào được nhanh chóng và dễ-dàng như vậy. Họ nghi có kẻ làm nội công cho Gia-định, nhất là lại có vài đồn trên bộ đã mất vào tay Nguyễn. Nguyễn văn-Trương cho đốt cả vài chiếc thuyền chở đại-bác của mình nữa. Phú-xuân tưởng chính-thuyền của họ bị tấn công càng bối rối thêm. Quân Gia-định lúc này chỉ còn nước tiến vào, ra cũng chết. Họ phải liều. Đêm ấy lửa và tiếng đại-bác đã gây nên một quang cảnh hết sức khủng khiếp, rùng-rợn.

Đến 4 giờ sáng, các chiến-hạm của Phú-xuân đều ra tro, thuyền lớn thuyền nhỏ đến quá trưa mới tắt lửa. Bấy giờ là 28 tháng 2.

Tính ra quân Nguyễn chết mất 4.000. Phú-xuân thiệt tới 20 ngàn và mất hết cả hải-đội rất đáng kể là hùng mạnh: thuyền buồm bị tiêu tới 1800 chiếc, 600 khẩu đại-bác đủ cỡ và nhiều quân nhu, vũ-khí, vàng bạc của binh-lương Tây-Sơn rơi xuống đáy biển hết. (Con số này do sử Pháp chép theo sử ta

có thể không đúng lắm vì sử của nhà Nguyễn thường hay đề cao bản triều nên ta chỉ có thể tin rằng có trận đánh trên đây và quân Nguyễn thắng mà thôi).

Sau cuộc xung đột này, cửa Thị-nại mất về tay Chúa Nguyễn và chúa cho báo tiếp khắp mọi nơi. Cả triều - đình Mên và Tiêm cũng hay tin và Võ-Tánh ở thành Bình-định cũng rõ sự thế và được lệnh cố thủ chờ Chúa phản công giải cứu. Về phía Tây-Sơn, Võ văn-Dũng phải bỏ mặt biển về hợp với Trần quang-Diệu phòng ngự mọi nơi trên bộ.

Tuy Chúa được vui mừng về cuộc thắng-trận vào đầu năm Tân-Dậu nhưng trước đó vài ngày Chúa phải chịu cái tang vô cùng đau đớn: ngày 20 tháng 3 năm 1801, Chúa được tin Đông-cung Cảnh lên đậu mùa chết (Cảnh bấy giờ mới 22 tuổi; và có hai con), lúc ấy chúa Nguyễn đang ở ngoài mặt trận không thể dự đám tang con được. Tháng sau (21-5-1801) lại đến Thế-tử Hi cũng mất ở Diên-khánh, được đem về chôn cất ở Gia-định. Hi là con thứ hai của Nguyễn-Vương (1).

Nguyễn-Vương đánh Phú-xuân

Quét xong thủy-quân Tây-sơn ở Thị-nại, vẫn theo kế-hoạch đã định, chúa Nguyễn cho một phần thủy-quân gồm có một số tàu Pháp đặt dưới quyền tướng Nguyễn văn-Trương và tháng ba âm-lịch (13-4 — 12-5-1801) Trương báo tin thắng trận lớn ở Quảng-nam. Chúa gửi thêm cho Trương 1.000 binh-sĩ, 30 chiếc thuyền để tăng-cường vị-trí vừa chiếm xong.

Nhưng lúc này Bình-định mỗi ngày một kiệt-quệ, lương-thực quân-nhu cạn dần và sức kháng-chiến không còn nữa.

Chúa được tin liền ra lệnh cho Võ-Tánh và Ngô tòng - Chu bí mật trốn ra khỏi thành để trở về với Chúa nhưng Tánh từ chối trong thư rằng : « *Tinh binh của Tây-Sơn ở cả Qui-nhon, nên lợi-dụng lúc này đánh Phú-xuân thì lợi hơn...* »

Chúa liền đề Nguyễn văn - Thành ở lại chống nhau với Trần quang-Diệu và Vũ văn-Dũng cùng đặt một phần quân lực

(1) Theo Sử của B.C. Maybon Thế-Tử Hi mất trong cuộc hành quân bên cha.

giữ cửa Thị-nại. Ngày 5 tháng 6 năm 1801, chúa Nguyễn dẫn tàu và thuyền ra khỏi bến (Thị-nại) hợp với Nguyễn văn-Trương tại cửa Hàn sau đó hai ngày.

Ngày 9 tháng 6, theo lời thuật của Barisy : khoảng 4 giờ sáng, quân Nguyễn lên đường thẳng tới Phú-xuân. Chúa Nguyễn dẫn cả lực quân và thủy-quân tiến ra. Tám giờ sáng ngày 11 thì quân Gia-định đã vào đến cửa sông Hương cách tiền-đồn của Phú-xuân một tầm súng.

Quân Gia-định chia làm hai : Cả thủy quân có sáu chiến-hạm, (kể cả tàu của Chaigneau, De Forsans, Vannier) và 36 chiếc thuyền chở đại-bác hợp lại đặt dưới quyền chỉ-huy của Nguyễn văn-Trương đánh vào cửa hữu phía Tây - thành này. Chúa Nguyễn đánh vào cửa Đông (tức cửa Ông) có Lê văn-Duyệt phụ-tá và 45 chiếc thuyền chèo tay, 300 thuyền buồm chở đại-bác và 15.000 quân đồ bộ.

Ngày 12, hồi 5 giờ sáng, chiến thuyền của Nguyễn theo đúng kế hoạch hành binh chia thành ba đạo tiến vào thành của Ông. Tới nửa tầm súng đại-bác thì quân Nguyễn bị đại-bác ở ba hải-đồn bắn ra. Lòng sông bấy giờ lại có nhiều chướng ngại-vật như cây cọc cắm đầy rẫy, nước lại thấp nên thủy-quân Gia-định không tiến được. Thấy vậy, quân Phú-Xuân bắn kịch-liệt thêm, Quân Nguyễn được lệnh nhảy xuống nước đồ bộ. Mặc dầu lửa đạn sáng rực trên đầu họ thủy-sư của Nguyễn cũng bắn trả lại được và pháo-đội của thủy quân Nguyễn vượt được chướng-ngại-vật vào cửa Tư-Dung.

Phò-mã Tây-Son là Nguyễn văn-Trị bấy giờ đem mười ngàn quân ra lập đồn ở núi Qui-Son đánh lui được 33 tiền-đội Gia-định. Đứng trên thành, Trị thấy quân Nguyễn bị lúng túng và rối loạn liền xông xuống thì bị chúa Nguyễn cử Lê văn-Duyệt và Lê-Chất đem gấp hai đạo thủy-quân đánh tập hậu trong khi Trị và quân bản bộ mới ra khỏi vị-tri được độ tám chín trăm thước. Bề khác một vài đội cảm-tử của Nguyễn bằng súng có lưởi lê đã nhảy lên bờ chặn đường khiến quân bên ngoài ra trong đồn của Trị không còn liên lạc được với nhau. Hai quân đánh nhau rất kịch-liệt ; quân Nguyễn vây được Nguyễn văn-Trị và bắt sống.

Tiền-tuyến của thành Phú-Xuân bị phá vỡ quân Gia-định ào-ạt kéo vào lấy cửa Thuận-an làm một đầu cầu. Bấy giờ Tây-Son có 7 chiếc tàu thuộc đạo thủy-quân gồm 65 chiến tàu ở Bắc-hà cho vào đậu ở đây vài hôm trước (chiều mồng 10) các tàu khác cách tàu Gia-định chừng hai dặm.

Ngoài ra riêng Phú-xuân có 10 tàu và chiến thuyền chèo tay và nhiều thuyền chở đại-bác đầy binh lính. Đôi bên trông thấy nhau bằng những ống viễn-kính.

Mười giờ sáng tiền đội trọng-pháo của Nguyễn cho tướng Phan-Đức (Fan Vienk) tiến lên vừa tới tầm trọng-pháo của Tây-Son. Hạm đội của Phú xuân được đại-bác trên đồn yểm-trợ bắn xiên qua xiên lại.

Thủy-quân Nguyễn vẫn cứ từ-từ đi vào một cách dò-dẫm vì lúc này nước sông cạn. Pháo-đội trên sông của Tây-Son cũng bắt đầu hoạt-động, có tất cả 27 chiếc thuyền. Rồi hai quân gặp nhau. Quân Gia-định vẫn không bắn phát nào chỉ tiến sát vào thuyền của Phú-xuân. Một cuộc kịch-chiến nhưng ngắn ngủi bùng nổ, máu lửa đổ ra vô vàn. Đạn trên đồn và trên mặt sông bắn đi bắn lại tưới tấp không còn phân biệt chỗ nào là quân mình và quân nghịch. Rồi 5 phút sau cờ vàng bay (cờ Gia-định) thay vào chỗ cờ đỏ (cờ Tây-Son) thì ra trong khoảng thời-gian thủy-quân xô-xát với nhau, một cánh quân Gia-định đã nhảy lên bộ tấn công sát lá cà các thủy đồn của Phú-xuân.

Buổi trưa thì cuộc giao-phong ngừng ở khắp mặt trận. Lửa còn cháy đỏ ở các tàu của Phú-xuân. Quân Tây-Son còn đang chạy đầy trên bãi cát đối diện với chỗ thủy-quân Gia-định đóng. Ba giờ sau chúa Nguyễn vào được bến sông Hương và từ sáu giờ chiều chúa cho thiết quân-luật để tránh những hành động vô kỷ-luật tai hại cho dân chúng. Binh đội đều phải xuống nghỉ-ngoi hết ở dưới thuyền. Tám giờ sáng hôm sau, Mồng ba tháng năm, năm Tân-Dậu (ngày 15-6-1801) Nguyễn - Vương vào thành-nội sau 26 năm cách biệt chốn đế-đô. Vua Cảnh-Thịnh lúc này đã trốn khỏi bỏ lại cá ấn-tín và sắc-phong của triều Thanh. Nhà Vua vừa đây cũng đã cố-gắng chiến-đấu nhưng khi thấy thủy-quân đại-bại ở ngoài cửa sông thì binh tướng còn lại ở bên trong đã bỏ chạy hết.

Nguyễn-Vương cho Lê-Chất và Nguyễn văn-Trương mang quân đuổi theo nhưng vua Cảnh-Thịnh đã đi xa rồi: Lê-Chất dẫn bộ binh; Nguyễn văn-Trương dẫn thủy-quân ra chặn ở Linh-giang không cho Tây-Sơn ra Bắc. Phạm văn-Nhân giữ cửa Thuận-an. Ở Nghệ-An, Nguyễn văn-Thụy và Lưu Phúc-Tường liên-lạc với quân Vạn-Tượng (Ai-Lao) bao vây, đóng giữ các địa-điểm chiến-lược. Ở Thanh-hóa thổ-hào Hà Công-Thái, ở Hưng-hóa có Phan Bá-Phụng nổi lên quấy nhiễu, hưởng-ứng với lời hiệu triệu của chúa Nguyễn. Ở các trấn Bắc-hà các đạo-trưởng và tin-dò Thiên-chúa-giáo cũng nổi lên làm hậu-thuần cho họ Nguyễn. Nhà Tây-Sơn bị rối ren khắp chốn và đã thấy khó lòng ứng phó nổi với tình-thế.

**Võ-Tánh và
Ngô Tông-Chu** làm nguy
tại Quảng-Nam. Quân cứu viện đành phải trở về Qui-Nhơn.

Trong khi Phú-xuân lâm nguy vào tay Gia-định, Trần quang-Diệu, Vũ văn-Dũng sai quân ra cứu viện bị Lê văn - Duyệt ngăn chặn lại

C.B. Maybon nói rằng: Quân hãm thành Qui-Nhơn ra cứu Phú-Xuân, vì muốn tránh gặp quân Nguyễn nên tìm lối đi xuyên qua rừng núi họ bị dân địa phương đánh lạc đường rồi bị rơi vào vị-trí của Lê văn-Duyệt. Một phần phải đầu hàng và một phần bị đánh tan vỡ.

Bọn Diệu, Dũng thấy Phú-xuân thất-thủ càng ra công đánh thành, có lẽ do ý-nghĩ cần phải nắm được một cứ-điểm làm đất dụng võ.

Lúc này nạn đói lan rộng trong thành (1), tinh-thần quân dân xuống thấp vô cùng đã gây nên một áp-lực đối với Võ-Tánh và Ngô Tông-Chu. Sau khi viên tướng văn và viên tướng võ hội ý với nhau thì-Trần quang-Diệu nhận được bức thư của Võ-Tánh yêu cầu xin cho quân dân trong thành được toàn mạng vì họ không cố tội gì, còn mình làm tướng đành liều chết dưới cờ.

Rồi Võ-Tánh cho làm một cái lều bát-giác, dưới đồ thuốc súng, trên phủ cỏ rơm, ăn mặc lễ phục hàng hoàng trước khi tự đốt mà chết. Quan Hiệp-Trấn Ngô Tông-Chu cũng kết liễu sự nghiệp bằng chén thuốc độc.

(1) Quân lương trong thành cạn sạch, quân Gia-định phải giết cả voi ngựa để ăn...

Quân Phú-xuân vào thành, Diệm theo đúng lời khẩn cầu của Võ-Tánh không sát hại một ai và cho mai táng Võ-Tánh cùng Ngô Tông-Chu tử-tế, Dũng bố-trí lại mọi nơi, chỉnh-bị lại hàng ngũ khiến Nguyễn văn-Thành phải e ngại. Quân Phú-xuân xuống đánh phá cả Phú-yên khiến Nguyễn-Vương phải hạ lệnh lấy quân từ Gia-định đem ra đề tăng cường cho miền này.

Cuộc binh-định dưới mắt của Nguyễn-Vương bấy giờ thành công sớm muộn là tùy tình-trạng của binh-tướng nhà Tây-Sơn đang chiến-đấu từ Phú-yên ra tới Quảng-Nam, còn từ Phú-Xuân ra tới sông Gianh, Vương không lấy làm lo ngại lắm. Qui-Nhơn lúc này là khu-vực cuối-cùng quyết định tình-thế chiến-tranh giữa đôi bên, quân lực của Vương phải lưu-lại, ở đâynghĩa là không đi xa ra ngoài miền Bắc và theo tài-liệu Pháp (Nouvelles lettres édifiantes VIII trang 84) Nguyễn-Vương lưu-quân ở lại miền Trung còn lý-do thứ hai là phòng hai danh-tướng Tây-Sơn có thể tiến vào đánh Sài-côn, Gia-định nếu Vương tiến ra Thăng-long thì quay về có khi đã lỡ.

Lúc này quân Tây-Sơn vẫn chiến-đấu ở nhiều nơi. Tại chân núi Thân-Dậu thuộc miền Nam Hà-tĩnh, gần cửa Ròn, 7.000 quân Gia-định bị rơi vào độc-kế của Tây-Sơn và bị tổn-thất quá nửa. Viên chỉ-huy bị chừa hạ-lệnh xử quyết. Đạo-quân này thuộc về bộ đội của Nguyễn văn-Trương.

Chiếm được thành Qui-nhơn, Trần quang-Diệm sai đại đô-đốc Trương phúc-Phượng và Tư khấu-Định đem quân ra đánh Phú-xuân bằng đường thượng-đạo nhưng nửa đường xét không đủ quân lương mà trở về thì vi lệnh Đại-tướng, Phượng đành ra hàng quân Nguyễn còn Định đánh thua chạy và chết trong đất Mường.

Về miền Nam, Diệm cử Lê văn-Điền vào đánh Phú-yên cũng vô kết-quả. Như trên đã nói rõ kế-hoạch hành-quân của Gia-định thì ta thấy quân tinh-nhuệ và các danh-tướng của Đồng-nai đều bao quanh thành Qui-nhơn, nơi định-đoạt số phận của triều-dại Tây-Sơn; Lê văn-Duyệt và Lê-Chất đóng giữ vùng Nam-Ngãi (Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, đánh vào Bình-định. Nguyễn văn-Thành từ cửa Thị-nại tiến thẳng từ miền bề vào bên trong. Còn Tống Viết-Phúc ở phía Nam kéo lên. Thế là Qui-Nhơn một lúc bị áp-lực của ba đạo quân Gia-định đang thừa khí thế,

Bọn Diêu, Dũng cố giữ thành Qui-Nhơn chờ viện binh của Bắc-hà.

Vì le quân Thăng-Long vào cứu Qui-Nhơn, chúa Nguyễn lại có một kế-hoạch khác thi-hành ở vùng Bắc Phú-xuân, tức là thiết lập một vị-trí chiến-lược để cản trở quân Bắc từ Đồng Hới ra tới Quảng-bình. Cuối tháng Bảy năm ấy, Chúa ra Đồng-hới thăm lũy Trấn-ninh, duyệt lại Binh-sĩ và phân-phối đi các nơi để gìn-giữ các địa-điểm trọng-yếu từ Quảng-Trị ra tới Linh-Giang. Chỗ nào cần chúa cho đặt các ồ trọng-pháo. Và tại cửa sông Giang, chúa đề một hạm-đội có lục-quân yểm-trợ và gọi thêm các đạo quân khác tới tăng cường cho Quảng bình, kiểm-soát ráo-riết các cửa biên và đường qua rừng núi. Các đạo-binh mới tuyển mộ ở các tỉnh được thao dượt luôn và sẵn-sàng để chiến đấu. Các kho lương-thực cũng được chuẩn-bị đầy đủ.

Võ-Tánh và Ngô Tông-Chu
tử tiết thế nào ?

Võ-Tánh và Ngô Tông-Chu từ tiết thế nào ?

hủy được gần hết các chiến thuyền của Tây-Son ở Thị-nại. Lúc này thành Bình-định bị hai đại-tướng Trần Quang-Điệu và Võ văn-Dũng vây rất ngặt nhưng khi quân Nguyễn phá thủy lực của nhà Tây-Son, Võ-Tánh đang cố thủ ở trong thành cũng mở cửa ra đánh địch gây được nhiều tổn-thất. Nhưng quân đội của Chúa Nguyễn vẫn không sao thoát khỏi vòng vây trùng trùng điệp điệp của hai tướng Diệu, Dũng.

Đã 14 tháng rồi thành bị phong tỏa, lương-thực cạn dần mà bên ngoài theo lệnh Nguyễn-Vương, Nguyễn văn-Thành và Lê văn-Duyệt cố giải vây cho Bình-định mà không nổi. Trên bộ quân Tây-Sơn kiểm-soát ráo-riết, mặt thủy cũng có sự phòng thủ gắt gao. Nguyễn-Vương có ý đem quân ra đánh Phú-xuân nhưng bần khoản vì chưa giải quyết xong việc cứu nguy Bình-định. Nguyễn-Vương đã có phen bàn với các tướng-sĩ : « *Thù mất thành hơn mất tướng, thành mất ẻn lấy lại được, tướng mất là mất hẳn* : huống hồ họ Võ lại là Phò-mã chông của Công chúa Ngọc-Du em gái của Chúa, thêm vào, Võ-Tánh là một tướng rất trung kiên từng lập được nhiều chiến-công rực-rỡ.

Vương cho một tên lính lặn từ ngoài cửa bể đưa mật-thư vào thành bảo Võ-Tánh ra họp. Tánh trả lời : « *Tướng-sĩ linh-nhuệ của Tây-Sơn lúc này đều tập-trung hết ở Qui-nhơn, Phú-xuân hầu như bỏ ngõ, lúc này là lúc đổi ngói lấy vàng, xin đừng nghĩ nhiều về Bình-định. Chiếm được Phú-xuân, cục-diện chiến-tranh sẽ thay-đổi lớn, dầu mất một đại-tướng mà làm chủ được tình-thế vẫn không là uổng...* »

Ý-kiến này xét ra rất hợp với kế-hoạch của Lê văn-Duyệt sau khi đại phá xong thủy-lục của Tây-Sơn ở cửa Thị-nại. Duyệt nói :

— *Nền lợi-dụng cuộc thắng trận ở Thị-nại, lòng quân đang hăng-hái mà liền ra đánh úp Phú-xuân. Phú-xuân vào tay ta thì Qui-nhơn không cần giải-lỏa cũng sẽ vỡ. Đánh cờ có khi cần phải thí xe là như vậy.*

Được lời của Võ-Tánh, Vương mới quyết-định. Vương đề Tiễn-quân Nguyễn văn - Thành ở lại Thị-gia (Qui-nhơn) để tiếp-ứng cho Tánh. Đêm hôm xuất quân, Vương đốt lửa làm hiệu trên núi Một (gần thành Qui-nhơn) tức thì quân Gia-định mở cửa ra đánh. Tây-Sơn bị nội-công ngoại-kích, tuy chiến-đấu rất hăng nhưng cũng vẫn bị tổn hại một số binh tướng.

Đúng lời dự-đoán của Võ-Tánh, quân Gia-định chỉ trong ba ngày kịch-chiến chiếm được kinh-thành của nhà Tây-Sơn. Nhưng trong thành Bình-định tình-thế mỗi phút một bi thêm hơn, lương cạn sạch, quân-dội phải giết ngựa voi mà ăn nhưng đến khi hết ngựa voi thì vẫn phải quyết-định. Chủ-tướng bàn với Tánh mở một đường máu mà ra, đằng nào cũng chết rồi. Tánh cũng định cố-gắng cứu-vãn tình-thế một phen nữa là mật với Nguyễn văn - Thành đem quân đến đòi Phù-quý tiếp-ứng cho đám quân của mình trong khi mở con đường máu. Nhưng khi nhìn lại các tướng-tá thấy mất một viên. Tánh rĩ tai Ngõ tông-Chu :

— *Chắc-chắn có kẻ nội-phản rồi !*

Tánh đành phải sai người mang thư ra ngoài cho Trần quang-Diệu ngỏ ý nộp thành, nhưng xin bảo toàn cho tướng-sĩ, bằng lời khẳng-khái như sau đây :

— *Kẻ làm tướng chỉ lấy cái chết làm vinh, nhưng quân-sĩ không tội tình gì xin đừng sát hại.* »

Tánh bảo các tướng-sĩ :

— *Ta uống thuốc độc cũng chết mà nhảy vào lửa cũng vậy, nhưng ta không muốn kẻ thù thấy mặt ta.*

Sau đó theo lệnh của Tánh, binh lính làm một cái lầu bát giác, dưới chất củi rơm và thuốc súng.

Giữa lúc này Ngô tùng-Chu chạy sang gặp Võ-Tánh để bàn cơ-mưu quật khởi. Tánh chỉ vào cái lầu bát giác bình-tĩnh nói :

— Tôi làm võ-tướng không thể sống với địch-quân, ông là văn quan, địch quân không nỡ thẳng tay, xin cứ tự toàn.

Tùng-Chu cười nhạt đáp :

— Kể tôi trung thì có kẻ gì văn võ, ông biết liều mình với nước, tôi lại không biết tận-trung với Chúa sao !

Chu trở về mặc triều-phục chỉnh-tề, nhìn về phương Bắc làm lễ rồi uống thuốc độc mà chết. Tin này đến tai Hậu quân Võ-Tánh, Tánh than rằng :

— Ông này đã hơn ta một bước.

Rồi tự tay mình khâm-liệm cho người chiến-hữu và hai hôm sau Tánh cũng mặc triều-phục hướng về phía Bắc làm lễ bái mạng rồi từ biệt các tướng-sĩ.

— Nhờ có anh em đồng tâm nhất-trí, ta giữ được thành này gần hai năm, nay thế cùng lực-lận, thành không giữ được nữa, ta đành liều mình cho anh em đỡ khổ.

Mọi người quỳ quanh lầu đều khóc. Tánh bảo họ lui ra rồi trao khẩu súng của mình cho Lưu-thủ Nguyễn văn-Thanh bảo rằng :

— Trao khẩu súng này cho Thái-phó nhà Tây-Son và nói rằng ta phó thác cho Thái-phó tất cả binh-sĩ của ta.

Rồi Tánh sai phó tướng Nguyễn văn-Biên châm lửa, Biên khóc bỏ chạy. Tánh đang hút thuốc lấy tàn quăng xuống đồng thuốc súng, lửa bùng lên... Thống binh Nguyễn văn-Huyền ở ngoài chạy vào thấy sự thế như vậy cũng gieo mình vào lửa. Tấn thảm kịch này xảy vào ngày 27-5 Tân-Dậu (1801).

Tánh tuần tiết xong thì thành mở. Diệu kéo quân vào thấy lầu bát giác và đồng tro tàn, lòng cảm-động, cho người làm lễ tống-táng rất tử-tế và thực-hiện lời hứa là không sát hại những kẻ đã hàng.

Sau này lên ngôi Hoàng-đế, Gia-Long sai lập đền thờ ở nền lầu Bát-giác (Binh-định) và truy-phong Võ-Tánh làm Dực-vận công-thần thái-úy Quốc - Công, Ngô tông - Chu làm Công-thần thái - tử Quận - Công, Nguyễn tấn - Huyền làm Chương-Cơ.

**Văn tế Phò-mã Chương hậu-quân Võ-Tánh
và Lễ bộ Thượng-thư Ngô Tông-Chu**

Than rằng :

1) Đạo thần tử hết lòng thờ Chúa, gian nan từng giải đã dạ trung thành ; đừng anh hùng vì nước quên mình, điển bái (1) chẳng sai lòng tiết nghĩa ;

2) Ngọc dầu tan, vẻ trắng nào phai ; trúc dẫu cháy tiết ngay vẫn dễ.

Nhớ hai người xưa :

3) Thao lược (2) ấy tài ; kinh luân (3) là chí.

4) Phù vạc Hán thuở ngôi trời chếch lệch (4), chém gai đuổi lũ hung tàn ; vớt xe Đường, khi thế nước chông chênh (5) cầm bút ra tay kinh lễ (6).

5) Mối nghĩa sánh duyên gác tía (7), bước gian truân từng vững dạ khuông phủ ; màn kinh giúp sức cung xanh (8), công móng dưỡng (9) đã dành lòng ủy kỳ.

9) Hậu quân thuở trao quyền từ trụ (10) chữ án uy lớn nhỏ đều phụ (11) ; lễ bộ phen làm việc chính khanh (12), bề trung ái sớm khuya chẳng trễ.

7) Ngoài cõi vượt nanh ra sức, chỉ tiêm cứu (13) từng giải xuống ba quân ; trong thành then khóa chia lo, lòng ưu quốc (14) đã thấu lên chín bề.

8) Miền biên khốn (15) hai năm chia sức giặc (16), vững lòng tôi bao quân thế là nguy ; cõi Phú-xuân (17), một trận khét uy trời, nặng việc nước phải lấy mình nhẹ.

9) Sửa mũ áo lay về bắc khuyết (18), đuốc quang minh hun mát tấm trung cau ; chỉ non sông giữ với cô thành, chén tàn khổ (19) nhấp ngon mùi chính khí(20).

10) Há rằng ngại một phen thử thạch (21), giải trùng vì mà tìm lời quân vương ; bởi thương muốn mạng ti-hưu (22), thù nhất tử để cho toàn tướng sĩ.

11) Tiếng hiệu lệnh mơ màng trước gió, án tín xưa ngườ bộ-khúc (23) th-rong lảm ; bóng tinh trung (24) thấp thoảng dưới đèn, phong nghi cũ liêu bằng (25) sái lệ.

12) Cơ dăng định (26) kịp chầy dành hẹn buổi, xót tướng doanh sao vắng mặt thân huân (27) ; phận truy tùy (28) gang lặc cũng đèn công, tiếc nhung mạc (29) bỗng thiết tay trung trí.

13) Nay gặp tiết thu ; bầy tuần úy tế.

14) Hui chữ cương thường nghĩa nặng, rõ cồn-hoa cũng thỏa chốn u-minh ; nghìn thu hà nhạc khi thiêng, sắp mao việt để nền binh trị.

Thượng hưởng :

(Bài văn-tế này do Đặng Đức-Siêu làm và được đọc sau ngày Gia-Long lên ngôi)

(1) Điền báỉ : nghĩa đen : đồ lộn ; nghĩa bóng loạn lạc. (2) Theo lược (thao : phép kén của nhà binh ; lược ; mưu mô) ; phương pháp và mưu mô trong việc binh. (3) Kinh-luân : tài sắp đặt việc chính-trị, xã-hội... (4) Phù vạc Hán thuở ngôi trời chếch lệch (phù giúp ; vạc dịch chữ đình, biểu hiệu của ngôi vua ; Hán : tên một triều vua ở bên Tàu) : giúp nhà vua khi có hoạn nạn. (5) Với xe Đường khi thế nước chông chênh (với : kéo lại ; xe Đường : xe vua Đường Huyền-tôn chạy vào đất Thục khi có loạn An Lạc-Sơn) : vẫn hồi lại vận nước khi có nguy biến. (6) Kinh-tế : do chữ « Kinh bang tế thế » sửa việc nước và giúp đời. (7) Sánh duyên gác tía (gác tía : chỗ công chúa ở) : nói về việc ông Võ-Tánh lấy Ngọc-Du công chúa em gái vua Gia-Long. (8) Mân kinh giúp sức cung xanh (mân kinh : cái mần của ông thầy ngồi giảng sách ; cung xanh : cung thái-tử ở) : nói về việc ông Ngô tòng - Châu dạy Hoàng-tử Cảnh học. (9) Mông-dương : nuôi dạy trẻ con. (10) Tứ-trụ : bốn cột cái ; chỉ bốn vị đại-thần trong triều. (11) Phú : tin phục. (12) Chính khanh : chức quan, trên bậc thiếu khanh ; chức quan to. (13) Tiêm cừu : giết kẻ thù. (14) ưu quốc : lo về việc nước. (15) Biên khồn : nơi biên thủy. Bấy giờ vua Gia-Long mới thu phục được đất Gia-dịnh, nên thành Qui-nhơn cũng kẻ là nơi biên thủy (16) Chia sức giặc : vì ông Võ-Tánh giữ vững Qui-nhơn, nên quân Tây-Sơn không thể dời dấy mà ra ngoài Phú-xuân được. (17) Phú-xuân : tức là kinh đô Huế ngày nay. (18) Bắc khuyết : cửa hoàng thành ở phía Bắc. Bấy giờ vua Gia-Long đương ở Phú-xuân, tức là ở phía bắc thành Qui-nhơn. (19) Tân khò : cay và đắng chỉ thuốc độc. (20) Chính khí : cai khí tiết agay thẳng của những bậc trung thần nghĩa sĩ. (21) Thử thạch : tên và đạn. (22) Ti hưu : tên hai loại mãnh thú ; chỉ quân hùng dũng. (23) Bộ khúc : các đội ngũ trong quân. (24) Tinh trung : hồn trung nghĩa thiêng liêng. (25) Liêu bằng : bè bạn cùng làm quan. (26) Đẳng định : dẹp yên giặc giả (27) Thân huân : thân với nhà vua và có công to. (28) Truy-tùy : theo dõi. (29) Nhung mạc : màn quan tướng ở trong quân.

**Tây-Sơn mặt-vận
ở Trấn-ninh.**

Bị đánh bật ra khỏi Phú-xuân, Vua Cảnh-Thịnh và một ít tàn-binh ngày đêm chạy gấp ra Bắc-hà, mảnh đất đã mang khá nhiều kỷ-niệm oanh-liệt của cha mình, mười sáu năm trước.

Đến Thanh-hóa, nhà vua cho người ra Thăng-long đòi em là Quang-Thùý gửi gấp một đạo binh vào hộ-vệ, nhà vua ra tới Thăng-long vào ngày cuối cùng của tháng 5 năm Tân-dậu (1801).

Việc đầu tiên của Vua Tây-Sơn là đòi niên-hiệu ra Bảo-Hưng đề cầu may, truyền hịch đi các trấn lấy binh, chỉnh-đốn lại bộ máy quân dân, định lại phép tắc trị dân, sửa nước, tự mình kiểm-soát việc thi cử v. v. . . cố-gắng khôi-phục tình-thế. Tháng 8 (8-9 — 7-10-1801) Nguyễn quang-Thùý được cử đem quân vào Nghệ-an. Đến tháng 11 (6-12—3-1-1802) quân đội bốn trấn được non tất cả 3 vạn người được lệnh vượt sông Linh-giang. Thủy-quân của Tây-Sơn có 100 chiếc thuyền vào giữ cửa Nhật-lệ. Trong lực-lượng cuối cùng này của nhà Tây-Sơn có bà Bùi thị - Xuân, vợ Thái-phó Trần quang-Diệu dẫn 5.000 quân bản-bộ và đã đóng vai đại-tướng trong cuộc hành-quân vào lũy Đồng-hới. Tây-Sơn chia binh ra như sau :

1) Một đạo binh đánh vào Trấn-ninh.

2) Một đạo tẩu-công đồn trại của quân Nguyễn ở chân núi Đầu-mẫu.

3) Một đạo chiến-thuyền tiến vào cửa sông Gianh với mục-đích tiến vào Nam nếu được cơ-hội tốt.

Tháng 12 năm Tân-dậu (4-1 — 2 2-1802), Nguyễn-Vương qua sông thấy thế quân của Vua Tây-Sơn mạnh. Nguyễn văn-Trương lúc này mang chức Chưởng-trung quân Bình-tây Đại-tướng-quân cùng với Tổng phúc - Lương và Đặng trần - Thường đang đóng binh ở Linh-giang phải lui về Đồng-hới.

Nguyễn-Vương liền mang chủ-lực-quân ra tiếp-ứng, sai Phạm văn-Nhân và Đặng trần-Thường giữ mặt bộ, Nguyễn văn-Trương giữ mặt biển.

Ngày 1 tháng giêng năm Nhâm-tuất (3-2-1802), Nguyễn quang-Thùý vây đánh lũy Trấn-Ninh, quân Gia-dịnh chống

trả rất mạnh và đẩy lui được quân Tây-Sơn. Thành Đầu-Mâu cũng bị quân Bắc-hà tấn-công rất gắt và tìm cách leo vào thành. Trong thành đạn bắn ra như mưa, quân Tây-Sơn bị thiệt-hại lớn ngay chấp đầu. Cảnh-Thịnh toan ra lệnh lui binh thì nữ tướng Bùi thị-Xuân không chịu, thúc quân đánh vào quân Nguyễn hăng-hái và can đảm lạ thường. Bà ngồi trên mình voi xông xáo trên chiến-trường từ sáng sớm đến chiều tối. Thế trận chưa nghiêng ngả về bên nào thì có tin thủy quân của Tây-Sơn đã bị Nguyễn văn-Trương phá tan ở cửa Nhật-Lệ.

Nhưng chính lúc này, quân Nguyễn cũng đã tính tháo lui thì về mặt thủy ở cửa Nhật-Lệ quân Tây-Sơn yếu thế vì thiếu tàu chiến, lại thêm tướng Nguyễn văn-Kiến ra hàng. Tin này đến tai vua Cảnh-Thịnh và các tướng tá khiến mọi người thất vọng. Riêng Bùi-thị vẫn hăng hái truyền cho một đại đội khác đến thay cho bọn làm phản bỏ vắng. Quân Nguyễn trong thành bắn ra như mưa rào. Quân Tây Sơn được lệnh ào-ạt trèo tường vào Trấn-Ninh. Nữ tướng giằng lấy dùi trống thúc liên hồi. Nếu trận đánh cứ tiếp diễn luôn 2 tiếng đồng hồ nữa như thế thành Trấn-Ninh có lẽ mất. Nguyễn-Vương và tướng tá bấy giờ đã hoảng-hốt vội cho thủy-quân vượt sông Linh-giang đánh bọc hậu có ý chia lực lượng của nữ tướng họ Bùi hầu mở được một đường máu để thoát thân. Nguyễn quang-Thù nhát gan thấy thế tướng nguy liền lui binh. Được một lúc Bùi thị-Xuân mới biết. sự kiện này làm những đạo quân còn đang chiến-đấu nao lòng đa số binh tướng Tây-Sơn xin bà Bùi cho rút lui, tệ hơn nữa họ bỏ cả vũ khí đạn dược để chạy tháo thân. Cuối cùng, thế chẳng đứng, nữ tướng họ Bùi cùng một số quân riêng giữ vững hàng ngũ hộ vệ Vua Cảnh-Thịnh rút về phương Bắc, để Nguyễn văn-Thận ở lại giữ Nghệ-an. Thắng xong trận này, Nguyễn-Vương về Phú-xuân đề sắp đặt việc tức-vị.

Còn ở khu-vực Linh-giang Đồng-hới, lại vẫn Đặng Trần-Thường, Nguyễn văn-Trương và Tổng phúc-Lương tiếp-tục chiếm đóng địa-phương này như trước.

Còn tình-trạng của binh-tướng Tây-Sơn trong thành Qui-nhơn lúc này cũng bối rối hết sức, Hằng ngày bọn Trần quang-Diệu, Võ văn-Dũng được tin thế quân Phú-xuân suy nhược thêm. Cuộc bại trận xảy ra khắp nơi, ai nấy cũng nao lòng. Họ giữ thành ròng-rã hai năm liền nên quân-nhu lương-thực cũng

hiểm dần chẳng bao lâu nữa cũng sẽ lâm vào cảnh ngộ của Võ-Tánh và Ngô Tông-Chu trước.

Cho tới bấy giờ, Phú-yên vẫn tiếp-tế cho Qui-nhơn nhưng khi quân Nguyễn lấy được Phú-xuân thì Lê văn-Duyệt, Nguyễn văn-Thành được vào bao vây và phá các tiền-tuyến của Qui-nhơn, Rồi lại đến lượt chinh quân Tây-Son bị hãm thành. Hơn một tháng đầu năm Nhâm-Tuất (tháng hai) họ bị tật bệnh và thiếu thốn. Trước nguy cơ này, Trần quang-Diệu nhờ một đêm tối đặc, bí-mật ra lệnh cho hết thầy binh tướng (3000) và 150 con voi lặng lẽ đi đường thượng đạo qua Ai-Lao rút ra Nghệ-An hội với Tây-Son.

Khi quân Gia-định biết, đuổi theo thì bọn Diệu, Dũng đã đi xa rồi. Lê văn-Duyệt được gọi về Phú-xuân còn Nguyễn văn-Thành ở lại trông coi thành Bình-định Theo vài sử-gia Pháp Trần quang-Diệu lúc này ở Qui-nhơn với một đạo quân khá mạnh, nên Diệu đã có ý mở một mặt trận vào Gia-định tức là đánh vào hậu-tuyến của Nguyễn-Vương để giải-tỏa cho quân-lực của mình ở miền Bắc. Kế-hoạch chưa kịp thực-hiện thì Bùi thị - Xuân có thư vào gọi Diệu ra để cứu-vãn tình-thế. Hà-nội bị đối chủ hai ngày, Diệu mới ra tới Nghệ-an. Theo Giáo-sĩ Bissachère, nếu Diệu ra kịp, chưa dễ thành Thăng-long đã lọt vào tay quân Gia-định mau lẹ như vậy vì Diệu là một tướng rất có tài, người Âu-châu nào cũng đều rất kính phục.

Nguyễn-Vương lên ngôi (31-5 Nhâm-tuất)

Tháng 5 năm Nhâm-Tuất, họ Nguyễn cho lập đàn tế cáo trời đất rồi thiết triều để các quan chào mừng và lấy niên-hiệu là Gia-Long (1) năm thứ nhất (1802) Từ khi khởi binh ở Gia-định đến nay khôi phục được Phú-xuân, chiếm lại được Linh-giang. có thể nói rằng họ Nguyễn đã giành lại được nguyên vẹn đất đai của ông cha trước.

Nhưng trên thực-tế bấy giờ ai cũng thấy đại-cục thuộc về họ Nguyễn rồi, việc thu phục nốt miền Bắc rõ-rệt chỉ là chuyện thời-gian.

(1) Gia-Long có ý-nghĩa : được thời phát-triển rộng-rãi và tốt đẹp.

Ưu thế đã nắm được trong tay, họ Nguyễn lên ngôi xưng đế không còn phải úp mở với họ Lê và quốc-dân nữa. Thật đúng câu : *cờ đến tay ai người ấy phất*.

Giờ đây họ Nguyễn chỉ còn hai việc : Diệt-trừ nốt tàn-lực của Tây-Son, chính-thức-hóa địa-vị của mình với Trung-quốc. Họ Nguyễn liền đưa ra hai bản tuyên-ngôn, một đề thông-cảm với quốc-dân, một gửi cho quân-đội đại-ý nói rằng nhà vua đem quân ra Bắc để trừng-phạt phiến-loạn và ra mắt thần-dân đất Bắc. Chiến-tranh ở đây là do mục-dịch đem lại trật-tự và hòa-bình cho quốc-gia, dân-tộc. Binh-sĩ phạm vào vụ cướp bóc, giết người sẽ bị xử tử ngay lập tức. Lê văn - Duyệt và Nguyễn văn - Trương được phong chức Đại-tướng ; một coi lục-quân, một coi thủy-quân, hợp thành đại binh tiến ra Thăng-Long. Dĩ-nhiên vua Gia-Long là Tổng-chỉ-huy đoàn quân Bắc-chinh này.

Quân Nguyễn do hai đường thủy-bộ cùng kéo ra vào ngày 20 tháng 6 dương-lịch. Duyệt có Lê-Chất phụ-tá lĩnh tiền đạo và đi trước ngự-đạo, vượt sông Gianh không gặp trở-lực nào. Cuộc đụng độ đầu tiên của hai quân xảy ra tại cửa Ròn phía Nam Hà-lĩnh. *Việt-Nam sử-lược* viết : quân bộ của Nguyễn tiến lên đóng ở Hà-trung, quân thủy vào cửa Hội-thống rồi lên đánh phá đồn lũy của Tây-Son.

Được biết tiền-quân thắng trận, vua Gia-Long cũng vượt sông Gianh và vào nghỉ ở Hà-trung (tháng 6 âm-lịch).

Quân bộ lại vượt sông Cả (Lam-giang) chiếm được nhiều quân - nhu, lương-thực và chiến-thuyền của Tây-Son và tới Nghệ-an một cách dễ-dàng. Trấn-thủ Nghệ-an là Nguyễn văn-Thận bỏ thành chạy ra giữ cửa Tiên-lý ở Diễn-châu. Sử C.B. Mabon nói : ngày 3 tháng 7 năm 1802, vua Gia-Long cũng tới Nghệ-an. Một tướng Tây-Son ra hàng nộp 150 con voi trong khi đại quân ra tới Thanh-hóa. Tại đây một người em của Nguyễn quang-Toản là Quang-Bàn bị bắt. Trần quang-Diệu và vợ là Bùi thị-Xuân cùng con gái cũng bị bắt sau khi Diệu ở Qui-nhơn cùng một số tàn-quân chạy ra Bắc bằng thương-đạo Ai-Lao. Đến Châu Qui hợp, Diệu xuống Hương-sơn thì biết tin Nghệ-an đã mất. Quân-sĩ của Diệu bỏ cả rồi mấy hôm sau vợ chồng Trần quang-Diệu đều bị bắt cả. Võ văn-Dũng cũng bị dẫn đem nộp cho Chúa Nguyễn trên đường về Nông-cống (Thanh-hóa).

Vua Cảnh-Thịnh cùng hai em và vài kẻ tướng tá vượt qua sông Nhị-hà, tinh trốn lên vùng Thượng-du cũng bị dân chúng bắt và đóng cũi nộp cho quân Nguyễn.

Ngày 13-7, vua Gia-Long ra tới Thanh-hóa sau ba ngày đường bộ, mừng-rỡ được thấy quê-hương nên đã ban lệnh xá thuế và tạp-dịch cho địa-phương này.

Lê văn-Duyệt ra Bắc, thủy-quân của Nguyễn văn-Trương song hành lần theo sông Nhị-hà tiến vào nội-địa vùng Sơn-Nam-Hạ, vượt sông Vị-hoàng (thuộc tỉnh Nam-định ngày nay) Nguyễn văn-Trương hủy-diệt được một thủy-đội của Tây-Son trên khúc sông này rồi ngừng lại để chiếm thành.

Bộ-binh của Duyệt trên đường tiến vào Thăng-Long cũng dẹp nhiều tàn quân của vua Cảnh-Thịnh. Thực ra lúc này quân Tây-Son đã mất hết tinh-thần chiến-đấu, đánh ít hàng nhiều hoặc tự-động bỏ hàng ngũ mà trốn nên việc hành quân ra Bắc không có gì hào-hứng cả. Quân Nguyễn tới đây chỉ để làm một việc chiếm-hữu mà thôi. Còn quan lại của nhà Tây-Son lúc này cũng bỏ chạy hết và dân chúng không có phản-ứng gì hết. Họ diềm-nhiên trước sự sụp đổ của một triều đại tuy đã viết nên những trang sử sáng ngời về đối ngoại nhưng đã để lại không ít thì nhiều những kỷ-niệm về sự tàn-ác qua những cuộc đối nội, nhưng bàn cho phải vì quyền-lợi của dòng họ, của triều đại, phong-kiến ở Việt-Nam cũng như ở các nước khác vẫn không thể tránh được những hành động bạo-liệt mà trước sau nhân dân vẫn là nạn nhân, hôm qua cũng như hôm nay. Sự thiệt-hại dân phải gánh chịu có khi không kém đối với các cuộc xâm-lăng của những dị-tộc. Đáng buồn thay!

Một vài ý-kiến về nhà Tây-Son

Nhà Tây-Son nổi lên vào năm 1774 lập nên triều-đại vào năm 1778 và mất vào năm 1802. Bàn về sự ngắn ngủi của triều-đại Tây-Son (1774-1802) nhiều sử gia Âu-châu đã lấy làm ngạc nh ên. Người ta nhắc tới thời trung-suy của họ Nguyễn ở Nam-hà (thời chúa Định-vương 1765-1773) giặc cướp nổi lên như ong từ thành thị đến các miền quê. Hàng ngày xảy ra các vụ giết người cướp của. Tây-Son đã cho binh lính lưu động khắp mọi nơi để truy nã các quân giặc cướp. Họ bắt được

là đem xét xử ngay. Nếu dân tố cáo kẻ nào đã làm bậy là họ chặt luôn đầu kẻ ấy. Dân mất lòng hả hê và không ngớt lời ca tụng Tây-Sơn như những hiệp-sĩ, anh-hùng bởi họ chỉ bênh vực kẻ yếu, lấy gạo tiền của người giàu chia xẻ cho người khó.

Một giáo-sĩ trong *Hội Truyền giáo ngoại quốc (1786)* đã viết trong một bức thư rằng : « Trong lúc này, ở Nam-hà cũng như ở Bắc-hà, chúng tôi đều được hưởng sự thanh bình, quan dân ai nấy đều yên trí lo phận sự riêng của mình. Quan Tây-Sơn đã lựa được ba người đề cầm đầu chánh-quyền. Những người này đều là những tay hào kiệt, đứng đắn, can đảm, ham chuộng hòa-bình xuất thân ở nơi quần chúng...»

Về phần giáo sĩ Tây-ban-Nha Jumilia kể lại rằng : nhiều ông quan của đám « giặc » đã đến thăm tôi và xin tôi thuốc. Tôi đã được họ giúp đỡ rất nhiều. Họ cho phép tôi tự do giảng đạo, công khai dựng các thánh-đường, không còn ai có thể đến quấy phá và ăn trộm bất cứ thứ gì trong nhà thờ. Ngoài ra họ còn cho 13 tên lính ngày đêm bảo-vệ chúng tôi.. (1)

Ông Crawford đến thăm Việt-Nam vào năm 1822 (sau khi vua Minh-Mạng lên kế vị vua Gia-Long được 3 năm) cũng có nhiều thiện cảm với triều Tây-Sơn viết :

«... Người ta rất có quyền nghi ngờ nếu nói rằng dân chúng khao khát dòng vua chính thống được khôi phục như một vài

(1) Theo L.M. Phan-phát-Huân trong *Việt-nam giáo sử* thì « giặc Tây-Sơn ở một thời đã sát phạt đạo Thiên chúa rất mạnh. Chúng tôi đồng ý là có nhưng chỉ có từ 1798 mà thôi. Nguyên nhân là Giám mục Labartette ở Phú-Xuân có bí-mật thư từ với Nguyễn-Ánh, việc này bị phát-giác nên vua Cảnh-Thịnh mới hạ lệnh bãi đạo. Còn từ trước đến 1798 Tây-Sơn vẫn không có chủ trương bài Công-giáo. Nếu trước 1798 có xảy ra ít nhiều vụ bài đạo đó là do Thái sư Bùi đắc-Tuyên e-ngại sự có mặt của Bá đa-Lộc trong quân đội của Nguyễn-Ánh với địa-vị một Tổng tham mưu trưởng. Có giám-mục Bá đa-Lộc theo ý họ Bùi bấy giờ tất nhiên có giới Công-giáo bên Nguyễn-Ánh. Nếu Tây-Sơn nhào Công-giáo với con mắt nghi ngờ là phải làm *Việt-Nam sử lược*, trang 462 nói rằng « Đến đời Tây-Sơn thì trong nước rối loạn, còn phải lo chiến tranh cho nên không đến việc cấm đạo. Nếu tổng-hợp tài liệu này với tài liệu của tác giả *Việt-Nam giáo sử* thì trước 1798, nhà Tây-Sơn không có đặt ra vấn đề cấm đạo, trái lại Tây-Sơn còn ủng-hộ Công-giáo là đáng khác chiều theo các thư-tịch của các giáo sĩ kể trên và căn-cứ vào sự thật bấy giờ là Bắc kỳ có rất nhiều giám-mục và giáo sĩ được dâng hoàng phát triển Công-giáo, ngoài ra chính Khâm sai Võ văn-Dũng, Hoàng-thân Nguyễn quang-Thù đã ủng-hộ Công-giáo rất mạnh tuy nhà Tây-Sơn vẫn chưa chính thức bãi bỏ lệnh cấm đạo.

người Âu-châu đã quen tán tụng vua Gia-Long và chế-độ nhà Tây-Son đã mất nhân tâm; Tôi đã được nói chuyện với nhiều thương gia Trung-Quốc ở Huế lâu năm về vấn đề kể trên. Những người này đã từng sống dưới chính quyền vừa của họ Nguyễn vừa của Tây-Son. Trái lại, họ đã phê bình rằng nhà Tây-Son trị dân còn có công bằng và ôn hòa hơn nhà vua hiện thời và cả phụ vương Ngài nữa.»

Như vậy sao Tây-Son lại chóng đổ đến thế ? J. Chesneaux cho rằng anh em nhà Tây-Son buổi đầu được nhân dân nhiệt liệt ủng hộ, nhưng tới khi thành công, Tây-Son chưa cải-tổ được bộ máy chính trị và xã hội của nước Việt-Nam cổ. Nước Việt-nam nông-nghiệp đã không thay đổi được tình-trạng cũ, một tình-trạng đồi-bại. Đến giới trưởng-giả, thương-nhân (chỉ anh em nhà Tây-Son) vì còn quá phôi-thai cũng lại trở nên bất-cập. Như vậy cuộc quật-khởi oai-hùng này vẫn chưa hoàn-thành được một cuộc cách-mạng. Rồi khi các người lãnh-đạo mất sớm (Huế mất năm 1792) con cháu và các cận-thần lại trở về với lễ thói phong-kiến cũ, vì thế mà đi đến chỗ suy-vong, khác chi bọn *Thái-bình thiên-quốc* ở Trung-quốc 60 năm sau... nghĩa là lòng dân nhạt dần với họ...

Chúng tôi không tán đồng ý-kiến của giáo-sư J. Chesneaux chỉ là một luận-diệu quen dùng của các lý-thuyết-gia chính-trị đời nay, lại không am-tường tâm-lý của con người Việt-Nam ngót hai thế-kỷ trước. Tâm-lý của người dân ở các nước Á-Đông khác đâu đâu cũng vậy. Họ chưa hề biết các thể-chế quốc-gia mới lạ và có tính-cách dân-chủ của đời nay nên bấy giờ thể-chế phong-kiến và quân-chủ vẫn thích-hợp với sở-nguyện của họ. Từ hai ngàn năm, xã-hội Việt-Nam đi sâu vào khuôn-khổ Khổng, Mạnh, người dân đã mặc-nhiên công-nhận ngoài nước phải có vua quan, trong nhà phải có cha, chú. Họ chỉ cần vua quan và cha, chú có lòng ưu-ái và thiết-tha đến quyền-lợi vật-chất và tinh-thần của họ mà thôi. Nhà Tây-Son đối với họ thế nào ? Lời bình-luận về chế-độ Tây-Son của các người ngoại-quốc trên đây đã đủ minh-chứng rằng chế-độ của triều-đại này không là một chế-độ phi-dân. Nó đã được mở đầu một cách tốt đẹp và cũng đã tiếp-tục một cách êm-đềm. Ngay sử sách của Nguyễn-triều thù-nghịch của nhà Tây-Son cũng không nêu ra được những lỗi-lầm hoặc những tệ-chính gì của Tân-Nguyễn. Về phía nhân dân chúng ta cũng không thấy có sự hờn oán nào tuy khi Tây-Son cầm quyền ở Bắc-hà, tình-thế vẫn còn phức-tạp.

Còn bảo nhà Tây-Sơn suy-vong là do sau này đến vua Cảnh-Thịnh quá thơ-ấu, đại-thần tướng-lĩnh chia rẽ, lực-lượng sút kém hẳn đi, ý-kiến này chỉ đúng có một phần mà thôi, xét ra các đại-thần chỉ bất-hòa với nhau trong một giai-đoạn ngắn-ngủi. Sau họ lại sát-cánh với nhau để đối phó với miền Nam. Nhìn vào cuộc chiến-đấu giữa Tây-Sơn và Nguyễn-Ánh vào các năm 1799-1802, ta thấy tinh-thần binh tướng của Phú-xuân vẫn mạnh nhưng cơ-giới Tây-phương và những chiến-thuật, chiến-lược mới của Âu-châu giúp Nguyễn-Ánh đã quá lợi hại, lại thêm Liên-minh Mên, Tiêm, Lào can-thiệp làm họ bị bế-loạn và đi tới chỗ thất-bại hoàn-toàn. Nhưng nếu Nguyễn-Huệ còn sống, với sự thông-minh trắc-lạc của nhà vua, với sự nhận-xét mau lẹ thời-cuộc có thể sự thế sẽ không đi đến chỗ lụn bại như trên, nghĩa là có thể Nguyễn-Huệ cũng biết lợi-dụng Tây-phương chẳng thua gì Nguyễn-Ánh. Như thế nhà Tây-Sơn chưa dễ đã bị sớm tàn. (Đây là một câu đề trả. Đào duy-Anh về Nguyễn-Huệ. Xin coi bài phê-bình Nguyễn-Huệ ở chương I)

Có thể có người cãi rằng nếu nhà Tây-Sơn không bị mất nhân-tâm thì dân dẫu có bắt anh em vua Cảnh-Thịnh nộp cho Chúa Nguyễn. Điều này không đáng lạ vì ở Bắc-hà có nhiều địa-phương còn những dòng họ phù Lê vẫn oán hờn nhà Tây-Sơn, nay gặp vua nhà Tây-Sơn thất-trận, họ bèn nhau bắt nộp cho quân Nguyễn thì cũng là lẽ thường-tình. Hoặc chúng ta bảo rằng bấy giờ dân ta ủng-hộ họ Nguyễn nên họ Nguyễn thắng được Tây-Sơn cũng không đúng bởi sau Gia-Long (1802-1819) đến Minh-Mạng luôn luôn có nhiều vụ phiến-động xảy ra từ Bắc vào Nam cho tới đời Tự-Đức, triều-đình Huế phải vội ký với Pháp hòa-uớc 1862 chỉ cốt rảnh tay đối phó với các vụ loạn của Lê duy-Cự, Tạ văn-Phụng, Lê duy-Uần (tự xưng là con cháu của nhà Lê), của Nguyễn văn-Thịnh, Nông hùng-Thạc, v. v...

Nói tóm lại nhà Tây-Sơn không tồn-tại lâu dài được trên sâu-khấu chính-trị Việt-Nam chẳng phải vì bạo chính, mà cũng không hẳn vì sự chia rẽ giữa các đại-thần mà vì cơ-giới cùng chiến-thuật, chiến-lược tân-kỳ của Tây-phương đã mạnh hơn các vũ-khì và chiến-pháp của cõ Á-đô ng quá nhiều. Nếu không có sự can-thiệp của các chuyên-viên quân-sự người da trắng, bấy giờ văn-minh hơn ta nhiều, nếu không có cuộc đánh

hỏi của các lân-quốc Thái, Mên, Lào, chưa để chúa Nguyễn-Ánh đã khôi-phục nổi cơ-đồ của tổ-tiên. Xem cuộc chiến-đấu giữa Tây-Son và họ Nguyễn tại Nam-Việt trước đó 20 năm ta đủ rõ. Ngay ở nhiều nước Á-đông khác trước và sau như Ấn-Độ, Trung-quốc, Nam-Dương, Phi-luật-Tân, Nhật-Bản cũng vì thua kỹ-thuật của Tây-phương mà mất nước hoặc phải điều-đỉnh. Sau này tới đời Tự-Đức, sự thực phũ-phàng này lại tái-diễn giữa con cháu Gia-Long với Tây-phương, chúng tôi nghĩ sự thất-bại của nhà Tây-Son không thể do căn-nguyên nào khác nữa.

Nguyễn-Ánh trả thù vua quan Tây - Son

Thăng-Long mất, vua tôi nhà Tây-Son siêu-bạt đi nhiều nơi, vua Cảnh-Thịnh và hai em là Nguyễn quang-Thù và Nguyễn quang-Thiệu cùng các tướng là Đô-đốc Tú và Đại tư-Mã Nguyễn Văn Tứ băng qua sông Nhị-hà sang Bắc-ninh thì bị dân bắt tại huyện Phượng-nhơn. Nguyễn quang-Thù cùng vợ chồng Đô-đốc Tú tự vẫn được. Còn những người khác bị đóng cũi đem về nộp cho Chúa Nguyễn ở Thăng-Long vợ chồng Trần quang-Điệu cùng một ít tàn quân lần tránh tại Thanh-hóa (*Việt-Nam giáo sử, trang 182*) cùng cưỡi một con voi chưa ra khỏi tỉnh Nghệ-an đã bị bắt ở huyện Thanh-chương sau khi binh sĩ thất tán hết. Riêng Vũ Văn-Dũng chạy được ra tới Thanh-hóa cũng bị dân bắt nốt tại huyện Nông-Cống.

Đối với vua tôi nhà Tây-Son là những kẻ thù không đội trời chung, tháng 7 năm Nhâm-tuất (1802) Chúa Nguyễn đã dùng tận pháp, nghĩa là dùng các hình-phạt tàn-ác và nhục-nhấ nhất. Văn thần nhà Tây-Son ra hàng có hai nhân-vật đáng chú-ý hơn cả là Phan huy-Ích và Ngô thời-Nhậm bị giải vào Phú-xuân, sau lại đem ra Bắc-thành nọc đánh trước Văn-miếu. Ngô thời-Nhậm do có cựu-hiềm với Tán-lý Đặng trần-Thường nên bị Thường cho người dùng roi dầu có móc câu đánh lòi ruột ra mà chết (1). Cựu hiềm giữa Đặng trần-Thường và Ngô thời-Nhậm là do khi Nhậm đã làm quan họ Đặng còn là hàn-sĩ, một hôm vồng của Nhậm đi qua đường, Thường ngồi ở hàng nước không đứng dậy chào. Với

(1) Sau này Đặng trần-Thường làm quan dưới đời Gia-Long phạm vào tội hà-lạm của công nên bị xử giảo. Ác giả ác báo là như vậy chăng ? (Xin coi chương sau nói về vụ án các công thần Nguyễn).

thời xưa, như thế là có lỗi nên Nhậm cho lính nọc Thường ra đánh. Có người nói rằng Thường thù Nhậm vì hồi Nhậm đắc chí với Tây-Sơn đã không chịu lễ - bệ Thường. Trước khi đánh chết, Thường ra câu đối đề mĩa-mai kẻ địch và Nhậm đã đối đáp như sau :

*Ai công-hàn, ai khanh tướng, ở trần-ai, ai dễ biết ai ?
Thế chiến quốc, thế xuân thu, gặp thời-thế thế thời phải thế !*

Riêng đối với Trần quang-Diệu, Chúa Nguyễn muốn dùng vì ông có tài làm tướng, nhưng ông khăng-khải từ chối rằng không thể làm tôi hai chủ, đã bại trận thì xin chịu chết, chỉ yêu cầu Nguyễn-Vương miễn tội cho bà mẹ già bảy giờ đã 80 tuổi. Nguyễn-Vương chấp thuận, có lẽ vì trước đây Diệu đã tha toàn thể binh sĩ của Võ-Tánh khi kéo quân vào thành Qui-nhơn, sau đó người ta cử-hành lễ hiến-phủ tại đền Thái-miếu (1).

Những người bị xử tử hình trước là anh em vua Cảnh Thịnh. Để cho Cảnh-thịnh nhục thêm, người ta đào mả cha mẹ chú bác của nhà vua rồi tán nhỏ hài cốt và đựng vào một cái sọt cho binh sĩ đi tiêu vào sọt xương ấy. Sau sọt hài cốt đó bị đem bày ra trước mặt tội-nhân. Người ta dọn một bữa cơm thịnh soạn trên một cái mâm quý cho đám tử tù. Quang-Thiệu buồn rầu bảo anh : « gia-dình ta thiếu gì mâm mà phải đi ăn mâm mướn của người... » Sau khi dùng bữa, người lý-hình đã khóa miệng các chiến-phạm lại vì sợ họ chửi bới vua mới. Tay chân Cảnh-Thịnh bị buộc vào chân bốn con voi. Sau khi được lệnh, bốn con voi đi ra bốn phía xé Cảnh-Thịnh ra làm bốn mảnh, Cảnh-Thịnh còn quay lại nhìn một lần chót cái sọt xương của cha mẹ. Hình phạt này thi-hành xong thì các mảnh xác của kẻ xấu số bị treo ở mỗi đầu các chợ trong kinh - thành Phú-xuân để cho giới và quạ đến rỉa. Lính phải cạnh gác những miếng thịt nát này e có người lên đến lấy đi.

Còn với mẹ con Bà Bùi thị - Xuân, người ta cũng rất căm thù nên cũng dùng hình-phạt dã-man nhất. Nguyên-nhân là bà đã điều-khiển binh-sĩ đánh vào lũy Trấn-minh hết sức kịch-liệt đã làm cho Nguyễn-Ánh và các tướng lĩnh có phút thất-thần, tướng chừng nguy-khốn đến nơi.

(1) Lễ «hiến phủ» là lễ cấm ơn tồ tiên đã phủ hộ cho nhà vua dẹp xong giặc. Trong dịp này người ta trói kẻ thù đem ra trình diện tại nơi hành lễ.



MỘT VĂN QUAN



Một buổi sáng sương đã tan, mặt trời đã lên cao dần thì một ít tiếng súng đại-bác nổ ran sau đó là tiếng thanh la inh-ỏi khắp kinh-thành Phú-xuân không ngớt. Người ta báo cho nhân-dân biết tại pháp-trường hôm nay xử thêm hai chiến-phạm Tây-Sơn: Mẹ con bà Thiếu - phó Trần quang - Diệu ! Nhân - dân thành Phú-xuân ai nấy đều rõ thành-tích của Bùi thị - Xuân khi uy-quyền của nhà Tây-Sơn tràn khắp vùng sông Hương núi Ngự. Người ta đã phục Bùi thị - Xuân chẳng riêng chỗ Bà có nhan-sắc hơn người mà còn ở chỗ có gan dạ và tri-lược của một đại-trưởng. Người ấy đã có công gây dựng một phần sự-nghiệp của chồng và của ba anh em vua Tây-Sơn, đã bao phen xuất nhập chiến-trường, vào sinh ra tử.

Người ta đưa lại cho Bà cái chết thế nào ?

Dĩ-nhiên Bà phải chịu một cực hình vì người ta coi Bà từ lâu là một kẻ địch lợi hại bậc nhất : Bà phải hành-quyết dưới chân voi nghĩa là phải tội voi đầy. Với hình-phạt này, tội nhân bị lột trần, nếu là đàn bà, bị trói quắp lại nếu là đàn ông và thót voi nhất-cử nhất-động đều theo khẩu lệnh của các giáp-sĩ nai nịt gọn-gàng. Trước hết voi từ từ tiến đến gần kẻ xấu số gấp lấy tội-nhân quỳ dưới chân. Voi đặt tội-nhân nằm ngang trên cặp ngà trắng tinh rồi vận-chuyển voi hết sức mạnh, xiết chặt tội nhân lại. Bao nhiêu khớp xương kêu rắc và gãy hết. Tội nhân ngất đi và đã có thể chết ngay, nhưng chưa đủ ! Voi tung tội-nhân lên cao rồi nhảy bổ lên bưng lấy rồi lại tung lên lần nữa, cao hơn lần trước. Lần này tội nhân rơi xuống đất như một cái quả chín rụng. Bấy giờ voi mới lấy chân chà đạp lên mình tội nhân và dẫm nát như bùn mới thôi.

Tiếng thanh la vang lên rộn rã một hồi.

Một không-khi nghiêm trọng đầy khủng khiếp như ép hơi thở của hàng vạn con người hồi hộp chung quanh pháp-trường chờ chứng-kiến một cảnh tượng ghê gớm.

Giờ hành quyết đã tới.

Người ta dẫn ra hai người: một cô gái mới đôi chín xuân xanh, con gái của Bùi-thị và Bùi-thị. Người con gái bị lột hết y-phục. Cái thân hình nõn nà của cô bấy giờ có một vẻ đẹp nõn-nùng làm mê mẩn đám khán - giả như thôi - miên họ. Có người toan đứng ra can thiệp để cứu đóa hoa chớm nở đó. Nhưng đã muộn ! Thót voi từ từ tiến đến, một đám đen lù-lù tượng-trưng cho sức mạnh mù quáng, vô trí, tàn ác.

Người con gái biến sắc rồi trắng bệch như tờ giấy. Nàng kêu thất thanh và ngoảnh lại phía mẹ như đề cầu cứu.

Bùi-thị nghiêm nét mặt trách :

— Con phải chết anh dũng đề xứng đáng là con của ta ! mẹ đây còn làm thế nào mà cứu con được !

Bùi-thị vẫn điềm tĩnh khi con gái bị voi tung lên tung xuống.

Đến lượt Bùi-thị.

Trước khi ra pháp-trường Bà đã quán khắp thân thể một lớp vải bên trong quần áo để tránh sự lỏa-lò trước mắt mọi người. Khi sắc của Bà vẫn hồng hào, tươi đẹp và hiên ngang như khi lâm trận. Người ta nhớ lại rằng khi thực lực của Tây-Sơn phát phơ như sợi tơ trước gió. Quang-Thụy, Quang-Toản (anh em vua Tây-Sơn) cuốn cờ bỏ chạy, người đàn bà ấy một voi một giáo tả xung hữu đột như Triệu - Tử trong trận Chương-Dương cho đến khi rơi vào tay đối-thủ.

Con voi lớn nặng nề tiến lại toan làm phạm sự như lần trước. Nàng cũng bình thản bước lại gần nó hét một tiếng thật lớn, nhái theo khẩu-lệnh thường dùng để nạt những con voi thiếu kỷ-luật. Voi giật mình lùi lại rồi quay về phía các giáp sĩ. Mọi người kinh ngạc cho rằng con voi khiếp oai người nữ tướng. Còn bọn giáp-sĩ họ vội vàng bắn hỏa-pháo sau đít voi bắt buộc nó tiến về phía tội-nhân, đồng thời quát to ra lệnh bảo Bùi-thị phải quỳ xuống.

Hỏa pháo nổ lung tung, cây nhọn liên liên đâm vào miệng voi thúc voi phải tiến. Bị kích-thích, voi trở nên hung tợn rống lên chạy bỏ tới, dơ vòi quấn lấy tội-nhân như con trăn quấn một con thít nhưng trái với lệ thường nó tung lên nhưng không chà đạp như mọi bận. Rồi voi bỏ chạy vòng quanh pháp-trường rống lên những tiếng đầy sợ hãi. Hàng vạn con người hoảng hốt theo.

(theo tài liệu của giáo-sĩ
DE LA BISSACHÈRE viết năm 1807).

Như trên ta đã thấy, mã của Thái-Đức Nguyễn-Nhạc và Thái-tổ Nguyễn-Huệ đều bị khai quật, hài cốt bị nghiền nát như

cắm cho quân lính đi tiêu vào và đã trưng bày trước mặt anh em vua Cảnh-Thịnh, còn sọ thì đem giam vào ngục tối. Theo truyền-thuyết tại khám đường Phú-Xuân bấy giờ có ba cái vò : một đựng sọ vua Thái-Đức, một đựng sọ vua Quang-Trung, còn cái thứ ba không biết có phải là sọ của Đông Định-Vương Nguyễn-Lữ hay sọ vua Cảnh-Thịnh. Ba cái vò này để trong ba gian riêng biệt, bị xiềng vào cột, ngoài cửa niêm-phong hẳn-hoi, mỗi tháng có hội-đồng đến kiểm-soát. Lính canh cho rằng các vò đó linh-thiên lắm nên họ vẫn bí mật cúng vái đề cầu-an và gọi là *Ông Vò* hay *Ông Chúa Ngụy* (1)

Xét các việc đã xảy ra thì đây chỉ là một việc trả thù báo oán của các vua chúa từ xưa đến nay vốn có. Kể thắng trận thì lo tận diệt ảnh-hưởng của kẻ bại trận. Họ tin thuyết phong thủy cho rằng lăng tẩm của kẻ thù thường được xây cất vào các chỗ linh-địa và có thể phù-hộ cho con cháu. Năm 1790, Chúa Nguyễn-Ánh sau thời kỳ chìm nổi gian lao ra ngoài biên và ra ngoại quốc lại trở về Nam-Việt, khôi-phục được Gia-định. Đó cũng là năm (theo *Đại-Nam nhất thống chí*) quân Tây-Sơn khai quật lăng tẩm của các tiên Chúa họ Nguyễn từ cháu nội ông Nguyễn-Kim đến ông thân sinh ra Chúa là Nguyễn phúc-Luân. Do đó, khi Nguyễn-Ánh trở về Phú-xuân (Huế) lên ngôi Hoàng-đế, ông ra lệnh cho Hộ Lễ lấy cảnh dâu (dâu tằm ăn) kết thành hình người làm lễ kêu hồn nhập xác, bỏ từng hình người vào quan-tài và làm lễ Ninh-lăng (chôn) tại các lăng cũ. Như thế tức là lăng các chúa Nguyễn hiện nay không có cốt mà chỉ là các cảnh dâu, duy chỉ có một mình ông thân sinh ra vua Gia-Long là còn một cái đầu lâu (sọ người). Đó là nhờ một chài đánh cá ở một lều tranh cạnh sông, đêm nằm mộng thấy một ông già phương-phi râu bạc đến gọi dậy và bảo rằng « Ngày mai nhà ngươi đi đánh cá thế nào cũng sẽ gặp hải cốt ta, nếu nhà ngươi muốn sống hết đời thì đem nộp cho nhà vua thì thế nào cũng sẽ được trọng thưởng, vì ta là ông thân sinh ra đương kim hoàng-đế ». Sáng mai như thường lệ đem lưới đi đánh cá, hết chỗ này qua khác cho đến gần trưa vẫn không được con cá nào, sau chót ông ta gặp một vật gì nặng kéo lên mãi không nổi, sau phải lặn xuống tận đáy và sờ thấy

(1) Theo tạp chí Đô thành hiến cò trong bài *Note sur les cendres des Tây-Sơn dans la prison du khám-đường* của Nguyễn đình-Hoà.

một vật gì tròn như trái bưởi, lúc gỡ lưới ra thì thấy một cái sọ người. Ông nhớ đến chuyện nằm mộng gặp ông già đêm vừa qua, liền đem cái sọ đó nạp quan huyện (có lẽ là huyện Phú-Vang). Quan huyện vội làm phúc trình lên Phủ-doãn (chức của vị Tổng-dốc cai trị tại kinh-đô) những lời của ông chài và đem theo cả cái đầu lâu gói vào một cái khăn đỏ. Quan Phủ-Doãn không dám trễ làm sớ tâu lên vua Gia-Long ngay. Nhận được sớ, vua truyền chỉ cho Bộ Lễ qua Phủ-Doãn đem cái đầu lâu vào Nội-đề xem hư thật. Chính vua Gia-Long đã trích máu ở đầu ngón tay để rỏ vào cái đầu lâu kia và bao nhiêu giọt máu rớt xuống đều được hút vào trong xương sọ cả, thử như thế vua Gia-Long biết đúng là cốt của ông thân-sinh. Bộ Lễ làm lễ quốc-táng, ban thưởng vàng lụa và hàm ngũ phẩm cho kẻ có công kia. Sau này ông chài chết, vua Minh-Mạng ra sắc cho làng sở-tại trích công điền mỗi năm xuân-thu hai lần cúng tế.

Theo Bửu-Kế một nhân-vật trong hoàng-tộc nhà Nguyễn người đánh cá đó là Nguyễn ngọc-Huyền. Nhưng Bửu-Kế nói khác Vĩnh-Giao (1) ở một sự kiện là khi ông ta gặp cái sọ linh-thiênng này liền đem chôn. Sau này chúa Nguyễn đi tìm và theo lời đồn-đại cho kiếm Nguyễn văn-Huyền nhờ chỉ chỗ rồi đem sọ này chôn vào chỗ huyệt cũ là lăng Cơ-Thánh ngày nay.

Theo dã-sử : « Sau khi thua Nguyễn - Ánh nhiều trận, Huệ cho rằng nhà Nguyễn nhờ có mồ mả phát vương mới sai người đào hài-cốt các tiên-vương nhà Nguyễn đồ xuống hố sâu và sai Nguyễn văn-Ngũ đào lăng của Hưng-tổ ném xuống sông. Lúc ấy nhà của Ngũ ở Kim-Long bỗng bị phát hỏa. Ngũ vội-vã trở về. Nguyễn ngọc - Huyền mời nhân cơ-hội ấy cùng con lặn xuống sông vớt lên chôn cất tử-tế cho đến khi vua Gia-Long phục quốc... v. v. »

Riêng ở đoạn dã-sử này ta thấy hai điểm không ổn :
a) Vào năm 1790, Nguyễn-Ánh trở về Nam-Việt khôi-phục được Gia-định và đánh dần ra ngoài Bình-Thuận, Phan-thiết, chỉ có đụng-độ với lực-lượng của Trung-ương hoàng-đế. Nói rằng quân Nguyễn có giao-tranh với quân của vua Quang-Trung là sai lầm và ta đã biết từ khi còn sống đến lúc chết, Quang-Trung chưa hề bại trận bao giờ.

(1) Câu chuyện trên đây là do ô. Vĩnh-Giao người trong hoàng-tộc nhà Nguyễn kể.

b) Nguyễn ngọc - Huyền chỉ là người đánh cá, không có liên-hệ gì với việc chính-trị đời bấy giờ hẳn là chẳng tội gì mà làm việc cứu vớt hài-cốt của tiên-vương họ Nguyễn, nhất là việc này do binh-đội Tây-Sơn làm, dân-chúng ai được tội gì ? Riêng thuyết của Vĩnh-Giao còn đáng tin được một phần nào mà thôi, nghĩa là Huyền đã ngẫu-nhiên vớt được sọ của Nguyễn phúc - Luân rồi sau này đem nộp cho Chúa Nguyễn để lĩnh thưởng.

Nối tiếp chuyện ba cái sọ của ba anh em nhà Tây-Sơn cũng theo lời truyền-tung ở Huế, đêm đêm linh canh thường nghe thấy tiếng rên khóc trong ba cái vỏ... Lại một đêm vua Gia-Long đang nằm đọc sách ở hậu-cung thấy trên nóc nhà rớt xuống một cái đầu tóc râu dài rậm-rạp trông rất hung ác, vài phút sau lại rơi một chiếc nữa, sau đến chiếc thứ ba rồi cả ba lần long-lóc quanh long-sàng chừng 10 phút mới biến. Nhà vua kinh-hoảng phải cho rời ba cái sọ ấy đi một nơi bí-mật khiến ngày nay không còn ai biết đến nữa. Lại có nguồn dư-luận cho rằng những đầu lâu này còn bị giữ trong ngục mãi đến năm 1885 là khi vua Hàm-Nghi rời bỏ kinh-thành chạy ra Tân-sở có người bí-mật nhân vụ lộn-xộn này vào khám-đường lên gánh đi mất và cho đến nay không còn ai biết tung-tích ra sao.

Phần thứ Tư



NHÀ NGUYỄN (1802 — 1945)

CHƯƠNG I

THẾ-TỔ (1802 — 1819) NIÊN-HIỆU : GIA-LONG

- 1) Tổ-chức nội-trị
- 2) Việc ngoại-giao
- 3) Sự đối xử với các công - thần

Gia-Long xưng đế-hiệu Kể từ nhà Tây - Sơn cáo chung năm 1802 chúa Nguyễn-Ánh lên ngôi hoàng-đế lấy hiệu là Gia - Long (tháng 5 Nhâm - tuất, 1802). Nước Việt từ Bắc vào Nam nay đã hoàn-toàn vào tay một chủ-nhân-ông sau 275 năm bị chia xẻ do các dòng họ phong-kiến.

J. Chesneaux bàn rằng : « Cuộc chiến-thắng của Gia-Long thuở ấy vẫn chưa vững-vàng lắm. Trật tự cũ đã bị nhà Tây-sơn xáo trộn từ gốc đến ngọn, mặc dầu triều-dại này ngăn-ngủi ». Đến Gia-Long, nhà vua thấy cần phải khôi phục lại cái trật-tự cũ đó. Rồi đề tái lập chế-độ cũ, Gia-Long áp-dụng mọi biện-pháp độc-đoán của một nền quân-chủ độc-tôn đã có từ muôn đời ở các dân-tộc Á-Đông.

Ý kiến này của J. Chesneaux xét ra đã căn-cứ vào tài-liệu của M. Gaultier mà sử-thần nhà Nguyễn không dám nói ra: mặc dầu các nhà Lê, Trịnh và Tây-Sơn đã tàn lụi hết nhưng ảnh-hưởng của họ ở các vọng-tộc, thế-gia vẫn chưa tuyệt hẳn. Về phía dân-chúng, nhất là ở Bắc-hà, vì đói khổ, vì loạn-ly cũng có thái-độ bất mãn, nghiêng-ngả, công việc trị bình của Gia-Long vì thế trở nên nặng-nề, phiền-toái.

Làm sao cho yên lòng người, làm sao gấp rút gây được một trật-tự vững chắc? Làm sao cho dân có đủ cơm áo giữa lúc kho tàng khánh-khiet, đất nước tan hoang?

Giáo-sĩ Cadière nói rằng một thời Gia-Long đã bị tràn ngập trước các vấn-đề này, nhưng nhà vua cũng khôn-ngoaan thành-thạo về chính-trị cũng như về phương-diện quân-sự nên đã giải-quyết dần được mọi sự khó khăn. Việc trước nhất là tha một vụ thuế cho dân, thăng-thưởng cho các tướng-sĩ, phong tước cho con cháu hai họ Lê, Trịnh, cấp ruộng đất hương-hỏa và miễn sai-dịch. Đó là một việc để an dân, đem lại sự vui vẻ cho mọi người.

Kinh-đô được đặt ở Phú-xuân như dưới đời Tây-Sơn tức là tại Huế. Nhà vua bỏ cố-đô Thăng-long là nơi nguồn-gốc văn-minh cổ-truyền của dân-tộc, là nơi có hàng năm mười triệu dân-chúng xưa kia dựa vào đó mà giữa thế-kỷ XIII Trần hưng-đạo ba phen kháng Nguyên, cuối thế-kỷ XVIII Quang-Trung đã diệt Thanh, với nguyên-nhân không ngoài chỗ dân-tình từ miền Bắc sông Gianh trở ra chưa hẳn thuộc về mình. Có lẽ Gia-Long đã triệt để tuân lời Nguyễn bỉnh-Khiêm nói rằng họ Nguyễn chỉ có thể có một mảnh đất đề dung-thân, đó là miền Trung (*Hoành-son nhất đại, vạn đại dung thân*). Ngược lại, muốn ngự-trị nổi miền Bắc, phải có tối-thần vua thánh mới được. Rồi nhà vua đã cho xây dựng cung điện theo kiểu Bắc-kinh trong 9 cây số chu-vi của một bức thành do người Pháp làm theo kiểu Vauban. Các kiến-trúc-sư của thành này nghĩ thế là chắc chắn, nhưng có thành mà không có dân thì rồi đây ra sao khi có quốc-biến?

Bắc-hà từ nay đổi là Bắc-thành, cầm đầu bởi một viên Tổng trấn và phó Tổng-trấn. Nguyễn văn-Thành đang giữ Qui-nhơn được triệu ra giữ chức này. Tổng-trấn có quyền-hành về mọi

việc quân, dân chính. Tại đây nhà vua đặt *tam tào*: tào bộ, tào binh, tào hình. Nguyễn văn-Khiêm, Đặng trần-Thường, Phạm văn-Đặng là các quan phụ trách ba tào.

Tại miền Nam, chế-độ cai trị cũng khác miền Bắc. Viên Tổng-trấn ở đây là tướng Lê-văn Duyệt, một đại-thần của nhà vua mà ta đã biết. Bắc-thành cũng như Gia-định-thành đều thuộc trung-ương là Huế, nơi có triều-đình. Tại đây có điện cần-chính để vua quan xem xét các việc thường, điện Thái-hòa là nơi họp đại triều, cứ ngày mồng 5 và mồng 10, 20, 25 thì thiết triều-triều, ngày rằm và mồng một thì thiết đại-triều.

Kinh-đô Huế đóng trên đất của phủ Thừa-Thiên, tỉnh Quảng-Đức. Vì sự quan trọng của địa-phương này về mặt chính trị nên có một viên Đề-đốc để giữ thành với một số quân khá đông. Bên cạnh viên Hộ-thành Đề-đốc có chánh phó Thừa-Thiên Phủ-doãn là những văn-quan coi việc hành-chính.

Hệ-thống chính-quyền của Gia - Long.

Trong bộ máy triều-đình trên có vua và lục bộ thượng-thu chủ-trương mọi việc từ trong nước ra ngoài nước, bãi bỏ trong nội-cung chức Hoàng-hậu và, ngoài triều-đình chức Tham-tụng và Bồi-tụng là chức ngang-hàng với Tể-tướng để tránh những ảnh-hưởng cá-nhân quá lớn. Từ nay trong cung chỉ có hoàng-phi, vua mất thì tự-quân lên ngôi, bấy giờ mới tôn mẹ lên Hoàng-thái-hậu.

Nhà vua là đấng tối-cao về chính-trị cũng như về tôn-giáo. Sáu bộ giúp việc nhà vua là :

1) Bộ *Lại* coi việc thuyên bổ quan-lại, ban phẩm-cấp, xét công-trạng, phong tặng tước-ấm, thảo các chiếu chỉ, sắc, dụ v. v...

2) Bộ *Hộ* chịu trách-nhiệm về các đình-diền, thuế khóa, tiền bạc, kho tàng, hóa-vật như bộ Kinh-tế, và Tài-chính ngày nay.

3) Bộ *Lễ* coi việc tế-tự thần, thánh, trời, đất, tôn phong, triều-hạ, học-chế, thi cử, phong sắc cho bách thần, khen tặng các người tiết-hạnh hay sống lâu.

4) Bộ *Hình* xét văn án luật-pháp, duyệt lại các việc tố-tụng quan trọng đáng nghi-ngờ hay các việc kháng tố lên cấp tối-cao,

5) Bộ *Binh* bổ dụng tuyển mộ quân đội, tổ chức các cơ cấu quân-sự, thành lập các quân-đoàn, lập các khoa thi võ-cử, ban bố mệnh-lệnh hành quân v.v.

6) Bộ *Cống* phụ trách công tác xây dựng thành trì, hào lũy, cung điện, tu tạo tàu bè đường sá, các lăng tẩm, công-thự, mua bán vật liệu, thuê mướn thợ thuyền v.v...

Mỗi bộ có một quan Thượng-thư, có Tả hữu tham-tri, tả hữu Thị-lang phụ-tá, dưới có các thuộc-viên như Lang-trung, Viên-ngoại-lang, chủ sự và bát cửu-phẩm, thợ lại v.v...

Về phía võ-ban thì có Ngũ quân đô thống phủ: Tiền quân, Hậu-quân, Trung-quân, Tả-quân, Hữu-quân vào hàng các đại tướng ngày nay.

Ngoài Lục bộ và Ngũ quân đô thống phủ, đề kiện-toàn bộ máy hành chính và chính-quyền trung-ương, nhà vua lập Đô-sát-viện gồm Tả, hữu Đô-ngự-sử (Đô-sát-viện giống Nha Tổng thanh-tra hành chính và chính-trị đời nay nhưng uy quyền trên nguyên-tắc được rộng lớn và thiết thực hơn). Các quan Đô ngự sử có nhiệm-vụ can-gián nhà vua nếu thấy có việc sai lầm, đàn-hặc các quan lớn nhỏ nếu thấy làm trái luật vua phép nước. Dưới quyền Đô ngự-sử có Cấp-sự-trung các khoa, giám-sát ngự-sử các đạo để kiểm-soát việc điều-hành chính quyền ngoài khu vực triều đình tức là các đạo, các trấn. Vua Gia-Long còn đặt ra Tào-chính để coi việc vận tải, giao thông cùng thuế má, tàu bè. Cơ-quan này có Tào chánh, phó sứ cầm đầu

Triều Gia-Long có một điều đáng chú ý là bấy giờ chưa có văn-quan đến nhất phẩm. Xuất thân là quân nhân, nhà vua thấy chỉ nên giao các địa-vị trọng yếu cho các võ quan là hơn cả do tình-thế đặc-biệt đời bấy giờ, và do chỗ thân tin giữa nhà vua với các thuộc-hạ. Sự thực thì thưở ấy vẫn có một số văn thân của tiền triều để lại có thể đủ cung ứng cho nhu-cầu của bộ máy chính quyền vào các cấp bộ lớn, nhưng họ không chịu ra cộng tác, có lẽ vì ngại về cái vai trò « *hàng thần lơ lửng* » của họ giữa một đám vua quan có nhiều thực-chất quân-nhân hơn là tri thức,nghĩa là đám người lòng dạ thường rất khó thông cảm, hướng họ lại là bọn chiến-bại, nhất cử nhất động đều bị nghi ngờ dè chuốc vạ vào thân. Do tâm-sự này, phần nhiều họ lần tránh nên tháng 6 năm 1802, Gia-Long đã kêu gọi các cựu thần của

nhà Lê xuất đầu lộ diện hoặc ai biết thì tiến-cử nhưng phải bảo đảm và chịu trách-nhiệm nếu người được giới-thiệu bất tài hay vô hạnh. Nhưng sự thực thì Gia-Long chỉ muốn dùng cự thần nhà Lê vào các cấp bộ nhỏ mà thôi. Lời kêu gọi Gia-Long nhường không có kết quả mấy nên nhiều cơ-quan vẫn thiếu người làm việc, việc mở khoa thi để tuyển nhân tài lại chưa kịp đề ứng-phó với sự cấp bách của tình thế. Triều Gia-Long đã phải lúng túng mất 5 năm mới hoàn-bị được các cơ-quan trong ngoài và trong khi chờ đợi người ta đã phải dùng đến chính-sách kiêm-nhiệm không khỏi có nhiều ảnh-hưởng tai hại cho công việc.

Gia-Long đặt ra Nội-các không khác gì Thủ-tướng-phủ ngày nay. Mọi việc quan trọng đều mang ra đấy thảo luận và thành-phần là lục bộ đại thần. Những lời thảo luận đều được ghi chép ngay tại chỗ do các viên Tham-tri hay Thị-lang hay các nhân viên của Hàn-lâm-viện.

Bên cạnh lục-bộ có Hàn-lâm-viện, có Thái-thường tự, Nội vụ phủ, Khâm-thiên-giám và trường Quốc-tử-giám các nha sở trung-ương.

Các địa-hạt hành chính

Toàn quốc bấy giờ chia ra 23 trấn và 4 doanh. Từ Ninh-Bình trở ra Bắc là Bắc-thành gồm 11 trấn chia ra 5 nội-trấn : Sơn-nam-thượng, Sơn-nam-hạ, Sơn-Tây, Kinh-bắc (Bắc-ninh) và Hải-dương — 6 ngoại trấn : Tuyên-quang, Hưng-hóa, Cao-bằng, Lạng-sơn, Thái-nguyên, Quảng-yên (1) Từ Bình-thuận trở vào là Gia-định thành có 5 trấn : Phiên-an (Gia-định ngày nay) Biên-hòa, Vĩnh-thanh (tức Vĩnh-long và An-giang), Vĩnh-tường và Hà-tiên, (Theo *Gia-định thống-chí*, nhà vua cho kiểm tra dân số, đo đạc ruộng đất ở 5 tỉnh miền Nam để định việc thuế má vào ngày 17 tháng 4 năm Gia-long thứ tư). Khoảng giữa tức miền Trung ngày nay gồm có Thanh-hóa trấn, Nghệ-an trấn, Quảng-ngãi trấn, Bình-định trấn Bình-hòa trấn (tức Khánh-hòa) Bình-thuận trấn và Phú-yên trấn. Ngoài 7 trấn có 4 doanh là : Trục-lệ Quảng-đức doanh (là Thừa-thiên hay Huế bây giờ), Quảng-trị doanh, Quảng

(1) Đất cũ của vua Lê trước gọi là Bắc-hà gồm Nghệ-an, Thanh-hóa, Sơn-nam-thượng (Hà-nội), Sơn-nam-hạ (Nam-dịnh, Ninh-bình), Hải-dương, Kinh-bắc (Bắc-ninh) Sơn-tây, An-quảng (Quảng-yên), Lạng-sơn, Cao-bằng, Thái-nguyên, Tuyên-quang, Hưng-hóa.

binh-doanh và Quảng-nam-doanh được gọi là đất kinh-kỳ vì gần chính quyền trung-ương. Riêng ở Quảng-đức, võ quan có chức Đề-dốc, văn quan có Phủ-doãn và Phủ-thừa (phụ-tá) để trông nom việc cai-trị.

Ở các trấn thì đặt ra chức *Lưu-trấn* hay *Trấn-thủ* để coi mọi việc, giúp việc có quan *Cai-bạ* tức chức trông-nom việc thuế má, tài-chính và quan *Ký-lục* coi việc hình-án, cai-trị. Trấn lại chia ra phủ, huyện, châu, có các quan *Tri-phủ*, *Tri-huyện*, *Tri-châu* cầm đầu. Ở các trấn có một số sở ty đại diện cho lục - bộ đề thi - hành các việc chuyên - môn và hoạt-động theo hệ-thống riêng-biệt dưới quyền điều-khiển của các quan trấn, như vậy không khác gì hệ-thống chánh-quyền đời nay.

Ở các trấn Đàng ngoài là đất cũ của nhà Lê, Gia-Long dùng các cựu-thần triều Lê trông-nom (1), còn ở 6 ngoại-trấn gồm các tỉnh đường ngược từ trung-du lên thượng-du là Cao-nguyên miền Bắc thì giao cho các thổ-hào sở-tại (các Châu-mục cũ của các sắc dân Mường, Thổ, Nùng, Mán, Mèo v. v...).

Riêng với Hà-tiên là một địa-phương bị khói lửa tàn hại, dân-chúng điêu-dứng quá nhiều từ năm 1771 vì người Tiêm-la tràn qua, sau lại vì chiến-sự với Tây-Sơn nên Gia-Long có sự đặc-biệt ưu-đãi. Bấy giờ cai-trị có Mạc công - Bình là cháu bốn đời của Mạc-Cửu (con Mạc thiên-Tứ) cai trị tỉnh Long-xuyên, còn ở Hà-tiên thì chỉ có hoang-địa và dân-chúng siêu-bạt đi hết. Gia-Long miễn thuế cho họ và Thiêm được ủy-kêu gọi dân-chúng trở về làm ăn ở đất cũ. Năm 1808, Thiêm mất tuy có ba trai nhưng người con cả không được Gia-Long tin lắm, hai người dưới thì lại quá non-nớt nên nhà vua đặt một quan cai-trị người Việt. Chính quyền Tiêm-La lên tiếng phản-kháng. Triều-đình Huế trả lời đất Hà-tiên là của vua Việt-Nam chứ không phải là đất riêng của họ Mạc.

Việc miễn thuế, nhất là thuế buôn bán đánh vào thuốc phiện và các tàu bè đã có hiệu-lực tốt đẹp vào ít năm sau :

(1) Điều chắc-chắn những người ra cộng-tác với Gia-Long ở đất Bắc bấy giờ ít có những mặt vọng-tộc, thế-gia. Xem danh-sách các quan-lại cấp bậc cao cấp của Gia-Long thì rõ như vậy.

Việc thương mại lại sầm uất dần, nông-nghiệp cũng hưng-khởi chợ búa mở ngày thêm nhiều. Vào 1816 Mạc-công-Du là con Mạc-tư-Thiên được phong Hiệp-trấn và hai năm sau thăng Trấn thủ

Năm 1805 tại Nam-Việt, Gia-Long ra lệnh đo đạc ruộng đất đường-sá, phân hạng các núi rừng các đảo và các sông ngòi, làm sổ thuế và sổ đinh. Nhà vua cho đo từ kinh-đô (Huế) vào Gia-định bằng cách phái người đi bộ để xem mất bao nhiêu ngày đường : thuế thì tính theo giá-trị của hoa màu chứ không theo diện tích đất ruộng. Xét ra chế-độ thuế má ở Nam-Việt có phần nhẹ nhàng hơn xưa, nghĩa là trong thời-kỳ Nam-Bắc phân tranh.

Tổ chức quân đội Đánh dẹp xong nhà Tây-Sơn Gia-Long ban thưởng các tướng-sĩ, tặng phong các người chết trận, làm đền thờ cho các võ quan cao cấp đã bị hy-sinh, các người già được về nghỉ ở quê quán. Nhà vua thi hành phép giản-binh như sau : Ở các trấn từ Quảng-binh vào đến Bình-thuận cứ ba suất đinh lấy một từ 19 đến 25 tuổi. Từ Biên-hòa trở vào (Gia-định-thành) 5 đinh lấy một tên lính — từ Hà-Tĩnh trở ra đến 5 nội-trấn (Bắc - thành) thì cứ 7 đinh lấy một tên lính. Còn ở 6 ngoại-trấn (Tuyên-quang, Thái-nguyên, Cao-bằng, Hưng-hóa, Quảng-yên, Lạng-sơn) thì cứ 10 người lấy một. Người đi lính được cấp một phần ruộng công điền, khi vắng mặt thì giao cho thân nhân khai thác. Mỗi người lính nhập ngũ 4 tháng, như vậy họ được 8 tháng tự do để sống với gia-đình nhưng nếu có công-dịch thì phải ra. Vào thời chiến thì cứ 3 suất đinh, nhà-nước lấy một.

Tại kinh thành có ba hạng binh : thân binh, cấm binh, tinh binh. Mỗi vệ thân binh có 500 người và 50 người tập quân nhạc. Tại các trấn có lính cơ, lính mộ. Binh-sĩ lại được đặt vào danh sách để luân phiên thay đổi, bao giờ cũng có một lớp ở lại phục-vụ, hai lớp nghỉ về làm ăn, hay cày cấy. Việc tuyển mộ cũng kén chọn theo điều-kiện khả-năng và sức khỏe. Binh-khi có gương, giáo, mã-tấu, có súng lớn đúc bằng đồng gọi là đại-bác, súng nhỏ gọi súng thạch-cơ điều-thương, lúc bắn thì mỏ cò vào đá lửa. Tại kinh thành có ba trường bắn (xạ trường) để quân lính tập. Dọc theo bờ biển, có những hải-đồn đặt súng để phòng thủ và xem xét các tàu bè ngoại-quốc qua lại. Thế-tổ nhà Nguyễn rất lưu-tâm đến thủy-quân do nước ta một bề giáp biển (phía đông) ngại thấy cần phải có hải-quân mạnh-mẽ để

chống giữ do đó nhà vua chỉnh-đốn binh thuyền và luyện-mô các dân chài lưới vào bộ đội thủy quân rất gặt. Các dân thuộc doanh Quảng-đức và Quảng-nam được lựa vào 6 vệ riêng đóng tại kinh thành. Để gìn-giữ hoàng-gia và triều-đình. Còn ở các hải-khẩu, mỗi nơi chỉ có một vệ mà thôi. Nhà vua lại đóng một thứ thuyền vỏ bằng đồng, ở trong đặt nhiều đại-bác để đi lại tuần phòng theo dọc bờ biển.

Vào năm 1800, theo tài-liệu của Barisy, lực-lượng của Gia-Long có : Tại kinh-thành mỗi cấp tướng như trung-quân, tiền-quân, tả-quân, hữu-quân, hậu-quân chỉ-huy một đạo-quân gồm 8 vệ, mỗi vệ có 10 cơ, mỗi cơ có 60 người với một số voi trận — Quân-đội toàn-quốc có các binh-chủng và quân-số dưới đây :

BỘ BINH

Binh chủng	Đơn - vị	Số người
1) Vệ-quân :	25 vệ-quân (mỗi vệ có 1.200 người được huấn-luyện theo lối Âu-châu)	30.000 người
2) Pháo-binh :	30 cơ pháo-binh có :	15.000 —
3) Lục-quân :	Lục quân có súng điều-thương và có gươm luyện theo lối cổ-diễn có :	42.000 —
4) Cấm quân :	Cấm quân luyện theo lối Âu-châu có :	12.000 —
5) Tượng binh:	16 cơ tượng binh (200 con voi) có :	8.000 —
6) Vận-tải :	24 liên - đội trâu dùng vào việc vận-tải. Số binh-sĩ dùng vào việc này có :	6.000 —
	Tổng-cộng Bộ-binh của Gia-Long có là :	113.000 —

Theo tài-liệu của J. B. Chaigneau, vào thời bình Gia-Long có 80.000 lục-quân, vào thời chiến quân-số của nhà vua có thể lên tới 200.000. Và thủy-quân Gia-Long có 26.000 người được chia ra như sau :

THỦY - QUÂN

Các ngành chuyên - môn	Số người
Thợ đóng tàu ở các xưởng có :	8.000 người
Thủy-binh ở các tàu tại các quân-cảng có :	8.000 —
Thủy-binh ở các tàu đóng theo kiểu Âu-châu :	1.200 —
Thủy-binh ở các chiến thuyền có buồm có :	1.600 —
Thủy-binh ở 100 chiếc thuyền có tay chèo có :	8 000 —
Tổng-cộng thủy-quân có :	26.800 —

Ngoài số 26.800 thủy-quân, Gia-Long có : 200 chiến-hạm có trang-bị các khẩu đại-bác từ 16-18-20 livres, 500 chiến thuyền từ 40 đến 44 mái chèo, có máy bắn đá và ở đằng trước mũi thuyền có súng bắn đạn từ 4 đến 6 livres — 100 chiếc chiến thuyền lớn từ 50 đến 70 tay chèo có đại bác, máy bắn đá và đằng trước có súng bắn đạn cỡ 12 đến 24 livres. Cấm-quân của nhà vua là một bộ đội riêng biệt cứ 6 tháng lại thay một nửa và gồm có bộ binh các ngành, thủy-quân, tượng-binh. Tổng số có tới 30.000 người. Nhà vua không có kỵ-binh vì ở nước ta có nhiều sông ngòi và rừng núi không thuận tiện cho việc dùng ngựa ngoài công-tác giao thông tin-tức (ngựa trạm).

Quân đội huấn-luyện tại kinh thành từ tháng ba đến tháng chín là giai-doạn có thời-liết khô ráo, mát-mẻ để chịu Chiến thuyền thì luôn luôn hoạt động, hình dáng rất ưa nhìn. Đa số có 60 tay chèo và có đại-bác ở trước mũi. Một nhà du-hành người Anh tới Huế năm 1817 ước đoán về thủy-lực của Gia-Long có vào khoảng 1530 chiếc tàu và chiến thuyền lớn nhỏ mà 2/3 có thể hoạt động ngay nếu có việc, ngoài ra nhà vua còn có thể sử-dụng cả các thuyền đánh cá và thuyền buôn đông vô kể ở dọc bờ biển.

Việc tài chính Muốn có tiền bạc để mở mang mọi việc trong nước, nhà vua định lại các ngạch thuế và đặt ra một số ngạch thuế mới. Lệ định cứ 5 năm một lần duyệt lại sổ *đinh*. *Đinh* kể từ 18 tuổi trở lên, 59 tuổi trở xuống đều phải khai vào sổ.

Ruộng chia ra ba loại : Ruộng hai mùa, ruộng chiêm, và ruộng mùa. Về đất cũng chia ra đất ở (thờ-cư), đất vườn, đất trồng hoa màu, diện-tích bao nhiêu phải đo đạc rõ rệt đông tây tứ chỉ phân minh. Từ lâu đời việc *đinh*, điền vốn dĩ đã hay có sự ghi chép sai lầm, gian lận, lại thêm dân chúng lợi dụng thời chiến-tranh mà ăn nặc thêm nhiều. Từ khi nhà Lê mất ngôi, dân đã nhiều nơi đem công điền đổi sang tư điền, có làng đem cố bản đi. Năm Gia-Long thứ hai (1803) nhà vua cấm việc mua bán công-diền, công thổ chỉ trừ khi nào có lý-do chính đáng tức là cần tiền mở mang việc công ích rõ rệt mới được quan trên cho phép điền-cổ một thời hạn 3 năm mà thôi. Ai giữ ruộng công quá hạn này sẽ coi là phạm-pháp.

Thuế ruộng được đặt ra như sau : nhất-đẳng-diền mỗi mẫu nộp 20 thăng đồng niên ; nhị-đẳng-diền 15 thăng ; tam đẳng điền nộp 10 thăng. Ruộng mùa tức là ruộng ăn có một vụ nộp 10 thăng.

Đinh từ Nghệ-an ra đến nội ngoại Thanh-hóa, mỗi xuất đồng niên phải chịu ba thứ thuế :

Thuế thân	1 quan 2 tiền
Mãn tiền	1 tiền
Cước mễ	2 bát

5 nội-trấn Bắc-thành và phủ Phụng-Thiên (tức phủ Hoài-đức bây giờ) mỗi suất *đinh* đồng niên phải nộp :

Thuế thân	1 quan 2 tiền
Mân tiền	1 tiền
Điều tiền (tạp dịch)	6 tiền
Cước mễ	2 bát

6 ngoại-trấn Bắc-thành, mỗi suất dinh phải nộp :

Thuế thân	6 tiền
Mân tiền	1 tiền
Điều tiền	3 tiền
Cước mễ	1 bát

Đề dân chúng dễ đóng góp. Gia-Long định kỳ-hạn : từ Quảng-binh vào Bình-thuận thuế thu từ tháng 4 đến tháng 6 phải xong ; từ Nghệ-an, Thanh-hóa ra tới Bắc-thành, thuế được đóng làm hai thời-kỳ. Thuế-lệ tuy định như vậy nhưng ở đâu gặp lụt lội, hạn-hán hay bị sâu hoàng-trùng cắn lúa thì được tùy theo nhiều ít mà khoan-giảm. Nếu 10 phần bị hại tới 4 phần thì giảm cho 2 phần ; nếu bị hại tới 5 phần thì giảm cho 3 ; nếu thiệt đến 6 phần thì giảm cho 4 ; nếu thiệt đến 7 phần thì giảm cho 5 ; thiệt - hại 8 phần thì giảm cho 6 và cứ thế tiến lên. Nếu mùa màng mất sạch thì miễn đóng góp hoàn-toàn. Trong dịp dân phải đi đắp thành, đào sông, làm đường cũng có sự giảm thuế.

Riêng về xứ Nam là đất mới khai được của người Chân-lạp, việc sổ sách rất là sơ-khoảng và thuế má cũng không được nộp đúng-đắn do khi Thế-tổ mới giành được địa-phương này khỏi tay nhà Tây-Son còn phải áp-dụng chính sách hòa-hoãn, cốt sao việc canh tác được mở rộng là quý rồi. Thuở ấy ai ở các vùng cao-nguyên thì trồng lúa mộ, ai ở dưới đồng bằng thì cấy lúa thường, cấy cấy đến đâu thì ruộng đất của mình được thành quyền sở-hữu đến đó. Ruộng đất bấy giờ cũng chưa phân hạng, thuế chỉ tính theo diện-tích canh-tác mà thôi. Đến 1805, Gia-Long chinh-thức lên ngôi được ba năm rồi việc đánh thuế đinh điền từ Bắc vào Nam, nhất là tại Nam-Việt mới dần thành qui-cử. Bốn tỉnh Gia-định, Biên-hòa, Vĩnh-Thanh (Vĩnh-Long và An-giang) và Định-tướng được chinh-đốn đầu tiên vì riêng bốn tỉnh này mới có đủ quan lại để trông nom mọi việc. Hà-tiên bấy giờ còn hoang-vắng sau nhiều năm tàn hoang vì

khỏi lửa từ 1771. Cháu bốn đời của Mạc-Cửu là Mạc-công Bình phải rời về Long-Xuyên vào 1790. Năm sau (1802) nhà vua cũ Mạc-từ-Thiên là con Mạc-thiên-Tử làm Hiệp-trấn đề chiêu dân lập ấp, mở chợ v.v... như trên đã nói, năm sau nhà vua bãi cả thuế thuốc phiện, thuế tàu bè vào bến để giao-thương, nhờ vậy vài năm sau Hà-tiên lại trở nên sầm-uất như ngày nào.

Thuế các sản vật và thuế quan

Trong các sản-vật ở nước ta quế và yến được coi quý bậc-nhất nên năm Gia-Long thứ hai (1803) định lệ Nghệ-an phải nộp đồng niên hạng quế 120 cân ; Thanh-hóa phải nộp 70 cân và cũng được miễn nộp thuế thân. Quế vốn là cây mọc sẵn ở trong rừng, ai tìm ra phải trình, quan cấp giấy tờ mới được bóc. Khi bóc thì quan thầu một nửa. Yến cũng là một sản-phẩm thiên-nhiên do các chim yến nhả dãi ra để làm tổ. Nếu phân chất thì trong nước miếng của chim yến có nước bọt bễ, có chất rau câu (*gracilaire*) hợp thành một chất nước trong lầy-nhầy như nhựa, khi khô gở ra thành sợi. Tổ yến dính vào tường như cái muồm trắng. Lệ định rằng người đi lấy tổ yến về phải nộp 8 lạng và được tha việc binh lính (từ Quảng-nam trở vào Nha-trang, Hà-tiên đều có tổ yến ở các đảo hay các hang núi giáp biên. Yến Quảng-nam và Nha-trang quý hơn cả). Còn các thứ khác như hương, sâm, chiếu, gỗ cũng được nộp bằng tiền hay bằng sản-vật và đều có thể lệ riêng.

Thuế điền-thổ không riêng là nguồn lợi của Nhà-nước. Các khoáng-chất cũng mỗi ngày trở nên quan-trọng. Sau các vụ loạn-ly các sở mỏ lại được khai-thác trở lại một cách tốt đẹp hơn cũ ở Cao-bằng, Thái-nguyên và Tuyên-quang. Người khai-thác đều là người Trung-quốc vì người Việt ta không biết cách. Họ phải nộp cho ta bằng các quặng mỏ : quặng đồng, thiếc, kẽm.

Thuế quan (*thương-chính*) đánh vào các hàng-hóa nhập-cảng hay các hàng đi từ hải-khẩu này qua hải-khẩu khác. Tại Bắc-thành thuế phải nộp 2,5% đối với giá-trị của hóa-vật đem đi bán ở các địa-phương khác. Tàu bè ngoại-quốc vào nước ta thì tùy theo lớn nhỏ mà chịu thuế. Chủ tàu còn phải chịu một thứ thuế nữa vào công người đo của chánh-quyền. Tàu từ Macao tới hay từ Tây-phương tới chịu thuế khác nhau,

Riêng với tàu Pháp, buổi đầu được thuế-lệ đặc biệt nghĩa là phải nộp ít, nhưng cuối đời Gia-Long tàu Pháp phải chịu thuế như tàu mọi nước khác khiến Chaigneau ngày 3-6-1819 đã phải than phiền trong thư rằng : « Với tình thế này thì không tàu ngoại-quốc nào có thể đến mua bán với Việt - Nam được nữa... (1) (*Tài liệu của giáo-sĩ L. Cadière*).

Năm 1803 vua Gia-Long cho mở ở Bắc-thành sở **Đúc tiền** đúc tiền kẽm, tiền đồng, lại đúc cả vàng bạc thành lượng, thành nén để tiện việc mua bán trong nước. Mỗi đồng tiền kẽm nặng bảy phân, mặt phải đề chữ *Gia-Long thông-bảo*, mặt trái đề chữ *thất phân* ; mỗi quan tiền nặng 2 cân 10 lạng.

Một tiền là : 60 đồng (bằng đồng hay đồng pha chì mà ta gọi là tiền kẽm).

Một quan là : 10 tiền (buộc thành sáu, thành chuỗi).

Dùng vào việc chi tiêu lớn, người ta xữ-dụng đến vàng hay bạc đúc thành lượng. Một lượng bạc nặng 10 đồng cân (*phân*). Một lượng vàng cũng nặng 10 đồng cân và có giá-trị bằng 17 lượng bạc. Vàng có thứ đúc nặng 5 đồng cân và 2 đồng cân rưỡi. Theo C. B. Maybon thì như vậy và theo Trần trọng-Kim giá vàng bấy giờ được định cứ mỗi lượng vàng ăn 10 lượng bạc. Về sau nhà vua cho mở sở đúc tiền cả ở các trấn nữa. Buổi đầu dân vẫn được tiêu tiền của nhà Tây-Son cho tới 1821 mới thôi. Đó là theo Sắc-dụ của Gia-Long khi Minh-Mạng lên cầm quyền, việc này còn được khoan-hạn thêm ít tháng để dân được đổi tiền cũ ra tiền mới. Cuối năm Minh-Mạng thứ nhất mới có sự cấm hẳn. Việc đúc tiền này giao cho người Tàu quản đốc. Năm 1812 giá 130 quan tiền kẽm ngang với 100 quan tiền đồng. Việc đúc bạc nên cũng bỏ đi và chỉ đúc bạc lượng vì lẽ thuận tiện cho việc đổi ra tiền kẽm. Việc đúc vàng và bạc đã được

(1) Quả vậy càng về những năm cuối-cùng Gia-Long càng thấy đi gần tới cái hiểm-họa thực-dân, đế-quốc. Việc đánh thuế nặng các tàu bè ngoại-quốc có mục-dịch từ khước giao-dịch với Tây-phương cho ta biết Gia-Long bắt đầu lo sợ, do đó bọn Chaigneau, Vannier, De Forsar là những người Âu-châu lẫn-lược sửa-sửa về nước,

chỉ-thị kiểm-soát kỹ càng và nghiêm phạt nếu có thiếu hụt, ăn gian, ăn bớt, cùng sự giả trá. Việc buôn bán các kim-khí quý-giá được đặt ra nhiều thể lệ chặt-chẽ để vàng bạc phải được thầu hết về quốc-khố, triệt-để cấm người Tàu mang vàng bạc về nước. Các tàu ngoại-quốc cũng không được phép mua vàng, bạc và tiền đồng của ta. Nếu bất được sự vi-phạm, can-nhân sẽ bị tù khổ sai và vàng bạc sẽ bị tịch-thu.

Việc tư-pháp Các tổ-chức tư-pháp dưới đời Gia-Long cũng bắt chước các liên triều, vì vậy ta, không thấy các sử-thần của triều Nguyễn nêu ra đề tán-tụng, Thực ra các cơ-quan tư-pháp của Lê-triều tương đối đã khá hoàn-bị nên Gia-Long không đưa ra vấn đề cải cách nhưng nhà vua thấy cần phải có một bộ luật mới, chặt chẽ hơn đề củng-cố cái ngai vàng vừa mới giành được. Tâm-trạng ấy không đáng lạ đối với một con người trên 20 năm chiến đấu gian lao khắp các chiến-trường Trung, Nam, Bắc, vào sinh ra tử, nhục nhả đủ điều. Ngoài ra người phong kiến còn quan-niệm quốc gia là vật báu phải được nối tiếp vào các đời sau cho con cháu nữa. Như vậy luật pháp phải là thành đồng lũy sắt để bảo vệ quyền lợi «thiên-liêng» của mình và của dòng họ.

Nhà vua liên cử Nguyễn văn-Thành làm Tổng-tài lấy bộ luật của nhà Thanh ra tham khảo với luật cũ của nhà Lê nói rằng làm một bộ luật mới.(!) Nhưng thực ra, bộ Luật Gia-Long đã chép theo gần hết bộ luật của Thanh-triều là bộ luật rất nghiêm khắc của một dị-tộc vào thống-trị Hoa-tộc. Bộ luật này gồm 22 quyển gồm 398 điều. Có thể nói rằng về mặt chính-trị ở nước ta chưa có bộ luật nào phản dân chủ, nặng mầu sắc và nội-dung phong kiến như bộ luật Gia-Long. Đến năm Ất-hợi (1815) bộ luật này in xong và được đem quảng-bá khắp nước. Chính vua Gia-Long đã viết bài tựa. Trong bài tựa này Gia-long hết sức ca ngợi bộ luật nhà Thanh mà nhà vua đã lấy làm căn-bản cho bộ luật của mình. Gia-Long còn nói bộ luật của Thanh-triều đã được tham khảo với các bộ luật của Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, và đã được nhiều sự bổ khuyết. Như vậy tức là bộ luật của Thanh-triều hoàn hảo hơn cả. Nay bộ luật này thành nền tảng cho bộ luật của nhà vua, lại được thêm sự dụng-hợp với tinh thần của luật Hồng đức nữa. Qua sự nghiên-cứu của chúng tôi, nhiều điều, khoản trong bộ luật Gia-Long đã được chép nguyên văn theo luật nhà Thanh, kể cả những sắc, dụ phụ thuộc

vào các điều-khoản đó và cảnhững lời bình-luận, họa-hoãn mới có bỏ đi một vài điều ít quan-trọng hoặc sửa đổi tí chút. Sử-gia C.B. Maybon phê-bình rằng bộ luật của nhà Nguyễn không có gì đặc biệt. Nó cũng không có gì là Việt-nam, nó không chú-trọng đến cả những sự kiện đã thi-hành trước đây, cả đến phong-tục, và tập-quán. Nó biểu-lộ rõ-rệt rằng người ta đã chấp nối nó một cách vội-vã và nhiều điều-khoản của bộ luật này đã không thích-ứng trên thực-tế vì nó nghịch với nhiều truyền-thống của dân nước. Tóm lại bộ luật Gia-long không mang lại chút danh-dự nào cho nền pháp-chế Việt-nam, nó chỉ là dụng-cụ cho một chính-sách chuyên-chế và bên cạnh thứ lợi-khi phần dân-chủ này, còn quân-đội nữa là một bộ máy luôn luôn tích-cực đàn-áp nhân dân để bảo-vệ địa-vị của hoàng-triều.

Công - chánh Sau khi trật-tự đã vãn-hồi, vua Gia-Long cho sửa - sang đường xá. Tỉnh nào cũng nhận được lệnh thi-hành công-tác này. Dân được huy-động đi làm đường thì được trả lương bằng gạo và họ được lĩnh khoán từng quãng đường một. (1) Chỗ nào có sông ngòi thì phải bắc cầu. Công-tác xây-dựng nặng nhất là ở Bắc-thành vì tại đây dễ điều hay bị nước lũ tàn phá hàng năm sinh ra lụt-lợi vô cùng tai-hại. Dân mất mùa-màng thì triều-định mất thuế. Sử của Nguyễn-triều nói rằng vì dễ điều được giữ-gìn và đắp lại nên sau này đã tránh được nhiều vụ thiên-tai. Sự thực thì việc dễ điều không được chăm nom cần mật lắm do đó dễ Văn-giang mười tám lần bị vỡ dưới đời Nguyễn-sơ càng làm cho dân tình deo-neo khiến sự bất mãn với tân triều càng lan rộng vào đời các vua kế nghiệp Thế-tổ...

Các hải-khẩu cũng được chấn-chỉnh và ở mỗi tỉnh nhà nước dựng một kho chứa thóc để phòng đói kém. Các nhà trạm được đặt ở cạnh các đường quan-lộ. Từ cửa Nam-quan (thuộc Lạng-Sơn vào đến Bình-thuận, cứ 4000 trượng phải làm một nhà trạm để quan khách nghỉ-ngoi. Cả thầy có 98 trạm. Còn từ Bình-thuận trở vào Gia-định-thành đến Hà-tiên người ta hay dùng đường thủy.

(1) Lệ cứ 15.000 trượng đường thì phát cho dân 10.000 phương gạo.

Vấn-đề sông ngòi cũng được chánh quyền lưu ý : các trấn được lệnh xoi đào sông ngòi để dẫn nước ra vào hầu giúp nông nghiệp. Thành trì cũ thì sửa đắp lại và cho dựng thêm một số thành mới. Thành Huế theo kiểu Vajuban hình vuông được kiến trúc từ 1813 hay 1814 và hoàn tất vào 1820, chu-vi được tới khoảng năm hay sáu cây số, có đặt hai mươi bốn vọng canh, mỗi vọng có 36 khẩu đại-bác từ 20 đến 68 livres đúc tại Huế. Cổng xây bằng đá học cao 68 pieds (1) và tường thành cao 50 pieds (mỗi pied cao 0th3048) và rất dày... Đại-úy Rey phê-bình rằng thành Huế là một cái thành đẹp bậc nhất ngay so cả với thành William ở Calcutta và thành Saint George ở Madras (Ấn-độ) đã do người Anh xây cất, Đây là một công trình vĩ-đại mà sự tốn phí không thể nào ước-lượng được nhất là về mồ hôi nước mắt của đám dân đen. Auguste Borel, chủ chiếc thương thuyền *La Paix* tới Việt-Nam vào năm 1918 viết trong nhật-ký rằng : Nhà vua đã huy-động nhân-lực toàn-quốc vào việc xây thành, đắp lũy, sửa sang đường-sá. Khi tôi tới Huế, tôi thấy có tới tám chục ngàn người bắt ở khắp mọi nơi trong nước để dùng vào việc dựng một cái thành rất lớn. Ngoài ra một số đông người khác đang làm việc trông các xưởng đúc đại-bác, có lẽ nhà vua đã nghĩ rằng dân có đói khổ mới chịu các việc nô-dịch và sự sống của họ càng lệ-thộc vào chính quyền bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu cho chính-sách độc-đoán của ngài và ngài chỉ cần sao có mọi sự bảo-đảm về vấn đề an-ninh của ngài trên hết. Sự kiện này đã làm khô kiệt mọi nguồn thịnh-vượng trong nước, đình-chỉ mọi sự tiến-bộ do nông-nghiệp mà nên (*Toung Pao*, 1904, trang 517).

Văn học và khoa cử

Trong khi xây dựng các cơ-cấu quốc-gia, việc sắp đặt bộ máy hành chánh từ trong triều-đình ra ngoài dân chúng được Gia-Long coi là cần gấp hơn cả. Đó là lẽ tất nhiên. Nhưng khi việc này được tạm yên nhà vua liền chú-trọng ngay đến việc học hành khoa cử và lập lại các sổ sách về đình diên.

Buổi đầu, thủ túc của Gia-Long chỉ là những tướng lĩnh. Quanh nhà vua là ngũ quân đô thống (Năm quan Đô-thống). Ở

(1) Trừ cửa Ngọ-môn có thể cao tới 60 pieds, còn các cổng khác và tường thành cao tới 10 thước tây là cùng.

xã đại-diện cho chính-quyền trung-ương là hai quan Tổng-trấn Bắc thành và Nam-thành Nhưng việc trị-dân thời nào cũng là vấn đề phức-tạp, chỉ có xấn quan mới đủ khả năng nên Thế-tổ nhà Nguyễn đã nghĩ đến việc học hành và khoa cử. Tại các trấn các doanh theo lệnh của nhà vua, người ta bắt chước các tiền triều lập nhà Văn miếu tỏ lòng hàm mộ Nho-học. Nhà Quốc-tử-giám được mở tại kinh đô vào năm 1803 lấy con cháu nhà quan và các sĩ-tử ưu-lu trong nước đến học. Cũng trong năm ấy các trấn được lệnh lập trường và mở lại các việc thi cử tại địa-phương. Triều đình bổ nhậm các chức *Đốc-học* từ năm trước chưa được đầy đủ thì năm nay bổ-nhậm thêm cho hợp với nhu-cầu của tỉnh-thể. Bên cạnh các chức *Đốc-học* có chức *Phó đốc-học* và các *Trợ giáo* ». Vào năm Gia-Long thứ 6 (1807) có mở khoa thi Hương đầu tiên, ấn-định 6 năm mở một khoa, đến thời vua Minh-Mạng, lệ này rút xuống 3 năm cứ mở vào các năm tí, ngọ, mão, dậu ; thi Hội mở vào năm thìn, tuất, sửu, mùi (1) v.v.) nhưng chế-độ thi-cử vẫn phỏng theo đời Lê và một phần theo nhà Thanh. Điều đáng chú ý nữa là Gia-Long cho mở cả khoa thi võ. Khoa thi này cũng có cả thi *Hương* và thi *Hội*.

Thề lệ thi võ về Hương-thí như sau :

Trường đệ nhất : Cử trượng là phải xách hai quả cân hay tạ bằng hai tay đi vòng quanh 50 trượng, đủ ba vòng mà không sa xuống, thế là trúng cách.

Trường đệ-nhị : Bắn bia — một tấm bia bằng cây, cao độ 3 thước trồng chính giữa nhà thập đạo (trong trường) 2 thí sinh khi đã đỗ trường nhưt rồi, đều lo dự-bị cung, tên, 1 cây nỏ và 9 mũi tên, mang theo, đến ngày đó, trực gọi tên vào thi kỳ nhị, tức kỳ thi bắn bia.

Bia vuông và cao, trung-tâm có một vành da tròn bằng cái đĩa lớn. Bắn mũi tên vào trung-tâm tức trúng đích, xịch ra 1, 2 phán, cũng được đậu, nhưng liệť vào thứ hạng, lọt ra ngoài vành tròn, thế là liệť vào hạng rớt. Thi-sinh đứng xa bia 30 trượng, (thi Hội phải đứng xa 50 trượng).

Bắn trúng đích đủ 9 mũi tên mới được trúng cử.

(1) Trong nước chia làm 6 trường thi *Hương* : Gia-định, Bình-định, Thừa-thiên, Nghệ-an, Thanh-hóa và Hà-nam.

Trong mũi tên có viết tên, họ của thi-sinh đề tránh sự gian lận.

Đỗ trường đệ-nhi rồi, được vào kỳ đệ-tam.

Kỳ đệ-tam là thi các môn quyền-thuật.

Quan giám-khảo bắt thăm, 2 thí-sinh dùng cây đoản côn tỉ-thi với nhau. Nếu thí-sinh nào được thắng 3 hiệp là trúng-cử. Trúng cử kỳ đệ-tam, tức là có hy-vọng đề đỗ kỳ đệ-tứ, đỗ Võ cử-nhơn.

Kỳ đệ-tứ phải thi đủ 3 món : Cử trượng, bắn bia và đánh quyền.

Thi đỗ bốn kỳ rồi, quan giám-khảo hội-đồng tỉnh gom lại phân, điểm, nếu thí-sinh nào cao phân, điểm thì lấy đỗ Thủ-Khoa, dưới nữa lấy đỗ Cử-Nhơn.

Hương-thí võ không như hương-thí văn, có lấy Tú-Tài, và cũng không được lãnh áo mào, ăn yến như các Cử-nhơn bèn văn.

Võ Hội thi : Võ hội thi, các tỉnh đều qua tập Võ cử-nhơn về kinh-dò Huế ứng thí. Thề-lệ Võ-hội-thi cũng như Võ-hương thi, chỉ khác điều cử trượng phải xách cân nặng hơn nửa tạ và đi xa hơn 10 trượng.

Kỳ đệ-nhi bắn bia phải bắn 12 mũi lên vào đích đủ 12 mũi mới được trúng cách.

Kỳ đệ-tam : Quyền-thuật. — Mỗi thí-sinh phải đánh thắng 4 độ mới được trúng cách.

Có thêm một kỳ đệ-tứ nữa tức là thi lãn khiên.

Cái khiên hình như tấm bảng vuông. phía sau có quai.

Thi-sinh mang quai, che khiên trước thân-thề và lãn tròn. Một vị giám-khảo, cầm cây đao, đầu mút quấn vải, nhuộm mực đen ; nhắm ngay thí-sinh lãn khiên đâm vào ; nếu dấu mực bạt ra ngoài bia tấm khiên thế là đậu, còn dấu mực dính đen nào tấm khiên tức là rớt ; Vì người mang khiên không tránh né được (môn võ nghệ này, ngày trước quân-sĩ thường dùng trong cuộc hành-binh, đánh xáp lá-cà). Mỗi quân-sĩ tay mang khiên, tay cầm đao, vừa lãn vừa chặt căng quân địch.

Lãn vòng tròn đủ 3 vòng, mới đứng thề-lệ. (Ở Âu-châu vào

thời cổ các chiến, sĩ cũng dùng mộc hay khiên để tránh kẻ thù đâm vào người).

Đến trường đệ-ngũ thì đủ cả 4 môn, nếu hoàn-toàn không lép môn nào, được chấm đỗ Võ phó-Bảng.

Nước Việt - nam không lấy Võ Trạng - Nguyên, chỉ phỏng theo nhà Lê có lấy Võ Tiến - Sĩ. Nhưng, muốn đỗ Võ Tiến - Sĩ phải có tinh-nguyên thì một bài bằng chữ nho, bài ấy đầu đề hỏi về binh-thơ đồ-trận và địa-thế hành-binh v.v... Phần nhiều các võ cử không mấy vị tinh-thông, vì vậy chưa thấy có vị nào thi đỗ Võ Tiến-Sĩ.

Thi đỗ Võ-Cử bổ chức gì? Theo lệ bổ quan của Nguyễn-triều «*Võ lớn văn nhưt trật*», nghĩa là bên võ kém bên văn một bậc.

Thí dụ : Võ đỗ Cử-nhon thì hàm 6/2, (*tùng lục phẩm*) được bổ làm Phó suất-đội. Còn bên văn đỗ Cử-nhon thì hàm 6/1 (*chánh lục-phẩm Điền bộ*) được bổ Hậu-bổ, hoặc Huấn-đạo, Hành-tầu.

Nhưng, bên võ phải 3 năm mới thăng lên một bậc, còn bên văn thì một năm đã được thăng lên hai bậc, bổ tri huyện ngay.

Bởi vậy dân gian thường cho con em học văn ít có có người ham học võ.

Võ có hai trường đào-tạo võ-chức : Trường Anh-danh và trường Giáo-dưỡng. Hai trường này để dành riêng cho con các quan, những hạng công-tử không biết chữ, không vào được chân Ấm sinh, thì vào được bổ-dụng chức võ quan, nhưng không bằng hạng thi đỗ võ-cử.

Hạng tốt nghiệp ở hai trường Anh-danh, Giáo-dưỡng, chỉ được bổ Lệ-mục (*Đội Lệ ở các phủ, huyện*) hoặc đội hầu các quan bộ, quan tỉnh như hạng có chân Võ-Cử. Cách bổ dụng và cấp phát phẩm hàm này tỏ rõ cái óc trọng văn khinh võ của đời xưa, xét ra rất bất công và tai hại.

Tuy nhiên đời xưa cũng có những vị võ quan đặc cách không do khoa cử, chỉ xuất thân là một tên lính trơn nhưng nhờ có công trận lớn lao những người ấy có thể được đặc-cách bổ dụng đến địa-vị Lãnh binh, Đề-đốc một cách mau lẹ.

3 vị Võ quan lớn nhưt được liệt vào khai quốc công thần : Triều Nguyễn, dưới đời vua Gia-Long, 3 vị võ quan có công

lớn, được liệt vào hàng khai-quốc công-thần là: Tả-quân Lê-văn-Duyệt, Hậu-quân Võ-Tánh và Hữu-quân Nguyễn-huỳnh-Đức.

Ba vị công thần trên đây, theo giúp vua Gia-Long từ ngày ngài đang tranh đấu với Tây-Sơn.

Tuy không do khoa cử mà ra, nhưng các vị này trung dũng, khí tiết, và là những nhân tài quốc gia, đáng làm gương cho hậu thế.

Sau khi vua Gia-Long tức-vị được 5 năm. Tả-quân mới đứng sớ, xin mở trường thi Võ-Cử. Từ đó, trong Nam, ngoài Bắc, sĩ-phu mới có tinh thần thượng võ, đâu đâu cũng có các trường học công và tư.

Tôn thất-Hội là vị Võ-cử-Nhơn khai khoa thứ nhất. tuy người trong hoàng-tộc, nhưng từ nhỏ chuyên thao luyện võ nghệ, đã nổi tiếng một võ-sĩ vô-địch ở đất Thừa-thiên thi đỗ Võ-Cử từ đời Gia-Long ; nhưng vua Gia-Long ngại là người trong hoàng tộc, ngài không muốn trọng dụng vào các chức chấp chương bình quyền ; bấy giờ Tôn thất-Hội chỉ bỏ được chức Quản vệ long-thuyền, để theo hộ-gia trong lúc nhà vua đi tuần-du.

Mãi đến đời vua Minh-Mạng, khi miền Nam có « giặc » Lê-văn-Khôi, Tôn thất-Hội mới được điều động hải-quân cùng ông Trương minh-Giang vào Nam mở trận tấn công từ Cần-giờ đến Gia-định. 3 năm bình định xong giặc Lê-văn-khôi, Tôn thất-Hội mới được vua Minh-Mạng thăng đến chức Bình-chương quân-sự, kiêm quản ngũ vệ cấm-Binh. (Tài liệu về khoa thi võ dưới triều Gia-long chép ra đây thuộc bài khảo cứu của cụ Lão-lùng, một cử-nhân Hán học miền Trung. Riêng về đoạn nói tới Tôn-thất-Hội, chúng tôi e có điều sai lầm vì Tôn-thất-Hội đã chết trong thời kỳ đang có chiến sự tại Qui-nhơn. Tôn-thất-Hội này là một nhân-vật hậu sinh hay là người khác hoặc có sự lầm tên chăng ?

Việc chép sử Việc chép sử là một việc không riêng quan-trọng về văn-học, nhưng triều Gia-Long đã chỉ biết nhìn sử-học qua khía-cạnh của văn-học mà thôi. Lê-quang-định, binh-bộ thường thư được lệnh kê-cứu ở các trấn, các doanh từ Lạng-sơn vào tới Hà-tiên chỗ nào

có sơn-xuyên hiềm-trở, đường xá xa gần, sông, bể, cầu quán, chợ búa, thị-thành, phong-tục, thổ-sản để làm thành sách « *Nhất thống địa dư chi* ». Sách này được hoàn thành vào năm Bình dân (1806) gồm 10 quyển tất cả.

Về sử-ký triều Nguyễn gặp nhiều sự khó khăn hơn. Các sách sử của các liên-triều qua các thời khói lửa bị thất đắc nhiều vì các văn-khố hầu bị phá tán và đốt cháy hết. Người ta phải tìm đến các cố-gia, đi vào dân chúng để mua các dã sử và cả những sách luật đời Lê. Việc này thực ra là do các quan tỉnh và các quan ngành học chính sưu-tầm, chứ không có sứ-thần. Về lịch-sử đất Hà-tiên năm 1818, Mạc công-Du là con cháu Mạc Cửu có đệ trình được một mớ. Sau đó Gia-Long cho tập-trung tại kinh-dô một số nhân viên để biên chép ngay trước hết các sự việc xảy ra từ 1773 đến 1802 là giai-đoạn nhà vua có mặt trong nhiều biến-cố quan trọng. Tuy vậy, ngay khi Gia-Long còn sống, ta chưa thấy có bộ sử-ký nào ra đời. Duy đến đời sau (Minh-Mang, Thiệu-trị, Tự-Đức) thì một số sách sử-địa được ra mắt quốc dân như *Đại-Nam thực lục*, *Đại-Nam truyện Khâm-định Việt-sử*, *Việt-sử cương-mục v.v...*

Còn về phương-diện văn học hay văn chương, riêng đời Gia-Long chưa có gì thịnh-đạt tuy ta thấy còn lưu lại đến ngày nay một vài tác-phẩm đáng kể, nhưng tác giả phần nhiều là các cựu thần nhà Lê đã bất-đắc-đĩ ra làm việc với tân triều như : Phạm-quý-Thích (soạn ra *Thảo đường thi tập và. Lập trai văn tập*), Nguyễn-Du sáng-tác *Bắc-hành thi-tập* (tập thơ đi sứ Tàu năm 1813) và soạn ra cuốn *Kim-vân-Kiều*, Trịnh hoài-Đức, khai-quốc công-thần của Gia-Long là tác-giả *Cẩn trai thi tập*, *Bắc sử thi-tập* (tập thơ đi sứ Tàu năm 1802) và Lê quang-Định, một tác-giả trong tập « *Gia-định tam gia thi* ». Xét các tác-phẩm trên đây, hữu-ích hay có ảnh-hưởng, cho văn giới chỉ có cuốn *Kim-vân-Kiều* mà thôi và đây là một công-tác văn-hóa hoàn-toàn có tính-cách tư-nhân. Các thi-tập của Phạm quý-Thích, Lê quang-Định, Trịnh hoài-Đức chỉ là những bài ngâm vịnh bằng Hán-văn có mục-đích tiêu sầu giải muộn cho các tác-giả, không có gì đặc-sắc về mặt văn-chương hay kỹ-thuật, cũng không nêu được gì lợi cho người đọc, nên ngày nay không còn được truyền lại. Riêng Kim-vân-Kiều thì thật đáng là một hãnh-diện cho thời-đại, cho dân-tộc Việt-nam hôm qua cũng như hôm nay.

Kim-vân-Kiều là gì ?

**Truyện Kim
Vân Kiêu**

Kim-vân-Kiều là một bi-tình, xã-hội và tâm lý tiểu-thuyết. Vai chính là một cô gái khuê các tên là Thúy-Kiều con quan viên-ngoại họ Vương dưới đời Gia-tĩnh. Ở tại xã-hội Trung-quốc bấy-giờ, gia-thế của nàng vào bậc trung. Người con gái này rất nhiều tài sắc : cầm, kỳ, thi, họa. Rồi gia đình nàng bị một tên bán tơ vu oan đến nỗi cha già phải mắc tội. Muốn cứu chuộc cha, nàng phải bán mình cho một tên « *baon người* » họ Mã bề ngoài đi mua gái đẹp về làm thê thiếp mà thực ra là tuyển gái cho hồng lâu.

Trước khi sa cơ lỡ bước, cô gái họ Vương này đã dạn diu với một nho-sinh là Kim-Trọng, con nhà trâm anh thế-phiệt ở Liêu-Dương, bạn của em nàng là Vương-quan. Đồi bên đang thê thốt nặng lời thì Kim-lang phải về quê nhà thụ tang chú. Chàng về nơi xa với thì nàng gặp nghịch-cảnh đành phải cắn răng hy-sinh tình cho hiếu, bán mình cho Mã-giám-Sinh lấy ba trăm lạng để lo lót với tụi quan tham lại những.

Cái đau-khổ đầu tiên của Thúy-Kiều là phải thất thân với họ Mã.

« Tuồng chi là giống hời tanh

« Thân ngàn vàng để ó-danh má hồng...

« Biết thân đến bước lạc-loài

« Nhị đào thà bẻ cho người tình-chung,

Về đến nhà Tú-bà nàng mới biết mình rơi vào xóm thờ-thần mây trắng. Tú-bà bắt nàng lấy nhận mình làm mẹ và bắt lấy cả Mã-giám-Sinh là chồng của mẹ. Nàng bày tỏ rằng Mã-giám-Sinh lấy nàng làm vợ chứ không phải để làm nghề tiếp-khách và đã chung chạ với nàng. Tú-bà giật mình nổi giận chưởi nàng là gái tơ mà đã sớm mất nết, chưởi cả Mã-giám-Sinh đã làm mất « *màn hồ* ». Rồi mẹ thẳng tay đánh đập, Thúy-Kiều quá nhục-nữ trong mình đã dắt sẵn dao, quyết liều cho tan hoa nát ngọc.

Tú bà sợ mất cả vốn lẫn lời. vội cứu chữa rồi kiếm cách khéo an-ủi, sau ít lâu dùng Sở-khanh bày kế dụ Kiêu đi trốn. Tưởng rằng họ Sở là tay nghĩa hiệp cứu kẻ lạc loài, nàng theo y lên ra khỏi xóm buồn hương bán phấn. Giữa đường Tú bà chờ sẵn bắt được đem về đánh nàng tơi bời đến nỗi nàng phải van xin :

« Thân lươn bao quản lấm đầu

« Chút lòng trinh bạch từ sau xin chờ !

Kể đã thành-công Tú-bà từ đó tha hồ điều-khiển cô gái thơ ngây xấu số trên mọi khía cạnh của nghệ-thuật đón người cửa trước rước người cửa sau.

Số đoạn trường chưa hết ! Đang đau-đớn với cái kiếp sống làm vợ khắp người ta thì Kiều gặp Thúc-sinh một khách làng chơi hào-hoa phong-nhã chuộc nàng ra khỏi lầu hồng. Những tưởng thân cát-đăng từ nay nhờ được bóng tùng quân, ~~anh~~ duyên đang nồng đượm thì ở xa, vợ chàng Thúc nghe tiếng chàng có vợ nhỏ bầy kẻ khiến người đứt nhá và bắt Kiều giữa khi chàng Thúc lên đường ninh-gia. Kiều bị rơi vào tay Hoạn-thư, vợ cả Thúc-sinh, lần này cũng bị một trận đòn om xương, đẫm máu. Sau Thúc-sinh về gặp Kiều nay thành một hoa-nô của vợ (1) Chàng bàng hoàng như sống trong giấc chiêm-bao, mà nàng thì cay đắng biết mình rơi vào một mưu sâu ghê gớm của họ Hoạn. Tại đây Hoạn-Thư bày tiệc bắt Kiều ra lạy chào ông chủ, gảy đàn, mời rượu bắt ne bắt nét đủ điều khiến chàng và nàng *« bề ngoài cười nụ bề trong khóc thầm »*. Sau nàng xin ra ở chùa rồi trốn đi. Số kiếp vẫn long đong, ra khỏi cửa thiền thì nàng lại rơi vào bộn buồn người thứ hai, họ Bạc. Nàng lại thành gái làng chơi sau gặp Từ-Hải, một tướng giặc đang trọc trời khuấy-nước, uy danh trấn-động bốn phương. Lúc này nàng được oán trả nghĩa đền, tưởng rằng từ đây mát mặt. Nào ngờ Hồ-tôn-Hiến quan của triều-đình có nhiệm-vụ đi dẹp giặc đã khéo bày mưu xui nàng dụ hàng Từ-Hải để mai kia phu quý phụ vinh trở về cố-hương cùng gia đình đoàn-tụ. Kiều ngây thơ nên không biết đây chỉ là một gian-kế. Rồi Từ-Hải chết đứng giữa trận tiền còn nàng phải thị yến dưới màn của viên Tổng-đốc đa-tinh hiếu sắc. Sau đó nàng bị đem ép gả cho một thổ-quan. Lênh-đênh trên sông Tiền-Đường, Kiều đau-khổ đến mức không chịu hơn được phải lao mình xuống nước cho sóng rập cát vùi, mong hết kiếp hồng nhan bạc mệnh.

Chuyện Thúy-Kiều đến đây là hết, nhường Nguyễn-Du có cho thêm đoạn tái-ngộ Kim-Trọng, rồi đôi duyên cầm sắt ra cầm duyên kỳ cho khỏi sai.

(1) Hoa nô là : dây tơ gái.

Gốc gác của *Kim-Vân-Kiều* là cuốn *Đoạn-trường tân thanh* (Tiếng kêu mới đứt ruột), viết bằng văn xuôi mà tác-giả đã ký tên bằng biệt hiệu là Thanh-tâm tài nhân (1). Theo các sự việc được kể ra, ta có thể biết rằng sách này được sáng-tác vào cuối thế-kỷ XVI hoặc đầu thế-kỷ XVII. Trong dịp đi sứ có mặt ở nước Tàu (1813). Nguyễn-Du đã gặp cuốn sách này thấy hợp với tâm sự của mình nên đã dịch ra và chỉnh đốn lại thành một trường thiên tiểu thuyết viết theo thể văn vần. Nói rằng *Đoạn trường tân thanh* hợp với tâm sự của Tiên-Điền tiên sinh có thể đúng sự thực bởi Vương Thủy-Kiều đính-ước chung tình với chàng Kim-Trọng mà không phải nguyện ba sinh cũng như họ Nguyễn có cha anh chú bác mấy đời phục vụ Lê-triều mà nay mình phải khuất thân với họ Nguyễn. Nàng Kiều phải bán mình cho Mã giám sinh, phải sa chân lỡ bước mấy phen vào chốn lầu xanh thì nhà văn của chúng ta dừng giữa tân triều không hơn không kém chỉ là kẻ « *hàng thần lơ láo* ». Đối với kẻ sĩ, trường chinh-trị nếu chẳng là nơi thi-triền tài khang-tế thì nơi này có khi chẳng khác gì chốn đưa người cửa trước rước người cửa sau, vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề. Tiếng kêu đứt ruột của Vương Thủy-Kiều phải chẳng tiếng kêu đứt ruột của họ Nguyễn?

Vì là một cuốn sách duy nhất có nhiều vang bóng ở đất nước chúng ta từ đầu thế-kỷ XIX tới nay nên phải cặm học hay tân học đã không ngớt lời bình-luận về phần triết-lý, luân-lý, văn-chương và xã-hội.

Triết-lý trong truyện Kiều là triết-lý mượn ở Phật-giáo như chúng tôi đã nói ở trên, ngay ở mấy câu mở đầu, tác-giả đã nêu ra cái thuyết tài mệnh tương đố và tạo hóa ố kỳ toàn đề rồi giới-thiệu một con người tài sắc phải ba chìm bảy nổi chín lênh-dênh vì hai chữ tài sắc. Cũng nhân đây Tiên-Điền tiên sinh cảnh cáo người đời :

(1) Tên thực của tác-giả *Đoạn trường tân thanh* theo Bưu cầm khảo về tác giả *Kim vân Kiều truyện* ; Thanh-tâm tài nhân có thể là biệt hiệu của Từ oãn Trường một mưu sĩ đã có công trong việc dụ hàng Từ-hải, Văn-Trường có quen với Thủy-Kiều trước đây và đôi bên có tình ý với nhau từ trước sau này Từ-hải chết, Hồ tôn-Hiến lấy Kiều ít ngày sau có lẽ sợ mang tiếng nên ép gả cho một thổ tù. Nàng quá buồn rồi tự tận trên sông Tiền-đường. Văn-Trường hận đã làm lỡ thân thế của Thủy-Kiều từ đó cũng đau khổ suốt đời và làm ra *Kim-vân-Kiều truyện*. Có lẽ Kim-vân-Kiều chưa được công bố trong lúc tác-giả còn sống và những nhân-vật như Hồ-tôn-Hiến, Từ-Hải, Thủy-Kiều là những nhân vật có thật.

(Xin coi Văn hóa nguyệt san số 42, trang 694 — 700)

« Có tài mà cậy chi tài

« Chữ tài liền với chữ tai một vần.

Và nếu con người muốn tránh được cái nghiệp trường của « tài sắc » thì phải luôn luôn ghi lòng tạc dạ :

« Thiện căn ở tại lòng ta

« Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Cũng vẫn theo triết-lý của đạo Phật, tác - giả dẫn giải rằng chính cái nghiệp ở kiếp này là do cái kết-quả của kiếp trước cũng như việc đời nay sẽ ảnh-hưởng cho cái kiếp sau của chúng ta. Cái vòng lẩn quẩn này ngàn đời không dứt, nếu muốn ra khỏi vòng *nhân-quả* này ta phải rèn-luyện sao cho cái *tâm* được thắm nhuần nhiều điều *thiện*. Tóm lại cái oan-nghiệt Thúy-Kiều phải chịu đã đem lại cho nàng mọi vẻ sắc tài khôn-khé, có thể nàng mới đi đến chỗ « *son phần mười lăm năm lưu-lạc, mang thân cho thiên-hạ mua cười* », éo-le, lâm-lý, bi-đát không sao kể xiết. Tuy nhiên, bởi Thúy-Kiều đã hy-sinh *tình* cho *hiếu*, ở mỗi hoàn-cảnh đều có sự thủy chung, hiếu-nghĩa, nàng đã biết cứu muôn người để làm điều *lành* nên sau thời luân-lạc phong-trần đã được đền bù về hậu-vận. Thế là thiện-tâm ngay ở kiếp này đã đủ gỡ được cái nghiệp-chướng của kiếp trước mà còn gây được cái quả-phúc cho mình về sau...

Luân-lý của truyện *Kim-vân-Kiều* trên đây 30 năm đã bị một số nhà nho phủ-nhận (cuộc tranh-luận giữa cụ nghệ Ngô-đức-Kế và Phạm-Quỳnh chủ-nhiệm tạp-chí *Nam-phong*) cho rằng truyện này là một dâm-thư có thể làm hư-hại phong - tục và đạo-đức, nước nhà. Thúy - Kiều không hơn không kém chỉ là một gái lầu xanh làm như bần cái xã-hội Khổng, Mạnh có nhiều thuần-phong mỹ-tục. Nhưng trước Phạm-Quỳnh cũng như trước chúng ta một thế-kỷ, một nhà nho khoáng-đạt là Chu-mạnh-Trinh, một nhà nho duy-nhất đã đi sâu vào cái bối-cảnh của các xã-hội phong-kiến Á-đông đề hiều tội-trạng của con người là ở con người hay là ở xã-hội, đề hiều những cảnh-ngộ éo-le mà con người không vượt nổi giữa một xã-hội đầy bợn sát-nhân, điểm đàng vô lương-tâm và trách-nhiệm, rồi vượt lên cao hơn nữa, nhìn nhận sự việc bằng con mắt của Phật Thích-Ca, chúa Gia-Tô để cởi mở giây

oan cho các linh-hồn sa-đọa trong bến mê bề khô muôn năm không lối thoát. Tuy vậy, quan-niệm đạo-đức quá máy móc, quá chật hẹp, nông cạn của một số người cô-hủ cố chấp vẫn không làm mờ được giá-trị của áng danh văn. Đời nay hiểu chuyện *Kim-vân-Kiều* hơn và nhiều văn-sĩ Pháp thông thạo văn-tự Việt-Nam như J. Cordier, René Crayssac, Vayvrac (1) cũng công nhận như vậy đã phiên-dịch ra Pháp văn cũng là để trả lời câu:

« *Đàn ông chó kễ Phan-Trần*
« *Đàn bà chó kễ Thúy-Vân, Thúy-Kiều*

Ta nên nhớ rằng tuy trong tác-phẩm của Nguyễn-Du có đoạn tả đêm động-phòng của Mã giám-Sinh với Thúy-Kiều, cách đón tiếp khách làng chơi ở chốn thanh-lâu, Thúy-Kiều tắm, Thúy-Kiều hứa hôn với Kim-Trọng là đều bị lên án là nghịch với cổ tục, nhưng trái lại nhiều cử chỉ, hành động lời ăn tiếng nói của Thúy-Kiều trên thực-tế vẫn không ra ngoài lễ-giao như người ta tưởng.

Thúy-Kiều đã trả lời thế nào ?

Theo quan-niệm về kỹ-thuật và văn chương đời nay mọi khía cạnh của sự sống đều phải tả rõ thì văn chương mới làm được sứ-mạng của nó là phản-ảnh sự sống trên mọi phạm-vi. Do nguyên-tắc này nhà văn không có quyền bỏ sót một trạng-thái, một hình-thức nào của đời sống con người duy trong việc tả tình cũng như tả cảnh có trường-hợp phải đề-đặt ít nhiều. Đề tả sự thất thân của Thúy-Kiều với họ Mã, Nguyễn-Du viết:

Tiệc thay một đóa trà-mi
Con ong đã tỏ đường đi lối về:
Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương.
Đêm xuân một giấc mơ màng,
Đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ.

(1) Kim-vân-Kiều trên 30 năm trước đã được hai nhà văn Pháp là Vayvrac và René Crayssac dịch hẳn ra Pháp-văn. Trước đó ông Nguyễn-văn-Vĩnh cũng đã giải-nghĩa bằng tiếng Pháp. Vào tháng 6-1961 sách này, sau khi được hai ông Xuân-Phức Xuân-Việt dịch ra tiếng Pháp đã được văn-hóa Quốc-tế Liên-hiệp-quốc bảo trợ việc xuất bản. Đây là cuốn sách thứ mười hai trong mục « *Những tác phẩm có giá-trị đạt diện* » và cũng là cuốn sách đầu tiên trong loại sách giới thiệu tư tưởng và học thuật Việt-Nam.

*Nỗi riêng, tâm tã luôn mưa
Phần cảm nỗi khách, phần dơ nỗi mình.*

Đề tả Thúy-Kiều tấm và cho người đọc có một cảm-giác về mỹ-thuật như đứng trước một pho tượng khỏa thân của một nhà điêu-khắc mà không hề gây một cảm-giác về dục-tình, Nguyễn-Du có những câu dưới đây :

*Buồng the gặp buổi thong dong
Thang lan rủ bức trường hồng lấm hoa
Rõ ràng trong ngọc trắng ngà
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên-nhiên...*

Xét hai trường-hợp kê trên ta chỉ thấy thương con người khuê các rơi vào tay phạm-phu, tục tử, gặp cảnh éo le : *cú điệu cảnh mai, hồng ngậm chuột vọc*. Còn bức tranh thiếu nữ tấm thì lời văn trang nhã, nét bút trác-tuyệt đến thế là cùng.

Trong cuộc tiếp xúc của Thúy-Kiều với Kim-Trọng, người con gái vẫn giữ được nền nếp con nhà, vẫn làm chủ được mình và theo quan-niệm về hôn nhân ngày nay, trai gái lựa chọn nhau để gây dựng gia thất đâu có phạm tội với luân-lý nhất là vai trò tối-hậu quyết định vẫn dành cho cha mẹ.

*Đã cho vào bậc bổ kinh,
Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu,
Ra tuồng trên bậc trong dâu,
Thì con người ấy ai cầu làm chi ?*

*Dù khi là thắm chỉ hồng
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha*

Về phần Kim-Trọng, chúng ta cũng thấy người thanh niên này đã có cử-chỉ đúng mức khi người yêu của mình tỏ ra biết tự trọng và có phẩm-cách thanh cao nên chàng chỉ xin nàng ưng-thuận tạm trước khi chàng nhờ người đến đánh tiếng theo tục lệ cổ truyền :

*Chút chi gấn bó một hai
Cho đành rồi sẽ liệu bài mối-mạnh.*

Rồi sau này qua cơn phong trần, luân lạc, thuyền xưa lại trở về bến cũ, chàng yêu cầu nàng chấp nối mối duyên xưa,



LÍNH HẦU ĐÈN TRONG CUNG



nhưng nàng khước từ cho rằng cái thân bướm chán ong chường không còn xứng đáng để đãi người tri-kỷ. Và mặc dầu chàng ân cần viện ra nhiều lẽ nhưng nàng vẫn cương quyết xin « *Đem linh cầm sắt đổi ra cầm kỳ* » (1)

*Nghĩ mình chẳng hồ mình sao ?
Dám đem trần cấu dặt vào bố-kính !
Đã hay chàng nặng vì tình,
Trông hoa đèn chẳng thẹn mình lấm ru !*

Tóm lại Kim vân-Kiều là một tác-phẩm có giá-trị về nhiều phương-diện kể cả về phần văn chương, nghệ-thuật mà phạm vi sách này không tiện đề cập thêm. Nó đã góp phần nêu cao tinh thần đạo đức và luân lý Á-Đông.

Nó đi sâu tâm lý con người muôn thuở, nó vẽ rõ mọi trạng-thái như bản của cái xã-hội phong-kiến có đám quan lại bóc lột người dân đến xương tủy, làm tan nát một gia-đình để lấy 300 lạng vàng, cái xã-hội có Mã giám-Sinh, Tú-Bà, Sở-khanh Bạc-hà Bạc-hạnh đã đẻ ra nhiều nhà điểm... Rồi ở cái điểm chính trị đến cái điểm bằng xác-thịt của những bông hoa xấu số mới có con người Từ-Hải, nói là giặc cũng được, nói nhà cách-mạng cũng không phải là vô lý đã nổi lên chống chế-độ. Nhờ những tinh-tiết ly-kỷ, đặc biệt ấy mà *Kim vân-Kiều* đã thành một áng văn chương độc-đáo, bất tử đưa tác-giả của nó lên ngồi riêng một chiếu trong làng văn-hóa cận đại của Việt-Nam. Người ta còn tin rằng sách này có một giá-trị không tiền khoáng hậu, ít nhất ở Việt-Nam.

Nếu đem so sánh với nhiều áng văn chương quốc-tế thì chưa dễ có tác-phẩm nào sánh kịp.

Thế-kỷ XVIII được đánh dấu bằng vũ-công oanh-liệt năm Ất-Dậu của Nguyễn-Huệ thì thế-kỷ XIX đáng được gọi là thế-kỷ Nguyễn-Du.

Việc ngoại giao

Với Trung quốc.— Hồi quân đội của Gia-Long bước vào thành Thăng-Long Chúa Nguyễn đã cử Binh bộ Thượng-thư Lê

(1) Một vài bạn nghiên cứu nguyên-văn *Đoạn-trường tân thanh* nói rằng không có đoạn Thủy-Kiều tái hợp với Kim-Trọng, nghĩa là chuyện Kim vân-Kiều đến chỗ nàng Kiều tự vẫn ở sông Tiền-Đương là hết. Nguyễn-Du thêm đoạn tái hợp cho khỏi bị sai. Điều này có thể đúng, theo ý của chúng tôi.

quang-Định cầm đầu một sứ-bộ sang Trung-quốc nộp sắc phong và ti-ấn mà vua Thanh đã cấp cho Nguyễn quang-Toản vua Cảnh-Thịnh nhà Tây-Son) trong năm 1793 (1) Ngoài ra Gia-Long cho dân nạp cả một số quân cách-mạng người Tàu, một phần là đảng-viên của *Thiên địa Hội* là một đảng chinh-trị chống triều-đình Mãn-Thanh đã được vua Quang-Trung dùng trước đây để quấy phá miền duyên-hải của Trung-quốc (Quảng-đông, Phúc-kiến, Hàng châu v.v.). Ngoài việc cầu phong, Gia-Long còn xin đổi quốc hiệu Đại-Việt ra Nam-Việt lấy lẽ rằng dân ta là người Việt và từ lâu đời lập cơ-sở ở phương-Nam. Nhà Thanh cho rằng chữ Nam-Việt đã do Triệu-Đà xưa dùng làm quốc-hiệu nên đổi ra Việt-Nam, như vậy cũng không sai ý-nghĩa mong muốn của người Việt ta. Sứ-bộ Lê quang-Định chưa về tới nước thì Gia-Long lại cho một sứ-bộ thứ hai qua Tàu. Cuối năm 1802 Trịnh hoài-Đức được làm chánh-sứ đệ lên vua Thanh một tờ biểu xưng thần nạp cống lời lẽ rất khẩn-thiết. Tờ biểu này kể lẽ rằng ông tổ của Gia-Long là Nguyễn-Kim vốn là đại thần nhà Lê, đến Gia-Long là đời thứ chín vẫn khuông-phù dòng chính thống sau này liên tiếp bị các họ Mạc. Trịnh và gần đây là Tây-Son nổi lên cướp quyền. Gia-Long luôn trên hai chục năm luyện binh tập mã đi báo phục cho nhà Lê và nay đã hoàn thành sự nghiệp binh-định xin Thiên-triều hoàng-đế rủ lòng thương cho được kế tiếp chức vụ phiên-thần ở phương Nam vì dòng họ Lê đã tàn...

Năm Quý-hợi (1803) là năm đã sáng tỏ về chính-trị ở Việt Nam. Tuy Cảnh-Thịnh đã bị tiêu-diệt, Gia-Long đã làm chủ toàn cõi Việt-Nam mà triều Thanh vẫn còn lưỡng-lự. Sứ bộ của Gia-Long đã đến Bắc-kinh mà vẫn chưa được vua Gia-khánh quyết định bề nào. Nhà vua xuống chiếu cho Tổng đốc Lương Quảng đặt một đạo quân biên-giới để xem xét tình-hình Việt-Nam. Theo sử Pháp, trước đó Cảnh-Thịnh cũng đã gửi sứ-bộ đến Bắc-kinh xin nhà Thanh giúp đỡ để chống nhau với Nguyễn-Ánh, vua Gia-Khánh cũng làm thinh, tức là đối với đối bên, người Tàu bấy giờ chưa định được thái-độ, nhưng đến năm Gia-Long thứ ba mọi việc đã ngã ngũ, vua Gia-Khánh mới hạ lệnh cho Tổng

(1) Các thứ quốc-bảo này bắt được ở Huế do triều-đình Tây-Son quá vội vã trong việc rút lui nên bỏ lại.

đốc Lưỡng-Quảng cấp cho Gia-Long ấn (1) và sắc cùng ra đạo Dụ đổi tên cho nước Nam, cùng qui-định thê-lệ nạp cống hai năm một lần và tới kinh-đô triều-kính bốn năm một lần. Cống-phẩm (2) gồm có :

Ngà voi và quế mỗi thứ	100 cân
Sừng tê	2 cặp
Lụa vải, gỗ trầm, cau (không thấy ghi là bao nhiêu)	
Vàng	200 lạng
Bạc	1000 lạng

Sau đó giữa Tổng-đốc Lưỡng-Quảng và đại-diện của Gia-long có cuộc thảo - luận về nghi - thức của cuộc tấn-phong. Khi sứ Tàu sắp vào nội-địa Việt - Nam thì Gia - long đã truyền cho các quan tỉnh ở Lạng-sơn sửa soạn vàng bạc và các quý vật để biếu sứ-đoàn. Trong cuộc tiếp đón, cảm đầu là ba vị đại thần, 36 nhạc-công, 10 tên lính mang gươm, 2.500 binh-sĩ thường, 30 con voi đi theo. Từ Lạng-sơn về tới Thăng-long, người ta chia ra 8 chặng đường. Ở mỗi nơi có dựng một nhà trạm trần-thiết rất lộng-lẫy để sứ-bộ nghỉ ngơi. Nhà trạm nào cũng có quân đội canh phòng cẩn mật. Trâu, bò, dê, lợn, gạo, rượu dâng nạp rất đầy đủ để tiếp đãi.

Tại Hà-nội, một số văn võ quan, khác cùng nhạc-công binh-sĩ đứng đợi tại bên sông Nhị-hà. Chiếu đồ giải từ ngoài bến vào tới trong thành. Sứ đến, các quan ta lễ ba lễ và chín lần khấu đầu. Sứ bước vào khán-đài nghỉ chân rồi mới cùng các quan Việt-Nam lên ngựa vào thành. Đi trước sứ là một cái kiệu trong có đề ấn và sắc-chỉ và một số tặng-vật của Tàu. Gia-long đứng đón sứ ở ngoài cổng điện. Hai bên cùng làm lễ chào rồi sứ vào bằng cửa hữu, Gia-long vào bằng cửa tả, kiệu mang sắc đi vào cửa chính. Lễ tấn-phong làm tại nơi chính-diện. Tại đây khói trầm nghi ngút, cờ quạt bày hàng rất đẹp mắt. Sứ đứng ra đọc Sắc. Gia-long quỳ nghe. Lúc này sắc ấn đề trên một án-thư phủ lụa vàng,

(1) Cái ấn này bằng bạc mạ vàng, trên mặt nổi hình một con lạc đà tượng trưng cho sự lệ thuộc. Các vua Miến-Điện, Xiêm, Lào v.v... cũng đều được lĩnh các ấn này khi thụ phong.

(2) Các cống phẩm phải được người Tàu kiểm soát trước khi đem đi Bắc-kinh là thủ-đô của vua Thanh.

mỗi lần nhận sắc, ấn, và tặng phẩm, nhà vua nâng cao ngang đầu rồi lại đề lên bàn. Nghi lễ đến đây là xong. Năm sau (1804) Gia-long lại cử một sứ-bộ nữa qua Tàu cảm tạ vua Gia-Khánh đã cho mình hưởng thụ đầy đủ «*ơn vũ lộ*» rồi liền tiếp trong những năm 1809, 1813 — 1817-1819, Gia-long cử sứ-bộ qua Bắc-Kinh tỏ thêm lòng trung thuận. Mãi tới năm Bình-Dần (1806) Gia-Long mới chính thức xưng đế-hiệu ở điện Thái-hòa.

Ngoại giao với Cao-Miên và Ai-Lao — Vương quốc Cao-Miên từ hậu-bán thế-kỷ XVII luôn luôn có nhiều sự lũng-cũng trong hoàng-gia : anh em chú cháu tranh giành nhau ngôi thứ mà giết nhau nên đất Thủy Chân-lạp mất dần về người Việt, khi thì bị Tiêm-La lấn áp khiến dân chúng vô cùng deo-neo vì nội-biến, ngoại xâm. Năm Kỷ-mão (1699) vua Chân-lạp chống phau với quân chúa Nguyễn phúc-Chu. Tổng-suất Nguyễn hữu-Kinh sang đánh và chiếm được thành Nam-Vang. Sau Nặc ông-Thu chạy đi ít lâu rồi xin về hàng và xin triều-phục như trước. Trong khi Thu bại tầu, chúa Nguyễn cho lập hai con của Thu là Nặc ông-Nộn và Nặc ông-Yêm lên làm vua. Thế là Cao-miên một lúc có ba vua do thâm-ý của chúa Nguyễn muốn chia rẽ hoàng gia cho yếu đi. Được ít lâu Nặc ông-Nộn chết, Nặc ông-Thu cho con Nộn là Yêm làm quan và gả con gái cho. (*Cao-Miên* thuở ấy cũng có tục anh em chú cháu lấy lẫn nhau). Sau Thu già yếu truyền ngôi cho con là Nặc ông-Thâm. Năm Ất-Dậu (1705) Thâm nghi Yêm làm phản liền đem quân đánh. Thâm lại vời quân Tiêm-La sang giúp mình. Yêm cố thế chạy sang cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa cho Cai-cơ là Nguyễn cửu-Vân sang đánh Thâm. Vân phá được quân Tiêm đem Yêm về thành La-Bích, tuy vậy Thâm vẫn thỉnh thoảng đem quân Tiêm về phá Yêm. Năm Giáp-Ngọ (1714) thành La-Bích bị vây khốn lại nhờ Gia-định can thiệp. Đô-đốc Trần thượng-Xuyên và Phó tướng Nguyễn cửu-Phủ đem quân sang phong-tỏa thành La-Bích lúc này đã mất về Thu và Thâm. Bọn này lại chạy trốn qua Tiêm-La. Yêm lại trở về làm vua. Năm Bình-thìn (1736) Yêm chết, Năm Mậu-thìn (1747) Thâm lại về đánh Tha. Được ít lâu Thâm chết, con là Nặc-Đôn, Nặc-Hiên, Nặc-Yêm tranh nhau. Quân Gia-định can-thiệp và đem được Tha về nước.

Tha về nước được mấy tháng thì lại bị con thứ hai của Thâm là Nặc-Nguyên đem quân Tiêm sang đuổi. Tha chạy sang Gia-định rồi chết ở đó.

Nặc-Nguyên về làm vua Chân-lạp và thông-sứ với họ Trịnh ở ngoài Bắc tính chuyện hợp nhau đánh Nguyễn. Năm Ất-Hợi (1755) chúa Nguyễn cho Nguyễn cư - Trinh xuất binh. Nguyễn thua chạy sang Hà-tiên, nương nhờ Mạc thiên-Tứ. Nguyễn xin dâng hai phủ Tầm-bôn và Lôi-lạp để chuộc tội và xin về nước. Chúa Nguyễn cũng thuận và theo đề-nghị của Nguyễn cư-Trinh. Việt-Nam từ đó áp-dụng chính-sách « *tâm thực* » (1)

Năm Đinh-sửu (1759) Nặc-Nguyên mất, chú họ là Nặc-Nhuận lên làm giám-quốc xin thụ-phong với chúa Nguyễn chưa kịp thì bị con rề là Nặc-Hình giết và cướp ngôi. Tổng suất Nguyễn phúc-Du thừa dịp này mang quân sang đánh. Hình thua bị bộ-bạ phản giết chết. Con Nặc-Nhuận là Nặc-Tôn nhờ Mạc-thiên-Tứ dâng thư xin làm vua Chân-lạp. Nặc-Tôn được Chúa chấp-thuận nên dâng đất Tầm-phong-Long tạ ơn Chúa cho Nguyễn-cư-Trinh và Trương-phúc-Du đem dinh Long-hồ về xứ Tầm-bào (tỉnh-ly Vĩnh-long ngày nay) đặt ra ba đạo : Đông khẩu-đạo ở Sa-đéc, Tân Châu-đạo ở Tiền-giang và Châu-đốc-đạo ở Hậu-giang.

Nặc-Tôn lại dâng 5 phủ Hương-Úc, Cần-bột, Trục-sâm, Sài-mạt và Linh-Quỳnh để tạ ơn Mạc thiên-Tứ. Tứ dâng lại các phủ này cho Chúa ; Chúa cho sáp-nhập vào Hà-tiên, thế là trọn đất Thủy Chân-lạp về tay người Việt để trở nên lục-tỉnh Nam-kỳ bây giờ.

Sau này Nặc-Tôn bị anh em hiếp-chế phải phân quyền làm ba : Nặc-ông - Vinh làm đệ-nhất quốc-vương, Nặc-ông Tôn đệ-nhi quốc-vương và Nặc-ông-Thâm (?) làm đệ-tam quốc-vương. Được ít lâu Vinh giết được hai người kia để độc-quyền chúa-tể nước thổ Chân-lạp. Chúa Nguyễn liền mượn cớ này cho Đô-thành-Nhân sang đánh Vinh và lập con Ông-Tôn là Ông-Ấn lên làm vua. Bấy giờ Ấn mới có 8 tuổi. Từ đấy Chúa Nguyễn đặt chế-độ bảo-hộ trên đất Chân-lạp. Tướng Hồ-văn-Lân được sang giữ nhiệm-vụ này. Sau Chúa Nguyễn bị Tây-Sơn đánh bật ra khỏi Gia-định thì Chân-lạp lại thuộc quyền bảo-hộ của Tiêm-La. Năm Bính-thìn (1796) Nặc ông-Ấn mất, con là Nặc ông-Chân vẫn thần-phục Tiêm-La nhưng đến

(1) *Tâm thực* là chính sách thôn tính dần như tâm ăn lá dâu.

năm Đinh-mão (1807) Ông-Chân bỏ Tiêm-La và thần-phục vua Việt-Nam (1) ba năm một lần nộp cống-phẩm như sau :

Voi đực cao 5 thước	2	con
Sừng tê-giác	1	đôi
Ngà voi	1	đôi
Hột sa-nhân	50	cân
Đậu khấu	50	cân
Hoàng lap	50	cân
Cánh-kiến	50	cân
Sơn đen	20	lọ

Năm 1808 một sứ-bộ Cao-Mên qua Việt-Nam để cảm tạ vua Gia-Long sau việc tấn phong cho quốc vương rồi liền ba năm 1810-1811-1812 Cao-Mên liền tiếp giao dịch với Việt-Nam. Nhưng hoàng-gia Mên hay lặc đực, mỗi khi không được Việt-Nam giúp đỡ thì lại quay sang liên-lạc với Tiêm-La. Năm 1812 vua Tiêm-La là Phra-Phuti Lot-La, con trưởng của vua Phra-Phuti-Chao-Luang đem quân giúp Nặc ông-Nguyên Nặc ông-Lem, Nặc ông-Đôn là ba em của Ông-Chân đòi chia nước để cùng làm vua.

Ông-Chân không chịu nhưng thế yếu phải bỏ chạy. Tổng trấn Gia-định thành bấy giờ là Nguyễn văn-Nhân liền đưa Ông-Chân về Sài-gòn trong lúc quân Tiêm vào chiếm La-Bích và các kho tiền bạc, thóc lúa, quân-nhu. Biết rằng triều-đình Việt-Nam khó chịu về sự can thiệp của mình vào chính-tình của Mên, Tiêm liền cử người mang quốc-thư sang biện-bạch thái-độ Tiêm nói rằng quân của mình vào đất Mên chỉ có mục-đích hòa giải cho anh em Quốc-vương Mên mà thôi. Nhưng khi quân đội Tiêm vào nội-địa Mên thì vua Ông-Chân đã rời khỏi thủ-đô, nay Tiêm chỉ mong Ông-Chân trở về để trao lại kinh-thành và mọi thứ. Vua Gia-Long giả tin lời của Tiêm, bề khác phái Lê văn-Duyệt mang 10.000 quân hộ-vệ Ông-Chân về nước. Quân Tiêm trước đó tính lưu lại ở Battambang đành chịu rút khỏi. Thấy người Việt mạnh và quân Tiêm bất lực, bọn Nặc ông-Nguyên thất vọng bỏ qua Tiêm rồi chết ở đấy vào năm 1822. Bốn năm sau xác của Nặc ông-Nguyên được hỏa-thiêu và đem về chôn cất ở (-) nước nhà...

(1) Theo lịch-sử Cao-Mên (Moura, 99-100) cùng năm Đinh-Mão. Ang-chân thụ phong cả với triều-đình Tiêm-La. Phải chăng lối bắt cả hai tay này là một điều khổ tâm của kẻ yếu ?

(2) Sử không chép Nặc ông-Lem và ông-Đôn chung cuộc ra sao.

Thu xếp xong công việc cho Ông-Chân, Lê văn-Duyệt sửa sang thành lũy và để 1000 quân ở lại bảo-hộ vua Mên do tướng Nguyễn văn-Thụy chỉ-huy. Từ đó ảnh-hưởng của chánh quyền Việt-Nam lại bao trùm khắp xứ chùa Tháp. Năm 1813 Ông Chân cho sứ sang cảm ơn vua Gia-Long đã cứu giúp mình khỏi sự khó khăn (1); năm 1814 Cao-Mên sang phúng viếng trong dịp vợ của Gia-Long qua đời ; năm 1815, 1818, Cao-Mên sang nộp cống phẩm ; năm 1816 trong dịp nhà vua chỉ-định hoàng tử kế-nghiệp, Mên sai sứ sang mừng và gửi cả quý-vật tặng hoàng-tử.

Còn việc bang-giao giữa Tiêm-La và Việt-Nam từ khi vua Gia-Long lên cầm quyền cũng được tốt đẹp. Ngay sau ngày chiến thắng, nhà vua cho sứ qua Vọng-Các báo tin. Vua Tiêm cũng cho người ra tận Thăng-Long để chúc mừng. Năm 1804 vua Tiêm mất. Việt-Nam cũng cử một phái-bộ sang chia buồn. Rồi suốt thời Gia-Long trị vì có tới mười sáu sứ-bộ của dôi bên qua lại tặng nhau nhiều quý vật như : vàng, bạc, lụa, gỗ, trầm, quế, đường, vải nội hóa và vải Tây-phương, sáp ong v.v... Vua Gia-Long cũng rất rộng-rãi với các sứ-giã Tiêm-la qua sự ban phát áo châu, bạc nén các thực-phẩm đắt tiền. Xét ra hai nước đối với nhau có tinh-cách bình-đẳng, hòa-nhĩ tuy bên nào cũng muốn giành-giật xứ Mên để làm thuộc-quốc. Khi vua Tiêm mất, triều-đình Tiêm muốn vua Mên sang dự lễ an táng. Gia-Long nghĩ ý không tán thành với sứ-thần Tiêm, đồng thời nhà vua viết thư cho Ông-Chân bảo chỉ cử một sứ-đoàn sang phúng vua Tiêm là đủ.

Về vấn đề Ai-Lao, Tiêm-La và Việt-Nam cũng găm ghề với nhau. Ai-Lao có liên lạc với Gia-Long kể từ thời còn Tây-Sơn. Trong các trận « giặc mùa » quân Ai-Lao đều có tham chiến trong hàng ngũ của Gia-Long khi đó còn là Chúa Ánh. Năm 1798 sau

(1) Theo Marcel Gauthier tác giả cuốn *Gia-Long* trang 211, triều-đình Việt-Nam vào năm 1813 đã mở một cuộc thương-thuyết với Vọng-Các, sau đó người Tiêm chịu từ nay không can thiệp vào việc của Cao-Mên nữa và để Cao-Mên phụ-thuộc vào chánh-quyền Việt-Nam. Cuộc đàm-phán đã gặp nhiều sự khó khăn và sứ-bộ Việt-Nam đã phải dùng đến những lời đe dọa mới mang lại kết-quả, nhưng vẫn không giải quyết được triệt-đề sự lấn dất của Tiêm-La và Cao-Mên phải chịu sáp-nhập hai tỉnh Siem-Reap và Battam-bang vào lãnh-thò Tiêm cho êm. Nhưng hai tỉnh này được trở lại với vương quốc Mên vào thời Pháp-thuộc sau này, tức là vào cuối thế-kỷ XIX.

khi chiếm được thành Bình-định, Nguyễn-Ánh cho Nguyễn văn Thụy sang Vạn-tượng bàn việc đánh Tây-Sơn và năm 1799, quân Ai-Lao phụ-trách việc ngăn chặn quân Tây-Sơn ở Nghệ-an. Năm 1800, Liên-quân Lào-Nguyễn chiếm được nhiều căn-cứ của Tây-Sơn ở Nghệ-an và năm sau Ai-Lao sang mừng nhà vua thắng Tây-Sơn. Năm 1803 vua Ai-Lao mất, hoàng-tử lên ngôi do vua Tiêm chỉ-định cũng cho sứ sang bầm mệnh với Gia-Long và việc tiến cống tiếp tục không dứt, cứ ba năm một kỳ vào tháng chạp. Và việc triều-kinh thì định vào ngày mồng một đầu năm (Tết nguyên-đán).

Cống-phẩm của Ai-Lao gồm có : ngựa voi, sừng tê, quế. Năm 1808 Gia-Long không nhận được đồ cống của Ai-Lao phải cho người qua dục. Ngoài ra nhà vua có ý bất bình về vụ một bộ-lạc ở Trấn-Ninh đã sang trú-ngụ trên đất Việt-Nam từ 1804 nay muốn trở về xứ cũ.

Vua Ai-Lao được tin này vội gửi ngay đồ-cống và bắt bộ-lạc người Thái của mình đầu lại về đây đề khỏi mất lòng vua Gia-Long. Từ đây việc giao hảo trở nên êm thấm hơn bao giờ hết. Ngoài ra lại có các rợ ở Cam-lô (Cao-nguyên Nghệ-an), các sắc dân Mọi Thủy-xá, Hỏa-xá cũng thường dâng các quý-vật và đến triều kinh sau nhiều năm không có liên-lạc gì với chánh quyền Việt-Nam. Như vậy ta có thể tin rằng vào thời Gia-Long, Việt-Nam có nhiều uy tín khiến các lân quốc phải kiêng nể và qui phụ.

Giao - thiệp với Tây phương

Đối với người Pháp : Sau khi Giám-mục Bá đa-Lộc mất (ngày 9-10-1899) bên cạnh Gia-Long chỉ còn vài người Pháp. Olivier chết trước Giám-mục vào tháng ba dương-lịch, Lebrun, Dayot, Magon de Médine, Girard de l'Isle Sellé, Guillon, Guilloux và nhiều người khác đã bỏ dần về nước. Sau năm 1802, tại triều Gia-Long chỉ còn có Philippe Vannier, Jean-Baptiste Chaigneau, de Forsans và y-sĩ Despiau. Trừ Despiau, các người trên đều được phong chức Chưởng-cơ là chức võ quan cao cấp hàm nhị-phẩm theo hệ-thống quân giai (ước hầu hay quận công). Nhà vua miễn cho họ phải lạy (1) như các quan người Việt khi vào chầu và cấp cho mỗi 50 tên lính hầu riêng.

(1) Quan vào chầu phải lạy 5 lần và khấu đầu 3 lần.

Còn lại với Gia-Long lâu dài hơn cả là Chaigneau và Vannier. Những người khác từng đóng vai quan-trọng trước đây như Barisy thì không chịu được khí-hậu đã chết vào năm 1802; Dayot tinh tinh ương ngạnh bị Gia-Long ghét, lại thêm có liên lạc khả nghi với người Anh, chết vào năm 1809 trong một vụ đắm tàu khi ông ta đi Manille cùng với gia đình trở về Việt-Nam. De Forsans hai năm sau cũng qua đời. Lúc sống ông ta bất hòa với các giáo-sĩ và các quan trong triều. Mọi người bỏ rơi ông ta nên có thể nói, ông ta buồn mà chết. Còn những người đã từ-biệt Gia-Long từ trước, vào dịp Giám mục Bá-đa-Lộc tạ thế, kẻ thì về quê nhà, kẻ thì qua làm cho các tàu Hòa-lan đi nhiều nơi khắp thế-giới theo đuổi những ảo-ảnh mà họ không bao giờ họ bắt được. Đó là lời của M. Gaultier, tác giả cuốn lịch sử nói về vua Gia-Long và Minh-Mạng.

Tóm lại, trong đám người Pháp còn ở lại với Gia-Long sau ngày chiến thắng chỉ có Chaigneau và Vannier là được trở về cố-hương, nhưng họ rất uất-lận vì nhà vua đã không có nhiều cảm-tình với Thiên-chúa-giáo và không chịu thân thiện với nước Pháp. Riêng cá-nhân của họ thì không có gì đáng phàn nàn về nhà vua. Barisy chết vào năm 1802.

Tháng 9 năm 1817 chiếc thương-thuyền *La Paix* của Pháp ghé vào Cửa Hàn do Đại-úy David Chevelaure điều-khiển và thuyền trưởng là Borel. Vua Gia-Long được tin liền cho quan sở-tại giúp ngay phương-tiện cho các người Pháp lên Huế đề gặp Chaigneau và các người đồng-hương, sau đó Chaigneau vận động với nhà vua cho người Pháp mọi sự dễ dàng đề vào buôn bán với Việt-Nam.

Theo *Việt-Nam sử-lược*, trang 421, tàu *La Paix* không bán hàng được cho Việt-Nam vì hàng-hóa không hợp với nhu-cầu của dân chúng lại phải chở đi nơi khác nhưng được nhà vua miễn thuế nhập khẩu. Qua tháng chạp năm ấy, lại có chiếc tàu binh « *Cybèle* » của Pháp cập bến Đà-nẵng. Bá-tước de Kergariou là thuyền trưởng ngờ ý muốn vào yết-kiến Gia-Long đề chuyển lời Pháp-hoàng Louis XVIII xin thi-hành với nước Nam bản hiệp ước ký năm 1787 giữa Bá đa-Lộc là người đại diện của triều-đình Việt-Nam khi đó và Montmorin là bộ-trưởng ngoại-giao vua Louis XVI. Theo hiệp-ước này nước Nam nhận nhượng cửa Đà-nẵng và đảo Côn-lôn cho Pháp và cho Pháp

độc quyền thương mại trên đất Việt-Nam. Vua Thê-lô cho quan trả lời rằng Hiệp-uớc (Versailles) 1787 không được nước Pháp thi hành thì nay coi như bỏ. Hai năm sau, tàu buôn « *Larose* », « *Le Henri* » cũng vào cửa Đà-nẵng. Lần này người Pháp bán được hàng vì đã có danh sách do Vannier trao cho họ trước. Tiền bạc giữa đôi bên được sông phẳng, tàu Pháp lại mua về được một số hàng của Việt-Nam là chè, đường, bạc nén, lụa mộc. Nhân dịp này Chaigneau xin vua Gia-Long cho nghỉ phép ba năm để về thăm nước nhà. Gia-Long chấp thuận, Chaigneau liền đưa vợ con xuống tàu « *Le Henri* » ... nhưng sự thực theo chúng tôi, việc này còn nhiều uẩn-khúc như sau :

Việt sử tân biên quyển III đã nói rõ manh tâm của nước Pháp đối với nước Nam từ thời Trịnh-Nguyễn phân tranh là muốn chiếm nước ta làm thị-trường và thuộc-địa nhưng vì nội-tình nước Pháp thuở ấy lúng-túng nên các đề-nghị của các nhà thực dân đã bị bỏ rơi. Sau đó hiệp-uớc Versailles cũng chung một số phận. Nhưng đến khi vua Louis Philippe XVIII lên ngôi, nước Pháp không còn mắc chiến tranh ở Âu-Châu nữa, vấn đề Việt-Nam lại được mang ra bàn trở lại. Nhưng sự việc chúng tôi kê dưới đây rất cần đề rọi ánh-sáng vào cuộc bang giao giữa Pháp và ta trên đây ngót ba thế-kỷ và cho ta hiểu tại sao Gia-Long không khứng chịu đi sâu vào cuộc giao thiệp với Tây-phương.

Quả vậy, Gia-Long rất có lý và . . rất thấu-triệt dã-tâm đế-quốc của người Tây-phương.

Sau thời Cách-mạng (1789) mười năm, việc Nam-hà được thảo-luận tại Ba-Lê. Đại úy Larcher đệ-trình lên phủ Đốc-chính một kế-hoạch thiết-lập căn-cứ Pháp ở Đông-Dương (*Indo-chine*). Kế-hoạch này cũng được người Anh P. Chaumont nghiên-cứu tại Luân-Đôn. Larcher nhắc đến sự-đoàn Bá-đa-Lộc, sự-do-dự của triều-đình Louis XVI đã làm nước Pháp lỡ mất một cơ hội thuận tiện bành trướng khu-vực thuộc-địa hoặc ít ra trong cơ-hội đó người Pháp sẽ được nhiều sự dễ dàng hơn với Nguyễn-Anh. Larcher đề-nghị dựa vào thế-lực của Tây-ban-Nha khi ấy là đồng-minh của Pháp để chiếm thắng Côn-đảo và cửa Hàn sau khi đã chặn được lối của người Anh vào biển Trung-quốc (mer de Chine). Lúc này Anh - Pháp xung đột với nhau kịch-liệt. Pháp tích mang đại-đội hùng-binh qua Ấn-Độ

phá Anh tại khu-vực này mà Anh đang phát-triển đế-quốc. Nhân-dịp, Pháp sẽ viện-trợ cho dân Ai-nhĩ-Lan nổi lên chống Anh. Pháp hoạt-động ở Đông-Dương cũng là tính nắm lấy một căn-cứ cho một cuộc viễn-chinh thứ hai để cầm chân hạm-đội Anh tại vịnh Mạnh-gia-Hạp (*Golfe de Bengale*). Kế-hoạch này được thấy trong ký-ức-lục *St^e Hélène* của hoàng-đế Nã-phá-Luân dự-trù một đạo quân 60.000 người, 5.000 lạc-dã và 10.000 con ngựa với lương-thực đủ dùng cho hai tháng và nước uống đủ cho 6 ngày. Đạo-quân này sẽ mất 40 ngày để đến Euphrate và bốn tháng sẽ tới Ấn-Độ. Pháp tin rằng dân chúng bản-địa sẽ rất thiết-tha nổi lên chống quân thống-trị Anh... »

Rồi người Pháp đã thất-bại tuy oanh-liệt ở Ai-Cập và thủy-quân Pháp bị hủy-diệt ở quần-cảng Aboukir nên ký-ức-lục của Larcher bị xếp xó từ đó.

Năm năm sau qua, nguyên Toàn-quyền Pondichéry là Charpentier de Cossigny trước đây đã nhiệt-liệt ủng-hộ Bá đa-Lộc khuyên Portalis mở cuộc giao-hảo với vua Gia-Long. đành rằng Gia-Long bấy giờ không còn phải nhờ vả nước Pháp nữa. Nhưng thâm ý của de Cossigny vẫn là xin chánh quyền Pháp tìm cách đặt lại ảnh-hưởng Pháp đã mất sau khi Bá đa-Lộc tạ thế. Cossigny tuy đã già mà vẫn xung phong tình nguyện đi đóng vai thuyết-khách nhưng rồi Âu-châu lại xảy ra nhiều cuộc xói nổi về chính-trị, Bonaparte lại đình chỉ vụ này cho tới năm 1813, Nã-phá-Luân mới ủy Quốc vụ-Khanh Hauterive sưu-tầm các tài-liệu về vấn-đề Nam-hà nhưng viên Giám-đốc văn khố quốc gia chỉ có thể đưa ra những tin tức lờ mờ mà thôi. Sau Hoàng đế Nã phá-Luân phải cho kiểm tài-liệu ở bên văn-khố của Bộ hải-quân mới thấy một số thư-từ giữa nguyên toàn quyền Pháp ở Ấn-Độ là de Gonway và Bộ trưởng Luzerne. Việc chưa tiến hành thì Đế - chế đổ.

Năm 1816 chánh phủ của vua Louis XVIII lại khích-lệ các việc xuất-dương đã bị tê-liệt từ lâu do các cuộc chiến-tranh với người Anh. Công-trước de Richelieu thúc dẩy việc trang-bị tàu buôn, miễn hẳn thuế thương-chính cho các hàng nhập-cảng trọng-thương các tàu buôn mỗi khi trở về nước. Do đó mà từ năm 1816 công-ty hàng-hải Pháp mới hạ thủy hai chiếc tàu buôn. Các tàu này được lĩnh nhiệm-vụ giao thiệp với chính quyền Việt-Nam và một chiến-hạm của Hoàng-đế Pháp là « *La*

Cybele » đi theo sau do bá-tước Kergariou điều khiển như trên đã nói. Việc cử tàu « *La Cybele* » qua Viễn-dông để bảo-vệ việc thương mại của Pháp có phần vội vã nên Công-tước de Richelieu không kịp làm quốc-thư đề giới-thiệu, Triều-dinh Huế mượn cớ này nói không biết tiếp bá-tước Kergariou theo thể thức nào vì chỉ có thể coi Kergariou như là một tư-nhân mà thôi.

Việc xảy ra như trên cho thấy thái-độ của nhà vua, của các quan và của Thái-tử (Đảm sau là vua Minh-Mạng) đã làm cho Chaigneau và Vannier phải ngao ngán. Ông Vannier viết thư cho Ông Baroudel ở Pháp đề than phiền và kết, luận rằng ông ta và Chaigneau thất vọng quá rồi, sẽ rời khỏi Việt-Nam chẳng xa. Ông ta còn nói : Thái-tử Đảm đã từng nghĩ ý sẽ sát phạt Công-giáo và nếu chưa ra tay chỉ vì còn kiêng nể hai ông mà thôi. Ông ta tin chắc nếu Gia-long qua đời thì dầu các ông có muốn ở lại cũng không xong. Xem lời thư, ta thấy Vannier chỉ bực mình với thái-tử Đảm về mặt chính-trị mà thôi, còn về sự đối xử thì thái-tử vẫn nhã nhặn, lịch-sự. Nhưng Vannier cũng thông-cảm rằng Gia-long không muốn có sự thân-thiện với một nước Tây-phương nào. Tuy vậy de Richelieu vẫn còn cố gắng trong việc thiết lập một căn-cứ Pháp ở Nam-hà nên đã viết cho Chaigneau một bức thư đòi ông này nỗ-lực xây dựng cho xong cuộc bang-giao Việt-Pháp. De Richelieu lại tặng cho Chaigneau một Bắc-đầu bội-tình hầu khuyến-khích ông ta. Kết-quả vẫn là sự thất bại khiến Chaigneau không còn mặt mũi nào ở lại Việt-Nam nữa. Ông ta đáp tàu *Henri* vào tháng 11-1819 sau khi xin Gia-long cho nghỉ ba năm để về thăm cố hương. Bằng những lời dăm dè, Gia-long mong Chaigneau sớm trở lại. Xét ra ông ta ở đất Việt tới 20 năm. Ở bến Bordeaux lên được vài ngày thì Bộ trưởng hải-quân là bá-tước Portal mời đến nói chuyện. Chaigneau cho biết mọi vấn đề ở Việt-Nam (chính-trị, văn-hóa, kinh tế, quân-sự v.v.,) và cũng không quên nhắc cả thái-độ của Thái-tử Đảm đối với người Âu-Châu nói chung, với người Pháp nói riêng. Ông cũng nhấn-mạnh tình-trạng đáng buồn của các giáo-sĩ và việc phát-triển đạo Thiên-Chúa đang giạt lùi mặc dầu lúc này còn có mặt của Gia-Long. Portal thất vọng, nhưng các nhà buôn Pháp cứ nài-nỉ nên ông phải vận-động hoàng-đế Pháp chính-thức gửi sứ-thần sang Việt-Nam. Dĩ-nhiên đại-diện cho Pháp lúc này không ai tốt hơn là

Chaigneau. Chẳng dừng được ông này phải lãnh chức Lãnh-sự kiêm chức Đặc-ủy Pháp và xuống tàu vào năm 1821 đem theo một số tặng-phẩm của hoàng-đế Pháp trong đó có một cuốn Tự-điền khoa-học và mỹ-nghệ Tây-phương. Tháng 6 năm ấy Chaigneau tới Huế. Vua Gia-Long đã mất từ năm trước. Quốc-thư và tặng-phẩm đã đệ lên vua Minh-Mạng vào ngày 2-2-1820. (Xin coi kết-quả của cuộc ngoại-giao này vào trang sau, chương nói về vua Minh-Mạng).

Từ lâu năm, các quốc-gia Tây-phương vì chiến tranh liên miên nên không mở cuộc giao thương với Việt-Nam, duy nước Anh có nhiều tàu buôn thường xông-xáo khắp mọi cửa biển từ Âu qua Á. Một số tàu Anh đã cập bến Đà-nẵng. Vào năm 1778, một thương-gia Anh là Chapman đại-diện công-ty Đông-Ấn đã đồ bộ tại cửa Hàn. Lúc này miền Trung đang ở dưới quyền nhà Tây-Son. Chapman để tàu ở ngoài bến rồi đi đường bộ lên Huế nhưng sau ít ngày ông ta thấy chính-quyền ở đây lạnh-nhạt nên phải ra về. Một số chiến thuyền Việt-Nam bao vây thương-thuyền của ông ta nên ông ta phải cho nổ đại-bác mới ra được ngoài khơi. Việc ngoại-giao của Chapman thử đó thất-bại, có lẽ vì triều-đình Tây-Son không phân biệt thế nào là người Anh, người Pháp. Có thể rằng Chapman bị hiểu nhầm là người Pháp mà Phú-xuân vốn không ưa bởi thấy Pháp đã bắt đầu có liên-lạc với chúa Nguyễn-Ánh. Mười bốn năm sau (1792-1794) Lord (1) Macartney ngừng thuyền ở Đà-nẵng, suýt cũng bị lầm tưởng là người Pháp. Nhưng Macartney đã kịp biện-bạch về tông-tích và mục-dịch của mình nên được đối-đãi tử-tế. Ông ta bán được một số quân-nhu, khí-giới cho nhà Tây-Son. Vào năm 1804, Anh quốc cũng cho người vào Việt-Nam, bấy giờ đã thuộc về họ Nguyễn. Nhưng vua Gia-Long đã khước từ việc ngoại-giao này, rồi tới năm 1808 bị phong-tỏa ở lục-địa, Anh còn gặng đến Việt-Nam để mở một thị-trường tiêu thụ cho các sản-phẩm của mình. Một hạm đội gồm 10 chiếc tàu lớn của Anh đã vào bờ biển Việt-Nam nhưng chỉ có 3 chiếc lên tới bến sông Nhị. Chánh-quyền địa-phương tưởng rằng các tàu này của Tây-phương có gian-ý nên đã cho phục-kích một số chiến thuyền của mình ở các lạch gần đấy rồi nhờ đêm tối đến phóng hỏa

(1) Lord là một tước mà Hoàng-gia Anh phong cho các phân-vật trong quý-tộc.

các tàu của Anh. Hình như tàu Anh không bị hư-hao gì đáng kể, nhưng vì việc đã xảy ra như vậy nên người Anh bỏ ra đi. (1)

2) *Với nước Anh.*— Theo *Việt-Nam sử lược*, vào năm Quý-Hợi (1803), Anh đến xin thông-thương với triều-đình Gia-Long sớm sửa hơn các nước khác. (Quý-Hợi 1803). Sứ-thần của Hoàng-gia Anh là Robert mang phươg-vật vào dâng vua Gia-Long và xin đặt thương-diểm ở Trà-Sơn thuộc tỉnh Quảng-nam. Vua Thế-Tổ khước từ cả tặng-phẩm lẫn quốc-thư mà người Anh đệ lên mấy lần sau nữa. Điều này tỏ rằng nhà vua có một thái-độ tuyệt-đối bất cộng-tác với Tây-phương rất rõ-rệt. Có lẽ Gia-Long nghĩ rằng chỉ cần đóng cửa không cho người Tây-phương vào là đủ, với thương-nhân cũng như với giáo-sĩ và muốn giữ nước chỉ cần phương-pháp đơn-giản như thế mà thôi.

Từ thế-kỷ XVI qua thế-kỷ XIX, phong-trào thi đua chiếm thị-trường, cướp đất-đai của Liệt-cường Tây-phương sôi nổi khắp các đại-dương và ở các tân, cựu lục-địa, gần ta nhất là Ấn-Độ, Mã-Lai, Nam-Dương từ đời các tiên chúa Trịnh-Nguyễn. Điều này ai mà không biết? Các nước Á-Châu trên đây cũng đã từng áp-dụng chánh-sách *bế-quan hỏa-cảng*, rút-cục vô hiệu. Người Anh, Pháp vẫn đặt được gót giày trên đất Nhật và Miến-Điện mặc dầu Ấn lúc đó ít nhất đã có tới trên dưới 200 triệu dân. Đất Batavia, Java, Phi-luật-Tân, Macao v.v... cũng có cờ Bồ-đào-Nha, Tây-ban-Nha, Hòa-Lan phấp-phới bay. Các cộng-tác-viên người Pháp như Ba-đa-Lộc, Dayot, Chaigneau, Vannier thường xuất-ngoại để đi lại mua bán vũ-khí, giao-dịch thương-mại về các thổ-sản trong nước đã từng cho Gia-Long thấy những biến-chuyển bấy giờ đang dồn-dập bên ngoài Thế-giới. Riêng về phần Gia-Long, ông vua rất thông-minh này cũng đủ tự mình khám-phá ra những chủ-trương thực-dân, đế-quốc của người Tây-phương, nhưng nhà vua và triều-thần, ngay cả những kẻ kế-nghiệp sau này, vẫn không hoạch-định nổi một đường-lối ngoại-giao thích-hợp với tình-thế. Thuật phủ quốc, cường binh đã thua kém người, ngoại-giao lại có tình-cách tiêu-cực thì làm sao đối-phó nổi với sự nghiêm-trọng của thời-cuộc?

(1) Theo tài-liệu của Derivs : *Histoire des relations de la Chine avec l'An nam*,

Những vụ án công thần dưới đời Gia - Long

Độc lịch-sử tranh-đấu giữa nhà Nguyễn Tây - Sơn và Chúa Nguyễn, còn ai không biết Gia-Long đã có những hồ-tướng như Lê văn - Duyệt, Lê - Chất, Nguyễn văn - Thành, Đặng trần-Thường v. v... ? Những đại-tướng này đã bao phen vào sinh ra tử để giúp Gia-Long làm nên sự-nghiệp.

Cái thân bách-chiến của họ tiếc thay đã chẳng bị bỏ trên mình ngựa, giữa rừng tên núi đạn mà lại chết trong chốn ngục hình hay nằm dưới ba thước đất đen mà còn phải chịu nạn xiềng-xích kèm theo cái tội bất-trung phản-quốc nữa.

Sự thực họ có làm việc phản nghịch chăng ?

Những nhà viết sử chưa ai từng tìm ra được chứng-cớ cụ-thể và thực-tế khả-dĩ buộc được họ vào các tội trên đây như tổ-chức binh đội, dấy quân khởi-loạn, giao-thông với ngoại-quốc v.v... Đại-khai Lê văn-Duyệt xây thành Phiên-An hết sức kiên-cố, đó chỉ là việc của một viên Tổng-trấn để đề-phòng loạn-ly hay các cuộc xâm-lăng từng có do nước Tiêm-La đưa lại trong thế-kỷ XVIII và XIX.

Việc tiếp sứ Miến-Điện đến thành Phiên-An cho tới khi triều-đình khước từ việc ngoại-giao với Miến-Điện không hề gây ra một hậu-quả gì tai-hại cũng chẳng rõ-rệt là Duyệt giữ phi-quản thông (*âm-mưu với giặc*).

Rồi Duyệt chết, nghĩa là từ lúc sống cho đến lúc hai tay buông xuôi, Ông không hề có hành-động nào phạm đến quyền lợi của vương-triều hết.

Các bạn đồng-diệu của Duyệt cũng vậy. Tự trung, có chăng họ đã phạm vào cái lỗi ỷ công cậy quyền, đó là cái bệnh chung hay cái tâm-lý chung của những ông tướng khai-quốc và trọng-thần trong những giờ phút say-sưa danh-vọng, và đã được quá đề-cao về thành-tích.

Muru cao chí cả, vua chúa dễ nghi-ngờ, danh-vọng lẫy-lừng đồng liêu ghen-ghét, huống-hở chính các công-thần lại cũng ghen-ghét xâu-xé lẫn nhau thì trách gì cái họa « *điều tận cung tàn* » (chim hết, cung vứt bỏ) của các ông hoàng-đế ! Người tạ

nhớ việc vua Hán Cao - tổ đối với Hàn-Tin thì cũng không quên chuyện Việt-Vương Câu-Tiến đối với Văn-Chung. Cái nghiệp-chương ấy các danh-tướng, lương-thần xưa nay ít người tránh khỏi và mấy ai đã được hưởng điều « bát nghị » của luật pháp đời xưa ? (Xưa hễ ai được kê vào hạng bát-ng nghị : Nghị - thân, nghị - cổ, nghị - hiền, nghị - năng, nghị - công, nghị - quý, nghị - cần, nghị - tân thường được nhà vua cho hưởng trường-hợp giảm-khinh).

Án Nguyễn văn-Thành : Ông cha Nguyễn văn-Thành nguyên-quân ở Thừa-thiên nhưng đã vào Gia-định tới hai ba đời. Nguyễn văn-Thành theo vua Gia - Long từ lúc khởi-chiến với Tây-Son. Ông có học-thức lại lập được nhiều công lớn, sau được đứng đầu hàng công-thần. Ông là vị Tổng-trấn Bắc-hà đầu tiên, sau về kinh giữ chức Trung-quân, rồi được cử làm Tổng-tài lo việc soạn luật và quốc-sử.

Tai-nạn của ông do bài thơ ngông cuồng của người con tên là Nguyễn - Thuyền đậu cử-nhân hay kết-giao với các văn-nhân trong nước. Thuyền nghe Thanh-Hóa có Nguyễn văn-Khuê và Nguyễn đức-Nhuận là danh-sĩ liền cho người nhà là Nguyễn trương-Hiệu đem bài thơ dưới đây mời vào chơi :

*Văn đạo Ái-châu đa tuấn - kiệt,
Hư hoài trắc tịch dục cầu ty.
Vô lâm cự bão Kinh-sơn - phác,
Thiên tướng phương tri Kỳ - bắc - kỳ.
U - cốc hữu hương thiên lý viễn,
Cao cương minh phượng cửu-thiên tri.
Thử hồi nhược đặc sơn trung tễ,
Tán gâ kinh luân chuyển hóa kỳ.*

Dịch nôm :

« Ái-chân nghe nói lẫn người hay
« Ao-tróc cầu hiền đã bấy nay,
« Ngạc phá kinh-sơn tài sẵn đó ?
« Ngựa kỳ-kỳ-bắc biết lâu thay.
« Mùi hương hang tối xa nghìn dặm,
« Tiếng phượng gỏ cao suốt chín mây.
« Sơn-tễ phen này mong gặp gỡ,
« Giúp nhau xoay đổi hội cơ này.

Tên Hiệu liền tiết-lộ bức thư này với Nguyễn hữu-Nghị Nghị liền xui nó cáo với Lê-văn-Duyệt vốn không có thiện-cảm với Thành. Bài thơ này trình lên vua Thế-tổ: Thuyên bị bắt hạ ngục, Thành là cha cũng bị triều-đình đàn-lặc. Một buổi bãi châu, Thành chạy theo nắm áo vua kêu khóc :

Thần theo bệ hạ từ thuở nhỏ đến giờ, nay không có tội mà bị người ta cữu-xé, bệ hạ nữ lòng nào ngồi nhìn người ta giết thần mà không cứu ! »

Vua giật áo vào cung rồi từ đó không cho Thành vào châu nữa. Sau Thuyên bị tra phải nhận tội và chết chém. Thành cũng uống thuốc độc mà chết. Vì sao Lê văn-Duyệt lại để việc Thuyên lên vua Thế-tổ để hại cha con Nguyễn văn - Thành ? Nếu quả Thành có mưu phản thì ngay thời bấy giờ ai cũng biết và đồ đảng là những ai, tổ-chức phiến-loạn sắp-đặt ra sao, có lẽ đâu một việc phản-quốc chỉ có hai cha con mà nên việc? Điều này tỏ người ta muốn làm tội thì cứ làm, làm cho được thì thôi. Hình như giữa Duyệt và Thành có mối hiềm-thù nào sâu-sắc mà sử không chép ra, chỉ biết trong trận đánh vào hậu-tuyến của Tây-Sơn ở Thị-dã, Thành vốn có tính uống rượu lúc sắp vào trận, cầm hồ rượu rót mời Duyệt mà bảo rằng : « — Uống chơi chén này cho hăng-hái thêm !... » Duyệt cười đáp : « *Làm tướng có nhút nhát mới cần đến hơi rượu.* » Thành then và cũng vì thế mà căm thù Duyệt... Khi Thành được chỉ không được vào châu nữa, Thành than với Thống-chế Huỳnh công-Lý rằng : « *Thế là thành án rồi ! Vua bắt tôi chết mà tôi chẳng chết là bất trung* ». Sau khi Thành uống cạn chén thuốc độc, linh thơ-lại nhật được một tờ biểu trần tình của Thành để lại. Huỳnh công-Lý đem dâng lên vua Gia-Long. Trong tờ biểu có câu :

« Sớm rên tới luyện thành tội cực ác cho cha con tôi, không còn kêu oan vào đâu được nữa, chỉ còn có chết mà thôi ! »

Ân Đặng-TrầnThường (1759-1813)

Đặng quê ở Chương-Mỹ, tỉnh Hà đông, đỗ sinh-đồ cuối đời Lê. Nhà Lê mất. Thường không chịu làm quan với nhà Tây-Sơn, vào

Gia-định giúp vua Thế-tổ lập được nhiều công-trạng, từ chức Tán lý quân vụ lên đến Binh-bộ Thượng-thư. Đặng phạm vào tội làm gian sắc phong thần cho Hoàng ngũ-Phúc là tướng nhà

Trịnh vào bậc phúc thần. Triều-đình làm án chém, nhưng lại được tha. Sau Lê-Chất hỏi những việc ăn lậu đình điền, chiếm giữ đầm ao, Đặng lại bị hạ ngục rồi bị xử giảo.

Người thời bấy giờ truyền lại rằng trong khi họ Đặng bị giam có làm bài *Hàn-vương-tôn phú* đề vi chung-cuộc của mình như chung-cuộc của Hàn-Tin, đề nhất công thần của vua Hán-Cao tổ. Xin nhắc, họ Hàn quê ở đất Hoài-âm, khi chưa đắc thời có ra mắt Hạng-Võ không được dùng, bèn đi theo Lưu-Bang, được làm đại tướng, đánh dẹp có công lớn, trước được phong làm Tề-vương, sau đổi làm Sở-vương. Có kẻ tố cáo Tín mưu phản, vua Cao-tổ giả cách đến chơi Vân-mộng bắt Tín, rồi tha và giáng xuống làm Hoài-âm hầu, nhưng sau bị bà Lữ-hậu (vợ Cao-tổ) giết chết.

Hàn vương - tôn phú

Phú :

Hàn vương - tôn ! — Hàn vương - tôn !

Vũ-khúc giáng, thần, — Kim-kê ứng thụ.

Kinh - sử năm xe chứa-chất, ngang trời dọc đất ấy kinh-luân, — Tôn, Ngó bày quyền lâu thông, đề sông, xóng mây là chí-khi. Hội chiến-tranh, ếch đã vang tai, — Bề thao-lược, ngọc còn giấu vẻ.

Một cần trúc vắt ngang dòng Bích-l thủy, rồng Xích-lưu trông phảng-phất lần bên thành, — Ba thước gươm trở lại chợ Hoài-âm, hươu Hàm-cốc tưởng dinh-ninh nằm góc-ghe.

Đồ phong-vân trước mặt ngẩng nhọn-nhọn, — Tài trí lược bên mình đeo nhẹ nhẹ.

Mùi tư-vị thiếu gỏi Tần, nem Hạng, nặng vì, đường tri-kỷ, bữa hăm-hiu nên lụy với mu già — Bước phong-trần còn áo Lã cơm Hề ; xem sao dũng kiếm nhân, lời như-nhuốc xá chấp chi con trẻ.

Thông sao nơi huy-hạ hẹp-hòi. — Xiết bao chức lang-trung nhỏ bé.

Hăm hở quyết lòng theo giúp Hán, hạng sâu chưa kịp nức mùi lan. — Ngậm-ngùi giận chi nhớ về đóng, đất cũ lại thẳng giong vô kỷ.

Bến Hàm-khê từ gặp bạn phượng-loan; Đất Ba-thục lại rất đường phủ-quý.

Đứng-dỉnh lên đàn đại-tướng, ba quân trông mặt khiếp uy-jinh; — Khoan thai lĩnh ấn nguyên-nhung, thiên-lũ nghiêng mình trao tiết-chế.

Chín lần bàn-bạc thám mưu; — Muốn dăm dăm - dương trọng ký.

Trở vết mở đường cổ-đạo, tịch quyền tam Tần; Việc quân dương mặt Đông-quan, sấm ran bốn bề.

Dưới màn nhớ tư-lường Di - Ngô; Trên ngựa những bần-khoăn Bạch-khỉ.

Thuyền san-sát bay sóng Lâm-lấn, Ngụy quanh thành, quân kéo đen xì. — Trống thùng-thình qua cửa Tĩnh-hình, Triệu bốn mặt cờ bay đỏ choé.

Ngựa uông dòng nước Mạnh nên vọt: gươm mài đá non Hanh cũng mẻ.

Án giáp dụng bài nhu viễn, lấy lặc gang giấy nét cường yên, — Quyết năng bài trận công - nhân, đem bảy mươi thành về Xích-đế.

Đưa Long-thư xương rắn, hết hung - hăng. Thăng Vũ-Thiếp lưỡi mềm khôn thô-thẻ.

Đã dùng-dăng thì dụ cuộc tam-phán. Phải vun - vén để gây nền nhất trị.

Non cửu-lý tám nghìn đệ-tử, khiến bá-vương khôn gấm vóc Giang-đông, trời lấy-lưu thu một mối Sa-thư, chốn đình trường lại áo xiêm Di-thủy.

Chước chẳng cùng, một trận một khát-khe; — Quân khéo dụng, càng nhiều càng mạnh-mẽ.

Cũng thi sức mở-mang bờ-cõi, đo xem như Bó cao - Bành Tráng còn sai, Cũng thi công trở vẫy ngoại năm năm, cán lại đầu Tiêu-hươg - Lương mưu cũng nhẹ. . .

Tức lực nặng vì cơm áo Hán, trở con hươu mong bắt lại đền ơn — Giầu sang nào tưởng nước-non Tề, so muốn cầu kéo ra tuồng bội-nghĩa.

Danh cồ - kim so ba tướng cũng vừa ; Sức chiến - đấu chẳng trăm Tham nào xuề.

Kìa khi trống Huỳnh-Dương kinh sách, cầy lông thêm cho Loan cũng dương oai ; Kìa khi thảo Lã - hậu Thái - công, giờ vượt lại đầu hàm khôn cậy khỏe.

Tiếng reo rậy núi sông, Mất liếc run thần quý.

Vẻ gì đuôi Lãng con ngựa mỗi, chậm chân thoát đã rồi gan vàng ; — Tuồng chỉ lo Ngụy lũ trâu gầy, có mắt chỉ cho ngừng giọt lệ.

Cối khoa phu chẳng trách dứa toan. — Gươm đại tướng hèn nào người bán.

Người biết hưng-vong là thiên số, Hán tuy chưa mở mang nền Bách-nhị ; song mệnh trời về có đức ; Vốn ngỗ then từ chêm răn, noi rồng ; — Ai hay thành bại cũng nhân mưu, Hán hãy còn lúng túng góc Ba-xuyên mà mái tả chót gieo mình ; đã vin cành để dè hươu bắt khi.

Phải tới lui cho giải tỏ hiềm nghi, — Há đo đản chẳng ngã nghiêng chân nguy.

Cơn tĩnh-trấn nghĩ Tề nhiều biến-trả lời, tự-vương sao đồ tiếng trượng-phu. — Lúc trần-binh e Sở mới thanh-bình, thơ mưu phản khéo oan lòng quốc-sĩ.

Dẫu cũng vì có uy-danh. Dẫu cũng nhiều dũng trí.

Ôi ác biết lòng du-lữ ; Vây khi đóng Định-đào, khi quân Tu-Vũ ra vào then khóa chẳng ngờ. Trung-trinh giữ tiết nhân thần. Dù rằng chơi Vạn-mộng, dù rằng được Trần-Hi, chút đỉnh tóc tơ dám nghĩ.

Há có lòng như Hi, Bối chút nào. — Tiếc then mặt với Phàn Đăng một tí.

Ơn nho nhỏ cũng lấy vàng mà báo đáp, đỉnh chung này đâu có, nhẽ thợ σ ; Oán rành-rành còn cho tước để sinh dùng giang-sơn ấy há lại lòng ngấp nghé.

Dơ cung bắn thỏ, nặng sức nam nhi. Được cá bỏ nơm, quẩn đầu thế-vị

Đường phủ quý có sức nào chuyển được, nọ kẻ trượng màn khuya sớm, chốn Cốc thành còn phải lánh mình đi. Any công

*đanh hồ ai dễ sử dẫu ; kia người then khóa bấy lâu, vườn Thượng
nguyên cũng còn rơi tiếng lụy !*

*Trót tao-phùng đã dính lợi cùng danh, Thôi vinh nhục
lọ bàn phi với thị.*

Lành thay ! Ván-vũ gặp thời, Cón bằng phải chi.

*Luận tài-năng suốt Tây-kinh Đông-Hán chưa ai ; So huân
nghiệp dẫu Chu-thiệu Thái-công khá vi.*

*Nhà thạch-thất dẫu nhạt sơn môn sắt ; danh tướng-quân,
đánh muôn kiếp còn thơm ; Nền Kim-dao dù nhạt lửa phai
vàng, công tướng-quân vẫn nghìn năm như vẽ.*

*Ta nay : xem pho cựu-sử, đọc truyện nhân-thần, thấy câu :
« Hán đức thiên-hạ, đại đề giai Tín chi công » Chưa từng chẳng
thán tích Hán-vương-tôn chỉ sinh-tật, mà thán trách Hán Cao-
hoàng chi sai kị.*

Bài này do
VŨ-KHẮC-TIỆP sao lục
(Vĩnh-hưng Long thư quán
Hà-nội 1931)

Nhận xét về Gia-Long

Gia-Long lâm bệnh từ ngày 17 tháng chạp năm 1819 đến 15-1-1820 không thể ra thị triều. Ngày 27-1, nhà vua cho triệu hoàng-tử Đảm (vua Minh-Mạng sau này) các nhân vật cao-cấp của hoàng-gia và hai vị lão thần Lê văn-Duyệt cùng Phạm đẳng-Hưng (ông này là Lễ bộ Thượng-thư) đến để dặn-dò những lời cuối cùng. Nhà vua trao cho hoàng-tử Đảm cái quốc-ấn và thanh gươm. Bệnh tình mỗi ngày một nặng và nhà vua đã vĩnh-biệt mọi người vào ngày mồng 3-2 năm ấy. Tính ra vua Thế-tổ đã trị-vì 18 năm (1).

Đời Gia - Long là một cuộc đời khá ly - kỳ, trải nhiều vinh-nhục, thăng trầm. Vừa lớn lên, nhà vua đã gặp cảnh quốc phá gia vong. Trước sức mạnh như vũ bão của quân Tây-Son, nhà vua và chú ruột là Huệ-Vương phải

(1) Theo A. Lanson nhà vua mất vào 25-1-1820.

bôn tầu vào Gia-định. Huệ-Vương và con (*Mục-Vương*) bị bắt tại Long-xuyên và bị đem về giết tại Sài-côn, riêng nhà vua trốn thoát nhưng rồi mấy phen liên tiếp bị đuổi riết ra ngoài khơi nếu không gặp nhiều may mắn bất ngờ thì đã rơi vào tay địch hay cũng đã làm mồi cho cá.

Mới 17 tuổi đã phải đóng vai nguyên-sủy, dầu muốn hay không, nhà vua đã phải nhảy vào vòng chiến với những điều-kiện rất tuyệt-vọng. Rồi luôn trọng 24 năm vào sinh ra tử, lần tránh khắp miền Nam và có phen phải đi nương-náu ở nước người (*Tiêm-la*) mà vẫn vững tâm chống đối với kẻ thù. Con người ấy đã thành công một phần lớn nhờ có nhiều nghị lực, nhờ lòng bền-bĩ như sắt đá.

Trong Gia-Long ta phải nhận định hai trạng-thái : trạng thái của con người quân sự và trạng-thái của con người chính-trị. A.— Con người quân sự ấy luôn luôn tỏ ra can-đảm, không sợ nguy hiểm, không ngại gian-lao lẫn-lộn trong đám quần chúng và ba quân, gây được cảm tình với mọi người, có nhiều uy-tin dầu đang ở một hoàn-cảnh đen tối, luôn nêu cao tinh-thần chiến đấu và sáng suốt trong những quyết-định cấp-bách. Nhưng làm tướng, Gia-Long nhiều khi quá cẩn-thận nên công việc bị chậm-trễ một cách đáng tiếc. Những người Pháp cộng-tác với Gia-Long phải rên lên vì Gia-Long tính-toán kỹ quá, nếu không cuộc thành-công đã có thể tới với họ Nguyễn còn sớm-sủa hơn (theo Barrow). Cái tính cẩn-thận của Gia-Long phát sinh ở cái tính đa-nghi rồi đa-nghi sinh ra do-dự ; cái tính do-dự là tâm-trạng của kẻ trải nhiều sự thất-bại nên có khi lợi mà cũng nhiều khi hại. Nói đến tính đa nghi của Gia-Long, người ta không quên chuyện Gia-Long đã quá nghe vài kẻ cận-thần ghen-ghét Đỗ thành-Nhơn và Lê văn - Câu vì đã lập được nhiều công-lao trước và sau ngày Gia-Long khôi phục thành Gia - định. Gia - Long đã ghét oan một kẻ và một kẻ bị ngờ đến nỗi buồn mà tự-sát (trường-hợp Lê văn - Câu). Nếu không có lời can-gián của Giám-mục Bá đa-Lộc, nhà vua còn tính phao đồn những tội phản-loạn hay xấu-xa nào khác để che dầy sự hẹp-hòi và bất-minh của mình. Sau Đỗ thành-Nhơn, có Nguyễn văn - Thành, Đặng trần - Thương cũng là nạn-nhân của ông vua đa-nghi hiếu-sát này, một kẻ chết về một bài thơ ngông của con, một kẻ bị treo cổ chỉ vì gian lậu thuế má điền-địa. Nhà vua luôn luôn e-sợ sự phản-trắc mà thực ra

từ lúc đào-vong, tung-quân cho tới lúc hiền-vinh, thành-đạt, nhà vua không hề bị kẻ bề tôi nào có manh-tâm lừa gạt mình hết. Đây cũng là một sự may-mắn đặc-biệt cho nhà vua.

Trong các chiến-dịch Diên-khánh, Qui-nhơn người ta nhận thấy chiến-lược của Gia-Long là chiến-lược *tầm thực* (tầm ăn lá dâu) quân-đội của nhà vua tiến từng bước một. Nhà vua không bao giờ tính chuyện hạ kẻ địch trong một trận đại-tấn-công. Được không ham, nhưng cái thắng phải giữ phần chắc, không ư cướp đất chiếm thành cho nhiều, nhưng chiếm đến đâu phải củng-cố ngay tinh-thần quân-dân tới đó cho xong đã. Chiến-lược này khác rõ-rệt hẳn với chiến-lược của vua Quang-Trung là « *Tốc chiến, tốc thắng* ». Phải là con người bình-tĩnh, kiên-nhẫn lắm mới thi-hành được chiến-pháp này của Gia-Long. Ở đây ta còn nhận thấy, nếu cuộc chiến-dấu tri-trệ và kẻ địch lợi-dụng được yếu-tố thời-gian thì cũng có thể rất nguy, nhưng chiến-pháp này cũng có cái lợi là cuộc chiến-dấu ít bị sự tình-cờ, may rủi chi-phối. Quả vậy, Gia-Long không là một nhà tướng lãng-mạn, mạo-hiêm, ham thích phiêu-lưu. May thay Gia-Long áp-dụng chiến-pháp này rất thích-ứng với hoàn-cảnh thuở ấy do Nguyễn-Nhạc và triều-đình của ông thiếu tài lãnh-đạo chiến tranh. Họ đã tri-tri mặc-mặc, ít hăng-hái, ít nghị-lực, luôn luôn nằm trong cái thế bị-động. Nhưng nếu gặp Nguyễn-Huệ thì chiến-pháp của Gia-Long khó lòng mà chịu đựng được lâu dài. Rất may vào năm 1792, Huệ chết, cuộc quật khởi đã chỉ nhằm vào Trung-ương Hoàng-đế nhà Tây-Son mà thôi.

Về việc xử-dụng tướng-tá, Gia-Long biết đặt người đúng chỗ; đối với cộng-sự-viên người Âu-châu, Gia-Long không có thành-kiến như những kẻ tá-hữu của mình, nhưng vẫn có sự phòng ngừa bên trong, vì vậy nhà vua không bao giờ giao cho họ quá nhiều quyền bính. Sự-việc này đã làm buồn lòng họ và họ cho rằng nhà vua là kẻ bạc-bẽo. Ngay cả những giáo-dân cũng có cảm-tưởng ấy vì chính họ cũng giúp đỡ Gia-Long rất nhiều trong thời chiến tranh, nhưng họ không hề nhận được được sự đền đáp gì trở lại khi Gia-Long thành-công.

Đây là ý-kiến của đám người đời bấy giờ, nhưng ta đặt mình vào địa-vị của Gia-Long, vào khung-cảnh thuở ấy, có lẽ ta thấy rằng thái-độ của Gia-Long, ít ra cũng có lý một phần nào : những người Tây-phương nào sang Á-châu lập nghiệp mà

chẳng là kẻ vụ lợi cho mình một phần mà còn vụ-lợi cho xứ sở nữa mới đáng ngại ? Trước Gia-Long và ngay cả vào thời Gia-Long, họ đã thôn-tính được bao nhiêu xứ Á-đông để làm thị trường và thuộc địa, gây nên cái họa mất nước cho bao nhiêu dân tộc. Trong khi Giám-mục Bá-đa-Lộc mang Thế-tử Cảnh sang Pháp để điều-định viện-trợ, vị tu-sĩ quân nhân này đã đưa ra một chương trình phơi bày rõ rệt mục đích biến nước Việt ra một căn-cứ của nước Pháp ở Viễn-đông vừa về kinh-tế quân-sự và chính-trị, rồi triều-đình của Lu-Y XVI vì không có hoàn-cảnh thuận tiện nên đã bỏ rơi khiến Faure sau này đã phải than tiếc rằng : « *Nước Pháp đã bỏ lỡ một cơ-hội thuận-tiện nhất để thôn tính Việt-Nam...* » Ngoài Bá-đa-Lộc đủ cáo tố rất nhiều về tình-trạng nước Nam làm cho Pháp-đình một thời phải mê say, bọn Vannier, Chaigneau cũng đã có nhiều thư từ về xứ giống những bản phúc-trình của bọn gián-điệp dưới đời Richelieu và Lu-Y Phi-Lip XVIII. Dayot thì rõ rệt làm thám-tử cho người Anh trên đất Việt giữa lúc Gia-Long còn tại vị..

— Ở con người Gia-Long về mặt chính-trị, ta phải nhận rằng họ Nguyễn khéo lấy lòng dân kẻ từ tướng sĩ quanh mình cho đến đám quần chúng đã siêu bạt vào miền Nam trong nhiều thế kỷ trước. Phần nhiều họ là những tay lưu-đãng, tù đồ, vong mạng mà các tiền-triều Lê-Lý-Trần đã đưa vào đây để khàn hoang các miền đất chiếm dần được của Chăm và của Chân-lập sau này. Đám người này cũng rất phức tạp. theo đấy, phần đấy nếu có điều bất mãn. Đã có thời Gia-Long khi còn là chúa Anh bắt họ lưu ngũ quá lâu, họ không giải-quyết được việc sinh sống cho gia-đình đã suýt gây ra một cuộc nội loạn. Nhà vua lại thu xếp ngay được một cách khôn khéo, êm dịu, đến cả những vụ xích-mịch giữa các quan của nhà vua với các người Tây-phương. Chính-sách của Gia - Long là vỗ-về và chỉ vỗ về khi cần thiết. Thực ra con người Gia-Long là con người rất ít tình cảm mà nhiều chất thực-tế có khi đến tàn ác, Nhà vua chỉ cần sao được việc cho mình mà thôi, do đó cái mộng biến Gia-Long ra một ông vua Công-giáo của Bá-đa-Lộc đã đổ vỡ tan tành, luôn cả cái hy-vọng của đám cộng-sự-viên Chaigneau, Vannier là xây dựng tình thân thiện Việt-Pháp để đặt ảnh-hưởng Ba-Lê trên đất Việt.

Họ giúp Gia-Long trong việc giành lại cái ngai vàng đã mất thì Gia-Long hậu đãi họ bằng bổng lộc, chức tước nhưng

vi cảm tình với họ mà chấp thuận một cuộc ngoại-giao với nước Pháp một cách chính-thức thì nhất định không : Gia-Long sợ những sự phiền phức với Liệt-cường Tây-phương thuở đó: Nhà vua nghĩ rằng Pháp bước chân vào đất Việt-Nam đã đủ nguy rồi, nếu nhiều nước khác cũng theo gót Pháp, nước Việt khỏi sao thành một miếng thịt cho trăm dao xâu-xé. Đã thuận ngoại-giao với Pháp mà từ chối Anh, Bồ, Hòa-Lan v.v... cũng sẽ chẳng khỏi có nhiều tai-họa. Tốt hơn cả là đóng chặt cửa lại, chẳng bắt tay với nước nào...

Trong khi thiết-lập bộ máy của chính-quyền trung-ương, người ta đề ý đến việc trong nội-cung Gia-Long không lập chức Đông-cung hoàng-hậu (có lẽ bà chánh-phi chỉ được phong hậu sau khi chết mà thôi) sáng-kiến này không thấy có ở một vị đế-vương Đông, Tây kim cổ nào. Hoàng thân quốc-thích cũng không được dự vào Viện cơ-mật là một cơ-quan tối cao mà nhân viên do nhà vua chỉ định với danh nghĩa tư-vấn có quyền kiểm-soát công việc của Lục bộ thượng thư. Điều này làm ta nghĩ rằng Gia Long muốn tránh ảnh-hưởng lớn của những người trong hoàng-gia, còn ngoài triều-dinh nhà vua không đặt chức Tham-tụng và Bồi-lụng ngang với chức Tể-tướng đời xưa, khoa cử không lấy Trạng-nguyên thì cũng không ngoài thắc-mắc kể trên. Quả ông vua này thật là khôn ngoan xấu sắc, óc lo xa và đa-nghi đến thế là cùng !

Đối với các đạo Thiên-Chúa, Phật và Lão, Gia-Long cũng rất khôn khéo. Khi bàn luận với Bá-đà-Lộc về lý-thuyết và nguyên-tắc của các tôn giáo, nhà vua cũng lên tiếng kết án những dị-đoan, những mê-tin nhảm-nhi và thường tỏ ra có óc phục-thiện, hiểu biết khoa học, lý-trí sáng suốt. Nhưng nhà vua vẫn không theo đạo Thiên-chúa, lấy cớ rằng theo truyền-thống quốc-gia nhà vua là vị lãnh-đạo tinh-thần của nhân-dân phải cúng-tế trời đất quỷ-thần, phải theo tục-lệ ngàn đời về việc thờ kính tổ tiên, lại nữa đa số thần dân đã theo nếp sống tinh thần trên đây, nếu nhà vua bỏ những tập tục cổ-hữu sẽ bị xa rời dân nước, đó là điều tối-kỵ về chính-trị đối với một vị hoàng-đế Á-Đông. Thực ra, vua Gia-Long chỉ tán thành đạo Khổng, Mạnh mà thôi. Và để xoa dịu sự bất mãn cùng đề gây thiện cảm với các giáo-sĩ và giáo-dân, khi vào được kinh-đô Phú-xuân, Gia-Long đã tất tả đi thăm Giám-mục Labartette mà nhà vua chưa từng gặp. Năm sau (1802) Gia-Long tiến quân ra Bắc-hà đuổi theo Cảnh-thịnh, tới Nghệ-an, nhà vua cũng tỏ có nhiều thiện-

tin với Thừa sai De La Mothe và De la Bissachère. Ra đến Hà-nội nhà vua tiếp giám-mục Longer và Thừa sai Eyot tại điện Kính-Thiên rất niềm nở. Cử-chỉ rất chính-trị này cho ta hiểu Gia-Long muốn biến giới Công-giáo bấy giờ thành những cán-bộ tuyên truyền cho mình, hoặc thành những đội quân thứ năm ở những địa-phương vừa mới chiếm được hay sắp đánh chiếm (1). Nhưng đến 1804, thái-độ của Gia-Long thế nào đối công giáo? Vừa liếp xong sứ Tàu sang tấn phong cho nhà vua, về đến Phú-xuân Gia-Long liền cho ban hành ngay một chỉ-dụ vào ngày 4-3-1804 trước hết xác-định những ngày Quốc-Khánh trong năm mà mỗi làng phải tổ chức trọng-thê và phạn sự mỗi người dân phải đóng góp trong những dịp lễ ấy, sau về tôn giáo Gia-Long nghị quyết như sau :

- 1) Cấm không được xây chùa chiền để thờ Phật Thích-Ca.
- 2) Cấm không được sửa chữa chùa chiền nếu không có phép của quan Trấn-Thủ.
- 3) Cấm không được xây-dựng chùa mới.

4) Những điều ngăn cấm này cũng triệt-đề áp-dụng cả đối với đạo « Bồ-đào-Nha » (Thiên-chúa-giáo) vì đạo này là một đạo ngoại-lai và có tính-cách ngu-dần đã đem chuyện « hỏa-ngục » và « thiên-đường » ra mê-hoặc dân-chúng.

Ngay khi còn Giám-mục Bá-đa-Lộc ta đã thấy Gia-Long chỉ không ra mặt triệt đạo Thiên-chúa mà thôi, còn tuyệt-nhiên Gia-Long không có nâng-dỡ gì hết. Rồi Đông-cung Cảnh chết (2), mộng phát-triển đạo Thiên-chúa ở Việt-Nam của Bá-đa-Lộc cũng như của nhiều Giáo-sĩ khác tan ra mây khói. Sau này Minh-Mạng lên thay vua Gia-Long, thái-độ của nhà vua đối với Công-giáo tàn-tệ thế-nào chẳng khỏi đã do sự tiêu-di bi-mật của vua cha lúc sinh-tiền và cả cái chính-sách bài-ngoại của ngài nữa.

(1) Vì Gia-Long khi còn là Nguyễn-Vương có gửi mật-thư cho Giám-mục Labartette ở Phú-Xuân nên vua Cảnh-Thịnh nhà Tây-Sơn mới ráo-riết cấm đạo Gia-tô từ năm 1797.

(2) Cảnh đã ngầm theo đạo Gia-tô nên ở Pháp về không chịu dự vào việc tế-lễ của Hoàng-gia. Gia-Long giận lắm và đã phàn nàn việc này với Bá-đa-Lộc,

Đối với nhân-dân ba miền Trung, Nam, Bắc Gia-Long cũng có những nhận-xét tinh-tế đề mỗi nơi đối xử một cách. Bắc-thành và Nam-thành (Gia-định thành) là hai miền xa-xôi, một bề nhà vua quân-sự-hóa nền hành-chánh đề uy-hiệp quần chúng vì lòng người ở đây chưa hoàn-toàn khuất-phục tân-triều, một bề côi, mở về thuế khóa và tạp dịch cho dân bớt công phần; còn miền Trung từ Thanh-hóa-nội trở vào đến Phan-Rang, Bình-Thuận là đất có cảm tình từ lâu với họ Nguyễn, chế-độ có phần nặng nề hơn. Nhưng tổng quát mà xét, Gia-Long đã xuất thân là một quân nhân, suốt cả một cuộc đời thanh-niên nổi chìm trong sóng gió, trên 20 năm lao lung trong chiến đấu nên sau khi thắng trận đã coi Tồ-quốc như một nước địch, nhìn kẻ thù (nhà Tây-Son) với dân chúng chỉ là một. Theo ý-niệm này Gia-Long đã từng mở những cuộc đàn áp và trừng-trị quần dân các vùng địch rất là tàn ác. Rồi nhà vua sau này đã giao việc cai-trị cho đám quân nhân đa số vô học đề họ nhắm mắt thi-hành mệnh-lệnh đúng theo ý mình và gạt những nhân tài, trí thức của cửa cựu triều ra ngoài không như các sử của nhà Nguyễn đã nói. (1) Bộ luật Gia-Long mà ta thấy chép gần hết nguyên văn cuốn luật của *Mãn-lộc* vào thống trị *Hoa lộc* đã biểu-lộ một cách hùng hồn cái tâm-thuật của Gia-Long chiến thắng. Việc Đặng trần Thường ra Thăng-Long căng nọc Phan-huy-Ích ra giữa sân Văn-miếu thờ Khổng-tử đánh 100 trượng, móc ruột Ngô thời-Nhậm đề thỏa mãn một mối cựu thù chẳng phản ảnh rõ rệt chính-sách của Thế-Tổ nhà Nguyễn sao? Hành-động này có khác chi đánh cái tát vào mặt nhân-sĩ Bắc-hà thuở đó? Hậu-quả của chính sách đối với trí-thức Bắc-hà của sự xử dụng như g kẻ tội tử bất tài đã gây nên một cuộc chống đối ngầm ngầm đến thời Minh-Mạng, Thiệu-trị, Tự-Đức mới bùng ra mãnh-liệt. Nếu nó chưa phát-động ngay vào thời Gia-Long là do dân chúng đã quá mệt mỏi sau những thời loạn-ly quá dài. Chaigneau khi ấy còn làm Chương-cơ bên cạnh nhà vua

(1) Il a confondu dans une même vindicte la cause de ses ennemis avec celle des foules poussées par leurs chefs dans de cruelles aventures. Il a abandonné entre les mains indignes des fonctions publiques, écarté de l'administration du royaume les grandes familles qui pouvaient soutenir sa puissance mais qu'il craignait, récompensé la soldatesque dont ses sujets ont fait les frais... Il a pour le peuple le mépris profond des grands capitaines pour les foules passives qu'il domine impérieusement. . Marcel Gaultier trong *Gia-Long trong 178*.

vào năm 1807 đã viết : *Dân khốn khổ đến cùng cực (1). Nhà vua và các quan của ngài đã làm cho họ bất-bình một cách đáng giận. công-lý phải mua bằng tiền bạc ; kẻ giàu tha hồ ăn hiếp kẻ nghèo vì biết rằng có tiền mọi việc đều ổn hết khiến tôi cảm thấy Nam-hà là một con bệnh đang lên cơn mạnh ; hay là cơn bệnh sẽ làm chết bệnh nhân hoặc đang làm cho bệnh nhân đi tới chỗ biến chứng.* (Xin nhắc rằng vào lúc này (1807) Chaigneau chưa có gì hạn với Gia-Long, lời nói của ông ta có thể tin được).

Nhận xét về tình hình giữa Dân và chính quyền dưới đời Gia-Long ta thấy trong 18 năm trị-vị, Gia-Long và các bề-tôi đã chỉ thành-công trong việc đặt-đề xong các nền móng đầu tiên. Dân chúng vẫn sống trong sự sợ-sệt túng quẫn (2) và như vậy họ có rất ít cảm tình bởi đám quan cai-trị hầu hết là quân nhân chỉ biết thẳng dân-áp (3) và bóc lột, đáng lẽ nhà vua phải có những quan cai-trị mềm rỏ nhất là những người trí-thức vốn được nhiều sự tin-tưởng của dân chúng từ xưa đến nay. Trong óc của nhân dân bấy giờ, nhất là ở Bắc-hà, Gia-Long là kẻ đến chinh-phục họ, một người xa lạ, những người phụ-tá Gia-Long cũng vậy. Các nhà chép sử ngoại-quốc đưa ra những ý-kiến n. y tưởng như có sự thù ghét Gia-Long và con cháu, nhưng xem các bản án Lê văn-Duyệt (4) Nguyễn văn-Thành, Đặng trần-Thường, Lê-Chất, qua sự ghi chép ngay của các sử-thần nhà Nguyễn về các lạm quyền lạm thế, gian lận thuế má, bóc lột

(1) Les peuples, écrit Chaigneau en 1807, sont dans la plus grande misère. Le roi et ses mandarins vexent le peuple de la manière la plus révoltante : la justice est à prix d'argent ; le riche peut, impunément attaquer le pauvre parce qu'il est sûr, avec de l'argent d'avoir la justice pour lui, de sorte que je regarde la Cochinchine comme un malade qui a une forte crise ; ou la crise emporté le malade ou bien opère un changement dans la maladie (*Gia-Long* par Marcel Gaultier, page 176-177).

(2) A la fin de son règne (*règne de Gia-Long*) le pays était protégé par une organisation militaire de premier ordre, mais une administration sans souplesse s'appesantissait sur le peuple dont la vie était uniformément réglée par un code hâtivement rédigé... (*Minh Mạng* par M. Gaultier, page 40)

(3) Lorsque Minh-Mạng prit le pouvoir, l'Annam, malgré les vingt années de paix que lui avait données, Gia Long ne s'était pas encore relevé des ruines accumulées sur son territoire par les criminelles ambitions de ses maîtres successeurs et par la longue guerre à l'issue de laquelle s'était imposée la dynastie des Nguyễn.

(4) Từ Tả-quân là một vị Tổng-trấn công-bằng, chính-uyức, liêm-chính gì cũng biết.

nhân dân dầu ít dầu nhiều vẫn là cả một sự xáo-nhận đối với những câu phê-bình của M. Gaultier, Cultru, C.B. Maybon và các giáo-sĩ đã có mặt ở nước ta trong thời Gia-Long. Với Gia định-thành dân chúng đã sống nhiều với các chúa họ Nguyễn sau này có vụ loạn Lê văn-Khôi thành này luôn ba năm cầm cự với cuộc phong tỏa của quân triều-đình thì rõ « đức hóa » của Nguyễn triều vẫn chưa có thấm nhuần khắp trăm họ ở miền Nam. Tóm lại Bắc-thành và Nam-thị-nh bấy giờ là những mảnh đất bùng-nhùng, bấp bênh mà Nguyễn triều từ lúc thịnh đến lúc suy vẫn không sao làm cho rắn chắc lại đề củng-cố được các cơ-cấu của mình.

Về phía những tri-thức và vọng-tộc Việt-Nam thuở ấy. Gia-Long cũng không thấu lượm được nhiều thiện-cảm.

Tháng 5 năm Nhâm-Tuất (1802) Gia-Long mới bỏ niên hiệu Cảnh-hưng đề xưng đế. Từ năm này cái chiếu-bài « *Phủ Lễ* » rớt xuống một cách trắng trợn. Các nhà danh-gia, vọng-tộc theo đuổi Gia-Long dưới ngọn cờ « *Phủ Lễ* » bàng-hoàng tỉnh mộng thì việc đã xong. Nói cho phải, có ai vào sinh ra tử luôn mấy chục năm ròng để bảo vệ một dòng họ đã tàn ? Ở đây nếu theo chủ-nghĩa tôn quân cổ đại thì Gia-Long có khác gì Hồ-quý-Ly và Mạc-đăng-Dung ? Nhưng như việc Gia-Long không chọn Thăng-long làm thủ-đô có liên-hệ đến tâm-trạng của nhà vua thuở ấy. Thăng-long là cự-đô của nước Nam tự ngàn năm, miền đồng bằng sông Nhị có hàng năm bảy triệu dân, của nhiều, hào-kiệt cũng nhiều, sức mạnh vật-chất và tinh-thần của dân-tộc đều qui-tụ cả ở nơi đây vì thế mà Thăng-long từ lâu trở nên một trung-tâm chính-trị luôn luôn biến-chuyển, đổi thay dâu bể. Vua thánh tòi thần mới giữ vững được lâu dài, có chánh-nghĩa mới thu-phục được nhân tâm. Vậy một Gia-Long hôm qua còn tung ra những bản tuyên ngôn « *Phủ Lễ* », đóng dấu vào niên-hiệu Cảnh-hưng mà hôm nay thành Gia-Long hoàng-đế thì chiếm sao nổi cảm-tình của Bắc-hà ! Huống-hở con người ấy sinh-trưởng ở một nơi núi không cao, nước không sâu, ló mặt thế nào được ở một địa-phương bề rộng, sông dài, núi cao, rừng thâm ? Lại nữa, con người ấy trong những lúc khó-khăn đã phải kêu gọi người của tứ phương đến trợ lực trong một cuộc chiến đấu với anh em nhà, so với 12 sứ-quân xưa thiếu hẳn đức liêm-sĩ, so với Lý-thường-Kiệt, Trần quốc-Tuấn, Quang-Trung Nguyễn-Huệ

Gia-Long thiếu cái khí tự tin, tự cường. Nhưng nếu kết-quả minh-định giá-trị của sự thành công, phương-tiện nào cũng tốt thì Gia-Long cũng đáng khen ở một vài điểm: nhưng còn cái thủ-đoạn giữ địa-vị và quyền lợi lâu dài cho con cháu thì Thế-lỗ nhà Nguyễn cũng như những vua kế tiếp đã thiếu hẳn đức *di mưu*. Thế mới biết đánh chiếm vẫn là dễ mà giữ giữ cho bền là khó vậy. Còn về dư-luận của một số đồng-bào Việt-Nam cò sự chê trách hay oán than rằng cuối thế-kỷ XIX, Việt-Nam mất nước với Pháp đã do lỗi-lầm của Gia-Long là đem người Pháp vào Việt-Nam. Người ta bảo Gia-Long đã *rước voi về dày mề*. Điều này, theo ý tác-giả, có phần quá đáng. Nếu ta nhớ rằng từ hai trăm năm trước Gia-Long đã có phong-trào thực-dân của Liệt-cường Tây-phương qua Á-Châu rồi sau đó nhiều nước da vàng kể từ Ấn-Độ, Miến-Điện, Chà-Và, Phi-luật-Tân v.v... lần-lượt lọt vào tay người da trắng thì dầu không có việc Gia-Long cầu-cứu Tây-phương thì người Tây-phương cũng đã thấy nước Việt-Nam trên bước đường đi của họ rồi. Căn-cứ vào điểm này có thể kết-luận rằng các lân-quốc Á-châu kia không mời Tây-phương tới mà Tây-phương vẫn tìm tới.

Những tờ trình của thuyền-trưởng Protaix Leroux (1755) của thầy đồng St Phalle, của Dupleix, Le Poivre của Công-tước D'Estaing, De la Barbinais v.v... đến cả cuộc âm-mưu đột-kích vào Nam-hà để cướp kho-tàng của Chúa Nguyễn (xin coi *V.S.T.B. quyển III*) tỏ rằng nếu Pháp chưa ra tay vào khoảng giữa thế-kỷ XVIII chỉ là do còn e-dè với Liệt-cường Âu châu nhất là với Anh - cát - Lợi mà thôi. Nói rộng ra, trước đó trên một thế-kỷ Pháp - hoàng Lu-y XIV cùng bao nhiêu giáo-sĩ cũng đã có sự giao-thiệp với Nam-Bắc-hà. Ngoài ra các nước Anh, Hòa-Lan, Bồ-đào-Nha cũng từng đi lại nước ta dưới thời Nam-Bắc-triều và Trịnh-Nguyễn phân-tranh. Vậy tất cả các hành-động thăm dò, nghiên-cứu, giao-dịch tại chỗ đã xảy ra từ thế-kỷ XVII và tài-liệu gửi về Pháp và các triều-đình Âu-châu đã khá nhiều, dầu cần phải đợi đến cuộc vận-động cứu-trợ của Nguyễn-Ánh, người Pháp mới ngĩ ra. Dầu sao việc Gia-Long cấu-kết với một đế-quốc thực-dân, tự-bản vẫn là một điều rất nguy-hiểm, một lỗi lầm chính-trị. Hậu-quả của việc cấu-kết này không đến với Gia-Long mà đến với con cháu thì cũng vậy. Nhưng Gia-Long bấy giờ chỉ có nghĩ đến cái lợi trước mắt là

hạ kẻ thù để lên ngôi báu đã. Nếu Gia-Long và con cháu nắm vững trong tay cái thuật giữ nước thì việc này có thể tha-thứ được. Nhưng tiếc thay Gia-Long biết dùng con dao hai lưỡi là sức-mạnh của Tây-phương mà không biết cách đề-phòng con dao đó nên mới đắc tội với quốc-dân và lịch-sử sau này.

Một giai-thoại về Ngô - thời - Nhậm

Khi vua Quang-Trung ra Bắc-hà diệt họ Trịnh, một nhân vật uyên-bác trong đám nho-thần xứ Bắc đã được người anh-hùng đất Qui-nhơn miễn phục, đó là Nhô thời-Nhậm. Vua Quang-Trung tin dùng ngay ông Nhậm, đã đặt ngay ông ngang-hàng với Ngô-văn-Sở là Đại-tướng của Vương khi đó. Sau này triều Tây-Sơn đổ, Phan-huy-ích và Ngô thời-Nhậm bị đem ra hải tội làm bề tôi mà lại thờ hai chủ : Lê và « *ngụy triều Tây-Sơn* ». Phan huy-ích bị đánh 100 roi rồi đuổi về nguyên-quán duy Ngô thời-Nhậm bị Đặng trần Thường là Tán lý quân-vụ của Gia-Long do cự hiềm nên cho đánh bằng roi đầu có lưỡi móc câu lòi ruột ra mà chết tại Văn-Miếu Không-tử ở thành Thăng-Long. Cái chết của Ngô đã xúc-động rất mạnh giới nhân-sĩ hôm qua cũng như hôm nay bởi người ta quan-niệm nhân tài là của quốc-gia chứ không thể dành riêng cho một dòng họ, một đảng phái như chủ trương Trung, Hiếu của xã-hội phong kiến. Người ta cũng bất bình cả về cách xử sự nhỏ nhen của Đặng trần-Thường bởi mỗi hờn giận giữa Ngô và Đặng không có gì đáng kể đề đến nỗi phải giết nhau một cách hèn nhát và quá tệ như vậy. Nhân tài như Ngô thời-Nhậm từ đời Tân-Nguyễn (Tây-Sơn) qua Cựu-Nguyễn có được bao nhiêu ? Nhưng như là một định-luật ở thế-gian này « *Thiện giả thiện báo, ác-giả ác-báo* », nên viên phó Tổng-trấn Bắc-hà sau này cũng đi đến một cái chết nhục-nhũ đau khổ chẳng kém. Chúng tôi viết ra những lời này là bởi nhớ đến công lao của Ngô thời-Nhậm trong vai trò một nhà ngoại-giao lỗi-lạc đã nâng cao phong thể quốc-gia Việt-Nam qua các từ lệnh và các việc tiếp xúc với Thanh-dinh san khi vua Quang-Trung đánh tan binh-đội của Tôn-sĩ-Nghị. Nhưng tiếc thay sau những biến-cố chinh-trị, những kẻ chiến thắng quá say sưa với vinh-quang, giữa buổi đắc chí thường chỉ coi mình là lớn, coi thiên-hạ là cỏ rác nên thường thẳng tay chém giết để phô trương quyền uy của mình. Có mấy khi họ nghĩ đến vấn đề lưu dụng nhân tài, bảo vệ tinh hoa của đất nước, ít nhất có thể còn giúp được xứ-sở và tàn triều về một phương-diện nào.

Chúng ta hãy duyệt qua thân thể và sự-nghiệp của Ngô Ngô-Phong.

Ông nguyên quán ở huyện Thanh-Trì, tỉnh Hà-đông, một huyện ở bên cạnh sông Nhị-hà giáp Hà-nội, con trai cụ Ngô thời Sĩ xưa làm chức Đốc-Đồng dưới đời Lê tại Lạng-sơn. Cụ Ngô-thời-sĩ là người đã tu sửa mấy ba động Nhất-Thanh, Nhị-Thanh, Tam-Thanh là mấy nơi thắng cảnh ở cái tỉnh bán lâm-tuyền, bán thành-thị này.

Người ta kể lại rằng ngày xưa khi các nhà nho đặt tên cho các con hay lựa theo bộ. Tỉ-dụ như cụ Ngô-thời-Sĩ có tên là Sĩ thì chữ Sĩ có chữ *Nhân* đứng một bên gọi là bộ *Nhân* đứng. Cụ Sĩ đã dùng lối này viết ra năm bảy chữ thuộc bộ *Nhân* rồi bảo ông Nhậm chọn lấy một. Ông Nhậm liền lấy chữ *Nhậm*. (Người Tàu cũng có một lối tương-tự để tiên đoán sự-nghiệp của con trẻ bằng cách vẽ ra cái cung, cái tên, cái kiếm, cái bút v.v... rồi cho con trẻ lựa ; nếu đứa trẻ chọn cái bút thì biết rằng sau này nó sẽ làm nghề văn-tự chẳng hạn...) Không hiểu cụ Ngô-thời-Sĩ đã chiết-tự thế nào mà bảo ngay rằng sau Nhậm sẽ có tương-lai rực-rỡ hơn mình nhưng sẽ bất-đắc kỳ-tử.

Lớn lên ông Nhậm học hành rất là thông-minh tấn tới vượt hẳn các bề bạn. Các sách vở chỉ liếc qua một lượt là nhớ kỹ như in chữ vào óc. Năm mới lễ tết ông đã biết làm thơ và câu đối. Ý tứ của ông lại rất linh-hoạt và khác hẳn tư tưởng của người ta vì ông không chịu theo những sáo cũ rích. Một lần ông theo cha đi chơi chùa. Vị sư trụ trì ở đây vốn là một túc nho lận-đận về công danh nên chán đời cắt tóc đi tu và mai danh ẩn tích. Ngoài cổng chùa nhà sư có đề vào hai cánh cửa, mỗi bên bốn chữ « *Cửa dân độ thế* » và « *Khuyến thiện trừng dâm* ». Trong khi cha ngồi đàm đạo với nhà sư trong trai phòng, ông Nhậm lang thang bên ngoài, ngó những hoành-phi, câu đối khi thấy ngoài cửa chùa có hai vế câu đối trên đây cho là giả-dối Ông lại nhớ ra câu « *Cửa Phật mất một đèn mười* » và nhà sư ở đây lại nổi tiếng hay so kè chẹn cánh từng trình, như thế là trái hẳn với nguyên-tắc cứu dân độ thế. Về câu khuyên làm điều lành và trừng phạt việc dâm dăng ông nghĩ nếu không có việc âm dương hòa hợp thì sao có đức Phật ra đời vào tháng tư mồng tám. Bị kích-thích bởi những suy



MỘT BỘI-TRƯỞNG



MỘT LÍNH THỊ VỆ



MỘT LÍNH HẬU TRONG CUNG



MỘT NỮ CUNG NHÂN

luận này cậu bé Nhậm lấy một mảnh gạch non viết nổi luôn vào mỗi vế câu đối như sau ?

**Khuyến thiện trừng dâm, con ai để thàng tư mồng tám ?
Cứu dân độ thế, của nhà ai mất một đèn mười ?**

Khi hai cha con ông ra về, nhà sư trông thấy hai vế câu đối của mình có câu viết nổi như mắng vào mặt biết rằng chỉ có Nhậm mới có khẩu - khí ngang-ngược đó mà thôi. Ông chỉ còn nước âm-thầm xóa-bỏ vế câu đối của mình đi mà thôi.

Năm hai mươi tuổi, ông đỗ đại-khoa được bổ Đốc-Đồng Kinh-Bắc (Bắc-ninh) nhưng đã có những nhận-xét rất sáng-suốt về thời-cuộc. Vào thuở đó người các nước Tây-phương đã thường hay qua lại mua bán với Việt-Nam và các lân-quốc Á-châu khá đông đảo. Ông thấy họ tiến-bộ quá nhiều mà người mình lại quá lạc-hậu nên mấy lần gửi sớ tấu về triều-đình, phủ Chúa đề-nghị gửi con em qua Âu-châu học kỹ-nghệ, máy-móc và quân-sự, khước-trương kinh-tế, thương-mại, mướn các kỹ-sư về khai-thác các khoáng-sản, chấn-hưng giáo-dục, cải-cách chính-quyền v. v. . . Chúa Trịnh có đem việc này ra đình-nghị nhưng các cụ lão thần bác-bỏ luôn cho rằng ông Nhậm là kẻ thanh-niên ham thanh chuộng lạ, tư-tưởng viễn-vòng. Rồi một vài biến-cổ chính-trị xảy ra, vì thiếu sự mềm-mỏng đối với quan trên và có những ý-kiến khác người, ông bị cách-chức hạ-ngục. Ông biết trước nên đã trốn thoát và hiểu rằng nhà Lê và họ Trịnh cũng chẳng còn bền-bỉ được bao lâu. Từ đó ông đổi họ tên, đi làm nghề gõ đầu trẻ ở một thôn-trang thuộc vùng Sơn-tây.

Khi Nguyễn-Huệ ra Bắc lần thứ nhất, diệt được Trịnh, tuyên bố tôn phù dòng chính-thống, có người bảo ông : Trịnh đã đổ rồi, nhà Lê nay được chính-thống, vua Lê vẫn có lòng quý ông thì bấy giờ đúng là lúc rồng mây gặp hội...

Ông trả lời : « Việc đòi dẫu bề vô thường, lấy lý đương nhiên mà nói thì Nguyễn-Huệ đánh một trận, binh-dịnh được toàn cõi Bắc-hà. đó là điều cổ-kim chưa từng thấy. Nhưng một ông tướng đem quân vào một cõi lạ, hao người tốn của, trải bao khó nhọc gian nguy, nay thắng trận lại trao trả giang sơn cho chủ cũ mà không đòi hỏi gì chẳng là đáng lạ lắm sao ?

Theo ông, đây chỉ là một thủ-đoạn chính-trị về phần Nguyễn Huệ mà thôi, nghĩa là Huệ bày cái trò *phủ Lê* để nghe ngóng nhân tâm, mua chuộc kẻ sĩ của xứ Bắc bởi dầu. sao nơi đây vẫn là chốn ngàn năm văn-vật, đất gốc của người Việt, nơi qui-tụ biết bao nhân-tài, hào-kiệt từng chống cường quyền diệt xâm lăng nhiều phen như trúc chẻ ngói tan, có dầu sự việc lại quá giản dị như thế được ! Nếu quả Huệ thật lòng củng-cố dòng vua cũ thì đã ở lại sắp đặt triều-cương, tu-chỉnh quân đội cho vua Chiêu-Thống. Việc Huệ lấy Ngọc-Hân cũng chưa đủ là một bảo-đảm cho chính-tĩnh Bắc-hà trong những ngày tới.

Quả nhiên, ít tháng sau Bắc-hà thay trò đổi cảnh. Nguyễn Huệ đem quân-đội ra đây lần thứ hai, lần này Nhậm tìm đến Trần văn-Kỷ là người được Bắc-binh Vương ủy cho việc chiêu-dụ các thần-tử nhà Lê. Kỷ mừng rỡ nói :

— Chúa công mới nhắc đến ông hôm vừa rồi và có bảo tôi đi tìm ông (1).

Rồi mấy hôm sau, giữa Huệ và Nhậm có cuộc hội-kiến. Huệ có tướng mạo hùng vĩ, oai-nghiêm, nhiều vị cựu-thần của Lê-triều vừa trông thấy đã run sợ đến nỗi có người tẩu khỏi chỗ ra hơi. Duy chỉ có Nhậm vẫn bộ điệu ung-dung, nói năng lưu loát, bình-tĩnh. Huệ hỏi một, Nhậm trả lời mười, đưa ra những ý-kiến sâu sắc tỏ ra là một nhà chính-trị lỗi lạc.

Vương hỏi :

— Tiếp kiến ta, khanh nghĩ thế nào ?

Nhậm đáp :

— Thần bất tài chẳng bằng cỏ nhân, nhưng được Đại-vương tri-ngộ thì cũng muốn như Lã-Vọng gặp Văn-Vương, Ngọa Long gặp Huyền-Đức...

— Khanh có hiểu tại sao các cố-thần gặp ta lại sợ hãi, mất cả tư-cách ?

— Những người ấy, một là không có thực tài, hai là không có đức tốt. Họ sợ rằng với Đại-vương là một bậc minh-quân thì sẽ bị lộ chân-tướng hoặc sợ không được dùng, hay sẽ bị trừng trị, vì thế tinh thần bất-định.

(1) Điều này tỏ Huệ rất thông suốt về nhân-sự xứ Bắc trước cuộc tiến quân

— Nhân sĩ Bắc-hà có oán ta lắm không ?

— Nhà Lê tuy là quốc-chủ nhưng mất hết quyền-hành đã lâu, đến đưa con nít ở đây cũng biết.— Nay Đại-Vương ra diệt Trịnh là làm điều rất hợp với nhân-tâm, thân-sĩ Bắc-hà đâu có oán. Đại-Vương chẳng lấy Bắc-hà thì cứ tình-trạng suy đồi ấy sớm muộn cũng sẽ có sự thay đổi. Vừa đây, Đại-Vương diệt kẻ quyền-thần, giúp vua Lê nhất-thống mà vua Lê vẫn nay bị Trịnh-Bồng lăng-bức, mai bị Hữu-Chính áp-chế thì còn tồn tại làm sao được ?

Bắc-binh Vương lấy làm hợp ý lắm nói :

— Từ khi ta ra xứ Bắc mới chỉ gặp Ngô thời-Nhậm là có vẻ con người.

Khi trở về Phú-xuân, Vương đã trao quyền quân sự cho Ngô văn-Sở và quyền chính-trị cho Ngô thời-Nhậm, buộc hai người phải cộng tác với nhau để điều-hành mọi việc ở Thăng-Long. Xét ra Huệ gặp Nhậm mới có một lần mà đã trọng dụng, không chút mảy may ngờ vực, thật là kẻ có mắt xanh. Quyết đoán về thể-sự nhân-tình mau-lẹ như vậy, thật là hơn cả Lưu huyền-Đức, Hán Cao-tổ, chẳng như bao nhiêu nhà chính-trị khác, đời xưa cũng như đời nay, học làm Tào-Tháo lại bắt thành Tào-Tháo, rồi chỉ loanh quanh bảm viú vào đám tối hèn như những cái dùi cùn nhụt mà mong làm nên sự-nghiệp !

Sau khi Huệ ra khỏi đất Bắc, một số cựu-thần nhà Lê còn mộ quân chống lại nhưng bị thất-bại hết. Một hôm, Ngô văn-Sở tự-đắc nói với Ngô thời-Nhậm :

— Chúa-công trước khi về Nam vẫn thắc-mắc về công-việc ở đây. Ông xem bốn chuột nhắt của nhà Lê có làm nổi cơm cháo gì, bất-quá chúng chỉ làm bẩn gươm thần của Sở mà thôi. Dù ông Đại-Thánh ở trên trời sa xuống, ông Diêm-Vương ở dưới đất chui lên, Sở này giăng lưới cũng bắt được hết.

Nhậm thấy Sở kiêu-ngạo cười bảo rằng :

— *Phép làm tướng rất kỳ nước tự-kiên. Chắc chắn mai kia mẹ con vua Chiêu-Thống sẽ mang quân Thanh về đây. Thanh-đế chẳng sót gì họ Lê đâu, nhưng sẽ lợi-dụng danh-nghĩa phù Lê mà mang đại binh qua ta, lúc ấy chẳng lo ông sẽ bạc đầu trong một buổi tối đấy, ông ạ.*

Sở hơi phật ý, cười đáp :

— Bấy giờ tôi sẽ nhờ ông ngâm một bài thơ đề đuổi giặc. Nếu thơ chẳng đuổi được giặc thì bấy giờ đã có gương vũ-thần của chúng tôi, làm gì mà vội lo đến thế?

Quả nhiên ít tuần sau, Sở liên-tiếp nhận được các tin cấp-báo ngoài biên về việc Tôn sĩ-Nghị, Tổng-đốc Lương-Quảng, thống-lĩnh binh mã bốn tỉnh miền Hoa-nam đưa Chiêu-Thống về nước. Lời hịch của vua Lê được các bề tôi tung ra khắp nơi gây nên một tình-trạng rất sôi-nổi và nghiêm-trọng. Ngô văn - Sở mở một đại hội-nghị văn-thần vũ-tướng tìm cách đối-phó. Nội-hầu Lân bàn :

— Nước đến thì lấy đất mà ngăn, giặc đến thì lấy quân mà đánh !

Sở có vẻ đồng ý, Nhậm lắc đầu :

— Đánh lúc này là thất-sách ! Giặc mới đến khi-thể còn hăng, lại được vua tôi nhà Lê làm nội-công thì giặc biết hết tình-hình trong nước, đường sá lại có kẻ chỉ dẫn. Huống-hở chúng lại dựa được vào danh-nghĩa *phù Lê* như bọn Trương-Phụ mượn tiếng *phù Trần* khi xưa, không phải là không có ảnh-hưởng lợi-hại. Còn bọn ta ở đây vẫn bị nhân-dân Bắc-hà coi là kẻ địch bởi ta chưa kịp làm được điều gì ân-nghĩa, như vậy không nên đánh ngay.

Nội-hầu Lân cãi :

— Sợ gì quân Thanh đông ! *Quân quý hồ tinh, bất quý hồ đa*, ngày xưa Lê-Lợi khởi nghĩa bằng ba ngàn đệ-tử mà cũng đuổi được hàng vạn quân Minh.

— Đành rằng sự việc trước sau không khác, nhưng *thời* với *người* hôm qua hôm nay có giống nhau đâu. Vua Lê Thái-tổ có ít quân mà thắng là vì toàn-thể nhân-dân oán-ghét quân Minh nên một lời kêu gọi của vua Lê bùng ra toàn-dân hưởng-ứng, thì quân có ít mà vẫn nhiều, quân đi đến đâu có thiếu cũng dễ mộ, lương-thực có thiếu cũng dễ được tiếp-tế. Giặc tiến đến đâu, nhà vua đã được dân thông-báo. Trái lại như bây giờ bao nhiêu cựu-thần nhà Lê và cả vua Lê đều là tay sai đắc-lực của giặc, quân ta lại cô-thế, sự-trạng khác

hắn xưa. Việc của chúng ta bây giờ, theo ý tôi, thì nên rút về Tam-diệp để ngăn giữ lấy một phần của xứ Bắc hầu bảo-toàn lấy quân chủ-lực chờ đại-quân. Giặc sang đây phải bốn-ba từ ngàn dặm mà vào nước được dễ dàng sẽ sinh ra ăn chơi, biếng-nhác: chúng sẽ đi vào cái thế «*dĩ dật dãi lao*» của ta, tới khi chúa-công ra thì chỉ một trận là xong...

Ngô văn-Sở phải chịu lời Nhậm là có cao-kiến (1) rồi gấp cho quân rút, về phía quân Thanh sinh ra kiêu ngông và phóng túng và tinh thần ý lại của vua tôi vua Lê Chiêu-Thống thế nào *Việt sử tân biên* quyển III đã có chép. Tới khi Bắc-bình-vương đem quân ra, bọn Sở, Lân tự trời mình xin chịu tội. Vương phủ dụ:

— Ta biết các người là võ tướng chỉ có tài đánh mà thiếu cơ-mưu; ngày nọ ta trở về Phú-xuân để Nhậm làm Tham-tán quân-vụ là có ý như vậy. Với ông vua khác thì làm tướng mà tông phong nhi tâu, bỏ mất thành trì sẽ phải tội, nhưng ta nghĩ xứ Bắc chưa hẳn theo về ta, ân đức của ta chưa thấm nhuần đến trăm họ thì đánh ngay để có cơ bất lợi. Lời bàn của Nhậm về dân tình, về vua tôi nhà Lê rất là đúng nhất là về tâm-lý của giặc cậy nước lớn người đông vào cõi dễ-dàng thì làm gì mà chẳng sinh kiêu. Mà về phần ta, nếu cố thủ cũng vẫn nguy. Quân của ta thì một nửa là Nam, một nửa là Bắc, thấy giặc mạnh đã đủ khiếp rồi còn tính gì đến đánh, giặc sẽ lại chẳng đề ta ngồi yên thì kế-hoạch cố thủ ắt cũng không xong. Ví như giặc chưa động đến ta thì linh Nam trong dịp này tinh-thần cũng còn hoảng-hốt, lại thêm nhớ vợ nhớ con càng hổng thêm; linh Bắc bị ta động viên mà nhập ngũ sẽ nhân cơ-hội này mà sinh biến. Vậy lui quân về đây, chặn giữ một phần xứ rồi hợp nhất với đại-quân là chiến pháp đúng thế hơn cả. Đô-đốc Tuyết vừa nói ra, ta đã biết là mưu của Nhậm rồi...

Nói dứt lời, Bắc-bình Vương truyền mời Ngô thời-Nhậm đến sập. Vương tự tay rót ba chén ngự-lưu đãi Nhậm.

— Nếu không có khanh bày kế «*dĩ dật dãi lao*» cho giặc thành kiêu, cứ để bọn Sở, Lân vác giáo đánh liều thì

(1) Nhiều cuốn sử khác như *Hàng-Lê nhất-thống chí*, *Việt-Nam sử lược* nói Nội hầu Lân có đánh một trận và bị thua, rồi Ngô văn-Sở mới chịu rút theo kế-hoạch của Ngô thời-Nhậm.

ta ra Bắc, quân đã bị bại, nhục-khí chẳng còn sẽ khó mà thắng Chuyển này ta thân coi việc quân, cầm lỏng cơ toàn thắng, chỉ mong 7 là vào được thành Thăng-long để ăn Tết trở lại. Ngặt vì nước ta nhỏ, nước chúng lớn, bao giờ xong việc quân, ta sẽ nhờ Nhậm làm tờ biểu nói khéo cho yên, rồi năm bảy năm sau thực-lực ta dồi-dào thì giặc Bắc có gì đáng kể.»

Rồi vũ-công Kỷ-Dậu đã diễn ra, thắng lợi về phần ta. Từ lúc này, trận giặc chính-trị bắt đầu. Theo kế-hoạch của Nhậm, một bề ta đem vàng lót cho Hòa-Thân là một cận thần của vua Càn-Long, một bề gửi từ lệnh qua Bắc-Bình lúc vắng lúc dịu đủ dụng, khác hẳn các tờ biểu của tiền-triều Đinh, Lê, Lý, Trần sau khi kháng-chiến tuy thắng mà vẫn phải có lời tạ tội. (Xin coi giấy tờ ngoại giao của vua Quang-Trung trong *Việt sử tân biên* quyển III, trang 443). Cho tới sau này, Gia-Long thắng trận, Ngô thời-Nhậm nằm dưới nanh vuốt của Đặng trần-Thường vẫn có dụng ngang tàng, biết rằng với một kẻ tiểu nhân đặc chỉ van nài cũng uổng, thà trước khi chết để lại một lời khi-khái bất hủ là hơn :

*Ai công-hầu, ai khanh-lương, ở trần ai, ai dễ biết ai ?
Thế chiến-quốc, thế xuân-thu, gặp thời-thế, thế thời phải thế !*

Văn-tế trận-vong tướng-sĩ

(Trong các áng danh văn đời Nguyễn, bài « Văn tế Trận vong tướng sĩ » của Nguyễn-văn-Thành thường được các văn-gia, trí-thức nhắc-nhở tới luôn. Bài văn tế này đã được ông đọc trong ngày lễ truy điệu các tướng-sĩ trận-vong, vào dịp ông nhậm chức Tổng-trấn Bắc-thành. Nhiều đoạn của bài văn-tế này có thể coi là tác-tuyệt...)

Than rằng :

Trời Đông-phổ vận ra Sốc-cảnh, trải bao phen gian-hiềm mới có ngày nay ; nước Lô-hà chảy xuống Lương-giang nghĩ mấy kẻ diêu linh những từ thưở nọ. Đã hay sinh là kỳ mà tử là quy, nhưng mệnh ấy yếu mà danh ấy thọ.

Ai ôi ! Tình dưới viên-mao, phận trong giới-trụ, Ba nghìn hợp con em đất Bái, cung tên ngang dọc chỉ nam-nhĩ : trăm hai vầy bờ cõi non kỳ, cơm áo nặng dày ơn cố chủ,

Dẫn thân cho nước sơn sứt một lòng ; nổi nghĩa cùng
thầy tuyệt sương mẩy độ.

Kể thời theo cơ-dịch chạy sang miền khách-địa, hăm hở
mài nanh giữa vuốt, chỉ non Tây thề chẳng đội trời chung ; kể thời
dón việt-mao trở lại chôn sơ cơ, dập dìu vén cánh nương vấy
trông côi Bắc quyết thu về đất cũ.

Nằm gai nếm mật, chung nỗi ân ưu ; mở suối bắc cần,
riêng phần lao khổ.

Trước từng trải Tiêm-la, Cao-mên về Gia-dịnh, mới dần ra
Khánh, Thuận, đã mấy buổi sơn-phong hải-lệ, trời Cao, Quang,
soi khắp lấm kiền trinh ; rồi lại từ Đồ-bàn, Nam, Ngải lấy Phú-
xuân mà thẳng tới Thăng-Long, biết bao phen vũ pháo vùn thê,
đất Lũng, Thục lăn vào nơi hiểm cố.

Phận truy lùng găm lại cũng cơ duyên ; trường chiến đấu
biết đâu là mệnh số.

Kể thời chen chân ngựa quyết giết cò trong trận, sót lẽ
gan vàng mà mệnh bạc, nắm lông hồng theo đạn lạc tên bay ; kể
thời bắt nười thuyền toan cướp giáo giữa dòng, thương thay phép
trọng đề thân khinh, phong da ngựa mặc bèo trôi sóng vỗ.

Hồn tráng sĩ biết dân miền minh-mạc, mặt mũi gió lốc thời
dấu tha hương ; mặt chinh phu khôn vẽ nét gian nan, lập lờ lửa
trời, soi chiếu cổ độ.

Ôi ! Cùng lòng trung-nghĩa khác số đoan tu ; nửa cuộc
công danh chia phần kim cồ.

Đoái là tiếc xương đồng da sắt, thanh bảo-kiếm đã chăm
rèn mới có, nọ áo cơm phải trả đến hình-hài ; nhưng mà khen
dạ đá gan vàng, bóng bạch cầu xem nửa phút như không, ơn dày
đội cũng cam trong phũ phũ.

Phận dầu không Gác khói Đài mây, danh đã rẩy ngàn cây
nội cỏ.

Thiếp vì thừ theo cò trước gió, thân chẳng quản màn sương
đệm giá, những chờ xem cao thấp bước cân thường ; tiếc cho khi
lỡ bước giữa dòng, kiếp đã về côi suối làng mây, nào kịp thấy
ít nhiều ơn vũ-lộ.

Vàng Thượng đức mới hồi loan thàng trước, đoan ừng
nghĩa dầu Quảng, Thuận, Nghệ, Thanh cùng vậy, đội ơn quang

gieo khắp xuống đèo Ngang ; mà những người lừng thưng trận ngày xưa, rắp lâu công tự Ngọ, Vị, Thân, Dậu tới nay, treo linh tự để nằm sau lá số.

Ngon cỏi rúc nguyệt, nơi tẻ nơi vui ; dịp trống đồn hoa, chốn tươi chốn ủ.

Đã biết rằng anh-hùng thì chẳng quản, trăm trận một trường oanh-liệt, cái sinh không, cái tử cũng là không, nhưng tiếc cho tạo-hóa khéo vô-linh, nghìn năm một hội tao-phùng, phận tử chung sao chẳng có ?

Bản chức nay : vàng việc biên-phòng ; trạnh niềm viễn-thủ, Dưới trường nước mùi chung-đỉnh, sẽ nhớ khi chén rượu rót dầu ghềnh, trong nhà rõ vẻ áo xiêm, trạnh nghĩ buổi tằm cừ vung trước gió. Báng-khuáng kẻ khuất mấy (vời) người còn ; tưởng-tượng thây dầu thời tỏ đó.

Nền phủ định lời dấy còn xốc nổi, vụ lòng một lẽ, chén rượu thoi vàng ; chữ tương đồng ngấm lại vốn dinh-ninh, dòng mặt ba quân cờ đào nỏ đỏ. Có cảm-thông thời tới đó khuyên mời, dầu linh thỉnh hãy nghe lời dặn-đỗ.

Buổi chinh-chiến hoặc là oan hay chẳng, cũng chó nê kẻ trước người sau, hàng trên lớp dưới, khao thưởng rồi sẽ tấu biểu dương cho ; hội thanh-bình đứng có nghĩ rằng không, dù ai còn cha già, mẹ yếu, vợ góa, con thơ, an-tập hết cũng ban tồn tuất đủ.

Hồn phách đâu cũng ngày tháng Thuần Nghiêu ; hài cốt đó cũng nước non Thang Vũ.

Cơ huyền-diệu hoặc thủng-trần chưa rõ, thiêng thời về cố-quận để hương thơm lửa sáng, kiếp tái-sinh lại nhận cửa Tiên-quán ; niềm tôn-hán dù sinh tử chó nê, linh thời hộ hoàng-triều cho bề lững sóng trong, duy vạn-kỷ chẳng dời ngôi bảo-tộ.

Thượng hưởng !

(Bài này phiên trích ở *Lệ-ngữ Văn-tập*)

Chú giải :

Đóng phố: tên cũ của thành Gia-định.— *Sóc-cảnh*: (sóc : phương Bắc) là cõi Bắc ; ý nói từ Gia-định ra đến Bắc-hà.— *Lô-hà*: sông Lô là con sông Tuyên, chảy qua địa-hạt Tuyên

quang rồi đổ vào Hồng - hà. *Lương - giang* : Phú - lương giang là tên cũ của sông Hồng-hà.— *Điều-linh* : tâu rưng, chỉ người tử sĩ.— *Sinh là kỷ, tử là quy* : sống là gởi, thác là về, mượn điển ở sách Hoài-nam-tử : Vũ-Vương đi kinh-lý miền Nam, sắp qua sông, gặp rồng vàng đội thuyền ngự lên khỏi mặt nước. Mọi người trên thuyền đều lo sợ. Riêng Vũ-Vương vui vẻ, cười mà rằng : « *Trăm vàng mệnh trời, đem tâm lực mưu hạnh-phúc cho dân. Sống gởi thác về, có hề chi mà sợ !* » Nhà vua nhìn rồng, mắt không chớp, diện mạo điềm-nhiên. Con rồng cúi đầu, vẫy đuôi rồi lặn xuống nước biến mất.— *Viên* : viên - môn, cửa định quan đại tướng.— *Mao* : cờ mao, tức cờ chỉ huy của vị tướng được vua sai đi đánh ; vì cờ làm lông đuôi mao nên gọi là cờ mao.— *Giới trụ* : áo giáp và mũ trụ của hàng võ.— *Ba nghìn hợp con em đất Bái* : mượn điển : Vua Hán Cao-tổ ở Trung-Hoa sau khi giết chết Bạch-xà, hợp con em ba nghìn người khởi binh ở đất Bái ; đây vì những người theo vua Gia-Long cũng khảng-khái như quân sĩ của Hán Cao-tổ.— *Cung lên* : thoát ý ở sách Lễ-ký «sinh con trai thì treo cái cung bên trái cửa ra vào ; sinh con gái thì lại treo một cái khăn mặt ở bên phải cửa cửa. Vua sinh hoàng-tử thì xa-nhân lấy cung bằng gỗ dâu và tên bằng cỏ bông, bắn sáu phát tên lên trời, xuống đất và ra tứ phương. Như vậy là muốn cho hoàng-tử về sau làm nên nhiều công nghiệp hiển trứ». *Non Kỳ* : một núi ở tỉnh Thiểm-tây bên Trung-hoa, có tiếng là hiểm trở, ở đấy hai trăm người địch nổi hai nghìn người ; Chu Văn - Vương vốn sáng nghiệp nơi đó. Đây vì những quân sĩ theo Gia-Long cũng dũng liệt như quân sĩ của Chu Văn - Vương xưa. *Theo cơ đích* : (cơ đích : hàm thiếp đây cương) ý nói theo cầm cương ngựa cho vua đi. Đây nói về lúc Nguyễn-Ánh bị Tây-Sơn truy nã phải trốn sang Tiêm-la.

Hầm hổ mài nanh giữa vuốt : sánh quân sĩ như hổ trau dồi nanh vuốt.— *Việt mao* : (Việt : cái phủ việt, đồ binh khí hình cái búa ; mao là cờ hiệu lệnh bằng lông đuôi mao) đây nói việc Nguyễn - Ánh từ Xiêm về khôi phục được Gia-định.— *Vén cánh nương vẫy* : ý nói nhân-tài tự nguyện đem sức lực ra giúp nhà vua đề như vua che chở.— *Nắm gai nếm mật* : thoát ý ở điển Vua Câu-Tiễn nước Việt đánh Ngô, bị bại trận trở về nước, muốn không quên quốc-thù, bèn lấy

gai lót giường, lấy mặt đấng ném luôn đề nhớ mãi mà theo đuổi việc khôi phục. Đây ý nói sự chịu đựng mọi nỗi gian khổ.— *Án ưu*: lo buồn.— *Khánh, Thuận*: Khánh-hòa và Bình-thuận.— *Sơn phong*: gió núi, nhắc lại sự tích vua Gia-Long hỏi đồng ở Côn-đảo thỉnh linh bị quân Tây-Sơn đến vây, thế đang nguy thì bỗng trời nổi gió lớn, thuyền địch bị đắm cả, nhờ đó mới được bình yên.— *Hải lệ*: nước ngọt ở bề, nhắc vua Gia-Long một hôm đang chạy trốn trên bề, thuyền hết nước ngọt uống, vua bèn cầu khẩn trời thì bỗng có dòng nước ngọt ngay ở bề, nhờ đó có nước mà uống mới khỏi khát.— *Cao Quang*: trời cao mây sáng. Lại còn ý vì Gia-Long với Hán Cao-tổ và Hán Quang-Vũ là hai vị vua sáng nghiệp trung-hưng xưa ở Trung-quốc.— *Đô-bàn*: là miền đồng bằng làm đất kinh đô cũ của Chiêm-Thành (tức Vijaya), ở phía bắc thành Bình-định ngày nay, các phương Bắc, Tây, Nam là núi, chỉ phía Đông là giáp biển.— *Nam, Ngãi*: Quảng-Nam và Quảng-Ngãi.— *Vũ pháo vân thế*: đạn nhiều như mưa, thang cao giáp mây. Ý tả nỗi gian hiểm và lòng hy-sinh vì nghĩa - vụ của tướng sĩ chinh thú.— *Lũng, Thục*: các tỉnh thành hiểm cố như đất Lũng (là Lũng tây ở Thiểm-Tây) và đất Thục (Tứ-xuyên) Trung-quốc.— *Truy tủy*: theo dõi, theo hầu.— *Sốt lẽ gan vàng mà mệnh bạc*: gan dạ thì kiên cố như vàng, còn số mệnh lại mỏng manh.— *Năm lông hồng*: mượn ở điển cũ: Tư mã-thiên nói « người đời ai cũng chết mà có người coi cái chết nặng như đỉnh Thái-sơn, song có người coi nhẹ như nắm lông hồng ».— *Phong úa ngựa*: mượn điển: Mã-Viện có câu « Làm trai nên có chí lập công chốn chiến-địa xa-xôi; nếu chết thì lấy da ngựa mà bọc thân ».— *Mình mạc*: nơi tắm tối mệnh mông.— *Tha hương*: chốn đất khách quê người. *Cổ độ*: chốn bến đò ngày xưa.— *Đoán tu*: (đoán: ngắn; tu: dài) là số mệnh người đời kẻ thì chết non; người lại sống lâu, không ai giống ai.— *Kim cổ*: kim là người đời nay, tức là người còn sống; cổ là người đời xưa, tức là người đã chết.— *Trả đến hình-hại*: thoát ý ở kinh Phật « hữu hình tất hữu hoại » nghĩa là có hình tất có hủy-diệt.— *Bóng câu*: bóng ngựa trắng chạy qua cửa sổ thoáng đã mất. Mượn ý ở Tiền-hán-thư: Trương-Lương muốn theo đời tu-hành, chịu sự khổ hạnh. Lã-hậu can-ngăn, bắt ăn uống và bảo rằng « Người ta trong thế-gian như bóng bạch câu qua cửa, hà tất phải hủy-hoại thân mình? ». Đây

mượn nói số mệnh các quân-sĩ ngắn-ngủ. — *Phế phủ* : buồng phổi và phủ-tạng trong nội thân con người, ý nói chịu trong đây lòng. — *Gác khói* : là Lăng-yên các, mượn điển : ngày mậu-thân tháng hai, niên-hiệu Đường Thái-tông thứ 17, nhà vua cho vẽ hình công-thần, treo ở gác Lăng-yên (gác khói). — *Đài mây* : là Vân-dài, mượn ở điển : niên-hiệu Vĩnh-Bình, vua Hiên-tông truy-tặng các tiên-thế công-thần, sai vẽ di-tượng của 28 vị tướng soái đã giúp tiên-vương, đem treo tại gác Vân-dài (đài mây) ở Nam-cung. — *Phận không gác khói, đài mây* : Ý nói dẫu không được vinh-dự như các huân-thần danh-tướng. — *Cờ thường* : cờ dùng trong các trận mạc. Cờ thường có thêu mặt trăng, mặt trời ; cờ cân theo rồng châu. Trên mặt hai loại cờ này thường thêu tên các tướng-sĩ có chiến-công oanh-liệt. — *Cõi tuổi* : tuổi vàng, cõi của người chết. — *Làng mây* : làng ở trong đám mây thoát ý ở điển : người Hoa-Phong chúc vua Nghiêu « Khi bệ-hạ thăng-hà, hương-hồn sẽ theo đám bạch-vân mà về đề hưởng trên trời ». — *Ơn vũ-lộ* : là ơn nhà vua ví như mưa móc thấm-nhuần. — *Hồi loan* : xe vua trở về ; ý chỉ vua Gia-Long sau khi lấy xong Bắc-hà thì trở về Phú-xuân. — *Quảng, Thuận, Nghệ, Thanh* : Quảng - bình, Quảng-trị, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Thuận-hóa, Nghệ-an và Thanh-hóa. — *Đèo Ngang* : là đèo Hoành-sơn ở giữa Hà-lĩnh và Quảng-bình. — *Ngo, vị, thân, dậu* : tức là những năm 1798 đến 1801. — *Cái sinh không, cái tử cũng là không* : thoát ý từ hai chữ « sắc, không » của nhà Phật. — *Phận thủy có, phận chung sao chẳng có* : (thủy : lúc đầu ; chung : lúc cuối) ý nói lúc gian-hiêm thì sống để phục-vụ mà lúc thái-bình về lại chết. — *Nền phủ định* : thoát ý ở chữ Hán « can qua phủ-định » nghĩa là việc đánh dẹp vừa yên, là vừa mới kết-liệu cuộc chiến-chinh. — *Hồn phách dẫu cũng ngày tháng Thuần, Nghiêu ; hài cốt đó cũng nước non Thang, Vũ* : (Đường, Nghiêu (Trung-quốc) làm vua từ năm 2357 trước Tây-lịch, chinh-trị rất ôn-hòa ; Ngụ-Thuần (Trung-quốc) là vua từ năm 2285 trước Công-nguyên. Dưới hai đời vua này, thiên-hạ hưởng thái-bình. Vua Vũ (Trung-quốc) khai sáng nhà Hạ lên ngôi năm 2205 trước Tây-lịch. Vua này đã chia năm ra 24 phần, mỗi phần gồm 14 hay 15 ngày. Vua Thang (Trung-quốc) là vua khai sáng nhà Thương. Tác-giả đã dẫn các đời vua thịnh-trị như trên này để sánh với đời vua Gia-Long). Ý cả câu nói hồn-phách được vui thỏa, yên-ôn, còn hài-cốt thì được nhà vua chăm-nom tử-tế.

Cơ huyền-diệu: máy trời đất xoay vần thần-diệu và bí-mật. *Kiếp tái-sinh lại nhận ửu Tiên-quân*: ý nói nếu hóa kiếp sau sống lại thì nên đến cửa dinh Tiên-quân mà lãnh nhận.— *Linh thời hộ hoàng-triều cho bề lặng sông trong, duy vạn-kỷ chẳng dời ngôi bảo tộc*: (bề lặng sông trong: cảnh thái-bình; 12 năm là một kỷ, 100 năm là một thế-kỷ; ngôi bảo tộc: ngôi báu và tộc-vận nhà vua, ý nói nếu khôn thiêng thì nên phù-hộ cho nhà vua được thái-bình để ngôi vua truyền mãi đến muôn đời sau.— *Thượng hưởng*: mong kẻ mình tế hưởng những lễ vật dâng tế.

(Bài chú giải này trích trong *Văn-học Việt-Nam* của Phạm-văn-Diêu)



CHƯƠNG II

THÀNH-TỔ (1820-1840) NIÊN HIỆU : MINH-MẠNG

- 1.— *Việc chính-trị trong nước (cải tổ các cơ quan trung-ương và chế-độ hành-chính, xã-hội, kinh-tế, tài chính trong nước).*
- 2.— *Các vụ phiến-loạn đã xảy ra ở Bắc-Việt và Nam-Việt.*
- 3.— *Vụ án Lê văn-Duyệt và Lê-Chất.*
- 4.— *Chiến sự với Tiêm-La, Ai-Lao và sự thất bại chính-trị và quân sự ở Chân-Lạp.*
- 5.— *Việc giao-thiệp với các nước Tây-phương.*

Vài nét về Minh-Mạng

Lên thay vua Gia-Long, hoàng-tử Đảm lấy hiệu là Minh-Mạng. Hoàng-tử Đảm là con bà thứ-phụ sinh tại làng Tân-Lộc (gần Sài-côn) ngày 23 tháng 4 năm thứ 25 đời Cảnh-hung, tức là năm Tân-hợi (25-5-1791). Đảm là con thứ tư vua Gia-Long. Việc đặt Hoàng tử Đảm lên nối ngôi là do Hoàng-tử Cảnh, con trưởng của Gia-Long đã mất (20-3-1801). Theo thường lệ thì con trai của Cảnh được thay vào địa-vị chí-tôn này nhưng Gia-Long thấy cháu đích-tôn của mình còn nhỏ e không đủ sức giữ-gìn ngôi báu nên đề cho Đảm nối tiếp mình, mặc dầu hai lão-thần Lê văn-Duyệt và Phạm đăng-Hung ngỏ ý can ngăn. Sự thực vua ấu-trĩ thì dễ bị các đại thần thao-túng có khi loạn chính-sự, Gia-Long lo xa không phải vô lý, nhất là vì vừa mới chiếm được cái

ngai vàng Gia-Long lại càng cần thận hơn, huống hồ Gia-Long từ quân sự đến chính-trị vốn là một con người rất kỹ tính.

Minh-Mạng lên cầm quyền bấy giờ mới có 28 tuổi rưỡi Nhà vua được học hành khá nhiều nên khi giữ ngôi chúa tể không hề có gì bỡ ngỡ trong địa-vị của mình. Tuy sức khoẻ không dồi dào, thân mảnh mai, nét mặt lạnh lùng, nhưng nhà vua thông minh, cương quyết và rất tận tâm với nước với dân. Từ nhỏ nhà vua được học giáo-sư Tàu, thấm nhuần lý-thuyết Khổng Mạnh, phong-phú tinh-cảm do đó mà trở nên một ông vua khôn-ngoaan mẫu-mực và rất văn-tự. Nhà vua từ thiếu thời đã thích văn chương nên đã tập dịch những điều mình học ra thơ đề làm thành sách có ý lưu truyền hậu-thế dạy dân chúng, vì đó mà có 5 tập nhan-đề là *Thiên cổ khi văn* và *Cổ khi minh văn* bao gồm nhiều triết-lý về nhân-tình, thế-sự và tôn-giáo, nhưng óc Minh-Mạng vẫn là bộ óc mà các tư tưởng của Thiên-chúa-giáo và của Tây-phương không sao thâm-nhập được. Nhà vua ham đọc sách, chăm chỉ xem xét các việc từ lớn đến nhỏ rất tỉ-mỉ và lấy tôn-chỉ cho mọi công việc là phải sống hợp lòng người và lẽ trời.

Nhưng chính-sách đối ngoại của Minh-Mạng về phía xây Tây-phương như trong chương nói về Gia-Long, nhà vua đã chịu ảnh-hưởng của vua cha một cách sâu đậm. Đối với người Pháp nhà vua có đủ lịch sự nhưng cương quyết không đi đến chỗ thân mật, vì vậy sau này Chaigneau phải cuốn gói lên đường các giáo-sĩ của đạo Gia-tô phải đồ nhiều xương máu, người Tây-phương hờn oán.

Dưới thời Gia-Long, nền tảng quốc gia tuy đã được dựng đầy đủ nhưng chưa gây hẳn được một làn được không-khí hòa vui trong dân chúng. Suốt 18 năm cầm quyền, Gia-Long chưa nắm vững được nhân tâm, chưa giải quyết được đầy đủ mọi vấn-đề cơm áo, chưa thực-hiện nổi được một nền cai-trị công bằng, bác ái. Nhân-dân mong mỗi một kỷ-nguyên mới sau bao nhiêu thế-hệ đầm máu và nước mắt vì nội-tranh. Minh-Mạng bước lên ngôi đã cố gắng nhiều để chỉnh-dốn tình-trạng hầu đưa nước nhà đến chỗ vinh quang cũng như cá-nhân của nhà vua, nhưng nhà vua đã gặp khá nhiều trở-ngại.

Việc trước hết của Minh-Mạng là xin thụ phong với Trung-quốc. Ngày 10-10-1821, nhà vua cùng các triều thần và mấy ngàn binh sĩ lên đường ra Thăng-Long lo đón sứ Tàu. Trong dịp này dân, chúng Bắc-hà phải phục dịch rất khổ cực và

khí sứ-đoàn Bắc-kinh sang, bọn quan lại và bộ-hạ Tàu đều có những bộ điều kiêu-ngạo, hách dịch rất là khả ố. Mỗi khi họ đi qua các địa-phương, quan dân phải đón tiếp, cung phụng vật-thực rất chật-vật nhục-nhĩ, chỗ lo dựng nhà trạm, trang hoàng cờ quạt chỗ lo giết trâu mổ bò, gà vịt, gạo nước, sữa sang đường xá hàng mấy tháng trước.

Minh-Mạng lên ngôi đã thấy bị đặt trước một tình-thế khó-khăn từ trong ra đến ngoài. Một số đại-thần không tán thành chính-sách *phế truông lập thứ*, một số người khác được nhà vua tin dùng thì lại chưa có nhiều kinh-nghiệm, dân chúng thì lạnh-nhạt không khỏi đem lại cho nhà vua một cảm tưởng bất-trắc, bấp bênh, do đó nhà vua phải nghĩ ra kế-hoạch trấn tĩnh lòng người. Ngài đã vỗ-về các kẻ có uy thế, tỏ ra tin cần họ, giảm thuế cho dân chúng, phát chẩn cho kẻ nghèo, nhưng rất nghiêm ngặt đối với mọi sự vi-phạm luật-pháp. Với các giáo dân, nhà vua cũng cho thấy mình cần có độ lượng. Nhờ vậy sau một thời gian vất-vả, những mâu-thuẫn nội-tại dường đã bớt đi khá nhiều. Nhưng bên trong, ngài tìm cách triệt bỏ dần ảnh-hưởng của những kẻ có uy quyền (kể cả các giáo-sĩ) xét có thể trở nên đối-lập và nguy-hiểm. Ngài đã thành công, nhất là đã bãi-bỏ được chức Tổng-trấn sau khi Lê văn-Duyệt tạ-thế và đặt ra chức Tổng-đốc. Chức này chỉ bao trùm có vài ba tỉnh mà thôi. Từ đó quyền của Trung-trương lớn đến chỗ tuyệt-đối đề triều-đình thiết-lập hẳn cái vai trò thống-trị và độc đoán của mình.

Việc chấn chỉnh nội - bộ

Ngoài các cơ-cấu được Gia-Long lập ra nay vua Minh-Mạng đặt thêm các tự, các viện trong đó có Nội-các, Cơ-mật viện quan trọng hơn cả. Trước đây *Thị-thư viện* trông coi các việc thảo ra các biểu, sách, chế, cáo, sắc, chương, tấu và các giấy tờ cơ-mật quan trọng như một Bí-thư phòng ngày nay. Năm Minh-Mạng nguyên niên (Canh-thìn 1820) *Thị-thư viện* đổi ra *Văn-thư-phòng* và mười năm sau đổi ra *Nội-các*. Một số quan tứ-phẩm trở lên được xưng vào cơ-quan này.

Năm Giáp-ngọ (1834) tức là Minh-Mạng thứ 15, rập theo *Khu-mật-viện* của nhà Tống và *Quán-cơ-sứ* của nhà Thanh, vua Thánh-tổ đặt ra *Cơ-mật-viện*. Nhân viên *Cơ-mật-viện* gồm có 4 văn và võ-quan từ tam phẩm trở lên do nhà vua chỉ-định theo sự tin-nhiệm trước hết. Thuộc-viên là các Viên-ngoại-lang, chủ-sự, tư-vụ, biên-tu kén ở các Bộ, Viện.

Năm Bình-thân (1836) tức năm Minh-Mạng 17, nhà vua đặt *Tôn-nhân-phủ* để trông nom các việc của hoàng-gia, đứng đầu cơ-quan này có một viên chức có uy tín và cao-niên trong tôn-tộc của nhà vua. Nhà vua lập ra 7 miếu thờ tổ tiên : những miếu bên tả gọi là *Chiêu*, các miếu bên hữu gọi là *Mục*. Con cháu thì chia ra thành chi, mỗi chi có một chữ riêng và sắp đặt từ thân đến sơ trong các dòng *Chiêu* hay *Mục*. Làm việc trong *Tôn nhân phủ* có một *Tôn-nhân-linh* và hai người *Tôn-chính* tả hữu, *Tôn-nhân* hai người có nhiệm-vụ lập sổ sách ghi chép mọi người con cháu xa gần để cấp bổng lộc chức tước, và nuôi dưỡng. Ngoài các chức này có chức *Tả hữu Tôn-khanh*, *Tả hữu tả-lý* để lo việc tang hôn, giúp đỡ kẻ cô ấu.

Quan-chế : Từ triều-đình ra tới các tỉnh có các phẩm-cấp quan-cước như sau và mỗi phẩm chia ra hai bậc : Chánh và Tông (Chánh ở trên Tông) :

Phẩm trật	Ngạch	Chức - vụ
<i>Chánh nhất-phẩm :</i>	<i>Văn :</i>	<i>Cần-chánh điện Đại-học-sĩ, Văn-minh điện Đại-học-sĩ, Võ-hiến điện đại-học-sĩ, Đổng-các đại-học-sĩ.</i>
	<i>Võ :</i>	<i>Ngũ-quân Đô-thống-phủ, Đô thống Chương-phủ-sự (như các cấp tướng đời nay).</i>
<i>Tông nhất-phẩm :</i>	<i>Văn :</i>	<i>Hiệp-biện Đại-học-sĩ.</i>
	<i>Võ :</i>	<i>Ngũ-quân Đô-thống-phủ, Đô-thống.</i>
<i>Chánh nhị-phẩm :</i>	<i>Văn :</i>	<i>Thượng-thư, Tổng-dốc, Tả-hữu phó Đô ngự-sĩ.</i>
	<i>Võ :</i>	<i>Chương-vệ, Kinh-xa Đô-úy, Đô-chỉ-huy sứ, Phó đô-dốc.</i>

Phẩm trật	Ngạch	Chức - vụ
Chánh tam-phẩm :	Văn :	Chưởng - viện học - sĩ, Thái-lang, Đại-lý tự-khanh, Thái-thường tự-khanh, Bồi-chính-sứ, Trục-học-sĩ, Thông-chính-sứ, Thiêm-sứ, Phủ-đoãn.
	Võ :	Nhất-dãg thị - vệ, Chỉ-huy-sứ, Thân cấm binh vệ - úy, Lãnh - binh
Tòng tam-phẩm :	Văn :	Quang - lộc tự khanh, Thái-bộc tự khanh, Thông - chính phó sứ.
	Võ :	Binh mã-sứ, Tinh - binh vệ-úy, Thân cấm-binh phó vệ-úy, Phó lãnh-binh, Khiêu-kỵ đô-úy, Phó mã đô-úy.
Chánh tứ-phẩm :	Văn :	Hồng-lô tự khanh, Đại-lý tự thiếu-khanh, Thái-thường tự thiếu-khanh, Tế - tửu, Lang-trung, Thị-độc học-sĩ, Thiếu thiêm-sứ, Thái-y viện-sứ, Tào chính-sứ, Phủ-thừa, Án sát-sứ.
	Võ :	Quán-cơ, nhị - dãg thị-vệ, Binh mã phó sứ, Tinh-binh phó vệ-úy, Thành thủ-úy.
Tòng tứ-phẩm :	Văn :	Quang - lộc tự thiếu - khanh, Thái - bộc tự thiếu - khanh, Chưởng-ấn cấp sự trung, Thị-giảng học-sĩ, Kinh-kỳ đạo ngự-

Phẩm trật	Ngạch	Chức - vụ
	Võ :	sử, Tư-nghiệp, Tư-lễ-sử, Quản đạo. Phó quản-cơ, Tuyền-úy-sử, Kỵ đô-úy.
Chánh ngũ - phẩm :	Văn :	Hồng - lô tự thiếu - khanh - Giám - sát ngự - sử, Hàn-lâm, viện thị-dộc, Viên-ngoại-lang, Trưởng-sử, Tư-lễ phó-sử, Ngự y, Giám-chánh, Tào chánh phó sử, Đốc - học, Phó quân - đạo.
	Võ :	Tam-dăng thị-vệ, Thôn cấm-binh, Chánh đội - trưởng, Phòng thủ - úy.
Tòng ngũ - phẩm :	Văn :	Hàn-lâm-viện thị-giảng, Hàn lâm-viện thừa-chủ, Miếu-lang, Giám - phó, Phó trưởng - sử, Phó ngự-y, Tri-phủ.
	Võ :	Tinh-binh chánh - đội, Tư-dăng thị-vệ, Thôn cấm-binh Chánh đội - trưởng suất - đội Tuyền phó-sử, Phi-kỵ-úy.
Chánh lục-phẩm :	Văn :	Hàn - lâm - viện trước - tác, Chủ-sự, Đồng tri-phủ, Kinh-huyện, Tri-huyện, Y-lả viện-phán, Ngũ-quan-chánh.
	Võ :	Ngũ-dăng thị-vệ, Cấm-y hiệu úy, Tinh - binh - chánh đội-

Phàm trật	Ngạch	Chức - vụ
		Trưởng, Suất đội thổ - binh chánh - đội, Trợ - quốc - lang.
Tòng - lục - phẩm :	Văn :	Hàn-lâm-viện tu soạn, Tri- huyệu, Tri-châu, Miếu thừa, Học-chánh, Thông-phán, Thổ tri-phủ, Y-hữu viện phán.
	Võ :	Thần cấm binh chánh đội trưởng, An-ky-ủy, Thổ binh chánh đội-trưởng xuất - đội.
Chánh - thất - phẩm :	Văn :	Hàn-lâm-viện biên tu, Tư vụ, Lục-sự, Giám-thừa, Giám- linh dài - lang, Giáo - thụ, kinh-lịch.
	Võ :	Thần cấm binh chánh đội trưởng, Nội - tạo tư - chánh tượng, Tinh binh chánh đội trưởng.
Tòng - thất - phẩm :	Văn :	Hàn-lâm-viện kiểm thảo, Y- chánh, Tinh-binh dài - lang, Thổ tri-huyệu, Tri-châu.
	Võ :	Tinh-binh đội trưởng, Phụng ân úy, Dịch-thừa, Tòng thất- phẩm thiên hộ, Nội tạo phó tư-tượng.

Phàm trật	Ngạch	Chức - vụ
Chánh-bát-phàm :	Văn :	Hàn-lâm-viện điển-tịch, Huấn-đạo, chánh bát-phàm thơ lại.
	Võ :	Chánh bát-phàm đội-trưởng, Chánh bát-phàm bá-hộ, Dịch-mục, Chánh bát-phàm chánh tư-tượng.
Tổng-bát-phàm :	Văn :	Hàn-lâm-viện điển-bạ, Y-phó, Tổng bát-phàm thơ lại.
	Võ :	Tổng bát-phàm đội-trưởng, Tổng bát-phàm bá-hộ, Thừa-án-úy Tổng bát-phàm phó tư-tượng.
Chánh-cửu-phàm :	Văn :	Hàn-lâm-viện cung-phụng, Chánh cửu-phàm thơ lại, Thái-y y-chánh, Tư-thừa, Phủ-lai-mục.
	Võ :	Chánh cửu-phàm đội-trưởng, Phủ-lệ-mục, chánh cửu-phàm bá-bộ, Chánh cửu-phàm tượng-mục.
Tổng-cửu-phàm :	Văn :	Hàn-lâm-viện dãi-chiếu, Tổng cửu-phàm thơ lại, Tỉnh-g-sinh, huyện-lai-mục, chánh-tổng.
	Võ :	Tổng cửu-phàm đội-trưởng, Tổng cửu-phàm bá-bộ, Huyện-lệ-mục, Tổng cửu-phàm tượng-mục.

Ngạch cai-trị ở các tỉnh — Đến Minh-Mạng thứ 12 tức là năm Tân-mão (1831) các *Trấn* bị bãi bỏ để đổi ra làm *Tỉnh* theo lối nhà Thanh và đặt chức *Tổng-đốc*, *Tuần-phủ*, *Bổ chánh sứ*, *Án-sát-sứ* và *Lĩnh-binh*. *Chế-độ* *Tổng-trấn*, *Lưu-trấn* cáo chung ở Bắc-thành và Gia-định-thành có lẽ do ý việc quân sự hóa hành chính không cần nữa. Kinh-nghiệm còn cho hay chức *Tổng-trấn* lớn quyền quá có ảnh-hưởng không lợi cho uy-thế của *Trung-ương*. Nay đặt ra chức *Tổng-đốc* là do chủ-trương phân quyền thì việc dân vài ba tỉnh được một thượng quan trông coi có kết quả tốt đẹp hơn là toàn thể miền Bắc hay miền Nam gửi vào tay một người.

Tổng-đốc coi việc quân dân, khảo-hạch quan lại, thi cử sửa sang đường-sá, sông ngòi; *Tuần-phủ* coi việc chính-trị, học chánh, phong-tục; *Bổ chánh-sứ* coi thuế má, đinh, điền, lệnh thi hành ân trạch, những lệnh cấm của triều đình; *Án-sát-sứ* coi tư pháp, trạm dịch; *Lĩnh-binh* giữ việc quân sự, gìn giữ trật-tự an-ninh trong tỉnh. Từ *Tuần-phủ* trở xuống đều phải tuân lệnh của quan *Tổng-đốc*. *Tổng-đốc* là quan cai trị ở một tỉnh lớn hay có khi coi tới hai ba tỉnh. Ở các tỉnh nhỏ chỉ đặt chức *Tuần-phủ* là quan đầu tỉnh. *Chế-độ lương bổng*.— Năm Minh-Mạng thứ 20 (Kỷ-hợi 1839) lương bổng đồng niên và tiền xuân phục của các quan lại, viên chức được định như sau :

Phẩm trật	Tiền	Gạo	Tiền xuân phục
— <i>Chánh nhất phẩm</i>	400 quan	300 phượng	70 quan
<i>Tòng nhất</i> —	300 —	250 —	60 —
— <i>Chánh nhị</i> —	250 —	250 —	50 —
<i>Tòng nhị</i> —	180 —	150 —	30 —
— <i>Chánh tam</i> —	150 —	120 —	20 —
<i>Tòng tam</i> —	120 —	90 —	16 —
— <i>Chánh tứ</i> —	80 —	60 —	14 —
<i>Tòng tứ</i> —	60 —	50 —	10 —
— <i>Chánh ngũ</i> —	40 —	35 —	9 —
<i>Tòng ngũ</i> —	35 —	30 —	8 —
— <i>Chánh lục</i> —	30 —	25 —	7 —
<i>Tòng lục</i> —	25 —	22 —	6 —
— <i>Chánh thất</i> —	25 —	20 —	5 —
<i>Tòng thất</i> —	22 —	20 —	5 —
— <i>Chánh bát</i> —	20 —	18 —	4 —
<i>Tòng bát</i> —	20 —	18 —	4 —
— <i>Chánh cửu</i> —	18 —	16 —	4 —
<i>Tòng cửu</i> —	18 —	16 —	4 —

Lại dịch binh tượng : mỗi tháng một quan, gạo một phương
Hậu bổ : mỗi tháng lĩnh 2 quan tiền và 2 phương gạo.

Các quan từ nhất đến tam phẩm, mỗi năm hai kỳ trình giấy lĩnh bổng ; từ tứ phẩm đến thất phẩm mỗi năm bốn kỳ vào cuối xuân, hạ, thu, đông trình giấy lĩnh bổng ; từ bát, cửu phẩm trở xuống được lĩnh bổng vào ngày cuối tháng (*nguyệt bổng*).

Xét chế-độ lương bổng trên đây, ta thấy các quan lại đời xưa sống quá thanh bạch mặc dầu mức sinh-hoạt thuở đó không cao như ngày nay. Nhưng cũng vì lương bổng ít ỏi nên triều-đình có đặt ra mỗi khoản tiền gọi là tiền dưỡng-liêm để cấp cho các quan phủ-huyện cho khỏi thiếu-thốn mà sinh ra những việc hối lộ, nhũng lạm. Tiền này được phát hàng năm theo cấp bậc sau đây :

Tri-phủ : Tối yếu-khuyết được lĩnh 50 quan ; yếu-khuyết 40 quan ; khuyết 30 quan ; giản khuyết 25 quan.

Đồng tri-phủ : Tối yếu khuyết được lĩnh 50 quan ; yếu-khuyết 40 quan ; khuyết 30 quan ; giản khuyết 25 quan.

Tri-huyện, tri-châu : Tối yếu-khuyết lĩnh 40 quan ; yếu-khuyết 30 quan ; trung khuyết 25 quan ; giản-khuyết 20 quan.

Việc học và khoa cử. — Nhà Nguyễn sáng nghiệp cũng tiếp tục việc mở khoa thi và Quốc tử-giám như các tiền-triều. khi Gia-Long đang ở ngôi mới có khoa thi Hương mà thôi, đến năm Nhâm-ngọ (1822) tức là năm Minh-Mạng thứ ba mới mở khoa thi Hội, thi Đình để lấy tiến-sĩ. Bảy năm sau (1829 Minh-Mạng thứ 10) nhà vua lại cho người trúng cách nhưng không đủ điểm (*cấp phân*) được đỗ phó bảng là một bậc thi chỉ bắt đầu có từ đó.

Trước đây cứ 6 năm mở một khoa thi nhưng vì nhu-cầu đời bấy giờ đòi hỏi nhiều nên rút xuống ba năm có một kỳ thi mở vào các năm Tí, Ngọ, Mão, Dậu cho Hương-thí; Thìn, Tuất, Sửu, Mùi cho Hội-thí. Chương trình thi cử vẫn như dưới đời Gia-Long (kỳ đệ nhất thi Kinh nghĩa ; kỳ đệ nhị thi Tứ lục ; kỳ đệ tam thi Phú ; kỳ đệ tứ thi văn sách). Ai qua được ba kỳ đầu tức là đỗ tam trường gọi là sinh-đồ. Ai đỗ tứ-trường gọi là Hương-cống. Nay đời sinh-đồ ra Tú-tài, Hương-cống ra Cử nhân.

Xét ra đến triều Minh-Mạng, khoa cử được phỏng theo lễ lối của nhà Thanh và người học sinh phải đi qua những giai đoạn dưới đây :

Học-sinh, bắt đầu do trường huyện, phủ khảo-bạch, trúng cách mới gọi Thí-sinh hay khóa-sinh.

Quyền hạch do quan Huấn-đạo ở huyện, quan Giáo-thọ ở phủ chấm đậu rồi mới đệ quan Đốc-học ở tỉnh duyệt lại, Duyệt được trúng tuyển rồi mới yết bảng Thí-sinh.

Có đỗ thí-sinh, mới được vào thi Hương. (Hương-thí).

Thi khoa Hương thì có bốn trường tức là 4 kỳ thi. Kỳ đệ nhất được khảo-quan chấm về hạng thứ, bình, ưu, thế là được yết trên bảng vào kỳ đệ nhị.

Còn như văn dõ bị phê « *liệt* » ấy là rớt, không được vào kỳ đệ nhị.

Từ kỳ đệ nhất, đệ nhị, đến kỳ tam, 3 kỳ ấy chỉ phê *thứ* tức là đỗ Tú tài.

Như trong 3 kỳ mà có 1 kỳ được *bình ưu* thì được yết bảng vào kỳ đệ tứ; gọi là trường phúc hạch.

Kỳ đệ tứ dầu phê *thứ* cũng được đỗ cử-nhân. Trừ ra văn lý dõ tệ, hoặc bất thông hay làm không đủ bài thì mới bị truất. Nhẹ thì truất xuống hạng Tú tài, nặng thì truất tuốt.

Các quan trường, từ sơ-khảo, phúc-khảo, giám-khảo, phân khảo đến chánh, phó chủ-khảo hội-đồng lại chiếu theo quyền nào thắng nghĩa là nhiều ưu, bình đề sắp thứ tự.

Cử nhân đỗ đầu gọi là Thủ-khoa hay Giải-nguyên.

Điều kiện buộc thí sinh.— Thí-sinh nào đã can án từ 3 tháng trở lên, không được dự thi

Đời ông cố (tằng tổ), ông nội và thân sinh cũng vậy. Nếu 3 đời ấy có can án thì con cháu không được thi. Cho nên trong quyền thi, trang ngoài phải kê khai cả ba đời, tên họ và nghề nghiệp rõ ràng, đề quan trên dễ bề tra xét.

Con nhà hát bộ, phường chèo cũng không được đi thi. Đời bấy giờ quan-niệm hạng người đó là : « *Xướng ca vô loài* ».

Phạm trường-quí bị phạt thế nào ? Điều thứ 1 viết phạm tên húy nhà vua, tùy theo chữ húy nặng nhẹ, kết án từ 3 tháng đến một năm rưỡi. Nhưng dù nặng dù nhẹ đã bị án rồi, lần sau cũng không được thi nữa.

Điều thứ 2, làm văn quá bất thông, hay làm không đủ quyền, cũng bị án.

Điều thứ 3, mang sách theo, bị lĩnh bắt được, tuy không bị án, nhưng tự hậu không được thi nữa.

Mười người khác làm văn hay làm hộ cho người cũng đều bị trục xuất khỏi trường và lần sau không được thi nữa.

(Cụ Phan bội-Châu có lần mang sách hộ cho học trò vào trường thi bị bắt cũng bị án « trọn đời không được thi ». Về sau cụ phải đổi tên).

Hội-thí.— Thí hội phải 5 kỳ. Cử nhân mới được vào thi Tú tài phải có chân ấm sanh (con quan lớn) Tôn-sinh (giòng nhà vua) hay lễ học-sinh thượng hạng mới được vào thi.

Bài thí Hội nhiều hơn thi Hương.

Đời bấy giờ thí Hội phê bằng *phân* chứ không như thi Hương phê ưu, bình, thứ, liệt.

Hễ được 1 phân là được đỗ. Từ kỳ nhứt đến kỳ đệ tứ nếu quyền nào nhiều phân lớn, tức là Hội nguyên, dưới nữa là chánh trúng cách và phó trúng cách.

Đình-thí.— Với Đình-thí quyền nào nhiều phân thì liệt vào hạng Bảng nhãn, Thám hoa, Hoàng-giáp, Tiến-sĩ, Phó bảng, cứ theo phân điểm mà liệt thứ-tự.

Hạng Bảng nhãn. Thám hoa được ấn-định phải được từ 4, 5 phân trở lên, 3 phân thì Hoàng giáp 1, 2 phân thì Tiến sĩ. Không có phân nào cũng được vua gia ân cho phân để đỗ Phó bảng.

Đình-nguyên.— Ai đỗ đầu kỳ Đình-thí gọi là Đình-nguyên. Thí-sinh là Bảng nhãn, Thám hoa, Hoàng-giáp, Tiến-sĩ chẳng hạn.

Triều Nguyễn không lấy đậu Trạng nguyên như đời Lê văn-lý giỏi lắm cũng chỉ được phê đậu Bảng nhãn là cùng. Đến khi bỏ quan thì từ Tú tài lên Bảng nhãn, chỉ hơn nhau một bậc.

Thí-dụ : Tú-tài thi hàm cung phụng (9) Cử-nhơn được hàm Điền-tịch (8) Phó-bảng hàm kiểm-thảo (7-1) Tiến-sĩ hàm Biên-tu (6-1) Hoàng-giáp hàm Tu-soạn (6-2) Thám-hoa, Bảng-nhân hàm Thị-giảng (5-2).

Nhưng được danh giá là có chữ « *Hàn lâm viện* ».

Còn những người không do khoa-mục xuất thân thì chỉ được hàm Văn-giải mà thôi, chứ không được hàm Hàn-lâm.

Tam-nguyên.— Tam nguyên không phải khoa thi. Danh từ ấy đề-xưng hô-những vị văn-nhơn đỗ-luôn 3 lần-giải-nhất :

Hương-thi, đỗ giải-nguyên. Hội-thi, đỗ Hội-nguyên. Đình-thi, đỗ Đình-nguyên. Tức-như cụ Nguyễn-Khuyến-tự Yên-Đồ ở Bắc-hà vậy.

Lịch-sử Tam nguyên ở Việt-Nam chỉ có 2 cụ ; Trước cụ Yên-Đồ, có cụ Trần-bích-San tự Hy-tăng mà thôi.

Ông Nghè, ông Cống, ông Đồ.— Tại-sao có danh-hiệu « ông Nghè » ? Nghè, tức là miếu, Nghè.

Tục Việt-Nam ta ngày-xưa trong làng mà có ông Tiến-sĩ thì làng cấp cho ruộng hương-hỏa và lập miếu thờ. Miếu có tên riêng là « *Nghè* », nghĩa là một nhân-vật được dân chúng tôn thờ như một vị thần vậy. Tại-sao gọi « ông Cống » ?

Triều-đình muốn ưu-đãi một văn-sĩ đã nhiều khoa thi vào đến nhị tam trường mà không đỗ đạt, nên mới có ân-chỉ, cho những văn-nhân ấy, người nào tuổi ngoài 40, mà khoa trường lận-đận, thì được thi Cống-sinh.

Thi đỗ Cống-sinh, cũng được bổ quan ngang hàng với Cử-nhân. nhưng kém một bậc. Thí-dụ : Cử-nhân thì được lãnh hàm Điền-tịch, còn Cống-sinh thì chỉ hàm Điền-bạ mà thôi.

Ông Đồ.— Danh-hiệu Ông Đồ có từ đời Hậu-Lê.

Đời ấy có khoa thi Thái-học-sinh. Đồ-Sinh-đồ cũng được coi như Tú-tài sau này.

Còn căn-bản của người học trò vẫn là sự thông suốt các bộ Tứ thư, Ngũ kinh, Nam-Bắc sử kim cổ, Khổng, Mạnh, Chu Trinh.. Vào đến Đình-thí vẫn là thơ văn ca tụng thời-vụ đức hóa (!) của bản-triều với một học-trình như vậy, các khả-năng của người học trò vẫn chỉ hướng vào khoa cử đề đậu rồi ra làm quan, làm thư-lại nặng về nô-dịch và đạo đức một cách rõ rệt nhưng học một cách vụ thực, vụ lợi cho quốc gia hơn là cho bản thân thì hầu không có gì đáng kể hết.

Đề phê bình cái học cử-nghiệp, cái học làm lẫn ngay từ nguyên-tắc và căn bản này, Phan-chu-Trinh tự Tây-Hồ, một nhà cách-mạng cận-đại, một nho-già cấp-tiến, đã có những lời chua chất dưới đây:

*Đời chuộng văn chương người tham khoa-mục,
Đại-cô, liêu-cô suốt tháng dài mài,
Ngũ ngôn, thất ngôn quanh năm lặn lội.
Ngóng hơi thở của quan trường để làm văn sách,
Chích có thể phải, mà Thuấn có thể sai.
Nhặt dãi thừa của người Tàu để làm từ-phú,
Biên thi phải tí, ngẫu thi phải lục.
Tít tít những phường danh lợi, chợ Tề định đánh cắp vàng,
Lơ thơ bao kẻ hiền tài, sân Sở lưỡng buồn dâng ngọc.
Ấy chẳng riêng kể vì thân gia, tham vì lợi lộc,
Mà đến cả mấy kẻ quần chúng áo rộng trong một nước,
Lùa vào mấy ngàn vại nơi hắc-ám địa-ngục.*

Đoạn văn này trích trong
Lương Ngọc tất danh sơn phú

Vua Minh-Mạng là một ông vua thông minh thấy sự học trên đây bất lợi cho quốc-gia, thiếu chân giá-trị thường phàn nàn với những kẻ tả hữu rằng : « Khoa cử lâu nay làm-lạc quá nhiều, văn chương không có qui-cử nhất định, chỉ câu-nệ vào những lời xáo hủ. khoe khoang lẫn cho nhau, mỗi nhà một lối, nhân phẩm cao hay thấp tùy theo sự giáo-huấn của mỗi ông thầy, rồi khoa trằng lấy hay bỏ dở cũng do tự đó. Cái học viển vông như vậy làm gì chẳng hỏng nhân tài, nhưng lẽ lối này đã quen rồi khó mà thay đổi ngay được. phải lưu ý cải cách đi thi hơn »,

Ý-kiến của nhà vua xác-đáng như vậy, nhưng không ai có nổi tài tìm phương canh tân việc học để xây dựng một thể-hệ mới, đó là ta cứ coi như triều thần đời Minh-Mạng không kếp thiện-chí. Con mắt của người Việt nói riêng, của người Á-Đông nói chung từ mấy chục thế kỷ qua chỉ thấy có Trung-quốc là văn-minh, là gương thịnh hơn cả. Họ đã lóa mắt trước một Trung-quốc với các triều đại như Hán, Đường, Tống, Nguyên. Minh có những thi-nhân mặc-khách đại tài như Đỗ-phủ, Lý-Bạch, Tô Đông-Pha, với những vua thánh tôi thần như Nghiêu, Thuấn, Quân-Trọng. Quách-tử-Nghi, với những hiền-giả triết-gia như Khổng, Mạnh, Chu, Trình có ngò đầu bên ngoài Thế giới, nhiều dân tộc khác đang phát triển một nền văn minh học thuật thực-tế và ích lợi cho đời nhiều hơn. Với một cái học nông cạn, tầm con mắt quá gần-ngủi lại không chịu đi xa để học hỏi mặc dầu từ hai ba thế-kỷ trước họ đã thấy tàu bè, bóng dáng người Tây-phương ò-ạt đi về trên khắp các đại-dương. Những người lãnh-đạo quốc gia thiên cận như vậy thì làm sao có nổi những quan niệm thích ứng để cải tạo xã-hội theo những phương-hướng mới?

Việc soạn sách.— Quốc-sử-quán đã thành-hình dưới đời Gia-Long, đến Minh-Mạng cũng có sự chú-trọng vào cơ-quan này. Nhà vua xúc-tiến việc kiếm các sách cũ, tường-lệ những ai làm được những sách mới, nên đã có những cuốn sách dưới đây :

Tên sách	Số lượng	Tên tác - giả
1) Gia - định thống - chí	1 quyền	{ Trịnh-hoài-Đức (người Minh-Hương).
2) Minh-bột di - hoan văn-thảo	1 quyền	
3) Bản triều ngọc - phả	1 quyền	
4) Ký - sự	2 bản	{ Hoàng - công - Tài.
5) Khai-quốc công-nghiệp diển-chi	7 quyền	
		Cung - văn - Hi (người Quảng-Đức).

Tên sách	Số lượng	Tên tác - giả
6) <i>Minh - lương khải - cáo - lục</i>	34 quyển	Nguyễn - đình - Chính (người Thanh-Hóa).
7) <i>Cổ - sự biên - lục</i>	1 quyển	Võ - văn - Bưu (người Quảng-Đức).
8) <i>Tiết - thành thực - lục tiền-biên</i>	1 quyển	} Các quan soạn chung.
9) <i>Khâm - định tiểu bình- lưỡng kỳ phi-khẩu phương lược</i>	1 quyển	
10) <i>Ngự - chế tiểu - bình Nam-kỳ tặc-khẩu thi-tập</i>	1 quyển	Do vua Minh-Mạng soạn.
11) <i>Ngự-chế thi-tập</i>	1 quyển	

Riêng nhìn vào các tên sách tả dư những sách kê trên đây chỉ có tính cách lịch-sử địa dư và văn-chương chứ không có cuốn nào nêu ra những tư tưởng mới lạ về học-thuật hay thực-nghiệp để sửa đổi quốc-kế dân-sinh...

Cũng bắt chước đời (Hồng - Đức) Minh - Mạng cho soạn 10 điều Huấn-dụ để dạy bảo dân chúng vì cuối đời của Ngài trong nước đã nổi lên nhiều cuộc biến-động, phong-tục suy-vị, nhân-tâm đồi-bại.

- 1) *Đón nhân luân* : Trọng tam cương ngũ thường (Tam cương là đạo quân thần, phụ tử, phu-phụ), Ngũ-thường là Nhân, Nghĩa, Lễ, Tri, Tín).
- 2) *Chính tâm thuật* : Sửa lòng cho ngay thẳng để hợp với đạo Trời, và lòng Người,
- 3) *Vụ bản nghiệp* : Chăm nghề-nghiệp, giữ bổn-phận.
- 4) *Thượng tiết - kiệm* : Tránh xa-xỉ, hoang-phí.
- 5) *Hậu phong - tục* : Giữ-giữ và noi theo những lễ thói tốt đẹp.

- 6) *Huấn tử - đệ* : Lo việc dạy bảo con em điều hay lẽ phải.
- 7) *Sùng chính - học* : Học những sự ngay thẳng.
- 8) *Giới dâm thắc* : Tránh điều tà-dâm.
- 9) *Thận pháp - thủ* : Giữ mình khỏi làm điều phi-pháp.
- 10) *Quảng thiện - hạnh* : Mở rộng điều tốt lành.

Mười điều răn trên đây được phổ-biến xét ra vì năm Bình-Thân (1836) tức là năm Minh-Mạng thứ 17, có tờ trình của Giám-sát ngự-sử Bùi mậu - Tiên ở Bắc-thành nêu ra nhiều vụ lộn-xộn như sau : tại các làng có nạn cường-hào ác-bá ăn hiếp nhân-dân, cờ bạc rượu chè được công-khai tổ-chức, việc đồng-áng, canh cửi biếng-nhác, việc tế-lễ quỷ-thần xa-xỉ, việc hiếu-hỉ cũng rất tổn-phi khiến bao nhiêu gia-đình lâm vào công nợ phải bán nhà, bán cửa. Cũng trong dịp này Minh-Mạng đã xuống chiếu trách-cử các quan-lại và tông-lý địa-phương, đồng-thời nghiêm cấm cả những việc kiện-tụng điều-toa, những sự hống-hách của những kẻ thừa-hành chức-vụ và định cả phép-tắc dứt-khoát cho các việc tang-lễ công-tư (*chủ-thị Bội-lễ*) hễ ai vi-phạm sẽ bị tử-tội..,

Thời bấy giờ như trên đã nói, triều Gia-Long chưa khôi-phục nổi được tình-trạng cùng quần của nhân-dân, đến Minh-Mạng sự đói khổ vẫn còn là một sự-kiện thường-xuyên nên nhà vua phải mở nhà *duỡng-tế* để nuôi các người tàn-tật, già nua, những người cô-quả không có nơi trú-ngụ, mỗi ngày cấp cho hai mươi đồng tiền và nửa bát gạo. Các quan trấn phải xuất tiền, gạo trong kho ra chi-dụng về việc này.

Dinh-diễn và thuế-mã Thuế đinh và điền đã được sắp-đặt từ đời Thế-Tổ qua Minh.

Mạng vẫn được đề nguyên cho tới năm Bình-Thân (*Minh - Mạng thứ 17*) mới có sự sửa đổi ít nhiều. Bấy giờ xứ Nam-kỳ được đo-đạc vừa xong, tính ra điền được 600.075 mẫu. Các loại điền-thổ cần phải sắp lại ngạch cho hợp-lý — Còn đinh, điền, thổ trong nước cứ theo sô-bộ tổng-cộng lại được là 970.516 (?) suất-dinh và 4.063.892 mẫu vừa ruộng lẫn đất. Người Tàu sang sinh-sống ở nước ta lâu đời đã lập thành hương-ấp, nhất là ở Nam-kỳ, phải nộp hai lạng bạc đồng-niên và được trừ tạp-dịch ; Người già cả phải nộp một

nửa. Số Hoa-Kiều này lấy vợ sinh con ở đây được đối-đãi tử-lẽ như dân bản-địa. Họ được gọi là Minh-Hương do đã sang đây tị-nạn chính-trị từ thời nhà Minh thất-bại với Mãn-Thanh. Cầm đầu những người Minh-Hương là Mạc-Cửu được các chúa Nguyễn cho đất Hà tiên để khẩn-hoang và mở việc buôn-bán từ năm 1708. Ngoài ra còn những người Tàu của nhà Thanh cũng có mặt ở nước ta để buôn-bán phải nộp 6 quan năm tiền (nếu vào loại khá-giả) và nộp một nửa số thuế kẻ trên nếu không có vật-lực, nhưng hạn cho ba năm phải nộp đủ số thuế đã định.

Thuế muối được đánh như sau : mỗi ruộng muối đồng-niên phải nộp bằng muối từ 6 đến 10 phượng, mỗi phượng nộp bằng tiền thì phải từ 3 tiền cho đến 4 tiền 30 đồng. Ở đây ta không thấy sử ghi chép mỗi ruộng muối có diện-tích là bao nhiêu. Còn các thứ thuế mỏ, sản-vật v. v. . vẫn theo trước hoặc chỉ thay-đổi chút ít mà thôi.

Các cơ-quan Bắt đầu từ 1832 tỉnh Quảng-Đức được đổi ra Thừa-Thiên. Trông coi việc cai-trị ở đây là một quan Phủ-Doãn vào cấp bậc một Tổng-đốc nhưng quan-trọng hơn vì Thừa-Thiên nằm trong địa-phận của triều-đình: Phụ-tá cho quan Phủ-Doãn là Phủ-Thừa. Về quân-sự có một quan Đề-đốc lĩnh nhiệm-vụ giữ an-ninh và trật-tự cho Kinh-thành. Tòa Hành-chánh của Phủ Thừa-Thiên đóng ở góc phía Bắc Kinh-thành Huế ngày nay chiếm một khu đất dài 225 thước, ngang 110 thước, tường cao 2 thước, gồm 3 trại: trại giữa dành cho quan Đề-đốc, trại bên phải dành cho quan Phủ-Doãn, trại bên trái là bàn giấy của quan Phủ-Thừa. Mỗi trại chia ra 3 phòng cho các nhân viên làm việc.

Ở bên trong trại có một cái bệ. Quan ngồi trên bệ để xử việc. Trước trại là một cái sân. Dân có việc đứng ngoài sân. Ở phía sau phủ có 4 trại lính và nhà lao gọi là lao-xá.

Bộ hình.— Xét xử những vụ quan-trọng thường là Bộ-hình. Việc nhẹ thì do Phủ đảm trách. Nhiều vụ có tính-cách đặc biệt thì được đưa thẳng lên Bộ-hình. Dưới đời Minh-Mạng những việc xét xử các giáo-sĩ và giáo-đồ thường do Bộ-hình và ở đây có một quan Thượng, hai cố-vấn là Tham-tri và Thị-lang.

Vào Bộ-Hình, người ta phải đi qua Cửa Thượng-tứ ở phía Đông-Nam kinh-thành, đi độ 600 thước thì gặp một con đường trực-giao với con đường ta đang đi vào và song-song với con đường ngang ấy có một dãy nhà dài. Nơi đây là trụ-sở làm việc của lục Bộ (Bộ Hình, Bộ Lễ, Bộ Công, Bộ Binh, Bộ Lại, Bộ Hộ).

Bộ Hình có thể coi là một Tồi-cai pháp-viên. Quan Thượng ngồi ở trên bệ, hai bên tả, hữu có quan Tham-trì và Thị-lang và các viên thư-ký. Bị-cáo đứng ngoài sân, trên các bậc trước pháp-đình. Binh lính đứng sát họ cầm roi hoặc các khí-cụ để tra-tấn. Quan ngồi trong hõm ra, bị cáo đứng ngoài trả lời vào. Đôi khi họ được đứng, nhưng thường thường họ phải quỳ hay nằm sấp xuống đất, tay chân phải trói chặt vào cái cọc (cột) để đợi lệnh tra tấn mỗi khi cần.

Tòa Tam-pháp : Vai-trò của tòa Tam-pháp còn quan-trọng hơn cả Bộ Hình vì các việc kháng-tố lên nhà vua do Tòa này đệ lên. Tỉ dụ: Các án tử-hình, các quyết nghị của Bộ Hình hoặc của Phủ phải do Tòa chuyển đệ lên nhà vua lấy sự tối-hậu quyết-định trước khi thi-hành. Tòa này thường làm việc về mùa thu, gồm có ba cơ-quan: Tòa Đại-lý-thì, Tòa Đô-sát, Tòa Bộ Hình.

Tại đây, đằng trước có một cái sân rộng, bên cạnh có một cái trống lớn báo hiệu giờ làm việc và ai có điều khiếu-nại đến « *Ba tòa quan lớn* » được phép đánh ba tiếng trống thật mạnh và thật chậm, tiếp theo là những tiếng nhẹ và mau hơn. Khi nghe thấy tiếng trống, nhân viên của Tòa ra làm biên-bản rồi đệ lên quan tòa. Người đánh trống bị giữ lại suốt thời kỳ trông chờ quan trên xét xử. Rồi người đánh trống khiếu-nại đánh sai sẽ phải phạt ít nhất 100 roi.

Lao-xá. — Kinh-thành Huế có 2 lao-xá trừ-danh: Lao-xá của những bị-cáo cáo chưa thành án gọi là Trấn-phủ. Lao-xá của những người đã bị kết tội gọi là Khám-đường. Tuy vậy ngoài Trấn-phủ và Khám-đường còn có Lao-xá riêng của phủ Thừa-Thiên. Những bị cáo nào do cấp phủ xét thì bị giam ở đây. Và do sự ngẫu-nhiên *Cung quán* là nơi cư-ngụ của các đại sứ đã có thời biến thành nhà giam cho các Thừa-sai từ đời Minh-Mạng sau đó là trại *Võ-lâm*. Các đại sứ đến ở Cung quán trước ấy là các đại-diện Trung - quốc, Cao - mên, Lào, Tiêm-la

hoặc tù-trưởng các miền Thượng .v.v... Trại Võ - lâm cũng có tính cách ngẫu - nhiên như trên vì trại lính này lập ra để cho các quân - nhân hộ - vệ hoàng - thành đồn trú. (Cố Du tức P. Marchand đã bị giam tại trại này có lẽ cho cần mật hơn chăng?) Tại Trấn-phủ có 150 người lính canh gác nhật dạ. Tù - nhân ở đây chịu một chế - độ rất cực - khổ vì phải tự - túc về cơm ăn áo mặc (*trừ Khám-đường là nơi tù-nhân được cung-cấp mọi thứ*) dầu họ bị giải từ những nơi thật xa như Gia-định hay Bắc-Việt. Vào đến Trấn-phủ, muốn bớt sự ngược-đãi, tội nhân thường phải lo lót cho cai tù và nhà bếp vài lạng bạc và chai rượu chẳng hạn mới an thân. Nhưng sự an thân đó không được lâu dài là bao nhiêu vì cuối tháng các cai tù lại đổi phiên, tù-nhân lại phải tái diễn trò hối-lộ.

Các tù-nhân bị xử tử thì phải chết ở các pháp-trường dưới đây sau khi bị giam ở Khám-đường : Cổng chém, chợ An-hòa, Bãi dầu, phường Thọ-đức. Cổng chém ở ngoài thành-nội, phải đi theo quốc-lộ số 1 ngày nay rẽ về phía Bắc kinh thành, tới chợ An-hòa, cách chợ 100 thước ta gặp một cái cầu, đó là Cổng chém. Có khi người ta chém tội nhân ngay ở cạnh chợ. Bãi dầu là khu từ chợ Đông-Ba đi xuôi xuống Cửa Thuận, xưa được trồng dâu ở hai bên bờ sông Hương. Thọ-đức là một phường ngày xưa có xưởng đúc đại-bác của Jean de la Croix dưới đời chúa Hiền. Vùng này rất đông dân Công-giáo nên được chọn làm pháp trường có ý để khủng-bố tinh-thần của các giáo-sĩ và giáo-dân. Dĩ-nhiên những người chịu chết ở đây là con chiến của Chúa Gia-Tô.

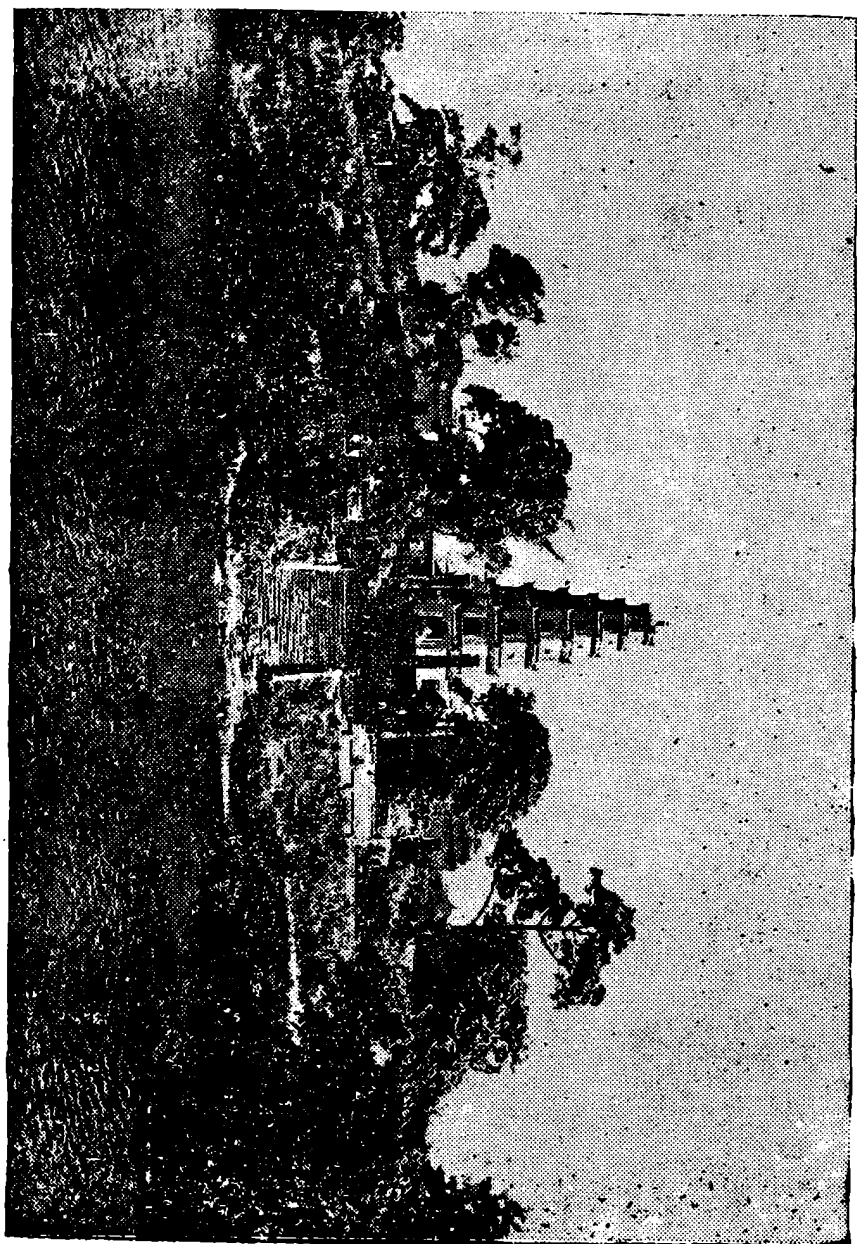
Việc binh-chế Trong những năm đầu của triều-đại Minh-Mạng, tình-hình trong nước được tương-đối yên-ổn, nhưng nhà vua cũng lưu - tâm đến việc vũ-bị và ra lệnh cho các quan chăm lo việc huấn-luyện các binh-sĩ phòng khi cần đến. Ngài cho lập thêm các đồn-ải ở các nơi hiểm-yếu, ở dọc theo bờ biển và tu-bổ lại các pháo-đài, tuy tiền-triều đã bắt tay vào những công việc này rồi. Ngài cho làm thêm các tàu đồng, tập thủy-quân, tuần-tiểu ở ngoài khơi vì thỉnh-thoảng vẫn xảy ra những vụ cướp phá của giặc Tàu-ô, (giặc biển người Tàu mặc áo đen nên mới có tên này).



TỔ YẾN, HANG YẾN và CHIM YẾN
(Hòn-ngoại — Nha-trang)

(Bản khắc này do Văn-hóa
Nguyệt-san cho mượn)

CHùa THIÊN - MŨ (1926)



Bấy giờ ở nước ta có 4 binh-chủng : bộ binh, thủy binh, tượng-binh và pháo-binh. Bộ-binh gồm có hai ngành : kinh binh và cơ-binh chia ra nhiều doanh, vệ, đội đóng giữ ở kinh-thành và các tỉnh. Mỗi doanh có 5 vệ, mỗi vệ có 10 đội, mỗi đội có 50 người, đứng đầu là Suất-đội và Đội-trưởng. Binh-khí của mỗi vệ gồm có hai khẩu thần-công (*dại-bác*) 200 khẩu điều-thương (phải chằm ngòi, chớ không có hạt nổ và cò bấm như súng trường ngày nay. Súng hỏa-mai mà ta thấy ở các miền Thượng tức là súng điều-thương ngày xưa). Cờ của mỗi vệ có 21 lá. Cơ-binh là lính riêng của mỗi tỉnh cũng chia ra cơ, ra đội. Cơ thì có Quân-cơ, Đội thì có Xuất-đội chỉ-huy.

Tượng-binh được tổ - chức thành đội, mỗi đội có 40 con voi. Số voi ở kinh-thành là 150 con, ở Quảng-Nam có 35 con, Bình-định có 30 con, Nghệ-an có 21 con, Quảng-bình, Quảng-ngãi, Thanh-hóa mỗi tỉnh có 15 con, Quảng-trị, Phú-yên, Bình-thuận, Ninh-bình mỗi nơi 7 con.

Thủy-binh gồm 15 vệ chia ra 3 doanh. Mỗi doanh có Chương-vệ quân đốc và có quan Đô-thống coi cả 3 doanh.

Nhà vua lại lập ra *Toán-giáo dưỡng-binh* lấy các con quan võ từ suất đội trở lên vào học và Võ-sinh được cấp lương bổng. Huấn-luyện đám võ-sinh này là các chức võ-cử của triều-đình.

Trong quân-đội cũng có một số y-sinh để trị bệnh cho những người đau yếu.

Tuy rằng việc vũ-bị bấy giờ cũng được nhà vua lưu-ý, thực sự mà nói thì việc mở mang về mặt quân-sự của ta bấy giờ không được thúc-đẩy một cách tích-cực. Cái quan-niệm trọng văn khinh võ vẫn nặng nề trong đầu óc mọi người Việt-Nam bấy giờ nên người ta chỉ xô nhau vào con đường sĩ-hoạn bởi chẳng tiến vì quan thì cũng đạt vì sư, nghĩa là chẳng võng anh đi trước võng nàng đi sau, thì cũng được làm ông đồ đến đâu cũng được bà con kính nể do địa-vị của nhà nho đã được minh-định trên cái cấp bậc Quan, sư, phụ. Kẻ học võ dầu có tài, có chút địa-vị cũng vẫn phải chịu sự mỉa-mai, khinh-rẻ của quần-chúng ngay chính-quyền cũng đã đặt quân nhân vào hạng thứ-yếu.

*Quan văn thất-phẩm thì sang
Quan võ thất-phẩm phải mang gươm hầu*

Thực-lực của quân-đội đời Nguyễn, ta chỉ thấy khi Gia-Long còn là Chúa Ánh đề vật nhau với Tây-Sơn và khi còn một số người Âu-Châu giúp việc huấn luyện và điều-khiển. Sau này nước đã hết chiến-tranh thì năng-lực của quân-đội suy giảm rõ-rệt, ngọn cơ ngờ-ngác, trống canh trễ-tràng. Có lẽ do cái tâm-lý cầu-an, hưởng lạc của quan liêu, võ tướng sau khi đã vất-vả, gian lao nhiều. Thằng-hoặc đôi khi có tập tành tui cũng chỉ cho tắc-trách, tuy đôi-khi có chỉ-dụ của nhà vua nhắc nhở. Mỗi năm mấy thầy cai, đội đem lính đi tập, mỗi chú lính chỉ được bắn năm ba phát đạn, bắn quá số hay không trúng thì lại phải dền tiền, vì thế đã có câu :

« Bắn súng không nên phải dền đạn »

Việc võ như thế thì giỏi làm sao được ! Ngoài ra cái tâm-trạng của người lính lại có nhiều sự nấp nùng bên trong nữa. Có kẻ bị bắt lính liên-miên ít khi trở về với gia-đình, có kẻ quanh năm ở chốn thị-thành, có kẻ suốt đời lên rừng xuống bể thay cho con cháu các nhà đại-gia, các ông tổng, bá, phú-hộ nhiều tiền đứt lót nên mới có những lời than van dưới đây :

*« Ba năm trấn thủ lưu đồn,
Ngày thì canh điểm, tối dồn việc quan.
Chém tre dẫn gỗ trên ngàn,
Hữu thân, hữu khổ phần nản cùng ai ?
Miếng ăn mắng trúc mắng mai
Những giằng cùng gió lấy ai bạn cùng ?
« Nước trong xanh con cá nó vẫy vùng!*

Mà mỗi khi người lính phải dời đi những vùng sơn cước họ coi như bị lên án tử hình vì đến những nơi lam-chương mà ta quen gọi là ma thiêng nước độc, họ có cảm-tưởng có đi không có về.

*« Thùng ! thùng ! trống đánh ngũ liên.
« Bước chân xuống thuyền nước mất như mưa...*

Sau này tới đời Thiệu-Trị và Tự-Đức, cái hậu-quả của việc binh quá biếng nhác ở Việt-Nam như trên đã nói kèm theo những lỗi lầm chính-trị quá lớn đã giúp người Pháp thắng trận dễ dàng, có đâu là điều đáng lạ. Huống-hở, theo nhận xét của những người đã sống thử đó, dưới đời Minh-Mạng việc

gian lận về sổ sách, về quân-số rất nhiều nên chuyện binh nhiều tướng lắm chỉ là ở trên giấy tờ mà thôi. Sau Minh-Mạng tình-trạng quân đội của ta còn bi-đát và xuống dốc nhiều hơn nữa.

Các vụ loạn từ Bắc vào Nam

Như trên đã nói, Gia-Long mặc dầu đã toàn thắng ở khắp các chiến-trường từ Nam ra Bắc, đặt được các cơ-cấu cần thiết cho việc trị dân giữ nước, nhưng đối với hai xứ Nam và Bắc nhà vua chưa nắm được hết nhân tâm. Uy-quyền trung ương (Huế) chưa thấu ra được khắp hai miền này vì sĩ-phu và nhân dân Bắc-hà còn có óc « *hoài Lê* » và chỉ « *hoài Lê* » thôi. Bên cạnh các chúa Trịnh, các vua Lê mất hết uy quyền thì lại thành cái lý-do cho nhân dân thương con cháu vua Lê Thái-tổ. Trái lại, họ Trịnh trực tiếp nắm vận mệnh miền Bắc cũng có nhiều giai-đoạn thi-hành được đủ điều ân uy mà dân vẫn không ưa, đủ rõ sự-nghiệp cứu quốc, giải-phóng dân tộc của người áo vải đất Lam-sơn, vẫn còn vang bóng mạnh mẽ, sâu rộng vào lòng người đến bậc nào. Cái tâm-lý của quần chúng Việt Nam bao giờ cũng thấm thiết rất nhiều với những việc nghĩa khí, cao cả. Sau này đến khi vua Quang-Trung ra Bắc, chiến công diệt Trịnh, đuổi Thanh được thắng-lợi mau lẹ một phần cũng do sự ủng-hộ của nhân dân Bắc-hà bởi *Phù Lê*, đuổi ngoại-xâm là chính nghĩa. Đến Gia-Long cái chiêu-bài *Phù Lê* cũng vẫn còn hiệu lực nhưng đến khi Gia-Long thành công xong bước lên ngai vàng thì sĩ-dân Bắc-hà hầu hết bắt đầu mất cả cảm tình, do đấy mầm loạn được nhen-nhúm dần lên. Sau đó hơn 20 năm, là khi Minh-Mạng mới cầm quyền được hai năm, giặc cỏ ở những vùng quê đã nổi dậy như ong, rồi tiếp đến là các đám giặc lớn.

Về miền Nam, Tiêm-la vốn có cựu-hiềm với Việt-Nam từ lâu đời trước vấn-đề Chân-lạp bởi Tiêm-la cũng muốn được làm « *thiên-triều* » của dân chùa Tháp. Nhưng mỗi khi người Tiêm bước chân vào đất Mên lại bị người Việt hắt ra từ thế-kỷ này qua thế-kỷ khác. Trên đất Ai-Lao cũng vậy, cả Việt lẫn Tiêm cùng muốn sát-nhập xứ này vào bản-đồ đế-quốc của mình nên Việt, Tiêm khi gián-tiếp, khi trực tiếp xô đẩy nhau bên này và bên kia dòng Cửu-Long, tuy Vạn-tượng là một xứ đất cằn, của ít, người thưa. Đây là nói mầm loạn từ miền Tây và miền Nam biên - thù của ta. Còn ngay ở lục

tỉnh Nam-kỳ, lòng dân cũng khảng-lãng bởi bao nhiêu phen bị xáo-động. Nhà Nguyễn ra đời thì dân được sống dưới quyền của Tổng-trấn Gia-định-thành Lê-văn Duyệt còn dễ thở. Sau này họ Lê mất đi, bọn quan lại mới đến làm mưa nắng thì chẳng có vụ Lê-văn Khôi cũng sẽ có những vụ khác. Xét các vụ loạn đã xảy ra, ta thấy Bắc-hà ở trong tình-trạng trầm-trọng hơn cả. Quan tham lại những ở đây quá nhiều, lại ngay trong bọn họ cũng có lắm kẻ tăng công, nịnh hót gây thêm rối. Nhà vua lại hẹp-hoài, bất minh, bên trong không ổn-định được guồng máy chính-quyền, bên ngoài đối với quần chúng chỉ biết chiếu luật thẳng tay đàn-áp, càng dễ thêm mầm loạn là lẽ dĩ - nhiên. Rồi một thời, triều Minh-Mạng vừa phải đối phó với người Tiêm từ biên-giới tấn-công vào, vừa phải đánh dẹp những vụ chống đối lan tràn từ Thượng-du Bắc-Việt xuống tới đồng bằng sông Nhị. May nhờ đó nhà Nguyễn còn có một số danh thần, lương-tướng như Trương minh-Giảng, Tạ quang-Cự, Lê văn-Đức, Nguyễn công-Trứ nên mới tránh được bao nỗi hiểm-nghèo và giữ vững được bờ cõi từ Nam-quan vào tới Hà-tiên.

Những vụ phản động ở Bắc-kỳ: Những vụ dấy loạn có tính chất chánh-trị và cách-mạng dưới đời Minh-Mạng là vụ Phan bá-Vành, ở Nam-Định, và Lê duy-Lương ở Ninh-Bình, vụ Nông văn-Vân ở Tuyên-Quang và vụ Lê-văn-Khôi ở Gia-Định. Nói vậy để hiểu rằng các vụ loạn này nhằm vào mục-dịch lật đổ chế-độ.

Năm Minh-Mạng thứ 7 (1826) (1), một vài thần-tử của nhà Tây-Son trước đây đã vượt biên-giới sang tị-nạn ở bên Trung-quốc đã nay trở về tụ-tập được 5.000 đảng viên cùng một số đông giặc Tàu-ô, khởi-nghĩa ở vùng Nam-Định rồi lan tràn qua Hải-Dương. Lãnh-tụ của loạn-quân là Võ đức-Cát, Phan bá-Vành và Nguyễn-Hạnh. Họ Võ là một vị quan trường có con đánh chết người nên sợ tội liên-kết với Nguyễn-Hạnh. Hạnh là một thủ-túc của Vua Quang-Trung xưa đã giúp Cảnh-Thịnh chạy trốn khi Phú-Xuân thất-thủ lánh qua các miền rừng núi

(1) Sử Pháp « Minh-Mạng » của M. Gaultier chép : tháng 5-1827 có phong-trào Võ-đức-Cát, Phan-bá-Vành v.v...

Ai-Lao. Sau Cảnh-Thịnh bị bắt. Gia-Long nghe tiếng Hạnh là người trung cho tìm Hạnh về để trọng dụng nhưng Hạnh không chịu xuất đầu lộ diện. Hạnh sống bên kia biên giới Trung-quốc rất là cực khổ chỉ chờ dịp các cựu-thân nhà Lê nổi lên là về nước. Sau này bọn người của Lê triều ra hoạt-động thì Hạnh cùng một số người cũ của Tây-Son kết-hợp lại. Giữa khi Minh-Mạng lên kế tiếp Gia-Long, Hạnh được chúng-nhân mời lên chỉ-huy. Trong dịp này, Phan bá-Vành cũng bước vào trường cách-mạng. Lý-lịch của Phan có vài nét đặc biệt dưới đây :

Phan bá-Vành người tỉnh Nam-định, quê quán cạnh bến đò Thiên-Ả(?). Tục-truyền Vành sinh ra có một tướng lạ là có 3 vành son ở nơi bụng, Cha mẹ Vành nhân đấy mà đặt luôn tên là Ba-Vành. Tiếng của Vành sáng sủa, điệu đi đứng mạnh dạn, vóc người to lớn. Người ta đồn đại đến quan địa-phương rằng Vành có nghịch tướng nên quan tỉnh muốn bắt Vành để trừ hậu-họa. Vành nghe tin sắp có lính đến bắt liền trốn lên Cao-Bằng. Qua năm Minh-Mạng thứ 7 (1826) Vành tổ chức được nhiều đồ đảng công nhiên chống lại triều-định, thanh-thế lừng lẫy. Trong đảng-viên của Vành có một tay kiệt-hệt hơn cả tên là Nguyễn hữu-Côi (tức là Lê văn-Khôi sau này). Trước khi có cuộc dấy động, dân chúng Bắc-hà thấy có một điềm lạ : hàng đêm nhằm đầu canh năm tại phía Bắc có hiện ra một ngôi sao có nhiều tua kéo dài ra như cây chổi, ánh sáng thật rực rỡ. Trong sách thiên văn sao này được gọi là Tuệ-tinh.

Các cụ xưa cho rằng sao chổi mọc ra là điềm đại loạn trong nước. Vành xưng vua ở Cao-Bằng, người ta tin ngay sao tua ứng vào việc Ba Vành hùng-cử Cao-Bằng rồi có lời truyền ra :

*« Trên trời có ông sao tua,
« Ở dưới hạ-giới có vua Ba Vành,*

Không rõ rằng đây là một trò tác-động tinh-thần của phe đảng Ba Vành hay là của dân chúng thường sẵn có óc dị-đoan. Khi quân đội lên tới năm ba ngàn. Vành tiến quân xuống miền Nam hợp lực với Võ Đức-Cát và Nguyễn-Hạnh vây đánh đồn Tri-lý và Lân-hải, giết được viên Thủ-ngự hai đồn này là Đặng đình-Miến. Quan Trấn-thủ ở Nam-định là Lê Mậu-Cúc đem quân xuống cứu địa-phương này cũng tử trận. Rồi tháng chạp

năm ấy, Ba Vành lại được quân Tàu-ô liên-kết, thế-lực lại càng lớn. Vua Minh-Mạng phải ra lệnh cho các tỉnh phải hợp binh lại cho có thêm sức mạnh hầu tiêu-trừ bọn Vành. Lúc này quân phiến loạn đánh phá dữ-dội hai huyện Tiên-minh và Nghi-dương (1) thuộc miền Đông (Hải-dương) Bắc-hà. Qua tháng giêng năm sau, Ba Vành uy-hiếp chợ Quán, phủ Thiên-trường (nay đổi ra Xuân-trường. Tên *Thiên-trường* có từ đời nhà Trần) tỉnh Nam - định khiến triều - đình Minh - Mạng phải hoảng hốt vì nếu miền Đông và Nam Trung-châu xứ Bắc mất thì có thể coi là toàn-thê Bắc-hà sắp lọt hết vào tay giặc. Ta nhớ rằng hai miền trên đây là gan ruột của xứ Bắc vì người nhiều, của lắm, hai yếu-tố quan-trọng về mặt quân lương ngoài phương-diện chiến-thuật, chiến-lược và tâm-lý.

Minh-Mạng phải gấp phái Lê văn-Duyệt đang làm Tổng-trấn Nam-thành cùng Nguyễn công-Trứ, Tham-bien tỉnh Thanh-Hóa, Nguyễn đức-Nhuận, Tham-bien tỉnh Nghệ-An thống suất binh thuyền ra Bắc tiếp-viện cho Hiệp-Trấn Bắc-thành là Nguyễn hữu-Thuận, giải vây cho các vùng đang bị giặc kiểm-soát. Chiến-cửộc rất gay go, Vành phải rút về Trà-Lũ (nay thuộc tỉnh Thái-Bình).

Trong những ngày thắng thế, loạn quân cướp bóc, phá phách các làng mạc rất tệ hại. Nguyễn-Hạnh nhiều phen can gián Phan bá-Vành, trách việc xâm phạm tính-mạng và tài-sản của dân chúng nhưng không được nghe. Tuy vậy riêng về phần quân Phan bá-Vành và của Nguyễn Hạnh một thời cũng đã làm cho binh tướng của triều-đình khốn đốn khiến Minh-Mạng phải cho đem thêm quân ra Bắc. Viện binh lấy ở các tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngãi và Bình-định. Chiến-cuộc kéo dài suốt một năm, giặc phong-tỏa thành Thăng-Long, các miền quê lân-cận bị giặc ngăn đường không tiếp-tế được vào Hà-nội và sợ giặc nên tản-cur đi gần hết. Cả miền Đông bị quân Hạnh chiếm đóng. Các cửa sông Trà-lý và Nhị-hà đều có đồn của giặc nên tàu, thuyền của triều-đình, không tiến vào được các mục-tiêu. Minh-Mạng lại cử thêm một danh tướng là Mậu văn-

(1) Tiên-Minh nay đổi ra Tiên-lãng thuộc tỉnh Hải-dương. Nghi-dương nay thuộc tỉnh Kiến-An.

Vĩnh (1). Sau Nguyễn-Hạnh và Phan bá-Vành bị thua nhiều trận, bị vây luôn ba tháng tại đồn Trà-lũ với một ít binh-sĩ trung-kiên. Lương thực khan hiếm dần, quân đội lại bị đau ốm phải mở cửa xin hàng, riêng Hạnh trốn thoát nhưng lại bị nội-phản và bị bắt. Hạnh bị đem lừng tri là một hình phạt ghê gớm nhất của đời bấy giờ (Hình phạt này còn gọi là « bá đao » nghĩa là bị xẻo thịt ra làm trăm mảnh, thấy chặt ra làm bốn khúc ném xuống sông, đầu đem bêu ở các cửa chợ trong một chiếc giỏ đan bằng tre, sau đó cũng bị giũ nhỏ như cám để quăng đi). Về Võ-đức-Cát bị bắt trước và cũng bị xử tử. Cùng chịu chung một số phận với các tướng sủng, 765 dư-dãng của Ba Vành, Nguyễn Hạnh đã bị ra pháp-trường chịu chết chém.

Khi bọn Vành bị điệu ra pháp-trường, Lê-văn-Duyệt nhìn thấy một tử tù có tướng mạo hùng-dũng, hiên-ngang, hỏi tên thì y xưng là Nguyễn hữu-Côi. Lê văn-Duyệt liền bảo-lãnh cho Côi đem về Nam-Thành nhận là nghĩa-tử rồi cất dần lên chức Phó Vệ-Ủy vì Côi có tài chỉ-huy, trung-thành và đáng tin-cần. Duyệt lại đổi tên họ cho Côi từ đó được gọi là Lê văn-Khôi. Theo *Việt-Nam sử lược* (trang 445), Khôi sinh quán ở Cao-Bằng « nhân có khởi binh làm loạn bị quan quân đuổi đánh mới chạy vào Thanh-Hóa, gặp Lê văn-Duyệt là kinh-lược ở đấy, nó xin ra thú. Ông Duyệt tin dùng cho nó làm con nuôi đổi tên họ là Lê văn-Khôi, rồi đem về Gia-định cất nhắc cho nó làm đến chức Phó Vệ-Ủy »

Vụ Lê-duy-Lương : Vụ nổi loạn của Phan-bá-Vành, Nguyễn Hạnh cáo chung, dân-chúng được một thời tạm yên (1827-1833), nhưng lòng dân Bắc-hà vốn bất-mãn với nhà Nguyễn nay lại thêm nhiều sự hà-khắc của quan lại nên lửa loạn vẫn ngấm-ngấm, do đó mà Lê duy-Lương đã phát cờ khởi nghĩa. Lương xưng mình là con cháu nhà Lê (Đại Lê hoàng-tôn) nằm Minh-Mạng thứ 14 các thổ-ti miền ngược là Quách tất-Công, Quách tất-Tế, Đinh thế-Đức, Đinh công-Trình giúp sức. Phong-trào khởi nghĩa bắt đầu ở các châu huyện miền Tây Nam Bắc-Việt (Ninh-bình, Hưng-hóa) thu hút được một số đông nhân-dân ở các địa-phương Lương đánh chiếm được 3 châu huyện là Lạc-thồ, Yên-hóa, Phụng-hóa rồi uy-hiếp thành, Hưng-hóa rất nặng nề khiến

(1) Không thấy sử ta chép đến tên vị tướng này.

Minh-Mạng phải cử gấp Tạ-quang-Cự là Tổng-đốc Nghệ-Tĩnh hợp với Tổng-đốc Thanh-hóa đem binh đánh dẹp. Quân triều-đình đông và có tổ chức, lương thực vũ-khí dồi dào đã bao vây được quân phiến-loạn. Lê duy-Lương bị lâm vào thế cô ở Ninh-bình và cầm cự được vài tháng thì bị bắt đóng cũi giải về kinh để xử chém. Đồ đảng của Lương là bọn Lê-duy Quách tất-Tế, Quách tất - Công cũng tự tan rã. Do vụ Lương chống nhau với nhà Nguyễn, Minh-Mạng cho bắt hết mọi người họ Lê đầy vào Quảng-Nam, Quảng-Nghĩa và Bình-Định, cấp cho cứ 15 người 2 mẫu ruộng và 10 quan tiền để làm ăn và mỗi toán 15 người phải ở riêng một huyện.

Vụ Nông văn-Vân.— Vụ Lê duy-Lương còn đang rắc rối thì đã tiếp ngay vụ Nông văn-Vân dấy động vào tháng 7 năm Quý-Ty (1833). Biến-cố này xảy ra do bấy giờ ở Nam-Kỳ có Lê văn-Khôi nổi lên chống chính-quyền nhà Nguyễn. Vì Khôi gốc gác ở Bắc-Kỳ, là con của một thổ-mục ở Cao-Bằng, là em vợ Nông văn-Vân đang giữ chức Tri-Châu ở tỉnh này nên người ta nghĩ đến việc bắt bớ thân nhân của Khôi đem về Kinh làm tội. Sợ chảy thành vạ lây, Nông văn-Vân phải động binh đánh phá luôn mấy tỉnh đường ngược : Cao-Bằng, Lạng-Son, Thái-Nguyên, Tuyên-Quang tự xưng là *Tiết-Chế thượng tướng-quân*, bắt viên tỉnh-phái thích-chữ vào mặt rằng : « *Quan lĩnh hay ăn tiền của dân* » rồi tha về. Qua sự việc này, ta rõ bộ máy cai-trị của đời Nguyễn-Sở đòi bại thế nào để khơi mầm cho bao nhiêu vụ loạn. Buổi đầu quân phiến-loạn có nhiều thanh-thế, quan quân các địa-phương kẻ trên chống không nổi phải cáo cấp về Kinh. Minh-Mạng thấy tình thế nghiêm-trọng liền phái Sơn-Hưng-Tuyên Tổng-đốc Lê văn-Đức lãnh Tam-tuyên Tổng-đốc quân-vụ và Hải-an Tổng-đốc Nguyễn công-Trứ làm Tham-tán hội quân với Ninh-thái-Tổng-đốc Nguyễn đình-Phổ tiêu trừ Nông văn-Vân. Nếu so sánh thì vụ Nông văn-Vân có bề thế hơn vụ Lê duy-Lương nên sau đó ít lâu Minh-Mạng lại phong An-Tĩnh Tổng-đốc Tạ quang-Cự là Tổng-thống đại-thần ra giải nguy cho hai tỉnh Cao-Bằng Lạng-Son.

Nông-văn-Vân nhân thế hiểm trở của núi rừng áp-dụng chiến-pháp du-kích, chia quân ẩn nấp ở các địa-diềm thuận lợi, nhất là các đường đi lối lại của quân đội triều-đình để đánh úp. Quân của Văn tiến thoái bất thường mà quân quan hay bị đánh bất ngờ nên chống trả rất vất-vã,

Tháng chạp năm Quý-tị (1833), quân Tạ quang-Cự và của Lê văn-Đức dùng lối gọng kìm, bên đánh thẳng Lạng-Son, Cao-Bằng giải tỏa được hai thành này, bên đánh vào Vân-trung (Bảo-lạc) là căn-cứ chính của Vân nên Vân chỉ còn đường chạy qua biên-giới Việt-Hoa là tiện hơn cả. Rồi cứ nay tiến mai lui, Vân kéo cộ với quân triều-đình gây nhiều sự tổn thất nặng nề. Vua Minh-Mạng lại phải đưa thêm quân tiếp-viên đến các tỉnh miền ngược ngăn loạn quân lan tràn xuống các miền đồng-bằng.

Tháng 9 năm Giáp-ngọ (1834), quân triều mở cuộc đại tấn công, chia làm ba đạo :

1) Lê văn-Đức, Phạm văn-Điền tiến từ Sơn-tây đến Tuyên-quang.

2) Tạ quang-Cự, Nguyễn-tiến-Lâm và Hồ-Hữu hành quân tại vùng lân cận tỉnh Cao-Bằng.

3) Nguyễn công-Trứ và Nguyễn đình-Phổ đánh vào khu giữa của loạn quân là vùng Thái-nguyên. Chiến-dịch này tiến-hành cùng một nhịp nhưng gặp nhiều sự khó khăn vì phải qua những miền rừng núi quanh co, gặp ghềnh rất bất tiện cho mọi sự vận-chuyển binh-lương, tiếp-tế. Rồi cả ba đạo quân này đã gặp nhau ở Vân-trung vào tháng chạp năm ấy. Thấy quân triều quá đông, Nông văn-Vân lại rút qua Trung-quốc. Nhưng bị quân Tàu xua về vì có thư của bọn Tạ quang-Cự. Vân trở lại Tuyên-quang. Từ lúc này ngôi sao của Vân mờ dần bởi quân của Minh-Mạng theo sát, biết được rõ ràng tung-tích của Vân nhờ ở một số người phản-bội, hoặc dân-chúng căm thù việc cướp bóc do bộ-hạ của Vân mà tố cáo. Trong đám này nhiều kẻ theo Vân chỉ để thỏa chí đốt nhà, giết người cướp của. Nếu không được dung túng trong các việc tai ác này, chúng sẵn sàng bỏ ngay chủ tướng. Vân lúc này cũng một ít tàn quân trốn vào rừng rậm, quân triều bao quanh. Rồi không có cách gì hơn, họ phải đốt rừng hòng mượn thần lửa đuổi theo kẻ chiến bại vào các hang sâu, kẽ núi. Ngày hôm sau, trong cánh rừng mà Vân đã biệt dạng người ta chỉ còn thấy một cảnh hoang tàn, tro ngập khắp mọi nơi ; quan quân bơi ra được xác của Vân đen thui trong một hốc đá bên cạnh một thanh gương tràm trở rất đẹp và một ít vàng cháy dở đang sáng nhoáng dưới ánh bình-minh. Đầu Vân bị chặt đem về nộp cho Minh-Mạng sau đó đem bêu khắp các nơi chợ búa ở xứ Bắc, mồ mã của ông

cha kẻ làm loạn bị đào bới đề đồ xuống sông. Đó là luật của bản triều. Vụ loạn Nông-văn-Vân kết liễu vào khoảng tháng ba năm Ất-Mùi (1835).

Những cuộc phiến-động ở Nam-Kỳ.— (Vụ Lê văn-Khôi)
Bàn về các vụ biến-động ở miền Nam là nơi họ Nguyễn đã khai sáng, và cũng là nơi đã được dùng làm căn-cứ cho Thế-tổ lập ra triều Nguyễn, sử-thần cận-đại tuy luôn luôn nương nhẹ trước những lầm lỗi của họ Nguyễn mà vẫn phải nói rằng Minh-Mạng đã quá hẹp hòi đối với các cựu thân, hay nghe kẻ gian-nịnh, vì vậy mà trong nước sinh loạn. Vụ Lê văn-Khôi dưới đây đã làm hoen-ố khá đậm vài trang sử của con cháu Nguyễn-Kim, Nguyễn-Hoàng.

Nguyên sau khi Đông-cung Cảnh qua đời, Gia-Long lên trị vì được ít năm có hội các quan bàn về việc đặt sẵn ngôi trừ quân (vua kế nghiệp). Gia-Long đưa ra ý lập hoàng-tử Đảm lấy cớ rằng con của Đông-cung còn ấu-trĩ, nước mới dựng mà vua nhỏ thường dễ sinh ra nhiều bất trắc. Lê-văn-Duyệt không đồng ý nói Cảnh trước đây có nhiều công lao và đã được lập làm Đông-cung, nay chẳng may thác đi thì nên cho con của Cảnh được tiếp nối. Đình-thần hòa theo Gia-Long bác bỏ lời của Duyệt. Sau Gia-Long mất, Minh-Mạng thay quyền vẫn thăm oán giận Duyệt nhưng không có cách gì làm tội được vị khai quốc công thần này. Ngoài ra Duyệt là một võ-quan ít học, tính cương trực, tấu đối nhiều khi không hợp lệ cũng là việc làm Minh-Mạng bực tức, nhưng vẫn phải làm ngơ hưởng-hồ lúc này Duyệt làm Tổng-trấn Nam-thành trị dân có thịnh đức nên rất được ái-mộ, binh quyền lại như nắm sét trong tay, vua và triều-đình tuy ghét mà vẫn phải nín. Duyệt tạ thế năm Nhâm thìn (1833) Minh-Mạng liền hủy ngay chức Tổng-trấn, chia Nam-kỳ ra nhiều tỉnh; mỗi tỉnh có một Tổng-đốc, một Bố-chánh và một Án-sát, võ quan có Đề-đốc. Lãnh binh hợp thành bộ máy cai trị và thành Gia-định từ đó đổi ra Phiên-An.

Ngay một lúc, Minh-Mạng đưa một hệ-thống quan lại mới vào xứ này có Bạch xuân-Nguyên (họ ngoại của Minh-Mạng) vào làm Bố-chánh-sứ. Nguyên là kẻ tham lam, tàn ác. Trước khi Nguyên đi cung chức, Minh-Mạng dặn nhỏ y điều tra các lầm lỗi của ông Lê lúc binh sinh hầu làm tội gia quyến của ông. Vua dặn bề tôi vạch lá tìm sâu thì bao giờ mà

chẳng có sâu ! Sau đó Bạch xuân-Nguyên làm một hồ-sơ đầy nặng đệ lên triều-dinh các tội lộng-hành của Lê văn-Duyệt xin trừng phạt Duyệt và chém 16 thân nhân ; đã vậy, Nguyên còn xin bắt cả những bà con, tôi tớ của Tả-quân trong đó có Lê văn-Khôi đang giữ chức Phó Vệ-Úy, Nông văn-Vân tri-châu tại Cao-Bằng v.v... Trong khi điều-tra họ Lê, Bạch xuân-Nguyên có đòi Lê văn-Khôi tới để xét kỹ về khoản khai mở rừng cùng khoản chi tiêu của Tả-quân. Khôi cương-quyết là có công-tác phá rừng lấy gỗ về dựng đồn lũy, dinh trại bị hư sập trong lúc can-qua cùng đóng chiến thuyền chống nhau với quân Tiêm. Nguyên bẻ rằng : nếu có việc xây dựng doanh trại, tại sao Lê văn-Duyệt lại không tu sửa gì ở Hà-Tiên là nơi quân xâm-lăng Tiêm-la hay lui tới? Trong sổ « *Tả quân chi dụng* » không có sự ghi chép rành mạch là thế nào ? Khôi không biết trình bày ra sao nên từ Tả-quân đến bọn Khôi đều bị truy tố vào tội lạm-dụng của công. Ngoài ra trong cuộc thăm-vấn luôn luôn Nguyên gọi Tả-quân một cách xách mé, chẳng kiêng nể Duyệt là một huân-thần và là bậc tiền bối cao niên nữa. Chủ bị nhục mạ. Khôi dẫn lòng không được có lớn tiếng phản đối rồi cả bọn bị hạ ngục. Vào khám đường, Khôi kết nghĩa luôn với bọn lính « *hồi-lương* » 27 người là dân làm loạn ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ bị phát phối vào Nam. Cuộc cách-mạng bùng nổ, Khám đường bị phá tan. Đêm hôm ấy là đêm hôm 25 tháng 5, năm Minh-Mạng thứ 14 (10-5-1833). Khôi và Phó-vệ Nguyễn văn-Bột, Ấm-tập Tả-Bảo, Vệ-úy Thái công-Triều, Phó Vệ-úy Lê đắc-lực, phó quản Đặng vĩnh-Ung cùng một số đồng-chí đột-nhập dinh Bộ-chánh bắt cả nhà Bạch xuân-Nguyên, Nguyên trốn được. Ra tới cửa dinh, bọn Khôi, Hùng gặp các quan tỉnh đem binh đến phò cứu. Khôi cũng đánh tan và hạ sát được cả viên Tổng-đốc Nguyễn văn-Quế và con trai quan Ấn-sát, Đề-đốc, Lính-binh chạy thoát được. Nhưng ngay đêm ấy, loạn quân tập nã được Bạch xuân-Nguyên. Ấn-sát Nguyễn chương-Đạt, Bạch xuân-Nguyên và Nguyễn văn-Quế bị đem về đốt như bó đuốc trước cửa đường của Tả-quân để làm lễ tế-cáo. Rồi sau lời hiệu triệu của Khôi, quân dân các lớp trong thành Sài-côn và Gia-dịnh đến hưởng-ưng. Nguyên-nhân gần nhất là dân chúng bất mãn về việc xử đối của Minh-Mạng quá tàn nhẫn và bạc-bẽo đối với một vị khai quốc công thần, nhất là vị công thần này suốt thời kỳ làm Tổng-trấn tại miền Nam đã chỉ làm những điều ơn ích

cho dân chúng và như vậy cũng có lợi cho cả hoàng-triều. Dân cho rằng nhà vua đã quá chóng quên những công-lao vĩ-đại ấy. Đề biểu dương chính-nghĩa cho cuộc khởi-nghĩa, Lê văn Khôi tuyên-bố lật đổ triều Minh-Mạng, lập lại ngành trưởng (1) của họ Nguyễn, tức là nếu bọn họ thành công ông hoàng An-hòa, con của Đông-cung, sẽ được đặt vào ngôi cửu ngũ. Xét ra hai việc kể trên đây đã thành yếu-tố đủ mãnh-lực lôi kéo nhân dân theo Lê văn-Khôi để chống lại chánh quyền đương thời và không như các sử của Nguyễn-triều đã nói Khôi chỉ là một kẻ phiến-động tầm thường, có nhiều tham-vọng và vô tư cách. Thực ra Khôi là một người võ nghệ tuyệt luân có nhân-phẩm cao quý, có tài giao-thiệp, có huyết-khí cương-cường, có tính-tình hào-hiệp, biết chỉ-huy và biết quyết-định một cách sáng suốt nên rất được những người chung quanh cảm mến, nhờ vậy mà sau tiếng hô của Khôi hàng trăm ngàn gia đình dân chúng miền Nam vùng ngay dậy (2) Đám dân chúng này xưa kia thuộc các chủ đất là những người đã chiến đấu bên cạnh Gia-Long và Bá-đa-Lộc và đa số các điền-chủ, địa chủ đó có cảm tình với đạo Thiên-chúa trước khi họ chưa nhập đạo. Sau khi Lê văn-Duyệt mất, thời cuộc đã lôi cuốn họ ra khỏi nếp sống bình thường và ra khỏi cả sự từng phục cổ truyền của họ. Họ rời bỏ cả các chủ-nhân kể trên để mang lại cho Khôi sự hăng hái, sự can đảm và cả mối tin tưởng của họ. Người công-giáo ở đây rất đông thì tất nhiên số giáo-sĩ cũng phải đông. Minh-Mạng khi vừa lên ngôi đã coi ở sự nhập đạo công-giáo của các đồng-bào miền Nam là cả một sự lão-xược đối với mình. Nhưng nhà vua đã lầm, và tương lai sau này đã tỏ rõ, tai họa của nhà vua thật ra đã không do nhiều ở những gia-đình Công-giáo mà ở đám dân quê các vùng đồng ruộng. Số chiến-sĩ dưới cờ của Khôi có thể tới 15.000 người đáng kể là một quân-số trên mực tối đa ở Nam thành thuở đó. Và không dám coi thường cuộc khởi nghĩa, Minh-Mạng đã phải cử vào đây tới 30 000 quân (3) và nhiều danh tướng; sau này nhà vua còn liên tiếp gửi thêm nhiều đạo

(1) Vì phe cách-mạng tuyên bố sẽ lập An-hòa lên thay Minh-Mạng mà hai ông hoàng cùng bà mẹ là vợ Đông-cung Cảnh liên bị Minh-Mạng hạ sát.

(2) Đây là ý-kiến của M. Gaultier, trong « *Minh-Mạng* » trang 108-109.

(3) Theo M. Gaultier, nếu kể cả binh-sĩ, con số tiếp-viện và con số bị chết vì tật bệnh hay tử-chiến thì binh đội của Minh-Mạng đem vào Nam-kỳ bảy giờ còn lớn hơn thế nhiều lắm.

quân khác nữa đủ rõ triều-định Huế không quan-niệm vụ Lê văn-Khôi chỉ là một vụ giặc cỏ hèn hạ. Người ta cho hay trong cuộc tổng tấn công lần chót vào thành Phiên-an, quân triều đã phải huy-động tới 17 ngàn và suốt ba năm phong-tỏa thành này, quân triều chưa hề thắng số hãn quân cách-mạng.

Chiến-cuộc xảy ra giữa Khôi và binh triều thế nào ? Lê-văn-Khôi tự xưng làm Đại nguyên soái, phong Thái công-Triều và Lê đắc-Lực làm Quân trung-quân, Nguyễn văn-Đà và Nguyễn văn-Tổng làm Quân tiền-quân, Dương văn-Nhã, Hoàng nghĩa-Thư làm Quân tả quân, Võ vĩnh-Tiền và Võ vĩnh-Tái làm Quân hữu-quân. Võ vĩnh-Lộc và Nguyễn vĩnh-Bột làm Quân hậu-quân, Lưu-Tin và Trần văn-Tha làm Quân thủy quân, Nguyễn văn-Tâm và Nguyễn văn-Chân làm Quân tượng-quân v.v.,. Ngoài ra còn một số quan chức khác được đặt ra để trông nom các địa-hạt hành-chính, quân sự ở các nơi. Sau ít ngày quân khởi nghĩa tràn khắp miền Lục tỉnh rồi toàn thể lãnh thổ miền Nam bị Khôi kiểm-soát cả. Tuần phủ Biên-Hòa là Võ-Quỳnh khi được tin này vội báo về triều.

Được cử vào cuộc bình-định về phía quân triều có Tổng phúc-Lương là Thảo nghịch tướng-quân, Nguyễn-Xuân làm Tham-tán. Đạo Quân thứ hai cũng có hai tay kiệt-hiệt của Minh-Mạng là Phan văn-Thúy, Trương minh-Giang và Trần văn-Năng lĩnh thủy bộ binh tượng. Những tướng này hầu hết đã chiến đấu từ đời Gia-Long, ngoài ra, trong khi chiến sự đang khai diễn và thấy thế của quân cách-mạng, mạnh, Minh-Mạng huy động thêm cả các đạo quân Phú-Yên, Khánh-Hòa, Bình-Thuận, Bình-Định, Định-Trường, An-Giang, Hà-Tiên, Vĩnh-Long để tăng cường cho đại-quân của triều-định.

Trước lực-lượng hùng-hậu của Minh-Mạng (1), Khôi thu hết quân chủ-lực về Sài-côn làm kế cố thủ và Khôi phải áp-dụng kế hoạch này bởi thấy trong những kẻ tay chân của mình chưa có sự nhất trí. Họ ganh tị, họ ghen ghét nhau và có thể sinh lòng phản trắc. Theo sử-gia M. Gaultier, nếu nội-bội của Khôi được vững vàng mà nhân lòng quân đang

(1) Trong việc bình-định miền Nam dè dối phó với Lê văn-Khôi và quân Tiêm-la Minh-Mạng đã chỉ dùng quân-dội miền Bắc. Như vậy ta hiểu rằng Minh-Mạng đã mất hết ảnh-hưởng ở toàn-thể xứ Đồng-Nai,

hăng hái mà đánh riết thì Khôi đã nắm được nhiều thắng lợi chắc chắn. Giai-đoạn đầu tiên có cuộc đụng-độ của 5 cánh quân triều toan đến vây thành Phiên - An. Khôi đẩy lui được và đánh bật họ ra khỏi các đồn Biên-hòa, Nhà-bè và Bình-thượng bằng đại-bác trên bộ, hỏa công dưới sông sau khi chặn được các đường liên-yếu. Các tướng Lê đại-Cương, Lê-Phước-Bảo không liên-lạc được với nhau kịp thời phải rút về Hậu-giang (An-giang và Vĩnh-Long); Khôi cho đuổi tới Định-tướng và chiếm được thành này. Khi quân Khôi đuổi quân của Lê đại-Cương thì đạo quân lấy gấp rút ở Bình-định, Phú-yên Khánh-hòa và Bình-thuận do Lê Phước-Bảo đem vào chiếm lại được thành Biên-hòa. Chiến sự nhùng nhằng từ tháng 5 năm ấy (1833) qua năm sau vẫn chưa phân thắng bại. Minh-Mạng lấy làm lo sợ lại phái thêm viện quân vào nữa. Lần này Đô-thống Tổng phúc-Lương được cử vào Nam nhưng không cản được quân Khôi chiếm An-giang. Hà-tiên và Vĩnh-long do các tướng Trần văn-Năng Lê văn-Định, và Nguyễn văn-Tông điều khiển. Quân Khôi lại tới tấn công Biên-hòa phen nữa nhưng bị Trần văn-Thị đẩy lui. Họ quay về Bình-Đông chiếm được đồn này sau một trận ác-chiến.

Lần này là lần đầu, quân của Khôi phải ngừng bước. Khôi lại cử Nguyễn văn-Bột ra sức đánh Biên-Hòa, bị hại mất hết bốn tướng nhưng Khôi thắng trận lấy được thành này bắt được Tôn thất-Gia là chỉ-huy trưởng và tàn-sát hết đám binh triều ở đây. Sau Biên-Hòa, đồn Bình-Long của triều-định cũng mất nốt. Trương minh-Giảng vội vào giải-cứ quân mình ở khu vực này, thế quân khá mạnh. Khôi cho Nguyễn văn-Trân giữ mặt thủy đề chặn quân Bình-Thuận và địch-thần chỉ-huy chiến-cuộc. Nhưng chiến-thuật này đòi hỏi phải giảm quân số của các đồn Bình-thượng, Vĩnh-Long, Hà-Tiên sau này vì quá yếu phải kéo cờ hàng theo lệnh của Thái công-Triều, một đại tướng của Khôi đã trở giáo ra đầu quân triều và đánh lại quân khởi nghĩa. *(Triều là người ở Thừa-Thiên, trước làm Vệ-Ủy coi biên-binh ở Gia-Định)*. Do sự phản-bội bất thành-linh này, mặt trận Gia-Định của Khôi bị uy-hiếp và tinh-thần của quân khởi- nghĩa bị xuống dần. Ít lâu sau Biên-Hòa, Bình-Đông cũng mất. Thắng xong ở các vùng lân-cận, quân triều dốc toàn lực bao vây thành Phiên-An. Tại đây Khôi sắp đặt lại mọi việc bố phòng cho đúng nguyên-tắc và tu-chỉnh lại quân-ngũ, tập

trung các bộ - đội trước đây phân - phối đi các nơi, tự mình kiểm - soát rất cần-mật các bộ-phận quân - sự, hy-vọng tránh được nạn đói, và quân dịch hao mòn vì bùn lầy nước đọng, thời tiết ác độc sẽ làm mất tinh thần quân đội ở các phương xa tới. Lúc này tướng triều là Nguyễn văn-Trọng đem hết thủy quân bao vây Rạch Thị-Nghè mục-đích cắt đứt đường tiếp-tế của Phiên-An bằng các thủy-đạo và chia 15.000 bộ-binh ra làm 9 đội đóng giữ các trục giao-thông trên đường bộ và ngày đêm cho trọng-pháo bắn như tưới vào thành hầu uy hiếp tinh thần quân dân bên trong; đêm tới quân triều từng toán tiến sát đến chân thành đánh phá cũng theo kế-hoạch trên đây và đề liên lạc với quân của Khôi, dụ họ làm nội-tuyên hay thả gián-diệp vào. Nhiều cuộc tấn công đã diễn ra đều thất bại, quân trong thành vẫn cố thủ và cương quyết chiến đấu. Lúc này trong thành Phiên-An (Sài-côn) còn độ 4000 quân và 10.000 dân, 600 khẩu đại-bác, 52.000 cân thuốc súng, 60.000 hộc lúa, 7000 hộc muối dự dùng cho một cuộc kháng chiến trường kỳ. Thành được đắp cao thêm bằng đất mềm, tuy đại-bác bắn xối-xả vào mà không gây được nhiều tổn thất. Các đạn được của Khôi đều được chứa dưới hầm sâu không bị suy-suyễn, còn lương thực vẫn được dân cảm-tử tiếp tế bằng thủy-lộ vì họ rất thông thạo trong việc lên lút qua các đường ngang ngõ tắt. Bên triều-đình có phen đã lấy làm chán nản vì các cuộc công phá không đem lại những kết quả mong muốn.

Sau Nguyễn văn-Trọng nhờ cháu Lê văn-Duyệt là Lê văn-Hán vào thành Phiên-An dụ hàng và lên đưa một số người bí-mật vào làm thích-khách (ám-sát). Kết-quả vẫn là con số không, bọn gián-diệp bị Khôi đem lên mặt thành làm tội cho bên ngoài trông thấy... Nhưng xét tình-thế không thể kéo dài được, Khôi nghĩ ra việc gửi người qua Tiêm-la yêu-cầu viện-trợ. Người Tiêm vốn căm thù vụ Gia-Long can-thiệp vào việc Chân-Lạp, đặt nền bảo-hộ ở xứ này từ năm Quý-Dậu (1813) nên hưởng-ứng ngay lời kêu gọi của Lê văn-Khôi (1) Tháng một năm Minh-Mạng thứ 14 ba đạo quân Tiêm tiến vào nội-địa

(1) Việc Lê văn-Khôi yêu-cầu quân Tiêm-la đến tiếp-viện nếu đáng tội thì cái tội của Khôi vẫn chưa nặng bằng tội của Gia-Long trong một lúc đã kêu gọi Pháp, Tiêm-la, Mên, Lào sang giúp mình đánh Tây-Sơn.

Nam-kỳ do các tướng Chât-Tri, Thiệp-Lang và Phat-Lang cầm đầu (*Chiến-sự giữa Tiêm và Việt-Nam sẽ được trần thuật rõ-ràng ở trang dưới đây*). Minh-Mạng được tin cáo cấp liền cho phòng ngự ráo-riết mạn Châu-đốc và Hà-liên do hai tướng Nguyễn-Xuân và Trương minh-Giảng. Quân Việt toàn thắng. Cuộc xung đột bắt đầu từ tháng giêng năm Giáp-ngọ (1834) đến tháng 5 năm ấy mới kết-liệu. Quân Tiêm đại bại, thiệt hại rất nhiều, tinh thể của thành Phiên-An vì vậy mà không được củng cố thêm chút nào. Kế-hoạch mượn quân Tiêm giải-tỏa cho thành này đã trở nên vô hiệu-quả rõ-rệt và nhân thế thắng, hai tướng Trần văn-Năng, Nguyễn-văn-Trọng còn tăng-cường ráo-riết thêm việc cô-biệt Phiên-An, nghiêm cấm dân các làng lân cận lai-vãng tới gần, lập các toán thuyền nhỏ ngày đêm tuần tiễu trên các lạch sông xét có thể là đường tiếp-tế của địch. Qua tới tháng 7 năm Ất-Tị (1835) quân dân trong thành thầy đều mỏi mệt. Nạn đói đã dần dần lộ diện, dân chúng và binh sĩ thường nhân đêm tối bỏ thành trốn ra ngoài vì việc tiếp-tế mỗi ngày bị khó khăn thêm mặc dầu đã cố gắng rất nhiều. Nhưng về mặt quân-sự, tinh-thần của một số khá đông chiến-sĩ Phiên-An vẫn vững nên quân triều đánh vào chỉ chết hại mà thôi. Sau bộ tham-mưu hành quân của Minh-Mạng đã đưa ra kế thu dụng các binh-sĩ đầu hàng còn khỏe mạnh, ưu-dãi các giáo-dân (cho tiền và gạo) để họ trở lại Phiên-An dụ dỗ các người đồng giáo với họ và tung một số người bí-mật vào thành trong các đêm tối. Tháng chạp năm ấy Khôi chết. Theo sử-gia M. Gaultier, Khôi đã bị đầu độc. Do cái chết của chủ-tướng, lại thêm tình-trạng thiếu-thốn đủ các thứ những kẻ phụ tá kiên trung nhất của Khôi cũng trở nên mềm lòng dần, nhưng tiếc thay lúc này cũng lại là lúc binh triều đang chán nản vì đã ba năm nay họ phải xa vợ xa con, lặn lội mãi nơi lam chướng (*Sải-côn bây giờ còn nhiều chỗ lam chướng ở các vùng lân cận vì vậy binh triều bình lặt mà chết khá nhiều*). Bấy giờ lại là dịp sắp mưa nhiều, khí trời ẩm thấp, bệnh dịch tả đang chớm phát ở khắp các doanh - trại. Tướng tá đều đã có ý nghĩ bãi bỏ cuộc bao vây đề ra về sau những năm tháng quá dài trong cái địa - ngục trần - gian, giữa những lùm cây nặng trĩu sương mù ẩm ướt ngạt thở, trên những đồng bãi nhầy nhụa nhiều muỗi độc, rắn rết kinh-khủng... Phải chi Khôi chưa chết thì cách-mạng cầm-cự được thêm ít tháng nữa !

Khôi chết, con trai là Lê văn-Cu mới 8 tuổi (1) lên thay, được Nguyễn văn-Chân là Tổng chỉ-huy quân-dội phụ-tá ; lúc này trong hàng tướng-tá của Phiên-An đã bắt đầu có sự chia rẽ, rời-rạc, nhất là những kẻ từ lâu khó chịu về kỷ-luật quá nghiêm khắc của Đại nguyên-soái họ Lê. Trận cuối cùng nhằm năm Minh-Mạng thứ 19 (Ất-Vị 1835) tháng 7 ngày 16, do Khâm-phái Nguyễn tri-Phương chỉ-huy. Liên bốn hôm binh triều bắn xối-xả vào thành cố ý lung-lạc tinh-thần quân-dội bên trong đang hoang-mang vì cái chết đột-ngột của chủ tướng. Nhưng mặc dầu biến-cố trên đã xảy ra, binh sĩ thành Phiên-An đa số vẫn cầm cự mạnh-mẽ. Nguyễn văn-Xuân một mặt cáo cấp về triều xin thêm quân, một mặt lui binh ra xa để mở các dinh đám, các trò vui hầu gây lại khí-thế của ba quân gần như tàn lụi.

Một số tướng tá của Phiên-An : Trương văn-Định, Phạm hưng-Nguyên, Nguyễn đức-Diên, Võ vinh-Tiền bí-mật ra hàng quân triều thiết mưu đầu độc các tướng sĩ, nhất là tướng Tổng, chỉ-huy, đốt kho thuốc súng và mở cửa thành. Nhưng việc đầu độc Chân cũng thất bại và bọn Diên bị Chân bắt chém cả. Viện-binh ở Huế đã đến nhưng phải đợi tới mùa khô ráo mới mở cuộc tổng tấn công. Đó là lệnh của Minh-Mạng. Và trong khi chờ đợi các tướng phải lập các công-sự ráp thành Phiên-An, mở đường hầm cho loạn quân có lối ra hàng, xây-dựng các địa-điểm cho đại-bác, lấp các đường hào, đắp các đường chạy theo các dọc sông. Các hoạt động này làm cho tướng Chân thất vọng vì thuốc súng chẳng còn nhiều, nhất là gạo muối. Binh sĩ khốe mạnh chỉ tới 1460 người thôi.

Ngày 8-9-1835 quân triều tái chiến ở khắp các cửa thành, nhưng hàng tiền-đạo của Trần văn-Năng và Trương-minh-Giảng ăm-ĩ tiến lên. Trong thành bắn ra không ngớt từ buổi sáng tinh mơ cho tới quá trưa, không bên nào thắng bại nhưng quân ngoài đã đến được gần thành, trông rõ được vào

(1) Theo Đào văn-Hội tác-giả *Danh nhân nước nhà*, Khôi mất đi có Nguyễn văn-Tram và phó tướng Lê bá-Minh cùng con trai Khôi là Cu lớn điều-khiển quân vụ, Trám có lẽ là Nguyễn văn-Chân. Cu lớn là Nguyễn văn-Câu bởi Khôi còn hai con trai nữa là Tiều-Câu và Bé, lại có một con trai nữa là Lê văn-Viên sau này bị bắt và xử bá đao. Ba người trên bị giết trong khi quân của Minh-Mạng vào được thành Phiên-An.

bên trong thấy linh đang lấy vải che nắng, đàn bà gánh nước đổ vào các vại cho linh uống đi lại không ngớt. Chiến-sự nghỉ được ít giờ rồi lại tiếp diễn rồi quân trong thành kiệt-lực ngừng mọi hoạt-động. Quân triều phá được các cửa xông vào như say máu như điên cuồng chém giết không trừ đàn bà, con nít man-rợ không sao kè xiết.

Trong số người chiến-bại, 6 linh-tụ bị bắt có Lê văn-Viên con của Lê văn-Khôi và cố Du tức Marchand trong khi cố đang làm lễ. Họ bị nhốt vào cũi và đem về dâng cho Minh-Mạng (1) để xử vào tội lãng-tri răn chúng. Quân dân trong thành bị giết hết, tất cả là 1831 người hợp táng vào một nơi gọi là «*Mả-ngụy*» (2) Còn thành Phiên-An tức thành Sài-côn, mà Olivier (de Puymanel) đã ra công xây dựng trên 40 năm trước, nay bị san thành bình-địa. Đối với việc xử «*lãng - tri*» một đứa nhỏ 8 tuổi, ai ai cũng phải cho là dã-man vô cùng, đến sử-gia của triều Nguyễn vừa đây cũng phải lên tiếng phê-bình như vậy (3),...

Về vụ nổi loạn của thành Phiên-An có nhiều điều đáng chú ý : Minh-Mạng đã có những chủ-trương rất sai lầm về vấn-đề Gia-định, tức là đối với quần dân niềm Nam do không thấu-triệt tâm-trạng của các tầng lớp ở đây vốn có nhiều điều hết sức đặc-biệt :

A.— Đồng bào Nam-phần vốn thật-thà, chất-phác rất có óc phục tòng, nhưng cũng rất sẵn-sàng đề phản-ứng. Trên đây 40 năm dân chúng ủng-hộ họ Nguyễn đề đi tới chỗ thành công, đó là bởi vua Thế-tổ và Bà đa-Lộc đã khéo xử với mọi tầng lớp đồng bào. Chính họ đã nhỏ mồ hôi nước mắt, đã hy-sinh cả xương máu đề dựng lại cái ngai vàng của nhà Nguyễn chính họ đã là những hàng quân tiền đạo đề mở rộng cương-

(1) Xin coi tạp chí «*Revue Indochinoise*» số 7-8 năm 1915 và «*Abrégé de l'histoire d'Annam*» của A. Schreiner. Người ta còn quật mồ Khôi lấy thủ cấp bỏ vào cũi đem về Kinh bêu ngoài chợ ba ngày rồi nghiền nát đồ xuống sông. Vợ con của Khôi và của các tướng tá đều bị giết rồi cắt tai đem về triều báo tiếp.

(2) Mả ngụy xưa là vùng đất chạy dài từ Trường đua ngày nay qua vườn cao-xu (ranh giới tỉnh Gia-định) vòng lên Chí-hòa ra tới đường 20 (Phan thanh-Giản) quẹo ra đường Lý thái-Tổ.

(3) Xin coi V.N.S.L. trang 448 — Ấn-bản của Tân-Việt Hà-nội, Năm 1949. Sách viết từ tháng 10-1919,

thổ Việt-Nam vào tới mũi Cà-mau và vịnh Tiêm-la, chính họ đã chiến-đấu với hùm thiêng rắn độc để biến miền đồng bằng và cao-nguyên xứ Đồng-nai thành những vùng lý-tưởng của nông-nghiệp v.v... nhưng Minh-Mạng đã coi rẻ họ quá. Từ vua Thế-tổ, cái triều - đình bên núi Ngự sông Hương đã có những quan - niệm quá quân-phiệt và phong - kiến đối với việc xử - trị dân chúng miền Nam cũng như miền Bắc. Đáng lẽ trọng-đãi những danh-gia, vọng-tộc ở hai địa-phương ấy và cho họ dựa vào các hàng lãnh-đạo thì Gia-Long lập một hệ-thống tới tở bất tài vô bạnh để thống-trị khiến Bắc Nam đi dần đến cái thế bất mãn. May người đầu tiên nắm giữ quân dân Gia-định lại là Tả-quân Lê văn-Duyệt đã biết dùng Đức làm uy, lấy Nhân làm gốc, nhưng than ôi, con người đó chỉ vì lòng ngay dạ thẳng đã bị coi là kẻ nghịch và phải kết đến 7 tội đáng chém đầu, 2 tội đáng treo cổ, một tội đáng phát quân và nếu còn sống thì đem lãnh-trị, nghĩa là xẻo thịt làm trăm mảnh, phân thầy làm bốn đoạn (1) và già nhỏ như cám đem bần xuống sông, vậy thì công-thần với kẻ địch truyền-kiếp khác gì nhau ? Rồi không có lý-do đứng đắn để làm tội khi sống. Minh-Mạng và lũ bề tôi theo đuôi nắm xương tàn đã vùi sâu dưới lớp đất đen, lại còn lên án chém cả toàn-gia họ Lê nữa.

Lê văn-Khôi đứng dậy. Con người này có cái hào-khí của một Dự - Nhượng đời Chiến - quốc. Đồng - bào xứ Đồng-Nai ủng-hộ Khôi vì đã coi cái nhục của Tả-quân là cái nhục của mình. Tiếc rằng đại-sự không thành là do có kẻ nội phản và một số ít quân dân thành Phiên - An kéo dài chiến - cuộc được ba năm trước một quân lực của toàn quốc xử-dụng hết vào bộ máy đàn-áp của họ Nguyễn đến thế là quá lâu và phi thương rồi.

B.— Riêng về phía Công giáo dựa vào nghĩa-cử của Lê văn-Khôi cũng không ít. Lúc sinh thời, Tả-quân đối với các đồng-bào Công-giáo có sự quan-x-đại, cũng như với các người ngoại-quốc, họ Lê không hề mất lòng ai, do đó uy-tín của nước Việt-Nam đã vang-dội ra ngoài khá xa. Như vậy khi họ Lê bị « *minh tru* », giới Công-giáo có lẽ nào vô tình ? Nhiều người đã mang thư của Khôi đi tìm Giám-mục Taberd

(1) Xin coi bản án các công-thần đời Minh-Mạng kể tiếp các bản án ở Gia-Long.

lúc đó ở Chantaboun có ý mời Giám-mục về Phiên-an tiếp tay cho quân khởi-nghĩa. Mưu-đồ này bị chặn đứng ở ngoài khơi Phú-quốc, nhưng sự-kiện trên đây đã làm cho Minh-Mạng hoảng-sợ và từ đó đã thi-hành mọi biện-pháp quyết-liệt nhất với các giáo-sĩ và tín-dồ. Có điều khiến ta ngạc-nhiên trước vấn-đề giáo-dân Gia-định, tham-gia cuộc Cách-mạng ở thành Phiên-an (1) là một số đại-diện T-C-giáo thừa ấy cũng như gần đây đã cực-lực phủ-nhận. Họ nói cổ Du bị ép buộc và cả giáo-dân cũng bị lôi cuốn theo phong-trào khởi - nghĩa, *Công - giáo có bao giờ chủ - trương đánh đổ vua chúa*. Vô tình hay hữu-ý, họ quên rằng trong các chính-cương hay lý-tưởng của đạo Thiên-chúa đã có thực-chất cách-mạng vì phải chiến - đấu cho *Công-bằng và Bác-ái* của loài người thì cái đức *Công-bằng và Bác-ái* đó dung hòa thể nào được với cái gì là *Độc-tài, phong-kiến, chuyên-chế*? Đạo Thiên-chúa ngót 20 thế-kỷ trước đã bị vua chúa Tây-phương đàn-áp cũng vì nó cấp-tiến, vì nó muốn dẹp những

(1) Khi thành Phiên-an vỡ, quân triều vào bắt được ngót hai ngàn người dè đem giết trong đó có một số tín-dồ Công-giáo. Và trước đây khi vua Cảnh-Thịnh thua trận rút khỏi Phú-Xuân, nhiều đạo trưởng và giáo dân đã nổi lên giúp Nguyễn-Vương dè lật đổ chính quyền của nhà Tây-Sơn ở các trấn Bắc-hà (*Việt-Nam sử lược trang 400*). Nguyên năm 1797, vua Cảnh-Thịnh có bắt được một lá thư của Nguyễn-Ánh gửi cho Giám-mục Labartette ở Huế dĩ-nhiên bức thư này đã có những chuyện yêu cầu giám-mục và giáo-dân giúp đỡ chúa dè khuynh-đảo nhà Tây-Sơn. Hoặc trong thư của Ánh đã nêu lên những công tác, những liên-lạc dè phá-hoại chế-độ Tây-Sơn, hoặc có thể nguy-hại cho triều-đại này nên từ 1798 Tây-Sơn mới bắt đầu cấm đạo Công-giáo gắt-gao. Chúng tôi nêu ra việc này dè cùng bạn đọc nghĩ rằng trong một cuộc cách mạng đang sôi nổi khắp nước trong một cuộc chiến-tranh đang đảo lộn toàn diện xứ sở, người công giáo có mặt ở khắp mọi nơi khó mà ở yên được, giáo-dân đã từng hưởng-ứng lời kêu gọi của Chúa Nguyễn-Ánh năm 1797 thì rất có thể họ cũng tham gia công cuộc của Lê văn-Khôi 36 năm sau. Tuy vậy các nhà chức-trách Công-giáo ở vào thời nào cũng nên nói rằng : *« Công-giáo không tham-gia chính trị »*. Ngoài ra, về phía Công-giáo có đưa ra một bức thư của cổ Du (P. Marchand) gửi cho Giám-mục Taberd nói mình đã chống lại ý của Lê văn-Khôi với dự vào công tác khởi-nghĩa. Có thể từ bức thư này là một sử-liệu có giá-trị chẳng ? M. Gaultier còn nêu ra một sự-kiện lịch-sử : trong khi quân đội Tiêm-Là theo lời kêu gọi của Lê văn-Khôi chia làm 5 đạo đánh vào Việt-Nam, từ Tây-Bắc xuống Tây Nam có 2000 giáo dân V. N. gốc Nam-kỳ tham-gia cuộc chiến đấu dưới sự chỉ-huy của Linh-mục Nguyễn văn-Tam. Một số đã bị bắt. Các tướng Trương-minh-Giảng và Nguyễn-văn-Xuân đã dành cho họ những hình phạt đặc-biệt nhất, nghĩa là tàn ác nhất, không như đối với các tù binh khác. (Coi cuốn *« Minh-Mạng »* của M. Gaultier, trang 145)

mối bất-bình và bất-công trọng xã-hội loài người cũng như lý-thuyết Khổng-Mạnh ở Á-đông đã chủ-trương *Nhân-trị*, *Đức-trị*, và *Dân vi quý, quân vi khinh*, khiến những lãnh-tụ của nó là chúa Gia-tô, là Khổng-Khâu đã bị chà đạp thảm hại lúc sinh thời và đều chỉ thành-công với thế-hệ hậu-sinh . . . Giáo-dân Việt-Nam trong giai-đoạn lịch-sử vừa qua đã bị ngược đãi trong đức-tin của mình, lại có ân-nhân bị sỉ-nhục quá đáng, luôn luôn bị chính-quyền đe-dọa đàn-áp, sao có thể bó gối ngậm tằm được ? Trước phong-trào nổi dậy này, sử-gia M. Gaultier cương quyết nói rằng các giáo-sĩ và đồng bào công-giáo ở Nam-phần thuở đó dám dự vào cuộc cách-mạng của Lê-văn-Khôi và sau khi lý-luận về tôn chỉ của T - C - giáo, M. Gaultier nhìn vào thực-tế mà đặt ra câu hỏi này :

«... Ngoài ra liệu ta có thể tưởng-tượng rằng, giữa những giông tố làm rung động toàn quốc hồi đó, giáo-dân và các giáo-sĩ của họ có thể bàng-quan tọa-thị, có thể yên lặng mà nghiên-ngẫm đạo chúa là đạo bất-thê, hoặc Thượng đế với Chúa chỉ là một đề đùng nghĩ rằng còn có một vấn-đề quan trọng hơn và những ưu-tư về chiến-tranh chẳng khuấy động sự bình-thản của họ sao ? » (*Est-il possible, en effet, d'imaginer qu'au milieu des orages qui secouaient le pays, les catholiques et leurs prêtres soient restés inactifs, qu'ils se soient entretenus paisiblement de monophysisme ou de la consubstance de Dieu le Fils : qu'ils n'aient pas considéré de sujet plus important et que les préoccupations de la guerre n'aient pas affecté leur quiétude ?*) Và theo ý chúng tôi ngày nay, nếu giáo-dường miền Nam bấy giờ phải chối cãi sự tham-gia vào cuộc khởi nghĩa không khởi là muốn tránh sự hận-thù và khủng-bố của chính-quyền thuở ấy. Như vậy, những giấy tờ cực-lực cải-chính việc trên đây, trong khi Minh-Mạng thẳng tay đàn áp Công-giáo, nếu dùng vào việc viết sử ắt phải hết sức thận-trọng.

Muốn sao thì cuộc nổi dậy của miền Nam cũng đã xảy ra và được thác-sinh bởi chính-quyền Minh-Mạng. Luôn 3 năm liền máu đổ xương rơi, tàn dân hại vật, đó là trách-nhiệm của một ông vua hẹp-hòi, của một triều đình nhiều kẻ dua-nịnh và ta cũng không thể quên rằng đi theo với các thảm-trạng ly-loạn do những lầm lỗi liên-miên của triều Minh-Mạng, nhân-dân Việt-Nam còn phải chịu cái nạn đói và dịch-tả luôn 6 năm liền. (*En même temps, à une famine de*

six ans qui avait porté partout la misère succédait le choléra qui semait la mort dans toutes les provinces — A. Launay) Ngoài ra, dầu quân đội của Minh-Mạng đã thắng ở Bắc cũng như ở Nam, ta cũng không thể coi đây là những vinh-quang cho những người làm chính-trị đời bấy giờ và ngày nay người dân nên luôn luôn tìm hiểu những cuộc nội - chiến lợi hại cho những ai ? Bề khác, ta có thể nghĩ rằng cuộc chiến-đấu của quân-dân thành Phiên-An là một cuộc chiến-đấu anh - dũng đáng phục. Cuộc chiến - đấu này là một cuộc chiến - đấu có lý - tưởng bởi nó chủ - trương đánh đổ một chế-độ tàn ác, bất công, phi dân. Cuộc chiến đấu này đã được phát động do hào-khí của một thành-phần dân tộc liết thông cảm những điều ân nghĩa, dám tin-tưởng rằng cuộc khởi nghĩa của mình có lý do chính đáng. Nếu hôm qua thành phần dân-tộc này làm nòng cốt cho Thế-tổ nhà Nguyễn tranh đấu với Tây-Sơn mà ngày nay nó coi Minh-Mạng là bạo chúa, hôn quân, cận thần của nhà vua là bọn có tâm-thuật hèn-hạ cần phải triệt bỏ thì lỗi đó ở ai ? Cuộc chiến-bại của Phiên-An tóm lại là cuộc chiến-bại oanh liệt trên nhiều phương-diện, đáng là những kinh nghiệm quý báu cho những nhà làm chính trị hôm qua cũng như hôm nay.

Thừa sai Marchand bị xử bá-đạo

Đề ý-thức về một hình-phạt tối dã man của đời phong-kiến (có lẽ chỉ đặc-dụng nhất vào đời Nguyễn) chúng tôi xin mượn cái chết của

cố Du (P. Marchand) ra làm tỉ-dụ : Vào 5 giờ sáng ngày 30-11-1835, 5 phát đại-bác kêu gọi dân chúng tại kinh thành (Huế) tới chứng-kiến vụ hành-hình 5 đầu đảng phiến-loạn của thành Phiên-An (1). Những người xấu số này bị nhốt trong cũi. Bấy giờ lính khiêng họ ra pháp-trường. Các tử-tội được lôi ra ngoài. Áo phải lột ra quá nửa xỏa xuống ngang lưng, quần thì xắn lên đến đùi và bị dẫn đến cửa Ngọ-môn. Lính gươm tuốt trần đi thành hàng hai bên.

(1) Đáng lẽ có 6 người bị xử tử, nhưng một đã chết trong trại giam Vô-Lâm. Hình như người ấy là Phó-Nhã, ngoài ra còn một người Trung-Hoa tên là Mạch Tấn-Giai, Đỗ-Hoành và Tông-Trám chỉ-huy-trưởng của lực lượng cách-mạng. Tông-Trám là Nguyễn văn-Chân chăng ?

Minh-Mạng ngồi tại Ngũ phụng-lâu chủ-tọa lễ hiến-phủ này. Khi tội-nhân đến gần nhà vua đề nhà vua nhìn rõ mặt, họ được lệnh phải quỳ xuống lạy 5 lạy. Minh-Mạng, mặt lạnh như tiền và đầy khinh-bĩ, ngó tội-nhân rồi quăng xuống đất một lá cờ và quay lưng đi. Đó là lệnh cho mang tội nhân ra hành-quyết.

Lập tức lính dẫn tội-nhân về tòa án. Lần này họ bị lột hết quần áo và mỗi kẻ bị buộc vào một cái cang. Nơi hành-hình lần này được đặt ở một nơi đặc-biệt : tại phường Thọ-đức, nơi có họ đạo lớn nhất ở kinh-đô Huế. Người ta có ý chọn nơi này để các tín-đồ Công-giáo được có mặt đầy-đủ đến coi sự gia-hình một vị linh-mục Công-giáo.

Ở đây đã có đặt một cái lò rào (lò lửa) đang bốc đỏ. Marchand ngó thấy rùng mình. Ít tuần trước, Cố đã được biết cuộc tra tấn bằng kim nung trong lửa là thế nào. Dân chúng bên lương cười hả-hê. Quan ra lệnh, tức thì hai tên lính lục lưỡng, khoẻ mạnh nắm lấy vị cố đạo không cho cựa quậy, cùng nhíp 5 tên khác rút khỏi lò năm cái kim đã được nung chín đỏ. Năm cái kim này kẹp vào 5 chỗ khác nhau ở mông và vế. Vị thừa-sai ngất đi và ở miệng thoát ra mấy tiếng rên yếu-ớt, nã-nuột. Ở những chỗ thịt bị cháy, khói bốc lên khét-lẹt với những tiếng « sèo sèo ». Khi kim đã bắt đầu nguội, họ mang kim đi nung lại. Viên Chánh-án tươi cười, đặc-chỉ hỏi :

— Vì sao trong đạo Công-giáo có việc móc mắt người gần chết ? (1)

Marchand cố sức phản đối :

— Không có việc ấy bao giờ hết !

Kim đỏ lại kẹp vào thịt tội-nhân lần thứ hai rồi trong khi linh đem kim đi nung lại thì cuộc thăm-vấn lại tái diễn.

— Tại sao vợ chồng phải làm lễ cưới trước bàn thờ, đó là cái trò gì ?

(1) Qua lời thăm vấn của viên chánh án ta đủ rõ đạo Công-giáo đã bị xuyên-tạc rất là tai-hại. Dĩ-nhiên đây là một việc cố ý, nhưng rất tiếc là vị chánh án ít nhất phải hiểu việc này có sự thực hay không để buộc tội cho đúng-dắn.

Tội nhân, thêm một lần nữa, phải ráng sức mới đáp được :

— Họ đến xin linh-mục công-nhận và ban phép lành cho cuộc hôn phối của họ trước mặt các anh em giáo-hữu.

Kim nóng lại kẹp vào thịt lần thứ ba. Viên chánh-án sau đó lại hỏi :

— Các ông làm trò quái gở gì trong tiệc trà ở nhà thờ ?

Với một giọng khàn-khàn, cố Du trả lời :

— Chúng tôi không làm điều gì quái gở cả !

— Vậy các ông cho các đạo-hữu ăn thứ bánh gì mà họ trung thành với đạo như vậy ?

Lần này, sợ tội-nhân chết trước giờ « bá-đạo » nên cuộc tra tấn ngừng lại. Và cuộc thẩm-vấn này hoàn toàn có tính-cách tôn-giáo. Mấy tuần trước, người ta đã tra hỏi Cố về các việc chính-trị, nghĩa là sự có mặt của cố ở thành Phiên-An. Cố không nhận có dự vào các hoạt-động của quân « *phiến-loạn* » và nói rằng sự hiện-diện của mình ở Phiên-An là điều ép buộc của bọn Lê văn-Khôi (1)

Trong lúc cố Du phải ném cái món khai-vị này thì các trọng - phạm kia, kể cả cậu bé 8 tuổi con Lê văn Khôi ngồi trên cáng mặt xanh như tàu lá đã coi hết tấn trò dã-man rừng-rợn này. Rồi người ta dọn bữa ăn cho những kẻ xấu-số. Ông quan phụ-trách việc hành-hình bảo một người lính ra hỏi:

— Ông Tây kia có muốn ăn gì không ?

Cố Du lắc đầu rồi thì thầm cầu-nguyện. Khi các tù phạm ăn xong, bọn lý-hình nhét một hòn sỏi vào miệng họ rồi đặt một thanh tre vào ngang miệng để khi họ bị đau, họ không thể chửi rủa nhà vua và các quan.

Giữa bãi cỏ, người ta đã đóng sẵn 5 cái cọc. Mỗi tội-nhân bị trói vào một cái kèm theo một cây thập - tự

(1) *Việt-Nam giáo-sử* và *La Geste française en Indochine* của Tabulet có đưa ra một bức thư của P. Marchand gửi cho Giám-mục Taberd kể những khổ tâm của mình trong vụ phiến-động tại Phiên-An. M. Gaultier tỏ ý ngờ vực, cho rằng người Công-giáo và các lính-tự Công-giáo có dự vào việc của Lê văn-Khôi.

(thánh-giá). Mỗi tội-nhân có hai lý-hình đứng hai bên. Sau bốn lý-hình có một số binh-sĩ cầm roi để quất vào người họ khi thấy họ có vẻ mềm lòng thương-xót những kẻ đang đau-dớn, rên rỉ.

Cổ Du tuy bị buộc vào cái cọc thứ hai nhưng lại phải chịu những nhát dao đầu tiên sau khi một hồi trống vang lên để báo giờ xử tội-nhân. Lý-hình đưa cái kim đỏ vào ngực và xé hai miếng thịt ở vú rồi hặng xuống đất. Kẻ khác cắt hai miếng thịt mỏng. Rồi gong kim kẹp vào hai bên đùi. Cứ thế dao và kim làm việc mau lẹ như điều ta trông thấy một hàng đồ-tể. Đầu vị tu-sĩ dần dần nghiêng xuống vì không còn vững trên cổ, đôi mắt nhắm nghiền lại sau khi nhìn lên trời như kêu gọi Chúa. Rồi một hơi thở cuối cùng tỏa nhẹ ra. Thế là xong! Nhưng lý-hình vẫn còn việc phải làm: họ chặt đầu kẻ khốn-nạn bỏ vào một cái giỏ có đựng vôi bột. Họ cởi cái xác ra khỏi cọc để nằm dưới đất rồi hết xẻ dọc lại xẻ ngang ra nhiều mảnh, lượm bỏ vào một chiếc thùng rồi quăng ra ngoài biển. Riêng cái đầu vị tu-sĩ bị đem bêu ở các chợ cho dân chúng xem rồi bỏ vào cối giã cho nát... Bốn tội-nhân kia cũng đồng loạt chịu tội như cổ Du. Các sử-gia và thương-khách ngoại-quốc đã tỏ sự ghê-tởm khi thuật lại hình-phạt của các ông vua đầu tiên nhà Nguyễn.

Cuộc xung đột với Tiêm - La

Qua các trang trên, ta đã biết Lê văn-Khôi trong khi bị vây hãm ở thành Biên An có cho một phái-đoàn qua cầu-viên triều-đình Tiêm-La. Quốc-vương xứ này xét cơ-hội thuận-tiện nên đã cho ba đạo quân tiến đánh Nam-kỳ vào tháng chạp năm 1833. Thủy quân Tiêm-La với 100 chiến thuyền từ bể xông vào Hà-tiên. Dưới quyền lĩnh-đạo của tướng Phi-Mã, Chắt-Tri. Đạo lục quân thứ nhất qua đường Battambang và sông Cửu-long mà xuống đánh thốc lên Châu-đốc, An-giang.

Đạo thứ ba cũng từ Chan-Bôn là đường thủy tràn vào nội-địa Nam-Việt. Theo *Việt-Nam sử lược*, Tiêm-La lần này huy-động một quân-lực khá mạnh và xử dụng tới 5 đạo, trong đó đạo thứ ba đánh mặt Cam-lộ, đạo thứ tư đánh Cam-cát. Cam-môn và đạo thứ năm đánh Trấn-Ninh (1). Nhưng chủ-định

(1) V. N. S. L. trang 459.

của Tiêm vẫn là đánh Nam-Việt, còn hai đạo đánh vào đất Ai-Lao chỉ có mục-dịch chia xẻ lực lượng Việt-quân mà thôi.

Hai người em vua Chân-lạp là Nặc - Yên và Nặc - ông Đôn bị bắt làm con tin và đi theo quân đội xâm-lăng trong các cuộc hành quân.

Thủy-quân Tiêm vừa hoạt-động tại hải-phận của Tiêm thì các ngư-phủ Việt-Nam thấy có sự bất-thường vội báo ngay cho các quan biết, bề khác các dân chài lưới được tin liền tản-cư hết vào các hang núi bên bờ biển. Họ đã kinh-nghiệm nhiều lần về các vụ cướp của giết người của quân Tiêm từ thời sang đánh hời cho họ Nguyễn thuở xưa. Vì ở đây quân của triều - đình Việt-Nam ít ỏi nên mọi cơ-quan quân dân chính vội chuyển hết lên An-giang, quân của Chât-Tri theo không kịp bởi còn lo cướp phá ở dọc đường từ Hà-tiên trở lên. Quân Tiêm đến bấy giờ cũng vẫn còn tính-cách ô-hợp trong đó có đủ thứ người : Tàu, Mên, Mã-lai. Dân ta trong nội-địa phải bỏ cả đồng ruộng rút vào rừng.

Minh-Mạng được báo-động liền cử Trương minh-Giăng và Nguyễn-Xuân đi chống đỡ tại miệt An-giang tức là phía Tây-Nam. — Lê văn-Thụy tiến tiểu ở mặt Cam-lộ thuộc Quảng-trị — Phạm văn-Điền giữ Nghệ-An — Nguyễn văn-Xuân (1) làm Kinh-lược đại-sứ điều-khiển quân đội ở vùng Trấn-Ninh.

Vào trận tại Hà-tiên, Ngô văn-Loan với một số quân ít ỏi đã hạ được của địch ba tàu chiến, giết một số binh địch và chặn đứng chúng được ít ngày, trong khi đó Chât-Tri từ Nam-Vang tiến xuống Châu-đốc để hội cả ba cánh quân ở địa-phương này. Quốc-vương Chân-lạp là Nặc ông-Chân cự không nổi quân Tiêm chạy chốn xuống Sađec mặc dầu hai em ở trong quân Tiêm cố ép phải điều-đinh với Tiêm.

Cuối tháng chạp năm ấy, quân của Trương minh-Giăng và Nguyễn-Xuân tới An-giang đánh úp quân của Chât-Tri trong khi Tri yên trí quân Việt đang ở Cần-thơ. Lỗi này do sự kém am-hiểu địa-lý Nam-Việt của quân Tiêm.

(1) Triều Minh-Mạng có hai tướng cùng tên Xuân, chỉ khác kẻ có chữ đệm, kẻ không có. Nguyễn-Xuân thì làm Tham-tán đại-thần. Nguyễn văn-Xuân làm Hữu quân lĩnh An-giang Tổng-đốc phụ-trách mặt Trấn-Ninh.

Tiêm đại bại ở sông Cồ - cẳng. Trên đất Chân - lạp họ cũng bị người bản-xứ phản công kịch-liệt. Nguyên quân Chân lạp ở đây có 100 chiến-thuyền đặt dưới quyền xử-dụng của tướng Trương minh-Giảng. Quân ta đang đem đánh vào An-giang chiếm được thành này và lấy luôn được cả Châu-đốc. Cuộc kháng-cự của Tiêm ở đây ngắn ngủi nhưng rất dũng mãnh. Trong những giờ phút đầu, Tiêm đẩy lui được quân ta sau nhờ có viện binh ở Gia-định xuống ta tập-trung hết quân-lực đánh thẳng vào đồn bên tả ngạn của địch. Chiến-sự đang kéo dài và chưa ngã ngũ thì ta lại được thêm 30 chiến-thuyền đến giúp sức. Đại-bác ở các chiến-thuyền này bắn xối-xả bên bờ giúp quân đồ bộ rất có hiệu-lực, và đến quá chiều, quân Tiêm tuy anh-dũng vẫn phải rút lui để lại nhiều thương-binh tử-sĩ và vũ-khí. Nên nhắc rằng trong dịp này ta còn 100 chiến-thuyền đóng tại Châu-đốc cũng ngược sông Cửu-long lên trợ chiến thì gặp thủy quân Tiêm có 150 chiến-thuyền trước đây buông neo ở Hà-tiên cũng được Chắt-Tri gọi lên cứu viện trong trận An-giang. Trong đám thủy quân này có 2000 giáo-dân người Việt dưới quyền một linh-mục tên là Nguyễn văn-Tam tham-gia trận An-giang. Họ chiến-đấu rất hăng bên cạnh người Tàu. Tiêm và Mã-lai nhưng khi quân của Trương minh-Giảng đánh mạnh quá thì nhiều quân Tiêm ra hàng. Cuộc chiến thắng của quân Việt nhờ vậy được mau lẹ. Đối với tù binh là giáo-dân, hai tướng của Minh-Mạng đã tàn sát dã-man không sao tưởng-tượng được Tóm lại, trên bộ cũng như trên thủy, Tiêm đại-bại và phải bỏ chạy về Nam-Vang, như trên đã nói.

Mặc dầu trận đánh An-giang đang thuận lợi cho quân ta, một đạo quân tiếp viện không tiến hành mau lẹ đã bị quân Chắt-Tri chặn đánh bằng hỏa-lực của thủy quân luôn nửa ngày khiến Tham-tán Nguyễn-Xuân phải rút ra khỏi thành cho quân Tiêm vào chiếm đóng. Tinh thần quân ta bị nao núng một phần và cuộc tiến quân bị ngừng lại. Trong dịp này, Ma-Hat là em A-Nộ, quốc-vương Ai-Lao, tướng quân Tiêm có nhiều hy-vọng chiến-thắng vội đến liên lạc để cùng đánh quân Việt. Nhưng Ma-Hat đã đại-bại ở Trấn-ninh, A-Nộ lại phải dâng biểu xin lỗi Minh-Mạng. Ngay sau vụ này, quân Việt chỉnh-dốn lại hàng ngũ tiến vào Nam-vang và đuổi được quân Tiêm về bên kia biên-giới sau mấy trận lớn gây rất nhiều tổn thất. Quân ta lấy lại được thành Phú-Túc (*Parsat*) rồi giao cho người Chân-lạp giữ lấy. Ta lại đắp lũy, dựng đồn ở những địa-diểm hiểm-yếu

để bảo vệ an ninh cho Chân-lạp. Còn quân Tiêm tấn công ta ở các vùng biên-giới Tây Bắc Việt Lào như Quảng-trị, Nghệ-an và Trấn - ninh cũng bị các tướng Nguyễn văn-Xuân, Phạm văn Điền và Lê văn - Thụy đẩy lui. Cuộc xung-đột Việt - Tiêm khởi từ tháng giêng năm Giáp-ngọ (1834) đến hết tháng năm thì kết-liều. Nhờ cuộc chiến-thắng này, uy-danh chính-quyền Việt-Nam được nổi hơn bao giờ hết, các nước chư-hầu càng thêm kính-phục. Quốc-vương Tiêm-la cử một sứ-bộ qua Huế để xin giải-hòa Minh-Mạng sau đó ít lâu cho rút quân ở Battambang về, tướng Xuân được lệnh lui về Sài-côn. Trong việc này, một người con của vua Tiêm có được gửi sang làm con tin, nhưng không thấy sứ ta nói tới. (1)

Việc Ai-Lao và Chân-Lạp

Các tiền-triều Đinh, Lê, Lý, Trần và Hậu-Lê đã mất nhiều thì giờ trong việc củng-cố thực-lực của quốc-gia nhất là sau những cuộc chiến-tranh chống ngoại-xâm không mong gì hơn là nước được yên để hưởng-thụ thanh-bình. Thực ra, các vua chúa cũng như quốc-dân không hề có óc đế-quốc thực-dân, như nhiều người đã lầm tưởng. Nếu chúng ta tiến mạnh xuống miền Nam, đi sâu vào đất Chăm thì nguyên-nhân đầu tiên là do Chăm đã quấy-nhiều chúng ta hết đời nọ qua đời kia (từ thế-kỷ thứ II sau T. L.). Cũng chính họ đã tư nguyện thành một kẻ thù truyền-kiếp của chúng ta Vì vậy, vua chúa Việt-Nam phải đề ra việc Nam-chinh bởi cây muốn lặng nhưng gió chẳng ngừng. Còn lý-do thứ hai cũng là một lý-do ngẫu-nhiên là trên đường chiến-thắng, miền Nam có nhiều đồng bãi phì-nhiều, ta thấy hợp với nhu-cầu mới nảy ra óc chiếm đất để khẩn hoang hầu đối-phó với nạn người nhiều của ít. Sau này đến đời Nam-Bắc phân tranh, việc mở rộng cương-vực vào tới mũi Cà-mau và Vịnh Thái-lan ngày nay cũng là hoàn-cảnh lịch-sử tạo nên, ngay cả việc quân Việt một thời vượt qua xứ chùa Tháp. Tóm lại luôn chín thế-kỷ độc-lập, ông cha người Việt đã chỉ lo chống ngoại-xâm và nội-biến đã đủ hết cả thời giờ còn việc mở rộng cương-thổ thường chỉ là việc xuất ư ý ngoại do những tì-h-cờ của lịch-sử đưa đến.

(1) Tài liệu này ghi trong cuốn sử của M. Gaultier : *Minh-Mạng*.

Phía Tây ta có lán giềng là xứ Ai-Lao xúc-tích về lâm-sản, dân-trí lại thấp kém, như vậy nếu ta có ý chiếm đất thì quân Việt từ nhiều đời đã kéo qua dễ như bỡn có phải đâu vì lam-chương hoặc đường lối xuyên sơn kỹ-khư. việc tiếp vận khó-khăn mà e-ngại, như Trần trọng-Kim đã nói. (*Việt-Nam sử lược* trang 166). Lần nào ta đánh Lào ta cũng thắng mỗi khi họ quấy nhiễu biên-dân của chúng ta và cũng kể là một điều kỳ-cục dân Lào cũng như dân Chăm có quá nhiều tình - thần hiếu - chiến và không biết sức người, sức mình. Đến đời Nguyễn, Ai - Lao thần - phục ít lâu rồi cũng sinh chuyện như xưa, lúc thì họ giao-hảo với cả hai nước mạnh Việt-Nam, Tiêm-la, lúc họ đi với Tiêm để chống lại ta, lúc thì theo ta bỏ Tiêm và cứ trở gáo luôn luôn khiến cả Tiêm lẫn ta đều bực mình.

Năm Đinh-hợi (1827), người Nam-chương (Luang-Pra-băng) thông đồng với Tiêm-la đem quân đánh Trấn-ninh rồi đánh không nổi, tù-trưởng là Chiêu-Nội lại xin đem Trấn-ninh nội-thuộc về Việt-Nam. Theo chính-sách bao-dung, Minh-Mạng không trừng-phạt việc kể trên, còn phong cho Chiêu-Nội chức Trấn-ninh Phòng-ngự sứ. Như vậy người Ai-Lao vẫn cai-trị dân Ai-lao, chỉ có việc nộp thuế má hay tuế-cống hàng năm mà thôi. Đất Ai-Lao từ lâu đời tuy là một vương-quốc nhưng đất đai phân chia ra nhiều mảnh. Mỗi bộ-lạc cát-cử một khu và có tù-trưởng quản-trị. Có khu lớn, có khu nhỏ, riêng khu Trấn-ninh có 3000 suất đinh và 28 sở ruộng(?) theo sổ sách do Chiêu-Nội đệ-trình triều-đình Huế. Sự thống-nhất quốc-gia không có, rồi họ cứ mạnh dạn theo đấy và cũng nhiều phen họ được tự trị. Nhưng đến đời Nguyễn, các bộ-lạc thấy Việt-Nam đã yên-ổn và hùng-mạnh nên lần lượt tự-động xin qui-phục. Hai địa-phương Tam-động và Lạc-phần trước thuộc về Vạn-tượng nay xin nội-thuộc về Việt-Nam. Triều-đình Việt-Nam chia ra làm hai phủ Trấn-tĩnh và Lạc-biên rồi tới các vùng Xa-hồ, Sầm-tộ (Sam-teu), Mường - soạn, Mang - lan (Mường - lam) Trinh-cổ (Xiêng-khô), Sầm-nửa (Sam-neua) Mường-duy, và ở Ngọc-Ma có Cam-cat (Kham-keut) Cam-môn và Cam-linh. Minh-Mạng tổng - hợp các đất này lại rồi chia làm ba phủ: Trấn-biên, Trấn-định và Trấn-man với những thành-phần như sau:

Phủ Trấn-biên gồm 4 huyện : Xá-hồ, Sầm-tộ.

Phủ Trấn-định có 3 huyện : Mang-soan, Mang-lan Cam-cát, Cam-môn, Cam-linh.

(Hai phủ này từ nay nằm vào địa-giới của tỉnh Nghệ-an).

Phủ Trấn-man có 3 huyện : Trình-cổ, Sầm-nửa, Man-duy.

(Phủ này thuộc tỉnh Thanh-hóa cũng dò lẽ gần đây thì sát-nhập vào đấy). Ngược về phía Bắc, trên một chút là miền (Quảng-trị) cũng có những đất mới xin phụ thuộc về Việt-Nam như : Mường Mang-vang, Na-bí, Thượng-kế Tả-bang, Xương-thỉnh, Tầm-bôn, Ba-lan, Mang-bồng, Laug-thời được chia thành 9 châu đặt dưới quyền quan Lang (vì các đất này thuộc dân Mường) chịu lệ triều cống.

Nhưng cũng trong năm Đinh-vị (1827) trên đất Ai-lao có nhiều vụ lộn-xộn xảy ra liên-hệ đến cả ba nước Việt-Tiêm-Lào. Trong năm này, người Tiêm sang đánh Vạn-tượng, Quốc-vương A-Nộ chống không nổi chạy sang cầu cứu. Minh-Mạng cử Thống-chế Phan văn-Thúy làm Kinh lược Biên - vụ đại-thần cùng các tướng Lê đức-Lộc, Nguyễn công-Tiến mang hai đạo binh theo đường Qui-hợp và Lạc-phàm qua Trấn-ninh sang tiếp-viện. Cuộc hành quân này không có kết-quả nên quân ta phải lui về Nghệ-an và A-Nộ mất nước đành phải theo quân-đội của ta *(sử nhà Nguyễn đã chép rất sơ-sai về biến-cố này vì là sự thất-bại của bản triều thuở ấy)*. Năm sau là năm Mậu-ti (1828) A-Nộ lại vận-động được một số quân lính xin ta hộ-vệ về nước. Lần này, Phan văn-Thúy được làm Kinh-lược đại-thần, Nguyễn văn-Xuân làm phó, Nguyễn khoa-Hào làm Tham tán, lĩnh 3000 quân và 24 con voi đưa A-Nộ về Trấn-ninh rồi về Viên-chân (Vientiane). Cuộc xung đột xảy ra, lần này quân Tiêm lại đại thắng khiến A-Nộ lại xin viện-binh về Nghệ-an. Lần này Minh-Mạng bỏ rơi A-Nộ, chỉ ra lệnh chống giữ các vùng biên-giới Việt Lào mà thôi. A-Nộ phải rút về Trấn-ninh bị Chiêu-Nội bắt nộp cho người Tiêm. Thừa thắng Tiêm kéo binh xâm nhập vào biên-cảnh của ta gần Quảng-trị. Thống-chế Phạm văn-Điền phải sai Tham-tán quân-vụ Lê đăng-Doanh mang quân các đạo ở Lào đi giữ, bề khác cho người đem thư sang trách triều-định Tiêm-la. Tiêm biết rằng ta mạnh và đi quá trớn có thể bất lợi nên cũng

trả lời một cách khiêm-tốn rồi rút binh. Tuy vậy mỗi khi có cơ-hội, gián-tiếp hay trực-tiếp Tiêm vẫn dung túng quân phản-nghịch nước Chân-lạp và thỉnh-thoảng lại ăn hiếp Vạn-tượng.

Trong vấn-đề A-Nộ xét ra triều Minh-Mạng đã không có một chính sách dứt-khoát. Trước giúp sau hỏ, A-Nộ mất nước thì Việt-Nam cũng mất mặt. Ngoài ra ta còn nhận thấy Minh-Mạng vẫn kiêng nể người Tiêm, trong vụ Ai-Lao kẻ trên cũng như trong vụ Tiêm can thiệp vào cuộc phiến-loạn ở Phiên-an bảy năm sau, Minh-Mạng chỉ dùng lời ngon-ngọt đề trang trải với Tiêm, nếu phải ra quân cũng là điều vạn bất đắc-dĩ.

Riêng về Chân-lạp, sau cuộc chiến tranh năm Quý-tị (1833) giữa Việt-Nam và Tiêm-la, đã hầu trở nên gần như một thuộc-địa hay một đất bảo-hộ của ta. Buổi đầu, Minh-mạng cho các tướng Trương minh-Giảng và Lê đại-Cương lập đồn binh ở gần Nam-vang để trấn giữ xứ này.

Rồi cuối năm Canh-tí (1834), quốc-vương Nặc ông-Chân qua đời không có con trai kế vị nên quyền cai-trị trao sang các người Mên là bà Trà-Long và La-Kiên mang quan tước của Việt-Nam. Ít lâu sau Trương minh-Giảng cho rằng tình-trạng chính-trị này không hợp với nguyên-vọng của dân bản-địa nên đề nghị về Huế lập con gái của Nặc ông-Chân tên là Ang-Mey quận chúa gọi là Ngọc-Vân công-chúa, đồng thời xin đòi xứ Chân-lạp ra Trấn-tây thành với ý-nghĩa xứ này từ nay trực thuộc về Việt-Nam ở phía Tây. Để thực hiện chánh quyền hoàn toàn Việt-Nam, họ Trương phân chia Trấn-tây thành ra làm 32 phủ và 2 huyện. Guồng máy cai-trị có một tham-tán đại-thần, một đề-đốc, một hiệp-tán và 4 chánh-phó lãnh-binh để điều động các việc quân dân. Ở một vài địa-phương sung-yếu có các chức Tuyên-phủ, An-phủ gìn giữ trật-tự.

Sáu năm sau, Minh-Mạng cử qua Trấn-tây thành một ban thanh-tra gồm có Lê văn-Đức là Khâm-sai đại-thần, Doãn-Uần làm Phó hội với Trương minh-Giảng đi kinh-lý toàn cõi xứ này về mặt thương-mại, đo lại ruộng đất, lập sổ đinh, điền, đặt các ngạch thuế má như ở Việt-Nam.

Mọi việc đáng lẽ tốt đẹp và êm-ả thì trái lại đám quan lại Việt-Nam sang Trấn-tây thành đã có nhiều hành động lạm

quyền, lạm-thế và nhiều dân. Chẳng bao lâu họ bắt cả Ngọc-Vân công chúa về Gia-định, đem Trà-long và La-kiên đầy ra Bắc-Việt. Miệt thị hoàng-gia, loại trừ cấp lãnh-đạo bản-địa trong lúc kẻ thù đang rình cạnh vách, việc này quá táo-bạo, lỗi-lầm, về phương-diện chiến lược lại thất nhân-tâm nữa và đã đưa ngay lại một hậu-quả vô-cùng tai-hại: Dân Chân-lạp không chịu được sự si-nhục liên vùng dây chống lại chính sách Việt-hóa Chân-lạp mà bấy lâu họ đã cảm giận. Em Nặc ông-Chân là Nặc ông-Đôn phát cờ khởi-nghĩa, người Tiêm tất nhiên chỉ chờ cơ-hội này để lợi dụng tình-thế. Quan quân của ta đánh dẹp liên miên cho tới khi Minh-Mạng tạ thế thì cuộc bảo-hộ của ta cũng cáo-chung. Việc binh-dội và quan lại Việt-Nam phải rút hết về An-giang để trả lại nền độc-lập cho người Chân-lạp chứng minh rõ rằng đường lối chính-trị của Minh-Mạng quá dở và đám quan-lại của triều-đình thật là bất tài vô hạnh. Vì họ, ảnh-hưởng của Việt-Nam bị tiêu ma vĩnh-viễn ở xứ chùa Tháp, cũng như trước đây vì họ mà xảy ra bao nhiêu vụ phiến-động ở Việt-Nam cũng như ở Bắc-Việt khiến nhà nước phải hao-tồn bao nhiêu binh-tướng, tài-sản và tính mạng của nhân-dân. Chính-trị sa-đọa thì quân-sự phải thất-bại và dân chúng phải làm than, cái bi-trạng này còn tiếp-tục qua mấy ông vua kế-nghiệp của Thế-tổ nữa.

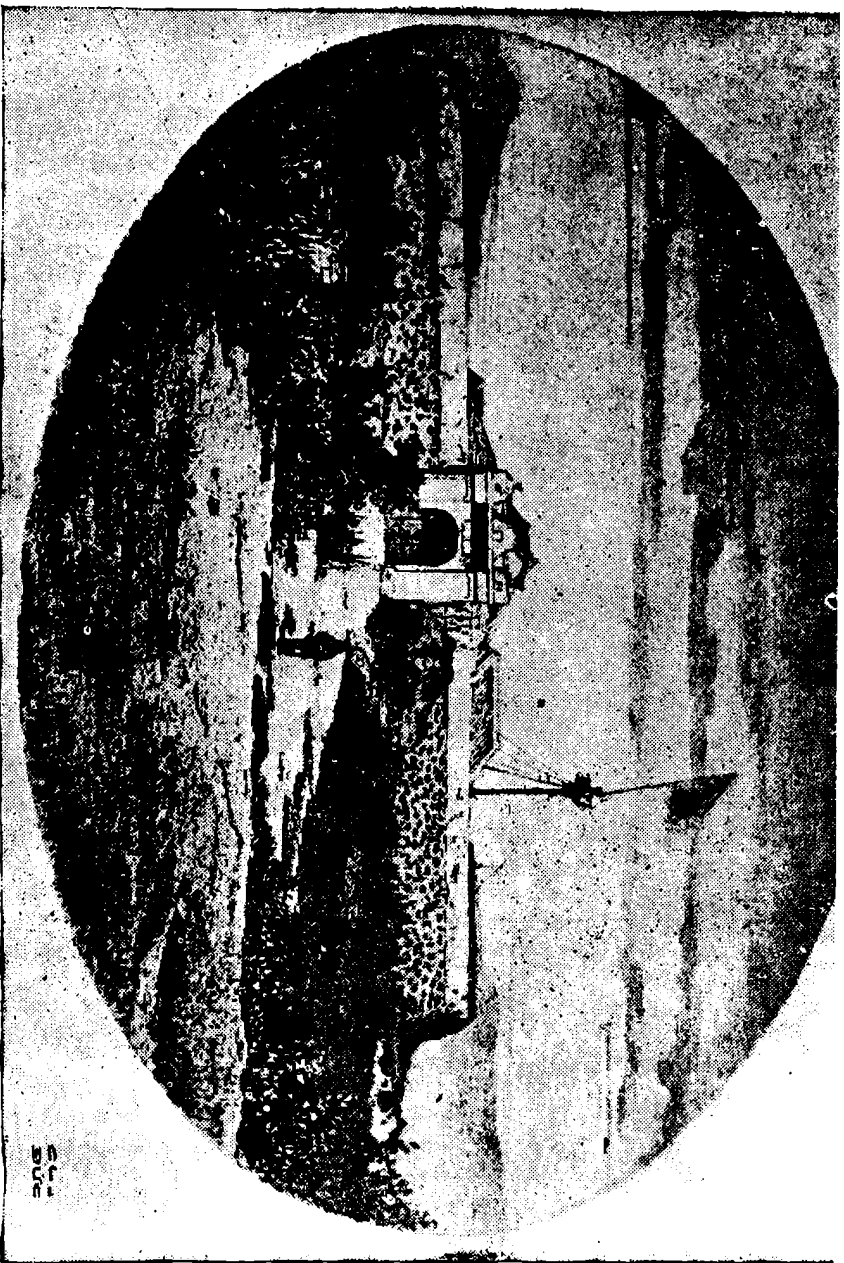
Việc ngoại-giao của Minh-Mạng

Minh-Mạng lên thay Gia-Long được ít lâu đã có ngay chính-sách bất hợp-tác với Tây-phương. Một vài nhà chép sử của chúng ta cho rằng nguyên-nhân của sự bất hợp-tác này là do việc truyền-bá đạo Thiên-chúa mà các nhà cầm-quyền bấy giờ coi là tả-đạo. (một thứ đạo gian dối, ngu dân hoặc chúng). Ý-niệm này không hoàn-toàn đúng và theo chúng tôi, nguyên-nhân chính là từ đời Gia-long, vua quan Á-Đông ở khắp mọi nơi đều nhận thấy người « Tây-Phương » đi tới đâu cũng đem họa vong-quốc đến đó. Những người Tây-Phương này gồm hai loại : nhà buôn và giáo-sĩ, cả hai đều trực-tiếp được chánh-phủ của họ nâng đỡ trong mọi hoạt-động và cả hai đều phục-vụ mục-đích đế-quốc, thực-dân. Rồi từ thế-kỷ XVII các tàu chiến, các binh lính của họ đã tung-hoành khắp nơi vừa chinh-phục đất đai, vừa đưa nhau chiếm-hữu các thị-trường nhân sự hèn yếu của giống da vàng. Vua chúa Việt-Nam bấy giờ nghi-ngờ, e-sợ họ rất là có lý, và việc



Đây là tấm bia dựng trên lưng con rùa đá là cả một vinh-dự của kẻ sĩ từ đời Lê qua đời Nguyễn. Nhưng khi các ông Nghè ra làm quan trên tư-tướng cũng như hành-dộng không còn hợp với bản triều thì thân phải tàn bia phải đục, phải trái nhục vinh chỉ có công luận đời sau mới rõ.

(Bản khắc này do Văn-hóa
Nguyệt-san cho mượn)



Thành Đà-nẵng mùa thu năm Đinh-vị (1817) đã chịu những phát đại bác đầu tiên của hải-quân Pháp sau khi bị triều-đình Thiệu-Trí khước từ ngoại-giao.

bái ngoại kê từ đời của tiên chúa cho tới bây giờ đã thành một chính-sách cố-hữu, còn kê chỉ đến Gia-long đã người được rút kinh-nghiệm bản thân : Gia-long thường nghĩ rằng người Âu-châu giúp mình đánh đổ được Tây-Son thì cũng rất có thể sớm muộn họ lật nhào mình để chiếm nước. Anh, Mỹ, Bồ-đào-Nha, Tây-ban-nha, Hòa-lan đã từng làm những việc cướp nước, có lẽ nào Pháp lại quảng-dại hơn, hướng hù chính Pháp cũng đóng vai thống-trị bên kia bờ Ấn-độ-dương và Đại-tây-dương. Rồi trong quốc - sách triều Nguyễn đã đề ra mục tuyệt-giao với người da trắng trong đó cả Pháp. Vậy công việc của người thừa-kế Gia-long là phải cương-quyết triệt bỏ và loại trừ ảnh-hưởng của Tây - phương. Trước đây Gia-long vì hàm ơn với một số người Pháp, đứng đầu là Giám-mục Bá đa-Lộc, nên chưa có sự khước từ trắng trợn sự hiện-diện của các giáo-sĩ đạo Gia-tô, tuy vẫn quan - niệm rằng bọn người này là những cái dằm trong xương tủy của dân-tộc Việt-Nam. Nhưng đối với việc bang giao chính thức thì nhà Nguyễn không thấy có điều ràng - buộc rồi ta thấy Gia-long đã thẳng tay cắt bỏ mọi liên-hệ mà Pháp tinh đặt ở đây. Bá-tước Kergariou đến Việt-Nam năm 1818 nhân danh Pháp-hoàng Lu-y XVIII xin thi hành hiệp-ước Versailles (1787) đã bị thất-bại là vì thế. Mười lăm năm trước sứ-thần Anh là Robert xin vào mở hãng buôn ở Trà-sơn (Quảng-nam) cũng bị về không và luôn mấy-lần sau người Anh có trở lại cũng không thâu lượm được kết quả nào tốt đẹp hơn.

Đến đời Minh-Mạng chỉ còn hai người Pháp có mặt và làm quan tại triều là Chaigneau và Vannier. Như ta biết, Chaigneau được vua Gia-long cho về nghỉ ba năm để về thăm nhà ở bên Pháp cùng với gia quyến. Nhưng chuyến qui hồi cố-hương này còn do sự chán nản bởi ông ta đã thấy Gia-long lạnh nhạt ít nhiều với mình và một vài lần Chaigneau can-thiệp cho người Pháp vào gặp vua Gia-long bị chối từ khéo léo. Năm Tân-tị (1821) Chaigneau trở lại Việt-Nam, lần này ông ta lĩnh của vua Louis XVIII chức đại-diện và một quốc-thư đệ-trình lên Hoàng-đế Việt-Nam đề mở cuộc giao-thương giữa hai nước. Đến nơi, vua Gia-long đã qua đời (1819), Chaigneau bày tỏ mọi việc cùng Minh-Mạng Tuy nhà vua đối với ông vẫn tử tế nhưng không nhận chức đại-diện của ông và trả lời rằng về việc xin lập điều-ước thương-mại

người Pháp cứ theo luật-lệ của nước Nam là đủ. Chaigneau thất vọng nhất là ông thấy các quan trong triều có thái-độ khác thường đối với ông. Nhưng Chaigneau vẫn không dám bỏ đi vì sự-mạng của Pháp-đình trao cho ông.

Năm 1822 vào ngày 20-2, thuyền-trưởng tàu «*La Cléopâtre*» là «*Courson de la ville Helio*» cập bến Cửa Hàn xin vào yết-kiến vua Minh-Mạng, sáu tháng sau một người Anh, John Crawford cũng tới đây cùng mục-dịch như trên, cả hai đều bị từ chối mặc dầu Chaigneau đã cố sức điều-đinh. Mấy người Tây-phương này tuy được tiếp-dãi niềm-nở nhưng trong bụng lấy làm hận lắm, nhưng kẻ hận nhiều nhất vẫn là Chaigneau. Minh-Mạng đã không cho người Pháp vào hầu lại còn ủy Chaigneau mang lính ra kiểm-soát chiếc tàu Pháp lúc nhổ neo. Chaigneau thấy rằng mình bị sỉ-nhục trước cái danh nghĩa mình vừa là quan của Minh-Mạng lại vừa là sứ thần của nước Pháp. Ông ta sinh chán nản và cùng Vannier viết thư về Bộ ngoại-giao Pháp ngỏ ý muốn từ-giã hẳn Việt-Nam. Hai người Pháp này lên đường vào mùa thu 1823, nhưng lúc này Pháp đang có chiến-tranh với Tây-ban-Nha nên đành phải nán lại. Cũng nên nhắc rằng triều-đình Minh-Mạng bấy giờ đã không muốn thân Pháp như xưa, vậy mà hồi Chaigneau ở Pháp về, ông ta còn lên đồ-bộ mấy giáo-sĩ lên đất Việt-Nam. Những người này đã cải trang theo lối người Việt ở miền Nam, đó là các linh-mục Taberd, Olivier và Gagelin.

Sau vào tháng ba 1822 khi còn ở Cửa Hàn ông lại bí-mật đưa thừa-sai Imbert vào nội-địa Việt-Nam nữa. Linh-mục Thất là Cha đỡ đầu của cô Anne, con gái ông, đã được ông kể chuyện này, sau chối đạo đã khai hết với các nhà cầm quyền. Tuy ông ta không bị rầy rà về việc này nhưng từ đấy ông bị theo dõi ráo-riết. Ngày 15-11-1824 Chaigneau và Vannier cương-quyết rời Việt-Nam bằng cách xuống Cửa Hàn đi vào Sài-Côn rồi chờ tàu đi Âu-châu ở đây. Lúc này bộ-trưởng hải-quân Pháp là Chabrol cử Nam-tước Bougainville, đại-tá hải-quân, dẫn hai chiếc tàu *Thétis* và *Espérance* vào Đà-nẵng. Bấy giờ Chaigneau, Vannier đã rời khỏi Huế vừa đúng hai tháng. Bougainville được lệnh, làm việc gì ở đây đều phải có sự chấp-thuận của Chaigneau, ngoài ra phải nghiên-cứu mọi vấn-đề cần-thiết cho một cuộc hành binh tương-lai của hải-quân nếu cần ở các nơi sông ngòi và bờ biển Việt-Nam.

Xem như vậy ta thấy Pháp rất căm giận thái độ của Minh-Mạng và đã rắp tâm sinh sự.

Bougainville xin gặp vua Minh-Mạng đề đệ quốc thư lên nhà vua. Các quan trả lời rằng lúc này không ai biết tiếng Pháp đề dịch bức thư của hoàng-đế Pháp. Rồi người ta trao một số tặng phẩm cho Bougainville để chấm dứt khéo léo mọi cuộc điều đình cũng bảo rằng « nhà vua sẵn sàng đề ông ta đi thăm viếng mọi cửa bể ở Việt-Nam miễn là ông chịu tuân theo lệ luật của Việt-Nam ».

Thất-bại, Bougainville lên đường vào 17-2-1825 khi Chaigneau về đến Pháp ông ta tới bộ Ngoại-giao ngay. Cuộc tiếp-đãi ông không được niềm-nở vì ông bị nghi ngờ đã không hết lòng đối với nhiệm-vụ. Nhà bác-học Diard đã có mặt trên tàu *Larose* chuyển Chaigneau ở Pháp về Việt-Nam đã nêu ra nhiều chuyện đề người ta hiểu lầm Chaigneau. Sau nhờ có sự đính chính của giáo-sĩ Gagelin và bức thư ngày 19-10-1921 mà ông ta đã gửi về Pháp đình, Chaigneau mới đỡ một phần nào với dư-luận chính-quyền Ba-Lê. Nhưng ông ta cũng sống chẳng được lâu nữa sau bao nhiêu buồn phiền chán nản đến ròn rập với ông vào những ngày cuối cùng của cuộc đời.

Ngày 17-5-1925, chánh-phủ Paris lại gắng tấn công ngoại-giao phen nữa với Việt-Nam. Cháu ông Chaigneau là Eugène Chaigneau được lên đường cũng với địa-vị sứ-thần như người chủ trước đây. Đền cửa Hàn ông này ngỏ ý xin lên Huế dâng nhà vua bức quốc thư của hoàng-đế nước Pháp. Mặc dầu ông ta đã nói cho quan ta biết mọi ý kiến trong bức quốc thư, người ta cũng không nhận và nói rằng ở triều-đình lúc này không ai bảo-đảm được việc dịch một văn-kiện bằng tiếng Pháp hơn nữa quan coi việc ngoại-giao còn bảo rằng mình không được phép nhận thư từ của các nước Âu-châu cũng như cho người Âu-châu bước chân lên đất Việt-Nam, còn tàu buôn Pháp vào đất Việt thì vẫn được như thường. Nhưng Eugène Chaigneau cũng nhận ra rằng lúc này người Anh đang đánh chiếm nước Diên-Điền; Việt-Nam không muốn có liên-lạc với một nước Âu-châu nào vì sợ người Anh kiếm cớ gây chiến. Và như trên đã nói việc tàu buôn ra vào nước Việt thì không có điều gì phiền phức, nhưng đặt liên-lạc ngoại-giao chính-thức

hay lập các thương-điểm có tính-cách vĩnh cửu thì không được. Rồi sau tám tuần lễ, tàu Pháp bán xong hàng, Eugène Chaigneau về nước. Từ đó không còn sự đi lại gì nữa giữa hai nước Việt-Pháp cho tới ngày quân đội Pháp xuất hiện lần thứ hai trên đất Việt không phải là để xây dựng một sự hợp-tác nào như hơn nửa thế-kỷ trước mà để thi hành một định-luật mạnh được yếu thua, khôn sống mống chết.

Cuộc ngoại-giao giữa Mỹ và Việt-Nam

Vào năm cuối-cùng của Gia-Long (1919) một người Mỹ tên là John White đã đến Việt-Nam trao đổi hàng hóa nhưng phải đợi tới năm Nhâm-thìn (1832) mới có một phái-đoàn chính-thức của Mỹ-quốc tới nước ta dưới sự hướng dẫn của Edmund Robert. Phái-đoàn này là phái-đoàn đầu tiên đến thăm các nước Á-Đông: Trung-hoa, Nhật-bản, Tiêm-la, Việt-Nam v.v.. Họ đến nước ta trước nhất vào mùa đông và có mục-dịch ký-kết một Hiệp-ước thương-mãi cũng như với các nước khác.

Ông Edmund Robert đệ lên vua Minh-Mạng bức quốc-thư dưới đây:

*Andrew Jackson, President of the United States of America
To Great and Good Friend,*

This will be delivered to your Majesty by Edmund Robert, a respectable citizen of these United States, who has been appointed Special agent on the part of this Government to transact important business with your Majesty. I pray your Majesty to protect him in the exercise of the duties which are thus confided to him and to treat him with kindness and confidence, placing entire reliance on what he shall say to you in our behalf specially when he shall repeat the assurances of our perfect Amity and Goodwill towards your Majesty.

I pray God to have you always, Great and Good Friend, under his safe and holy keeping.

In Testimony where of, I have caused the Seal of the United States to be here into affixed. Give under my hand at the City of Washington the thirty first day of January A. D.

1832, and of the Independance of the United States of America the fifty sixth.

Andrew Jackson

*Edw. Livingston, Secretary of State
By the President*

Dịch ra tiếng Việt :

Andrew Jackson, Tổng-thống Hợp-chúng-quốc Hoa-kỳ
Kính gửi Hoàng-đế Đại Quý-hữu

Thư này sẽ đệ-trình Hoàng-thượng đại-quý-hữu do Edinund Robert, một công-dân có giá-trị của Hợp-chúng-quốc. Ông này đã được cử vào chức Đặc-ủy-viên của Chánh-phủ chúng tôi đề thương-nghị với quý-quốc về các vấn-đề quan-trọng.

Trần-trọng xin Hoàng-thượng che chở và đối-đãi tử-tế với đương-sự trong khi thừa-hành nhiệm-vụ. Tôi tin cậy hoàn toàn những điều mà đương-sự sẽ đề đạt lên Hoàng-thượng nhất là tinh thân-hữu hoàn-toàn và tất cả thiện-chí của chúng tôi đối với Hoàng-thượng. Tôi cầu xin Thượng-đế luôn luôn phù-hộ Đại-quý-hữu.

Đề chứng minh các điều nói trên, tôi cho kiểm quốc-án của Hợp-chúng-quốc trên văn-kiện này lập với bốn ấn tại thành Hoa thịnh-Vốn ngày 31 tháng giêng Dương-lịch 1832 là năm thứ năm mươi của nền Độc-lập Hợp-chúng-quốc.

Andrew Jackson

Phó thư

Edw. Livingston

Quốc-vụ-khanh.

Bức thư này vì không biết rõ danh-hiệu của vua ta và quốc-hiệu của nước ta nên không hợp thể-thức ngoại-giao do đó vua Minh-Mạng đã phê trên phiến-tấu của quan ta : « *Bất tất dầu đệ* » nghĩa là không cần phải đệ lên ngự-lâm. Bức thư này còn giữ tại Văn-khố của Chánh-phủ Hoa-kỳ (Archives of Government) dưới danh-từ « *Cochinchina — Communications to the Sovereigns and Foring states 1829-1846, Vol I, p. 69* ». Tuy vậy Minh-Mạng có sai quan Lãnh-Thương-Bạc (quan trông coi về ngoại-giao) cho phái-đoàn Mỹ biết nhà vua

không thấy trở ngại gì trong việc giao thương, người Mỹ chỉ cần tuân theo luật-pháp của Đại-Nam (1) mà thôi. Quan Thương-Bạc còn chỉ-định cho họ chỗ tàu đỗ là Trà-sơn, vịnh Đà-nẵng. Sau đó, chiếc Peacock rời Vũng Lắm để đi Tiêm-la và thả neo ở cửa sông Mênam ngày 18-2-1833.

Đầu mùa hạ bốn năm sau là năm Bính-thân (1836) phái-đoàn Mỹ trở lại Việt-Nam vẫn bằng chiếc chiến-thuyền Peacock, trưởng phái-đoàn vẫn là Edmund Robert và lần này có thêm bác-sĩ Ruschenberg trông coi việc giải-phẫu cho Hải-quân Mỹ. Theo Hunter Miller, phái-đoàn này rời New-York ngày 23-4-1835 đã lần lượt đến Tiêm-la sau khi ghé bến Rio-de-Janeiro (*Ba-láy*), Zanzibar (một hòn đảo trên Ấn-độ-Dương), Mascate (*Á-Rập*), Bombay (*Ấn-độ*), Colombo (*Tích-lan*) và Batavia (*Nam-dương*). Họ giải-quyết được nhiều việc với các nước kể trên rồi đến nước ta vào 20-4-1836. Mục-đích của phái-đoàn lần này vẫn là ký-kết với ta một hiệp-ước thương-mại như với Nhật-bản.

Đại-Nam thật lực chính biên, nhị kỷ, quyển 168, trang 3, chép việc này như sau :

*Minh-Mạng Bính-dần thập thất niên tứ nguyệt
Ma-ly-căn (Huê-kỳ)*

Ma ly-căn sư thuyền bạc Quảng-nam, Đà-nẵng Trà-sơn úc, Ngón hữu quốc thư cầu thông, thỉnh đặc chiêm cặn, lĩnh-thần dĩ văn.

Để vấn Hộ-bộ Thị-lang Đào tri-Phú viết : quan bĩ tình tứ cung, thuận, dương nạp chi phủ ?

Đối viết : bĩ ngoại quốc-nhân, tình nguy diệt vị khả chi Thần dĩ có thỉnh lai kinh nhi lưu vu Thương-bạc công-quán, phải khoân-dũ, dĩ quan lai ý, Nội-các Thị-lang Hoàng-Quỳnh lâu viết : bĩ quốc hảo-quyết vạn đoan, dương cự tuyệt chi, nhược nhất dung thọ, khùng di hậu thế lự. Cồ nhơn bĩ quốc quan, ị Tà-vực, ngự Nhung vi đắc sách.

(1) Minh-Mạng không tra chữ *Việt-Nam* là quốc-hiệu của đời Gia-Long nên đã dùng chữ *Đại-Nam*,

Đế viết: bĩ viễn cách trùng-dương tứ vạn dư lý, kim ngưỡng-mộ triều-đình uy đức nhi lai, nại hà cự tuyệt? Thị nhân dĩ bất quảng hồ? Nãi mạng Đào tri-Phủ dĩ Lai-bộ Lê bá-Tú tác vị Thương-bạc thuộc-viên, lữ xứ lạo vấn kỹ chi thuyền-trưởng xưng bệnh bất kiến, ngã sử thông-ngôn lai thăm, bĩ diệc lệnh nhân đáp tạ, tức nhật dương phạm nhi khứ: Tri-Phủ đẳng dĩ tấu, thả ngôn: bĩ sạ lai sạ khứ, thù vô lễ nghĩa.

Đế phê thị văn: Lai giả phất cự, khứ giả phất tray, Trung hoa lễ-pháp, hà trách ngoai-di?

Dịch nghĩa :

Tháng 4 năm Bình-dần, niên-hiệu Minh-Mạng thứ 17

Ma-ly-Căn

— Tỉnh-thần Quảng-Nam tâu: Có sư thuyền nước Ma-ly-căn đến đậu tại vũng Trà-sơn Đà-nẵng, tỉnh Quảng-nam nói có quốc-thư cầu-thông xin được vào chiêm cạm.

Vua hỏi quan Thị-lang bộ Hộ là Đào tri-Phủ xem tình ý của họ thế nào và có nên kết-nạp hay không. Đào tri-Phủ thưa rằng người ngoại-quốc thật dối thế nào chưa thể rõ, nay xin cho họ tới kinh, ngụ nhà Công-quán Thương-bạc, cho người thủ tiếp đề dò xét. Hoàng-Quỳnh là Thị-lang Nội-các tâu: «Nước họ xảo quyết vô cùng, cự-tuyệt là hơn, nếu dung nạp e có mối lo về sau. Người xưa đóng cửa ải, tạ Tây-vực là một kế hay đối với người Nhung».

Vua nói: Họ vượt 40.000 dặm trùng-dương, mến uy-dec của triều-đình mà tới, sao lại cự-tuyệt? Biều-thị cho người ta biết mình hẹp lượng sao?

Vua bèn sai Đào tri-Phủ cùng lại bộ Thị-lang Lê bá-Tú cùng nhân-viên Thương-bạc tới thăm viếng ủy-lạo. Hai ông này đến thì viên thuyền-trưởng xưng bệnh không tiếp. Ta khiến thông-ngôn đến thăm, họ cũng có người đến đáp tạ. Sau đó họ kéo buồm đi ngay. Bọn ông Phủ tâu lên vua việc này và nói: họ nay đi mai về như thế không biết lễ-nghĩa là thế nào.

Vua phê: Họ tới mình không bỏ, họ đi mình không theo, lễ-phép Trung-hoa họ là giống ngoài không biết, trách-cứ làm chi».

Căn cứ vào các tài-liệu kể trên, ta thấy cuộc tiếp-xúc giữa quan ta và phái-đoàn Mỹ không xảy ra điều gì đáng tiếc. Nhà vua có thái độ rộng rãi, hòa dịu, nhưng triều-thần thì mỗi người một ý. Họ Đào có sự hiểu biết tế-nhị về chính-trị nên không cực-đoan nông-cạn như Hoàng-Quýnh nặng thành-kiến đối với ngoại-nhân. Một điều không may : trưởng phái-đoàn thọ bệnh không hội-kiến được với các quan ta từ Huế xuống Đà-nẵng để tiếp xúc. Phái-đoàn cho người đến đáp lễ và không có cuộc thương-thuyết nào cả. Đến khi họ ra đi có vẻ đột-ngột khiến quan ta không hiểu ra sao, làm sớ tâu lên vua Minh-Mạng cũng không giận cho rằng họ là người ngoại di không hiểu lễ phép Á-Đông, vậy không nên trách. Sau này tra cứu ra, ta hay quả Edmund Robert bị bạo-bệnh đã chết tại Macao ngày 12-6-1936. Ông ta bị ốm ngay từ lúc còn đang công-tác ở Tiềm-la.

Riêng đối với phái-đoàn ngoại-giao Hoa-Kỳ qua Việt-Nam thuở ấy, đáng hận là đôi bên ngôn ngữ bất đồng, phong-tục, tính-tình của nhau chưa rõ nên cuộc gặp-gỡ đã chẳng đi tới một kết-quả cụ-thể nào.

Công-giáo bị đồ máu

Ta đã thấy Nho-giáo từ đời Hậu-Lê rất thịnh-dạt và lấn-át cả hai tôn-giáo Phật, Lão. Sự nhường bước cho Nho không như dưới hai tiền triều Lý, Trần, do đó đến Nguyễn-thị, Gia-Long chỉ sùng-thượng Khổng Mạnh, hưởng-hồ con cháu Nguyễn-Kim hết thấy có ý-thức rất thực-tế nên miễn chuộng Nho-giáo là phải vì đạo này xây dựng con Người trên những nền-tảng thiết-thực.

Minh-Mạng có một căn-bản Nho-học. Chính nhà vua cũng là một văn-nhân, tác-giả của nhiều áng thi-văn. Học chữ Tàu, đọc sách Tàu, càng đi sâu vào cô-học của Hoa-tộc nhà vua càng ham văn-minh, học-thuật của người Hán cũng như ở Đông-phương bấy giờ mấy ai đã biết đến phong-hóa và tư-tưởng của các dân-lộc bên kia Đại-dương, nhất là biết một cách uyên-bác ?

Minh Mạng cũng quan-niệm như vua cha và hầu hết mọi người tri-thức do cái lò Khổng-Mạnh đào-tạo ra trước đó và sau đó là Thiên-Chúa-giáo có nhiều điểm chống với tập-tục

cổ-truyền ta, có nhiều diêm huyền hoặc (1), lại có cả những điều không lợi cho uy-quyền của chế-độ phong-kiến Đối chiếu với đạo Thiên-Chúa, đạo Nho dạy *tam cương (đạo vua tôi, cha con, chồng vợ)* và *ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín)* là năm phương-châm xử thế để thành một con người có tư-cách, xứng-đáng đứng trong trời đất và trong gia-đình, xã-hội.

Trên quan điểm triết-học, đạo Nho quan-niệm *thiên-địa vạn vật nhất thể*, Cái lý nhất-thể ấy lưu-hành khắp vũ-trụ theo lẽ tương-đối, tương điều-hòa mà sinh sinh hóa hóa vô cùng, rất cường-kiên linh-diệu để tạo nên trời đất và muôn loài. Và con người là một vật linh-thiêng do cái đức của trời đất, sự hòa-hợp của âm-dương, sự tụ hội của quỷ thần, cái khí tinh-tú của ngũ-hành (*Lễ-Kỷ : Lễ vận IX*) (2) Nhờ có những tinh-hoa ấy con người sáng suốt, phân biệt được mọi điều hay dở, xa gần, sau trước và có một giá-trị rất cao trong vũ-trụ. Nếu không có tư-tâm tư-ý, chịu cảm-ứng tự-nhiên thì bao giờ con người cũng có những tư-tưởng công-chính để phồ-cập được vạn sự trong thiên hạ. Đó là điều-kiện để theo đạo Trời mà tiến đến chỗ tận thiện, tận mỹ, mặc dầu ở thế-gian này có rất nhiều điều phồn-tạp, rối loạn. Đạo trời đất cứ biến hóa luôn luôn mà trong sự biến hóa lúc nào cũng có điều-hòa, có bình-hành tức là có cái *trung* vậy. *Trung* là một thái-độ ngay chính, không nghiêng không lệch, không thái-quá không bất cập, đem lại sự công-bằng ngay thẳng, loại bỏ tư-dục là nguồn gốc của mọi tệ-tắc. Giữ được đạo trung như vậy là biết được cái thuần túy của thiên-lý.

Và để xây dựng một đường lối xử-thế tốt đẹp và hợp lý cho con người ngoài xã-hội, đạo Nho chủ-trương thuyết ái-nhân nếu không thể khắc kỷ (Khắc-kỷ phục lễ vì nhân) thì những điều gì mình không muốn cũng đừng bắt người phải chịu (*kỷ sở bất đắc dục, vật thi ư nhân*) há chẳng là nền tảng của công-bình xã-hội sao ?

(1) Diêm này là những bí-mật, những điều huyền-diệu về Chúa Trời theo tiếng Pháp là *Mysticisme de Dieu*.

(2) Nho-giáo trang 68-90, của Trần Trọng-Kim.

Ngoài ra, khác với các tôn-giáo, đạo Nho tin có quỷ thần nhưng không phải là thứ quỷ thần qua các hình tượng này nọ mà là cái khí thiêng-liêng ở trong trời đất mắt ta không trông thấy được, tai ta không nghe thấy được nhưng vẫn thể được muôn vật. Và tôn-kinh quỷ thần phải lấy sự tận thành chờ không phải thờ kính đề cầu phúc riêng. Quỷ thần thông-minh chính-trực, không thiên-vị ai bao giờ. Người ta cứ đi con đường ngay thẳng, quỷ thần sẽ chứng-giám cho, « *thường những việc chính-nhan quân-tử đã làm là việc cầu nguyện đó rồi.* »

Tóm lại, chính-quyền đời Nguyễn cho rằng đạo Nho nếu là một tôn-giáo thì đây là một tôn-giáo thiết-thực hơn cả. Mà nói rằng đó là một thứ luân-lý thì thứ luân-lý này cũng thừa đủ thành một nếp sống tinh-thần tốt đẹp rồi không cần phải trông chờ một cái gì ở bên kia bán-cầu tới. Trong một sắc-dụ cấm đạo Gia-tô, nhà cầm quyền đời bấy giờ đã chỉ-trích (1) cái thuyết thiên-đàng địa-ngục của Công-giáo. Và trước vấn-đề này các đạo Phật-Lão cũng không được ưu-thế gì hơn. Gia-long vừa lên cầm quyền đã ra lệnh cấm làm chùa chiền mới, cấm cả việc sửa chữa nếu không có giấy phép của quan trên. Nhưng riêng đối với đạo Công-giáo sau này vua quan đã thẳng tay một cách dữ-dội, tàn-ác có khi tới điểm man-rợ đặc-biệt vì nghi-ngờ đám người áo đen hoặc là gián-điệp của các đế-quốc hoặc là những người phá-hoại các thuần-phong mỹ-tục cùng gieo mầm mống cách-mạng, có thể làm nghiêng đổ chế-độ. Từ đời các tiên-chúa họ Nguyễn, việc truyền bá đạo Gia-tô đã là mối lo cho các nhà cầm quyền, việc cấm đoán vẫn hầu như vô hiệu-lực vì vẫn có sự truyền-đạo và theo đạo một cách lén-lút khắp nước, bất chấp phép vua, luật nước, vì thế mà việc giảng-đạo đã thành một vấn-đề chính-trị hơn là một vấn-đề tôn-giáo, văn-hóa. Năm Ất-dậu (1825), tàu Thétis của Bougainville cập bến Đà-nẵng đưa đến nước ta giáo-sĩ Régereau và năm 1822 riêng Chaigneau khi trở lại Việt-Nam cũng bí-mật đồ bộ trước sau bốn vị Thừa-sai càng làm cho Minh-Mạng nghi-ngờ và tăng cường việc cấm đạo. Trong cuộc nổi dậy của Lê-văn-Khôi, người ta bắt được Cố Du trong thành Phiên-An, và mặc dầu cố hết sức chối cãi, người ta vẫn tin rằng cố muốn

(1) *Coi Sắc-dụ ban-hành năm 1838 Việt-Nam gido-sử trang 247.*

đóng vai trò một Bá-đà-Lộc thứ hai nên từ đó việc cấm đạo trở nên gay gắt hơn bao giờ hết. Nhưng trước khi áp-dụng những biện-pháp sắt máu, Minh-Mạng ra lệnh đón mời hết các đạo trưởng Tây-dương về Huế, tập-trung ở dinh các đại-sứ (tức là Cung-quán) để giúp triều-đình trong các việc phiên-dịch các sách và các bản-đồ Âu-châu. Họ được đãi như quan chức vào hàm Chánh nhị-Phẩm và mỗi người có 6 nhân-viên giúp việc.

Thực ra đây là một cách giam-lồng khéo-léo các giáo-sĩ sau đó họ phải cầu cứu đến Tả - quân Lê văn-Duyệt. Duyệt đã can-thiệp với Minh-Mạng bằng những lời cứng-rắn, nhắc lại những công ơn của Giám-mục Bá-đà-Lộc và các người Pháp xưa kia giúp Gia-long. Minh-Mạng bất-đắc-dĩ phải thả các giáo-sĩ. Nhưng ông vua này trong thâm-tâm vẫn cương-quyết bài-trừ Công-giáo. Rồi luôn từ 1830 đến 1838, triều-đình nhiều lần ban-hành Sắc-dụ cấm đạo, bắt đạo, giết đạo, khuyến cáo dân-chúng đủ điều mà vẫn vô hiệu. (1) Các giáo-sĩ và giáo-dân bị xử-tử rất nhiều, làng xóm bị đốt phá, phần đông người ta vẫn cương-quyết chịu rơi đầu, đồ máu hơn là bước qua thập-tự-giá : Dầu sao chính-sách bài đạo của Minh-Mạng cũng vẫn là thất sách vì đã gây bao nhiêu tai họa cho nhân-dân và sau này thành duyên cớ cho thực-dân Pháp bước lên nội-địa Việt-Nam. Hai mươi năm ròng bế-quan tỏa-cảng, triều Minh-Mạng không hề biết gì về những sự biến-chuyển lớn lao bên ngoài thế-giới cứ nhắm mắt thi - hành quyền - uy của mình một cách bạo-liệt. Cho tới năm 1838, quân-đội của Anh-hoàng tung-hoành dữ-đội tại các quần-đảo Mãi-lai, tại Miến-Điện và Trung-quốc, Minh-Mạng mới thấy những việc đàn-áp người Tây-phương sớm muộn sẽ thành đại họa. Nhà vua và triều-đình hoảng hốt nên mới bàn nhau cử một sứ-đoàn qua Âu-châu để nghe ngóng tình thế và nếu cần sẽ đề-nghị cùng Anh Pháp mở cuộc bang-giao.

Nguyên trong năm 1838, triều-đình Trung-quốc dưới đời hoàng-đế Đạo-quang có nhận được một bức thư nặc danh trình-

(1) Trong việc giết đạo vô cùng tàn nhẫn, Minh-Mạng quả là một Néron thứ hai ; nhưng công bằng mà nói Minh-Mạng trước khi dùng biện pháp sắt máu cũng đã có những chủ-trương ôn-hòa như trục-xuất giáo-sĩ và khuyến cáo nhân-dân, tiếc thay mọi cách điều vô hiệu.

bày rằng hiện người Anh đang nhập-cảng rất nhiều á-phiện vào Trung-quốc để kiếm những món tiền lời khổng-lô ; Á-phiện là một chất ma-túy làm cho người ta nghiện đến nỗi không thể bỏ được. Người dùng chất thuốc này sẽ bị hao mòn dần tinh-thần và xác thịt và không bao lâu sẽ trở nên vô-dụng. Hơn thế nữa dòng giống của những kẻ nghiện á-phiện cũng sẽ « *bất thành nhân* » và như vậy rất nguy hại cho chủng-tộc. Về mặt Kinh tế, bởi trong nước có nhiều người hút thuốc phiện, tài-chính quốc-gia sẽ lọt-hết vào tay ngoại-quốc. Dân đã yếu hèn lại nghèo túng thì nạn vong-quốc sẽ là điều chắc-chắn sớm muộn sẽ xảy ra... » Lời cuối cùng của bức thư là yêu-cầu triều-đình ghi vào Luật binh rằng kẻ nào buôn bán chất ma-túy này sẽ coi như phản-quốc và sẽ bị tử-tội. Tuy bức thư này không có ký tên ai nhưng cũng rất được lưu-ý, rồi triều Thanh sau tiếng còi báo nguy này đã cho mở cuộc điều-tra trước khi định-đoạt một biện-pháp cứng rắn. Tổng-đốc Hồ-Quảng Lâm Tác-Từ mật trình rằng nếu không ngăn chặn việc nhập-cảng thuốc phiện vào nội-địa Trung-quốc thì chỉ 10 năm nữa không một người dân nào có đủ sức nhập-ngũ. Chính-phủ Bắc-Bình liền thương-lượng với đại-diện Anh-quốc để chấm dứt việc này thì vị sứ-thần Auckland đã tỏ ra một thái-độ khinh-khi ngạo-nghe. Tức thì triều-đình ra ngay một sắc-dụ cấm hẳn việc giao-thương với Anh-quốc, rồi Tổng-đốc Hồ-Quảng được lệnh tịch-thu liền 20.283 thùng thuốc phiện của Anh đổ xuống biển. Anh lợi dụng cơ-hội này tuyên chiến luôn với Trung-quốc, rút cuộc người Hán thua trận và năm 1842 phải cắt Hương-cảng nhường cho Anh cùng một vài địa-điểm quan trọng khác gọi là bồi-khoản chiến-tranh. Rồi Liệt-cường Tây-phương nhân sự suy nhược của triều Thanh cũng té nước theo mưa và cùng chia xẻ nước Tàu ra làm nhiều mảnh lập thành tò-giới.

Về phần triều-đình Minh-Mạng, người ta cũng không lạ gì sự lấn áp của Tây-phương trong giai-đoạn lịch-sử này trên đất Á-Đông. Trước 1825, Tân gia-Ba đã phải lệ-thuộc về Anh do quốc vương tiểu-bang Djohor, như vậy người Anh đã kiểm-soát tất cả eo bển Sumatra. Con đường vòng lên bán-đảo Đông-Dương, Malacca, Penang cũng do các nhà đương-cục Anh ở Ấn-độ chi-phối và như thế Anh đã nuốt hết quần-đảo Mã-lai rồi ; những tiểu-bang Perak, Sélangor, Négrí, Sambilan. Pabang và Tangganu lúc đó cũng chẳng khác chỉ những trái cây chỉ dọt chín mùi là

rụng xuống. Đầu năm 1842, Anh gây sự với Miến-Điện rồi cuối năm đó, Miến thất bại phải ký hàng-uớc vào ngày 24-2-1826 nhường cho Anh những vùng đất Assam. Tavoy và Mergui. Quốc-vương Ai-Lao, tuy lúc này đã thần phục Việt-Nam cũng phải để Anh đặt các thương-diểm trên miền thượng-lưu sông Cửu-long sau lời đe-dọa của đại-ủy Mac-Leod. Anh còn đòi được đồn-trú quân đội tại Vạn-tượng để bảo-vệ việc buôn bán của mình nữa.

Trước tình-thế này, vua tôi nhà Nguyễn cảm thấy mình cô-thế không đủ sức đối phó với các biến-cố như trên nếu không may xảy đến liền nghĩ ra việc thay - đổi chính-sách. Hai mươi năm trước, Pháp phải sang nài-nỉ với Việt-Nam để mở cuộc giao-hiệp thì nay Việt-Nam phải qua Pháp để làm một việc tương-tự. Thật là một cuộc tró-trêu của Lịch-sử. Và giao-hiệp với Pháp lần này không phải có tinh-cách thương-mại mà trong thâm-tâm của Minh-Mạng là dựa vào Pháp để tránh cái Bạch-họa đang lan tràn khắp Ấn-độ-đương qua Thái-bình-đương. (1)

Rồi các nhà ngoại - giao của ta lên đường. Giáo-sĩ Regéreau, khi ấy đang làm giáo-sư tại một Đại-chủng-viện ở Pénang, ngày 25-4-1840 có viết rằng : « Ngày 28-2-1840, một tàu binh của Việt - Nam đến đỗ ở Penang rồi đi Calcutta nghiên-cứu việc Anh đang sửa-soạn chiến-tranh. Một chiếc khác đi Balavia xem thái-độ của người Hòa-lan động-tĩnh thế nào. Coi bộ vua Minh-Mạng và triều-dinh đang có nhiều sự lo-lắng. Một chiếc tàu thứ ba được cử qua Pháp và Anh: Nhà vua đã phải bỏ ra 20.000 đồng piastres dùng vào việc chi-tiêu cho phái-đoàn. Chắc-chắn là các sứ-thần sẽ không nói với chính-phủ Pháp, Việt-Nam đã đối xử với người Pháp thế nào... họ sẽ phải nói láo chứ còn làm sao được nữa... »

Ngày 2-11-1840, sứ - đoàn Việt - Nam phải dùng tàu « L'Alexandre » (có lẽ tàu của ta không đủ sức đi xa) để qua Pháp trong đó có hai người thông-ngôn trẻ tuổi thuộc về một họ đạo ở lân-cận kinh-thành Huế, và hai vị đại-thần là Tôn-thất Thường và Trần viết-Xương. Theo Việt-Nam giáo-sử trang 249-250, cầm đầu phái-đoàn là Phan

(1) Lúc này nhiều chiến-hạm Pháp cũng đang có mặt ở ven biển Trung-quốc.

thanh-Giản và họ Phan trong dịp này có qua cả Tây-ban-Nha cũng cùng một mục-đích như việc họ tới Ba-Lê là gây thiện cảm. Nhưng với Tây-ban-Nha, phái-đoàn cũng thất bại vì Tây-ban-Nha cũng giận triều - đình Minh - Mạng đã thọc gươm vào cổ một số giáo-sĩ của mình (1). Sứ-đoàn đồ bộ xuống Ba-Lê được các nhà báo và dân chúng kéo đến coi rất đông-đảo như là đi xem một cái gì kỳ dị vô cùng. Họ lấy làm lạ về hình dáng của đám người Việt da vàng bóng như bôi dầu và cả cách phục-sức lụng thụng đến gót chân, áo thêu rồng phượng sắc-sỡ bởi họ chưa hề biết gì về Á-Đông. Đến các tin tức họ phóng ra cũng gần như chuyện tiểu thuyết, nghĩa là bịa-đặt ra những tin rất buồn cười, Tỉ-dụ: « Sau khi tàu L'Alexandre lên đường từ Á-châu qua Pháp có một chiếc tàu Pháp và một chiếc tàu Anh cập bến Việt-Nam. Tàu Pháp được đón tiếp niềm-nở, còn tàu Anh bị người Việt phả-kích bị hư hại rồi bỏ chạy. Các giáo-sĩ trước đây bị ngược đãi nay đã được đối đãi tử tế và được ung dung đi lại ở triều-đình v.v... Đây là bài của tờ « L' Armoricain » còn tờ « Le moniteur universel » viết: Các người Việt đã được đến gặp ông Bộ-trưởng thương-mại. Họ mặc đại trào, họ thay mặt nhà vua của họ đến nghiên cứu phong tục của chúng ta... Cảm tưởng của dân chúng và báo giới Pháp đối với sứ-đoàn buổi đầu đang tốt đẹp thì đột-nhiên ngừng lại do cuộc vận-động của Hội truyền-giáo ngoại-quốc. Hội này cực lực tố cáo vừa đây vua Minh-Mạng đã làm đổ máu biết bao giáo-sĩ Pháp, Việt và Tây-ban-Nha từ Nam ra Bắc. Hội vận-động cả cơ-quan truyền giáo bên La-mã nên đã có việc Đức giáo-hoàng Grégoire XVI cũng yêu cầu Pháp-hoàng Lu-y Philippe dùng uy-quyền chấm dứt các việc ngược-đãi giáo-sĩ và giáo-dân ở Việt-Nam. Các tài-liệu về việc bài-đạo của Minh-Mạng được đưa lên Pháp-hoàng và gây được một xúc-động lớn lao. Rồi người ta cùng kết - luận rằng Minh-Mạng là một tử-thù của Công-giáo và nước Pháp (Tài-liệu này viết vào ngày 12-1-1841). Do sự-kiện trên đây vua Lu-y Philippe không tiếp sứ-đoàn và nhủ phái đoàn đến gặp các Bộ-trưởng của nhà vua. Thế là tình-thế năm 1820 được đảo ngược lại. Đã thế, Thống-chế Soult còn dọa sứ-đoàn Việt rằng vì những việc ngược đãi người Pháp ở Việt-Nam đã xảy ra, sớm muộn Pháp sẽ có cách để cưỡng-bách triều-đình

(1) Họ Phan chỉ đi sứ vào đời Tự-Đức đề chuộc ba tỉnh miền Đông mà thôi.

Việt-Nam phải khoan-hòa với Công-giáo. Còn Bộ-trưởng hải-quân thì cho lệnh các chiến-hạm Pháp phải bảo-vệ các giáo-sĩ ở Việt-Nam mỗi khi cần đến.

Thất-vọng với Pháp, sứ-đoàn qua Anh. Tuy được đón tiếp lịch-sự, nhưng Bộ-trưởng ngoại-giao Melbourne không chịu thảo-luận những vấn-đề quan-trọng mà sứ-đoàn Việt-Nam đã cố ý muốn nêu ra. Thái-độ của Melbourne xét ra đã do ảnh-hưởng của những điều mà John Crawford đã kể về các hành-động của Minh-Mạng khi ông ta tới Việt-Nam, John Crawford còn cho hay quân-lực của Việt-Nam rất yếu ớt và không đáng đếm xỉa về một phương-diện nào.

Sứ-đoàn lại quay về đất Pháp cố-gắng vận-động phen nữa. Nhưng mọi nỗ-lực của sứ-đoàn đều vô ích vì cuộc tranh-đấu của Giáo-hội quá ráo-riết. Trở về đến Pénang thì sứ-đoàn được tin Minh-Mạng chết rồi và việc bài-đạo Gia-tô với Thiệu-trị lại vẫn tiếp-diễn cho tới khi Pháp đặt được bá-quyền trên đất Việt-Nam.

Ấn Lê văn-Duyệt và Lê-Chất

Xét qua các vụ loạn dưới đời Minh-Mạng ta thấy có hai sự-kiện khác nhau: vụ Phan ba-Vành, Nguyễn-Hạnh Lê duy-Lương, Nông văn-Vân đã xảy ra vì chế-độ quan-tham, lại-những mà một phần cũng do nhân dân Bắc-bà bất-phục tân-triều, hoài vọng dòng họ cũ (Lê triều). Nhiều người ngoại quốc đã từng xác-định như vậy. Riêng vụ Lê văn-Khôi ở Nam-kỳ, căn-nguyên ở chỗ Minh-Mạng hẹp-hòi xui Bạch xuân-Nguyên bởi lòng tìm vết để làm tội Lê-văn-Duyệt và các thủ-túc. Bởi cuộc bắt bớ lan tràn quá rộng nên Nông-văn-Vân, anh vợ của Khôi mới nổi lên (1) rồi cuộc phiến-động đã làm đổ máu quân-dân suốt một thời-gian ba năm liền. Ta xem cục-diện chiến-tranh trong vụ Lê văn-Khôi vùng dậy trên khắp toàn cõi Nam-kỳ, nhân dân hưởng-ưng nhiệt-liệt thì đủ hiểu tuy miền này xưa kia đã ủng-hộ họ, Nguyễn làm nên vương-nghiệp mà nay phải chống lại họ Nguyễn

(1) Vào thời xưa, đối với những kẻ phạm-tội chính-trị, nhĩ cầm quyền cho thi-hành bản-án tử-hình đến cả ba họ (chú-dĩ tam tộc) ngay dữa con nít còn ẵm ngửa cũng không tha. Kẻ làm quan thì cả họ được nhờ. Sự thực bà con chỉ được thơm lây về cái tiếng của kẻ làm quan nhiều hơn là được hưởng-thụ các thứ ân-huệ, nhưng nếu vô-phúc kẻ đó phạm-tội chính-trị thì nòi ngoại thân ơ có khi cùng chết theo và không phân biệt nặng-nhẹ.

đủ rõ họ Nguyễn thất-chính đến thế nào. Ngoài vài duyên-cớ chung là dân phải đóng góp sưu thuế quá nhiều công-tác xây thành đắp-lũy, làm đường sá cầu cống liên miên. may có ân-đức của Tả-quân thấm nhuần vào trăm họ nên dân tuy bất mãn mà vẫn cố nén, nhưng tới việc truy-cáo oan-uổng vị huân thần này cùng việc tra-vấn cả những kẻ tay chân Tả-quân là cả một sự phi lý và quá bất nhân thì dân chúng không chịu đựng được hơn nữa. Trên cao chín bề, Minh-Mạng cứ tưởng dân ngu, dân bèn, mình muốn là Trời muốn, dám triều-thần chỉ biết có a-dua nịnh-bợ không dám hé răng mở miệng phân tỏ điều phải trái, có việc gì xảy ra thì chỉ biết mang quân đội đàn áp thẳng tay chẳng kể gì tình đồng-bào, đồng-chúng. Việc tàn sát toàn thể quân dân, nam phụ, lão ấu thành Phiên-An cho ta thấy bàn tay đẫm máu của bọn thống-trị triều Minh-Mạng dã-man vô nhân - đạo đến mức nào. Ta hãy mở bản án của Tả-quân Lê văn-Duyệt và Hậu-quân Lê-chất xem miệng lưỡi của bọn người làm chính-trị trên đây một thế-kỷ:

Bản cáo tội của Đô-sát-viện do Phan bá-Đạt dâng lên Nhân tổ hoàng-đế do *Việt-Nam sử-lược* ghi chép như sau :
« Lê văn-Duyệt trước ở Gia-dịnh lấy bọn nghịch Khôi, Nhã làm trảo-nha, lấy binh Bắc-thuận Hồi-lương làm tâm-phúc (1). Bọn ấy vốn là quân hung-ác, không phải là người lương-thiện cho nên Duyệt mất chưa bao lâu mà bọn nghịch Khôi, nghịch Nhã đã đem quân Hồi-lương, Bắc-thuận cùng với bọn thủ-hạ giữ thành làm phản : lại làm việc phiến-hoặc nhân tâm để vạ lây đến các lĩnh Nam-kỳ, mà khó nhọc đến đại đội quan quân phải tiến tiêu. Năm lĩnh này dần thu phục rồi song thành Phiên-an, lặc đảng vẫn còn thiết cứ, quan quân tiến tiêu lắm người thương vong cái vạ ấy nói sao cho xiết.

Nay Duyệt mất rồi, sự trạng dần không có thể tường cửu được, nhưng cứ xem con nuôi hần là Lê văn-Hán trước đây ra vào trong thành, nhập đảng với nghịch Khôi và đem Bạch xuân-Nguyên làm thuốc để tế từ-dương, thì tích của Duyệt tưởng không phải xét cũng đủ rõ. Nếu không bắt tội e không làm

(1) Một việc thất nhân tâm toàn cõi Nam-kỳ mới làm nên một vụ loạn lớn đến thế mà chỉ nói đến một nhóm mấy chục tên lính Hồi-lương và Bắc thuận án từ hàm-hồ đến thế rõ-rệt là có ý che đậy sự thất chính của triều-đình.

giương được cho đời sau. Vậy xin truy đoạt quan chức của Duyệt, còn vợ con thì giao cho Hình-bộ tra minh nghiêm nghị, để tỏ phép nước ».

Vua dụ Nội-các rằng : « Lê văn-Duyệt xuất thân từ kẻ yếm hoạn, vốn là đứa đầy tớ trong nhà (!), xây gập hồi trung hưng rồng mây gặp gỡ, đánh dẹp Tây-Sơn cũng dự phần công-lao Đức Hoàng-khảo ta nghĩ tới nó thuở nhỏ sai khiến ở trong cung, mới đem lòng tin cậy, nhiều lần cho nó cầm quyền Đại-tướng. không ngờ bọn ấy phản nhiều là quân bất lương, mỗi ngày sinh ra kiểu-căng, manh-lâm phản-nghịch, sinh chi làm cản, ăn nói hỗn-xược. Vì nó còn e Hoàng-khảo ta thánh-minh, cho nên dẫu có lòng gian, song thiên-hạ đã yên rồi, thần dân ai còn theo kẻ Ỗ-hoạn đó, thì chắc hẳn cũng chẳng làm gì được. Đến khi trăm lên ngôi, cừu thần không còn mấy, vả lại nghĩ nó tuổi đã già, cho nên cũng tạm khoan-dung, hoặc là hẳn biết nghĩ mà chưa đi để cho toàn-vẹn công-danh, thì cũng là việc hay. Không ngờ kẻ kia lòng như rắn rết, tính tựa sài lang, càng ngày càng sinh kiểu-ngạo, dám nói xấu triều-đình trước mặt chúng nhân mà khoe cái tài riêng của mình. Năm trước, các quân tù phạm xứ Thanh, Nghệ cũng là những kẻ hung-ác, hẳn đều chiêu dụ ra thú, tâu xin ghép vào trường hạ để làm nanh vuốt. Lê văn-Khôi là quân vô-lại thì tiến cử đến chức Vệ-úy, theo dưới cờ hẳn để làm việc phúc tápm. Thổ-hào như Dương văn-Nhã, Đặng vĩnh-Ung thì hẳn ngấm ngầm vời đúng, nhân thích bọn Võ vĩnh-Tiền, Võ vĩnh-Lộc thì hẳn ám thăm lập đảng. Những kẻ tù-phạm Bắc-kỳ phát phối vào đó, hẳn cho ở trong thành rồi tha cho làm lính, lại kén lấy những voi hỏe đem ra nơi đồn thú, vét lấy những thuyền bè khí-giới trong 6 lĩnh Nam-kỳ, chứa vào thành Phiên-an, nghe tên Trần nhật-Vĩnh mà hút hét cao huyết của dân Nam-kỳ Đắp thành Phiên-an, tiếm bằng kinh-thành, hào thì sáu hơn. Nếu bảo thành cao hào sáu để phòng giặc Tiếm thì đường bề phải phòng Hà-tiên, đường bộ phải phòng Chân-lạp, có lẽ nào bỏ bốn lĩnh An, Hà, Long, Tường không giữ mà lại giữ Phiên-an hay sao ? Thế là rõ ràng phòng triều-đình chớ không phải phòng ngoại-hoạn. Cứ suy điều đó thì một gan hẳn, dẫu người đi đường cũng biết, ai không cảm tức, chỉ giận vì không ai chịu nói rõ cho triều-đình biết sớm mà thôi. Đến nỗi ngày này như nuôi cái nhọt bọc để nên đau, mỗi ngày mưng vạ một lớn, cho nên kẻ quyền yếm dẫu chịu tội mình-tru, mà bọn nhỏ nhất còn dám giữ thành làm phản. Vì đủ quan cai - trị không liềm đến

như Nguyễn văn - Quế, tham lẫn như Bạch xuân-*Nguyễn* (1) thì chúng nó cũng có gây làm phản chứ không sao khỏi được, vì bọn tiểu-hạ hần loạn là quân hung đồ, quen làm những việc bất thiện. Chúng nó quen thấy hần đối chúa, lẫn trên đều bắt chước hần. Thậm chí hần nói với người ta rằng hần vào trấn Gia-định, vốn là phong vương để giữ lấy đất, chứ không phải như các Tổng-trấn làm thường khác. Mả của cha hần, em hần, cũng liếm gọi là lãng ; hoặc dám đối với người ta, tự xưng là Cô, để cho bộ-hạ quen thành thói, chỉ biết có Lê văn-Duyệt mà không biết đến triều-đình. Thầy Hưu-tử nói rằng : « Không ưa phạm người trên mà ưa làm loạn, chưa có lẽ ấy bao giờ ». Vậy thì ưa phạm người trên mà không ưa làm loạn cũng chưa có lẽ thế bao giờ. Mối ưa gây nên đã lâu, lẽ nào mà muốn cho bọn tiểu-hạ không làm phản được ? Vậy nên hần chết chưa bao lâu mà bọn Lê văn-Khôi đã khởi loạn, cháu hần cũng đồng tình tạo phản để cho cả bọn bộ-khúc của hần đều theo giặc cả không một tên nào trốn đi, rồi nó kết tử-đảng, cây có thành cao hào sâu, lương thực như núi, khí-giới linh-nhuệ, đồ đảng thật nhiều, kháng-cự lại vương-sur, chầy đến 3 năm trời, nhiều lần mở đường sống cho nó mà chúng nó vẫn không biết hối tội đầu thành đến nổi binh dân gan óc lầy đường, nói ra đau xót, xét đến gốc nguồn thì tội hần kể từng cái tóc cũng không xuê. Nay hay đem những công việc hần làm rõ ràng ở tại mắt người ta để gây nên hoạn loạn, hiểu thì cho ai nấy đều biết. Còn như Lê văn-Duyệt và con cháu hần nên xử tội thế nào, thì giao cho đình thần nghĩ xử.

Đầy kết-quả của ban luận tội do các đại thần Hà-Quyền Nguyễn tri-Phương, Hoàng-Quýuê xác-định rằng Lê văn-Duyệt phạm 6 điều bội-ngịch :

1) Năm Minh-Mạng thứ tư tự tiện sai thủ túc là Phan-Đạt mạo danh đi do thám đi thuyền sang nước Miến-Điện. Trong thư « chắc có giao thông ». Cứ lấy nghĩa « làm tôi không có phép được giao thông với nước ngoài » thì tâm sự của y đã rõ rồi, ấy là một tội.

(1) Minh-Mạng đã tự thủ quan lại của mình bỏ vào Nam-kỳ toàn là lũ đầu trâu mặt ngựa.

2) Đến khi sứ-thần nước Miến-Điện đến thành mới tâu lên triều-đình. Đã có dụ-chỉ nói việc đó quan-hệ đến đại-ngiã không nên khinh-thường nghe lời ngoài mà bỏ tình hóa-hiếu, gây việc cứu-thù (1). Vậy mà y cố xin dung-nạp. May mà triều-đình trả đồ cống-vật, cho sứ Miến-Điện về nước thì danh nghĩa nước lớn ta mới tỏ giải ra thiên-hạ. Thế là y chẳng những mưu việc nước không ra gì mà lại cố giữ lấy ý riêng để nên điều lỗi, ấy là hai tội.

3) Năm Minh-Mạng thứ bảy, tâu bật phong nước Anh cát-Lợi dụ vào cửa Bình-thuận đã có chỉ sai sở-tại hộ tống mà y cố xin đưa vào Gia-định và nói rằng : « Quan Trấn kiểm thúc không bằng thần có quyền, khiến cho kẻ kia sợ tướng lĩnh và biết binh oai ». Hai chữ « có quyền » từ xưa vẫn lấy làm răn mà y dám ngất ngưỡng tự nhận, kiêu-tú dường nào ấy là ba tội.

4.— Năm Minh-Mạng thứ tư, thị-vệ là Trần văn-Tĩnh nhân việc công-sai ở Gia-định về có tâu việc Trần nhật-Vĩnh làm riêng phố ngói, mua trộm các món. Y nghe chuyện làm vậy, năm sau vào châu, cố xin bắt Trần văn-Tĩnh giao cho y chém, nếu không y xin trả chức Tổng-trấn rồi y xin từ chức thật. Có ý yêu quân như vậy, tội gì còn lo bằng tội ấy ? Và y xin giết một Trần văn-Tĩnh, thế là bắt người ta phải khóa lưỡi, rất là dụng tâm nham-hiểm, ấy là bốn tội.

5 — Trần nhật-Vĩnh đã có chỉ bổ thụ Ký-lục Vĩnh-Thanh mà y cố xin lưu lại trong thành. Lê đại-Cương có chỉ tuyển triệu mà y cố xin lưu lại làm việc ở phủ Lạc-hóa, « chuẩn cho thần cầu xin việc ấy thì hầu có ích cho việc thơ lại, cơ, đội, các vệ có câu rằng : « Lão thần xa ở ngoài biên khốn, chỉ e triều-đình tin dùng không được vững bền ». Trong lời lẽ ấy đều là không kính, ấy là 5 tội.

6.— Năm Minh-Mạng thứ sáu, y tâu xin tăng thợ cho Lê-Chất, có nói rằng : « Ấy là vị thánh-được khởi từ hoàn sinh, giết gì mà không làm ». Y là chức biên-khốn mà dám kết đảng tư tình như thế, rất trái với đạo làm tôi. Và lại nghe y bình thường khoe chuyện với người ta rằng y xin được quẻ thể có bốn câu thơ :

(1) Đây là việc Miến đồ-nghi liên-minh với Việt-Nam để đánh Tiêm hoặc yêu cầu Việt-Nam dùng can thiệp nếu Miến đánh Tiêm.

Tá Hán tranh tiên chư Hàn-tướng,
 Phù Chu minh hậu thập Chu-thần.
 Tha niên tái-ngộ Trần-kiều sự,
 Nhất đán hoàng bào bức thử thân.

Dịch nôm :

Giúp Hán há thua cùng tướng Hán,
 Phò Chu nào kém bọn tội Chu.
 Trần-kiều nếu gặp cơn binh biến,
 Mảnh áo hoàng bào dễ ép nhau.

Giá y không phải là người sẵn có bụng bất trung thì không khi nào dám khoe bài thơ ấy với người ta. Bởi vậy bọn tiểu-hạ tập quen thành thói, cho nên thấy y chưa lạnh má đã có việc này. Vậy xin giao cả lời tàu này cho đình-thần kết án để chính tội ».

Minh-Mạng chấp thuận luôn đề-nghị này, sau đó Duyệt bị kết 7 tội nên trăm :

- 1) Sai người đi riêng sang Miến-Điện, âm kết ngoại-giao.
- 2) Xin giao tàu Anh-cát-Lợi đến thành đề tỏ có uy-quyền.
- 3) Xin giết thị-vệ Trần-văn-Tĩnh để khóa miệng người ta.
- 4) Kháng sớ xin lưu quan viên bỏ đi nơi khác.
- 5) Lập đảng mà xin tăng thọ cho Lê-Chất.
- 6) Giấu chứa giấy ngự bảo.
- 7) Mổ cha tiếm gọi là lăng và tự xưng là Cô.

Có hai tội đáng xử giảo :

- a) Cố xin dung nạp Miến-Điện để che chở lỗi của mình.
- b) Nói chuyện với người ta xin được quẻ thẻ có câu hoàng-bào...

Một tội đáng phát quân : tự tiện sai biên-binh tự tạo tàu thuyền.

Sự biến Phiên-an, y thực là đầu vạ nên chiếu theo luật mưu-phản khép vào tội lăng-trì, song y đã chịu minh tru, vậy xin truy đoạt cáo sắc, bỏ quan quách giết thấy đề tỏ gương răn cho người khác, Còn như tăng tồ, tồ, phụ của y được phong tặng

cáo sắc thì xin truy đoạt cả, tiền-phần có tiếm dụng trái phép nào thì tước hủy đi. con, cháu, vợ cả, vợ lẽ đều phân biệt nghĩ đối, tài sản thì tịch-biên hết.

Ân ấy đệ lên, những tội nguyên nghĩ trăm quyết đòi làm giam hậu, con cháu từ 15 tuổi trở xuống tạm nay nghiêm cấm; trẻ thơ ấu chưa biết gì thì tha không bắt; ba họ phải phát nô cũng đều tha; nguyên nghĩ lục thì cũng thôi.

Lại sai Hình-bộ sao bản văn án phát cho Tổng-đốc, Tuần-phủ các tỉnh cho cứ ý-kiến riêng tâu về. Hộ phủ Lang-Bình là Trần huy-Phác xin đều khép tội trăm quyết. Hộ-phủ Quảng-yên là Lê dục-Đức xin người nào từ 15 tuổi trở lên đều chém, còn thì đều y như đình-ngự. Tổng-đốc Bình-Phủ là Võ-xuân-Cần, Tổng-đốc Ninh-Thái là Hoàng văn-Trạm cũng đều xin y đình-ngự. Lại nói kèm một câu rằng: Hoặc nên lấy công bù-tội, châm chước ít nhiều thì tự thiên-ân.

Dụ rằng: Xem như vậy thì đủ biết lẽ trời không sai, mà công đạo ở lòng người không ai giấu được. Kể quyền gian kia gây vạ, thiên-hạ ai ai cũng căm tức, muốn miệng cùng lời. đủ tỏ cái án sắt nghìn xưa. Tội Lê văn-Duyệt nhờ từng cái tóc mà kẻ cũng không hết (!)

Nói ra đan lòng, dù có bồ quan quách mà giết thầy cũng là đáng tội. Song nghĩ hãn chết đã lâu, và đã truy đoạt quan tước xương khô trong mả không bỏ ra hình. Vậy cho Tổng-đốc Gia-dịnh đến chỗ mả hãn san đất cho phẳng và khắc đá dựng bia ở trên đất viết to những chữ « Quyền yêm Lê văn-Duyệt phục pháp xử » (1) để chính tội danh cho kẻ đã chết mà tỏ được phép nước về đời sau, làm gương cho kẻ quyền gian muốn đời.

(1) Câu này có nghĩa là: Đây là nơi kẻ quyền yêm Lê văn-Duyệt chịu tội.

(2) Năm Minh-Mạng 19 (1838) sau kỳ thu thăm nhiều thân nhân của Lê văn-Duyệt bị phát-phối sung quân, chỉ có phò-mã Lê văn-Yên và Lê văn-Tề con của Lê văn-Phong, gọi Lê văn-Duyệt bằng bác ruột bị hành-quyết. Vợ của hai người này nhờ là hoàng-phái nên khỏi tội. Còn vợ Tả-quân là Đỗ thị-Phạm cũng khỏi bị giết vì Tả quân là người hoạn, theo phép thì bà chẳng được gọi là vợ. Bà Đỗ và ở với mẹ là Dối ở Chợ-lớn nương nấu nơi chùa của mẹ lập ra là « Chùa Bà Dối » lối nhà thương Chợ-rẫy. Bà buồn mà chết ở đây. Bộ-hạ của Tả-quân đã lên rồi thì hai của bà đem chôn bên mộ chồng. (Danh nhân nước nhà do Đào văn-Hệ trang 46)

Không những Lê văn-Duyệt là họa-thủ tội Khôi mà tên Lê văn-Hán cũng giao-thông với giặc thì thân thuộc phải tội, trong luật đã có điều nói rõ rồi. Song nghĩ nó chẳng qua cuồng-dại một lúc, qua lại với giặc mà thôi, sánh với kẻ trước sau theo giặc kháng-cự quan quân hơi có khác. Và đã xử cực-hình cũng đủ tỏ phép nước rồi. Những kẻ thân thuộc khác, khép tội trăm giam hậu cũng đủ cho nó phục tội. Lời dụ này chuẩn lức lồng phạt cho mỗi tỉnh một đạo đề cho ai nấy đều biết triều-đình xử rất công, rõ ràng cãi cãi ba thước (?) mà nghiêm như rùa búa ngàn thu.

Hành-ba năm xương tàn của Lê văn-Duyệt
Án Lê-Chất chưa là đủ, triều Minh-Mạng do Lại-bộ Tả thị-Lang Lê bá-Tú một năm sau lại bới xác Lê-Chất ra cũng đề thi-hành thêm một bản án không tiền khoáng-hậu nữa. Xin nhắc Chất cũng là một khai quốc công thần của Gia-Long và là một chiến-hữu thân mật nhất của Tả quân. Chất cũng không kém Duyệt về số « rìa búa » của Nguyễn triều nghĩa là Chất cũng được bị cáo vào 6 tội đáng chết như sau ;

1) Chất cùng Duyệt loay làm việc Y, Hoắc (phế lập) bị hai đứa ở nói hớ ra ngoài bèn giết chúng nó để buộc miệng là một tội.

2) Mấy lần xin thưởng cho hoàng-tử để tâm con muối (?) muốn bắt chước lối cũ của Dương-Kiên là hai tội.

3) Muốn con gái chính-vị ở trong cung không được thỏa chỉ nói ra những lời oán-vọng là ba tội.

4) Thường nói chuyện với Lê văn-Duyệt rằng : « Người ta thường bảo với trời, vua và cha mẹ, người làm con, làm tôi dù có điều bất bình cũng không được giận mà một mình tôi dám giận » là bốn tội.

5) Lại nói rằng : « Vua cây có Trịnh-hoài-Đức, Nguyễn-hữu-Thận làm phúc tâm, chỉ đem độ vài trăm người vào châu quất to một tiếng, bọn ấy cũng phải phục xuống đất. rồi ta muốn làm gì thì làm » là năm tội.

6) Lại nói rằng quốc tính đời làm tôn-thất đều là bọn Hoài-Đức a-dua, xui giục, nên đem chém ở trước cửa miếu để chính tội là sáu tội.

Chất lại bị cáo 10 tội tiếm lạm sau đây :

1) Khi y ở Bắc-thành, đầu năm điềm binh, dám lên lầu Ngũ-môn ngồi chính giữa.

2) Đề niên thuyền tải ngoài bể, y lấy của riêng mà tải vào thuyền công.

3) Cùng vót Lê văn-Duyệt dâng biểu tâu chức đề bất bi nhà vua.

4) Việc sinh sát dữ đoạt hay tự tiện.

5) Trái phép ăn lễ, giàu đến nghìn vạn.

6) Tấu sớ không hợp phép, có chỉ không cho mà cứ nhất định nộp lại, có Lê văn-Duyệt ngăn đi mới thôi.

7) Nuôi những cung nữ của tiền triều, không biết kiêng nể gì.

8) Nơi công sảnh tiếm làm gác chuông, gác trống.

9) Tội án Lê-duy-Thanh đã thành lại còn cùng Lê văn-Duyệt cố xin nghị lại.

10) Điều bồ cơ binh, phủ binh, xin lấy chức quan văn mà thi-hành.

Vậy xin giao cho đình-ngự đề chính tội danh làm gương cho kẻ gian trộm dòi.

Vua dụ (1) rằng : Chất tính vốn sài lang, nết như ma quỷ. Làm tội thì bất trung bất chính, xử việc thì đại ác, đại gian, việc nào cũng căn-rõ, ai là chẳng tức giận, chẳng những là 16 tội mà thôi đâu. Trước kia trăm nghĩ hãm cùng với Lê văn-Duyệt dẫu mang lòng bất thần, nhưng người ta không chịu theo thì chắc không dám gây sự. Vả hãn là nhất phẩm đại thần, dù có mưu gian mà thần dân chưa cáo tố thì không bắt tội. Kể đến hãn đã chịu tội minh-tru rồi thì lưới trời cũng không thoát cho nên cũng chẳng kè làm gì nữa. Nay đã có người tham hạch, vậy thì phải trái cho công, đã có triều-đình pháp-luật. Chuẩn cho đình-thần đem 16 tội của hãn mà định rõ tội-danh, vợ con cũng án-luật mà nghị xử, duy con cái nào đã xuất giá cùng là cháu trai còn nhỏ thì tha.

(1) Xin lưu ý : trong bản án của hai đại thần họ Lê kê trên, vua Minh-Mạng buộc tội trước rồi mới đến lượt các triều-thần như vậy thì đình-ngự làm gì cho mất công. Quan nào dám nói ngược lại ý của vua ?

Đinh thần nghị rằng : « Chắt bất pháp, bất trung, đại gian đại ác có 6 tội nên lăng-trì, 8 tội nên trảm, 2 tội nên giáo. Những tội phạm phạm, âm-mưu điều bất .quỉ, thì khép vào tội bạn nghịch mà xử lăng-trì. Song y đã chịu tội minh-tru, vậy xin truy đoạt cáo sắc, bỏ áo quan, lục thầy, khiêu thủ đề thị giới. Còn cáo sắc phong cho cha mẹ y cũng xin truy đoạt ; vợ là Lê thị-Sai từng đồng mưu bạn với chồng, nghĩ trảm lập quyết. Lại phát cho các Tổng-dốc, Trấn-phủ mỗi nơi một đạo văn án đề cho đem ý riêng bày tỏ lâu về cho công lòng chúng... Các địa-phương tau về đều xin y đình-ngهی.

Ngài dụ rằng : « Như vậy đủ rõ lẽ trời ở tại lòng người, công luận không bao giờ mất. Kể gian thần chứa vạ, muốn mệnh cùng một lời đủ làm án sắt thiên-cồ. Và Lê-Chất cùng với Lê văn-Duyệt, dựa nhau làm việc gian, tội ác đầy chứa, nhờ tình cái tóc mà tình cũng không hết, giả thử bỏ áo quan giết thấy cũng không là quá. Song nghĩ lại Chắt cũng như Duyệt trước kia Duyệt đã không bỏ áo quan giết thấy thì năm xương khô của Chắt nay cũng chẳng màng bắt tội. Vậy cho Tổng-dốc Bình-Phú Võ xuân-Cần san phẳng mộ của hắn, khắc bia dựng lên trên, đề to mấy chữ « Lê-Chất phục pháp xử » để làm gương cho kẻ gian tặc muôn đời. Còn vợ hắn là Lê thị-Sai cùng ở một nhà, dư biết mưu bạn nghịch, xử vào cực hình cũng là phải, song kẻ đàn bà chẳng cần tội vàng chính-pháp. Vậy Lê thị-Sai cùng bọn con là Lê-Cần, Lê-Trương, Lê-Thường, Lê-Kỵ đều cải làm trăm giam hậu. Lại tịch biên tài-sản được hơn 12.000 quan tiền, giao lĩnh chứa cả vào kho (1)

Một điều đáng làm cho ta tức cười ngày nay về hai bản án trên đây là khi Lê-văn-Duyệt và Lê-Chất còn sống, từ vua đến quan không ai dám hé răng ra đề kể tội. Các tội đều đáng chém, đáng chặt cổ bêu đầu hay xẻo thịt làm trăm mảnh. Nay kẻ phạm tội chết cả rồi, vua tôi mới họp nhau vào mà kết-án âm-ĩ. Làm tội một năm xương tàn, xiềng mỗ xích mã, tạc bia sỉ-nhục, những hành-dộng này chỉ là một trò cười đối với hậu - thế. Sự - thực Lê văn-Duyệt cũng như Lê-Chất chỉ là những kẻ ý mình lập được nhiều công-trạng nên đã có một vài cử-chỉ quá

(1) Trong 10 tội tể-m loạn, điều thứ 5 nói Chắt ăn lễ giàu đến nghìn vạn, nay tịch biên tài sản được có 12.000 quan, văn án mà điều-ngoa như vậy thật là biếm cớ.

trốn. Không dối dân, không hại nước, không phản vua mà họ bị buộc những tội tày trời như trên thì thật là sự cố ý về phần dân vua quan bất minh, hẹp lượng và bạc-bẽo. Bao nhiêu vụ loạn xảy ra từ Nam tới Bắc cũng do Minh-Mạng và đám đình thần có quá nhiều sở-đoan. Xét cho cùng, trong việc làm tội Nguyễn văn-Thành, Đặng trần-Thường là hai vụ gần nhất Gia-long đã mở đường khai lối cho chính sách đối xử với các công-thần, nay Minh-Mạng làm tội Lê văn-Duyệt và Lê chất chẳng nên coi là điều lạ.

VỊNH LÊ - CHẤT

*Chinh Nam phạt Bắc, sự nghìn thu
Cổ áy rêu mờ ; đất một u.
Ấy đông ấy trung là thế thế,
Mà ăn mà nghĩa ở mô mô ?
Chim gào di hận, xuân ầm-ỹ,
Hồ thét dư uy gió vụt vù.
Sự tích anh hùng, ai nhắc lại ?
Tây-Hồ rang-rạng tiếng chuông bu !*

Phan-Khôi

(Trích báo Tiềm-Lực số 1 ngày 27 tháng 7 năm 1961)

Bàn về Vua Minh-Mạng

Vua Minh-Mạng tạ thế vào năm Canh-tí (1840), làm vua được 21 năm, thọ 51 tuổi lấy miếu-hiệu là Thánh-tổ Nhânhoàng-đế. Luận về sự-nghiệp của vua Minh-Mạng, ta có thể nói ông vua này là hình-ảnh trung-thực của vua cha (Gia-long) trên mọi khía cạnh. Trên lãnh vực hoạt-động. Minh-Mạng tuy có sửa đổi ít nhiều trong tổ-chức nội-bộ nhưng đại-đề không có gì đáng kể lắm (cải-tổ văn phòng, lập Co-mat viện, đặt Tôn-nhân phủ, bãi bỏ chế-độ Tổng trấn ở Nam, Bắc-thành .vv...) Điều quan trọng là học chế quốc-gia đề xây dựng một thể hệ nhân tài mới đã được nhà vua lưu ý tới, tiếc thay triều-đình của ngài không có ai đủ tài trí đề canh cải, đổi cái học từ chương, cử-nghiệp sang cái học thực-lế dẫn dắt quốc dân lên con đường tiến-hóa. Rút cục cái tệ-lậu ngàn năm trong việc học vẫn nguyên-vẹn khiến sau này thời-cuộc tiến-

triều quá mau-lẹ, Việt-Nam như con người bị trói buộc tay chân để đón chờ cái nạn vong-quốc.

Nhân tài mới đề đối phó với tình thế mới đã không có thì ít nhất cũng phải có một lợi-khi khác để thay-thế, đó là chính sách ngoại-giao, chính-sách này cũng không có nốt và trái lại cái chánh-sách *bế quan tỏa cảng* đã thành một trò cười bởi cái nhà Việt-Nam bấy giờ là cái nhà mục-nát, quân cướp lại quá mạnh thì có đóng cửa, rào dậu cũng vô ích. Thành lũy của mình đã chẳng bền, cổng ngõ lại quá yếu, hai nước Á-Đông như Tiêm-la, Nhật-Bản bấy giờ đã biết dùng chước *lấy độc trị độc*, nghĩa là lấy cường-địch để ngăn-cản cường-địch nên đã giữ vững được thế nước, bảo vệ được độc-lập (1). Trái lại Minh-Mạng trong việc ngoại-giao có những hành-động tiêu-cực không tiếp-sử, không nhận quốc-thư, chém giết giáo-sĩ tạo cho họ lý-do mang Liên-quân tới xâm-lược Việt-Nam. Cho đến sau này tiếng súng đại-bác của Tây-phương nổ ầm-ầm từ Ấn-độ-dương qua bờ biển Trung-quốc, vua tôi mới mở mắt ra thì đã muộn. Sứ-đoàn Tôn-thất-Thường, Trần viết-Xương ngày 11-1240 vượt biển sang Ba-Lê và Luân-Đôn đã bị trở về không ngoài việc đi thăm các cơ-sở kỹ-nghệ, các binh-xưởng, đến coi phiên-hộp của Nghị-viện Pháp v.v... Sau này đến đời Hiến-tô và Dục-Tông (vua Thiệu-Trị và Tự-Đức) cái hậu-quả của một chính-sách tiêu-cực và ngu-tối mới nẩy-nở ra vì khi đó Pháp đã rảnh-tay cả ở hai phía Tây-phương và Đông-phương (trong việc giải hòa với các làn quốc Âu-châu và chia xẻ quyền lợi trên đất Tàu). Đến lúc này thì cái quốc-họa hết phương phòng bị và cứu chữa...

Đối với Cao-Mên và Ai-Lao, do không biết lựa chọn cán-bộ hay không có cán-bộ đứng-đắn, liêm-chính, ảnh-hưởng của Việt-Nam bị đánh bật ra khỏi Trấn tây-Thành phải coi là một sự xấu hổ cho triều-đình Việt-Nam thuở đó. Việc bảo-vệ quốc-vương Ai-Lao là A-Nô cũng không chu-đáo đến nỗi A-Nô phải thất bại bị bắt nộp cho Tiêm-la vừa là sự bất tín đối với một nước nhỏ dưới quyền bảo-hộ của mình vừa là một điều đáng buồn cho quốc-sĩ. Sử thần nhà Nguyễn vin

(1) Hai nước này đã mở cửa cho các cường-quốc Tây-phương vào buôn bán, lập các điều-uớc thương-mại và liên-minh, gây cuộc hòa-hảo thành một lợi-khi bảo vệ độc-lập.

vào chỗ một số đóng các bộ-lạc trú-ngụ theo đạo Hoà-hình-sơn xin nội-thuộc về ta từ Trấn-Ninh lên đến Thanh-hóa mà cho « nước Nam ta về đời vua Thánh-tổ to rộng hơn cả » (1) đó là một sự nguy-biến nếu ta nhớ rằng dưới đời Gia-long chánh quyền Vạn-tượng và Nam-Vang hoàn-toàn thần-phục triều-đình Huế, nhưng đến Minh-Mạng ta mất hết ảnh-hưởng ở hai xứ này. Vua Minh-Mạng qua đời vừa xong quân ta phải bỏ thành Trấn-tây mà rút về An-giang, người Nam-Chương (Luang-Prabang) bỏ ta đi với Tiêm-la.

Ngoài ra ta còn thấy hai khuyết-diểm của Minh-Mạng là đã quá tàn-ác trong việc cấm đạo Gia-tô và quá hẹp hòi với các công thần và dân chúng. Với việc bài đạo Gia-tô, nhà vua và các bề tôi không nhìn xa hậu-quả của sự việc trong lúc quân-đội yếu-hèn, lạc-hậu, vây cánh ở các cường-quốc Đông, Tây lại không có, cứ đình-ninh khi hữu-sự đã có « thiên triều Trung-quốc » che chở. Bài tính sai lầm này đến đời sau là đời Dực-Tông cũng chưa ai ngó thấy. Đối với các vụ phiến-loạn ở Bắc-kỳ và Nam-kỳ một phần do quan lại tham-nhũng, bất-tài và một phần do cái chính-sách khắc-nghiệt của nhà vua. Mà có lẽ vua Gia-long cũng như Minh-Mạng đã là những ông vua chuyên-chế nên đám triều-thần không có kẻ bạo gan để can-gián rồi luôn năm bảy năm ly-loạn, đói khổ quốc-dân Việt-Nam đã mất hết cả cảm-tình với hoàng-triều. Do sự-kiện này ta có thể nói đời Nguyễn-sơ thất chính và so-sánh với các triều-đại trước thì triều Nguyễn đã thác sinh ra chế-độ quân-chủ độc-đoán, độc-tôn tai-hại hơn cả. Hoàng-gia phải gánh chịu một phần lớn trách-nhiệm về phương-diện này. Tuy vậy, ta cũng phải nhận rằng riêng trong thâm-tâm của Minh-Mạng, ông vua này rất mong nước giàu dân mạnh, nhà vua có đức-tinh siêng năng và có nhiều quả cảm. Nếu nước ta bắt đầu đời bại chỉ do nhà vua cũng như giai-cấp sĩ-phu bất-tài, không có ý-thức sáng-suốt để mở cuộc tiến-hóa và bảo-vệ độc-lập. Chánh-trị đã đầy lỗi-lầm, quân-đội lại ít luyện-tập, vũ-khí, quân-nhu thiếu-thốn, dân-chúng nghèo-nàn do hết nạn đói đến nạn lụt, cướp bóc thì liên-miễn ở các vùng quê, với tình-trạng ấy phái-đoàn ngoại-giao của Minh-Mạng qua Tây-phương thất-bại là phải. Cũng tình-trạng hèn kém này đã khuyến-khích nước Pháp bảy năm sau nổ những tiếng đại bác đầu tiên vào cửa Đà-nẵng cuối mùa thu năm Đinh-vị (1847).

(1) Việt-Nam sử lược trang 460.

CHƯƠNG III

HIẾN-TỎ (1841-1847) NIÊN-HIỆU : THIỆU-TRỊ

- 1— *Tình-hình tổng-quát của Việt-Nam*
- 2— *Quán Tiêm-La đánh Nam-kỳ*
- 3— *Cuộc xung-đột Việt-Pháp đầu tiên*

Tình-hình tổng quát của Việt-Nam

Hoàng-tử Miên-Tôn sinh ngày 16-6-1807 lên thay vua Minh-Mạng vào ngày 21 tháng giêng năm Tân-sửu (12-2-1841) tại điện Thái-hòa, đặt niên hiệu là Thiệu-Trị. Nhà vua bước lên ngai vàng giữa năm 34 tuổi.

Cũng như vua cha, Thiệu-Trị là một ông vua văn-tự, thích làm thơ, thích nghiên cứu sử-ký. Do đó ngài cho sưu-tầm được nhiều tài-liệu để viết nên cuốn *Đại-Nam chính biên liệt truyện*. Trong sách này có đủ mặt và thân thể sự nghiệp của các danh nhân Việt-Nam. Nhà vua đã sáng tác được nhiều bài thơ vịnh các thắng-cảnh nước nhà hợp lại thành cuốn *Ngự đề danh thắng đồ hội thi tập*, *Ngự chế Bắc tuần thi tập* và *Ngự chế vũ công thi tập* để ghi chép những việc trần mạt.

Sứ-đoàn ngoại giao cuối cùng của ta qua Tàu vào năm 1837 và đáng lẽ bốn năm sau (1841) ta phải có một phái bộ sang triều kinh nhưng vua Đạo-Quang nhà Thanh miễn cho vì lúc này Việt-Nam đang có quốc tang (vua Minh-Mạng chết), duy

sứ-đoàn sang xin cầu phong cho Thiệu-Trị là phải lên đường. Năm sau (1842) Tổng-đốc Lương-Quảng cùng đoàn tùy tùng sang Hà-nội cử-hành lễ lạy phong cho vua Việt-Nam. Năm 1845 (Thiệu-Trị đệ ngũ niên) Việt-Nam cử hai phái-đoàn ngoại-giao đi Bắc-kinh, một đề tạ ơn Thanh-đế đã phong vương cho nhà vua và một đề dâng cống-phẩm.

Như trên đã nói, ta có thể cho rằng Thiệu-Trị đã thừa hưởng một cái gia-tài không tốt đẹp mấy. Thế nước bên trong đã bấp-bênh vì mỗi ngày thiếu an-ninh trật-tự. Đất Nam-kỳ dưới đời Minh-Mạng đã có nhiều giặc-dã nổi lên, rồi người Chân-lạp cũng lại vùng dậy chống đấm quan liêu bảo-hộ của Việt - Nam vì tham - nhũng, vì áp-bức đến nỗi Thiệu-Trị vừa lên cầm-quyền (1841) Tạ quang-Cự đã vội tâu xin bỏ Chân-lạp. Nhà vua phải xuống chiếu cho đại-tướng của ta ở Chân-lạp là Trương minh-Giảng rút hết binh-đội về An-giang. Họ Trương về tới đây thì chết và ai cũng hiểu rằng họ Trương trước đây nắm giữ mọi việc ở Chân-lạp như một viên Toàn quyền đại-thần. Vậy nay thất-bại, ở lại thì không bình-định nổi xứ này, rút về thì mất cả quốc-thể và không rút cũng không xong bởi phong-trào tranh-đấu của dân Chân-lạp khi ấy lên rất cao. Chính sử của Nguyễn-triều cũng nói rằng họ Trương đã xấu-hổ và buồn bực mà chết (Việt-Nam sử lược trang 467)

Đề đối phó với vụ loạn ở Nam-kỳ có Lâm-Sâm và một số thầy chùa người Thổ cầm đầu, các tướng của Thiệu-Trị là Lê văn-Đức, Nguyễn tiến-Lâm, Nguyễn công-Trứ mang nhiều binh-đội vào đánh dẹp mãi mới xong. Vụ loạn này bột-phát ở Trà-vinh và có nhiều sóc Thổ ở đây ừa theo như nước chảy và xin nhắc trong vụ loạn trên đất Chân-lạp có quân Tiêm-la chiến đấu bên cạnh người bản-địa. Sự việc này làm cho triều Thiệu-trị lầy lăm lo sợ.

Quân Tiêm đánh vào Nam-Kỳ Việc đánh dẹp Lâm-Sâm vừa yên thì Tiêm-la mang hai đạo quân thủy, bộ đánh vào Nam-Kỳ. Lê văn-Đức được cử làm Tổng-thống binh-vụ đại-thần đi tiêu-trừ. Quân Việt chia lực-lượng ra như sau : các tướng Nguyễn tri-Phương và Nguyễn tiến-Lâm giữ khu Tiền-giang ; Nguyễn công-Trứ và Nguyễn công-Nhân giữ khu kinh Vĩnh-Tế ; Phạm văn-Điền và Nguyễn văn-Nhân đón giặc ở miền Hậu-giang. Ba

khu này hợp lại thành một phòng-tuyến kiên-cố trên bộ cũng như dưới nước, liên-lạc với nhau dễ-dàng nên quân xâm lăng thua to phải rút về Nam-Vang. Sau khi Tiêm rút hết quân khỏi nội-địa Việt-Nam thì quân ta theo dọc biên-giới chiếm đóng các cứ điểm chiến-lược hiểm-yếu.

Xin nhắc rằng năm Thiệu-Trị nguyên-niên (1841) quân quan Việt-Nam rút khỏi Cao-mên thì Tiêm-la đã lợi-dụng ngay sự vắng mặt của chúng ta để thao-túng chính-tình của xứ này. Tiêm đã nắm trong tay Nặc-ông-Đôn là em Nặc-ông-Chân, chủ nòng Ang-May tức Ngọc-Vân quận chúa làm cây bài chính-trị. Ông-Đôn về làm vua Chân-lạp ít lâu, nấp dưới bóng cờ của Tiêm-la, nhưng người Tiêm cũng ăn hiếp, bóc lột dân Chân-lạp chẳng kém người Việt trước đây. Vì lẽ này dân Chân-lạp lại vùng dậy chiến-đấu phech nũa và cử người sang Nam-kỳ cầu cứu quan quân Việt-Nam. Thiệu-Trị bèn sai Vũ-văn-Giải sang kinh-lý việc Chân-lạp. Tháng 6 năm Ất-tị (1845) Vũ-văn-Giải vào đến Gia-dịnh cùng hai vị đại thần là Nguyễn tri-Phương, Tôn thất Nghị mang quân sang Chân-lạp. Quân ta phá được đồn dây-sắt, chiếm được thành Nam-Vang, thu được 23.000 người về đầu hàng gồm cả người Tiêm và Chân-lạp. Cuộc chiến tranh rất là ào-ạt. Ta vây được liên-quân Tiêm-Lạp trong đó có tướng Tiêm là Chất-trị và Mên-vương Nặc ông-Đôn tại Ô-đông (Oudon). Quân Tiêm không kéo dài được chiến-cuộc nhưng ba tháng sau (tháng 9 năm ấy) Chất-trị vẫn phải cử người đến xin hòa. Một hiệp-ước dựng lên có chữ ký của Nguyễn tri-Phương và Chất-trị để kết thúc cuộc xung đột. Quân ta ở lại Trấn-tây để chứng kiến việc rút lui của quân Tiêm theo điều-ước đã định. Rồi tháng chạp năm ấy (Bính-ngọ 1846) Nặc ông-Đôn dâng biểu xin tạ tội và nộp cống như cũ. Tháng hai năm Đinh-Mùi (1847) vua Thiệu-Trị cho sứ sang phong cho Nặc-ông-Đôn làm Cao-mên-quốc-Vương và Mỹ-lam quận-chúa làm Cao-mên quận-chúa. Chân-lạp lại trở về tình-trạng cũ và Việt-Nam gỡ được uy-thế xưa.

Pháp uy-hiệp Việt-Nam lần thứ nhất

Thiệu-trị lên làm vua thiếu quả-cảm cũng như sáng-kiến nên không thay đổi gì về đường lối do các tiên-đế đã

vạch ra. Do sự-trạng này, ta thấy các hoạt-động nội-bộ không có gì mới lạ cho các nhà chép sử hôm qua cũng như hôm

nay, lại nữa nhà vua chỉ ở ngôi có 7 năm mà thôi. Về đối ngoại buổi đầu nhà vua có chính-sách dung-hòa với Tây-phương trước vấn-đề cấm đạo Gia-tô là bởi đã thấy Tây-phương đang hoành-bành mạnh ở nhiều nước Á-Châu. Nhà vua và các đình-thần lúc này đang theo dõi những biến-cố ở Trung-quốc, Tuy vậy một số giáo-sĩ ngoại-quốc vẫn bị giam cầm ở Huế và các sắc-dụ bắt đạo, giết đạo vẫn chưa bãi bỏ. Về phía các nhà truyền-giáo, ta vẫn thấy mọi sự tiến-hành đều đặn gần như khiêu-khích chánh-quyền mặc dầu năm vị thừa-sai Duclos, Miche, Galy, Berneux, Charrier còn đang bị gông cùm trong Trấn-phủ. Giám-mục Cunéot vẫn xúc-tiến tích-cực việc phân phối các thầy giảng đi các nơi, từ các miền đồng-bằng lên đến các miền Cao-nguyên (các thừa-sai Combes, Fontaine lên miền Thượng, Degout, Dourisbourne về Bình-định rồi được thuyền chuyển lên các nơi có dân Bahnar và Rhadé tại Kontoum v.v...)

Từ 1839, Pháp đặt Lãnh-sự quán ở Manille (Phi-luật-Tân) để nghiên cứu các vùng ven các biển Trung quốc. Sau sứ quán này được nâng lên hàng Tổng lãnh-sự do các tiến triển của thời-cuộc. Viên Tổng lãnh-sự đầu tiên là Adolphe Barrot gửi phúc trình về Ba-lê luôn luôn nhấn mạnh về việc thương-mãi ở các quần-đảo Á-châu và đề-nghị lập căn-cứ hậu-lợi-dụng sự tranh-chấp giữa Anh và Hòa-lan đang xảy ra tại miền này. Do ý của A-Barrot thủy-quân Pháp lúc đó đang lưu-động trên khắp các đại-dương nhất là các biển thuộc Á-châu có nhiệm-vụ lấy tin tức các xứ đi ngang qua Việt-Nam được chú ý nhiều hơn cả. (Pháp vẫn gọi là *Cochinchine*). Ngay từ 1838, Hải-quân đại tá Laplace chỉ-huy tàu *Artémise* đã cập bến Đà-nẵng có ý dò xét tình-hình các giáo-sĩ (1) nhưng không bắt được liên-lạc, rồi Nha-phiến chiến-tranh bùng nổ Pháp đặt một lực-lượng hải-quân thường-xuyên ở đây có ý rình-rập những biến-cố bất-ngờ.

Từ 1840-41, cờ của hải-quân Pháp bay phấp-phới ở các bến Manille, Macao, Batavia, Singapore và Hồng-Kong. Năm 1843 Thiếu-tá hải-quân Favin Lévêque đi chiếc Hải-phòng hạm *Héroïne* được tin ở Macao rằng có 5 giáo-sĩ đang bị cầm tù

(1) Laplace tuân theo chỉ thị của Bộ-trưởng hải-quân đời bấy giờ sau lời tuyên bố với sứ-đoàn Trần-viết-Xương và Tôn-thất Thường do Minh-Mạng cử sang Pháp trước đó.

ở Huế liền ghé vào Đà-nẵng xin tha cho cả năm (1). Cực chẳng đã, Thiệu-trị phải nhượng-bộ, nhưng đề khỏi mất mặt với dân chúng triều-đình Huế phải gửi thông-cáo đi các nơi nói rằng :

« *Pháp-hoàng biết tội trọng của các Tây-dương đạo-trưởng đã phải một ông quan Mọi đến van nài hoàng-đế Việt-Nam tha chúng. Hoàng-thượng đã khoan hồng cho chúng với điều kiện là chúng không được tái phạm v.v...* (2)

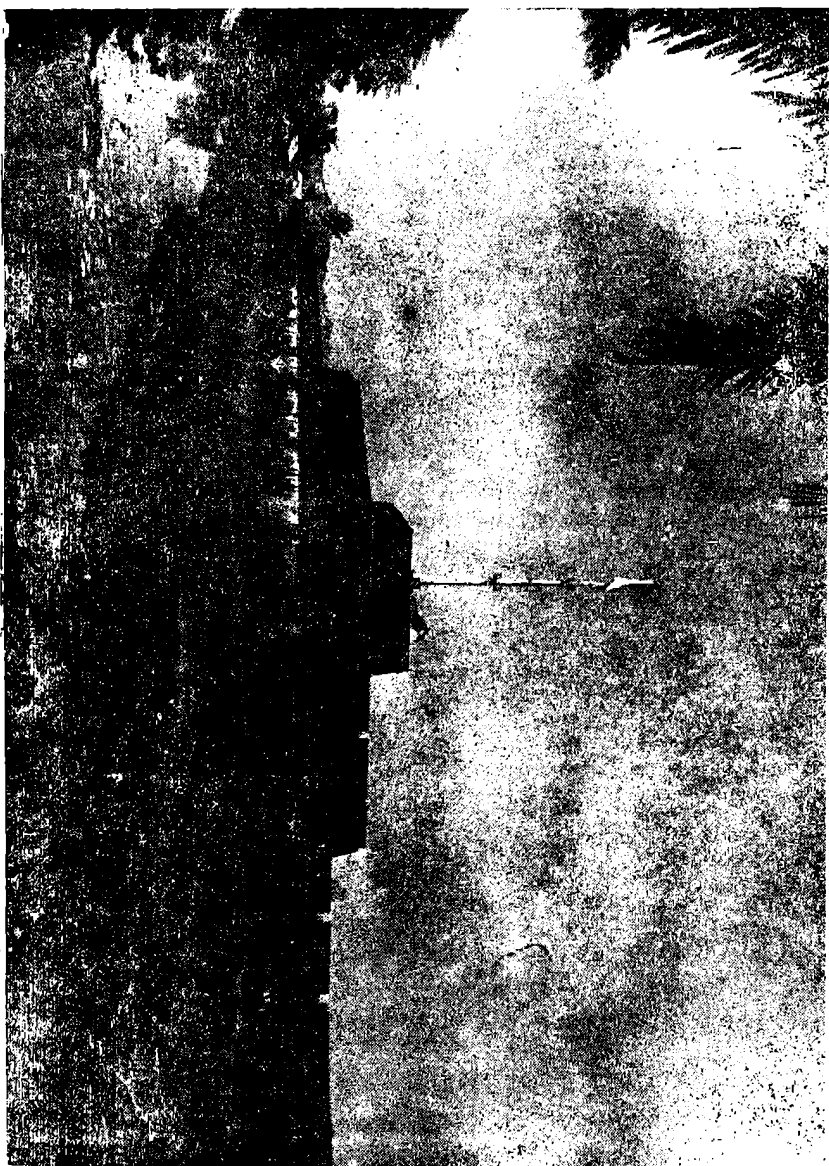
Đề-nghị phóng thích này thật ra là do ý riêng của Lévê-que vì bấy giờ chính-phủ của vua Lu-y Philippe vẫn còn có thái-độ rè-rặt nhất là đối với việc thiết-lập căn-cứ tại vùng biển Trung-quốc. Nhưng đám quân-nhân thì họ đã từng qua lại Á-châu, họ biết chắc có thể ăn thua được cho nên cả tới sau này sự mất còn của chủ nghĩa Đế-quốc vẫn tùy nơi bọn quân-nhân. Người cương-quyết đánh chiếm Việt-Nam hăng hơn cả bấy giờ là Cécille, Hải-quân Đại-tá sau thắng phó Đô-đốc. Từ tháng 5 đến tháng 6-1843 Cécille tự ý đi lại với quan lại Việt-Nam mặc dù chánh phủ Pháp chưa có giao cho y một nhiệm-vụ nào về Việt-Nam. Tháng 2-1844. Cécille đề-nghị với Pháp-đình giúp con cháu nhà Lê khôi phục Bắc-hà để việc giảng đạo và buôn bán của người Pháp được dễ-dàng. Theo ý Cécille, Bắc-hà thành công thì Cao-Mên sẽ theo và triều đình Huế bại trận sẽ phải chịu mọi điều yêu sách của Pháp. Cécille đưa ra ý lấy đại bác mở đường cho sự thương-thuyết và cần thay Thiệu-trị bằng một ông vua thân Pháp...

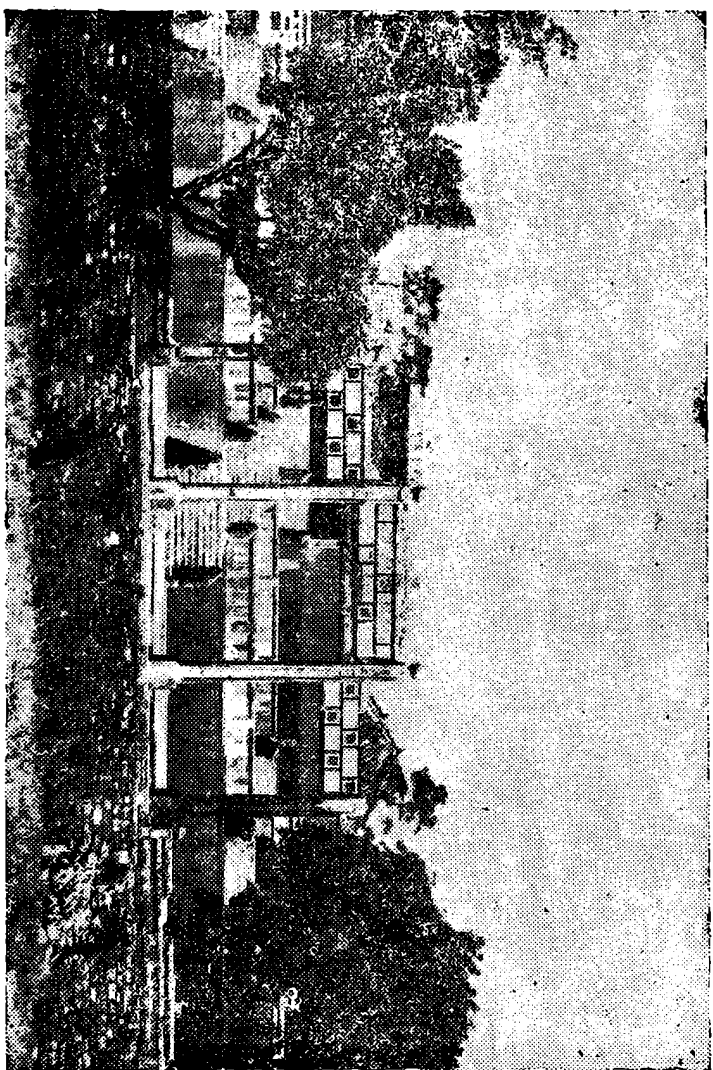
Năm Ất-tị (1845) giám mục Lefebvre bị kết án tử hình còn đang nằm trong nhà giam nhờ được người đưa thư cho tàu *Constitution* do thuyền trưởng Percival chỉ huy yêu cầu can thiệp. Tàu này của Huê-ký. Percival trao việc này cho Cécille. Thiếu tá Fournier Duplan đem chiếc *Alcmène* đến Đà-nẵng xin tha được giám-mục rồi đưa giám-mục về Tân-gia-Ba. Đến 1846, Lefebvre trở lại và bị bắt lần nữa cũng được Thiệu-trị ân xá và đuổi về Tân-gia-Ba như trước. Năm Đinh-vị (1847) chánh phủ Pháp cho Lapierre thay Cécille lúc này đã thăng Thiếu-tướng,

(1) Sau khi được phóng-thích ít lâu một vài giáo-sĩ như Miche, Lefebvre lại lên về Việt-Nam hoạt-động như cũ. Giám-mục Lefebvre bị bắt vào 31-10-1841.

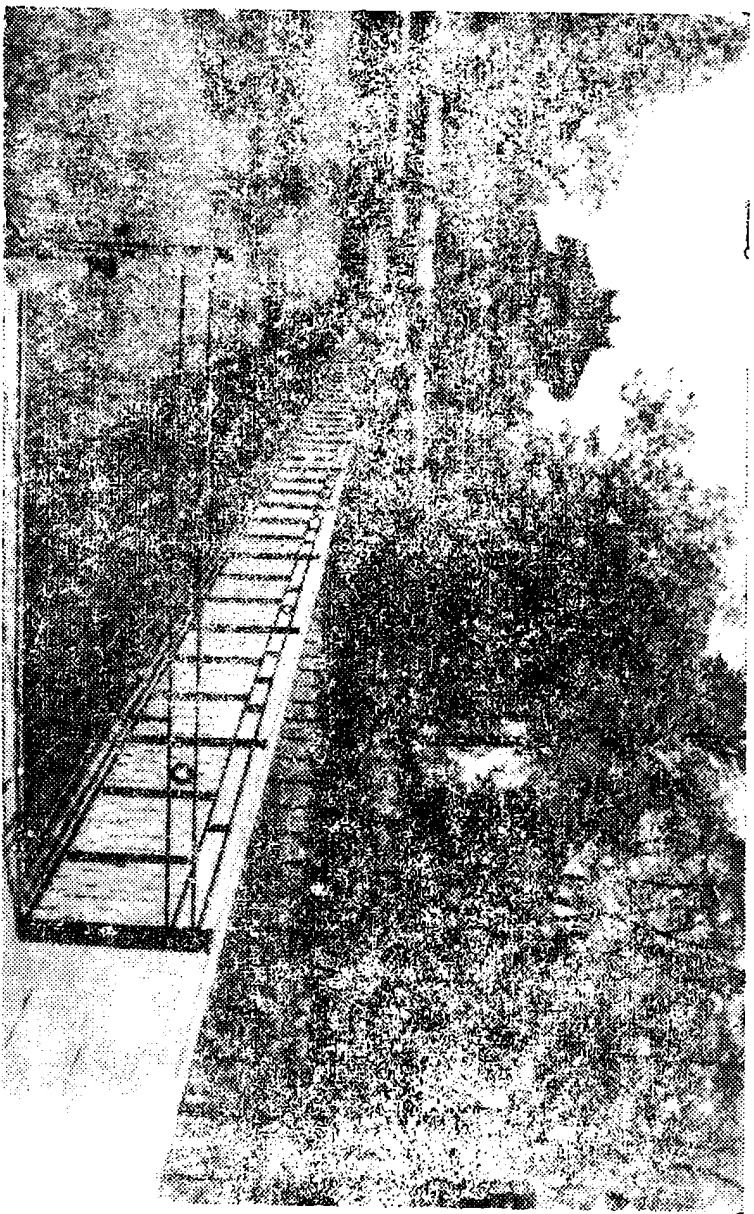
(2) *Việt-Nam giáo-sử* trang 272.

KỶ ĐÀI Ở HUẾ





LÀNG THIỆU-TRỊ



LÀNG MINH-MÀNG



RIGAULT DE GENOUILLY

*Hải-quân Trung-tá Pháp, người đã pháo-kích
lần đầu tiên hải-đồn Đà-nẵng*

Lapierre cho chiến thuyền *La Victorieuse* đến thẳng Đà-nẵng đệ lên Thiệu-trị một quốc thư của Pháp ngỏ ý phản-kháng việc triệt đạo Gia-tô của triều đình Việt-nam và yêu cầu nhà vua theo gương Trung-quốc đã không ngăn cản việc này.

Chỉ-huy chiếc *La Victorieuse* là Trung-tá hải-quân Rigault de Genouilly. Lapierre đi chiếc *La Gloire* theo sau. Quan tỉnh Quảng-nam không chịu nhận thư của Pháp, lời lẽ lại có sự khiếm nhã và làm mất một tháng chẳng nên việc gì hết. Sau cùng Thiệu-trị cho lập một hội-đồng do Tham-tri Bộ Lễ là Lý văn-Phức làm chủ-tịch cùng với các tỉnh-thần Quảng-nam là Tuần-vũ Nguyễn đình-Tân, Lãnh-binh Nguyễn đức-Chung tùy nghị giải-quyết. Đôi bên gặp nhau ở nhà Cung-quán. Pháp đưa ra một bức thư chữ Hán lời nói rất găng. Phức không chịu nhận. Pháp bỏ cuộc ra về. Phức chỉ còn nước về bẩm-mệnh vua Thiệu-trị và bị tống giam chờ luận tội.

Trong lúc này Pháp bắt đầu có thái-độ khiêu-khích, cho binh sĩ lên nghênh ngang khắp các phố-phường. Bấy giờ ta có 5 chiếc thuyền bọc đồng đậu ở vũng Trà-sơn (thuyền Kim-băng, Linh-phụng, Thọ-hạc, Vân-băng, Phấn-băng). Về phần ta chỉ có sự chuẩn-bị đề-phòng trên thuyền cũng như ở các hải-đồn, nhưng quân Pháp, hoặc họ cố ý kiếm chuyện đề thị-uy, hoặc họ ngờ ta định tấn-công họ nên cho lính sấn đến giật lấy dây buồm khiến bên ta phải thả chặt neo giữ lấy thuyền. Thiệu-trị hay tin vội sai Đô-thống Mai công-Ngôn, Tham-tri Đào tri-Phú đem 3 vệ Võ-lâm, Hồ-uy, Hùng-nhuệ vào ngay cửa Hàn điều-động các tỉnh-thần Quảng-nam chống nhau với giặc (1). Tiếp ứng cho 5 chiếc chiến thuyền bọc đồng đã có mặt tại Trà sơn, Thị-lang Võ-duy Ninh, Thủy-công Chương-vệ Phạm-xích dẫn thêm 4 chiếc thuyền đồng nữa đề tăng cường. Thiệu-thị chỉ thị cho Mai công-Ngôn và Đào tri-Phú chỉ được ra tay nếu bị tấn công trước, lập hàng rào an-ninh khắp dọc bờ biển của khu-chiến, cắt đứt mọi liên-lạc giữa địch với dân chúng (giáo dân) — Vua bàn việc chiến tranh với Trương đàng-Quế. Vị lão thần này cho rằng Pháp chỉ mang có 2 chiến thuyền tới

(1) Tuần vũ Nguyễn-đình-Tân bị cách chức. Thị lang Nguyễn-bá-Nghi được quyền Bố chánh Quảng-nam. Tân phải cách-lưu cho theo Mai-công-Ngôn niệm-lực đề chuộc tội.

Đà-nẵng thì chưa chắc đã dám có ý gây chiến mà nếu họ gây chiến lỗi sẽ về họ và ta đánh dẹp cũng chẳng khó... mục-đích của họ chỉ là xin giao-thương và giảng đạo mà thôi.

Bọn Lapierre và Rigault de Genouilly khi thấy thủy quân của Huế vào tăng cường cho Đà-nẵng, lại thấy các hải đồn quân lính rộn-rịp liền nổ súng trước. Quân ta bắn trả lại. Sau một giờ các chiến thuyền của ta chìm cả, nhưng Pháp không đồ bộ và nhổ neo đi thẳng vào ngày hôm sau.

Rút kinh - nghiệm ở cuộc thất bại này Thiệu - trị cho lập gấp 7 cái đồn đề phòng cửa Đà-nẵng và cho mở kho xuất 32.000 cân đồng đúc đại-bác bố-trị ba nơi xét cần hơn cả là Đà-nẵng, Thị-nại và Cần-giờ. Miền Nam cũng được bố-phòng bằng đồn lũy mới, có súng lớn yểm-hộ thêm tại Phú-Mỹ, Tam-Kỳ. Thiệu-trị lại ra lệnh đuổi các tàu Pháp ngay nếu họ đến về sau này.

Sơn-Hung-Tuyên tổng-dốc Nguyễn đăng-Giai lại trở về vấn-đề thắng tay với các đạo-trưởng Gia-tô và đình việc phái quan-thuyền đi các nước ngoại-dương. Vua không đồng ý cho rằng đình-chỉ việc trên là tổ sự yếu-đuối của mình và đối với các giáo-đồ nên tìm cách giảng-dụ và cảm-hóa là hơn. Xét ra Thiệu-trị muốn thi-hành rõ-rệt một chính-sách ôn-hòa.

Nhưng trong năm đó nhà vua lại ban hành Sắc-dụ làm tội các người theo « tả đạo » tuy không quá gay gắt mặc dầu đã xảy ra một cuộc xung-đột như trên đã nói. Về phần Lapierre đã vượt ra ngoài huấn lệnh của Pháp-đình, y sợ tội nên đã nhờ Giám-mục Forcade bào chữa với vua Lu-y Philippe và các đại-thần nên chỉ bị khiển-trách và thất-súng mà thôi.

Tháng 10 năm ấy (Đinh-vị) người Anh muốn lợi-dụng cuộc bất hòa giữa ta và Pháp đã phái John Davis, Toàn-quyền Hương-cảng đưa 2 tàu binh đến cửa Hàn đệ một bức thư của Nữ-hoàng Victoria xin vào lập thương-điểm ở đây và ký một Hiệp-ước thương-mại và Liên-minh chống mọi mưu-mô xâm lược của Pháp. Triều-đình Huế từ chối khéo-lẻo và không chịu cho John Davis đến yết kiến nhà vua. Cũng năm ấy Thiệu-trị qua đời vào ngày 4-11-1847, thọ 40 tuổi, sau khi chiến-sự xảy ra được vài tháng.

Đám tang của Thiệu-Trị.— Ngay sau khi được tin nhà vua băng, người ta liền kiểm các thầy pháp, các tăng già xem lịch chọn ngày giờ sửa soạn việc tống-tàng. Khi ngày giờ đã đến, người ta xếp trong quan-tài của nhà vua những đồ quý vật với ý-kiến để nhà vua đủ có thứ dùng bên kia thế-giới : mũ miện, khăn áo, đồ vàng ngọc v.v... Việc khám-liệm xong, quan tài được chuyển đến một cái nhà dựng lên giữa một khu đất rộng được lựa làm nơi hành-lễ.

Hàng ngày quan lại của Bộ-Lễ cho giết trâu, bò, gà lợn để cúng trên chiếc bàn kê gần nơi để quan-tài. Hoàng-tử Hồng-Nhậm mặc tang phục đến khấn vái tại đây mỗi bữa. Đèn nến thấp sáng khắp nơi. Người ta dâng trà nước và thuốc (lào) lên bàn-thờ và tất cả mọi thứ mà tiền-đế quen dùng khi còn sống.

Quan-tài quản ở đây cho tới ngày 21 tháng 5 (21-6-1848) rồi mới nhỉnh lẳng Hòm đó linh-cữu chuyển đến một ngôi nhà xây lên tại một chỗ gần cổng thành không cách xa sông Hương bao nhiêu. Linh-cữu ngừng lại suốt từ sáng đến tối, vẫn có việc giết trâu bò làm đồ tam sinh dâng cúng. Đêm bắt đầu xuống, binh-sĩ mới khiêng linh-cữu đi Hoàng-tử cử bộ sau linh-cữu mặc áo xô gai tay và vạt dài lưng-thụng, đầu đội chiếc khăn tròn bện bằng rơm. Hoàng-tử chống chiếc gậy tre và đi sau có nhiều hoàng-tử khác và các công-chúa cùng hoàng-tộc, mọi người cũng mặc quần áo trắng và quần khăn trắng cả.

Đám tang xuống đến bờ sông thì linh-cữu được đặt vào một chiếc thuyền đẹp lộng-lẫy, chỉ riêng linh-cữu được đặt ở đây, còn mọi người đều sang các thuyền khác đã tập-trung ở phía sau rất đông. Trên đường đi có giải chiếu hoa rất đẹp. Những làng ở cạnh sông được lệnh dựng hương án ở trên bờ, các ký-mục ra đốt hương thấp nến và làm lễ. Thuyền chở linh-cữu qua đầu thì ở bên bờ các ký-mục phải sụp lạy và cử ai (khóc). Tại đây binh-sĩ cũng đứng thành hàng để nghênh đón đám tang. Đi dẫn đầu là chiếc thuyền của các tăng già có bàn thờ. Các sư đứng trên bục gỗ gỗ mõ tụng kinh cầu cho linh-hồn của nhà vua được phiêu-diêu miền cực-lạc. Người ta có dựng cây phướn bằng lụa trước thuyền, theo sự tin-tưởng của người Việt-Nam linh-hồn của người

chết quanh quần ở chốn này. Tiếp theo thuyền của các tăng già, một cái thuyền khác cũng có bàn thờ trên bày cỗ cúng, có cơm canh, bánh trái đủ thứ. Trên chiếc thuyền thứ tư lại hơn cả có đặt một sàn gỗ rộng trên có linh trướng cấp gương giáo, họ nhảy múa vùng-vẫy như có ý xua đuổi ma quỷ. Mặt mũi họ bôi đen, đồ trắng vàng, tím v.v.. trông rất là hung-tợn. Y-phục của họ cũng sắc-sỡ kinh-khủng Tóc của họ bôi màu đỏ lửa. Họ hò hét, cười khóc quay cuồng, gương giáo vùng loạn xạ Sau đội quân tiền phong là thuyền cữu của nhà vua, kéo theo nhiều sủng và thuyền của tân quân Các thuyền khác đi sau cũng đốt đuốc và cũng có nhiều binh sĩ mang vũ khí.

Đám tang đi mất ba ngày mới tới huyết theo đường sông chỉ cách kinh thành có mười lăm cây số ngàn. Mất nhiều thì giờ như vậy là bởi người ta cố ý cho đi rất chậm. Huyết là một khu ở bên trong núi cũng gần sông. Lối tới huyết lát gỗ và giải chiếu hoa. Đứng giờ do quan Khâm-thiên-giám chỉ-định, linh-cữu được đặt vào trong lẫm. Chỉ có một số rất nhỏ người được vào đây vì trong linh-cữu có để các vàng ngọc châu báu và cũng cần giữ bí-mật nữa. Rồi bao nhiêu các thứ thường dùng của tiên-đế như đồ nhạc-khí, tàn quạt, giường chiếu, bàn ghế, thuyền bè đưa đám, các bực gỗ, một con voi bằng bìa xếp cao thành đống. Tân quân tự mình châm lửa đốt, sau khi mọi vật cháy hết thành đám tro tàn, vua cùng các quan và các tông thất ra về, chỉ còn các phi tần ở lại với một ít binh-sĩ coi lẫm. (1)

XIN LƯU Ý.— Việt-sử tân biên quyển IV đến đây là hết. Theo bố-cục của chúng tôi quyển IV phải ngừng sau chương nói về Thiệu-Trị vì kể từ đời Tự-Đức là *Việt-Nam kháng Pháp sử* thuộc quyển V sẽ ấn-hành vào năm tới. Vậy xin nói đề các bạn rõ.

PHẠM-VĂN-SƠN

(1) Bài này trích trong tập *Đỏ thành hiệu* cò năm 1916,

PHỤ - LỤC

SAIGON VÀ GIA-ĐÌNH TRƯỚC ĐÂY TRÊN MỘT THẾ-KỶ

MỘT thương gia Anh, Finalayson, đã có những nhận xét sau đây nhân cuộc viếng thăm Saigon của ông cách đây hơn một thế-kỷ :

« Tuy không còn là kinh-đô nữa (Gia-long thống-nhất Nam-Bắc xong thiên đô vào Phú-Xuân) nhưng thành phố này vẫn làm cho du khách phải ngạc-nhiên. Chúng tôi không ngờ ở miền xa-xôi này lại có một thị-tứ to và rộng như vậy. Thành-phố ở bên trái sông Saigon (đi từ biển vào). Khi chúng tôi xuống bến, chúng tôi đi hàng mấy hải-lý mà chưa hết nhà cửa. Nhà đều làm sát nhau và theo hàng rất đều. Đường sá rất rộng. Có rất nhiều lạch, hai bên bờ đều là nhà cửa, thuyền bè đi lại như mắc cửi. Cách đặt phố-xá ở đây còn phong quang thứ tự hơn nhiều kinh-đô Âu-Châu.

« Thành-phố Saigon là trung-tâm thương-mại của xứ giàu có này. Một vài người Trung-Hoa, ở nước họ sang đây buôn bán rất lớn, nhưng người «Cochinchinois» nghèo cho nên không sao buôn bán lớn-lao như người Trung-Hoa được. Nhưng cửa hiệu ở Saigon có đủ mặt hàng : đồ sứ Tonquin (Bắc-Việt), quạt, thuốc, pháo, hương, giấy... tóm lại rất nhiều hàng-hóa Trung-Hoa.

« Dân cư rất đông đúc.

« Sự phát-triển của thành-phố này và của một thành-phố bên cạnh (Chợlớn) đã tiến một bước khá mạnh với chính sự

thanh-liêm nhưng cực kỳ nghiêm-khắc của ông Khâm-sai Tả-Quân Lê văn-Duyệt.



‘**Đ**ẤT Gia-định rộng lớn phì-nhiều, sản-xuất đủ mọi sản-phẩm, dân-cư phong-phú không bao giờ lâm vào cảnh thiếu ăn, thiếu mặc. Người Gia-định quen ăn tiêu phung-phí, và ở đây ta thấy rất ít người giàu có vì lẽ không ai chịu dành dụm để làm giàu cả ».

« Nhân-dân hầu hết khinh rẻ tiền của, nhưng rất mộ công-lý. Đàn bà thì yếu-diệu và phần nhiều có nhan sắc. Từ Bắc chí Nam, họ có tiếng là đẹp hơn cả. Họ phần nhiều thọ hơn đàn ông. Những người đã cao tuổi thường vẫn trắng-kiện, chứ không cần cỗi khô-khan ».

« Khi cõi Gia-định mới thuộc triều-đình nước Nam thì nhân-dân miền này gồm có những người Annam miền Trung di-cư vào, người Trung-Hoa, người Mã-Lai thường gọi là Chà-Và. Phong-tục mỗi giống đều khác nhau, người Annam thì theo phong-tục Giao-Chỉ.

« Học-trò và thường dân, đàn ông cũng như đàn bà đều tóc xõa xuống vai, mặc áo cánh ngắn, không có sê ở hai bên, cài khuy ở giữa ». « Ở xứ này người ta không biết đến quần, đàn ông thì dùng một miếng vải quấn ngang lưng và vắt qua hông (khố). Đàn bà thì dùng một miếng vải quấn quanh sườn (váy). Nhà cửa đều thấp và nhỏ. Nhưng từ năm 1680 (đời Lê Hi-Tôn) trở đi, người ta ăn mặc theo kiểu nhà Minh. Các quan văn võ đều ăn mặc theo kiểu Minh-triều. Nhà cửa, đồ dùng thường-nhật đều giống đời Minh, và những phong-tục miền Bắc đều gác bỏ ».

« Người Gia-định rất là thuần hậu với khách lạ. Khi có người lạ tới nhà, chủ nhà bao giờ cũng mời ăn trà, uống trà, và sau cùng dùng cơm. Mà bữa cơm đãi khách bao giờ cũng thịnh-soạn, bất luận là khách thân hay sơ, hay chỉ là một người lạ mặt. Miễn là khách lạ đến chơi nhà là chủ-nhân ân-cần tiếp-đãi. Vì thế cho nên một người viễn-phương tới đây rất ít khi phải lo ăn. Tuy nhiên phong-tục

thuần-hậu này có một điểm không hay. Bọn vô-lại, bất-lương, vô-gia-cư hầu được nhiều người ủng-hộ, khuyến-khích, thành ra chúng càng ngày càng làm nhiều tệ-những.

Các nhà nho ở Gia-định có tiếng là hay chữ. Họ ưa dùng và thường dùng sách vở, quần áo đồ vật ở Trung-quốc đưa sang, và họ chỉ học văn-chương xứ đó.

Hồi xưa chỉ các quan và các nhà giàu mới đi giày. Ngày nay khác hẳn. Phong-tục Tàu càng ngày càng ảnh-hưởng nhiều tới xứ này, cả đến bọn gia-nhân sai bảo trong nhà cũng đi giày.

Xứ này có rất nhiều sông, lạch. Vì thế cho nên trong mười người thì có chín người biết bơi lội. Thủy-quân Gia-định có tiếng là thiện chiến.

Nhà ở Gia-định phần lớn là lợp ngói. Ở bến Sài-Côn tàu, thuyền thương-mại ra vào, tấp-nập. Không một thương cảng nào trong nước có thể so-sánh nổi với Gia-định. Dân Gia-định vì thế rất thạo nghề buôn bán.

Trái hẳn với dân tỉnh Gia-định, người miền Vĩnh-thanh (Vĩnh-Long và An-Giang) có tính cần-kiệm. Họ cần-cù làm ăn; cấy lúa và trồng hoa quả. Nhân dân miền này phong-tục cực-kỷ thuần-hậu. Ai ai cũng có ruộng có vườn. « Không ai là nghèo đến thiếu ăn thiếu mặc ».

Và đây là lời ca-tụng cuộc sinh-hoạt của nhân-dân nông-nghiệp và thuần-phong mỹ-tục miền Nam của Phan thanh-Giản khi trọng nhậm Nam-Kỳ dưới thời Tự-Đức, những lời này xét ra không phải là ngoa-ngôn, mỹ-tự vậy.

« Trời Nam vận mở lâu dài:

Ra bình - trị đến năm ngoài ba trăm

Đời an trên dưới ca ngăm

Sĩ say đạo vị, nông ham cấy bừa »

LỜI TÁC GIẢ : Bài viết về Saigon, như đã nói, do người Anh đến thăm nước ta viết chỉ có những nhận xét rõ rệt về bên ngoài của đô-thị này. Còn về tình-trạng sinh-hoạt của dân-chúng, bài nói về Gia-định thuộc Trịnh hoài-Đức một đại-thần đối Gia-long sinh trưởng ở xứ Đồng-Nai phản-ảnh được đầy đủ bộ mặt thật và những nếp sinh-hoạt, những phong-tục của đồng-bào miền Nam ta từ Gia-định qua lục tỉnh thuở ấy. Đoạn văn này trích trong Văn-hóa Việt-Nam với Đông-Nam-Á của Đ. Nguyễn-dăng-Thực.

Bàn về lịch-sử của Gia-định và Saigon, nơi có rất nhiều dấu vết của lịch-sử, nơi thành chiến-trường từ 300 năm nay, giữa Việt-Nam và các lân-quốc, ông Thái văn-Kiểm đã đưa ra một vài khía cạnh rất nên thơ trong bài khảo-luận dưới đây :

Ngày nào không xa, tôi nhớ đã có lần ngồi một mình trên bờ sông vắng lạnh, tôi lặng nhìn những áng mây chiều trôi giữa lòng sông sâu, như tìm về cố-quận...

Và từ xa đưa lại giọng hát hoài-hương của một cô gái dò duyên dáng :

**NHÀ BÈ NƯỚC CHẢY CHIA HAI
AI VỀ GIA-ĐỊNH ĐỒNG-NAI THÌ VỀ !**

Bấy giờ tôi mới nhận thức rằng tôi đang ở ngã ba sông Đồng-Nai — Gia-Định, một con sông trầm lặng nhưng chứa đựng một sức mạnh phi-thường, khác nào người dân Việt với tinh-thần bất khuất của họ..

Thoảng nghe giọng hát cô lái đò mà tôi nhớ tới ngày nào đáp tiếng gọi thiêng-liêng của đất nước, chúng tôi bẻ bông, gồng gánh ra đi trong sương sớm để cùng nhau kéo về miền Đồng-Nai, Gia-Định.

Ngày nay, tôi đã bỏ tất cả đề về đây lập lại cuộc đời mới và tôi tin rằng nơi đây là đất lành chờ đón hết thảy những ai muốn tìm những chân trời mới lạ.

Việc đầu tiên tôi đã làm khi vừa đặt chân đến nơi đây, là tìm hiểu lai lịch xứ này và do đó tôi mới biết rằng hồi thế kỷ thứ 17, người Việt đã bắt đầu vào buôn bán ở bờ sông Đồng-Nai, nghĩa là cảnh đồng có nhiều nai, về sau chỉ chung là xứ Đồng-Nai, tức là Nam-Bộ vậy. Lúc bấy giờ cũng có một số người đi dinh-diễn ở Mô-Xoài gần Bà-Rịa.

Tôi cũng biết thêm rằng năm 1658, chúa Nguyễn chiếm Biên-Hòa (tức Đồng-phố), năm 1674 chiếm Saigon, năm 1698 chiếm miền Đông Nam-bộ và lập doanh Trấn-Biên (Biên-hòa) và phủ Gia-Định (Saigon). Lần lần, người Việt xuống đến sông Cửu-Long và Saigon trở nên thủ-phủ của trấn Gia-Định, tỉnh lỵ của tỉnh Phan-Trấn và huyện Tân-Bình. Năm 1773, thành này được xây thêm rộng-rãi và kiên-cố, chu-vi được 15 lý.

Trong thời-kỳ Tây-Sơn và Nguyễn-Ánh xung-đột nhau, thành này bị Tây-Sơn chiếm 4 lần và sau cùng Nguyễn-Ánh chiếm lại được vào 1788. Bây giờ, thành được xây theo kiến-trúc Tây-phương trong hai năm 1790-1791 và phải dùng đến 3 vạn dân công.

Từ năm 1808, Saigon vẫn là thủ-phủ miền Gia-Định, vừa là tỉnh-lỵ của tỉnh Phan-trần, Phủ Bình-Dương và huyện Bình-Trị, cho đến năm 1859, là khi người Pháp can-thiệp vào nội-trị của nước ta.

Khi người Việt mới đến nơi này, họ gọi thành phố hành-chính ở phía trên cao (chỗ nhà thờ, nhà thương Đồn-Đất) là Đồng-Nai, Phan-An hoặc Phan-Yên, Gia-định; còn thành-phố ở phía thấp, thành-phố thương-mãi, có ghe thuyền đi lại là Bến-nghe và Bến-thành.

Bến-nghe là cái bến mà người Cao-Miên trước kia gọi là Kompong Krabey (Kompong: bến, Krabey: Tràu). Bến-nghe (Arroyo chinois) một chi-nhánh của sông Sài-gòn. Sông này gặp sông Đồng-Nai ở tại Nhà-Bè. Còn Bến-thành là cái bến nằm ở địa-điểm Chợ Cũ bây giờ trước kia có cái lạch đi đến hào Phan-An mà nay lấp đi thành Đại-lộ Nguyễn-Huệ.

Trong số những danh-từ bi-hiềm đề chỉ các thị-trấn miền Nam, tôi đã nhiều lần thắc-mắc về hai chữ Sài-gòn.

Sài-gòn, hai chữ ấy có nghĩa là « *Củ-gòn* » một danh từ đã được thông-dụng trong thư từ các giáo-sĩ Tây-phương đến đây hồi thế-kỷ thứ XVIII.

Sài là củi như chúng ta thấy trong câu :

CỦA SÀI VỪA NGỎ THEN HOA (Kim Vân-Kiều)

hoặc trong câu :

CANH SÀI-MÔN HÉ NỬA, ĐI SẼ NGHIÊNG VAI

(Nguyễn-Hằng)

Đi sâu vào vấn-đề, chúng ta có thể tìm ra ba giả-thuyết về nguồn-gốc của hai chữ Sài-gòn.

1) Nguồn gốc Cao-Miên: Chữ Sài-gòn phiên-dịch ở chữ Preikor có nghĩa là rừng gòn (Prei: rừng, Kor: gòn).

2) Nguồn-gốc Trung-hoa : Sài-gòn do hai chữ *Đê-Ngạn* mà người Quảng-Đông đọc là Tai-Ngon hay *Thầy-gón Đê-Ngạn* có nghĩa là bờ đê, danh-từ mà người Trung-hoa từ năm 1778 đã gán cho thành-phố Chợ-lớn. Có lẽ người Tây-phương đã tiếp xúc trước tiên với người Tàu trong việc thương-mãi nên họ đã phiên-âm *Tai-Ngon* ra *Sài-gón* chăng?

3) Sài-gòn do hai chữ *Tây-Cống* có nghĩa là cống-hiến cho Tây-phương, để ám-chỉ việc nước ta cống-hiến xứ này cho Tây-phương chăng?

Lại cũng có một số danh-từ bí-hiềm khác mà chúng ta sẽ lần-lượt « phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông », như :

Thị-Nghê là tên của bà Nguyễn-thị-Canh, con của Vân-Trường-Hầu, và là vợ của một ông Nghê làm việc ở Dinh Tổng-Trấn. Muốn chồng mình đi làm việc khỏi phải chèo đò sang sông, bà ta mới xuất tiền làm cái cầu gỗ; dân-sự cũng nhờ đó mà qua lại dễ-dàng nên về sau họ mới gọi là cầu Bà-nghê, Thị-nghê, để nhớ ơn một bậc nữ lưu đáng quý trọng.

Cái cầu này làm cho chúng tôi nhớ đến một cái cầu khác ở miền Trung gọi là « Cầu Ngói Thanh-toàn » thuộc huyện Phú-Vang, cũng do một bậc nữ lưu xây cất :

AI VỀ CẦU-NGÓI THANH-TOÀN CHỜ EM ĐI VỚI MỘT ĐOÀN CHO VUI.

Cũng trên con sông Thị-Nghê, chúng ta có thể đi ngang qua Cầu Bông hay cầu Xóm Bông để về Gia-Định ; còn muốn về Phú-Nhuận thì phải đi qua Cầu Kiệu hay là cầu Xóm Kiệu. Hai vùng này ngày trước trồng rất nhiều bông hoa và hành kiệu.

Còn có một cái cầu nữa là Cầu Ông Lãnh do một vị Lãnh binh đời Tả-Quân Lê văn-Duyệt làm ra để qua lại con sông Bến-Nghê. Người ta kể lại ông Lãnh-binh này có đến năm người vợ mà ông đã khéo léo giao cho mỗi người khai thác một chợ lấy tên là : BÀ-CHIỀU, BÀ-ĐIỂM, BÀ-HOM, BÀ-QUEO, BÀ-RIJA, theo phương-pháp kinh-tế tự-túc mà ngày xưa các cụ thường hay áp-dụng.

Nói về những địa-danh bí-hiềm thì còn nhiều lắm. Chúng tôi tưởng chỉ nên nhắc qua rằng : sở BA-SON lấy ở chữ « Bassin de Radoub ». LANG-THO lấy ở chữ Tân-Thuận,

vườn Bò-Rô lấy ở chữ « Bureau » phát lương cho lao-công làm vườn Ông Thượng, tức là vườn của Thượng-Duyệt, cũng như hai chữ ĐA-KAO do chữ Đất-Hộ, NHÀ-BÊ do chữ « Ngã-Ba » mà người Tây-phương đọc sai đó thôi.

Đi xa Saigon, chúng ta lại gặp nhiều địa-danh ngộ-nghĩnh như THỦ-DẦU-MỘT đề nhớ cây dầu cao-su lớn đứng một mình ở đầu tỉnh, Ô-Cấp là do chữ « au Cap » (đi về Cấp) mà ra vậy.

Lại còn có những địa-danh gốc-tích Mã-Lai hoặc Cao-Miên như là : Mỹ-Tho do chữ Me Sa (bà trắng), SA-ĐẾC do chữ Phsar Dec (chợ sắt), TRÀ-VINH do chữ Pratiupeang (hồ của Phật Thánh), SÓC-TRĂNG do chữ Srok Troang (xứ lá kè), BÃI-XÀU do chữ Bay Chau (cơm nấu chưa chín), BẮC-LIỆU do chữ Po Loenh (cây da cao), CÀ-MAU do chữ Tuk Khmau (nước đen), Phú-Quốc do chữ Koh Trai (hòn đảo cái thoi), KẾ-SÁCH do chữ Khsach (cát), VAICO do chữ Vam - Cỏ BASSAC do chữ Bathat, THỐT-NỐT do chữ Thnot (cây dừa đường, *borassus flabelliformis*), MĂNG-GỰT do chữ Mongkut, và XOAI-RIÊNG hay chữ Sầu-Riêng, do một chữ Mã-Lai đề chỉ thứ trái gốc ở xứ ấy.

Nói đến Nam-bộ tất nhiên phải nói hai thứ trái đặc-biệt ấy hay thứ trái tiêu-biểu cho đức tính của người Nam-bộ. Về nó sù-sì nhưng lòng nó chứa đựng trần cam ngũ-vị. Thân hình nó gai góc, nhưng chín từ trên thân cây cao nó chỉ rụng xuống trong đêm trường cauh vắng, để tránh mọi tai nạn cho người say mê vì nó, âu cũng là để chứng minh « cái hậu của Trời Đất ».

Cái hậu của Trời Đất như quy tụ rất nhiều ở xứ Đồng-Nai, Gia-Định.

Xứ này, với khí hậu hiền hòa, với dân tình chất phác, với ruộng đất phì-nhiều, với sông dài biển rộng, quả là một « ĐỊA LINH NHÂN KIỆT » mà Trời dành cho con Hồng cháu Lạc.

Đồng-Nai, Gia-định là nơi hun-đúc khí phách hiền-ngang của người trai nước Việt.

Đồng-Nai Gia-định là cái bàn đạp để hết thảy chúng ta hoàn-thành sứ-mạng nối liền Cửu-Long với Hồng-là và thu gọn giang-sơn về một mối.

Đồng-Nai Gia-Định là Ngã Ba quốc-tế, nơi hẹn-hò của những tao-nhân, mặc-khách, những kẻ tài ba lỗi-lạc từ bốn phương về đây xây dựng một cuộc đời tươi đẹp, trong cái cảnh « THÁI BÌNH NỀN GẮNG SỨC, NON NƯỚC ẤY NGHỈN THU ».

Viết đến đây, tôi tưởng chừng như vọng lên tiếng hát của cô lái đò từ phương xa đưa lại :

AI VỀ GIA-ĐỊNH ĐỒNG-NAI THÌ VỀ.

Tiếp theo bài của Ô. Thái văn-Kiểm, chúng tôi thấy trong Tập san của hội nghiên cứu về Đông-Dương (*Bulletin de la Société des études indochinoises*) ông L. Malleret, nguyên Giám-đốc trường Bác-cổ Viễn-đông có đưa ra một số tài-liệu đáng chú ý về địa-danh của sông nước, thị thành miền Nam. Bạn đọc coi cả bài này sẽ có sự hiểu biết đầy đủ hơn.

Gabriel Aubaret do nhiệm-vụ Thanh-Tra Á-châu vụ của nước Pháp trước đây tại Saigon đã giải-thích các địa-danh miền Nam như sau :

1) *Giadịnh*.— Cách đây một thế-kỷ, Gia-định không phải chỉ là tên một địa-hạt hành-chính trong các địa-hạt hành-chánh lớn nhất ở miền Nam trước khi người Pháp tới, mà có khi chỉ định toàn thể vùng đất ta đã gọi là Nam-hà hay Đàng trong (Cochinchine). Gia-định còn được dùng làm tên một cái thành lớn xây vào 1790 (Gia-định thành) dưới đời Gia-long. Tác-giả *Gia-định thông* chỉ nói : Năm Mậu-dần thứ 8 (1698) đời Lê Hiến-Tông, triều-định Việt-Nam có cử một đại tướng đem quân tới đóng ở đây để kiểm-soát xứ Chân-lập với danh-nghĩa một toàn quyền đại thần Ta thiết-lập phủ *Gia-định* trên đất *Nông-Nại* nhưng đặt các cơ-quan quân-dân-chính ở đất *Đồng-Nai* nhiều hơn cả, Gia-định là phủ và Đồng-Nai là huyện (huyện Phước-Long). Sau ta dời nơi này ra *Dinh* gọi là *Trần-biên-dinh* tức *Biên-hóa* vào địa phận làng *Phước-Lũ* bấy giờ. Theo Trịnh hoài-Đức cả *Gia-định* và *Đồng-Nai* cũng thường được dùng để chỉ-dịnh vùng đất gọi là *Lộc-dã* (Pháp dịch : Plaine des cerfs).

2) *Phước-Long*.— Vì có tên huyện là *Phước-Long* mà con sông chảy quanh đây được gọi là *Phước-long-giang*. Tên cũ

của nó là sông *Đồng-Nai*. Chữ *Dinh* chỉ địa-hạt hành-chính. Chữ *Tán-Bình* dùng làm tên quận *Tán-Bình* ngày nay (trên đường Phú-nhuận bây giờ) cũng được dùng cho một con sông nhỏ trước đây gọi là *Tán-bình giang* hay *Bến Nghé* tức là sông Saigon vì đây thuộc thành-phố Saigon.

Do các điều trình bày trên đây ta được rõ vào năm 1698, người Việt đã đến Chân-lạp tổ-chức việc chiếm-hữu đầu tiên ở các vùng đất này và đã đặt các cơ-quan hành-chính ở đầu trên giang-sơn của giống Khmer. Trụ-sở hành-chính thứ nhất của ta là *Phan-trần-dinh* (hay *Phiên-trần-dinh* cũng thế) thuở ấy gồm có một *Huyện* và bốn *Tổng*, đóng tại làng *Tán-lan* thuộc tổng *Bình-Trị*, huyện *Bình-Dương*. Theo Aubaret tới 1863 nhiều địa-danh hành-chính trên đây đã bị xóa bỏ. Ta có thể hiểu là người Pháp lúc này đã chiếm được *Lục tỉnh* muốn dân-chúng quên các tên địa-hạt hành-chính mà triều-đình Việt-Nam đã đặt xưa kia. Họ phục-hồi lại tên cũ của người Thổ (Chân-lạp) như Thủ-dầu-Một, Sadec, Sóc-trăng, Rạch-giá v.v..., đó là một cách chia rẽ người Thổ với người Việt, làm vang bóng của người Việt chìm dần đi và người bản xứ chỉ biết có Pháp là chủ họ mà thôi.

3) *Bình-trị*. — *Bình-trị* là tên của 3 tổng thuộc tỉnh Gia-định ngày nay cũng là tên của *Rạch Thị-Nghê* hay *Bà Nghê* mà Pháp ghi trong bản-đồ là *Arroyo de l'Avalanche* chạy ngang qua huyện *Bình-Dương*. Trịnh hoài-Đức chép rằng : « Ngày 12 tháng 4, cuối mùa Xuân năm 1807 tức là năm Gia-long thứ 7 *Gia-định* trấn được đổi là *Gia-định thành*. Thành này gồm hai phủ huyện Tân-Bình và *Bình-Dương*. Và xin nhắc chữ *Trấn* trước đây có nghĩa là *Tỉnh* đến Minh-Mạng, triều-đình đổi ra *Tỉnh* để gọi các địa-hạt hành-chính lớn nhất. *Tỉnh Gia-định* dưới đời Minh-Mạng còn được gọi là *Phan-An* (*Phiên-An*) và vì đây có thành xây năm 1790 nên có tên thành *Phiên-An* Sau này Lê văn-Khôi dùng làm nơi cố-thủ chống nhau với quân của Minh-Mạng (từ 18 tháng 5 năm *Quý-Tị* — 1833 đến tháng 7 năm *Ất-Tị* — 1835) Xin nhắc thành này xây vào 1790 do Olivier de Puymanuel nhưg đến đời Minh-Mạng vì nhiều quăng bị đổ nát nên phải sửa lại. Năm 1830 thành được sửa xong thì ba năm sau xảy ra vụ Lê văn-Khôi. Người tu bổ thành là Tả-quân Lê văn-Duyệt. *Việt-Nam sử-lược* chép : « Thành *Phan-An* là thành của ông Lê văn-Duyệt xây xong năm Minh-Mạng thứ 11 (1830)», điều này không đúng, chúng tôi xin đính-chính.

Theo như trên về mặt quân sự, Saigon được bố-phòng chung quanh do các sông Saigon, Kinh Tàu-hủ, Rạch Thị-Nghê là những cái hào thiên-nhiên.

4) Sông *Đồng-Nai* có tên là *Phước-long-giang* sau khi bắt nguồn ở Sa-Tam (Triam) và trước khi tới Ngã ba sông Nhà-bè (Phù-gia tam-giang-khẩu) được gọi là Cam-thủy. Tại đây sông *Đồng-Nai* gặp một chi-nhánh của sông *Đạm-thủy* tức sông Saigon, tức *Bến-Nghé* hay *Tân-bình-giang*.

5) Rạch *Thị-Nghê* mà Pháp gọi là *Arroyo de l'Avalanche* phải hiểu như sau : *Arroyo* là tiếng Bồ-đào-Nha được dùng tại Nam-hà trong khi có cuộc viễn-chinh năm 1859 của Pháp. *L'Avalanche* là tên một pháo-thuyền của hạm-đội do Thủy-sư Đô-đốc Rigault de Genouilly chỉ-huy. Chữ *Thị - Nghê* là tên một thiếu - phụ con gái tướng Trần - cửu - Vân dưới đời Tộ - quốc công Nguyễn - phúc - Chu (1691 - 1725). Nhưng tục danh của thiếu - phụ là Nguyễn thị - Khánh, sau xuất giá được gọi *Bà Nghê* (vì chồng bà đổ *Ông Nghê*). Bà này có làm một cái cầu qua Rạch để chồng hằng ngày sang thành làm việc rồi dân gọi là cầu Bà Ngườ, sau đó dân cũng gọi luôn Rạch này là *Rạch Bà Nghê*.

6) *Saigon*, theo Aubaret là một cái tên trước đây đặt cho khu người Tàu ở tức là khu Chợ-lớn ngày nay. Nhà bác-học Trương-vĩnh-Kỷ kê-cửu trong *Gia-dịnh thông-chí* cho rằng Sài-gòn có nghĩa là *Củi* (sài) *Gòn* (bông gòn), Verdeille một người Pháp ở miền Nam lâu năm lại hiểu là *Tây Cống* (tribut de l'Ouest) bởi nơi này là nơi vua Chân-lạp nộp cống-phẩm cho vua Việt-Nam. (Năm 1674, Đế-nhi quốc-vương Nặc-Non bấy giờ đóng ở *Saigon*. Cả hai vua (đệ nhất và đệ nhị quốc-vương) đều phải nộp-cống cho vua Việt-Nam và đệ nhất quốc-vương Chân-lạp thuở ấy đóng đô ở Oudong).

Thành-phố Saigon ngày nay xưa kia, có lẽ là *Bến-Nghê* theo tên con sông *Tân-bình*. Trong sách của Trịnh hoài-Đức là *Nghu-tân* đã phân-biệt hai khu *Sàigòn* và *Bến-Nghê*. Năm 1819 nhà hàng-hải Huê-kỳ John White tả thị-trấn như sau : « Xưa kia Saigon về phía Tây thì hẹp lại nếu so với bây giờ. Đó là Saigon cũ gồm nhiều dấu vết cổ-kinh và kiến-trúc của thành-phố này rất là đẹp. Nhiều đường phố lát gạch, bến sông thì lát đá hay gạch suốt cả ngàn thước chạy dài. Thành và hải-quân binh-sở, trừ vài cái nhà của thợ

thuyền đã choán hết khu phía Đông. Nhưng sau cuộc nội-tranh với nhà Tây-Son thì dân-chúng kéo đến an-cư lạc-nghiep ở đây rất đông đảo. Họ ở kín cả bên này cũng như bên kia sông.

Năm 1822 Finlayson nhà du-hành Anh có bài viết trên đây cũng ghi nhận rằng: « Tại Nam-hà có hai thị-trấn mà mỗi thị-trấn rộng bằng thủ-đô nước Tiêm-la. Thị-trấn mới nhất gọi là *Bến-Nghé* ; còn thị-trấn kia thì cách khoảng hai cây số gọi là Saigon ». Vậy Chợ-lớn ngày nay tức là Saigon cũ và theo địa-danh của Chân-lạp, Chợ-lớn là Prey-Nokor thủ-đô cũ của vương-quốc Khmer. Và Bến-Nghé có từ ngày người Việt đến chiếm đóng vào 1698 tại Nam-hà.

Hết

MỤC LỤC

Sưu của tác giả

7-9

PHẦN THỨ NHẤT Quốc văn đời Tây-sơn

CHƯƠNG I

Các bài chiếu gửi cho La-sơn phu-tử	
Các thẻ văn nôm của ta dưới đời Tây-sơn	
Văn-tế vua Quang-trung	
Bài <i>Ai-tư văn</i> của Công-chúa Ngọc-hân	11-31
Chấn chỉnh Phật-giao và kiểm tra dân số	31-32
Phụ-lục : các bài văn-tế Vũ Hoàng-hậu của các bà con, quyến thuộc nhà Lê và của vua Cảnh-thịnh.	
Bài hiệu-triệu quân dân thành Qui-nhon	33-44

CHƯƠNG II

Những tủ nhục của một ông vua vong-quốc	45-53
---	-------

CHƯƠNG III

Ngọc-hân công-chúa, một nghi-vấn lịch-sử	53-61
--	-------

CHƯƠNG IV

Thái-độ sĩ-phu đời Lê-mạt	62-70
---------------------------	-------

CHƯƠNG V

Con người Nguyễn-Huệ	71-78
----------------------	-------

CHƯƠNG VI

Nguyễn-Thiếp, một nho-giả hữu-danh đời Tây-sơn	78-88
Phụ-lục : Linh Tam-phủ đảo-chính.	
Phủ chúa Trịnh ở Thăng-long.	

Việc cũ trong phủ chúa Trịnh	89 - 93
Danh sách các vua chúa thời Nam-Bắc triều	
và Trịnh-Nguyễn phân tranh Tân-Nguyễn thế-phủ	
Cựu-Nguyễn thế-phủ	94-101

PHẦN THỨ HAI

CHƯƠNG I

Đạo Thiên-chúa từ Tây-phương qua Việt-nam

Thân-thế và triết-lý của chúa Gia-tô	103-112
Việc giảng đạo Thiên-chúa ở Đông-Nam-Á	113-118

CHƯƠNG II

Giáo hội Việt-Nam trước thế-kỷ XVI	118-120
— Việc đạo dưới triều Lê Anh-tông (1556-1573)	120-122
— Việc truyền giáo ở khu nhà Mạc	122-123
— Việc truyền giáo ở Nam-Việt	123-124
— Những trang huyết sử của	
 Công-giáo ở Việt-nam	124-136
— Cuộc bang-giao giữa Việt-nam và Vatican	136-138

CHƯƠNG III

Cuộc tiếp xúc giữa Âu-châu và Á-châu	140
Người Tây-phương qua Việt-nam	140-156

PHẦN THỨ BA

Cuộc chiến đấu cuối cùng giữa Tây-sơn và họ Nguyễn

CHƯƠNG I

Chiến cuộc giữa Tây-sơn và Nguyễn-Ánh	157-165
Cuộc vận động viện trợ cho chúa Nguyễn	165-170

CHƯƠNG II

Giám-mục Bá-đa-Lộc và Thế-tử Cảnh	
 trước Pháp-đình	
 Chung quanh vấn-đề viện-trợ	172-174
Hiệp-ước Versailles (1787) thành hình	174-178

CHƯƠNG III

Hiệp-ước Versailles yêu vong	179-186
-------------------------------------	----------------

CHƯƠNG IV

Người Âu-châu đến giúp chúa Nguyễn	187-191
Nguyễn-Ánh sửa soạn chiến tranh	191-195

CHƯƠNG V

Nguyễn-vương rời Tiêm-la về Gia-định	196-201
Thị-nại bị tấn-công lần thứ nhất	204-204
Thị-nại bị tấn-công lần thứ hai	205-207
Nội-bộ Tây-sơn chia rẽ	207-213
Nguyễn-vương đánh Qui-nhơn lần thứ ba	213-215
Nguyễn-vương đánh Qui-nhơn lần thứ tư	215-217
Đám tang của Bá-đa-Lộc	217-219

CHƯƠNG VI

Cuộc thất bại cuối cùng của Tây-sơn	220-225
Tây-sơn phản công tại Bình-định	
Nguyễn-vương đánh Phú-xuân	225-228
Võ-Tánh và Ngô tòng-Chu tử tiết	228-230
Bi-kịch thành Qui-nhơn	230-233
Văn-tế Võ-tính và Ngô tòng-Chu	233-234
Tây-sơn mất vận ở Trấn-ninh	235-237
Nguyễn-vương lên ngôi (31-5 Nhâm-tuất)	237-239
Một vài ý-kiến về nhà Tây-sơn	239-243
Nguyễn-Ánh trả thù vua quan nhà Tây-sơn	243-249

PHẦN THỨ TƯ

Nhà Nguyễn (1802-1845)

Gia-long xưng đế hiệu	250-254
Các địa hạt hành chính	254-256
Tổ-chức quân đội	256-259
Việc tài chính	259-261
Thuế sản-vật và thuế quan	261-262
Việc thay đổi tiền tệ	262-263
Việc sửa đổi luật-pháp	263-264
Các hoạt-động công-chánh	264-265
Việc học hành và thi cử	265-269
Việc tu-bồ sử sách	269-270
Kim-Vân-Kiều	271-277
Việc ngoại-giao của Gia-long	
(với các nước Trung-quốc, Cao-mên, Tiêm-la, Ai-lao và Tây-phương)	277-290

Những vụ án công-thần dưới đời Gia-long	291-293
(án Nguyễn văn-Thành và Đặng trần-Thường)	293-296
Hàn vương tôn phú của họ Đặng	297-300
Nhận xét về Gia-long	300-314
Một giai-thoại về Ngô thời-Nhậm	314-320
Văn-tế trận vong tướng sĩ của Nguyễn văn-Thành	

CHƯƠNG II

Triều Minh - Mạng

Một vài nét về Minh-Mạng	321-323
Các việc chấn chỉnh nội-bộ	323-324
Quan chế đời Minh-Mạng	324-330
Việc học hành và thi cử	330-335
Việc soạn sách dưới đời Minh-Mạng	335-337
Đình, điền và thuế má	337-338
Các cơ-quan tư-pháp	338-340
Việc binh-chế đời Minh-Mạng	340-343
Những vụ loạn từ Bắc vào Nam	
(Vụ Phan ba-Vành, Lê duy-Lương,	
Nông văn-Vân và Lê văn-Khôi)	343-362
Thừa-sai Marchand bị xử bá đao	362-365
Cuộc xung đột với Tiêm-la	365-368
Việc Ai-lao và Chân-lạp	368-372
Việc ngoại-giao của Minh-Mạng với Tây-phương	372-379
Cuộc ngoại-giao giữa Mỹ và Việt-nam	376-380
Công-giáo bị đồ máu	380-387
Án Lê văn-Duyệt và Lê-Chất	387-400

CHƯƠNG III

Triều Thiệu - Trị

Tình-hình tổng-quát của Việt-nam	400-412
Pháp uy-hiếp Việt-nam lần thứ nhất	402-406
Đám tang của Thiệu-Trị	406-407
Phụ-lục : Saigon và Gia-định	
trước đây một thế-kỷ	409-417
Mục-lục	417-420
Sách tham-khảo	420-426
Đính-chính	

SÁCH BẢO THAM - KHẢO

Một số sách báo dưới đây không được tham-khảo trực-liếp, nhưng cũng xin kể-khai để độc-giả tiện-dụng.

VIỆT-NGŨ

BÁCH-khoa

Bánh xe khứ-quốc

Dụ-Am ngâm-tập

Dụ-Am Văn-tập

Đại-Học

Đại-Nam liệt truyện sơ-tập

Đại-Nam thực lục chính biên

Đất Việt trời Nam

Đông-Á trên trường chính-trị
quốc-tế

Hậu các Anh-hoa

Hoàng-Lê Nhất-thống chí

Khâm-định Việt-sử thông-giám
cương-mục

La-sơn Phu-tử

Lịch-sử đạo Thiên-chúa ở Việt-nam

Lịch-triều hiến-chương loại-chí

Nho-giáo

Phồ-thông bản nguyệt-san

Quốc-triều-sử toát-yếu

Quốc-văn đời Tây-sơn

Trung-hoa sử-cương

Trung-quốc sử-lược

Tap-chi (1957-1960)

Phan trần-Chức

Phan huy-Ích

“

Tap-chi (1959-1960)

Quốc-sử quán

Nguyễn-triều

Thái văn-Kiểm

Lê văn-Sáu

Ngô thời-Nhậm

Ngô thời-Chi

} *Quốc-sử quán*

} *Nguyễn-triều*

Hoàng xuân-Mãn

L.M. Nguyễn-Hồng

Phan huy-Chú

Trần trọng-Kim

Tap-chi (1951-1952)

Cao xuân-Dục

Hoàng thúc-Trảm

Đào duy-Anh

Phan-Khoang

Văn-hóa Á-châu
 Văn-hóa Nguyệt-san
 Văn-học Việt-Nam
 Việt-Nam giáo-sử
 Việt-Nam lịch-sử giáo-trình
 Việt-Nam sử-lược
 Việt-Nam văn-học sử-yếu

Tạp-chi (1958-1960)
Tạp-chi (1957-1960)
P ạm văn-Diêu
L.M. Phan phật-Huân
Đào duy-Anh
Trần trọng-Kim
Dương quảng-Hàm

PHÁP-NGŨ

ABRÉGÉ de l'histoire
 d'Annam

A. Schreiner

Bulletin de la Commission
 Archéologique de l'Indochine
 Bulletin de l'Ecole française
 d'Extrême Orient

Bulletin des Amis du Vieux Hué
 Bulletin des Études Indochinoi-
 ses (1904)

Connaissances du Việt Nam
 Crise de conscience Européenne
 Documents historiques relatifs à la
 Cochinchine et au Cambodge

P. Huard

P. Hazard

Etudes d'histoire d'Annam
 Gia-Long

A. d'Epinay

B.E.F E.O

M Gaultier

Histoire ancienne et moderne
 de l'Annam

A. Launay

Histoire de la Cochinchine —
 des origines à 1883

P. Cultru

Histoire de la Mission de
 Cochinchine

A. Launay

Histoire de l'Eglise (Ed.
Flammarion)

P. Lesourd

Histoire de l'expédition de la
 Cochinchine

G. Aubaret

Histoire des missionnaires en
 Cochinchine

A. Launay

Histoire générale des civilisations (I)

A. Aymard

Jeannine Auboyer

C.B. Maybon

Histoire moderne du pays d'Annam

Histoire militaire de l'Indochine —
 de 1664 à nos jours

P. Cultru

La Cochinchine religieuse
 La geste française en Indochine
 La Mission du Tonkin
 L'Annam, pays du rêve et de poésie
 La religion en Cochinchine
 (Bulletin des Missions de
 Paris — 1931)
 Le Catholicisme en Indochine

*L.E. Louvet
 G. Taboulet
 A. Launay
 Trần văn Tùng*

Les débuts du Christianisme en
 Annam
 Les Missions Catholiques
 Les missions en Indochine (1933)

*P. Lesourd
 (Monde
 Missionnaire)*

Les institutions Annamites
 Les origines du clergé
 Vietnamien
 Mémoire sur la Cochinchine

*Bonifacy
 L. Cadière
 Sém. des Missions
 étrangères de Paris
 A. Schreiner*

Mémorial de la Société des
 Missions Etrangères
 Minh-Mạng
 Mission de la Cochinchine et
 du Tonkin

*Nguyễn-hữu-Trọng
 Arch. du Sém. des
 Me. vol. 729*

Notes et souvenirs au Tonkin
 1873-81-86
 Relation nouvelle et curieuse
 des Royaumes
 du Tonkin et du Laos
 Revue libérale (Décembre 1883)
 Voyages et Missions

*A. Launay
 M. Gaullier*

*Missionnaires de
 la Sté de Jésus*

R. Bonnal

P.G. Filippo Marini

A. de Rhodes

ANH-NGŨ

THE smaller Dragon

Bullinger

Bảng đính - chính

★ Trước khi dùng sách, xin độc-giả coi qua
những lỗi tn sai dưới đây :

TRANG	DÒNG	CHỮ IN SAI	XIN SỬA LÀ :
3	1	Tây-Sơn mặt điệp	Tây-Sơn mặt diệp
9	2	...và sự cáo chung...	.. và đồng thời sự cáo chung
11	19	biết đâu chẳng thành	.. biết đâu chẳng thành-công?
13	15	...Cha con Thái-sư..	.. Cha con Thái-sư
13	23	...một tòa hành	.. một tòa thành
18	32	...lần chót ra Bắc-hà đẹp yên giấc Thanh	.. lần thứ hai ra Bắc- hà giết Vũ văn-Nhậm
20	1, 13	...biển ngẫu...	biển ngẫu...
24	23	Bóng mây thoát đã...	Bóng mây thoát đã...
24	24	Cuộc tụ án	Cuộc tụ tán
24	28	Trăng trọc suốt đêm hâu ngày ối,	Trần trọc suốt đêm thâu ngày tối ,
27	35	Mong theo, lằm lổỉ, mong về, tuổi duyên	Mong theo, lằm lổỉ, mong về tủi duyên
29	34	Mùa thu..	Mùa thu :
30	23	deo	gieo
15	34	từ lần đời	từ lâu đời
17	6	Tác giả Quốc văn đòi Tây-Sơn trong Sơn- tùng Hoàng thúc trâm...	Tác-giả Quốc-văn đời Tây-Sơn, Sơn-tùng Hoàng thúc Trâm...
25	33	ắt hẳn bỏ lòng	ắt hẳn bỏ lòng
26	9	Còn trứng nước	Con trứng nước
29	22	chia yên rẽ thuy	chia yên rẽ thúy

TRANG	DÒNG	CHỮ IN SAI	XIN SỬA LÀ :
47	30	nếu làm nên việc	nếu không làm nên việc
48	17	Vua Kiêu-long	Vua Kiền-long
48	22	quân-cơ đại nhân (Hòa-Tân)	quân-cơ đại thần Hòa-Khôn
48	23	được như Bao-Tự	Bao-Tự
51	5	nếu không tin tưởng lắm	nên không tin tưởng nhiều nữa
51	16	Hoàng-ích-Hiền	Hoàng-ích-Hiền
65	26	chăn nuôi dân	Chảo nuôi dân
74	25	không tài	không sai
78	1	phản đông	phản động
	9	không ty-kỳ	không ly-kỳ
85	1	ngũ kinh chủ sử	ngũ kinh chủ sử
88	21	nhưng đã ra quá...	nhưng ông đã quá...
91	34	Les portes du Louvre n'en défendent pas nos rois	La garde du Louvre n'en défend pas nos rois
105	29	có không phải là chỉ	không phải là chỉ...
107	19	sinh ra mong xác thịt	sinh ra có xác thịt
114	14	Đã trải một cuộc hành- trình	Đã trải một hành trình
116	15	Christophe Colombe,	Christophe Colomb,
121	23	mang tên thánh là Maria	mang tên thánh là Maria.
123	3	Mạc (Mậu-Hợp	Mạc Mậu-Hợp
124	22	kề trên	kề trên
124	35	Thệ phần-giáo	Thệ-phần giáo
125	19,20	triển khai	phát-triển
125	27	phao-dồn vì	phao đồn rằng vì
125	34	gián đoạn, Áo môn	gián đoạn, Áo môn
126	21	cho tới 1625	cho tới năm 1625
126	36	miền Nau	miền Nam
129	5	giáo-sĩ sử-dụng	giáo-sĩ xử-dụng
129	7	ra tiếng này	ra chữ này
129	33	15-7-1748	15-7-1738
130	21	1773 và	1773,
131	19	cho mình, giáo-sĩ	cho mình giáo-sĩ
132	8	miền Bắc chia cho	chia miền Bắc cho
132	36	Nhưng rời chỗ này	Nhưng rời chỗ này
140	31	rời trước nhất	rời, trước nhất
141	2	lời các giáo-sĩ Borri	lời giáo-sĩ Borri

TRANG	DÒNG	CHỮ IN SAI	XIN SỬA LÀ :
141	17	họ đã đi thường	họ thường
145	14,15	hàng hóa đã tịch thu được ở một số tàu...	hàng hóa tịch thu của một số tàu...
145	31	không riêng làm đau khò cho người Anh	không gây đau khò riêng cho người Anh
147	35	hòa ước Ba-lê ký vào năm 1763	hòa-ước Ba-lê (1763)...
148	22	(lập ra một hội buôn)	lập ra một hội buôn
149	3	La lotte Lambert	La Motte Lambert
149	15	rằng đặt việc	rằng việc đặt
150	3	thất bại phân nửa	thất bại lần nửa
150	33	Louis XIV nhưng một số	Louis XIV một số
154	8	thương cực	thương-cực
155	5	và do thuyền	bằng thuyền
155	7	Bàn về nguyên nhân	Nguyên-nhân
155	33	do đó việc người lai Bồ	do đó có việc người lai Bồ
158	19	linh-mục Paul Nghi	linh-mục Paul Nghi
159	30	Chakkri lên nối tiếp theo tới ngày nay..	Chakkri lên ngôi và con cháu ông nối tiếp làm vua Tiêm cho tới ngày nay
160	32	tiến vào một ngôi chùa	tiến vào một ngôi chùa
161	6	Manuel (Man-hoèl)	Manuel (Mạn-hồ)
163	38	sử cách của triều Nguyễn	Sử sách của triều Nguyễn
168	4	người Việt iếm tàu đi Pondichéry	người Việt kiếm tàu đi Pondichéry
169	35	về Tạng-phụ	về Tam -phụ
171	26	Lomeuie	nư hư Loménie
172	8	Nam-hà bảy giờ	Nam-hà bảy giờ
175	7	Poulo-Condor	Poulo- Condore
177	18	Rồi ngày 28-11-1789 năm đại-diện của Pháp- hoàng và của họ Nguyễn	Rồi ngày 28-11-1787, đại-diện của Pháp- hoàng và của họ Nguyễn
182	8	viên đại úy này không được gặp	.. chưa được gặp
185	2	việc quất quân	việc xuất quân
	14	bị giặc đã phá	bị giặc đá phá
186	29	có câu tham-tiểu	có câu than -tiểu
189	31	Ngoài đám chí-nguyên quân ngành thủy lực lại	ngoài Jean Marie Dayot như trên đã nói thuộc

TRANG	DÒNG	CHỮ IN SAI	XIN SỬA LÀ:
		có hai sĩ-quan ngạch hải-quân là Jean Marie Dayot gốc gác ở Redon thuộc miền Bretagne và Magnon de Médine	ngành hải-quân thuộc địa của Pháp gốc gác ở Redon thuộc miền Bretagne, còn Magnon de Médine
190	1	Vannier là hạm trưởng	Vannier là hạm-trưởng
191	14	với mục đích dùng Sai-Côn...	với mục-dịch dùng Sài-côn...
193	1	Tham chạy xuống vùng sông Bassac rồi phải ra hàng	(Sử Pháp và Việt không đồng ý ở điểm này, nên không rõ Tham ra hàng hay bị bắt, tác-giả vì vậy không dám quyết-đoán).
193	14	Chúa liên cử Trịnh-hoài-Đức	Chúa liên cử bọn Trịnh hoài-Đức
	25	cấp cho trâu bể, cây bừa	... trâu bò , cây bừa
196	28	Olivier de Puynamel	Olivier de Puymanel
197	17	ra ấn công Qui nhơn	ra tấn công Qui-nhơn
203	7	về đại bác tuy có số	... tuy có một số
	8	còn bộ binh một thì không được dùng	còn bộ binh thì không được dùng
206	6	tiếc thay là lại	tiếc thay lại là...
207	3	vượt hải đảo	vượt hải đạo
208	11	thì trách cá gì	thì trách gì
210	32	năm 2785	năm 1785
215	20	mong tả quân ra hỗ trợ	... ra hỗ-trợ
226	18	một họa sĩ Pháp dựng nên	... dựng lên
226	33	tiến vào thành của Ông khiến quân bên ngoài ra trong đồn	tiến sát vào cửa Đông bên ngoài và trong đồn
228	12	Võ Tánh và Ngô tông Chu tử tiết	Võ-Tánh và Ngô-tông-Chu lâm nguy .
231	25	chủ tướng bàn với Tánh	chư tướng bàn với Tánh
233	36	tăm trung cau	tăm trung can
243	38	các công thời thần nguyên	các công thần thời Nguyễn
372	36	và cả hai đều phục-vụ mục-dịch đế-quốc thực-dân	vì cả hai đều rất cần thiết cho Đế-quốc thực-dân